NGÔ GIA VĂN PHÁI

HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

vh
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY
62 Nguyễn Chí Thanh
Tel & Fax: (04) 7733041
Email: sach32bt@hn.vnn.vn
Website: www.nhasachdongtay.com.vn

NGÔ GIA VĂN PHÁI

HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

NGUYỄN ĐỨC VÂN - KIỀU THU HOẠCH *dịch, chú thích*
TRẦN NGHĨA *giới thiệu*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

GIỚI THIỆU VĂN BẢN

Hoàng Lê nhất thống chí nguyên tên là *An Nam nhất thống chí*, gồm tất cả 17 hồi. Theo Ngô Giáp Đậu thì phần đầu sách do Học Tốn viết: phần tiếp theo do Trưng Phủ viết (xem *Hoàng Việt long hưng chí tự*).

Học Tốn là tên chữ của Ngô Thì Chí (1753- 1788), hiệu Uyên Mật, người Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, nay là thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Tp Hà Nội. Ông là con trai thứ hai của Ngô Thì Sĩ, làm quan đến chức Thiêm thư bình chương sự. Ngô Thì Chí là tác giả 7 hồi đầu của *Hoàng Lê nhất thống chí*.

Trưng Phủ là tên chữ của Ngô Thì Du (1772- 1840), hiệu Văn Bác, cháu gọi Ngô Thì Sĩ bằng bác ruột, làm Đốc học Hải Dương. Ông là tác giả 7 hồi tiếp theo (từ hồi 8 đến 14). Mấy hồi cuối (từ hồi 15 đến hồi 17 tương truyền do Ngô Thì Thuyến (có người đọc là Thiến) viết.

Hiện có 12 dị bản *Hoàng Lê nhất thống chí* đều ở dạng viết tay: 6 bản của Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, mang các ký hiệu A. 22/1- 2 (tiêu đề *Hoàng Lê nhất thống chí*. Học Tốn Công trứ, Trưng Phủ Công tục); A. 883 (in ảnh trên giấy tây, tiêu đề *Lê quý ngoại sử*. Sơn Nam Thanh Oai huyện Tả Thanh Oai Thiêm thư Ngô Thì Thuyến soạn, Long phi Kỷ Hợi niên (1899) hạ lục nguyệt thập ngũ nhật. Hàn lâm viện Thị độc sung Bắc kỳ Thống sứ phủ thực thụ đệ ngũ hạng Lục sự Nguyễn Hữu Thường phụng lục); Vhv. 1542/1- 2 (tiêu đề *An Nam nhất thống chí*, bản này cùng loại với văn bản do Nguyễn Hữu Thường chép); Vhv. 1296 (tiêu đề *Hoàng*

Lê nhất thống chí); Vhv. 1534/1- 2 (tiêu đề *Hoàng Lê nhất thống chí*, có dấu ấn của Hoàng Xuân Hãn); Vhv. 1534/B (tiêu đề *Hoàng Lê nhất thống chí*. Chỉ có 8 hồi đầu, hồi thứ 8 đang chép dở), 1 bản của Thư viện Quốc gia Hà Nội (tiêu đề *An Nam nhất thống chí*, chỉ có 7 hồi đầu); 4 bản của Thư viện Hiệp hội Châu Á Paris, mang các ký hiệu HM. 2224 (7) (tiêu đề *An Nam nhất thống chí*, chép từ sách *Ngô gia văn phái*. Tập 7. Quyển 19-20, phần Học Tốn Công di thảo); HM. 2134 (tiêu đề *Hoàng Lê nhất thống chí*, Học Tốn Công trứ, Trưng Phủ Công tục: bản này chép từ bản A. 22 của Viện Nghiên cứu Hán Nôm); Ms. b.21 (tiêu đề *Hoàng Lê nhất thống chí*, Gia Long tam niên Giáp Tý (1804) quý đông sóc, Lê Cảnh Hưng Quý Mùi khoa Tiến sĩ Tả Thanh Oai nhân Ngô Thì Nhậm biên tập (tiêu đề *An Nam nhất thống chí*, Thiêm thư bình chương Học Tốn Công di thảo; đây là sách của Fonds Demiéville).

Sách đã được dịch và xuất bản nhiều lần. Theo trình tự thời gian có: bản dịch của Cát Thành xuất bản năm 1912; bản dịch của Ngô Tất Tố xuất bản năm 1942, tái bản năm 1958; bản dịch của Nguyễn Đăng Tấn - Nguyễn Công Liên xuất bản năm 1950 dưới tiêu đề *Hậu Lê thống chí*; bản dịch của Nguyễn Đức Vân - Kiều Thu Hoạch xuất bản năm 1964, tái bản vào các năm 1970, 1984

Bản dịch sau đây là của Nguyễn Đức Vân - Kiều Thu Hoạch, đã được Nxb. Văn học in lần thứ tư có sửa chữa.

TRẦN NGHĨA

HỒI THỨ NHẤT

Đặng Tuyên phi được yêu dấu, đứng đầu hậu cung
Vương Thế tử bị truất ngôi, ra ở nhà kín

Triều Lê Trang Tông Dụ Hoàng đế[1] trung hưng cơ nghiệp ở sông Tất Mã[2]. Bấy giờ Thế Tổ Minh Khang Thái Vương Trịnh Kiểm làm phụ chính, giúp vua dẹp yên được đảng họ Mạc và trở lại Kinh đô cũ. Rồi từ đó, họ Trịnh đời đời kế tiếp tước Vương, nắm giữ hết quyền bính trong tay, hoàng gia mỗi ngày một suy yếu dần.

Truyền đến đời Hiển Tông Vĩnh Hoàng đế, niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1786), thì Thánh Tổ Thịnh Vương[3] chuyên quyền cậy thế, làm oai làm phúc; vua Lê chỉ còn biết chắp tay rủ áo mà thôi.

Thịnh Vương là người cứng rắn, thông minh, quyết đoán sáng suốt, trí tuệ hơn người, có đủ tài về văn lẫn võ, đã xem khắp kinh sử, biết làm văn thơ. Sau khi Thịnh Vương lên ngôi chúa, từ kỷ cương trong triều đến chính trị trong nước, hết thảy đều được sửa đổi. Bao nhiêu tướng giặc, đảng nghịch, đều lần lượt bị dẹp tan. Chúa có cái chí muốn làm bá chủ, nào

(1) Tức Lê Trang Tông, tên là Duy Ninh (1533-1548). Các chú thích từ đây trở đi đều của người dịch.

(2) Tức sông Mã ở Thanh Hoá.

(3) Tức Trịnh Sâm, mới lên ngôi chúa.

diệt giặc Trấn Ninh, nào phá bọn Công Chất[1], quân nhà chúa đã đến, không chỗ nào là không thắng. Lúc đó bốn phương yên ổn, kho đụn đầy đủ, chúa dần dần sinh bụng kiêu căng, xa xỉ, phi tần thị nữ kén vào rất nhiều, mặc ý vui chơi thoả thích.

Một hôm, tiệp dư[2] Trần Thị Vinh sai nữ tỳ Đặng Thị Huệ bưng một khay hoa đến trước nơi chúa ngồi. Ả họ Đặng này, quê ở làng Phù Đổng, mắt phượng mày ngài, vẻ người mười phần xinh đẹp. Chúa nom thấy rất bằng lòng, bèn tư thông với ả.

Từ đó, Thị Huệ càng ngày càng được nhà chúa yêu quý, ả nói gì chúa cũng nghe và hễ có việc gì là chúa cũng bàn với ả. Rồi ả được ở chung một nơi với chúa, y như cặp vợ chồng nhà thường dân. Xe kiệu, quần áo của ả cũng được sắm sửa hệt như đồ dùng của chúa.

Thị Huệ từ lúc được nhà chúa chiều chuộng, hơi có vẻ lộng hành. Hễ có chuyện gì không vừa ý, là ả xây xẩm mặt mày, rồi kêu khóc thảm thiết để làm rối lòng chúa.

Chúa có một viên ngọc dạ quang lấy được trong khi đánh dẹp phương Nam, vẫn thường xâu ở trên đầu khăn làm đồ trang sức. Một hôm Thị Huệ lấy tay mân mê viên ngọc. Chúa nói:

- Nhè nhẹ tay chứ, đừng làm ngọc sây sát!

Thị Huệ bèn ném viên ngọc xuống đất mà khóc rằng:

- Làm gì cái hạt ngọc này! Chẳng qua vào QuảngNam

---

(1) Đây là hai cuộc khởi nghĩa nông dân lớn ở thế kỷ 18. Cuộc khởi nghĩa của Lê Duy Mật ở vùng Thanh Nghệ, lấy Trấn Ninh làm căn cứ, kéo dài 32 năm (1738-x1770). Cuộc khởi nghĩa của Hoàng Công Chất ở vùng Sơn Nam và Tây Bắc, kéo dài 30 năm (1739- 1769).

(2) Một cấp bực của vợ vua, dưới bậc phi.

kiếm giả chúa hạt khác là cùng. Sao chúa nỡ trọng của khinh người như vậy?

Rồi ả tự ý bỏ ra ở cung khác, từ chối không gặp chúa nữa. Chúa phải dùng nhiều cách dỗ dành cho ả vui lòng, lúc ấy ả mới chịu làm lành với chúa.

Kịp đến khi Thị Huệ có mang, chúa liền sai người đi lễ khắp trăm thần để cầu xin con thánh. Đến kỳ ả sinh được một trai, vào năm Đinh Dậu, niên hiệu Cảnh Hưng 38 (1777). Chúa hết sức yêu mến đứa bé, lúc đầy trăm ngày, chúa lấy tên của mình lúc nhỏ là Cán mà đặt cho nó, để tỏ ra nó cũng giống mình.

Khoa thi Hương năm ấy, chúa lấy hai câu: "Sơn xuyên anh dục, hà hải tú chung"[1], để làm đề thi. Các quan văn võ đưa đón ý chúa, cũng có nhiều kẻ lấy chữ: "Tinh huy hải nhuận"[2] làm câu chúc mừng.

Lúc Vương tử Cán đầy tuổi tôi, cốt cách tướng mạo khôi ngô, đẫy đà khác hẳn người thường. Đến khi biết nói, Vương tử Cán đối đáp gãy gọn, cử chỉ không khác gì người lớn. Mỗi khi các quan văn võ vào thăm, vương tử tiếp đón với dáng điệu nghiêm chỉnh. Có người cách hàng năm mới gặp, vương tử cũng nhớ rất rõ họ, tên kể lại chuyện cũ vanh vách. Chúa sai quan từ hàn làm bài tụng 16 chữ, để viên a bảo[3] dạy truyền miệng cho vương tử. Vương tử chỉ nghe qua một lượt là đọc thuộc liền. Thấy vậy chúa càng quý Vương tử Cán bội phần. Cũng do đó, Thị Huệ mới ngầm có ý muốn cướp ngôi Thế tử.

---

(1) Nghĩa là " Khí thiêng (của sông núi tụ lại sự tốt đẹp của hồ biển đúc nên", ý muốn chỉ về Trịnh Cán.

(2) Nghĩa là: "Sao sáng, biển hoà" tức điềm sinh thánh.

(3) A bảo là viên quan trông nom việc nuôi nấng, dạy dỗ con cái của vua chúa.

Lại nói, lúc ấy chúa đã có Thế tử là Trịnh Tông[1] do Thái phi họ Dương đẻ ra, Thái phi tên là Ngọc Hoan, người ở làng Long Phúc, huyện Thạch Hà. Chị nàng là cung tần của Ân Vương (cha Thịnh Vương, tức Trịnh Doanh), sinh ra Thuỵ Quận công, được Ân Vương hết sức yêu quý. Nhờ chị, Thái phi được kén vào làm cung tần của Thịnh Vương. Nhưng từ sau khi vào cung, nàng vẫn ngày đêm sống cô quạnh. Bỗng một đêm, nàng nằm mơ thấy vị thần đem cho tấm đoạn có vẽ đầu rồng. Nàng không hiểu đó là điềm gì, đem hỏi viên quan hầu là Khê Trung hầu. Khê Trung hầu biết chắc là điềm sinh thánh.

Hôm sau, chúa cho vời cung tần Ngọc Khoan vào hầu Khê Trung hầu có ý giả làm nghe lầm, đưa ngay Thái phi Ngọc Hoan đến. Thấy nàng, chúa có vẻ không thích, nhưng đã trót gọi đến, không nỡ đuổi ra. Sau đó chúa đòi Khê Trung hầu vào trách mắng. Khê Trung hầu cúi đầu tạ tội, đoạn thuật rõ đầu đuôi chuyện Thái phi nằm mơ cho chúa nghe. Chúa cũng im lặng không nói sao cả.

Thái phi trải qua một trận mưa móc, liền có thai ngay. Đến kỳ, nàng sinh ra một trai, năm Quý Mùi, Cảnh Hưng 24 (1763).

Chúa tự nghĩ đầu rồng tuy có khí tượng làm vua, nhưng là đầu rồng vẽ không phải rồng thật, mà chỉ có đầu không có đuôi, như vậy chưa hẳn đã là điềm tốt cả. Vả lại ở triều trước, Trịnh Cối, Trịnh Lệ[2] cũng do người Long Phúc đẻ ra và đều mưu sự phản nghịch mà không thành.

Do đó, chúa có ý không vui. Các quan văn võ vào chúc

(1) Sau đổi là Trịnh Khải.

(2) Trịnh Cối là con Trịnh Kiểm, Trịnh Lệ là con Trịnh Doanh. Hai người này đều mưu đồ giành ngôi chúa, nhưng đều thất bại.

mừng, chúa lấy cớ rằng đứa con ấy không phải là vợ cả đẻ ra, từ chối không nhận lời mừng.

Khi Thế tử Tông đã lớn, dung mạo rất khôi ngô mà chúa cũng chẳng yêu chiều gì mấy.

Tính Thế tử ham võ nghệ, không thích học hành. Năm lên bảy tuổi, Chúa sai Nguyễn Khản[1] Tiến sĩ khoa Canh Thìn (1760), làm Tả tư giảng, và Trần Thản, Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1769), làm Hữu tư giảng để rèn tập cho Thế tử. Nhưng chẳng bao lâu, Thản chết. Còn Khản thì đang được chúa tin dùng, phải quán xuyến mọi công việc trong ngoài, nên cũng không mấy khi đến được chốn "màn giảng", chỉ có năm sáu viên tuỳ giảng bảo ban việc học cho Thế tử theo như nếp cũ mà thôi. Chuyện đó chúa cũng biết phần nào, nên lại càng không bằng lòng.

Theo lệ cũ, người con trai nối ngôi chúa hễ đến mười hai tuổi thì phải ra ở Đông cung. Bấy giờ các quan cũng có tâu trình việc ấy; song chúa không cho, bắt Thế tử phải đến ở tại nhà riêng của quan a bảo là Hân Quận công (Nguyễn Đĩnh). Như vậy, ngôi Đông cung vẫn bỏ trống như có ý chờ đợi người khác.

Đến năm Thế tử mười lăm tuổi, thì con nhỏ là Vương tử Cán ra đời, chúa hết sức yêu dấu đứa con nhỏ đó. Ba năm sau, Thế tử đúng mười tám tuổi. Theo lệ cũ, Thế tử đáng được mở phủ riêng; nhưng bấy giờ các quan chẳng ai dám tâu bày, mà chúa cũng không hề nhắc tới việc ấy.

Như thế là người nối ngôi vẫn chưa định, nên lòng người rất phân vân. Hễ ai thuộc về Thế tử Tông thì hùa theo Thế tử

---

(1) Nguyễn Khản là con Nguyễn Nghiễm: người huyện Nghi Xuân: Hà Tĩnh. Có sách chép là Nguyễn Lệ.

Tông, ai thuộc đảng Thị Huệ thì vào phe Vương tử Cán. Trong phủ chúa dần dần sinh ra bè nọ cánh kia.

Thị Huệ cho rằng Thế tử Tông đã khôn lớn, lông cánh đã đủ; mà con mình hãy còn trứng nước, nên càng mưu mô để gây thêm thế lực.

Khi ấy Huy Quận công Hoàng Tố Lý[1] đang có danh vọng lớn, thường dựa vào sự giúp đỡ của Thị Huệ; mà Thị Huệ thường cũng lấy Quận Huy làm chỗ nhờ cậy bên ngoài.

Quận Huy người làng Phụng Công, là cháu Bình Nam thượng tướng quân Việp Quận công Hoàng Ngũ Phúc, vẻ người thanh dật là tay văn võ toàn tài. Khoa thi Hương năm Ất Dậu (1765), Huy đi thi được trúng cách, đến khoa thi võ năm Bính Tuất (1766) Huy lại đỗ luôn Tạo sĩ. Hồi ấy Ân vương còn đang trọng dụng Quận Việp, mới gả con gái thứ cho Quận Huy.

Uy quyền Quận Việp mỗi ngày một lớn. Có người ngờ sẽ xảy ra diều gì bất trắc, hoặc cũng có kẻ bảo Quận Việp sắp lấy thiên hạ để truyền cho Quận Huy. Căn cứ vào lời sấm hồi ấy có câu: "Nhất thỉ trục quần dương". (Một con lợn đuổi đàn dê): có kẻ tán rằng: *Thỉ* tức là Quận Huy, bởi vì Quận Huy tuổi hợi (thuộc lợn), mà *dương* đây chỉ vào chúa và Thế tử. Vì cả hai đều thuộc tuổi mùi (thuộc dê). Rồi những kẻ hiếu sự lại còn đặt ra câu sấm: "thảo nhất điền bát " (Cỏ một, ruộng tám) để chỉ vào chữ Hoàng[2]. Có kẻ lại nói: "Thổ sất vân gian nguyệt, hoàng hoa ánh nhật hương". (Mảnh đất sánh trăng trong mây; hoa cúc ánh dương mặt trời). *Thổ, sất, nguyệt* là chữ *tế*[3]. *Hoàng, hoa, nhật* là chữ *Việp*[4] chỉ Quận

(1) Nguyên trước là Hoàng Đăng Bảo.

(2) *Thảo nhất điền bát* chắp lại thành chữ *Hoàng*, chỉ Hoàng Ngũ Phúc.

(3) Chữ tế nghĩa là con rể, chỉ quận Huy.

(4) Chữ Việp gồm chữ hoa và chữ nhất, còn chữ Hoàng là họ Hoàng.

Việp. Thêm nữa, tên cũ của Quận Huy là Đăng Bảo[1] người ta cũng lấy đó để dị nghị. Vì vậy Quận Việp muốn tránh sự hiềm nghi ấy mới bảo Quận Huy đổi tên Đăng Bảo ra Tố Lý.

Sau Quận Việp lấy cớ mắc bệnh đau mắt để xin từ chức, chuyện ấy chẳng nhắc làm gì nữa.

Lại nói: năm Giáp Ngọ (1774), Quận Việp phụng mệnh kéo quân vào đánh trong Nam, có đem Quận Huy đi theo. Quận Huy vốn đã học được phép dùng binh gia truyền của Quận Việp, nên được các tướng tá rất sợ phục. Huy lại khéo cắt đặt nhân tài, nên các tay hào kiệt đều vui lòng chịu sai khiến. Huy có công luôn luôn phá được quân địch, tiếng tăm mỗi ngày một lẫy lừng. Khi dẹp yên được xứ Thuận Hoá thì Quận Việp qua đời. Chúa bèn giao luôn cho Quận Huy quản lĩnh số quân của Quận Việp và cho làm Trấn thủ Nghệ An.

Đóng ở trấn Nghệ An, Huy ra sức tiêu diệt trộm cướp, cấm đổi tiền[2], trấn áp cường hào, ngăn chặn việc kiện cáo, làm cho trong hạt rất thịnh vượng. Huy lại thu dụng những kẻ anh tài, đặt ra nhiều chức liêu thuộc. Dưới trướng ông ta có những tên như Tả, Hữu tham quân chẳng hạn. Thế là thiên hạ lại ồn ào lên, đồn rằng Quận Huy sắp sửa làm phản.

Chúa nghe tiếng, ngày ngày cùng viên triều thần tin cẩn là Nguyễn Khản và quan Thế tử a bảo Hân Quận công Nguyễn Đĩnh bàn cách giết Huy. Trong lúc bàn bạc, ba người vẫn dùng tiếng lóng "Chữ thập" để chỉ Quận Huy. Vì *chữ thập* cũng na ná chữ *Nghệ*[3] là trấn Nghệ An, nơi Quận Huy đóng quân.

---

(1) Có nghĩa là: lên ngôi báu.

(2) Đổi tiền đẹp để tích trữ, làm cho tiền khan hiếm.

(3) Chữ thập xoay chéo thành chữ Nghệ viết tắt.

Họ thường đuổi mọi người đi để bí mật bàn bạc, chỉ có Thị Huệ là biết được.

Công chúa vợ Quận Huy, ngày đêm ra vào trong phủ luồn lọt Thị Huệ. Thị Huệ mới đem việc kín nói cho công chúa nghe. Quận Huy trong dạ không yên, dâng thư xin về triều. Chúa cho phép ngay.

Huy nghĩ rằng Thị Huệ tuy được chúa yêu, nhưng con trai của Thị Huệ còn nhỏ, trong khi đó Thế tử đã lớn rồi, hùa theo Thị Huệ e không phải là kế lâu bền. Vì vậy, sau khi đã vào hầu chúa. Huy liền lấy châu báu đút cho những kẻ chân tay của Thế tử, để xin nương tựa vào Thế tử. Rồi Huy lại đem một trăm lạng vàng và mười tấm đoạn Nam Kinh làm lễ yết kiến, để xin vào ra mắt Thế tử. Nhưng Thế tử không nhận đồ lễ, cũng không cho vào gặp, nói riêng với bọn hầu cận rằng:

- Thằng giặc ấy sao không ở trấn làm phản, mà lại vội về triều? Rồi đây ta sẽ tịch thu hết cả gia sản nhà nó cần gì đồ lễ của nó bây giờ?

Quận Huy biết Thế tử không dung mình, bèn quyết ý hùa theo Thị Huệ và âm thầm có chí phế lập.

Huy đem dâng ngôi nhà cũ của Quận Việp cho Vương tử Cán làm dinh thự. Từ đó, Huy thành ra người riêng của Thị Huệ. Mà trước mặt chúa, Thị Huệ cũng hết sức bao che cho Huy. Do đó, Quận Huy được vào Chính phủ[1] mở dinh quân Trung nhuệ, coi việc trong phủ, đồng thời kiêm lĩnh chức Trấn thủ trấn Sơn Nam[2].

Quận Huy và Thị Huệ, trong ngoài liên kết với nhau, thế lực nghiêng cả thiên hạ. Các viên quan võ như chức Cai cơ,

(1) Phủ của chúa Trịnh để phân biệt với triều đình của vua Lê.

(2) Địa bàn của Sơn Nam thời Lê gồm: Hà Đông, Hà Nam, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình.

Trấn thủ, đều do cửa của họ mà ra. Lúc ấy, duy chỉ có Hồng Lĩnh hầu Nguyễn Khản, Trấn thủ Sơn Tây, hiện đang làm Tả tư giảng cho Thế tử, và Tuân Sinh hầu Nguyễn Khắc Tuân, Trấn thủ Kinh Bắc tức con nuôi của Hân Quận công, hiện đang làm a bảo cho Thế tử, là còn dám có ý kia khác với Quận Huy mà thôi. Như vậy là cái thế bè đảng đã thành rồi.

Lại nói, từ khi Vương tử Cán sinh ra, Thế tử Tông có ý rất bực tức, chỉ sợ mình không được lập làm chúa. Thế tử cùng với bọn gia thần là mấy tên hầu Thế Thọ, Thẩm Thọ... Nho sinh Đàm Xuân Thụ và tên xuất thân phận tạp lưu[1] Vĩnh Vũ, ngày đêm bàn mưu, lo lắng không biết nên làm thế nào.

Vừa lúc đó, chứng bệnh cũ của chúa lại phát, bệnh tình rất nguy kịch. Một đêm,Thế tử bỗng mơ thấy mình mặc áo chầu chàm, đội mũ chữ đinh, đứng ở phủ đường. Sáng mai, Thế tử kể lại với bọn gia thần và nói:

- Ta mơ như vậy là điềm có tang, trong cung nay mai chắc sẽ có biến, ta phải sớm lo liệu trước mới được.

Bọn tôi tớ ấy liền khuyên Thế tử nên ngấm ngầm sắm sửa binh khí, chiêu mộ dũng sĩ: một mai trong cung xảy ra chuyện chẳng lành, thì cứ việc đóng chặt cổng thành, giết Quận Huy, và bắt giữ cả hai mẹ con Thị Huệ, khiến Vương tử Cán không thể lên ngôi chúa. Mặt khác báo cho hai trấn Tây Bắc[2] đem quân vào Kinh, bắt ép các đại thần để dựng Thế tử lên ngôi chúa.

Thế tử nghe theo và phao lên rằng mình sắp được lệnh đem quân vào đánh miền Nam. Rồi Thế tử lại sai người báo

(1) Tạp lưu là hạng thư lại không đỗ đạt gì, không do chính ngạch mà ra.
(2) Sơn Tây, Kinh Bắc.

ngầm cho Khê Trung hầu, giao một ngàn lạng bạc cho nho sinh Đàm Xuân Thụ để Thụ phân phát cho bọn tay chân đi mua sắm vũ khí. Tiếp đó, Thế tử mật báo cho các viên Trấn thủ ở hai trấn Tây, Bắc chiêu tập dũng sĩ.

Thế tử cắt đặt xong thì bệnh của chúa cũng vừa khỏi, việc ấy hơi bị tiết lộ. Hồi đó, có Nguyễn Huy Bá người ở Gia Lâm[1] tính tình nham hiểm giảo hoạt, thường vẫn quen thói tố giác kẻ khác để kiếm quan chức. Năm trước, chính vì Bá đã tố cáo âm mưu nổi loạn của Nguyễn Huy Cơ và Thuỵ Quận công[2] mà y được lên làm chức Tham nghị ở trấn Sơn Nam. Dần dà, y ngoi lên chức Tiến triều[3] rồi lại thăng tới chức Đốc đồng ở trấn Thái Nguyên. Lúc này vì có lỗi bị cách chức, y đang nóng lòng mong lại được ra làm quan. Y bèn sai con dâu cả vào làm đầy tớ cho Thị Huệ, rồi thường nhặt nhạnh những chuyện chơi bời đùa nghịch của Tông, xui con dâu kể lại cho Thị Huệ để nịnh nọt, lấy lòng. Mặt khác, y lại ngầm sai người nhà tin cậy tới làm bộ hạ của hai viên trấn quan Tây, Bắc để dò xét tình hình. Đến lúc ấy y đã nắm được phần nào sự việc của bọn này, liền vào báo với Thị Huệ.

Thị Huệ đem việc đó bàn với Quận Huy, Huy bảo Huy Bá viết bức thư kín, rồi Huy tự bỏ vào trong tay áo, đi đến phủ chúa, đuổi hết những người chung quanh, đem thư ra trình chúa.

Chúa xem xong, cả giận, định sai người giao xuống trị tội tức khắc. Quận Huy can rằng:

---

(1) Làng Phú Thị, huyện Gia Lâm ngày nay, thuộc Hà Nội

(2) Thuỵ Quận công tức Trịnh Lệ con Trịnh Doanh, định giành ngôi chúa với Trịnh Sâm.

(3) Những người không đỗ Tiến sĩ mà được làm quan ở sáu bộ thì gọi là Tiến triều.

- Thế tử quả là có lỗi, nhưng sở dĩ Thế tử dám làm chuyện to lớn như thế chính là do hai viên Trấn thủ Tây, Bắc chủ mưu. Nay hai viên ấy hãy còn cầm quyền ở ngoài, nếu vội vã trừng trị Thế tử e sẽ có biến khắc. Chẳng thà trước hết hãy gọi hai viên ấy về triều giam cả ở trong phủ rồi bấy giờ hãy tuyên bố tội trạng và trừng trị một thể.

Chúa cho là phải. Hôm sau chúa đòi Thế tử vào cung, vờ quở mắng về việc xao nhãng học hành, rồi bắt Thế tử phải đến ở trong một ngôi nhà ba gian trong Trạch Các. Lại sai Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766) là Nguyễn Quỳnh làm Tả tư giảng, và Tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1778) là Nguyễn Đính làm Hữu tư giảng. Rồi sau đó chúa cho đòi hai viên Trấn thủ Tây Bắc về triều, bữa ấy nhằm ngày 15 tháng 8 năm Canh Tý (1780) niên hiệu Cảnh Hưng.

Lại nói, lúc ấy ở trấn Kinh Bắc[1] có viên Đốc đồng là Ngô Thì Nhậm[2] Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775) vốn là gia thần và Tùy giảng của Thế tử, thường vẫn rất ăn ý với Trấn thủ Tuân Sinh hầu (Nguyễn Khắc Tuân). Về phía Tuân, không việc gì là không bàn với Nhậm, duy chỉ có việc âm mưu của Thế tử là Tuân không hề nói đến. Trước đó mấy ngày Sơn Thọ[3] là gia thần của Thế tử, lại từng là học trò của Nhậm, được Thế tử sai đến kể rõ mưu mô của Thế tử cho Nhậm biết, rồi lại ngầm ra lệnh cho Nhậm phái người lẻn lên vùng Lạng Sơn mua ngựa tốt để dùng vào việc binh. Thì Nhậm hoảng sợ nói:

- Thế tử là người sẽ nối ngôi chúa, mà nước là nước của

(1) Địa bàn của Kinh Bắc gồm: Bắc Ninh, Bắc Giang, Phúc Yên.

(2) Ngô Thì Nhậm người làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội, con Ngô Thì Sỹ, sau làm quan với Tây Sơn.

(3) Có sách chép Hà Như Sơn.

Thế tử, lo gì mất ngôi mà phải lập mưu ấy? Đây ắt lại do bọn tôi tớ xui giục. Thế tử trẻ người hăng máu, suy nghĩ chưa chín chắn, nên mới nghe họ. Chúa thượng là người xét đoán sáng suốt, há lại che giấu được ngài ư? E rằng tai họa sẽ xảy ra lúc nào không biết, bọn gia nhân của Thế tử rồi không còn đất giấu thân đâu.

Đoạn Thì Nhậm vội vã sang kể hết tình đầu cho Khắc Tuân nghe, và khuyên Tuân phải hỏa tốc về Kinh, can ngăn Thế tử đừng làm việc đó, để tránh tai vạ sau này.

Khắc Tuân không nghe, nói rằng:

- Tiểu chức này với quan lớn, chỉ biết việc tuần phòng khám xét: ngoài ra những việc không dính líu đến ta, thì không nên hé răng.

Thì Nhậm thở dài mà về.

Mấy ngày sau, quả nhiên có lệnh đòi Khắc Tuân và Thì Nhậm. Hai người vội vàng cùng đi. Tới Kinh, họ thấy Trấn thủ Sơn Tây (Hồng Lĩnh hầu Nguyễn Khản) và a bảo Hân Quận công (Nguyễn Đĩnh) đều đã bị triệu về, còn đang ngồi đợi tội ở nhà Tả xuyên. Nguyễn Khắc Tuân xin vào điếm Quyển Bồng gặp chúa, nhưng chúa không cho vào, sai viên quan hầu là Quyến Trung hầu ra trách Khắc Tuân rằng:

- Cậu và thằng Tông đã muốn làm giặc thì cậu cứ việc ra mà sắp sẵn binh mã, đây ta đã có các tướng mạnh để đối địch với cậu!

Khắc Tuân quay ra, gặp Thì Nhậm ở điếm Tiểu bút, Tuân cầm tay Nhậm than:

- Tôi thờ chúa từ khi lọt lòng đến giờ, nay chúa gọi tôi là giặc. Hôm nọ quan lớn nói chuyện, tôi cứ cho làm thường, nay việc đã như thế tính sao bây giờ?

Thì Nhậm cũng hoảng hốt chẳng biết trả lời thế nào.

Khắc Tuân liều làm tờ khải, cung khai hết những việc trước rồi nhờ Quyến Trung hầu đưa vào dâng chúa. Nhưng chúa đang giận, không xem, lại sai Quyến Trung hầu đem tờ khải ra xé trước mặt Khắc Tuân.

Khắc Tuân lượm lấy tờ khải bị xé ấy mà ra, nhưng sợ hãi luống cuống chẳng biết đi đường nào.

Viên Trấn thủ Sơn Tây lúc ấy cũng rất lo sợ, có điều muốn nói mà không dám bày tỏ. Ông ta bèn cùng Khắc Tuân nói với Thì Nhậm:

- Bọn tôi ở ngôi trọng yếu mà bị lời gièm pha nặng nề, bây giờ dù có nói gì, chúa cũng chẳng tin. Ngài nên đem những điều nghe thấy viết một tờ khải, đổ tội cho lũ tôi tớ, như vậy may ra bọn tôi mới khỏi bị oan mà Thế tử cũng sẽ an toàn không việc gì.

Thì Nhậm bất đắc dĩ phải làm theo ý hai người. Chẳng ngờ chúa nhận được tờ khải, lại càng giận dữ nói:

- Quả như lời nói của người ta không sai.

Rồi chúa sai Thì Nhậm và bọn quan hầu là Ngạn Triêu hầu, Đường Trung hầu, Án Trung hầu cùng tra xét vụ án đó.

Thì Nhậm cùng bọn quan hầu định tìm cách gỡ tội cho Khắc Tuân và viên Trấn thủ Sơn Tây, nhưng vì nhà có tang Nhậm phải bỏ việc quan mà về[1].

---

(1) Nhậm về chịu tang cha là Ngô Thì Sĩ. Theo *Việt sử thông giám cương mục* (sau đây gọi tắt là *Cương mục*) thì chính Nhậm hợp mưu cùng Huy Bá để tố cáo việc của Tông và bọn Khắc Tuân, Ngô Thì Sĩ đã cố sức can mà Nhậm vẫn không nghe. Sau nghe tin Nhậm đã phát giác việc ấy, Sĩ buồn bực, bèn uống thuốc độc tự tử. Nhậm vì có công tố giác, được thăng Hữu thị lang bộ Công. Do đó người đương thời có câu rằng: "Sát tứ phụ nhi thị lang " (giết bốn người cha để mà làm Thị lang). Bốn cha là: Sĩ, thân phụ, Tông, quân phụ, Khắc Tuân, và Xuân Hán, phụ chấp (bạn của bố) có thuyết lại nói tứ phụ là Sĩ và Nguyễn Khản, Phương Định, Khắc Tuân, ba người bạn của bố.

Chúa bèn giao cho viên Đồng Tham tụng là Nghĩa Phái hầu Lê Quý Đôn, Bảng nhãn khoa Nhâm Thân (1752) làm thay việc tra xét. Cuối cùng nắm được hết tình hình tội trạng, chúa liền gọi các chính thần vào cung, vừa khóc vừa nói:

- Quả nhân không may gặp phải thằng con bất hiếu, lũ bầy tôi bất trung, chúng ngầm mưu việc phản nghịch, hình tích cũng giống như vụ Thừa Kiên, nhưng tâm địa thì tệ hơn nhiều. Việc bỏ con cả lập con thứ là bất đắc dĩ. Các ngươi cũng nên hiểu rõ bụng ta, cứ theo phép nước mà định tội nó đi!

Các quan trong triều bàn rằng: mấy tên phạm tội đều nên xử tử còn riêng về Thế tử thì không dám bàn.

Lời bàn đó dâng lên, chúa cầm bút phê rằng:

- Cứ xét theo nghĩa của kinh *Xuân thu* thì phải trị tội tên Tông thật nặng. Nhưng nghĩ tình cha con ruột thịt không nỡ như thế, vậy nên truất nó xuống làm con út, trọn đời giữ đạo làm tôi. Còn bọn các quan thì Viên Trấn thủ Sơn Tây và Khê Trung hầu, vốn đã theo hầu ta từ lúc chưa lên ngôi, cũng có công lao, đặc ân cho tự liệu lấy. Riêng a bảo Hân Quận công là người thật thà không tham dự vào mưu đó cũng được tha tội chết, nhưng phải cách chức xuống làm dân thường.

Mệnh lệnh ban xuống. Khê Trung hầu và Tuân Sinh hầu đều uống thuốc độc tự tử.

Dưới trướng Tuân Sinh hầu có viên văn thư là Nguyễn Quốc Trấn cũng bị tội lây với chủ, phải ghép án tử hình. Lúc sắp bị chém, Quốc Trấn quát lớn:

- Trời không có mắt, triều đình không có quan, nỡ để Quốc Trấn mắc oan.

Rồi Trấn dặn người thân thuộc để giấy bút vào tay áo mình và nói thêm:

- Sống đã không bày tỏ nỗi oan được, chết phải kiện ở

Âm phủ.

Mọi người nghe câu đó, ai cũng thương xót cảm động.

Thế tử Tông bị truất rồi, chúa bắt cứ phải ở trong ngôi nhà ba gian cho người giám sát chặt chẽ: phàm những việc ăn uống Tông đều không được tự do. Bọn gia thần của Tông cũng không được phép ra vào thăm hỏi. Do đó, phe đảng của Thế tử, mỗi người lẩn trốn đi mỗi nơi.

Còn phe cánh của Thị Huệ, thì mỗi ngày một mạnh. Các quan lớn nhỏ không ai là không nịnh nọt, hùa theo, mà nhà chúa cũng càng trọng ả hơn trước.

Thừa dịp ấy, Thị Huệ bèn hỏi con gái chúa là công chúa Ngọc Lan cho em trai mình là Đặng Mậu Lân.

Công chúa này tên chữ là Ngọc Thuyên, là cô con gái yêu quý nhất của chúa. Nguyên chính phi họ Hoàng sinh được hai nàng công chúa. Cô lớn là công chúa Ngọc Anh, tên chữ là Ngọc Loan, đã gả cho Đường Trung hầu Bùi Thế Toại, con trai cả của Đoan Quận công Bùi Danh Đạt làm Trấn thủ Nghệ An trước kia. Còn Ngọc Lan là cô thứ hai, chưa có chồng, được chúa rất yêu chiều.

Ngọc Lan vóc người yếu đuối, từ nhỏ vẫn ở trong cung thuỷ tinh, kiêng nắng kiêng gió. Nơi Ngọc Lan ở, chúa bắt thị tì phải nói năng sẽ sàng để cho nàng khỏi giật mình. Khi Ngọc Lan đã lớn, mỗi lần vào thăm chúa, chúa đều cho phép cùng ngồi với mình như lúc nàng còn bé. Phàm những điều Ngọc Lan cầu xin chúa, không có lời nào là không đắt. Các quan vào hàng công thần, quý tộc, nhiều người đã tới cầu hôn, nhưng chúa đều chưa hứa gả cho ai. Đã có lần chúa hạ chiếu chỉ cho các quan văn võ cùng con cháu các dòng họ công thần vào phủ để cho công chúa tự kén chọn. Chúa bảo công chúa hễ chọn được ai vừa ý thì chúa sẽ gả cho người đó. Nhưng Ngọc Lan vẫn chưa kén được ai vừa lòng.

Đến nay, Thị Huệ cầu hôn cho em trai, chúa sợ mất lòng ả ta, bất đắc dĩ mà phải gượng nhận lời.

Lại nói, Đặng Mậu Lân này vốn là một tên hung bạo. Từ khi Thị Huệ được chúa yêu dấu Lân lại càng ỷ vào thế chị để làm những việc càn rỡ. Hết thảy áo quần, xe kiệu của y, nhất nhất đều rập kiểu theo đúng như của vua chúa. Thường ngày, Lân vẫn đem theo vài chục tên tay sai, cầm gươm vác giáo đi nghênh ngang khắp Kinh ấp. Hễ gặp xe kiệu, bất kỳ là của đám quan quân nào, Lân cũng đều cà khịa đánh nhau làm cho họ nhục nhã, rồi lấy thế làm thích thú. Gặp đàn bà con gái giữa đường, hễ người nào trông vừa mắt, tức thì Lân sai tay chân quây màn trướng ngay tại chỗ, rồi lôi người ấy vào hiếp liền. Ai không chịu Lân xẻo luôn đầu vú. Chồng hoặc cha kẻ bị nạn, nếu dám hé răng kêu ca lập tức Lân sai quân vặn gãy răng, hoặc cũng có người bị đánh đến chết. Người thiên hạ sợ Lân hơn sợ beo sói.

Chúa cũng biết thế, nên tuy đã trót nhận lời gả công chúa cho Lân mà trong bụng vẫn còn có ý thương tiếc. Vả lại chúa nghĩ, công chúa người yếu ớt, mảnh khảnh, không thể chịu nổi một tên đàn ông cường bạo như thế. Nên đến ngày về nhà Lân, chúa lấy cớ rằng công chúa chưa từng lên đậu sởi, để không cho phép Lân hợp cẩn[1]. Rồi chúa sai quan a bảo cùng nhiều thị nữ đi theo để hộ vệ công chúa. Tiếp đó, chúa lại phái thêm cả viên Nội sai là Sử Trung hầu đến làm Giám chế, không cho Lân xâm phạm tới công chúa.

Thật là:

Ái ân, cô gái không e sợ
Hoan hỉ, chàng trai lại dở dang.

Chưa biết việc tới thế nào? Hãy xem hồi sau phân giải.

---

(1) Theo lễ xưa, đêm tân hôn vợ chồng uống chung một chén rượu gọi là hợp cẩn.

HỒI THỨ HAI

Lập Điện Đô, bảy quan nhận di chúc
Giết Huy Quận, ba quân phò Trịnh Vương

Lại nói, Đặng Mậu Lân tuy lấy được công chúa Ngọc Lan, nhưng cứ mỗi lần vào với công chúa thì lại bị Sử Trung ngăn cản, vì vậy Lân hết sức tức giận, nói với Sử Trung rằng:

- Chúa bảo con gái chúa là tiên dưới trần, nhưng ta coi ra thật không bằng con bé ở xách giày nhà ta, có quý hoá gì? Đây ta không phải ham gì nhan sắc của nó, nhưng tốn kém mất bao nhiêu tiền của mới lấy được con vợ, nếu không ra hồn thì cũng phải vần một trận cho nẫu nhừ ra như bún, để đền đáp lại phí tổn, rồi bấy giờ sẽ tống cổ nó đi. Còn mày, mày muốn sống tốt thì hãy tìm đường kiếm nẻo mà bước đi kẻo nữa lại kêu ta không bảo trước.

Sử Trung đáp:

- Đó là mật chỉ của chúa thượng, không phải tôi dám như vậy!

Lân nói:

- Mày thử hỏi chúa, xem chúa ở vào địa vị tao chúa có nhịn được không?

Sử Trung nói:

- Quan lớn đứng nên quá lời như vậy, nhà chúa không thể so sánh với người thường.

Lân nổi giận đùng đùng mà rằng:

- À, mày đem chúa để doạ tao phỏng? Chúa là cái quái gì?

Dứt lời. Lân tuốt gươm chém Sử Trung, Sử Trung chết ngay.

Giết xong Sử Trung, Lân bèn sai đóng chặt cửa dinh, ra lệnh trong không được ra, ngoài không được vào, định ngầm thủ tiêu cái thây Sử Trung.

Ngọc Lan nghe chuyện, sợ quá lập tức bảo một thị nữ chui qua một lỗ nhỏ chạy về phủ chúa báo tin.

Chúa cả giận sai viên quan hầu đốc thúc một toán lính đến bắt Lân.

Lân cầm gươm lăm lăm, đứng trước cửa doạ.

- Đứa nào muốn chết thì vào đây!

Chúa lại phải sai Quận Huy đem quân vây bắt Lân, giải về phủ, giao cho triều đình xử tội. Các quan đều nói tội giết sứ giả đáng bêu đầu.

Thị Huệ nghe tin, khóc lóc xin chết thay em. Chúa bất đắc dĩ phải tha cho Lân tội chết và giảm xuống thành tội đi đày ở châu xa.

Lại nói, Vương tử Cán rất tuấn tú, thông minh, nhưng người vốn yếu đuối. Lúc còn ẵm ngửa, vương tử đã mắc chứng cam, bụng to, rốn lồi, da nhợt, gân xanh, chân tay gầy khẳng khiu. Chúa phải sai người đi tìm danh y khắp bốn phương về chữa cho vương tử[1]. Những người do nghề thuốc mà vào phủ đều được thăng thưởng: Nguyễn Thực từ chức

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác cũng đã từng bị triệu vào Kinh để chữa bệnh cho Cán (Xem *Thượng Kinh ký sự*).

Huấn đạo lên đến chức Tiến triều; Chu Nghĩa Long là người khách buôn Trung Quốc, được phong tước hầu coi việc quân. Thuốc thang tốn kém kể có hàng trăm vạn, nhưng chạy chữa hết năm này qua năm khác mà bệnh vẫn không khỏi.

Chúa lại sai người đi lễ bái khắp đền đài có tiếng linh thiêng: một mặt cho thiết lập đàn tràng ở ngay trong cung để ngày đêm đèn nhang cầu khấn. Vậy mà bệnh của vương tử vẫn đâu hoàn đấy.

Có kẻ tố cáo với chúa, nói là vì Tiệp dư[1] không được yêu, sinh ra ghen ghét, mượn bọn đồng cốt chôn hình người gỗ ở trong cung để trấn yểm.

Chúa giận lắm, sai bắt người nhà Tiệp dư để tra hỏi. Nhưng bọn ấy trốn hết, tìm khắp tứ phía không lùng bắt được người nào cả. Sau, kẻ tố cáo tự dẫn người đến đào chỗ chôn người gỗ, cũng không thấy gì, việc này mới thôi.

Tuy nhiên bụng chúa cũng vẫn còn ngờ, nên cứ để mặc cho Thị Huệ làm chay làm bùa, tha hồ cúng lễ. Do đó, bọn đồng cốt ra vào tấp nập; mà bệnh của Vương tử Cán vẫn khi tăng khi giảm chẳng ra thế nào.

Đến khi Thế tử Tông bị tội, thì gặp lúc bệnh của Vương tử Cán đã hơi đỡ. Năm sau vương tử lên đậu, từ tuần nung mủ đến tuần đậu lặn đều không có gì quản ngại. Chúa hết sức vui mừng nói:

- Thì ra trẻ con cam sài cũng là sự thường, chẳng cần phải lo. Mà hễ nó đã lên đậu, lên sởi thì tức là nên người rồi.

Bấy giờ các quan trong ngoài đều có lời chúc mừng.

Nhiều người khuyên chúa giáng chỉ lập Vương tử Cán

---

(1) Tiệp dư đây không rõ ai, bản chữ Hán không ghi tên họ người nào, bản dịch của Ngô Tất Tố cho là Dương Ngọc Hoan có lẽ là phỏng đoán như vậy.

làm Thế tử cho yên sự mong mỏi của thiên hạ. Chúa nghe lời ngay.

Thánh mẫu Thái tôn[1] được tin liền nói với chúa:

- Thế tử Tông với Vương tử Cán đều là cháu cả, già này thực không coi đứa nào hơn đứa nào. Có điều Thế tử đã lớn lại khoẻ mạnh, còn vương tử thì nhỏ tuổi lại hay đau yếu; khuyên chúa hãy nghĩ đến tông miếu xã tắc, tạm dành ngôi đông kinh lại đó, may ra đứa con út[2] kia nó biết hối lỗi thì hay, bằng không đợi lúc vương tử khôn lớn hãy lập tưởng cũng chưa muộn gì.

Chúa đáp:

- Tên Tông và tên Cán đối với mẹ là cháu, chưa bằng đối với tôi là con. Người xưa đã nói: "Biết con chẳng ai bằng cha". Tôi cũng chưa đến nỗi mê lẫn, vả chăng triều đình bàn bạc chung như thế, chứ cũng chẳng phải vì tôi yêu đứa con nhỏ mà bày đặt ra việc này. Mẹ há không biết rõ rồi sao? Nay nếu không sớm định người nối ngôi, bọn tiểu nhân đâm ra dòm nom, mong chờ, tôi e tai hoạ sẽ xảy ra lúc nào không biết. Huống hồ ngôi báu của thiên hạ cốt phải giao phó vào tay người xứng đáng. Đã coi tông xã làm trọng, thì dẫu con đẻ ra cũng không được tư túi, lẽ nào tôi lại dám tư túi với đứa con nhỏ? Nếu như cuối cùng bệnh của Cán không khỏi thì thà lập Côn Quận công[3], trả lại dòng chính cho nhà bác chứ không thể nào giao cho cái thằng Tông bất hiếu, để nó làm hỏng cơ nghiệp của tổ tiên.

---

(1) Tức là mẹ Trịnh Sâm.

(2) Chỉ Tông vì Tông bị giáng xuống làm con út.

(3) Có bản chép là Quê Quận công, tức Trịnh Bồng, anh em con chú bác với Sâm con Trịnh Giang.

Thánh mẫu không dám nói gì nữa.

Chúa bèn sai các quan trong triều làm tờ tâu lên vua Lê, xin lập Vương tử Cán làm Thế tử[1].

Lại nói, từ mấy năm nay, bệnh cũ của chúa vẫn thường hay phát trở lại. Khi thì một tháng, khi thì nửa tháng, mỗi lần bệnh phát thường hết sức nguy kịch, nhưng rồi dần dần cũng lại khỏi. Chúa rất sợ nắng gió, bình thường phải ở luôn trong thâm cung và nơi đó phải thắp nến suốt đêm ngày. Nếu không phải triều hội lớn, thì không bao giờ chúa ra gặp các quan. Sập ngự trong phủ chúa có che trướng thuỷ tinh, kiệu của chúa đi cũng treo rèm thuỷ tinh, để ngăn nắng gió. Các quan muốn trình báo việc gì, đều do quan hầu đem tờ khải vào. Chúa muốn phán gì cũng do quan thị truyền chỉ ra. Dẫu đến các bậc thân quý, cũng phải một năm hay nửa năm mới được gặp mặt chúa một lần. Còn các hàng văn võ trong triều, thì thường không hề được thấy mặt rồng. Việc của Phủ chúa, bên ngoài người ta đồn đại như là việc Thiên Tào. Cứ như thế, sự ngăn cách, che lấp ngày càng thêm tệ.

Đến lúc này, bệnh của chúa lại nguy kịch. Thị Huệ ngày đêm hầu hạ. Trong hàng đại thần chỉ có Quận Huy là được ra vào. Mẹ chúa và các con gái chúa cũng ít khi được tới gặp, hàng ngày hỏi thăm sức khoẻ của chúa, họ chỉ đứng ngoài cửa buồng mà hỏi qua bọn quan hầu mà thôi.

Nhân cơ hội ấy. Thị Huệ bèn nói với chúa:

---

(1) Bấy giờ có nhiều người không đồng tình việc lập Cán, nên đã đặt ra hai câu ca dao:

Đục cùn thì giữ lấy tông
Đục long cán gẫy còn mong nỗi gì?

Dùng chữ Tông và Cán theo nghĩa đối để chỉ vào Trịnh Tông và Trịnh Cán.

- Thiếp thờ chúa thượng, nhờ ơn được quá thương yêu, thành ra nhiều kẻ thù ghét, không biết rồi đây mẹ con thiếp sẽ gửi thân vào đâu?

Chúa yên ủi rằng:

- Thế tử đã chính thức lên ngôi cung, nước là nước của nó, rồi đây khanh sẽ làm mẹ của thiên hạ, kẻ nào còn thay đổi được?

Thị Huệ lại thưa:

- Sợ không dự định trước, đến lúc tình thế khẩn cấp sẽ bị người khác cướp mất.

Bấy giờ Quận Huy cũng có ở đó. Chúa nhìn Huy nói:

- Sau này ngươi cần hết sức giúp đỡ chính cung và Thế tử, để cho yên lòng ta.

Quận Huy thưa:

- Tôi đâu dám chẳng hết lòng về việc này kỳ cho đến chết. Nhưng ngay bây giờ nhân lúc chúa còn tỉnh táo, xin hãy kịp thời truyền mệnh lệnh cho Thế tử Cán nối ngôi và lập chính cung làm vương phi, cùng coi việc nước, để cho có mệnh lệnh sẵn sàng.

Chúa khen:

- Phải đấy, khanh cần làm phụ chính cho vương tử.

Quận Huy lại thưa:

- Vâng lời di chúc làm người phụ chính, tôi chẳng dám gánh vác một mình. Hiện nay có Khanh Quận công là bậc chí thân, Hoàn Quận công là bậc Sư phó đại thần, Châu Quận công và Tứ Xuyên hầu đều ở trong Chính phủ, vốn có đức vọng. Diễm Quận công là a bảo của đông cung. Thuỳ Trung hầu là Bảo vệ của đông cung, đều là những bầy tôi tin cậy. Vậy xin nhà chúa cho phép những viên ấy cùng nhận cố

mệnh[1] với tôi.

Chúa bằng lòng.

Quận Huy liền sai Tứ Xuyên hầu thảo tờ cố mệnh, và quan Thiêm sai Nhữ Công Điền làm tờ sách phong Tuyên phi. Giấy tờ lập xong. Huy bỏ vào tay áo đem dâng chúa để xin điền tên.

Bấy giờ bệnh chúa đã nguy kịch, nhân có Thánh mẫu vào thăm, Thị Huệ phải ôm chúa ngồi dậy. Thánh mẫu đứng ở đầu sập vừa khóc vừa hỏi han. Chúa cũng khóc mà rằng:

- Con xin chắp tay cúi đầu lạy mẹ. Nay con chẳng may xấu số, không được thờ mẹ cho đến cùng, nghĩ đến đạo hiếu chưa tròn, ruột gan con đau như dao cắt. Xin mẹ hãy ngự giá về cung, cố ăn ngủ cho thảnh thơi, đừng nghĩ gì đến con mà đau lòng mẹ. Còn việc sớm hôm thăm hỏi sau này đã có tự vương[2] thay con.

Thánh mẫu nức nở, sụt sịt, ngập ngừng hồi lâu, ý muốn nói đến ngôi Thế tử, nhưng vì có Thị Huệ ở đấy nên cũng khó hé răng, dùng dằng mãi chưa ra.

Chúa thấy vậy lại nói:

- Mẹ quá thương con không nỡ dứt tình mà đi. Con trông thấy mẹ cũng đau lòng không thể nhắm mắt. Vậy cúi xin mẹ hãy ngự giá về cung.

Thánh mẫu bèn ứa nước mắt trở ra.

Chúa quay sang dặn Thị Huệ.

- Bệnh ta không khỏi, không ở được cùng khanh đến lúc bạc đầu. Nay ta về chầu trời, khanh ở lại phụng thờ Thánh

(1) Cố mệnh: mệnh dặn lại lúc sắp chết.

(2) Chúa nối nghiệp, chỉ Trịnh Cán.

mẫu, nuôi nấng tự vương, còn duyên sắt cầm đành hẹn đến kiếp khác.

Thị Huệ nấc lên đến hơn một khắc, rồi ả cắt tóc thề rằng:

- Chúa thượng chẳng thương thiếp, nỡ bỏ thiếp vò võ một mình. Thiếp xin liều thân mà chết theo chúa. Thờ phụng Thánh mẫu đã có hai công chúa, giúp rập tự vương đã có các quan đại thần, chúa đừng giao những việc ấy cho thiếp.

Rồi thị khóc oà lên.

Chúa ngoảnh sang Thuỳ Trung hầu nói:

- Sau khi ta qua đời, các ngươi phải nên khuyên giải chính cung cho khéo, chớ để nàng liều mình. Vạn nhất nếu không ngăn cản nổi ý chí của nàng, thì cứ để nàng chung thuyền với ta mà đưa đi, cho nàng được hầu hạ ta ở nơi lăng tẩm.

Tiếp đó, chúa cho đòi Quận Khanh, Quận Hoàn vào chịu cố mệnh.

Hai người vào, chúa truyền miễn lạy và cho ngồi. Hai người khóc lóc hỏi han sức khoẻ. Chúa nói:

- Con xin chắp tay cúi đầu lạy chú, lạy thầy. Chẳng may con bị bệnh nặng, nay đã nguy cấp, muốn cho Thế tử Cán lên nối ngôi chúa. Vậy nhờ chú và thầy chung sức đồng lòng, giúp cho qua khỏi bước khó khăn này.

Dứt lời, chúa bảo Thị Huệ đặt mình nằm xuống.

Quận Huy quỳ xuống, rút tờ cố mệnh trong tay áo dâng trình nhưng chúa chỉ lấy tay xua đi.

Quận Huy lại thưa rằng:

- Nay thánh thể không yên, mà chỗ đề tên họ trong tờ cố mệnh thì hãy còn để trống, vậy xin chúa hãy để cho Vương thần Khanh Quận công viết thay.

Chúa không nói được nữa chỉ gật đầu mà thôi.

Quận Khanh bèn lấy bút phê, ngồi ngay trước sập chúa, lần lượt viết tên mấy người vào chỗ trắng trong tờ cố mệnh. Viết xong lại dâng cho chúa xem, nhưng lúc ấy chúa đã nhắm nghiền hai mắt không biết gì nữa.

Thế là Thịnh Vương qua đời. Bữa ấy nhằm ngày 13 tháng 9 năm Nhâm Dần (1782). Chúa thọ 44 tuổi, làm chúa được 16 năm.

Sau khi chúa tắt thở, Quận Huy một mặt cắt đặt cho các quan lo liệu việc tang lễ, một mặt sai Thuỳ Trung hầu sao lấy mấy bản thư cố mệnh và tờ sách phong Tuyên phi đưa ra Chính phủ, để cho các quan triều tâu lên vua Lê.

Ngay hôm ấy, vua Lê hạ sắc dụ lập Thế tử Cán làm Điện Đô Vương.

Trăm quan liền đem nghi trượng, binh lính đến cửa Kinh thiên để rước sắc về Phủ Chúa.

Đến phủ, quan a bảo Diễm Quận công bế Thế tử - đã được mặc áo triều đội mũ, mang đai màu hoa quỳ - đứng đón ở sân, quỳ xuống nhận sắc.

Xong đó, ngoài phủ đường đã đặt sẵn sập ngự, Quận Diễm bồng Thế tử Cán lên ngôi chúa. Các quan theo thứ tự lần lượt vào lễ mừng. Lễ xong Quận Diễm lại bế chúa mới (Trịnh Cán) vào cung Huỳnh để lạy Thánh mẫu. Rồi sau đấy, mọi người đều thay triều phục, mặc áo trở để làm lễ phát tang.

Lúc Thịnh Vương còn sống có soạn ra cuốn *Vạn niên thư*, phàm việc tang lễ từ lễ " Phạm hàm " đến lễ " Đại tường " Nhập miếu"[1], nghi tiết như thế nào đều đã chua rõ: cho đến

---

(1) *Phạm hàm*: lễ đặt vàng, ngọc hoặc các của quý khác vào trong miệng người chết.

Đại tường: lễ giỗ sau khi chết hai năm.

Nhập miếu: Lễ rước linh hồn vào nhà thờ để thờ chung với các tổ tiên.

cả mấy chữ miếu hiệu " Thánh Tổ Thịnh Vương " cũng được ghi sẵn. Nay cứ theo đó mà làm.

Bảy viên đại thần ngày đêm túc trực ở trong phủ, chia nhau coi sóc mọi việc.

Lại nói về bảy viên phụ chính này.

Khanh Quận công tên là Trịnh Kiều, tức là con thứ năm của Hy Tổ Nhân Vương, và là em nhị tổ Ân Vương, đối với chúa mới là hàng ông chú. Kiều là bậc tuổi cao, đức cả, song tính tình chất phác, thật thà, đối với công việc nên hay không nên cũng mặc, chẳng có ý kiến gì.

Hoàn Quận công tên là Nguyễn Hoàn, người làng Lan Khê huyện Nông Cống, đỗ Tiến sĩ khoa Quý Hợi (1743). Trước Hoàn làm Hữu tư giảng cho Thịnh Vương, sau lên đến chức Thượng thư bộ Lại, rồi làm Tham tụng, Hoàn đã về trí sĩ nhưng lại bị gọi ra tham dự triều chính. Hoàn là một vị trọng thần của nhà nước, nhưng tính người hoà nhã, chìm nổi theo đời, gặp việc thường dè chừng, không quyết đoán.

Tứ Xuyên hầu tên là Phan Lê Phiên[1], người làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, đỗ Tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1757). Phiên từng làm Tả thị lang bộ Hộ, làm Tham tụng, là người có phong độ đoan trang, học vấn rộng rãi, nhưng tính nết thâm trầm lại hay nương nhờ vào bọn quyền thế.

Châu Quận công, Diễm Quận công và Thuỵ Trung hầu đều xuất thân từ hàng quan hoạn.

Châu Quận công tên là Lê Đình Châu, người làng Liên Hồ, huyện Ngọc Sơn, hầu hạ các chúa trải đã mấy triều. Châu có làm chức Tri binh phiên cơ mật, là người trung hậu lúc đã già vì là bậc kỳ cựu, nên được đưa vào Chính phủ nhưng không giữ việc gì.

---

(1) Có sách chép Duy Phiên hoặc Trọng Phiên.

Diễm Quận công tức Trần Xuân Huy, người làng Khoái Lạc, huyện Thiên Bản, nguyên là gia thần của Thịnh Vương, khi vương chưa lên ngôi. Lúc Thịnh Vương lên cầm quyền, Huy được giao cho chức Tri hộ phiên. Huy là người thuần thục, cẩn thận. Thịnh Vương rất tin, sai Huy làm a bảo cho Thế tử, ngày đêm ở luôn bên cạnh Thế tử không dự gì đến những việc bên ngoài.

Thuỳ Trung hầu tên là Tạ Danh Thuỳ, người làng Khang Thượng, huyện Yên Mô, từng làm chức Xuất nạp[1] rồi lại làm Trấn thủ Thanh Hoa[2]. Thuỳ là người cơ trí, giỏi văn học, biện luận như gió. Thịnh Vương vốn tin tưởng sai Thuỳ làm chức bảo vệ cho Thế tử; nhưng vì Thuỳ tuổi trẻ chưa có danh vọng gì mấy, nên không tránh khỏi phải lép vế và chiều theo ý những kẻ đồng liêu.

Bởi vậy, hết thảy mọi việc trong thiên hạ đều do một tay Quận Huy quyết định, không có ai bàn qua nói lại gì hết.

Nguyên sáu người kia, không phải hết thảy đều một lòng với Quận Huy cả. Chẳng qua thấy họ có địa vị và danh vọng, nên Quận Huy mới lôi kéo họ vào cùng cánh với mình để họ khỏi có ý khác mà thôi.

Chỉ có Diễm Quận công vốn là phe đảng của Thị Huệ, xưa nay lại rất ăn ý với Tứ Xuyên hầu: nên hai người này đều một bụng một dạ với Quận Huy. Song Quận Diễm là người dốt nát, ít hiểu biết, việc gì cũng phải nhờ Tứ Xuyên hầu chỉ vẽ cho, mà Tứ Xuyên hầu thì cũng như Quận Huy, đều đang mê mẩn trong tình thế lúc bấy giờ.

Còn Hoàn Quận công là bậc lão nho, Thuỳ Trung hầu là

---

(1) Một chức quan hầu cận của vua chúa, chuyên giữ việc phát nhận giấy tờ và truyền đạt mệnh lệnh.

(2) Thời Lê Trung hưng, Thanh Hoá gọi là Thanh Hoa.

hạng khôn vặt, rút lại không lường được bụng dạ của họ ra sao.

Trong đó, thực thà không có ý gì, duy chỉ có Khanh Quận công và Châu Quận công mà thôi.

Quận Huy tự đứng làm chủ cuộc, phàm mọi việc đều tự mình gánh vác, không cần đùn đẩy cho ai, người khác có đồng ý hay không. Huy cũng chẳng thèm kể đến.

Lúc đó, chúa mới lên ngôi, vì còn thơ ấu nên người trong nước không khỏi có ý ngờ. Ở phố phường người ta túm năm tụm ba bàn tán. Kẻ nói chúa mới bị bệnh rất nặng, chưa biết chừng ngày nào đó trong cung sẽ có biến, Quận Huy uy quyền lớn quá, không khéo hắn sẽ cướp nước mất. Người bảo chính cung tư thông với Huy, ả sắp đem xã tắc giao phó cho Quận Huy. Bấy giờ, đầu đường xó chợ có câu ca dao như sau:

Trăm quan ít sáng, nhiều mờ[1]
Để cho Huy Quận vào rờ chính cung.

Huy nghe tin, bèn sai quan Đề lĩnh đem móc sắt và kéo treo khắp các chợ, doạ rằng những ai còn dám tụ họp nói chuyện thì sẽ móc lưỡi cắt đi. Do đó, ở ngoài đường sá người ta chỉ dám ghé mắt ngó nhau, dân chúng Kinh kỳ đều sợ nơm nớp.

Lại nói về Thế tử cũ, từ khi chúa mới lên ngôi, Thị Huệ vẫn muốn ngầm hại Thế tử, nhưng Thuỳ Trung hầu thường tìm lời khôn khéo để che chở cho. Thị Huệ bị lời lẽ Thuỳ Trung hầu giằng giữ, nên không dám quả quyết hành động. Ả bèn bắt Tông ra ở tại nhà Tả xuyên, rồi giao cho bốn đội Nội khuông, Nội dực, Nội nhưng, Nội kiệu giám sát. Mỗi ngày chỉ có ba bữa cúng cha, Thế tử mới được vào phủ đường, lễ xong lại về sở giam. Vì vậy, Thế tử ngày đêm lo

(1) Có sách chép: "Trăm quan có mắt như mờ" hoặc "Sáu ông cố mệnh ngẩn ngơ".

lắng, sợ rằng không giữ được tính mạng.

Mẹ Thế tử là Thái phi họ Dương nhờ người chị là Quận phu nhân họ Dương kêu van với Quận Huy rằng:

- Em thiếp là cung tần Dương thị mỗ và con út chúa là vương tử mỗ xin gửi lời lạy trình quan lớn xét cho: đứa con út đó có tội, gạt bỏ là phải, không dám phàn nàn. Nhưng nay nó ở vào cảnh ngộ hiểm nghi, tình thế cấp bách, khôn xiết nguy hiểm sợ hãi. Vậy muôn vàn lần mong mỏi quan lớn hãy rủ lòng thương, che chở cho nó được toàn vẹn, công ơn cứu sống của ngài, mẹ con nó xin ghi xương tạc dạ.

Quận Huy vừa khóc vừa trả lời:

- Tôi thờ tiên chúa, được chịu ơn huệ đã nhiều, nghĩa tuy là vua tôi nhưng tình là cha con. Thế tử cũ cũng là con của chúa tôi, tôi có lòng nào, thì xin trời tru đất diệt. Phu nhân trở về, cho tôi gửi lời trình trước màn tang của vương tử và quý cung tần rằng, xin cứ yên lòng, tôi sẽ hết sức giúp đỡ không có điều gì phải lo ngại.

Rồi Huy bí mật sức cho bốn đội quan quân, ra lệnh phải lỏng lẻo bớt trong việc giam giữ Thế tử. Từ đó các gia thần và các người thân tín cũ của Thế tử mới được ra vào dễ dàng, không ai xét hỏi.

Thế tử có người đầu bếp tên là Dự Vũ, vốn là người cơ trí, nói năng rành mạch. Một hôm, Thế tử hỏi bên ngoài lòng người ra sao. Dự Vũ đáp:

- Nhà chúa bỏ con cả lập con út, thiên hạ đều căm ghét, nhất là quân lính lại càng bất bình lắm. Hôm nọ trong khi tân chúa lên ngôi, theo lệ có ban tiền bạc cho các quân sĩ, nhưng trong quân nhao nhao, có kẻ không chịu nhận tiền ấy. Sau Quận Huy phải ra lệnh nghiêm cấm họ mới miễn cưỡng nghe theo, mà trong lòng vẫn còn hậm hực.

Thế tử mừng thầm đem chuyện ấy bàn với một viên gia thần tên là Gia Thọ.

Thọ người làng Bát Tràng, huyện Gia Lâm, cũng là kẻ tinh khôn, hắn nói với Thế tử:

- Lòng người như thế, nếu lấy nghĩa khí mà kích động, khiến cho họ một lòng tôn phù, thì việc lớn ắt thành.

Thế tử mừng lắm, bèn sai Dự Vũ làm cơm rượu mời bọn biện lại trong đám thân quân tới đánh chén, rồi nói với họ rằng:

- Thế tử chẳng có tội gì nhưng bị mụ đàn bà ác nghiệt họ Đặng làm mê hoặc tiên chúa, vu tội hãm hại Thế tử để cướp ngôi. Còn Quận Huy vốn có chí phản nghịch, lợi dụng Vương tử Cán bé dại dễ kìm chế nên hắn mới vào hùa với mụ mà gây ra việc bỏ người này lập người kia, để hắn làm phụ chính cho tiện cái mưu cướp nước của mình. Nay tân chúa bị bệnh nặng, sự nguy biến chỉ còn trong sớm tối. Không biết rồi đây cơ nghiệp nhà chúa sẽ do ai làm chủ! Ba quân đều là người ở đất "thang mộc"[1] và là binh lính ứng nghĩa, làm nanh vuốt của nhà nước, ai cũng sẵn lòng trung nghĩa. Nếu anh em còn nghĩ đến cái ơn của nhà chúa nuôi nấng trong hai trăm năm, thì hãy nên một lòng giúp đỡ nhà chúa. Mai đây nếu trời cho xong việc tất nhiên sẽ có sách sơn, khoán sắt[2] lưu truyền muôn đời.

Mọi người đều nói:

---

(1) Thang mộc: nghĩa là tắm gội. Đất "thang mộc" là đất thiên tử phong cho các chư hầu, để làm nơi cung đốn việc tắm gội hoặc nơi ăn ngủ trước khi vào chầu. Do đó, đất "thang mộc" cũng dùng để trỏ chung đất quê hương của vua chúa. Ở đây đất "thang mộc" trỏ vào Thanh Hoá, đất quê hương của vua Lê.

(2) Văn thư viết bằng son, khoán ước chế bằng sắt, ban cho bầy tôi có công để tỏ ý cũng được hưởng phúc lâu dài với nhà vua.

- Chúng tôi vẫn có bụng đó, nhưng chưa biết ý vương tử ra sao. Sợ đến lúc ấy nhỡ có điều gì kinh động, ngược lại quở trách chúng tôi gây việc. Nay vương tử đã ngỏ ý cho biết như thế, thì việc này chắc không khó gì.

Sau đó, họ bèn ngầm đi báo cho nhau, hẹn ngày tụ họp ở chùa Khán Sơn[1].

Lúc quân lính đến hội họp, bàn về việc ấy không ai là không hăng hái. Nhưng họ lại sợ thanh thế Quận Huy, nên chưa biết khởi sự như thế nào cho ổn thoả.

Giữa lúc đang bàn bạc như thế, thì bỗng một người đứng phắt nên nói:

- Chỉ sợ anh em không cùng một bụng thôi. Chứ nếu ba quân đồng lòng, thì bất quá chỉ thừa dịp cúng cơm sáng xong[2], đánh một hồi trống trong phủ làm hiệu, rồi kéo ùa cả vào, nắm cẳng hắn, vứt chỏng gọng xuống dưới thềm một cái là xong thôi mà!

Mọi người đều reo mừng hưởng ứng, và cùng nhìn về phía kẻ mới nói, thì ra đó là viên Biện lại của đội Tiệp bảo[3] tên là Bằng Vũ.

Gã Bằng Vũ này là người huyện Thanh Chương, xứ Nghệ An, ông cha vốn là công thần đời Lê Trung hưng. Về sau tập ấm[4] đã hết, con cháu trở nên nghèo nàn. Bằng Vũ được người làng thuê đi lính thay. Gã người thấp bé, thanh

---

(1) Chùa Khán Sơn xưa ở trên trái núi đất gần khu vực vườn Bách Thảo Hà Nội, chùa bị phá từ cuối đời Cảnh Hưng.

(2) Theo tang lễ xưa, người chết khi chưa chôn thì gia đình mỗi ngày cúng hai lần cơm.

(3) Đội thân binh hầu hạ.

(4) Đây dịch theo hai chữ ấm tân. Trong chế độ phong kiến, những kẻ làm quan tuỳ theo thứ bực, con cháu đều được nối nghiệp làm quan gọi là tập ấm đến lúc nào không được hưởng tập ấm nữa thì gọi là ấm tân.

nhã như dáng học trò. Sau khi vào đội Tiệp bảo, nhờ biết dăm ba chữ, gã được làm chân Biện lại. Ở kinh, gã thường làm mướn đơn kiện cho người ta, vẫn lừng tiếng là tay điêu toa trong việc xui nguyên giục bị.

Lúc này Bằng Vũ thủ xướng ra lời bàn đó, cả bọn liền bầu ngay gã làm chủ mưu, giao cho gã đánh trống trước để giục ba quân.

Bằng Vũ mạnh bạo nhận lời. Rồi cả bọn cùng nhau uống máu ăn thề. Nhưng họ không dự định ngày nào, chỉ hẹn nhau hễ nghe hiệu trống của Bằng Vũ thì cùng kéo đến để khởi sự.

Mưu toan bí mật đã bàn định xong, chợt lại có người nói:

- Việc này hết sức quan hệ. Nên nhờ quốc cữu tâu với Thánh mẫu xin lĩnh ý chỉ của Thánh mẫu mà làm. Vạn nhất Quận Huy có biết mình còn có mật lệnh làm cớ để mà nói, tỏ rằng mình vẫn làm việc minh bạch. Như thế mới là kế vạn toàn!

Người ấy là Bùi Bật Trực, quán làng An Toàn, huyện La Sơn, một trong danh sĩ xứ Nghệ. Bật Trực trước đã từng làm chức Viên ngoại lang, hồi này vì bị mất quan vẫn nương nhờ ở trong nhà quốc cữu Viêm Quận công[1].

Khi bọn biện lại hẹn quân sĩ đến tụ tập ở chùa Khán Sơn, Bật Trực cũng đã nghe phong thanh. Gã liền đem mưu mô của bọn quân sĩ nói nhỏ với Chiếu Lĩnh bá[2] con Viêm Quận công và khuyên nên nhập bọn để hớt lấy công ấy. Còn bản thân gã thì đứng ra làm người manh mối giữa Chiếu Lĩnh bá và bọn quân sĩ. Vì thế nên gã mới đến dự cuộc họp để nói với bọn họ như vậy.

---

(1) Viêm Quận công Nguyễn Trọng Viêm là em mẹ Trịnh Sâm, do đó gọi là quốc cữu.

(2) Tức Nguyễn Trọng Chiếu.

Quân sĩ vốn không cần chỉ của Thánh mẫu, nhưng thấy người nhà quốc cữu cũng có mặt trong cuộc hội họp, khước từ sợ sẽ lộ chuyện. Vả lại, lời của Bật Trực nghe cũng có lý, họ bèn cùng đi với Bật Trực đến gặp Quận Viêm.

Lúc quân sĩ chưa đến, Chiếu Lĩnh bá đã đem chuyện nói trước với cha. Cha hắn ta vốn là người tầm thường, nghe thấy chuyện đó thì sợ lắm bèn nói:

- Lũ lính tráng này là đồ thô lỗ, khinh suất nên mới làm việc ấy; mình can dự vào làm gì? "Con vua thì lại làm vua". Ai làm chúa ta cũng vẫn không mất cái chân là quốc cữu tiên triều. Nay lại muốn cầu công trạng, nếu việc thành, ta cũng không thể giầu sang hơn thế này nữa; mà ngộ nhỡ công việc vỡ lở, hẳn là chết không còn đất chôn!

Chiếu Lĩnh bá đáp:

- Bọn họ bàn bạc, ước hẹn với nhau đã đâu vào đấy rồi. Thế nào nay mai họ cũng ra tay, mà đã ra tay là phải xong việc. Cự tuyệt họ tức là bỏ uổng cơ hội. Vả chăng sự giàu sang của cha dẫu đã đầy đủ rồi thật, nhưng cha cũng nên để cho chúng con nhân dịp mà lập công danh. Hơn nữa con đã trót hứa với họ, bây giờ dù có muốn thoái thác cũng không thể được.

Một lát quân sĩ kéo đến. Quận Viêm bất đắc dĩ phải ra tiếp.

Sau khi nghe họ nói, Quận Viêm trả lời:

- Các anh em còn có lòng vì nước, tôi đây há lại dám có bụng dạ nào khác. Có điều anh em muốn xin ý chỉ của Thánh mẫu, thì nên đến nhà cháu tôi là viên Phó tri binh phiên Nguyễn Kiêm mà bảo viên ấy vào bẩm với Thánh mẫu. Viên ấy giữ chức Tri Lệnh sử, nên ra vào cung Huỳnh người ta sẽ không nghi ngờ. Còn tôi, tôi cũng xin gửi lời trình thêm với

Thánh mẫu nữa.

Quân sĩ nghe lời, lại kéo cả sang nhà Nguyễn Kiêm. Kiêm vốn là hạng hèn nhát, nghe quân sĩ nói thì hoảng hốt chối đây đẩy. Nhưng bọn người vẫn cố nèo:

- Việc này cũng đã bẩm với quốc cữu và Người đã dạy như thế.

Rồi họ thúc ép Kiêm phải đến nhà Quận Viêm để nhận lời dặn mà vào tâu với Thánh mẫu.

Nguyên việc bỏ con lớn lập con nhỏ, Thánh mẫu vốn không hài lòng, vì vậy khi được nghe mưu toan ấy, Thánh mẫu đã thấy hợp ý ngay. Nhưng dẫu sao cũng chưa thoát khỏi chí khí đàn bà, Thánh mẫu sợ nhỡ công việc bại lộ, quốc cữu sẽ bị vạ lây; nên muốn hãy ngầm dỗ dành Quận Huy để hắn đưa Thế tử Tông lên quyền ngôi chúa cho khỏi sinh biến. Lại nghĩ trong bọn bảy viên phụ chính, chỉ có Quận Hoàn, vừa là thầy học của chúa trước, vừa là bố vợ Kiêm, bụng dạ có thể tin được, mà lại là bậc lão nho có nhiều mưu trí, có thể cùng bàn mọi việc với ông ta, Thánh mẫu bèn bảo Nguyễn Kiêm một mặt báo cho bọn quân sĩ hãy chậm khởi sự lại vài ngày, còn một mặt thì tới bàn mưu với Quận Hoàn.

Quận Hoàn nói:

- Nếu ba quân làm như thế, tất sẽ gây ra rất nhiều việc lôi thôi. Nay Thánh mẫu quyết đoán sáng suốt như vậy thực là phúc cho xã tắc. Lão thần đây cũng không thể nghĩ hơn thế được. Nhưng xin Thánh mẫu hãy hạ chỉ dụ Quận Huy, còn tôi ở trong sẽ nói thêm vào.

Kiêm đem lời ấy tâu với Thánh mẫu. Thánh mẫu bèn sai người bảo Quận Huy rằng:

- Nay tân chúa bị đau, trong nước đang lo lắng, nghi ngờ. Tướng quân nếu còn coi xã tắc là trọng, thì hãy nên tạm để

cho Vương tử Tông lên quyền ngôi chúa để yên lòng người. Đến khi nào tân chúa trưởng thành, Vương tử Tông sẽ lại trao trả chính quyền và lui về giữ trọn đạo làm tôi. Tướng quân nên đem ý đó bày tỏ với Tuyên phi và để Vương tử Tông nhận Tuyên phi làm mẹ nuôi, lấy tướng quân làm a bảo. Mong rằng tướng quân hãy hết sức giúp đỡ cho được chu toàn.

Quận Huy đáp lại rằng:

- Lý tôi gửi lạy dưới cửa Thánh mẫu, Thánh mẫu đã lo đến việc lớn của xã tắc, tôi đâu dám chẳng vâng mệnh. Nhưng có điều việc này không phải ý của Tiên vương. Tôi được Tiên vương trao gửi con bồ côi, ngài đã dặn dò rất cặn kẽ. Nay tử cung[1] còn quàn tại đây mà đã thay đổi mệnh ngài, lòng tôi tự thấy không yên. Vậy chuyện này xin hãy để liệu sau. Vả Tiên vương cũng không còn người con nào khác chỉ có tân chúa và Vương tử Tông mà thôi. Nếu tân chúa không gánh vác nổi công việc, thì sau đó tất là phải đến Vương tử Tông. Lúc đó Vương tử Tông cứ việc đàng hoàng mà thay thế, há chẳng tốt đẹp hơn sao, cần gì mà phải vội vã hấp tấp, làm việc trái với lẽ thường như vậy? Còn như kẻ lo lắng thì lâu rồi họ khắc yên lòng, kẻ nghi ngờ, lâu rồi họ khắc tin tưởng. Dám xin Thánh mẫu cứ yên tâm.

Sứ giả ra chưa khỏi cửa, Quận Huy đã hằn học:

- Việc này dẫu có đánh chết ta cũng chẳng nghe!

Sứ giả về thuật với Thánh mẫu. Thánh mẫu biết chí của Huy không thể lay chuyển, bèn theo lời Huy nói lại với Nguyễn Kiêm.

Kiêm sợ việc lộ, lại đến bàn với Quận Hoàn.

Quận Hoàn nói:

---

(1) Quan tài của vua chúa.

- Bây giờ sự thế đã như vậy, thôi thì mặc cho ba quân họ muốn làm gì thì làm!

Tình cờ có một tên lính ở xã Vạn Lộc, huyện Đông Sơn, đem các công việc báo với người cùng làng là viên Thiêm tri binh phiên Trần Hữu Cầu. Cầu vốn tính hiếu sự lại giỏi làm văn, tức thì soạn ngay bài hịch *Ba quân phò chính*, rồi ngầm đem dán ở khắp các đường phố. Do đó, trong Kinh kỳ nôn nao cả lên.

Thấy chuyện đã vỡ lở như vậy, bọn Bằng Vũ cho là thế không thể đừng được, bèn quyết định ngay ngày hôm sau khởi sự, không cần phải tâu với Thánh mẫu. Hôm sau là ngày 24 tháng 10 năm Nhâm Dần (1782).

Bấy giờ Quận Huy cũng biết tai hoạ sắp xảy ra, liền nói toạc ra ở trong triều rằng:

- Ngày mai có biến, tôi sẽ chết. Nhưng tôi chết cũng phải có dăm ba mạng đi theo.

Các quan nói:

- Lẽ nào lại có chuyện ấy?

Quận Huy bèn đưa ra một tờ khải nói là Huy Bá tố cáo Quận Viêm đang âm mưu làm phản và xin các quan hãy tra xét để trừng trị.

Gặp lúc trời sắp tối, người nhà Quận Huy có kẻ khuyên hắn nên bế tân chúa đi trốn, rồi gọi quân bên ngoài vào bắt bọn gian, có kẻ khuyên hắn nên đưa nghĩa sĩ vào trong phủ để tự vệ. Nhưng Quận Huy đều gạt đi mà rằng:

- Xưa nay thói đời vẫn hay phao nhảm, chưa chắc việc đó đã có thật. Mà dù có đi nữa thì cứ để thong thả rồi cũng tra ra, chúng nó trốn đi đằng nào được. Nếu việc quá gấp không thể trị nổi bọn chúng, thì ta đây vâng mệnh của đấng Tiên vương, sống thác cũng cam, cần gì mà phải hốt hoảng!

Đêm ấy Quận Huy ngủ ở trong phủ, cũng chỉ đem theo vài người hầu như mọi ngày, không hề phòng bị gì hết.

Sáng mai, lễ cúng cơm bữa sáng vừa xong, các quan đang sắp lui trào, Bằng Vũ vào trong phủ, đánh luôn ba hồi chín tiếng trống.

Các quan ngơ ngác nhìn nhau. Quận Huy sai người đóng chặt cửa các, bắt trói Bằng Vũ đem chém. Khi Bằng Vũ đã bị trói rồi, Thuỳ Trung hầu bảo Quận Huy rằng:

- Bọn chúng lập mưu này không phải chỉ có một đứa, nếu chém Bằng Vũ thì đảng gian sẽ lọt lưới hết. Chi bằng hãy giam nó lại, để tra xét thêm cho tiệt hết mầm loạn.

Quận Huy cho là phải, thế là Bằng Vũ không bị giết chết.

Lại nói, quân sĩ nghe thấy tiếng trống tức thì người nào cùng nhảy nhót hăng hái, cùng cầm binh khí xô lấn nhau mà vào trong phủ.

Lúc ấy cửa các đã đóng, quân lính ở bên ngoài không vào được, họ cứ đứng hò reo quát tháo long trời lở đất.

Quận Huy gọi Quận Châu ra bảo:

- Cậu[1] giữ chức binh phiên, làm sao không biết răn đe chúng nó?

Quận Châu sợ hãi, vâng dạ mà ra.

Quận Huy tự làm tờ khải rằng:

"Lý tôi kính khải như sau: Tôi được Tiên vương giao cho giúp đỡ nhà chúa. Nay đám ba quân nổi loạn, làm cho kim khuyết náo động. Tôi xin vâng lĩnh mệnh chúa đem quân giết chúng. Nếu dẹp được, ấy là nhờ về oai linh của chúa, nhược bằng không dẹp được, tôi cũng xin liều chết để xuống ra mắt Tiên vương ở dưới âm cung".

---

(1) Quận Châu là bà con họ ngoại của chúa Trịnh, do đó gọi là cậu.

Khải làm xong, Quận Huy giao cho quan Xuất nạp dâng trình, và xin lấy thanh bảo kiếm của chúa để ra đánh giặc.

Khi bảo kiếm đưa tới, Quận Huy quỳ gối lĩnh nhận, rồi lập tức truyền lấy voi để ra trận.

Lúc ấy Quận Châu đang đứng ở phía trái trong cửa các, cách quân lính một bức tường, lên tiếng dụ họ rằng:

- Làm lính phải biết lễ phép. Nay tử cung còn quàn ở đây, các người không được làm ồn ào như vậy. Nếu có điều gì muốn nói, cứ về viết một tờ khải đem lại, ta sẽ trình bày giúp.

Quân lính thét lớn:

- Cậu cũng định theo Quận Huy làm phản à? Nếu cậu không mở ngay cửa ra, chúng tôi trèo tường mà vào, thì xác cậu sẽ nát như cám!

Quận Châu run sợ, phải mở cửa. Quân lính chen vai xông vào.

Quận Huy chống kiếm lên voi, cưỡi ra giữa sân phủ, trỏ ba quân quát:

- Bớ ba quân! Các ngươi phải đâu về đấy ngay, không được làm ầm ĩ, ta sẽ chém đầu chúng mày!

Quân sĩ vốn sợ Huy, thấy hắn cưỡi voi, lại càng khiếp đảm, đều ngồi sụp xuống nghe lệnh. Không dám lên tiếng, cũng không dám xông tới.

Nhưng chỉ được một lát, bao nhiêu người đang ngồi lại nhao nhao đứng dậy, kéo ập vào trước đầu voi. Voi vươn đầu ra húc, quân lính chạy quanh chân voi để tránh cặp ngà. Rồi họ lấy khí giới đâm chém túi bụi, có kẻ cạy gạch ngói ở phủ ném ra tới tấp, voi co vòi mà gầm không dám húc nữa. Quận Huy giương cung định bắn, chẳng may cung bị đứt dây; lại vớ lấy súng để nạp đạn, nhưng mồi lửa tịt không cháy. Quân lính thừa dịp dùng luôn câu liêm lôi viên quản tượng xuống

đất mà chém. Voi bước lùi trở lại. Quân lính xúm đến vây kín dưới chân voi. Quận Huy lấy mũi lao phóng xuống, làm bị thương vài người.

Quân lính hăng máu kéo đến càng đông. Lại có một toán ở cửa Tuyên Vũ xông vào, đứng chắn ở đằng sau voi, khiến voi phải đứng im không thể nhúc nhích. Họ bèn dùng câu liêm móc cổ Quận Huy kéo xuống, rồi đánh đấm túi bụi giết chết ngay tại chỗ.

Sau đó, họ phanh bụng Quận Huy lấy gan ăn sống còn thây chết thì lôi ra ngoài cửa Tuyên Vũ.

Em ruột Quận Huy là Lý Vũ hầu Hoàng Lương nghe tin có biến, vội vàng chạy bổ vào phủ đường. Nhưng mới đi đến cửa chùa Báo Thiên thì bị quân lính quát đứng lại, rồi họ vớ luôn gạch đá trên đường đập cho vỡ đầu và vứt xác xuống hồ Thuỷ Quân[1].

Anh em Quận Huy chết rồi, quân lính vui mừng reo hò như sấm. Họ kéo nhau vào nhà Tả xuyên phò Thế tử Tông lên phủ đường. Họ kiệu Thế tử lên vai, rồi đứng xúm chung quanh, gào lên vui sướng.

- Xin ngồi cao thêm nữa để thiên hạ đều được thấy mặt rồng, cho thoả lòng vui của con người?

Trong lúc gấp vội không có kỷ sập, họ phải dùng tạm chiếc mâm vẫn bày cỗ lộc làm ghế, đặt Thế tử ngồi lên, rồi tám người kề vai vào khiêng. Chốc chốc họ lại nâng bổng chiếc mâm lên trên đầu mà đội; đầu mỏi lại hạ xuống vai, rồi vai mỏi lại nâng lên đầu. Cứ thế lên lên xuống xuống y như người ta giỡn quả cầu hoặc rước pho tượng Phật. Mỗi lần Thế tử được nhô lên cao, quân lính lại vỗ tay reo hò vang lên một

(1) Hồ Hoàn Kiếm bây giờ.

chặp. Những kẻ buôn bán ở các phố phường, chợ búa đều tranh nhau kéo đến xem chúa, sân phủ đông như họp chợ.

Quận Châu phải đem ngọn cờ đuôi báo phất ở giữa sân, rồi khua chiêng thu quân, mãi đến hơn một trống canh mới yên.

Mấy hôm trước, ngày nào trời cũng u ám. Hôm ấy tự dưng bầu trời lại trong sáng, mọi người đều cho đó là cái điềm thái bình, thánh chúa. Kẻ qua người lại trên đường đều hí hửng nói:

- Chúa ta lập rồi!

Thế rồi họ truyền miệng nhau mà reo mừng. Kinh kỳ hôm ấy vì thế phải nghỉ phiên chợ.

Quân lính đặt chiếc sập ngự ở ngoài phủ đường, các quan đều dìu Thế tử lên ngôi chúa. Cuộc lễ mừng xong rồi, các quan mới đem đạo sắc của nhà vua và tờ chỉ của Thánh mẫu dụ ba quân về việc phò lập chúa, tới dán ở cửa các. Những tờ ấy đều là tạm thời thảo ra, nhưng được gọi là mệnh lệnh định sẵn.

Hôm ấy, việc biến xảy ra, Thị Huệ khiếp sợ vô cùng, phải thay đổi quần áo, nấp ở hậu cung. Các gia thần của vị chúa nhỏ cũng đều chạy trốn hết cả. Riêng Quận Diễm bế chúa lánh đi ở một nơi khác, từ sớm đến tối không được miếng gì vào mồm, chúa gào khóc nheo nhéo. Quận Diễm phải doạ:

- Không được khóc to, kẻo quân lính nghe tiếng, chúng nó kéo đến đánh chết!

Chúa nhỏ sợ hãi, mới không khóc nữa.

Đến đêm, Thánh mẫu sai người đi tìm Thị Huệ cùng chúa nhỏ về cung, cho thay quần áo và ăn uống. Chúa nhỏ vì quá sợ hãi không ăn uống gì được, bệnh càng thêm nguy kịch.

Chúa mới (Trịnh Tông) bèn treo giải hễ người nào chữa khỏi bệnh cho chúa nhỏ, thì thưởng một trăm lạng vàng và phong cho tước hầu. Nhưng rốt cuộc không có ai nhận chữa.

Hôm sau, chúa mới ra lệnh cho quan Tham tụng Tứ Xuyên hầu, thay chúa nhỏ làm một tờ khải xin tự lui xuống làm vương đệ. Tờ khải làm xong, chúa mới giao xuống cho các đình thần bàn bạc. Các quan xin giáng phong chúa nhỏ làm Cung Quốc công. Được ít lâu sau thì Cung Quốc công qua đời.

Lại nói, bọn quân sĩ tuy đã giết chết anh em Quận Huy, nhưng cơn giận vẫn chưa hả. Phò lập Thế tử Tông lên ngôi chúa xong xuôi, họ lại kéo đến quỳ ở trước mặt chúa xin phá tất cả dinh cơ của Quận Huy.

Chúa ưng lời ngay. Ba quân liền reo lớn:

- Quan cứ lệnh, lính cứ truyền, mau đi phá huỷ dinh Quận Huy anh em ơi!

Chỉ trong chốc lát, nhà cửa Quận Huy bị phá tan tành, một mảnh ngói cũng không còn. Rồi bọn quân lính càng thừa thế hoành hành. Phàm các quan văn võ hễ ai thuộc bè đảng Thị Huệ và Quận Huy, cùng những người dự vào việc tố giác vụ án năm Canh Tý[1], những viên quan hầu mọi ngày có tính nghiệt ngã mà quân lính vẫn ghét, lúc ấy cũng đều bị phá nhà hàng loạt và bị lùng bắt đem giết chết.

Luôn trong mấy ngày, họ làm náo động cả Kinh thành. Tông phải hạ chỉ ngăn cấm mà họ vẫn không thôi.

Sau, chúa phải sai người dò xét trong Kinh kỳ, lén đến chỗ họ tụ họp, rồi bắt phứa lấy một người thường dân ở gần đó đem chém để ra oai. Từ đó về sau việc phá phách nhà cửa

(1) Việc Tông mưu cướp ngôi khi trước.

mới tạm ngừng, nhưng việc lùng bắt người để giết thì vẫn chưa dứt.

Lại nói, trong bọn thủ hạ của Quận Huy có một người tên là Nguyễn Hữu Chỉnh, quê ở làng Đông Hải, huyện Chân Phúc, trấn Nghệ An.

Cha Chỉnh nhờ nghề buôn bán, trở nên giàu sang, gia tư kể có hàng vạn, thường vẫn ở dưới cửa Quận Việp.

Chỉnh phong tư đẹp đẽ, trí tuệ hơn người. Lúc nhỏ theo học nho, đã đọc khắp các kinh sử, năm mười sáu tuổi đỗ Hương cống, đã từng theo cha nương nhờ dưới cửa nhà Quận Việp.

Chỉnh giỏi về thơ văn Quốc âm. Vì mến công nghiệp của Quách Tử Nghi nhà Đường, Chỉnh có làm bài *Quách lệnh công phú* bằng chữ Nôm được nhiều người trong nước truyền tụng.

Tính Chỉnh lại hào hiệp, giao du khắp thiên hạ. Trong nhà Chỉnh lúc nào cũng có vài chục người khách, khi ngâm thơ, khi uống rượu, tuỳ theo sự hứng thú mà thù tạc với nhau. Nhà Chỉnh nuôi mười mấy ca nhi và vũ nữ. Chỉnh tự tay soạn ra bài hát, phổ vào đàn sáo, ngày đêm bắt họ ca múa để mua vui.

Vì thế. Chỉnh được xem là tay phong lưu bậc nhất ở đất Trường An[1] hồi ấy.

Ngoài ra, Chỉnh lại còn có tài khôi hài, mỗi khi bông đùa, ai cũng phải phục.

Ở trong nhà Quận Việp hơn mười năm, Chỉnh mới được cử ra coi đội Thiện tiểu, có kẻ thấy vậy chê rằng:

---

(1) Tức là Kinh đô Thăng Long, Nguyên là tên Kinh đô nhà Hán, sau thành danh từ chung chỉ Kinh đô.

- Sao nhỏ thế?

Chỉnh liền đáp lại ngay:

- Chớ cho điều thiện nhỏ mà không làm![1]

Cả đám đều bật cười. Tài bông đùa của Chỉnh đại để là như vậy.

Khi Quận Việp vào đánh phương Nam, Chỉnh được đi theo giúp việc bút nghiên. Thấy có tài, Quận Việp hết sức yêu mến.

Sau khi Quận Việp qua đời, có kẻ tố cáo rằng trong lúc làm việc quan, Chỉnh đã đánh cắp vàng bạc của công kể đến hàng trăm vạn. Việc ấy liên luỵ đến cả Quận Huy. Chỉnh bị tống giam vào ngục và bị tra tấn đến gần chết, nhưng vẫn nhất định không xưng. Nhờ vậy Chỉnh mới được vô tội. Còn Quận Huy thấy thế thì lại càng trọng Chỉnh bội phần.

Lúc vào làm Trấn thủ Nghệ An, Quận Huy dùng Chỉnh làm Hữu tham quân: thường giao cho Chỉnh luyện tập thuỷ thủ để chống giặc biển. Chẳng bao lâu Chỉnh trở thành vô địch trong nghề thuỷ chiến. Ngoài biển, mọi người thường gọi Chỉnh là "con hải ưng".

Đến hồi Quận Huy đổi về trấn Sơn Nam, Chỉnh cũng được đổi sang cai quản đội Tiến trung, đem quân đi tuần mặt biển. Rồi ít lâu sau Chỉnh lại được đổi về trông coi cơ Tiền ninh ở trấn Nghệ An.

Ngôi mả tổ nhà Chỉnh nằm ở trên núi Côn Bằng. Về thế đất ấy sách địa lý nói rằng: "Ngàn vạn con rồng đuổi ngàn vạn con hổ: xưng bá xưng vương đều được như ý". Nhân đó Chỉnh mới tự đặt hiệu là Bằng Lĩnh hầu. Thời kỳ còn ở dưới

---

(1) Câu này rút trong bài di chúc của Lưu Bị đời Tam Quốc để lại cho con. Nguyên văn là: "Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi " ở đây Chỉnh mượn hai chữ *Thiện tiểu* của Lưu Bị để chỉ đội Thiện tiểu với ý khôi hài.

trướng Quận Việp, Chỉnh có một người quen cùng làng tên là Nguyễn Viết Tuyển, thi võ đỗ Biền sinh. Tuyển vốn có sức lực hơn người, lại là tay can đảm, mưu lược, nhờ Chỉnh tiến cử lên Quận Việp, nên Tuyển được coi Trung đội của đạo Hầu kiên đóng ở trấn Sơn Nam.

Đến lúc này nghe tin trong Kinh có biến, Tuyển vội vã vượt biển về quê. Giương buồm ra đi từ ngày 26 đến ngày 28 thì đến làng Đông Hải. Tuyển đem hết mọi việc ở đường ngoài kể lại với Chỉnh. Chỉnh bối rối hoảng hốt, không biết nên làm thế nào.

Thật là:

Sóng nổi đất bằng ai chẳng sợ,
Nắng thiêu núi tuyết khó nương nhờ[1].

Chưa biết Chỉnh liệu tính như thế nào? Hãy xem hồi sau phân giải.

---

(1) Sách *Thông giám* chép: Đời Đường, có người bảo Trương Thoản nên tới nhà Dương Quốc Trung. Thoản nói: "Các người dựa vào Dương hữu tướng như tựa núi Thái Sơn: Tôi thì cho đó là trái núi băng. Hễ mặt trời lên thì các người hết chỗ dựa". Câu này lấy ý ở điển ấy.

HỒI THỨ BA

Dương nguyên cữu bàn chém kiêu binh,
Nguyễn quốc sư mưu trừ nội loạn

Lại nói: Nguyễn Hữu Chỉnh nghe lời Viết Tuyển, bị một phen giật mình sợ hãi, nhưng rồi lại cố trấn tĩnh ngay và giữ kín chuyện đó không để lộ cho ai biết, chỉ bí mật dặn vợ mấy điều, rồi đi thẳng đến trấn sở Doanh Cầu để bàn với Dao Trung hầu[1].

Dao Trung hầu nguyên là em rể Quận Việp, hiện làm Trấn thủ Nghệ An, nghe lời Chỉnh nói, sợ lắm liền hỏi mưu kế nên như thế nào.

Chỉnh nói:

- Trấn này giáp liền trấn Thuận Hoá, hiện nay Phó tướng Phú Xuân là Thể Quận công, đồn thủ Động Hải là Khôi Thọ hầu[2], đều là môn đồ của cụ Quận Việp, với chúng ta cũng là những người cùng thuyền. Quan lớn nên viết thư kín bảo Quận Thể tìm cách giết viên đại tướng Phú Xuân, chiếm lấy thành đó, rồi kíp cho người ra dụ Khôi Thọ. Khôi Thọ thế nào cũng đem cả thành Động Hải mà hưởng ứng với ta. Còn ở đây, quan lớn cứ việc giữ lấy trấn này để làm cái thế môi răng

(1) Tức Vũ Dao, người huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

(2) Thể Quận công tên là Hoàng Đình Thể, Khôi Thọ hầu tên là Khôi Thọ.

với hai nơi ấy. Rồi ngài thu dùng hào kiệt, chiêu mộ thổ binh, chặn đường Hoàng Mai và đóng đồn lớn ở vùng Quỳnh Lưu để làm thế cố thủ. Còn về việc phòng giữ mặt biển, tôi xin đảm đương. Trấn này địa lợi có thể nương tựa, nhân tâm có thể trông cậy. Năm trước Quận Siêu bị tội với đức Dụ Tổ[1] cũng giữ trấn này để chống lại nhà chúa, cuối cùng đã thoát khỏi tai nạn. Huống chi sự thể ngày nay lại còn dễ dàng hơn hồi Quận Siêu, nếu ngài làm được như vậy, ấy là đã lấy được nửa thiên hạ rồi đó. Chẳng những triều đình không làm gì nổi, mà ngài còn có thể giữ cõi yên dân, ung dung ngồi nhìn sự thay đổi của thiên hạ. Như thế, chẳng những trước mắt khỏi bị tai vạ mà sau còn có thể lập được kỳ công nữa?

Dao Trung hầu ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói:

- Kế của ông quả thực là hay lắm. Nhưng tôi tự liệu tài sức không thể làm được như thế. Xin ông nghĩ cho cách thứ hai nữa xem sao?

Chỉnh đáp:

- Ngoài kế ấy ra, chỉ còn một cách bỏ nước mà đi thôi?

Dao Trung hầu lại hỏi:

- Nhưng mà đi đâu?

Chỉnh nói:.

- Thiên hạ vạn nước, lo gì không có chỗ đi?

Rồi Chỉnh ghé tai Dao Trung hầu nói nhỏ mấy câu.

Dao Trung hầu nửa muốn nghe theo, nửa lại mơ hồ chưa quyết liền nói với Chỉnh:

- Đó cũng là việc to lớn lắm, để tôi nghĩ lại xem đã!

Chỉnh nói:

- Bây giờ sự biến chỉ trong chốc lát, đợi khi ngài nghĩ lại

(1) Tức Trịnh Giang.

thì có lẽ cái lệnh tróc nã đã tới nơi rồi. Vậy ngài hãy ở lại mà nghĩ, xin để cho tôi được tự tiện!

Rồi Chỉnh cáo từ ra về. Tới nhà, Chỉnh hỏi vợ biết mọi việc đã sửa soạn xong, bèn nói là có lệnh của quan Trấn thủ sai đi tuần tiễu mặt biển, rồi đưa hết người nhà từ già đến trẻ và tất cả các thứ gia sản xuống thuyền. Mọi người trong nhà đều không hiểu là chuyện gì.

Khi tất cả đã ở trên thuyền rồi, Chỉnh mới gọi hơn trăm lính cơ do Chỉnh trông coi, bảo họ đứng ở bờ sông, nói rõ ràng duyên cớ cho họ nghe, để lại cho mỗi tên lính một quan tiền đen, rồi từ biệt họ. Đến tận lúc ấy, bọn lính mới hiểu công việc của Chỉnh.

Thuyền nhổ neo. Chỉnh cho bắn ba phát súng lớn, rồi sai chèo ra giữa dòng sông và kéo buồm cho thuyền chạy thẳng ra biển.

Lại nói, ba quân sau khi đã phò lập được Thế tử Tông lên ngôi chúa, họ cậy vào công đó sinh ra kiêu căng. Hàng ngày họ tụ họp để cùng nhau bàn việc triều đình. Thường khi họ viết giấy đưa vào trong triều, nói việc này nên để, việc kia nên đổi. Nhiều khi những việc vô lý họ cũng bắt buộc triều đình phải làm. Chẳng những thế, họ còn đòi hỏi những ơn này ơn khác, không biết thế nào là đủ. Triều đình hễ có ai bàn việc phải chăng thì họ lấy việc phá nhà, đánh giết ra để hăm doạ. Những lúc các quan xử kiện, họ cũng nhúng tay vào, hoặc nhận bên nguyên là người họ, hoặc nhận bên bị là người quen, rồi ép các quan phải đổi trắng thay đen. Còn dân chúng trong vùng họ đóng có kiện cáo gì, thì họ tự ý đòi bắt và xử đoán lấy, không cần gì đến quan tư.

Các quan đều phải nhịn hơi nuốt tiếng không dám động chạm đến họ. Trong cung hễ động làm việc gì bất kể lớn nhỏ,

họ cũng dòm nom bàn tán; hoặc bẻ việc này sao làm thế kia, hoặc hỏi việc kia sao làm thế này. Chúa và Dương Thái phi cũng tự thấy bị bó buộc quá, không thể chịu nổi.

Triều đình bàn nên xét công ban thưởng, để tỏ rõ sự đền ơn, khiến cho họ đều được mãn nguyện; rồi sau đó sẽ dùng phép vua mà trừng trị dần dần. Chúa cho là phải bèn sai các quan bàn định về công giúp đỡ tôn phò nhà chúa. Phong cho Bằng Vũ làm Suy trung dực vận công thần, tước hầu, coi đội quân chầu chực ở nội cung. Quận Viêm, Quận Hoàn cùng bọn Nguyễn Kiêm, Gia Thọ, Dự Vũ đều được phong làm Tuyên lực công thần và theo thứ bực khác nhau, đều được thăng chức tất cả. Riêng ba chục người nhóm họp ở chùa Khán Sơn lại còn được ghi tên vào sổ trung nghĩa và cho thăng thưởng thêm. Ngoài ra, các quân lính thuỷ bộ, trong, ngoài đều được thăng chức một lần, đồng thời được ban tiền thưởng tuỳ theo công trạng nhiều hay ít. Triều đình lại cấp cho họ những đạo sắc bỏ trống chỗ đề tên người, họ có thể nhượng lại cho kẻ khác mà lấy tiền để hưởng được ơn huệ thực sự.

Sau khi quân lính đã nhận thưởng đâu vào đấy, chúa bèn dụ họ ai nấy đều nên tuân theo pháp luật để cùng vui hưởng thái bình.

Bấy giờ, quân lính liền răn bảo nhau rằng:

- Cánh mình đã phò lập ông ấy làm chúa, thì cũng đừng nên quấy nhiễu quá để cho ông ấy được biết cái thú vui làm chúa. Rồi xem sau này dần dần thuận cảnh ông ấy cư xử ra sao? Nếu ông ấy càn rỡ quá đáng, thì lúc bấy giờ sẽ liệu cách mà trừng trị. Chúng mình đằng nào cũng không mất quyền làm lính kia mà!

Rồi từ đó, họ cũng bớt làm bậy.

Chúa được yên ổn đôi chút, liền đưa những người thân tín cũ vào các chỗ trọng yếu. Lấy Tả tư giảng Nguyễn Khản làm Tham tụng; cậu cả là Khuông Thọ hầu Dương Khuông làm Quyền phủ sự.

Nguyễn Khản người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, là con Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm. Khản sinh ra là một trang phong lưu công tử, thi đỗ rất sớm, theo phò Thịnh Vương từ lúc chưa lên ngôi chúa, được vương rất đỗi yêu mến. Kịp đến khi vương lên ngôi, Khản lại càng được tin dùng, được ra vào trong cung cấm, y như các viên nội giám.

Tính Khản hào hoa, trong lâu đài không mấy khi dứt tiếng sênh ca, hoặc tiếng ngâm thơ, đánh đàn để mua vui. Người ta thường xem Khản là bậc phong lưu đại thần. Tại đình Kim Âu nơi Khản ở có đủ cả nước, non, trúc, đá, cảnh trí hết sức thú vị. Thịnh Vương hay ngự chơi nhà Khản, thường ban thưởng rất nhiều.

Trước Khản làm Tả thị lang sung chức Bồi tụng, với Xuân Quận công cùng ở trong Chính phủ. Sự yêu quý của chúa đối với Khản hồi ấy thật là có một không hai trong hàng các quan văn võ.

Sau đó, Khản được đổi làm Trấn thủ Sơn Tây và kiêm cả Trấn thủ Hưng Hoá. Đến khi xảy ra vụ án năm Canh Tý, tội Khản đáng phải chết, nhưng Thịnh Vương nghĩ thương tình, đặc cách cho giảm nhẹ, chỉ bắt giam ở nhà Quận Châu. Hồi ấy Quận Huy và Thị Huệ cũng muốn tìm cớ đưa Khản đến chỗ chết. Nhưng Khản biết ý đã làm một bài *Tự tình khúc* bằng chữ Nôm, kể hết những sự đãi ngộ quý mến ngày xưa, rồi nhờ người lén đưa giấu cho chúa. Chúa xem bài đó, động lòng thương, nhờ vậy Khản mới thoát chết.

Kịp đến khi Thế tử Tông lên ngôi, Khản lại được phục

chức về ban cũ, rồi thăng chức Thượng thư bộ Lại, tước Tán Quận công.

Nguyên ngày đi đánh dẹp phương Nam, Khản làm Tham lĩnh trấn Nghệ An, kiêm trông coi về lương hướng của quân lính; Khản có dung túng cho người nhà quấy nhiễu xứ ấy. Nên bấy giờ thấy Khản được phục chức, thì bọn lính xứ Nghệ lại lôi cái oán cũ ấy ra. Họ nhao nhao bảo nhau:

- Lão ấy là người xa xỉ, phóng túng, năm xưa đã từng gieo rắc bao nhiêu tội ác cho trấn ta, ta kiện nhưng không được xử. Nay lão ấy lại làm Quốc sư, rồi nếu để lão ấy lại làm Tể tướng nữa thì dân chịu sao nổi? Chi bằng chúng ta mỗi đứa cho một đấm cho xong đời lão ấy đi?

Nhưng rồi trong bọn lại có kẻ đứng ra khuyên giải, nên Khản mới được vô sự.

Dương Khuông là em ruột Dương Thái phi, người rất dung tục bỉ ổi, không có tài năng gì hết. Vụ án năm Canh Tý, tôi tớ, họ hàng, bè đảng nhà Thế tử Tông đều bị tai vạ, riêng Khuông nhờ ngu si mà được hưởng phúc thái bình. Khi Thế tử mới lên ngôi, Khuông liền được giao cho trông nom cơ Trung uy, cùng với Dương Thái phi nấp bên trong mà định đoạt mọi việc. Quân lính đã từng nhạo báng rằng:

- Cậu ấy thì có tài cán gì? Chẳng qua chỉ nhờ vào cái bóng của người mặc váy mà được như thế. Nay vừa khỏi vòng cùng khốn, đã muốn vội giàu sang. Cũng ví như kẻ bị đói đã lâu, lúc gặp cơm thì ăn ngốn ăn ngấu rồi cũng đến nứt ruột ra mà thôi!

Đến bây giờ thấy Khản và Khuông cùng vào Chính phủ, lòng họ đều không phục. Tuy vậy, bọn họ cũng rất giảo quyệt, kẻ này oán nhưng kẻ kia lại ơn, sau lưng họ chê mà trước mặt họ lại khen, chẳng còn hiểu đầu đuôi ra sao?

Vả chăng những nhà có chức quyền trọng yếu thường chỉ nghe lời nói chuyện thái bình mà không nghe lời nói chuyện nguy biến. Việc gì cũng muốn mạnh bạo tiến tới, nhưng không biết ngoảnh nhìn mối lo về sau. Họ chỉ muốn nóng vội làm cho chóng được thái bình. Cho nên mới có những mưu kế sâu sắc, những lời bàn bạc kín đáo, mà việc cần kíp thứ nhất là đè nén bọn kiêu binh.

Tình cờ lúc đó, trong kiêu binh có bốn người lính giả lấy danh nghĩa đồng đội, ức hiếp người lái buôn Đông Hà để mượn thuyền. Việc này bị người Đội trưởng phát giác và triều đình đem chém cả bốn. Bọn kiêu binh đều oán là hình phạt quá lạm. Nhưng vì họ đã trót tự mình phát giác ra, nên cuối cùng cũng đành im.

Khản và Khuông thấy đám lính im lặng, cho là uy quyền đã được lập lại, hai người mừng rỡ bảo nhau:

- Nhà nước đã sẵn có pháp luật. Nếu ta vẫn giữ vững pháp luật như thế vài lần, thì dù chúng có kiêu cũng chẳng kiêu được?

Bấy giờ có viên Tri huyện Đông Thành là Mai Doãn Khuê, người làng An Toàn, huyện La Sơn, Khuê vốn là tay giảo quyệt ghê gớm trong trấn Nghệ An. Việc quân lính ngông nghênh làm bậy, phần nhiều đều do hắn xui giục. Vì muốn tâng công với triều đình, Khuê bèn mật báo với Tán Quận công Nguyễn Khản rằng:

- Triều đình cho rằng kiêu binh có thể dẹp được, nhưng không biết rằng hoạ lớn sắp xảy ra không thể nào ngăn nổi. Tôi nghe bọn lính bàn nhau: Hoàng Tự tôn[1] nguyên trước do họ đón về, nay Hoàng thượng tuổi già, mà hoàng tự tôn cũng

(1) Hoàng Tự tôn là cháu nối nghiệp của Hoàng thượng, chỉ Lê Duy Kỳ, tức Chiêu Thống sau này.

đã khôn lớn, họ muốn họp nhau tâu xin Hoàng thượng nhường ngôi cho cháu. Khiến cho ngôi vua ngôi chúa đều do tay quân lính dựng lên, để công của họ càng to thêm. Trong bọn họ lại có một số người cậy mình có công rồi tỏ ý oán vọng, họ muốn phò cho nhà vua thống nhất thiên hạ, để cướp lại quyền ở nhà chúa. Nếu kế ấy mà thành được, tôi e các ngài sẽ không còn đất mà gửi thân nữa.

Tán Quận công đem lời ấy tâu lại với chúa. Chúa sai Doãn Khuê phát giác chuyện đó.

Khuê bèn vu cáo cho viên Câu kê Siêu Thọ bá, cháu gọi Tứ Xuyên hầu bằng cậu, cũng có dự mưu.

Việc ấy được giao xuống tra xét thì không thấy bằng chứng gì hết nhưng triều đình vẫn cho là người tố cáo nói đúng, bèn đưa Siêu Thọ về giam ở quê quán.

Còn Doãn Khuê vì có công phát giác, được phong làm Khuê Lĩnh bá, cho cai quản toán lính chầu hầu ở nội điện. Khuê lại còn được kiêm chức giảng quan cho hoàng tự tôn và được ở luôn trong nội điện để dò xét công việc của ông hoàng đó.

Lại nói, hoàng tự tôn Lê Duy Kỳ[1], là con Thái tử Lê Duy Vỹ đã mất.

Thái tử xưa vóc người đẹp đẽ, tư chất thông minh. Thấy nhà vua bị mất quyền, Thái tử căm tức lắm, thường vẫn khảng khái nuôi chí thu phục lại quyền bính. Thái tử lại từng xem khắp kinh sử, yêu mến các nho sinh; nên hào kiệt trong thiên hạ không ai là không ngưỡng vọng. Trong lúc Thịnh Vương còn là Thế tử, chỉ vì tranh giành trên dưới mà vương có bụng ghét Thái tử.

---

(1)Trước tên là Duy Khiêm, hoặc Tư Khiêm.

Khi ấy Chính phi của Ân Vương không có con trai, chỉ sinh được một gái tức là công chúa Tiên Dung, Tiên Dung được vương hết sức yêu chiều. Năm nàng mới mười tuổi, chính phi xin với vương gả cho Thái tử để sau nàng làm hoàng hậu. Vương bằng lòng:

Một hôm Thái tử và Thế tử cùng vào thăm Ân Vương, vương mời ăn cơm và để con rể với con trai cùng ngồi một mâm. Chính phi thấy vậy liền nói rằng:

- Sao chúa lại được cùng ăn với vua?

Rồi bà ta bắt ngồi riêng ra mỗi người một nơi. Thế tử giận tái mặt lại, nhưng vẫn cắn răng không dám nói. Lúc tan tiệc trở ra, Thế tử bảo với Thái tử:

- Hai chúng ta sẽ phải một người sống, một người chết. Vua ấy cũng không nên đứng cùng với chúa này!

Đến khi Thịnh Vương lên ngôi chúa, liền lập mưu với gia thần là viên quan hoạn Thiều Quận công Nguyễn Kim Đĩnh[1], vu cho Thái tử Vỹ thông dâm với cung nữ của Ân Vương, rồi đem tội đó tâu lên Hoàng thượng để bắt Thái tử bỏ ngục.

Trước đó, trong giếng Tam Sơn ở mé sau điện bỗng có tiếng nổ như sấm. Thái tử dùng thuật số để bói, biết mình sắp gặp nạn, bèn đến nói với Hoàng thượng. Hoàng thượng cũng lấy làm lo, vẫn phải luôn luôn cầu nguyện cho con.

Kịp tới ngày bị bắt, Thái tử biết tai nạn xảy ra đến nơi, liền vào ẩn ở trong điện ngủ của Hoàng thượng.

Quận Thiều dẫn toán lính trước tiên xông thẳng vào Đông cung, định bắt Thái tử đã rồi mới tâu vua, nhưng tìm

---

(1) Chính tên là Phạm Huy Đĩnh, người xã Cao Mỗ, nay là xã Kim Bôi, huyện Tiên Hưng, tỉnh Thái Bình

khắp cả Đông cung không thấy. Quận Thiều liền vào thẳng trong điện, kể tội Thái tử cho vua nghe, rồi nói rằng:

- Tôi nghe nói Thái tử náu ở chỗ ngủ của bệ hạ, xin hãy bắt giao cho tôi.

Hoàng thượng ôm mãi lấy Thái tử không nỡ rời ra.

Quận Thiều cũng cứ quỳ mãi ở giữa sân điện. Thái tử tự biết mình không thể thoát được, liền lạy trước mặt Hoàng thượng, rồi ra cho quân lính trói.

Sau khi giải về phủ chúa, Thái tử bị truất làm dân thường và bị giam vào ngục. Rồi Thịnh Vương ép Hoàng thượng lấy người con thứ tư là Lê Duy Cận làm Hoàng thái tử.

Được ít lâu, Quận Thiều lại sai tay chân vu cáo cho hai nho sinh thi đỗ ở làng Đan Luân là Nguyễn Huy Sưởng[1] và Lương Giản[2], rằng hai người này âm mưu cướp Thái tử ra khỏi ngục để cùng dấy quân làm loạn. Việc này được đưa xuống các quan bàn bạc, và bắt Sưởng để tra xét. Giản khi ấy đã kịp bỏ trốn. Còn Sưởng bị đánh đau quá, không chịu nổi roi vọt, đành phải nhận liều. Thế là Thái tử phải ghép vào tội thắt cổ.

Ngày hành hình, bầu trời tự nhiên tối tăm, giữa ban ngày mà chỉ cách nhau gang tấc cũng không trông rõ. Chừng hơn một khắc mới lại sáng sủa. Già, trẻ, trai, gái trong thiên hạ, không ai là không rơi nước mắt. Họ đều cho rằng đó là việc trái ngược nhất, bi thảm nhất từ xưa đến nay. Hôm ấy nhằm ngày 20 tháng chạp, năm Tân Mão, niên hiệu Cảnh Hưng (1771).

Sau khi giết Thái tử, Thịnh Vương bắt đầu có chí thống

(1) Chính là Vũ Bá Sưởng, người làng Đan Luân, nay thuộc Bình Giang, Hải Dương.

(2) Người xã Tào Sơn, huyện Ngọc Sơn, nay là Tĩnh Gia, Thanh Hoá.

nhất đất nước, định bắt cả ba con của Thái tử giam vào một nơi. Một hôm, chúa tắm gội ăn chay, rồi ngự ra hồ Tây để cầu thần báo mộng. Đang đi, chợt thấy trước mặt có một cái kiệu, trên kiệu có một người ngồi chỉnh chiện, nhìn kỹ thì té ra đó là Thái tử Vỹ. Chúa truyền hỏi quân lính có ai trông thấy xe kiệu gì ở trước mặt không. Quân lính đều nói không thấy. Chúa lo lắm, liền sai quay ngay về cung.

Đêm ấy, chúa đang nằm trong màn bỗng thấy một người đội khăn hồng, mình vận áo đỏ, tay cầm một chiếc mái chèo, vạch màn ra rồi đứng ở đầu giường trừng mắt nhìn mình. Chúa vội hỏi ai thì người ấy đáp rằng:

- Ta là Duy Vỹ đây!

Chúa cả sợ, bấy giờ mới biết đó là linh hồn của Thái tử Vỹ.

Nguyên khi Thái tử bị bắt thì một người đàn bà trong cung bế các con của Thái tử chạy trốn về phía Hà Tây, vào ngủ nhờ nhà một người dân ở làng Dịch Vọng, huyện Từ Liêm.

Người dân này đêm trước đã mơ thấy có người bảo rằng:

- Mày phải quét rửa nhà cửa sân đường cho sạch sẽ, thiên tử và Thái hậu sắp sửa tới nơi?

Tỉnh dậy hắn nghĩ bụng: "Mình là nhà dân, đâu được cái may mắn có các bậc chí tôn ngự tới? " Rồi suốt ngày hôm đó, hắn ta chắp tay đứng đợi ở ngoài cổng nhưng đợi mãi mà vẫn chả thấy một ai. Đến xẩm tối mới thấy một người đàn bà bồng con xăm xăm tiến đến trước cổng xin ngủ nhờ; hắn ta liền đón ngay vào trong nhà và mời ngồi lên chiếc phản cao nhất. Sau khi đã kể qua câu chuyện chiêm bao cho người đàn bà nghe, hắn ta lại nói:

- Cứ theo giấc mộng đêm qua của tôi như thế thì bà và các cậu đây hẳn phải là dòng dõi quý tộc nếu không phải thân thích nhà vua, ắt cũng là họ hàng nhà chúa!

Người đàn bà đó chính là cung phi họ Nguyễn, nghe nói vội gạt đi mà rằng:

- Câu chuyện chiêm bao, có gì là bằng cứ. Bác đừng nói nhảm, đó là việc chết người chứ không phải chuyện chơi đâu!

Ngay sớm hôm sau, mấy mẹ con lại từ giã chủ nhà mà ra đi. Nhưng chẳng bao lâu, bị người ta dò theo tung tích bắt được đưa về an trí ở trấn Sơn Tây, rồi lại bị giải về Kinh đô và giam ở ngục đề lĩnh.

Kịp đến khi quân lính phò Thế tử Tông làm chúa, thì hoàng tôn (Lê Duy Kỳ) đã 17 tuổi. Nhân dịp ấy, quân sĩ bèn mang luôn kiệu tới nhà giam đón hoàng tôn về điện.

Hoàng tôn mày rồng mắt phượng, tiếng nói như chuông quân lính thấy vậy đều khen:

- Thật đúng là bậc thiên tử?

Bà nội Thế tử Tông xưa nay vốn thân với Thái tử Lê Duy Cận. Thấy hoàng tôn về, bà ta sợ Thái tử Cận mất ngôi, liền sai người giả vờ mời hoàng tôn vào chầu ở cung Huỳnh để lừa bắt hoàng tôn đem dìm xuống sông Nhĩ Hà. Lúc hoàng tôn vào cung, bà ta cho tay chân bức hoàng tôn phải nằm lên cáng rồi bí mật khiêng đi.

Khi qua hồ Sen, hoàng tôn nằm trong cáng kiêu gào ầm ĩ, lính canh nghe tiếng, quát phải dừng lại. Phu cáng và tên đi theo bỏ chạy tứ tung nhân đó hoàng tôn được thoát nạn[1].

Bấy giờ ba quân ồn ào nhốn nháo, muốn tra ra kẻ mưu hại hoàng tôn để bắt mà giết đi.

Thái tử Cận nghe được chuyện đó, liền vào phủ hầu chúa.

---

(1) Theo *Cương mục* thì hơi khác: Bà nội Tông sai hoạn quan Liêm Tăng ép Kỳ tới hầu, để bí mật giết chết. Kỳ chối không được, vừa khóc vừa đi. Do đó, quân lính phát hiện được, la hét đòi tra ra kẻ thủ mưu. Họ tìm Liêm Tăng không thấy, có ý ngờ cho Cận chủ mưu.

Thấy kiệu Thái tử để ở ngoài cửa phủ, quân lính đều tức giận nói:

- Ngôi vua lại có thể cầu may mà được à? Để chi cái của này để hắn tiện đường chạy chọt làm những việc bậy.

Rồi họ phá tan chiếc kiệu. Thái tử Cận hoảng sợ phải ăn mặc giả làm thường dân mà lẻn về cung.

Chúa biết việc đó là do ở nơi bà mình gây ra, bèn dụ quân lính không nên làm ồn ào. Rồi lập tức sai triều đình bàn định việc dựng hoàng tôn Kỳ lên ngôi đông cung, cho được yên lòng ba quân.

Chúa ép Thái tử Cận phải nhường ngôi và giáng phong làm Sùng Nhượng công.

Thế là hoàng tôn Lê Duy Kỳ được lên ngôi làm hoàng tự tôn. Hoàng thượng liền sai đặt ra các giảng quan để trông nom việc học hành. Công phu dạy dỗ ấy, ngày tháng thêm nhiều mãi. Do đó mà cái tiếng thánh hiền nhân hiếu của hoàng tôn được đồn vang khắp cả trong ngoài. Cũng do đó mà quân lính mới có cái mưu tôn phò cho hoàng tôn lên làm vua.

Đến khi Doãn Khuê tố cáo, tuy tra xét không thấy có bằng chứng gì nhưng cuối cùng chúa cũng vẫn ngờ.

Một hôm, quân lính họp nhau, đem việc đón rước hoàng tôn ở nhà giam ra tấu lên Hoàng thượng để kể công và xin được ban ơn. Hoàng thượng cho ba quân vào lạy ở sân điện Vạn thọ, tuyên chỉ uý lạo họ. Rồi truyền cho viên Tả phiên lại sai người đánh cá hồ Sen lên, chọn lấy cá trắm làm gỏi thết đãi cả bọn. Sau đó mới từ từ bàn đến cách thưởng công cho họ.

Lúc quân lính ngồi dự yến tiệc ở trên điện có kẻ chạy đi báo tin với chúa. Chúa cho đòi ngay quốc sư Nguyễn Khản, quốc cữu Dương Khuông vào phủ và bảo:

- Cái mưu tôn phò của bọn kiêu binh thật là dập không thể tắt được? Hiện giờ chúng đang tụ họp trên điện nhà vua. Vậy ta nên làm thế nào?

Quốc sư Nguyễn Khản đáp:

- Xin cho bắt mà giết đi!

Chúa bèn sai viên đầu hiệu đội Nhưng nhất là Triêm Vũ hầu[1] đem đội quân Phong vân đến vây bắt.

Gã Triêm Vũ hầu này người làng Phú Hoa, huyện Yên Lãng, thi đỗ Tạo sĩ, dáng người hùng vĩ, có can đảm lại có sức khoẻ. Sau khi vâng mệnh chúa, Triêm Vũ hầu liền xách gươm đi thẳng ra ngoài cửa phủ, rồi tuốt gươm ra, lấy tay gại gại vào lưỡi gươm mà nói:

- Gươm sắc lắm! Gươm sắc lắm! Chém được đầu kiêu binh đây!

Tiếp đó gã dẫn quân xông thẳng lên trên điện, vây lấy chỗ bọn kiêu binh đang tụ họp ăn uống.

Ba quân đang mải mê chè chén, thấy có lính đến vây bắt thì đều hoảng hốt bỏ chạy tán loạn. Triêm Vũ hầu và đội quân Phong vân đuổi bắt được bảy tên, đem giải về phủ chúa.

Chúa lập tức cho vời các quan tới để bàn cách xử trí.

Các quan tới đông đủ, đem cả bảy tên ra tra hỏi. Bảy tên cứ thực tình khai hết, không có âm mưu gì khác cả. Các quan họp đều có ý che chở cho họ. Riêng nguyên cữu Dương Khuông lại cả quyết mà rằng:

- Không phải hỏi tội trạng nào cả? Chỉ cái thói hay tụ họp mà không chừa cũng đáng xử chém rồi, còn phải bàn bạc làm gì nữa? Bọn chúng cứ cậy đông người mà ngông nghênh, không thể một lúc giết cho hết được. Nhưng hễ đứa nào phạm

(1) Tên là Nguyễn Triêm.

tội thì quyết không dung tha. Ví như cả bó đũa thì không thể nào bẻ gãy được, nhưng cứ rút riêng một hai chiếc ra mà bẻ, thì lâu dần rồi cũng phải gãy hết. Hôm nọ chém bốn đứa đó, thế là chịu chết bốn đứa, có thấy chúng nó bắt đền được ai đâu?

Quốc sư Nguyễn Khản cũng nói thêm:

- Lời bàn của quốc cữu thực là có lý. Các quan cứ nên theo luật mà thi hành.

Các quan bèn chiếu theo điều luật vào trộm hoàng thành mà xử cả bảy tên vào tội bêu đầu.

Tờ khải dâng lên, chúa sai đem tội phạm ra chém ngay hôm đó. Trong triều ngoài phố, ai cũng lấy làm hể hả. Bữa ấy nhằm ngày 15 tháng 2 năm Nhâm Dần (1782), niên hiệu Cảnh Hưng.

Sau vụ bảy kiêu binh bị giết chết, ba quân thảy đều đem lòng oán giận. Họ lại họp nhau bàn bạc.

Một người trong bọn nói:

- Ngày nay được có triều đình này, khiến cho chúa tôi ngồi yên mà hưởng phú quý, đều là do công sức của chúng mình cả. Thế mà họ chẳng ơn thì chớ, lại còn cho là kẻ thù, động một tý là bị đè nén. Nếu chúng ta cứ chần chừ nín nhịn mãi, khiến cho cái mưu bẻ đũa của họ thành được, thì rồi bọn mình sẽ không còn người nào sống sót đâu?

Một người khác lại nói:

- Chúng ta không biết bẻ, chỉ biết đả thôi! Mau mau mỗi người một đấm, đưa ngay chúng đi theo Quận Huy, xem chúng nó còn bẻ được nữa hay không?

Rồi họ hẹn nhau đến hôm sau, vào lúc tan chầu thì sẽ khởi sự.

Có kẻ đem việc đó mật báo với các quan trong triều. Các

quan nửa ngờ nửa tin. Sớm hôm sau, quốc cữu Dương Khuông và Triêm Vũ hầu đi lên vào trong phủ. Còn quốc sư Nguyễn Khản thì đóng cửa nằm nhà, không dám vào triều. Tan chầu, quân lính chia nhau đi bủa vây các dinh thự. Vào nhà Dương Khuông và Triêm Vũ hầu, không thấy hai người, quân lính tức thì hò nhau phá nhà. Chỉ trong chốc lát, cả hai dinh đó đều bị san thành đất bằng.

Riêng ở dinh quốc sư Nguyễn Khản, có một thủ hạ là người khách phương Bắc[1], vốn rất giỏi thuật đánh kiếm. Nghe tin có biến, hắn vội tuốt gươm ra đứng giữ ở cổng. Quân lính nom bộ dạng người khách phương Bắc, ngờ ở trong còn nhiều tay kiếm khách khác, nên không dám vào Nhưng lâu lâu, họ thấy ra ra vào vào vẫn chỉ có một hắn ta; tức thì cả bọn liền sấn ngay vào sát cổng. Người khách múa gươm ra đánh, chém bị thương vài người, quân lính kéo ùa vào, vằm hắn ta nát như bùn. Rồi họ xông thẳng vào trong dinh; lúc ấy Khản đã thay đổi quần áo theo đường tắt chạy ra cửa ô Trường Bắn mà trốn đi rồi. Quân lính lập tức phá tan dinh của Khản.

Chúa nghe tin dinh thự của quốc sư Nguyễn Khản có người canh giữ, cho rằng Khản đã phòng bị, chắc không việc gì, bèn sai một hiệu quân đến ngay đó để phân giải. Nhưng lúc quan quân tới nơi thì Khản đã bỏ trốn, dinh thự đã bị phá gần hết.

Sau đó, đám kiêu binh lại kéo về phủ bảo với chúa rằng:

- Quốc sư mang quân ra ngoài làm loạn, xin chúa cho người đuổi theo!

Chúa bất đắc dĩ phải sai viên thị thần là Thiêm trì binh

(1) Chỉ người Trung Quốc lúc bấy giờ.

phiên Thoan Trung hầu đem quân đuổi theo Khản; nhưng lại dặn ngầm là cứ đi từ từ để cho Khản chạy thoát. Thoan Trung hầu đuổi đến ở Cầu Giấy không theo kịp Khản, lại quay trở về.

Quân lính giận Thoan Trung hầu không chịu đem hết sức ra đuổi, liền kéo đến phá luôn nhà hắn ta.

Thoan Trung hầu cũng phải chạy trốn nốt.

Quân lính không bắt được ba viên quan ấy, lấy làm căm tức lắm. Sau khi dò biết quốc cữu Dương Khuông và Triêm Vũ hầu lẩn trốn trong phủ chúa, họ bèn chia nhau chắn giữ cửa phủ rồi cho một toán xông vào bên trong, đòi chúa phải đưa hai viên ấy ra cho họ.

Chúa nói dối rằng:

- Không thấy ai trong này cả!

Quân lính đều nhao nhao.

- Chúng trốn vào phủ, đã có người trông thấy rõ ràng: Người ta còn nhớ cả giờ chúng đi vào nữa, thế nhà chúa còn chối à? Xưa nay há lại có chuyện vua chúa chứa giặc ở trong cung bao giờ?

Dương Thái phi vừa khóc vừa dỗ dành các quân lính rằng:

- Cái thân goá bụa may nhờ có bà quân phò chúa mới được như thế này? Nay chỉ còn có một đứa em, xin ba quân hãy tha mạng nó, để cho được trọn vẹn cái ơn xương thịt.

Đám kiêu binh thét lên:

- Tha mạng cậu ấy à? Thế hôm nọ bảy mạng người chết, ai tha? Nếu còn cố giấu, cung khuyết sẽ ra tro ngay lập tức, cái đó chắc cũng không hay ho gì.

Thái phi bèn ngồi sụp xuống đất, chắp hai tay lại vái lạy, van xin.

Các quân lính lại nói:

- Không nói chuyện với đàn bà. Chỉ hỏi nhà chúa thôi?

Chúa nói:

- Bức bách nhau thế này, thà đừng lập làm chúa còn hơn.

Quân lính nói:

- Tưởng rằng muốn làm chúa nên mới lập, chớ nếu không muốn thì có ai ép?

Một người nữa hùa theo nói:

- Bẻm mép thế. Thôi, hãy xuống khỏi bệ đi! Chúng tôi mời Thuỵ Quận công đến là khắc yên chuyện.

Chúa hoảng sợ, không dám ho he gì nữa.

Lúc ấy trời đã sắp tối, bọn quân lính đều tản ra về, và họ còn nói thêm.

- Bắt chúng nó cũng ví như bắt cá. Nước sâu thì cá còn lặn, đến mai tháo cho cạn nước, xem chúng nó có thể bay lên trời được không?

Đêm ấy, kiêu binh canh giữ cửa phủ rất chặt chẽ.

Chúa bàn với Thái phi rằng:

- Nghe nói có tên Nhuyễn Thọ, Biện lại đội Nhưng nhất là một đứa giảo quyệt, bọn kiêu binh làm gì cũng phải hỏi mưu nó.

Sáng mai chúa bèn cho người ra dụ Thọ, ngỏ ý đút lót, bảo Thọ hễ nhận thu xếp việc này sẽ giao một vạn lạng bạc, ba vạn quan tiền, cho y mặc sức muốn làm gì thì làm, không cần hỏi đến. Lại hứa thêm rằng: "Nếu làm xong việc sẽ còn có trọng thưởng nữa".

Nhuyễn Thọ trong bụng đã ưng nhưng còn làm bộ khó khăn mà rằng:

- Bọn họ muôn người muôn miệng, khó mà nói năng

được với họ. Vả chăng, hễ đã ngỏ ý đút lót thì thế nào họ cũng sinh ngờ vực. Rồi ngộ nhỡ lúc ấy lại có một vài người bàn ngang vào nữa làm cho cơn giận của họ bốc lên, thì lưng tôi phỏng chịu được mấy đấm?

Người của chúa sai đến vẫn cố kéo nài. Nhuyễn Thọ ngần ngừ đáp:

- Nếu vậy để tôi lựa chọn lấy mấy chục người hung hãn, táo tợn nhất, đem tình thực ra bàn với họ, rồi bảo họ phụ hoạ thêm với tôi. Nhưng khi bàn bạc, giả sử mấy chục người này có đòi thêm điều gì, thì tuỳ nhà chúa thương lượng lấy, tôi chỉ xin đứng ra làm kẻ dàn xếp mà thôi. Còn như cái khoản tiền bạc công cộng kia, cũng xin đợi đến lúc quân lính tập hợp đông đủ đã. Bấy giờ nhà chúa sẽ tự ngỏ lời trước, tôi và mấy chục người này ở bên cạnh hùa thêm vào, như thế việc mới có thể thành được?

Người ấy về nói lại với Chúa. Chúa bằng lòng, liền sai đưa riêng Nhuyễn Thọ một ngàn lạng bạc để hắn phân phát.

Gần chiều, quân lính lại tụ họp và tiến sát vào tận trong phủ. Chúa và Thái phi lại phải ra dỗ dành. Bọn lính nói:

- Việc gì mà phải lắm mồm? Cứ vào trong cửa cấm lùng khắp toà phủ, rồi túm búi tóc lôi ra, hỏi hắn xem cái nắm đũa ấy còn có thể bẻ được mấy chiếc nữa?

Chúa nói:

- Ba quân làm như vậy thì có sướng gì, chẳng qua chỉ thêm bẩn tay mà thôi. Nay quả nhân có chút quà mọn là một vạn lạng bạc, ba vạn quan tiền, xin đưa để khao thưởng ba quân, mong ba quân hãy nghĩ lại mà tha thứ cho hai cái mạng nhỏ bé đó!

Đám kiêu binh đáp:

- Chúa còn tiếc hai người đó, rồi sẽ thấy phủ đường cũng

không giữ được lâu. Bọn tôi cần gì số tiền bạc ấy!

Giữa lúc họ đang nhao nhao, Nhuyễn Thọ bỗng vượt lên phía trước và nói:

- Nhà chúa là bề trên đã phải chịu nhún như vậy, các anh em không nên ăn nói cạn tàu ráo máng quá!

Tiếp đó bọn mấy chục người kia cũng mỗi người một câu phụ hoạ thêm vào. Rút cục lính tráng ai chẳng hám lợi, họ bèn dịu giọng mà rằng:

- Đã thế thì hãy tha cho em ruột Thái phi. Còn Triêm Vũ hầu là người giữa trời, bọn tôi phải xin mỗi người một miếng thịt để nhắm rượu rồi sẽ tan về ngay tức khắc. Nếu không, thì dẫu có số tiền ấy cũng chẳng làm cho ba quân nguôi giận được.

Chúa nói:

- Tha thì tha cả. Sao còn tách bạch người nọ người kia?

Quân lính nói:

- Nhà chúa nếu còn quanh co che chở cho Triêm Vũ hầu, bọn tôi khi " máu đã nhập tim"[1], thì ngay cả quốc cữu cũng không tha nữa?

Nguyên hôm trước Triêm Vũ hầu trốn vào phủ, lẩn ở trên gác Kỳ lân, vẫn dùng đôi kiếm để giữ mình. Trong lúc bọn quân lính đòi giết, Triêm Vũ hầu bụng bảo dạ: "Nếu chúng không nghe nhà chúa điều đình, mà cứ xông vào bắt ta, thì phải đứng trên thang chém lấy dăm ba cái đầu của bọn chúng, chứ ta không chịu chết một mình"?

Đến lúc này việc đã gấp quá, chúa bèn sai người đến dỗ Triêm Vũ hầu rằng:

- Bây giờ xã tắc nguy nan như treo trên sợi tóc, nhà chúa

(1) Do câu tục ngữ: "máu nhập tim, nhà lim cũng nhỏ".

không thể cố giấu tướng quân được nữa. Vậy xin tướng quân hãy vì chúa chớ tiếc cái chết, để cho nhà chúa được yên. Đó là công muôn đời của tướng quân. Triêm Vũ hầu bất đắc dĩ phải trèo thành xuống ra mắt chúa mà nói:

- Chết thì chết, thần xin hai tay hai kiếm tung hoành với chúng nó một trận, giết gọn lấy vài trăm đứa, cho hả bớt cơn giận của nhà chúa?

Chúa nói:

- Như thế chỉ làm cho Thái phi kinh sợ mà quả nhân cũng chẳng được yên nào.

Triêm Vũ hầu quẳng hai thanh gươm xuống đất nói:

- Bó tay mà chịu như thế, thần đành chết uổng vậy!

Chúa khóc mà từ biệt Triêm Vũ hầu. Rồi lại hứa với Triêm Vũ hầu rằng, sau khi y chết, sẽ cấp cho một ngàn khoảnh ruộng làm của nối đời và phong cho làm phúc thần, bắt dân mười làng thờ cúng.

Triêm Vũ hầu đáp:

- Thần chỉ vì chúa mà chết, đâu phải cầu mong tước lộc. Xin chúa hãy ra sức tăng thêm uy quyền, xoay loạn làm trị, thì thần dẫu chết, xương vẫn không mục nát.

Chúa bèn tự tay viết sáu chữ: "Trung nghĩa Tráng liệt Đại vương" đưa cho Triêm Vũ hầu, Triêm Vũ hầu quỳ xuống mảnh giấy đó, vê tròn, nuốt vào bụng rồi lạy tạ chúa mà đi ra. Khi qua điếm Tiểu bút, Triêm Vũ hầu bị đám kiêu binh lôi kéo và hỏi:

- Gươm sắc của mày bây giờ như thế nào?

Triêm Vũ hầu đáp:

- Tao không thể dùng thanh gươm đó chém đầu chúng bay là theo mệnh chúa và vì xã tắc đó thôi. Nhưng mà chẳng lâu gì đâu, tao chết rồi sẽ có người khác đến chặt đầu

lũ chúng bay. Đến lúc ấy, chúng bay sẽ biết gươm có sắc hay không!

Quân lính xúm vào toan đánh Triêm Vũ hầu, gã cản lại mà rằng:

- Đây là nơi nghiêm cấm, không được hành hung. Hãy để tao ra khỏi cửa phủ, ngồi yên đâu đấy, rồi tha hồ cho chúng bay muốn làm gì tao thì làm.

Đoạn gã bước khoan thai đến bên cạnh cầu đá, tìm chỗ ung dung ngồi xuống và bảo bọn quân lính:

- Nào, bây giờ chúng bay làm gì tao thì làm đi!

Đám kiêu binh lấy gạch đá đập mãi vào đầu Triêm Vũ hầu khiến máu chảy đầy mặt. Nhưng gã vẫn ngồi yên không cựa, khẽ lấy tay áo lau mặt, rồi vừa cười vừa nói:

- Bây giờ tao không thi đấu võ, nhưng vẫn còn thi can đảm? Thế mới lạ chứ!

Ngay đó, một tên lính đứng sau cầm giáo đâm thọc vào lưng gã, gã mới chết.

Triêm Vũ hầu chết rồi, quân lính vẫn chưa hết giận, lại vào buộc chúa xử lại vụ án vừa qua.

Chúa bất đắc dĩ phải giao việc đó xuống cho triều đình bàn định. Quốc sư, quốc cữu đều bị bãi chức làm dân thường.

Bảy tên lính bị chém ngày trước đều được đền mạng.

Từ đó kiêu binh lại càng ngông nghênh tợn. Tại các đường phố họ cứ giăng tay nhau mà đi. Các vị công hầu gặp họ đều phải quay xe tránh sang lối khác.

Lại nói, Nguyễn Khản lúc mới phục chức được làm Trấn thủ Sơn Tây, đến khi vào làm Tể tướng thì cho em ruột là Điền Nhạc hầu Nguyễn Cương[1] ra thay.

---

(1) *Cương mục* chép là Nguyễn Điều có sách lại chép Nguyễn Điền.

Hôm ấy, Khản lật đật trốn ra ngoài thành, dùng võng một đòn bắt hai người khênh đi, nhằm hướng Sơn Tây mà chạy. Tới trấn, Cương ra đón vào trong dinh và hỏi duyên cớ, Khản đáp:

- Tục ngữ nói: "Quân bất trị". Thật là đúng lắm!

Rồi Khản đem đầu đuôi câu chuyện kể hết cho Cương nghe. Cương nói:

- Bây giờ việc đã như thế, anh định đối phó ra sao?

Khản vốn là hạng người xuềnh xoàng, không có cơ mưu, nghe em hỏi liền cười và đáp.

- Trừ ra có thuật quỷ thần, hễ thấy chúng nó họp nhau, tức thì theo đến mà ám ảnh, làm cho chúng nó đau bụng nứt ruột, như Tề Thiên Đại Thánh bóp Hoàng My[1], không biết đằng nào mà lần nữa, hoạ may chúng nó mới sợ. Chứ còn sức người thì không làm sao được!

Cương là kẻ có nhiều mưu mẹo khôn ngoan, liền nói với Khản:

- Tôi có một mẹo, có thể khiến cho chúng nó hết ráo.

Khản nói:

- Mẹo như thế nào?

Cương đáp:

- Ngày nay dân trong bốn trấn[2] đang oán ghét chúng nó đến xương tuỷ, nếu ai lấy danh nghĩa dẹp kiêu binh để kêu gọi, thì chỉ cần hô một tiếng, không người nào là không hưởng ứng. Trấn này ở về miền thượng du, dân chúng thuần

(1) Điển này lấy ở truyện *Tây Du ký*.

(2) Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương. Thời Lê, 4 trấn ở chung quanh Kinh Đô này được gọi Kinh trấn hay Kinh lộ, là những nơi che chở cho Kinh đô, ngoài Kinh trấn lại có 9 phiên trấn hay phiên lộ như Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang. v. v.. là phên giậu che chở cho các Kinh trấn.

hậu dễ bảo. Trước kia anh làm Trấn thủ Hưng Hoá, các tù trưởng địa phương đều là thuộc hạ của anh, anh bảo chắc họ phải nghe. Trên vùng Tuyên Quang phiên mục Diễn Quận công[1] giàu có nhất thiên hạ, năm xưa có tội được anh cứu giúp, ông ta hẳn còn nhớ ơn, nếu viết thư lên rủ, thế nào ông ấy chả theo. Ở trấn Sơn Nam, Quận Thạc[2] là tướng đánh trăm trận, vốn nổi tiếng là bậc vô địch. Rồi ở trấn Kinh Bắc Thần Trung hầu[3], ở trấn Hải Dương thì Thái Đình hầu[4], đều là những tay có mưu trí. Bây giờ hãy dùng mật lệnh nhà chúa, sai họ ngầm nuôi nghĩa sĩ, giữ vững dinh trấn, và nghe theo lời điều khiển của anh. Còn anh vốn là một vị Tể tướng lại kiêm chức Sư phó, thì một lời nói ra khỏi miệng, trấn nào lại dám không tuân theo. Bên Kinh Bắc còn có hai tên tướng giặc đầu hàng là Tú Huy và Cai Hồ, đều là những tay dữ tợn, tinh khôn. Hiện chúng đang ở chỗ viên nội thần Nhật Trung hầu; nếu thả cho chúng và sai đi xui giục hai phủ Lạng Giang, Bắc Hà[5], chắc cũng giúp cho mình được một tay. Trên Thái Nguyên lại có tên giặc già là Cai Già, thuở xưa đã từng làm môn hạ của anh, hẳn anh cũng có thể sai khiến được. Cả bấy nhiêu nơi ta hẹn nhau cùng ngày khởi sự Phàm ưu binh[6] Thanh Nghệ, hễ đứa nào ở các trấn ngoài đều phải trừ cho hết. Đứa nào trốn thoát, cho dân sở tại cứ bắt mà giết đi. Rồi thì bốn phương tám mặt cùng ập vào Kinh thành, kiêu binh ắt sẽ không còn đường mà chạy nữa. Đó là một kỳ công muôn

(1) Tức Hoàng Văn Đồng giữ mỏ đồng Tụ Long, Tuyên Quang.

(2) Tức Hoàng Phùng Cơ.

(3) Tức Trương Tuân.

(4) Tức Trịnh Tự Quyên.

(5) Đều thuộc Bắc Giang.

(6) Thời Lê Trung hưng kén lính ở 3 phủ thuộc Thanh Hoá và 12 huyện thuộc Nghệ An để chuyên bảo vệ Kinh thành. Loại lính này được ưu đãi hơn các lính nơi khác, vì thế gọi là ưu binh, hoặc cũng gọi là lính tam phủ.

đời mới gặp, anh nên tính gấp đi!

Khản nghe xong nói:

- Hay lắm? Nhưng nay chúa còn đang ở trong tay chúng, ném chuột lại có thể không kiêng đồ vật được ư?[1].

Cương nói:

- Đó là việc rất dễ. Trước hãy sai người trình với chúa, bí mật lấy hết vàng bạc, của cải trong kho, phân tán ra các trấn, Thái phi, vương tử và các cung tần cũng lén đưa cả ra ngoài thành, hễ gặp chỗ nào tiện thì hãy ở tạm. Sau đó ngầm báo cho Quận Thạc đem thuyền chở quân đến bến Thanh Trì, nói phao là đi tuần sông, rồi giấu kín một chiếc đò ngang, đợi sẵn ở bến Tây Long. Còn chúa thì sẽ ăn mặc quần áo thường dân, cất lẻn xuống chiếc thuyền ấy đi xuôi đến dinh Trấn Sơn Nam và tạm đóng tại đó. Xong đâu đấy bấy giờ các trấn mới cùng khởi sự. Như vậy, thì không còn lo ngại gì nữa!

Khản mừng mà rằng:

- Không có chú, tôi không nghĩ được đến thế. Dẫu không thành cũng là một việc làm hả dạ!

Rồi Khản làm tờ mật khải đưa về cho chúa. Chúa mừng lắm viết ngay tờ mật chỉ khen ngợi, đồng thời hẹn sẵn mọi việc. Tiếp đó, chúa mời Thái phi cải trang và lẻn ra ngoài thành, đến tạm trú tại nhà người chồng bà dì thứ bảy của chúa ở làng Văn Giáp, huyện Thượng Phúc. Vương tử và các cung tần cũng đều theo cả đến đó. Một mặt, chúa cho mở kho lấy hết vàng bạc, châu báu, sai các thị thần thân tín ngầm đem ra, giao phó cho bốn trấn. Một mặt, chúa cho hẹn với quan Trấn thủ trấn Sơn Nam, đúng ngày 28 tháng ấy thì bí mật đến đón mình: lại hẹn với các trấn đúng ngày mồng một tháng sau thì

(1) Ý muốn nói diệt kiêu binh lại sợ vạ đến Trịnh Tông.

các đạo sẽ cùng khởi binh cả một loạt.

Công việc sắp đặt như thế là xong.

Tới ngày hẹn, Quận Thạc theo lệnh chúa đem thuyền đến đón.

Khi ấy trong Kinh hết sức nhốn nháo, người ta kháo nhau rằng quan Trấn thủ Sơn Nam sắp đem quân vào thành, để giết hết kiêu binh. Đám quân lính nghe tin ấy đều hoảng hốt, ngầm cho vợ con gói ghém hành lý đem ra ngoài thành và trốn tránh đi các nơi, còn ở kinh chỉ để lại những người thuộc "quân tịch" mà thôi. Rồi chúng kéo nhau vào phủ chúa, xin chúa cấp tốc khởi binh đánh dẹp. Chúa bất đắc dĩ phải ra ngự ở Trạch các để uý lạo ba quân.

Trong đám kiêu binh có kẻ biết mưu của chúa, liền mắng chúa rằng:

- Chúa đừng tưởng chúng tôi không biết mà hòng đem đầu lưỡi ra khua múa để che đậy. Từ đây theo cửa Tuyên Vũ đi ra, rồi đến bến Tây Long[1], chẳng qua chỉ độ trăm bước đã có thuyền của Quận Thạc chờ đón sẵn sàng ở đó, trông trước trông sau, khi nào thấy không có người thì bước lên thuyền cho nhanh rồi tìm đường mà đi chứ gì?

Chúa biến sắc mặt, nín lặng quay vào.

Từ hôm ấy, quân lính canh phủ chúa rất ngặt. Những người nào ra vào, hễ hơi có vẻ khang khác là bị họ khám xét tra hỏi liền.

Vì vậy chúa không dám ra khỏi cung. Quận Thạc nghe tin, lại rút quân về trấn của mình.

Chúa sai người ra báo lại với các trấn hoãn ngày khởi sự, nhưng chưa đến kịp thì các đạo theo đúng hẹn cũ đã rầm

(1) Tục gọi là Tây Luông, ở thẳng phía sau nhà hát thành phố Hà Nội bây giờ.

rộ kéo quân lên đường. Thiên hạ cực kỳ náo động. Hào kiệt các nơi đồng thời nổi dậy, ai ai cũng nói phải tiêu diệt hết kiêu binh.

Ngày hôm đó, hết thảy kiêu binh hai xứ Thanh-Nghệ đóng ở các trấn đều phải bỏ trốn, lúc đi qua làng mạc chúng không dám lên tiếng. Hễ kẻ nào buột miệng nói ra thổ âm Thanh-Nghệ, tức thì bị dân chúng bắt giết ngay. Bọn chúng phải luôn luôn giả cách làm người câm, ăn xin ở dọc đường, rồi lần mò về Kinh, báo cho đám kiêu binh ở đây biết cái tin nay mai quân các trấn sẽ về họp ở dưới thành.

Được tin, bọn kiêu binh ở Kinh tức thì họp nhau bàn cách chống cự. Rồi họ chia nhau thành các đạo kéo đi. Nhưng đạo phía tây mới kéo ra đến Đại Phùng, đạo phía bắc mới kéo đến cầu Vịnh thì đã bị ngay các tay thổ hào địa phương đánh thua. Họ phải bỏ cả khí giới, cố mang vết thương mà chạy về Kinh.

Bấy giờ kinh thành chấn động, dân làng phố kẻ chợ đều dắt díu bồng bế nhau ra ngoài thành chạy trốn.

Đám kiêu binh vừa sợ vừa tức, gọi chúa là giặc. Rồi họ kéo vào trong phủ, lấy hết binh khí, chia cho cơ đội các dinh nắm giữ. Phủ chúa lúc ấy không còn một tấc sắt nào để tự vệ.

Đêm hôm ấy, kiêu binh bắt được bốn tay nghĩa sĩ lẻn vào thành; họ liền bí mật đem đến hội sở của họ để tra hỏi. Mấy tay nghĩa sĩ đau quá, khai liều rằng đêm nay quân ở ngoài sẽ vào đánh úp. Đám kiêu binh cả sợ, bèn bảo nhau phòng bị nghiêm ngặt. Súng nhồi sẵn mồi lửa gươm tuốt khỏi vỏ, suốt đêm họ hò hét, đi lại rầm rập? Kinh thành hầu như sắp vỡ.

Sớm hôm sau, họ đem chém cả bốn nghĩa sĩ, rồi xúm quanh phủ chúa mà trách rằng:

- Nhờ có chúng tôi tôn phò, chúa mới được lên ngôi. Nay

chúa lại coi chúng tôi là kẻ thù. Lính Thanh-Nghệ hai trăm năm nay vẫn là nanh vuốt cật ruột của nhà chúa. Bây giờ chúa lại nỡ dấy quân bốn trấn về giết hại lính hai xứ chúng tôi. Tin da dẻ mà ngờ cật ruột, giơ dao cưa để cắt nanh vuốt, kẻ nào bày ra mưu ấy đều là những kẻ bỏ thuốc độc cho chúa. Nếu chúa không mau dụ bốn trấn bãi binh, thì đừng có trách chúng tôi là vô lễ!

Chúa một mực chối là không biết, rồi ngầm sai người báo các trấn bãi việc ấy đi.

Đám kiêu binh không biết là chúa đã ngầm ra lệnh đình chỉ, nên vẫn còn nghi ngờ. Họ bèn tụ họp nhau, bàn cách làm chuyện đại nghịch. Hẹn đến canh ba đêm ấy, nổ ba tiếng súng Bảo long làm hiệu, rồi cùng kéo vào phủ chúa để hành sự; sẽ lấy hết của cái đồ vật trong phủ chia nhau, sau đó lấy xe kiệu của chúa chở hết các đồ nghi vệ cùng sổ sách đưa đến nội điện, rồi rước Hoàng thượng về Thanh Hoá để mưu toan công việc sau này.

Thật là:

Áo cá[1] *hớ hênh nên chẳng quyết,*
Lòng hồ[2] *cố chấp hoá ngờ nhau.*

Chưa biết việc này ra sao? Xin xem hồi sau phân giải.

---

(1) Áo cá dịch chữ "ngư phục". Sách *Thuyết Uyển* chép: Bạch long ngư phục. khốn u Dự Thư, nghĩa là con rồng trắng cải trang làm con cá bị người Dự Thư bắn trúng mắt. Ở đây ý nói Trịnh Tông định cải trang làm thường dân để ra khỏi thành, nhưng mưu cơ bị lộ.

(2) Bụng dạ loài cáo nham hiểm, hay nghi ngờ.

HỒI THỨ TƯ

Nhờ ngoại viện. Hữu Chỉnh rửa thù thầy
Tỏ lòng trung, Trần Quán chết theo chúa

Lại nói, đám kiêu binh sau khi đã bàn định mưu mô xong, liền kéo nhau đến hỏi Trần Nguyễn Nhưng. Nhưng vốn quen làm giấy tờ cho đám lính; bèn lập ngay một bản điều ước, cắt đặt rõ người nào làm việc nào, rồi đưa cho họ. Sau đó, Nhưng lại tức tốc đem mưu ấy vào báo với chúa. Chúa cả sợ nói:

- Hôm qua ta ngồi ở cung Trung Hoà, có con quạ khoang bay xuống trước sân, vừa nhảy nhót vừa nhìn vào ta hai ba lần, như có ý muốn mổ. Ta phải sai thị thần lấy giáo ra xua mấy cái, nó mới bay đi. Thấy điềm ấy, bụng ta biết chắc có kẻ đang hại ta. Nay quả nhiên đúng như vậy. Bây giờ người hãy nên vì ta mà giảng giải với họ, cho nó hợp với cái điềm " xua giáo" của ta.

Rồi chúa lại hứa cho Nhưng tiền bạc, để Nhưng ngầm phá mưu của quân lính.

Nhưng là một người nông nổi, được chúa tỏ ý khen thưởng, tin dùng liền đi khoe ngay với người khác. Quân lính biết mưu của họ đã bị Nhưng tiết lộ, bèn lùng bắt. Nhưng phải trốn về vùng Thanh Hoá.

Chúa thấy Nhưng là kẻ đa tâm lại hay kiếm chuyện,

nhân dịp hắn trốn, bèn cho làm chức Ký lục ở Thuận Hoá.

Sau khi Nhưng đi rồi, thì vừa lúc các trấn cũng bãi binh, vì vậy mưu của quân lính cũng thôi nốt.

Bây giờ lại nói về việc Nguyễn Hữu Chỉnh giong buồm ra biển vào Tây Sơn trong năm Nhâm Dần (1782).

Ấp Tây Sơn thuộc địa phận Xứ Quảng Nam[1]. Xứ này phía bắc giáp Ải Vân, phía nam giáp Gia Định, phía tây giáp Ai Lao, phía đông giáp biển, bờ cõi rộng hàng ngàn dặm.

Ở ấp Tây Sơn có người họ Nguyễn tên là Văn Nhạc, tổ tiên nguyên là người Nghệ An. Khoảng năm Thịnh Đức (Lê Thần Tông 1653-1657) quân nhà Nguyễn ra đánh Nghệ An, chiếm cứ được bảy huyện phía nam sông Cả rồi dồn bắt tất cả dân cư đưa về Nam cho sống ở vùng Tây Sơn. Tổ bốn đời của Văn Nhạc, chuyến ấy cũng bị bắt ở trong số đó.

Văn Nhạc trước kia nhà nghèo, nhưng sau nhờ vào việc gá bạc mà gia tư bỗng trở nên giàu có. Nhạc từng làm Biện lại ở Vân Đồn, nên người ta vẫn thường gọi là Biện Nhạc. Biện Nhạc vì tiêu mất tiền công bèn trốn vào núi, tụ tập tay chân hơn một trăm người, rồi đi ăn cướp ở các châu ấp. Viên trấn tướng vùng ấy không sao trị nổi.

Từ đó, Biện Nhạc tự xưng là chúa Tây Sơn. Một hôm, Biện Nhạc tự ngồi vào trong cũi, cho bọn tay chân khiêng đi và loan báo ở dọc đường rằng đã bắt được chúa Tây Sơn tức Biện Nhạc, xin đưa đến dinh trấn để trình nộp. Viên trấn tướng ấy mừng lắm, mở cửa cho vào, rồi đem giam ở trong ngục. Đêm ấy, Biện Nhạc phá cũi xông ra, cướp lấy thanh gươm của tên lính canh ngục, chém chết tên ấy, phóng lửa đốt luôn dinh

(1) Quảng Nam hồi ấy cả ba tỉnh: Nam-Ngãi-Định cũ. Ấp Tây Sơn ở vào địa phận tỉnh Bình Định.

HỒI THỨ TƯ

Nhờ ngoại viện. Hữu Chỉnh rửa thù thầy
Tỏ lòng trung, Trần Quán chết theo chúa

Lại nói, đám kiêu binh sau khi đã bàn định mưu mô xong, liền kéo nhau đến hỏi Trần Nguyễn Nhưng. Nhưng vốn quen làm giấy tờ cho đám lính; bèn lập ngay một bản điều ước, cắt đặt rõ người nào làm việc nào, rồi đưa cho họ. Sau đó, Nhưng lại tức tốc đem mưu ấy vào báo với chúa. Chúa cả sợ nói:

- Hôm qua ta ngồi ở cung Trung Hoà, có con quạ khoang bay xuống trước sân, vừa nhảy nhót vừa nhìn vào ta hai ba lần, như có ý muốn mổ. Ta phải sai thị thần lấy giáo ra xua mấy cái, nó mới bay đi. Thấy điềm ấy, bụng ta biết chắc có kẻ đang hại ta. Nay quả nhiên đúng như vậy. Bây giờ người hãy nên vì ta mà giảng giải với họ, cho nó hợp với cái điềm " xua giáo" của ta.

Rồi chúa lại hứa cho Nhưng tiền bạc, để Nhưng ngầm phá mưu của quân lính.

Nhưng là một người nông nổi, được chúa tỏ ý khen thưởng, tin dùng liền đi khoe ngay với người khác. Quân lính biết mưu của họ đã bị Nhưng tiết lộ, bèn lùng bắt. Nhưng phải trốn về vùng Thanh Hoá.

Chúa thấy Nhưng là kẻ đa tâm lại hay kiếm chuyện,

nhân dịp hắn trốn, bèn cho làm chức Ký lục ở Thuận Hoá.

Sau khi Nhưng đi rồi, thì vừa lúc các trấn cũng bãi binh, vì vậy mưu của quân lính cũng thôi nốt.

Bây giờ lại nói về việc Nguyễn Hữu Chỉnh giong buồm ra biển vào Tây Sơn trong năm Nhâm Dần (1782).

Ấp Tây Sơn thuộc địa phận Xứ Quảng Nam[1]. Xứ này phía bắc giáp Ải Vân, phía nam giáp Gia Định, phía tây giáp Ai Lao, phía đông giáp biển, bờ cõi rộng hàng ngàn dặm.

Ở ấp Tây Sơn có người họ Nguyễn tên là Văn Nhạc, tổ tiên nguyên là người Nghệ An. Khoảng năm Thịnh Đức (Lê Thần Tông 1653-1657) quân nhà Nguyễn ra đánh Nghệ An, chiếm cứ được bảy huyện phía nam sông Cả rồi dồn bắt tất cả dân cư đưa về Nam cho sống ở vùng Tây Sơn. Tổ bốn đời của Văn Nhạc, chuyến ấy cũng bị bắt ở trong số đó.

Văn Nhạc trước kia nhà nghèo, nhưng sau nhờ vào việc gá bạc mà gia tư bỗng trở nên giàu có. Nhạc từng làm Biện lại ở Vân Đồn, nên người ta vẫn thường gọi là Biện Nhạc. Biện Nhạc vì tiêu mất tiền công bèn trốn vào núi, tụ tập tay chân hơn một trăm người, rồi đi ăn cướp ở các châu ấp. Viên trấn tướng vùng ấy không sao trị nổi.

Từ đó, Biện Nhạc tự xưng là chúa Tây Sơn. Một hôm, Biện Nhạc tự ngồi vào trong cũi, cho bọn tay chân khiêng đi và loan báo ở dọc đường rằng đã bắt được chúa Tây Sơn tức Biện Nhạc, xin đưa đến dinh trấn để trình nộp. Viên trấn tướng ấy mừng lắm, mở cửa cho vào, rồi đem giam ở trong ngục. Đêm ấy, Biện Nhạc phá cũi xông ra, cướp lấy thanh gươm của tên lính canh ngục, chém chết tên ấy, phóng lửa đốt luôn dinh

(1) Quảng Nam hồi ấy cả ba tỉnh: Nam-Ngãi-Định cũ. Ấp Tây Sơn ở vào địa phận tỉnh Bình Định.

trấn rồi giết nốt viên trấn tướng và chiếm lấy thành[1].

Bấy giờ chúa nhà Nguyễn là Nguyễn Phúc Thuần (tức Định Vương còn bé, quan Quốc phó của triều đình nhà Nguyễn là Đạt Quận công (Trương Phúc Loan) nắm hết quyền chính, làm lắm điều càn bậy, nên lòng người trong xứ đều lìa tan.

Khi Văn Nhạc nổi loạn lại mượn một bọn vô lại người phương Bắc[2] giả xưng làm quân cứu viện của Tập Đình hầu để chống với quân nhà Nguyễn. Mấy trận đánh nhau, quân nhà Nguyễn đều không thắng nổi do đó mà thanh thế của Tây Sơn ngày càng to lớn hơn.

Năm Giáp Ngọ (1774) niên hiệu Cảnh Hưng. Thánh Tổ Thịnh Vương nhân cơ hội đó, mới sai quan Đại tư đồ Việp Quận công làm Bình Nam thượng tướng, đem quân đóng ở La Hà và phao lên rằng sẽ vào tiếp viện cho chúa Nguyễn. Nhạc thấy vậy liền sai người đem cống một con ngựa hay, một thanh gươm báu, và xin theo về triều đình.

Hồi ấy, xứ Thuận Hoá mới dẹp yên, tướng sĩ đều ngại vất vả muốn để công việc Tây Sơn sẽ tính toán sau. Do đó Quận Việp mới làm tờ khải về trình với Thịnh Vương, xin nhân dịp ấy mà vỗ về Nhạc. Vương cũng nghe lời, bèn cho Nhạc làm Trấn thủ Quảng Nam và phong làm Tuyên uý đại sứ Cung Quốc công. Từ đó, hàng năm Nhạc vẫn dâng lễ cống đều đặn.

---

(1) Đây là Thành Quy Nhơn, do trấn tướng Nguyễn Khắc Tuyên coi giữ. Theo một số tài liệu khác thì Nhạc chỉ là người vào làm nội ứng, bên ngoài lúc ấy đã có Nguyễn Trung cầm đầu một toán quân Tây Sơn ập vào, cùng với Nhạc cướp thành.

(2) Khi Nguyễn Nhạc khởi nghĩa, có hai thương nhân Trung Quốc là Tập Đình và Lý Tài chiêu tập các dân nghèo người Hoa kiều theo giúp Lý Tài xưng là Hoà nghĩa quân. Tập Đình xưng là Trung nghĩa quân. Quân của Lý Tài và Tập Đình chiến đấu rất hăng, làm cho bên địch vô cùng sợ hãi. Nhân đó, Nhạc thường chọn nghĩa quân của mình lấy những người cao lớn, cho ăn mặc giống như quân của Lý Tài và Tập Đình, lúc ra trận quân Nguyễn trông thấy bóng đã bỏ chạy. Người phương Bắc nói đây chính là trỏ vào những người Hoa kiều đó.

Quận Việp thường hay sai Nguyễn Hữu Chỉnh làm sứ giả qua lại với Tây Sơn. Thấy Chỉnh có tài biện luận, Nhạc rất yêu mến. Được ít lâu, Nhạc thấy có điềm rồng vàng, liền cho đóng ngai rồng, lên ngôi vua tự xưng là " Thiên Vương", đặt niên hiệu là Thái Đức, triều đình biết vậy nhưng cũng bỏ đó không hỏi gì đến. Bấy giờ Nhạc đang có ý muốn thôn tính Thuận Hoá, mà vẫn chưa có người để bàn định công việc. Nên khi được Chỉnh chạy vào với mình, Nhạc mừng lắm. Nhưng thực ra trong lòng vẫn chưa tin. Chỉnh cũng nhận thấy điều đó, liền kể với Nhạc tất cả đầu đuôi câu chuyện của mình, rồi lại tình nguyện gửi vợ con làm con tin để xin được nương tựa vào xứ sở của Nhạc, Nhạc bằng lòng.

Nhạc vốn đã mến tài của Chỉnh, nên đối với Chỉnh càng ngày càng thân mật, tin cậy. Ngược lại Chỉnh cũng hết lòng thờ Nhạc, bày kế cho Nhạc đánh chiếm đất đai các nước Chiêm Thành, Xiêm La, Bồn Man. Rồi Chỉnh lại tự mình cầm quân đi tiên phong, xông pha vào những nơi tên đạn khiến mấy nước lân cận ấy lần lượt đều bị đánh bại. Do đó, ân tình giữa Nhạc với Chỉnh ngày càng thêm mặn mà.

Tuy thế, trong khi ở với Tây Sơn, Chỉnh vẫn hàng ngày mong về nước cũ.

Lại nói, triều đình từ khi mất Chỉnh, rất lấy làm lo, thường vẫn chiêu mộ xem ai dụ được Chỉnh trở về thì sẽ trọng thưởng. Một người em rể của Chỉnh xin làm việc đó.

Triều đình liền cấp cho một đạo mật chỉ để người ấy lên đường.

Lúc gặp Chỉnh, người ấy chưa kịp nói gì thì Chỉnh đã nói:

- Chú lận đận trèo đèo lội suối tới đây làm chi? Có phải định làm thuyết khách cho chúa Trịnh không? Chú coi mặt ta, xem từ khi đẻ ra đến giờ đã từng nghe ai xui khôn xui dại

chưa, mà chú dám cả gan như vậy?

Người em rể chỉ còn biết cúi đầu im lặng, không dám nói gì nữa.

Chỉnh lại hỏi tiếp:

- Nhưng thôi được, chú đã ở Bắc vào đây, ắt là biết rõ đầu đuôi sự việc. Vậy chú hãy kể cho ta nghe xem, từ sau khi Huy Quận công bị nạn, thì công chúa[1] và các cậu công tử lưu lạc đi đâu?

Người ấy đáp:

- Khi ấy, công chúa bị Dương Thái phi giam vào hậu cung. Còn hai công tử nghe tin có biến thì bỏ chạy về huyện Yên Dũng, dấy quân trả thù, làm chấn động cả vùng Kinh Bắc. Chúa Trịnh sai viên Trấn thủ Kinh Bắc là Mãn Trung hầu đem quân đi đánh. Quân Mãn Trung hầu bày trận ở núi Ba Tầng[2]. Các công tử sai viên Thủ lệnh Hoàng Tú làm tiền bộ đem đi đánh. Hoàng Tú bị chết ngay trước trận. Quân sĩ tan rã. Hai công tử đều bị bắt sống, đóng cũi giải về Kinh.

Chỉnh nghe xong, than rằng:

- Tuổi trẻ bồng bột, hèn nào không hỏng việc! Nhưng cũng là một việc làm vì nghĩa, dầu thất bại mà vẫn vẻ vang.

Rồi Chỉnh lại hỏi:

- Thế đưa về Kinh rồi sau ra sao?

Người ấy trả lời:

- Triều đình bàn định hai công tử đều đáng tội chết. Chúa nghĩ tình anh em cô cậu, ra ơn cho được tha tội chết. Nhưng lại bị Thái phi ngầm sai người đến bắt uống thuốc độc. Có kẻ báo với chúa. Chúa vội sai viên Trung sứ đến ngăn lại. Nhưng

(1) Chỉ con gái Trịnh Doanh, vợ Huy Quận công.

(2) Nay ở địa phận huyện Việt Yên, Hà Bắc.

khi đến nơi thì cậu cả đã bị trúng độc chết rồi. Chỉ còn cậu hai hiện đang bị giam ở ngục cửa Đoài.

Chỉnh tỏ vẻ ngậm ngùi rằng:

- Thương thay! Phá tổ đổ trứng[1]! Người ta có tội tình gì?

Lại hỏi:

- Còn công chúa, từ khi bị giam vào hậu cung thì việc ăn ở ra sao?

Đáp:

- Chúa cũng nghĩ tình cô ruột, không nỡ hành hạ gì cả. Song Thái phi vẫn có hiềm cũ, nên đã làm cho cực khổ đủ đường. Công chúa vừa đau buồn vừa uất giận, nên đã thành bệnh mà chết rồi!

Chỉnh thở dài hồi lâu, rồi nói:

- Công chúa chết cũng là phải, sống mà làm gì nữa...?

Lại nói:

- Thế còn Đặng Tuyên phi thì thế nào?

Đáp:

- Khi chúa nhỏ bị bỏ, Thái phi liền sai người bắt Tuyên phi đến trước mặt mình, kể tội, rồi buộc Tuyên phi phải lạy tạ. Tuyên phi không chịu lạy. Thái phi bèn sai hai thị nữ đứng kèm hai bên, níu tóc Tuyên phi rập đầu xuống đất. Nhưng Tuyên phi vẫn nhất định không chịu lạy mà cũng không nói nửa nhời. Thái phi giận quá, đánh đập một hồi, nhổ nước bọt vào đầu vào mặt, rồi đem giam vào nhà Hộ Tăng ở vườn sau. Tại đây, Tuyên phi bị làm tình làm tội cực kỳ khổ sở. Một bữa Tuyên phi lấy áo che mặt, trốn ra khỏi cửa Tuyên vũ, chạy

(1) Đời Tam quốc, Khổng Dung bị Tào Tháo bắt, lúc sắp bị giết chết, có kẻ đến bảo hai con của Dung nên trốn đi. Hai người đó trả lời: "Tổ vỡ thì trứng còn toàn vẹn làm sao được". Câu này dùng theo ý đó.

đến bến đò phố Khách thì bị quân lính đuổi kịp. Từ đó, lại càng bị giam giữ chặt chẽ. Năm sau trong nhà tẩm miếu trong nhà Thịnh phúc, tự dưng bao nhiêu đồ thờ bằng gỗ, bằng vàng hễ động tay vào là nát mủn như bùn. Viên giữ lăng miếu vội vàng gửi thư về Kinh trình rõ việc biến. Thái phi cho đòi cô đồng vào hỏi, cô đồng phán rằng: "Chúa thượng đã làm trái ý Tiên vương; tội bất hiếu có hai điều: Chúa vừa lên ngôi, đã ngờ Đặng Thị làm bùa yểm trong tử cung, rồi tự ý cạy mở tử cung, thay đổi quần áo khâm liệm, khiến cho xương ngọc không yên. Đó là một! Đặng Thị là người mà Tiên vương yêu dấu, bây giờ bị chúa làm cho tủi nhục đủ đường, khiến vong linh Tiên vương phải áy náy. Đó là hai! Nếu không mau hối lỗi tạ tội, tai biến sẽ còn nhiều nữa". Thái phi sợ hãi, lập tức vào nói với chúa. Chúa bèn sai quan tế lễ tạ tội, rồi cho Tuyên phi được trở lại làm cung tần nội thị vào thờ phụng tẩm miếu. Tuyên phi được vào hầu hạ lăng tẩm, đêm ngày chỉ gào thét khóc xin chết theo Tiên vương. Đến ngày giỗ đại tường của Tiên vương, Tuyên phi bèn uống thuốc độc mà chết. Chúa sai quan Trấn thủ Thanh Hoa, theo lễ cung nhân táng Tuyên phi ở cách Vọng Lăng của Tiên vương một dặm.

Chỉnh nói:

- Chết được đấy? Ta tưởng Tuyên phi chỉ có nhan sắc, không ngờ có tiết liệt như vậy. Nhưng không hiểu vì sao ngôi của Tuyên phi lại bị giáng làm cung tần như thế?

Đáp:

- Bởi vì khi chúa lên ngôi được một năm, người ta lục tờ cố mệnh của Tiên vương thấy có chữ son của Thánh mẫu ngự phê rằng: "Không phải bút rồng của Tiên vương, không đủ làm bằng". Chúa bèn giao tờ đó cho triều đình bàn định. Bấy giờ quan Thiêm sai Phạm Nguyễn Du làm tờ luận về "quốc

sách", nói rằng: Ngôi của chúa Điện Đô với sách mệnh của Tuyên phi cùng tờ cố mệnh, đều là cái mệnh của Tiên vương trong lúc mê lẫn. Nó rất trái lẽ thường, sai đạo lý không thể cho là phải được. Nay Thánh mẫu là mẹ mà đổi lại ý của con thì thật là một việc hết sức chính đáng. Vậy cần phải truy xét về cái tội của những kẻ phụ hoạ, để làm cho sáng tỏ và nghiêm chỉnh pháp điển của nhà nước". Do đó mà Tuyên phi bị truất làm người thường. Rồi Tứ Xuyên hầu vì viết tờ thư cố mệnh, Khanh Quận công vì tự tiện viết thay bút rồng, Thiêm sai Nhữ Công Chấn vì tự tiện thảo tờ sách mệnh phong Tuyên phi, xuất nạp Thuỳ Trung hầu vì sao những tờ sách mệnh ấy đưa ra Chính phủ... đều phải bãi chức về làm dân thường. Đặng Thị sau này lại phải giáng làm cung tần, cũng là vì cớ đó.

Lại hỏi:

- Ngoài mấy việc ấy, còn chuyện báo ơn báo oán gì khác nữa không

Đáp:

- Chúa mới lên ngôi hôm trước, hôm sau liền hạ lệnh rằng, tất cả mọi người đều được khoan dung, chỉ riêng những kẻ tố giác việc năm Canh Tý thì không được tha. Vì vậy những kẻ này lần lượt đều bị bắt và bị làm tội hết thảy. Duy Ngô Thì Nhậm không biết trốn đi đâu. Những kẻ phải chết về vụ án Canh Tý gồm có Tuân Sinh hầu, Khê Trung hầu, và chồng dì Sáu, về sau đều được truy tặng tước vương và lập đàn chay để làm lễ cầu siêu, giải oan cho họ.

Chỉnh nói:

- Bãi bỏ mệnh của cha giữa triều đình, phô bày lỗi của cha với cả nước: đó là việc đại bất hiếu.

Lại hỏi:

- Tham tụng, Bồi tụng bây giờ là những ai?

Đáp:

- Chúa mới lập nên, Tứ Xuyên hầu liền bị bãi chức: quan Bồi tụng Bùi Huy Bích lên thay chân và được phong làm Kế Liệt hầu. Nay Kế Liệt hầu vẫn một mình giữ ngôi Tham tụng, còn bọn Trương Đăng Quỹ, Mai Thế Uông, và Trần Công Thước được thay nhau làm Bồi tụng. Đó đều là những bậc tai mắt nắm quyền chính hiện giờ.

Hỏi tiếp:

- Từ bấy đến nay, còn có điềm lành, điềm gở gì không?

Đáp:

- Điềm lành không thấy chỉ có điềm gở thì nhiều, ngày rằm tháng một năm Nhâm Dần (1782) ở trong cung bỗng dội ra một tiếng rất to rền vang đến hơn một khắc, làm rung chuyển cả trời đất. Không hiểu là tiếng gì?

Chỉnh nói:

- Đó là tiếng trống trời.

Người ấy kể tiếp:

- Năm Quý Mão (1783), núi vua Hùng tự nhiên sập xuống hơn hai chục thước. Tháng sáu năm ấy, con sông Thiên Đức[1] cạn hẳn một ngày một đêm. Năm Giáp Thìn (1784), giữa đêm mồng một tháng mười, trong hồ Thuỷ Quân thình lình có tiếng phát ra như sấm, nước hồ sủi lên sùng sục, sớm mai bao nhiêu tôm cá đều chết sạch. Cũng trong năm ấy, trên các cây cối trong phủ chúa, thường có hàng vạn con quạ ở đâu kéo đến bay lượn lao xao, ngày đêm kêu gào quang quác. Rồi ở quãng bờ thành phía ngoài cửa cái của phủ đường, bỗng dưng cũng sụt xuống hơn mười trượng. Đó là những sự

(1) Tức sông Đuống.

lạ to lớn, ai ai cũng biết. Còn những chuyện lặt vặt, thì không sao kể hết được.

Chỉnh chắt lưỡi luôn mấy cái, rồi hỏi đến tình trạng bọn kiêu binh. Người ấy cứ theo sự thực kể lại đầu đuôi. Chỉnh xem chừng câu chuyện đã cạn, bèn sai nhà bếp làm cơm rượu thiết đãi cho người ấy ăn uống thật no say. Sau đó Chỉnh mới căn vặn người ấy rằng vào đây để làm gì?

Người ấy thưa:

- Đương Trung hầu thấy tôi với quan lớn có tình bà con, nên mới tâu với chúa xin giáng chỉ sai tôi đến đây khuyên quan lớn về triều cho khỏi mất công danh phú quý.

Chỉnh cười mà rằng:

- Chú là đứa ngu, ta thực không thèm chấp. Song ta chỉ ghét cái đứa sai chú đến đây dám khinh nhờn ta. Vậy ta kết quả tính mạng cho chú, nếu có oan ức thì xuống Âm phủ mà kiện cái đứa đã sai chú ấy?

Rồi Chỉnh hạ lệnh cho tay chân lôi luôn người ấy ra chém chết.

Nhạc thấy Chỉnh chém thuyết khách lại càng thân cận tin yêu hơn.

Qua năm Bính Ngọ (1786), khoảng cuối mùa xuân, đại tướng Thuận Hoá là Tạo Quận công[1] sai viên thuộc hiệu đội Dực hữu là Đương Lĩnh bá Nguyễn Phu Như vào Tây Sơn nói về công việc biên giới của hai xứ.

Phu Như với Chỉnh vốn là chỗ quen biết, liền nói với Chỉnh những lẽ có thể lấy được Thuận Hoá. Rồi lại cho Chỉnh biết rằng hai xứ Thanh-Nghệ và cả bốn trấn hiện đang bị đói lớn, dân chúng đều ta oán kêu khổ, dân với lính chẳng

(1) Tức Phạm Ngô Cầu.

ưa gì nhau, tình thế không thể lâu bền, nếu lấy được Thuận Hoá, thì việc dẹp yên thiên hạ không khó gì nữa?

Do đó, Chỉnh mới quyết định mưu kế về nước. Luôn bữa ấy, Chỉnh vào hầu Nhạc, bày cách thức lấy đất Thuận Hoá, và xin điều động binh tướng đánh chiếm ngay lấy Phú Xuân.

Nhạc nghe lời, liền sai người em ruột là Thượng công Nguyễn Văn Bình[1], đốc xuất các quân thuỷ bộ, lại sai dũng tướng Võ Văn Nhậm[2] làm Tả quân đô đốc, Nguyễn Hữu Chỉnh làm Hữu quân đô đốc, cùng theo lệnh hiệu của Bình, đến ngày 28 tháng tư thì kéo quân lên đường, tiến thẳng về phía thành Phú Xuân.

Lại nói, từ năm Giáp Ngọ (1774), Thuận Hoá thuộc về bờ cõi nước[3] thành Phú Xuân trở nên chỗ đầu cùng của miền biên giới và là một thị trấn rất xung yếu. Bởi thế, triều đình mới để ba ngàn quân đóng đồn và ba vạn quân thay phiên canh phòng; lại cử một viên Đại tướng, một viên Phó tướng, cùng với một viên Đốc thị, một viên phó Đốc thị trông nom công việc đó. Các nơi trọng yếu từ đèo Ải Vân trở ra đều có lập đồn đóng quân. Rồi lấy dân địa phương để bổ sung thêm quân lính. Khai khẩn đất hoang để tăng thêm lương thực. Mở mang việc lưu thông trao đổi hàng hoá. Khai thác các nguồn lợi trên rừng dưới biển. Lấy việc thi cử để kén chọn người tài. Dùng danh vị, tước lộc để thu phục lòng người... Cách khống chế, cai trị thật không còn thiếu sót điều gì. Chỉ đáng tiếc là viên Đại tướng Tạo Quận công đứng đầu xứ đó lại là một

(1) Tức Nguyễn Huệ.

(2) Võ Văn Nhậm vốn là Tiết chế của họ Nguyễn, bị Tây Sơn đánh thua ở trận Gia Định, toan tự tử, sau nghe Nguyễn Huệ dụ hàng. Nhậm bèn theo Tây Sơn từ đó, rồi được Nhạc gả con gái cho.

(3) Đứng về phía Lê-Trịnh ở Đằng ngoài mà nói. Năm 1774 quân Trịnh hạ được thành Phú Xuân.

người nhu nhược, chỉ quen lấy miệng lưỡi khống chế người, còn đến khi gặp việc quan trọng xảy ra thì lại không có tài đối phó kịp thời. Trước kia viên Đốc thị Nguyễn Lệnh Tân cứ mỗi lần nhắc đến việc gấp rút đánh lấy Tây Sơn, thì lại bị Quận Tạo gạt đi. Lệnh Tân bèn tâu về triều rằng:

- Quận Tạo là kẻ nhút nhát, ít mưu cơ. Thuận Hoá chắc chắn sẽ mất ở tay ông ta; xin hãy bãi chức ông ta và nhắc Phó tướng lên làm Đại tướng, hoạ may xứ này mới có thể giữ vững được.

Chúa[1] nghĩ rằng Thuận Hoá là xứ vừa mới dẹp yên, lại thích tính ôn hoà, thận trọng của Quận Tạo, bèn bãi chức Đốc thị của Lệnh Tân và cho người khác làm thay.

Bấy giờ Bảng nhãn Lê Quý Đôn khảo cứu những sấm ký về đất khởi nghĩa Tây Sơn, nói với chúa rằng:

- Tây Sơn có đất thiên tử, đến mười hai năm nữa thì sức mạnh của họ sẽ không ai chống nổi. Đại tướng Thuận Hoá e không phải là tay đối địch được với họ. Xin chúa hãy lưu ý.

Nhưng chúa cũng chỉ cho là lời nói quá đáng, không để ý gì mấy.

Rồi đó, bờ cõi không có chuyện gì. Nam-Bắc đều yên ổn, Thuận Hoá đang là một miền thái bình, vui vẻ.

Đến tháng tư năm Bính Ngọ (1786), bỗng có chiếc thuyền buôn của người khách phương Bắc đi tới. Người khách vào ra mắt Quận Tạo, rồi giở thuật tướng số ra nói rằng:

- Hậu vận của ngài rất tốt, phúc lộc không thể kể xiết. Có điều hiện nay ngài đang gặp phải năm xung tháng hạn, cần đề phòng bệnh tật xảy ra. Mùa hè này ngài nên lập đàn mà thờ cúng thì tốt!

---

(1) Trịnh Sâm.

Quận Tạo tin lời, tức thì sai lập đàn chay rất lớn, cúng luôn bảy ngày bảy đêm. Quân lính phải phục dịch liên tục hết đêm này sang ngày khác rất là vất vả.

Thình lình thấy có tin báo bộ binh của địch đã lấy mất đồn Ải Vân, tướng giữ Ải Vân là Quyền Trung hầu[1] bị chết trong khi đánh nhau; hiện nay các đạo thuỷ binh của địch đang theo đường biển kéo ra, chỉ sớm tối sẽ đến đây. Quận Tạo hốt hoảng về thành, không biết nên làm thế nào. Các quân lính vì suốt mấy hôm hầu hạ đàn chay đang mỏi mệt, thốt nghe tin có địch, ai nấy đều không còn hồn vía. Quận Tạo vội cho người đi tìm người khách, thì đã mất tăm không thấy đâu nữa. Bấy giờ Quận Tạo mới biết hắn là thám tử của địch, đến bày mưu để đánh lừa mình.

Nguyễn Hữu Chỉnh khi ở Tây Sơn vốn đã biết Quận Tạo là người nhút nhát mà đa nghi dụ hàng chưa chắc Tạo đã tin. Chỉnh bèn viết một bức thư cho Phó tướng Thể Quận công[2] đại ý nói rằng: quân Tây Sơn tinh nhuệ lắm, không thể địch nổi. Quận Thể với Chỉnh xưa đều là thuộc hạ của Quận Huy, nếu nay Thể chịu đem thành Phú Xuân ra hàng thì Chỉnh sẽ bảo đảm cho được giàu sang vẹn toàn.

Rồi Chỉnh lấy sáp bọc kín[3], và mật sai người cố ý đưa lầm phong thư ấy vào dinh Đại tướng Tạo Quận công. Quận Tạo nhận được thư đâm ra nghi ngờ, sợ hãi, ngầm có ý muốn hàng Tây Sơn, bèn dìm luôn bức thư đi.

Chẳng bao lâu, đại binh Tây Sơn kéo đến. Đại tướng và Phó tướng bèn cùng nhau bàn cách chống cự.

---

(1) Tức là Hoàng Nghĩa Hồ.

(2) Tức Hoàng Đình Thể.

(3) Xưa các bức thư bí mật đều bọc sáp ong.

Nguyên thành Phú Xuân ở ngay bờ sông, từ mặt nước dưới lòng sông trông lên chân thành, chiều cao khoảng độ hơn hai trượng. Lúc ấy thuyền Tây Sơn ở dưới sông bắn ngược lên, vì vậy không tới mặt thành. Trong thành, người ta cho đóng chặt các cửa rồi đốc tất cả quân sĩ ở trên bắn xuống. Bộ binh của Tây Sơn phải lui cả vào trong thuyền. Trên thành bắn theo, thuyền của Tây Sơn bị chìm một chiếc. Nhờ vậy tinh thần quân lính trong thành đã hăng hái lên được một chút. Chẳng dè, đêm ấy thuỷ triều lên to, nước sông tràn ngập khắp chân thành. Quân Tây Sơn thừa dịp thả thuyền tiến sát vào bắn thẳng lên thành, rồi cho bộ binh vây chặt cửa thành.

Quận Tạo tự mình chỉ huy các toán quân giữ cổng thành; rồi sai phó tướng Quận Thể cùng các thuộc tướng là bọn Kim Kiên hầu[1] ra ngoài thành đón đánh. Hai người con trai Quận Thể đều làm quan võ, cũng theo cha ra đánh, cả toán dựa lưng vào bờ thành mà bày trận. Đánh nhau được hơn một canh, tên đạn đều hết, Quận Thể cử người vào thành xin thêm. Quận Tạo ngồi trên lầu thành, sai người đóng cửa chặn lại mà cự rằng:

- Cơ nào đội ấy, ngoài việc cấp lương khẩu phần, đạn dược cũng đều có cả rồi, giờ lại còn vào đòi hỏi ai?

Quận Thể giận lắm, liền bảo với các tướng:

- Quận Tạo phản rồi? Để ta phá cửa thành vào chặt lấy đầu thằng giặc già trước đã, rồi sau sẽ ra đánh.

Đoạn ngoảnh lại nói với các con.

- Chúng bay hãy đứng phía trước cản địch, ta vào một lát sẽ ra ngay.

Rồi Quận Thể co đầu voi quay vào. Voi vừa lùi lại, thế

(1) Tức Vũ Tá Kiên.

trận tức thì rối loạn, quân Tây Sơn thừa cơ sấn đến. Hai con Quận Thể phóng ngựa ra trận, múa đao chém chết chừng vài trăm người. Quân địch kéo đến càng đông hơn, họ xông vào chém chân ngựa của hai người, ngựa quỵ, hai người lại hoa đao đánh bộ, giết thêm vài chục người nữa, rồi bị thương nặng và cùng đuối sức, bèn gọi cha ra cứu.

Quận Thể vội quay voi đến cứu, thì hai người đã bị chém chết ở trước trận. Liền đó, Kim Kiên hầu cũng bị giết chết.

Quận Thể thu quân, toan bầy trận khác, nhưng ngoảnh đầu nom lên thành thì đã thấy kéo cờ trắng rồi.

Tên quản tượng của Quận Thể hốt hoảng, bỏ voi nhảy xuống đất chạy trốn. Quân địch đuổi theo voi mà bắn. Quận Thể chết ngay trên bành voi.

Đại tướng Tạo Quận công truyền mở cổng thành, xe quan tài ra hàng[1]. Bình thả quân vào thành, chém giết bừa phứa. Đốc thị Nguyễn Trọng Đương chết trong trận đó. Còn bao nhiêu lính tráng trong thành chạy trốn ra ngoài, đều bị thổ dân giết sạch.

Trong trận đánh, mấy vạn mạng tướng sĩ đóng ở thành Phú Xuân đều không còn sống sót lấy một mạng.

Chiếm xong Phú Xuân, Bình nhân đà thắng kéo quân ra lấy luôn đồn Động Hải. Tướng giữ đồn là Vị Phái hầu cùng viên Hiệp trấn là Ninh Tốn mới trông thấy bóng quân Tây Sơn đã chạy trốn. Thế là mất hết cả đất Thuận Hoá. Bấy giờ là ngày 14 tháng 5 năm Bính Ngọ (1786) niên hiệu Cảnh Hưng.

Sau khi hoàn toàn lấy được Thuận Hoá rồi, Bình bèn họp các tướng bàn việc sửa lại địa giới La Hà; đồng thời sai làm tờ "lộ bố"[2] báo tin thắng trận về cho chúa Tây Sơn.

---

(1) Tỏ ý xin ra chịu chết.

(2) Thư báo tin thắng trận.

Lúc ấy Chỉnh nói với Bình rằng:

- Ngài vâng mệnh ra lấy Thuận Hoá, đánh một trận mà xong, oai danh lừng lẫy khắp thiên hạ. Phép dùng binh có ba điều cốt yếu, một là " thời" hai là "thế", ba là "cơ"; ba điều ấy đều có cả thì đánh đâu cũng thắng. Nay ở Bắc Hà, tướng lười binh kiêu, triều đình không còn kỷ cương gì cả, ta thừa thế mà đánh lấy, như trong sách đã nói: "Chiếm nước yếu, đánh nước ngu, lấy nước loạn, lấn nước suy vong". Cơ và thời ấy không nên bỏ lỡ!

Bình đáp:

- Bắc Hà là một nước lớn, có nhiều người tài. Lời xưa có nói "Con ong có nọc", há có thể khinh thường được ư?

Chỉnh nói:

- Người tài ở Bắc Hà chỉ có một Chỉnh này mà thôi. Nay tôi đã đi rồi ấy là cái nước rỗng không, xin ngài chớ nghi ngại!

Bình vốn khéo dùng ngôn ngữ để bẻ người, liền đùa rằng:

- Không nghi ngại người nào khác, hoá ra chỉ có ông là đáng nghi ngại thôi ư?

Chỉnh tái mặt mà tạ rằng:

- Sở dĩ tôi tự nêu lên cái ngu hèn của mình như thế, chẳng qua cũng chỉ để nói quá rằng nước tôi tuyệt nhiên không có người tài nào đó mà thôi[1].

Bình lại an ủi mấy câu, rồi tiếp:

- Một nước đã trải bốn trăm năm, nay bỗng chốc mình đến cướp lấy, người ta sẽ gọi đạo quân ấy là đạo quân gì?

Chỉnh đáp.

- Nước tôi có vua lại có chúa, đó là một việc hết sức trái

(1) Ý Chỉnh muốn nói chữa, ngoài Bắc chỉ có Chỉnh là tài mà Chỉnh cũng chỉ xoàng như vậy thì quả là người Bắc không còn có người tài nữa.

ngược xưa nay. Chúa Trịnh tiếng rằng phò Lê, thực ra chỉ là ăn hiếp Thiên tử. Người trong nước vốn không phục. Trước đây các bậc anh hùng mỗi khi nổi dậy, chưa từng có ai không lấy danh nghĩa phò Lê. Nhưng số họ Trịnh chưa hết, nên công việc của những người ấy đều không thành. Nay xét ở trong "địa kỷ" của họ Trịnh có câu: chẳng đế chẳng bá, quyền nghiêng thiên hạ, truyền được tám đời, trong nhà dấy vạ". Mà tính từ Thái Vương đến Tĩnh Vương[1] thì đã đủ số tám đời rồi. Nếu ngài lấy cớ "diệt Trịnh phò Lê" mà kéo quân ra, thiên hạ không ai là không hưởng ứng. Đó chính là cái công không mấy đời có vậy!

Bình nói:

- Đó là việc rất hay! Nhưng nay ta vâng mệnh đi đánh Thuận Hoá, không phải vâng mệnh đi đánh nước người. Tự ý thay đổi mệnh lệnh của nhà vua như thế thì ra làm sao?

Chỉnh đáp:

- Trong kinh *Xuân thu* có nói: "Thay đổi nhỏ mà công lao lớn, ấy là có công!" Như thế thì thay đổi có ngại gì đâu? Huống hồ ngài há chẳng nghe nói câu "Tướng ở ngoài, mệnh vua có khi không cần phải theo" đấy ư?

Bình là một người thông minh, quyết đoán, được lời Chỉnh nói trúng với ý của mình, tức thì nghe theo ngay.

Bình sai Chỉnh đem đội quân tuyển phong, vượt vào cửa

---

(1) *Địa kỷ*: Sách ghi lời dự đoán trước về thế đất để mả. Thái Vương là Trịnh Kiểm; Tĩnh Vương là Trịnh Sâm. Tương truyền Trịnh Kiểm lúc nhỏ nhà nghèo, thường ăn trộm gà hàng xóm để nuôi mẹ, ai cũng ghét. Họ bèn ném mẹ Kiểm xuống vực sâu ở làng. Qua một đêm, chỗ vực sâu ấy bỗng biến thành một gò đất. Sau có một thầy địa lý đi qua gò đất, đọc bốn câu rằng: Phi đế phi bá, quyền khuynh thiên hạ, tộ truyền bát đại, tiêu tường khởi hoạ (nghĩa như trên). Câu "tộ truyền bát đại" có bản chép: "Truyền nhị bách niên" (truyền hai trăm năm).

biển Đại An, đánh lấy kho lương Vị Hoàng[1] trước; còn tự mình thì dẫn thuỷ binh theo sau, lại hẹn với Chỉnh hễ đến được Vị Hoàng thì phải đốt lửa lên làm hiệu.

Bố trí xong rồi, Chỉnh liền cầm quân đi trước. Lúc ngang qua mấy trấn Nghệ An, Thanh Hoa, Chỉnh sai nhiều toán du binh, mỗi toán chừng vài trăm người, chia ngả đi đánh các đồn để phô trương thanh thế.

Trấn thủ Nghệ An là Đương Trung hầu, Trấn thủ Thanh Hoa là Thuỳ Trung hầu[2] đều bỏ thành mà chạy.

Ngày mồng sáu tháng sáu năm ấy (1786) Chỉnh tới Vị Hoàng. Quân ở trong đồn mới trông thấy bóng quân Chỉnh đã bỏ trốn. Hơn một trăm vạn hộc lương ở đây đều bị Chỉnh chiếm gọn. Sau đó Chỉnh bèn đốt lửa báo tin.

Bình thấy hiệu lửa, lập tức dẫn hơn một ngàn chiến thuyền theo đường biển đi ra. Dân chúng Nghệ An lên núi, trông bóng lâu thuyền[3] cùng cờ quạt ngoài biển đều ngậm ngùi than:

- Cõng rắn cắn gà nhà, hắn ta thật có tội. Song cũng là một việc không mấy đời có!

Chỉnh ở Vị Hoàng hợp với quân của Bình, thanh thế rất lớn. Bấy giờ ở trong nước, những kẻ hai lòng thường hay lui tới dinh quân của Chỉnh, đem hết tình hình nước nhà mà kể với địch, còn như tình hình quân địch ra sao thì triều đình lại không hề hay biết gì hết.

Khi Phú Xuân bị vỡ, tin từ biên giới báo về Kinh, những người dự bàn đều nói:

- Thuận Hoá vốn không phải là bờ cõi của triều đình,

(1) Xã Vị Hoàng, sau là tỉnh lỵ Hà Nam.
(2) Tức Bùi Thế Toại và Tạ Danh Thuỳ.
(3) Loại chiến thuyền hạng lớn, khoang thuyền có lầu cao.

tiên triều hao phí bao nhiêu của cải trong nước mới lấy được xứ ấy, rồi lại phải đem quân đóng giữ, rốt cuộc chẳng có ích gì. Ngày nay mất đi cũng là một cái may. Bây giờ chỉ nên bàn tính việc đóng đồn ở trấn Nghệ An và định rõ cương giới cũ mà thôi. Ta lấy sự mất Thuận Hoá làm may, ắt họ phải lấy sự lấn đất của ta làm điều đáng ngại. Như vậy hẳn là ta không phải lo gì nữa. Thế là kẻ trên người dưới, ai nấy đều yên lòng. Chợt nghe tin Nghệ An bị vỡ, quân địch sắp sửa đến nơi; triều đình bấy giờ mới hốt hoảng. Bèn sai Thái Đình hầu[1] làm Thống lĩnh, đem 27 cơ lính vào Nghệ An chống nhau với quân địch. Thái Đình hầu lĩnh mệnh đã hơn mười ngày, mà sửa soạn vẫn chưa xong. Kịp đến khi rời thành được nửa ngày, thì quân địch đã tới Vị Hoàng. Bấy giờ triều đình lại sai luôn Thái Đình hầu xuống giữ ở vùng Sơn Nam và phái thêm Liễn Trung hầu Đinh Tích Nhưỡng đốc lĩnh đường thuỷ, dẫn các đội thuyền Tả vệ, Hữu vệ, Ngũ hầu, Ngũ thiện, Ngũ trung cùng với Thái Đình hầu thuỷ bộ đều tiến.

Hồi ấy Nhưỡng đang đánh nhau với bọn thuỷ khấu[2] ở vùng Hải Dương; đến lúc này bọn thuỷ khấu đã hợp cả với quân Nam, vì vậy Triều đình liền sai luôn Nhưỡng về đánh giữ mặt Nam.

Nhưỡng là danh tướng ở vùng Hàm Giang, vốn là con nhà dòng dõi, triều đình đem hết công việc thuỷ chiến giao phó cả cho Nhưỡng.

Các thuyền quân của Nhưỡng kéo đến đóng ở cửa Luộc[3], cầm cự với quân Tây Sơn. Bấy giờ gió đông nam thổi rất dữ, quân Tây Sơn ở hạ lưu cho năm chiếc thuyền làm tiền

---

(1) Tức Trịnh Tự Quyền.

(2) Giặc ở vùng sông nước.

(3) Cửa Luộc chỗ sông Luộc chảy vào sông Hồng giáp liền với huyện Tiên Lữ (Hưng Yên) và huyện Hưng Nhân (Thái Bình).

bộ tuyển phong, giương buồm ngược dòng tiến lên, còn đại quân thì từ từ tiến theo sau. Nhưỡng thấy những thuyền tuyển phong của địch xông đến, tức thì đem chiến thuyền chặn ngang sông, dàn thành thế trận hình chữ "nhất", rồi truyền quân lính nạp súng Bảo lân, bắn sang thuyền địch. Bắn phát đầu thuyền địch đứng yên không động. Nhưỡng truyền bắn phát thứ hai, các buồm của thuyền địch đều cuốn lại. Quân bên Nhưỡng mừng rỡ, cho là bên địch có ý sợ. Nhưỡng lại sai bắn thêm ba phát nữa. Lúc ấy bên địch mới bắn trả một phát súng lớn, tiếng nổ như sấm, đạn bay lên cây cổ thụ bên bờ, làm cho thân cây bị gãy hai đoạn.

Bấy giờ Trướng Trung hầu[1] đang dàn quân ở hai bên bờ sông; thấy đạn bay lại, quân lính đều kinh hãi, cơ hồ muốn vỡ. Quân địch thừa thế bỏ thuyền kéo ùa lên bờ. Quân của Trướng Trung hầu bỏ chạy hết. Bên địch kéo thẳng đến dinh trấn, Trướng Trung hầu và viên Đốc đồng Nguyễn Huy Bình đều một mình bỏ trốn. Quân của Thái Đình hầu đóng ở cửa Kim Động[2] cũng tự vỡ mà chạy.

Khi ấy, thư báo tin thua trận tới tấp đưa về Kinh, các quan văn võ trong triều ai nấy chỉ cuống lên lo thu xếp chỗ nương náu cho vợ con, lo cất giấu của cải, không một ai đứng ra nhận đánh nhau với quân Tây Sơn.

Chúa thấy Tham tụng Bùi Huy Bích ở ngôi Tể tướng lâu ngày mà chẳng làm được việc gì, đến lúc này lại không có mưu kế gì để chống địch, trong lòng đã chán ghét. Rồi nhân những người xung quanh lại công kích Bích rất gay gắt. Chúa bèn bãi chức Tể tướng của Bích và cử ra trận đốc chiến.

---

(1) Tức Đỗ Thế Dân.

(2) Thuộc Hưng Yên (Hải Hưng).

Tể tướng đi rồi, lòng người càng nôn nao. Chúa bèn đòi Công Thước[1] vào phủ, mật bàn xem nên đánh lui địch hay nên tránh địch, Công Thước thưa:

- Giặc kéo quân vào sâu xứ lạ, đó là điều mà trong binh pháp rất kỵ. Nên dử cho chúng tới gần nữa, rồi đánh một trận mà tiêu diệt hết, đó cũng là cái thuật kỳ diệu trong phép dùng binh. Vả lại, Kinh sư là cái gốc của thiên hạ, rời bỏ thì sẽ đi đâu? Chẳng những thế, nếu kiệu chúa lật đật ra ngoài thành, tất lòng người sẽ phải lìa tan, ấy là đem nước mà trao cho giặc vậy. Bây giờ chỉ nên xin Thái phi và cả sáu cung hãy tạm lánh ra ngoài thành mà thôi.

Chúa nghe theo lời Thước. Lại tự nghĩ rằng, trong hàng võ tướng chỉ có Thạc Quận công là tay lão tướng có thể trông cậy được, bèn sai người ra trấn Sơn Tây tức tốc triệu ông ta về triều.

Được lệnh, Quận Thạc liền đem năm trăm quân nghĩa dũng về cứu Kinh thành. Thấy quân Thạc về, lòng người cũng hơi vững. Khi Quận Thạc vào ra mắt, chúa nói:

- Ông bỏ quả nhân hay sao? Bây giờ thế nước như vậy thì làm thế nào?

Quận Thạc khóc mà rằng:

- Thân chịu ơn dày của nhà nước, thề không cùng sống với giặc. Cha con thần tất cả còn có chín người, nếu phải dựa lưng vào thành mà quyết một trận tử chiến, thần xin cầm roi mà theo dưới chân chúa, chúa không lo gì hết.

Chúa bèn bỏ ra năm ngàn lạng bạc, giao cho Quận Thạc để chi về việc binh, Thạc lập tức ra lo liệu việc quân, một ngày gọi được hơn một ngàn thủ hạ, toàn là những tên quân hết sức tinh nhuệ. Rồi theo lệnh chúa, Quận Thạc tiến quân

(1) Trần Công Thước, sau đổi là Công Xán.

ra đóng ở hồ Vạn Xuân[1].

Bấy giờ gió đông nam đang mạnh, đường thuỷ trở nên rất xung yếu. Sau khi các đội thuyền của Liễn Trung hầu đã bị đánh bại, quân địch chiếm được cả một giải đất yên ổn chạy dài theo ven sông, rồi thuận đường kéo thẳng lên Kinh kỳ. Tông sai cả bốn hiệu lính thuỷ dốc hết quân xuống ngăn địch ở cửa Thuý Ái[2].

Thuyền địch đến bến Nam Dư[3] tức thì bỏ thuyền nhảy lên bộ, đánh úp vào đám lính thuỷ ở cửa Thuý Ái. Trước đó, thuỷ binh ở đây nghe tin quân địch còn xa, nên không phòng bị gì hết, cứ cột thuyền lại rồi lên bờ đi tản mát, linh tinh ở các bãi sông. Khi quân địch thình lình kéo đến, thuỷ binh không kịp lên thuyền, bao nhiêu thuyền bè đều bị địch chiếm hết cả. Cả đội duy có viên Tiểu tướng họ Ngô[4] là dám vác dao đứng ở đầu thuyền, đánh nhau với địch. Được chừng hơn một khắc, quân Tây Sơn dùng súng lớn bắn vào đầu thuyền, viên tiểu tướng ấy trúng đạn chết ngay tại chỗ. Quân địch bèn kéo ùa lên bộ, xông vào trận của Quận Thạc. Quân lính của Quận Thạc khi ấy đang ăn cơm, chợt thấy địch ập tới, ai nấy bỏ cả khí giới mà chạy[5]. Quân Tây Sơn từ hai phía Tả Hữu

(1) Tức đầm Vạn Phúc ở làng Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, Hà Đông nay là ngoại thành Hà Nội.

(2) Cửa Thuý Ái nằm ở địa phận bãi Thuý Ái, Thanh Trì, Hà Đông, nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

(3) Cũng thuộc Thanh Trì, Hà Đông. nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

(4) Tức Ngô Cảnh Hoàn, theo *Cương mục*, Hoàn có người thiếp yêu là Phan Thị Thuẫn rất trẻ, đẹp. Sau khi Hoàn chết, nàng cứ nhởn nhơ may sắm quần áo và trang điểm như không có chuyện gì, mọi người chê cười cũng mặc. Đến hết giỗ 100 ngày, bấy giờ nàng mới trang điểm đẹp đẽ, bơi thuyền đến chỗ chồng chết mà tự tử. Nhân dân địa phương bèn lập đền thờ, khen là người con gái tiết liệt.

(5) Theo *Cương mục*, lúc ấy có Mai Thế Pháp dám một mình vác dao ra chặn đường quân Tây Sơn, nhưng giết được mười người thì bị vây chặt, phải nhảy xuống sông tự tử.

cùng đánh dồn lại, chém giết quân của Quận Thạc tơi bời, thây chết nằm ngổn ngang khắp bãi. Những kẻ nhảy xuống hồ Vạn Xuân mà chết, cũng không biết bao nhiêu mà kể.

Quận Thạc chỉ còn hơn mười thủ hạ và tám người con. Bọn họ đều xúm quanh chân voi của Quận Thạc, tựa vào voi mà chống cự lại quân Tây Sơn. Sáu người con của Quận Thạc ra sức mà chiến đấu, chết ở trước voi. Quận Thạc liền sai quản tượng cho voi quỳ xuống, rồi ông ta nhảy xuống đất cùng hai người con cướp đường mà chạy tháo thân.

Thuỷ binh của Tây Sơn tiến thẳng đến bến Tây Long. Chúa thân hành ra ngự trên lầu Ngũ Long bày trận. Chia thành năm đạo quân, hiệu Tả bộ giữ mặt Đông Long, hiệu Hữu bộ giữ mặt Tây Hồ, hiệu tiến bộ giữ mặt cửa thành Tiền Lâu, hiệu Hậu bộ giữ mặt Hậu Lâu, cạnh bờ hồ Thuỷ Quân, còn hai hiệu Nhưng Kiệu ở trung quân để hộ giá.

Quân Tây Sơn từ bãi sông tiến vào, chúa ở trên lầu sai nổi hiệu trống trận, hiệu Tiền bộ liền nổ súng bắn ra. Bắn được một hồi lâu, quân địch khom mình vừa tránh đạn vừa xông vào. Chúa bèn mặc đồ trận, xuống lầu, trèo lên mình voi, cầm cờ đỏ chỉ ba cái, vẫy ba cái, rồi sai thúc trống làm hiệu cho quân lính tiến về phía trước. Quân lính nghe trống giục, trông theo lá cờ liều mạng tiến lên. Bên địch dùng "hoả hổ"[1] phun lửa bừa vào, quân lính nhà chúa đều sợ mất mật, bỏ cả khí giới ở bờ sông mà chạy thục mạng.

Chúa thấy quân lính tan tác, ngoảnh nhìn quanh mình, đã không còn một người nào: nhưng quân Tây Sơn không biết đó là chúa, hối hả tranh nhau xông vào phủ chúa, không có ai lại gần chân voi. Chúa vội cởi bỏ quần áo trận, đội khăn chữ đinh, tụt xuống ngồi núp trong ngăn hòm da ở mé sau

(1) Hoả hổ: là tên một thứ ống phun lửa của Tây Sơn.

bành voi, rồi cho đầu voi quay về phủ. Khi qua cửa Tuyên Vũ thì thấy tiền binh của địch chừng vài chục người đã vào lọt trong phủ và đang kéo cờ ở phía ngoài phủ; chúa liền quay voi men theo bờ hồ Minh Đường, nhằm phía cửa ô Yên Hoa[1] mà chạy.

Bấy giờ Bình đã vào thành[2], hạ lệnh nghiêm cấm quân sĩ không được cướp bóc của dân. Rồi Bình vào phủ chúa nghỉ ngơi.

Mấy viên cận thần và các thân binh biết chúa chạy ra phía tây, bèn lục tục chạy theo. Tới ngoài cửa thành, hãy còn có chín thớt voi, hơn mười con ngựa và hơn ngàn người. Lúc qua địa phận Từ Liêm, dân quê thấy bóng gươm giáo, ngờ là địch đến, vội dắt nhau chạy. Quan quân trông đằng xa thấy dân lại tưởng là địch, quá nửa số người vứt bỏ cả khí giới mà trốn. Đến huyện Yên Lãng, thì có người con trai Nguyễn Thường là Nguyễn Noãn quê ở làng Vân Điềm, huyện Đông Ngàn, vốn là gia thần của chúa, đón chúa ở dọc đường, quỳ xuống mép đường bên trái mà thưa rằng:

- Ngày trước tôi vâng mệnh chúa đi mộ quân, hiện đã mộ được năm trăm tên, đang chờ ở phía bắc sông này. Xin chúa hãy ngự giá sang phía bắc, tới làng tôi đóng tạm để lo tính công việc về sau.

Chúa bèn sai gọi đò để sang sông. Bao nhiêu chân sào ở bến đò mỗi người lấn đi mỗi ngả. Tìm mãi mới được ba chiếc thuyền nhỏ, mỗi chiếc chỉ chở được khoảng 13, 14 người. Chúa vội lên thuyền, chỉ có năm sáu viên quan hoạn trẻ tuổi và Noãn đi theo. Còn bao nhiêu quan quân và voi ngựa đều phải ở lại; khi nhìn thấy chúa đã sang đến bờ bên kia, thì họ

(1) Tức là ô Yên Phụ, Hà Nội bây giờ.

(2) Nguyễn Huệ vào Thăng Long ngày 26 tháng 6 năm Bính Ngọ (1786).

cũng bảo nhau trốn chạy tan tác.

Chúa lên bờ không thấy một tên quân nào, vội hỏi Noãn thì Noãn đáp:

- Lính tráng hiện ở làng tôi, xin chúa hãy quá bộ đi dần lên phía trước, làng tôi cách đây cũng không xa.

Chúa có ý hối bị Noãn làm lỡ việc, lại sợ đi nữa chưa chắc giữa đường có được yên lành hay không. Bấy giờ quanh mình chẳng có ai đáng tin, chúa nghĩ rằng chỉ có những bậc văn thần Tiến sĩ là có thể trông cậy được, bèn hỏi Noãn.

- Những thôn ấp gần đây có viên Tiến sĩ nào không?

Noãn thưa:

- Ở đây thì chẳng có ai là Tiến sĩ. Chỉ có viên Thiêm sai tri lại phiên Lý Trần Quán, trước kia phụng mệnh đi chiêu dụ nhân dân vẫn đóng tạm tại làng Hạ Lôi, nhưng không biết hiện giờ có còn ở đó nữa không?

Chúa nói:

- Ngươi hãy thử đi hỏi xem. Nếu còn thì nên báo kín tình trạng này để cho viên ấy biết mà lo liệu giúp ta.

Noãn vâng mệnh, đi tới ra mắt Lý Trần Quán kể rõ đầu đuôi rồi nói:

- Tôi trước vâng mệnh về quê mộ quân, hiện nay đã mộ được một số, đang đợi ở địa giới huyện tôi. Quan lớn hãy lựa cách nào mượn tạm lấy ít binh lính, khí giới hậu vệ cho chúa tới đó, thế là yên ổn.

Quán có người quen là viên Tuần huyện Trang[1] ở làng Hạ Lôi. Trang vốn là một tên tướng cướp, thuở trước đã có học với Quán. Bấy giờ Quán trú ở Hạ Lôi cũng là nhờ có Trang che chở. Nghe Noãn nói thế, Quán bèn cho gọi Trang vào bảo:

(1) Tức Nguyễn Trang.

- Hiện có quan Tham tụng là Kế Liệt hầu tránh loạn đến đây, muốn phiền anh hộ tống ra khỏi địa phận.

Trang xin vâng.

Quán liền cùng Trang theo Noãn đến yết kiến chúa. Nguyên lúc Quán ở Chính phủ chỉ là một viên quan nhỏ: chưa từng được thấy mặt chúa, mà chúa cũng chưa hề biết Quán bao giờ. Khi ấy chợt thấy Quán đến, chúa bèn ngoảnh lại hỏi mấy viên thị thần:

- Đó là người nào?

Bọn thị thần đáp.

- Đó là Lý Trần Quán!

Chúa đang nhún nhường chưa biết nên nói câu gì. Quán khi được tiếp kiến cũng tỏ ra hết sức cung kính, điệu bộ rụt rè, khúm núm. Vô tình chúa và tôi đều lộ rõ chân tướng. Hồi lâu, chúa mới nói tâm sự với Quán, Quán chỉ vào Trang thưa:

- Tôi có tên này, vốn là học trò cũ của tôi, việc đó hắn rất có thể đảm đương được.

Rồi Quán quay sang bảo Trang.

- Anh phải cẩn thận hộ vệ quan lớn ra khỏi địa giới đấy nhé.

Trang thưa:

- Dạ!

Quán bèn từ biệt chúa trở về nhà riêng. Còn Trang thì đem theo năm mươi thủ hạ đi hộ vệ chúa. Lúc đi qua một ngôi nhà mà Quán đã từng ở, Trang giữ chúa lại trong một căn phòng bỏ không và hỏi:

- Ông có phải là Đoan Nam Vương thì cứ nói thực với tôi. Nếu không rồi xảy ra việc gì ông đừng có trách!

Chúa mới đầu còn định giấu giếm bèn đáp:

- Sao anh lại đoán xằng như vậy? Ta chỉ là quan Tham tụng Bùi Huy Bích mà thôi?

Trang nói:

- Ông chớ nói dối người ta. Cái bộ điệu che đậy của chúa tôi nhà ông lúc nãy tôi đã thấy cả rồi, còn che mắt được ai nữa? Từ xưa đến nay hưng phế là việc thường, ông cũng không thể tránh khỏi, đừng có làm gì nữa cho thêm nhọc mình.

Rồi Trang đưa chúa về nhà. Chúa giận lắm, đổi sắc mặt mà nói:

- Vua chúa phải có mệnh trời. Chính Đại nguyên soái Đoan Nam Vương là ta đây? Nếu có chết về tay người trong nước thì cũng là mệnh trời. Tha hồ cho mày làm gì thì làm!

Trang bèn sai người đi báo tin cho quân Tây Sơn. Hết thảy những kẻ đi theo chúa đều bị bắt giữ.

Quán nghe tin có việc biến, thân hành đến tận chỗ chúa, rập đầu xuống đất mà nói.

- Làm lầm chúa đến nông nỗi này, là do tội của tôi cả?

Tông đáp:

- Người ta ai có bụng nấy, khanh có can dự gì?

Quán lui trở vào, bảo Trang:

- Chúa là chúa chung của thiên hạ. Mà ta lại là thầy anh. Vua tôi là nghĩa lớn, sao anh nỡ làm như thế

Trang đáp:

- Quan lớn không bảo tôi trước khiến tôi trót lầm đến gặp chúa. Nếu chúa trốn thoát ở tay tôi, rồi nữa quân Nam đến hỏi tội tôi, liệu quan lớn có thể biện bạch hộ tôi được không? Sợ thầy chưa bằng sợ giặc, yêu chúa chưa bằng yêu thân mình, tôi không để cho quan lớn làm cho lầm lỡ đâu.

Tiếp đó, Trang bức Quán phải trở về nhà, rồi quát thủ hạ

dìu chúa về Kinh đô.

Quán tới lạy chúa vừa khóc vừa kêu gào rằng:

- Ôi trời ơi! Tôi giết chúa tôi rồi, trời có hay chăng?

Chúa an ủi:

- Tấm lòng trung thành của khanh "cô"[1] đã biết rồi đừng nên tự oán mình như thế.

Quán muốn nèo chúa ở lại chút nữa, nhưng chưa kịp nói thì chúa đã bị Trang đẩy đi rồi.

Đi đến giữa đường, Trang dẫn chúa vào tạm nghỉ trong một cái quán. Chúa vớ được con dao con của nhà hàng, đưa lên đâm ngay vào cổ mình. Trang trông thấy vội vàng giằng lấy dao. Mũi dao đâm vào hãy còn nông, nên vết thương ở cổ cũng nhỏ. Chúa bèn dùng ngón tay chọc vào vết thương xé cho rách thêm ra, nhưng cũng bị Trang ngăn chặn. Một chốc chúa thấy trong bụng nôn nao, buồn bực, đòi uống nước lạnh. Trang sai người lấy nước cho chúa. Chúa bưng nước uống xong thì chết liền. Trang đưa thi hài chúa đến Kinh. Quân Tây Sơn mừng lắm, đem phơi xác chúa ra ngoài cửa Tuyên Vũ để cho thiên hạ cùng biết. Sau đó, sai khâm liệm chúa đúng theo lễ vua chúa, rồi dùng kiệu rồng đưa ra chôn ở lăng Cung Quốc công[2].

Còn Trang, được phong làm Tráng Nghĩa hầu thêm chức Trấn thủ Sơn Tây. Hôm ấy nhằm ngày 27 tháng 6 năm Bính Ngọ (1786)[3].

Ở Hạ Lôi, Lý Trần Quán sau lúc từ biệt chúa, liền quay

---

(1) Lối khiêm xưng của vua chúa đời xưa.

(2) Nơi chôn Trịnh Cán.

(3) Theo *Trịnh thị thế gia*, thì ngoài Trang còn có Nguyễn Noãn tức Ba Đóm cũng tham dự vào việc bắt Tông. Nhưng lúc Noãn đòi thưởng công thì Nguyễn Huệ cho là kẻ bất nghĩa và sai đem chém ngay.

về nhà trọ, nói với chủ nhà rằng:

- Bề tôi mà làm lầm vua, tội thật đáng chết! Nếu ta không chết, không lấy gì tỏ được lòng này với trời đất. Vậy hãy sắm cho ta một cỗ quan tài, mười vuông vải trắng, để ta làm theo cái chí của ta.

Chủ nhà hết sức khuyên giải, Quán vẫn không nghe, nói rằng:

- Ta đã muốn chết, tự khắc còn có những cách khác, nhà ngươi không thể ngăn nổi đâu. Nếu quả là yêu mến ta, thì cứ để mặc ta làm gì thì làm.

Qua hai ngày sau, Quán càng phẫn uất, bồn chồn. Chủ nhà ngăn cản Quán chẳng được, biết lòng trung của Quán không thể lay chuyển, đành phải sắm sửa đầy đủ các thứ theo như lời Quán đã bảo.

Quán sai đào huyệt ở ngay vườn sau nơi nhà mình ở, đặt sẵn chiếc quan tài xuống đó. Lại lấy vải trắng xé ra làm một chiếc khăn đội đầu và một chiếc dây lưng. Sau đó, đội mũ mặc áo chỉnh tề, hướng về phía nam lạy hai lạy. Lạy xong, lại bỏ mũ, lấy khăn trắng chít lên đầu, lấy dải lưng trắng thắt ngang lưng: rồi nằm vào trong quan tài, bảo chủ nhà đậy nắp lại.

Tấm ván vừa đặt lên, bỗng Quán ở trong áo quan nói vọng ra:

- Hãy còn thiếu một câu nữa, phải nói hết cái đã.

Chủ nhà lại mở nắp ra. Quán liền đọc hai câu rằng:

Tam niên chi hiếu dĩ hoàn.

Thập phần chi trung vị tận[1].

Rồi Quán bảo với chủ nhà:

---

(1) Nghĩa là:

Đạo hiếu ba năm đã trọn.

Chữ trung mười phần chưa xong.

- Phiền ông đem câu ấy dặn lại con ta, bảo nó sau này dán ở nhà thờ mà thờ ta.

Nói xong câu ấy, lại tiếp luôn:

- Đa tạ ông chủ, ta vĩnh biệt ông từ đây nhé!

Chủ nhà và năm sáu tên đầy tớ cùng sụp xuống lạy chào ở trước quan tài, rồi đậy nắp và lấp đất lên. Hôm ấy là ngày 29 tháng 6 năm Bính Ngọ (1786) sau khi chúa chết hai ngày.

Quán người làng Vân Canh, huyện Từ Liêm, đỗ Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766); tính nết giản dị, chất phác và rất hiếu thảo. Trong khi chịu tang mẹ, Quán ở nhà mồ luôn ba năm liền; miệng không ăn thịt cá, thân thể gầy rạc chỉ còn da bọc xương. Quán thường tự nói: "Ta nay đã bốn chục tuổi đầu, nhưng những việc đã làm trong quãng đời vừa qua của ta, chỉ có ba năm chịu tang này là gần với đạo làm người". Bởi Quán cư xử không còn điều gì phàn nàn như vậy, nên khi sắp chết, Quán mới có lời tự hứa[1] như thế.

Sau khi Quán mất, thiên hạ ai cũng thương chúa và kính trọng Quán là bậc nghĩa khí. Rồi nhân đó truy nguyên đến việc Chỉnh cõng rắn cắn gà nhà để gây ra tai hoạ, không ai là không oán Chỉnh, Chỉnh cũng cảm thấy điều ấy

Chỉnh có một người quen là Đỗ Thế Long, quê ở làng Hoằng Liệt, huyện Thanh Trì, vốn là một kẻ giáo hoạt. Hồi Chỉnh nợ tiền công bị bỏ ngục. Long vì cớ khác phải tội, cũng cùng ở tù với Chỉnh. Long làm các bài từ khúc bằng chữ Nôm rất giỏi, so với Chỉnh cũng không kém gì. Kịp đến khi Chỉnh ở Tây Sơn ra, Long vẫn còn bị giam. Chỉnh tới Kinh, tức thì sai người thả Long ra, và đãi Long làm bậc khách quý. Mỗi lần có việc nước, Chỉnh đều hỏi han Long, Long biết

(1) Tự hứa nghĩa là cho rằng mình có điều đáng khen. Ở đây chỉ vào câu " Tam niên chi hiếu dễ hoàn", ý nói mình đã tận hiếu với cha mẹ.

điều gì, không bao giờ không nói. Đã nói, không bao giờ Chỉnh không theo.

Đến lúc này thấy chúa chết, Chỉnh bèn nói với Long rằng:

- Chúa không tin bụng ta, nên mới đến nỗi tự huỷ hoại đời mình. Nếu chúa còn sống hẳn ta cũng đặt vào một địa vị thanh nhàn không để đến nỗi phải mất danh lộc

Long nghe lời lẽ của Chỉnh, thấy Chỉnh đối với chúa cũng có tình, bỗng nhiên Long nảy ra cái ý muốn lập lại họ Trịnh. Rồi nhân ý của Chỉnh, Long bèn xoay chuyển thêm để cho đúng với mưu của mình.

Thật là:

Ác độc than người tàn phá trứng.

Ngây thơ cười kẻ giữ gìn con[1].

Chưa biết việc này ra sao? Xin xem hồi sau phân giải.

---

(1) "Phá trứng" dịch ở chữ *huỷ noãn*, nghĩa bóng ý nói Nguyễn Hữu Chỉnh diệt họ Trịnh cũng giống như phá tổ chim đập vỡ trứng chim. " Giữ gìn con " tạm dịch ở chữ "Tồn sồ" nghĩa đen là bảo tồn con chim non. Nghĩa bóng ý nói Đỗ Thế Long muốn lập lại họ Trịnh cũng giống như tổ chim đã bị phá mà còn muốn bảo tồn con chim con.

HỒI THỨ NĂM

Phò chính thống, Thượng công vào điện
Kết duyên lành, công chúa ra xe

Lại nói, Đỗ Thế Long nghe lời lẽ Chỉnh có ý hậu với chúa, bèn nhân đó nói với Chỉnh rằng:

- Việc ông đã làm, tiếng là nhân nghĩa, nhưng xét rõ ra thì lại là tàn hại! Ngày nay ông có cái thế nghiêng non lật biển, quả thật là nhờ vào sự giúp đỡ của quý quốc[1]. Nhưng khi ông mới xuất thân, nào cầm quân, nào phong hầu, thử hỏi có cái gì không phải là ơn của nhà chúa? Chuyến này ông lấy tiếng "phù Lê, diệt Trịnh" để kéo quân ra, thật là quá lắm! Nếu bảo nhà chúa hiếp chế nhà vua là việc có lỗi, thì sao lại không nghĩ đến cái công tôn phò hai trăm năm trời? Theo người mới mà phản người cũ là bất nghĩa; bới lỗi lầm để lấp công là bất nhân. Đã bất nghĩa, bất nhân tức là tàn hại. Kẻ đại trượng phu lập thân, có thể tự mình đứng vào địa vị tàn hại được ư?

Chỉnh nghe nói, sắc mặt tái mét, lặng đi hồi lâu mới đáp:

- Gây dựng là ơn riêng của một người, cương thường là nghĩa lớn của thiên hạ. Tôi làm cái việc tôn phò ấy, là cốt để chống đỡ cho nền cương thường. Đó là một việc nhân nghĩa vô cùng lớn lao, vậy mà ông lại cho là tàn hại, chẳng phải là

(1) Chỉ Tây Sơn.

ông nói nhau quá tệ ư? Nếu tôi nghĩ không sai, thì chắc là ông nói quá lời đấy?

Long nói:

- Nhà vua vốn đã tôn quý sẵn rồi, cần gì đợi ông tôn phò nữa? Chẳng qua ông cũng chỉ mượn cớ ấy để làm cho trôi cái mưu cướp bóc đó thôi. Nhưng mà, nhà nước đang như chiếc âu vàng lành lặn, bỗng dưng vô cớ ông đưa người ngoài tới đây, làm hại chủ suý, làm hại nhân dân; người trong thiên hạ nhất định sẽ còn cho ông là beo, sói, diều quạ. Bảo là tàn hại cũng chưa phải quá đáng. Nay ông dựa vào thế lực nước ngoài, cũng giống như cáo mượn oai hùm. E rằng lòng người còn nhớ họ Trịnh, chắc sẽ có ngày sinh biến. Vả lại, mai đây người ta bỏ ông mà về; bấy giờ ông lấy cái thân cỏn con để cõng cái tội tày trời, làm sao mà đứng vững với thiên hạ?

Chỉnh giận nghiến răng lại, nhưng vẫn làm ra vẻ mặt tươi cười mà rằng:

- Vậy thì ông bạn của giống beo, sói, diều, quạ, bảo giống beo, sói, diều, quạ nên làm thế nào bây giờ?

Long đáp:

- Ông ra chuyến này, chẳng qua muốn vì ngài Trấn thủ trước[1] mà trả thù bọn kiêu binh. Nay kiêu binh đã diệt, ấy là chí ông đã thoả. Nếu ông có thể nhanh chóng xoay lại đường lối đã định, khéo điều đình với quý quốc, khiến cho họ mãn nguyện mà rút quân về rồi ông ở lại, chọn trong tôn thất họ Trịnh lấy một người khá, lập nên làm chúa, còn ông thì sẽ phụ chính. Đó thực là cái công không mấy đời có vậy?

Chỉnh nói:

- Đúng! Nhưng để tôi nghĩ xem đã. Bây giờ ông hãy về

(1) Chỉ Quận Huy.

nhà, đi tìm người nào đáng nói, rồi liệu mà sửa lời nói cho khéo, đợi lúc người ta thích nghe, thì ông có thể dùng lời nói mà làm cho mình được vẻ vang đấy!

Long ra khỏi, Chỉnh bảo với mọi người chung quanh:

- Rồng[1] thì phải đưa xuống nước, không nên cho ở trên cạn để nó làm mê hoặc thiên hạ.

Rồi Chỉnh sai người chặn bắt Long ở ngoài cửa, trói lại, đem ra dìm xuống giữa dòng sông Nhĩ Hà.

Lại nói, Nguyên soái Tây Sơn ngay từ lúc mới đến Vị Hoàng, đã làm tờ tâu nói rõ về ý tôn phò và đã sai người bí mật dâng lên nhà vua. Người ngoài cũng nghe phong thanh chuyện đó. Nhưng phần đông đều cho rằng lòng giặc khó lường, lời nói suông chưa thể tin được. Bởi vậy khi ấy quan, quân, lại, sĩ ở Kinh thành ai cũng tranh nhau mà chạy trốn. Người nào còn bận việc quan hoặc còn đang mắc cớ gì khác, chưa kịp ra ngoài thành thì đến ngày 26 cũng hốt hoảng đeo bọc mang hòm chuồn ra nốt.

Nhân lúc rối ren, dân chúng ở xung quanh Kinh thành tha hồ rủ nhau đón đường cướp bóc. Ngựa xe, của nả của các họ hàng nhà chúa và của các đại thần, đại phu đều bị họ lấy sạch, không biết bao nhiêu người chỉ còn trơ chiếc mình không mà chạy.

Còn bọn kiêu binh, sau khi tan vỡ đều phải chạy trốn đi các nơi. Nhưng chúng đến đâu cũng bị dân quê kể tội kiêu ngạo lộng quyền ngày trước và làm cho nhục nhã đủ đường, không có ai chứa chấp.

Bữa ấy, có một người cởi trần trùng trục cũng ở trong thành chạy ra, khi qua cửa ô bị dân chúng trông thấy, họ liền chỉ mặt mà nói:

---

(1) "Rồng" là nghĩa của chữ "long" (tên Đỗ Thế Long).

- Thằng bụng phệ kia chẳng phải lính Nhưng, Kiệu[1] là gì, lôi cổ nó lại mà đánh chết đi! '

Người ấy vội đáp:

- Không phải, ta là Huyện uý huyện Thọ Xương đây?

Mọi người cùng cười mà rằng:

- Người ta thường nói "bụng to như bụng ông huyện" thật không sai!

Người ấy cũng cười rồi đi.

Ngày hôm đó lính Thanh-Nghệ dắt díu nhau về quê, bị đói khát ở dọc đường, lại chết thêm đến hàng trăm tên.

Riêng có chi phái nhà vua, các gia thần nội điện, các lính tráng nội điện, cùng dân chúng ở phố phường quanh điện, thì vẫn yên ổn như cũ.

Đến ngày Kinh đô bị mất, Bình vào thành, việc trước tiên là sai tỳ tướng đem một đội quân vây giữ cung điện. Lúc ấy Hoàng thượng đang ốm, các hoàng tử đều hầu hạ ở trong điện. Thấy sân điện có quân lính đứng vây kín như bức tường, ngờ là địch đến bức bách nhà vua, ai nấy vội vàng nâng Hoàng thượng dậy, định dìu ra vườn Tam Sơn ở mé sau điện mà trốn. Chợt thấy có viên tỳ tướng quỳ ở giữa sân, hai tay nâng tờ tấu lên trán để tiến dâng; gia thần nội điện vội chạy ra đón lấy và đem dâng vua xem. Trong tờ tâu, đại ý trước nói những lời thăm hỏi sức khoẻ nhà vua, sau xin ngày khác sẽ vào ra mắt. Hoàng thượng xem xong tờ tấu, bấy giờ trong lòng mới yên.

Tinh mơ sớm hôm sau, Bình và Chỉnh cùng vào điện Vạn Thọ để ra mắt nhà vua. Quan hầu vào tâu, Hoàng thượng đang ở trong điện, sai người vén màn lên, đưa Bình vào hầu

(1) Nhưng và Kiệu là tên của hai cơ lính trong hàng ngũ kiêu binh hồi bấy giờ.

ở sập ngự. Bình sập xuống đất lạy năm lạy và rập đầu vái ba vái. Hoàng thượng sai hoàng tử nâng Bình dậy, và mời đến ngồi vào một chiếc sập khác ở bên trái sập ngự. Bình nhún nhường không dám ngồi. Hoàng thượng phải hai ba lần dụ, Bình mới ngồi ghé vào một góc chiếu cuối sập, một chân bỏ thõng xuống đất.

Hoàng thượng uý lạo hết sức ôn tồn. Bình nói:

- Thần vốn là một kẻ hèn mọn ở đất Tây Sơn, gặp thời nổi dậy, chưa từng được mặc áo của bệ hạ, ăn lộc của bệ hạ. Nhưng vì thánh đức của bệ hạ tràn đi xa rộng, nên thần tuy ở chốn mọi rợ mà cũng vẫn một lòng kính mến. Ngày nay được thấy mặt rồng, cũng là bởi tấm lòng chí thành như hoa quỳ[1] của thần xui khiến ra vậy. Vả lại, cũng vì họ Trịnh vô lễ lấn ép nhà vua đã lâu, cho nên hoàng thiên mới mượn tay thần diệt trừ họ Trịnh, để tỏ oai quyền của bệ hạ. May được thành công như thế này, thực cũng là nhờ phúc lớn của bệ hạ đưa đến. Nay thần chỉ cầu mong thánh thể khoẻ mạnh, coi trị thiên hạ, cho thần được hưởng nhờ chút phúc thừa.

Hoàng thượng đáp:

- Đa tạ ông có lòng quá hậu đối với quả nhân, trèo đèo vượt suối từ xa đến đây, thật là vất vả cho tôi tớ ngựa xe. Hiềm nỗi quả nhân ở ngôi thanh bạch giản dị, không có gì để biếu tặng.

Bình nói:

- Thần vì nghĩa tôn phò mà đến đây, đâu dám kể công lao. Vả chăng, chuyến này thần ra cũng bởi ý trời, không phải sức người làm được. Nếu bảo là thần có hậu tình riêng với bệ hạ mà kéo quân ra, thì đành rằng quân lính, thuyền bè, thần

(1) Bình muốn nói: Lòng luôn luôn hướng về nhà vua như hoa quỳ luôn hướng về mặt trời.

có thể điều khiển được, nhưng đến chuyện nước lụt rút xuống, gió nồm mạnh lên, há phải sức thần làm nổi? Đó thực là mệnh trời muốn bệ hạ thống nhất bờ cõi, để lưu lại nền móng cho ức vạn năm sau. Từ nay thần xin bệ hạ sắp đặt giường mối yên kẻ trong, nuôi kẻ ngoài, để đưa cõi đời này lên cõi thái bình, ấy là thần được ban tặng nhiều lắm vậy?

Rồi Bình ngoảnh lại phía Chỉnh nói:

- Kia là bầy tôi của bệ hạ đấy!

Chỉnh liền ra trước sập ngự lạy chào.

Hoàng thượng phán cho Chỉnh ngồi.

Bình lại nói:

- Ông này đội ơn tước lộc của bệ hạ tưởng chưa nhiều lắm. Vậy mà tấm lòng trung thành của ông ấy đối với bệ hạ, thật là có một không hai trong nước Nam. Thần được đến đây cũng chính là nhờ vào công sức giúp đỡ của ông ấy một phần lớn.

Hoàng thượng nói:

- Chỉnh biết trung nghĩa như vậy là do ông gây dựng cho.

Chỉnh rập đầu rằng:

- Thật đúng như lời dạy của thánh thượng.

Hoàng thượng vỗ về, an ủi hồi lâu nữa, rồi Bình cáo từ mà rằng:

- Hiện giờ thánh thể không được khoẻ lắm, ứng tiếp mãi e rằng sẽ mỏi mệt. Thần xin tạm lui về nơi đóng quân. Từ nay về sau, thỉnh thoảng thần lại xin vào chầu. Nếu bệ hạ còn muốn hỏi han điều gì, thần xin cung kính đợi chờ thánh chỉ.

Hoàng thượng nói:

- Quả nhân có nước mà không được tham dự, khoanh tay rũ áo đã hơn bốn mươi năm. Nay lại già lẫn, việc nước việc

quân đều không quen thạo. Ông đã có lòng tôn phò, thì hãy nên ở lại tệ quốc để giúp quả nhân, xin đừng ruồng bỏ!

Bình đáp:

- Thần chỉ vâng mệnh vua anh đi lấy Thuận Hoá; nay đã trót ra đây cũng là việc nhân tiện mà làm, thần không dám ở lâu. Tuy nhiên, vì bốn phương còn rối loạn, nên thần cũng phải đánh dẹp một phen cho yên đã rồi mới xin về.

Hoàng thượng sai trà đồng pha trà thết Bình, Bình ung dung uống chè, rồi lui ra. Chỉnh cũng ra theo. Trong lúc ngồi chầu, Chỉnh nhận thấy các quan tản mát chẳng ra sao; gia thần của Hoàng thượng thì không có người nào ứng đối nên lời. Còn về hoàng thân, chỉ có Thanh Nguyên hầu Lê Huy Thiều, Áng Sơn Hầu Lê Duy Phục, mà cũng đều là những kẻ tầm thường. Xem chừng không còn ra triều đình nữa. Về hàng quan văn, chỉ còn hai người là Lê Duy Lâm và Lê Duy Chiểu thì lại đều là những kẻ lêu lổng ở Trường An, vì cùng khốn quá nên không cần phải trốn, mới vào nương nhờ trong nội điện, rồi nhân có Thanh Nguyên hầu tiến dẫn, nên được Hoàng thượng dùng để coi về việc giấy má. Đối với hai người này, bụng Chỉnh cũng đều không ưa. Chỉnh tự nghĩ: "Gần đây, những triều thần có tham dự chính sự và hàng ngày mình cũng đã biết, thì chỉ có Tứ Xuyên hầu Phan Lê Phiên, Kiến Xuyên hầu Trương Đăng Quỹ, Thao Đường hầu Uông Sĩ Lăng[1] Luyện Đường hầu Trần Công Thước, Thiêm sai Nhữ Công Điền, Hoàn Quận công Nguyễn Hoàn, cả thảy sáu người". Chỉnh bèn tâu xin Hoàng thượng ban sắc gọi đến. Hoàng thượng lập tức cho đi vời ngay.

Phan Lê Phiên và Nhữ Công Điền bị cách chức, ở nhà đã lâu, Nguyễn Hoàn, Trương Đăng Quỹ, Uông Sĩ Lăng và Trần

(1) Còn có tên là Uông Sĩ Điển.

Công Thước đều ra lánh nạn binh đao ở ngoài thành.

Khi có chỉ nhà vua đòi, các viên ấy đều vâng mệnh tới Kinh, riêng Nhữ Công Điền lấy cớ mắc bệnh điên để từ chối.

Uông Sĩ Lăng thấy chiếu vua đòi, ngỡ có sự quở trách gì, trước khi vào chầu, vội đem chiếc ấn Bộ Binh mà Lăng vẫn giữ, nộp cho Chỉnh để xin hàng. Nhưng Chỉnh trả lại ấn và bảo cứ ra. Thế là từ đó, các viên ấy ngày ngày lui tới triều đình để bàn việc nước. Những viên quan khác nghe tin, cũng đều lục tục đến Kinh. Hoàng thượng liền truyền cho tất cả các viên quan trong triều đều phải tuỳ công việc mà giao thiệp với Bình.

Bình tự nghĩ rằng mình ở nước ngoài xa xôi mới đến, chưa am hiểu phong tục tập quán của xứ này; cho nên công việc giao thiệp với các quan trong triều, Bình đều nhất nhất nghe theo Chỉnh.

Một hôm Chỉnh nói với Bình rằng:

- Ngài lấy danh nghĩa tôn phò nhất thống mà ra đây, thiên hạ ai cũng mong ngóng. Nhưng danh phải đi đôi với thực. Muốn cho nhất thống, thì những việc quân việc nước đều phải do Hoàng thượng quyết định, đó mới là cái thực của sự tôn phò. Ngài nên làm cái gì cho rõ sự thực ấy đi. Hôm nọ ngài vào ra mắt Hoàng thượng ở điện Vạn Thọ, mới chỉ là việc gặp gỡ riêng, chưa được tỏ rõ với thiên hạ. Nay ngài nên chọn ngày lành, cử hành lễ chầu yết cho thiên hạ đều biết. Như thế mới là việc quang minh chính đại.

Bình lấy làm phải, bèn chọn ngày mồng 7 tháng bảy.

Đến ngày, Bình xin Hoàng thượng mở cuộc đại triều ở điện Kính Thiên, các quan đều theo thứ tự đứng hầu. Bình tự dẫn các tướng sĩ theo cửa Đoan môn đi vào. Sau khi đã lạy năm lạy và rập đầu vái ba vái, Bình dâng lên tờ tấu nói về

công diệt họ Trịnh, cùng các sổ sách quân, dân để Hoàng thượng sai quan coi giữ.

Hoàng thượng nhận lễ triều yết xong, truyền đưa tiễn Bình ra khỏi cửa điện, rồi bãi triều.

Hôm sau Hoàng thượng sai quan đem tờ chiếu đến tận chỗ đóng quân của Bình, phong cho Bình làm Nguyên soái Phù chính Dực vũ Uy Quốc công.

Bình làm lễ bái mạng nhận phong xong, liền sai sứ vào triều tạ ơn rất là chu đáo.

Nhưng sau đó, Bình bảo riêng với Chỉnh rằng:

- Ta đem mấy vạn quân ra đây, chỉ đánh một trận mà dẹp yên được cả thiên hạ. Một thước đất, một người dân của nước Việt Nam không có cái gì không thuộc quyền sở hữu của ta. Ví phỏng ta muốn xưng đế, xưng vương gì mà không được. Sở dĩ ta nhường nhịn không ở những ngôi ấy, là hậu đãi nhà Lê đó thôi? Cái chức Nguyên soái, Quốc công với ta có thêm được gì đâu? Phải chăng là nước Việt Nam dùng cái danh hão ấy để lung lạc ta? Nếu ta không nhận thì e Hoàng thượng bảo ta là kiêu căng. Song nhận mà không nói gì, thì người trong nước lại bảo ta là mọi rợ. Nên nhân tiện nói chuyện, thì ta cũng nói cho rõ mà thôi!

Chỉnh biết ý Bình không bằng lòng, bèn bịa ra lời riêng của Hoàng thượng rồi vờ tiết lộ với Bình rằng:

- Hoàng thượng đã có bảo riêng với tôi rằng: nhà vua đơn bạc không có vật gì đáng tặng. Vẫn biết cái danh tước nhỏ mọn, không đủ làm cho ngài sang thêm. Song vì tục lệ trong nước vốn chuộng lễ nghĩa, nên cũng gọi là tỏ chút lòng thành của Hoàng thượng kính ngài mà thôi. Bản ý của Hoàng thượng vẫn cho rằng mình đã cao tuổi, sợ sau khi ngài về, không thể nương tựa vào ai, nên người muốn nối liền tình

thân hai họ, để cho hai nước đời đời kết tình thông gia giao hảo với nhau. Nhưng vì chưa hiểu ý ngài thế nào, nên Hoàng thượng vẫn còn trù trừ chưa dám nói rõ.

Bình đáp:

- Xưa nay những kẻ chinh phu xa nhà, tình khuê phòng rất là cần thiết. Hoàng thượng cũng xét đến chỗ ấy kia à? Ừ! Em vua nước Tây, làm rể hoàng đế nước Nam "môn đăng hộ đối" như thế tưởng cũng không mấy người đã có được.

Mọi người ngồi quanh Bình đều cười.

Bình lại tiếp:

- Nhưng nói đùa thế thôi! Ý nghĩ ấy của Hoàng thượng thật là mưu kế già giặn. Người muốn cho hai nước hoà hiếu với nhau đấy mà.

Chỉnh biết là Bình bằng lòng, bèn vào tâu với Hoàng thượng, kể hết đầu đuôi như vậy, rồi lại hỏi xem con cái Hoàng thượng hiện còn mấy công chúa chưa gả chồng.

Nguyên trong số những người con gái đẻ sau của Hoàng thượng, còn có đến năm, sáu nàng công chúa chưa chồng. Những chỉ riêng có một nàng tên chữ gọi là Ngọc Hân, là người có sắc đẹp và nết na hơn cả. Hoàng thượng rất yêu quý Ngọc Hân. Thường ngày vẫn nói:

- Con bé này ngày sau nên gả làm vương phi, không nên gả cho hạng phò mã tầm thường.

Lúc ấy nghe lời Chỉnh nói, Hoàng thượng trong bụng cũng ưng, bèn bảo Chỉnh:

- Con gái chưa chồng của trẫm còn nhiều, nhưng chỉ có mình Ngọc Hân là có chút nhan sắc. Tuy vậy, thói thường yêu con vẫn hay thiên lệch chưa biết ở mắt người ngoài thì sao. Ngươi hãy ở đây, để trẫm đòi cả ra cho mà coi qua, rồi tuỳ ngươi lựa xem người nào xứng đáng thì giúp cho thành

việc đi!

Rồi Hoàng thượng sai viên quân đứng hầu đi gọi các công chúa. Một lát sau, tất cả các cô con gái chưa chồng của Hoàng thượng đều ra hầu ở trước ngự tọa. Chỉnh liếc nhìn một loạt rồi nói:

- Được rồi! Mối nhân duyên tốt lành này, thần xin làm mối mười phần chắc mười.

Rồi Chỉnh về nói với Bình:

- Câu chuyện riêng hôm qua tôi nói với ngài, nay tôi đã tâu với Hoàng thượng. Người vui mừng mà bảo tôi rằng: Nếu đã được ngài bằng lòng như thế, âu cũng là duyên trời run rủi. Hiện Hoàng thượng có nàng công chúa thứ chín, tuổi vừa đôi tám, xin cho nương bóng nhà sau, hầu hạ khăn lược, để cho hai nước thành thông gia, đời đời hoà hiếu với nhau.

Bình nói đùa rằng:

- Vì dẹp loạn mà ra, để rồi lấy vợ mà về, bọn trẻ cười cho thì sao? Tuy nhiên, ta mới chỉ quen gái Nam Hà, chưa biết con gái Bắc Hà, nay cũng nên thử một chuyến xem có tốt không?

Những người cùng ngồi với Bình đều cười ầm.

Chỉnh ra về, Bình lại nói thêm:

- Tôi xin kính lạy dưới bệ Hoàng thượng vạn tuế ở nơi khe núi hẻo lánh xa xôi tới đây, há dám đường đột như vậy? Bây giờ may sao lại được bám vào cành vàng lá ngọc, thật là mối duyên kỳ ngộ ngàn năm mới có. Kẻ ở khe núi này xiết bao mừng rỡ.

Chỉnh vào điện tâu lại với Hoàng thượng. Hoàng thượng bèn gả công chúa Ngọc Hân cho Bình.

Bình chọn ngày mồng mười tháng ấy, sắp sẵn hai trăm lạng vàng, hai ngàn lạng bạc, hai chục tấm đoạn màu, bày

biện gươm giáo cờ quạt: rồi sai viên Thị lang bộ Hình đem các thứ lễ vật đó cùng một tờ tâu vào điện Vạn Thọ.

Hoàng thượng cho hoàng tử là Sùng Nhượng công ra đón nhận lễ vật, làm lễ cáo ở nhà Thái Miếu, định ngày hôm sau thì đưa dâu. Rồi Hoàng thượng lại truyền cho các hoàng thân, hoàng phi, công chúa và các quan văn võ, ai nấy đều phải sửa soạn ngựa xe, sớm hôm đó đợi ở cửa điện, để đưa công chúa về phủ của Bình.

Sáng sớm hôm sau, Bình lại sai quan đem một tờ tâu vào triều, xin cho làm lễ nghênh hôn. Một mặt Bình khiến quân lính đứng sắp hàng ở hai bên đường, từ cửa điện đến cửa phủ. Trai gái trong Kinh nghe tin rủ nhau đi xem đông như ngày hội. Ai cũng cho là việc hiếm có xưa nay. Khi xe của công chúa tới cửa phủ, Bình ngồi kiệu rồng vàng ra đón, hết thảy mọi thứ lễ nghi đều theo đúng như lệ thường ở các nhà. Sau khi công chúa vào cung, Bình sai đặt tiệc ở bên ngoài để thết các vị hoàng thân, hoàng phi, công chúa và các quan văn võ đi đưa dâu. Trong tiệc mọi người đều theo thứ bậc mà ngồi. Tiệc tan Bình sắp riêng hai trăm lạng bạc, sai quan ngỏ lời kính tặng các vị nhà gái, và đưa tiễn ra tận cửa phủ. Các quan ra về, lại họp ở nhà công đường bộ Lễ, ai nấy đều khen nhà vua kén được rể tốt, và bảo nhau:

- Thế là từ nay nước An Nam ta đã có một nước dâu gia.

Công chúa lúc mới về còn có vẻ bẽn lẽn e thẹn, nhưng sau rồi cũng quen. Hôm vào làm lễ yết các vị tiên Hoàng đế ở nhà Thái Miếu, Bình và công chúa gióng kiệu cùng đi lúc lễ xong lại gióng kiệu cùng về.

Bình vốn có tính kiêu căng, chợt hỏi công chúa:

- Con trai con gái nhà vua, đã có mấy người được vẻ vang như nàng.

Công chúa đáp:

- Nhà vua ít lộc, các con trai con gái ai cũng thanh bạch nghèo khó. Chỉ riêng thiếp có duyên, lấy được lệnh công[1], ví như hạt mưa, bụi ngọc bay ở giữa trời được sa vào chốn lâu đài như thế này, là sự may mắn của thiếp mà thôi!

Bình nghe câu ấy, thích thú lắm.

Đến ngày 14 bệnh của Hoàng thượng đã nguy kịch. Bình muốn nhân lúc nhà vua đang còn sống, xin nhà vua nhận lễ chúc mừng về sự thống nhất để trong ngoài đều biết, cho trọn vẹn cái công tôn phò của mình. Bình bèn chọn ngày rằm để đặt lễ đại triều rồi dâng tờ tấu lên xin với Hoàng thượng. Đúng ngày, triều đình bày cuộc đại nhạc ở mé đông và mé tây đan trì[2]. Các lễ quan sắp đặt đồ nghi vệ cực kỳ sang trọng, rồi xin Hoàng thượng ra ngự châu. Sau khi các hoàng tử đã dìu Hoàng thượng lên ngự tọa, ngoài điện nổ ba phát súng làm hiệu lệnh, trăm quan đều lần lượt làm lễ mừng. Lễ xong Hoàng thượng ban tờ chiếu nói về việc nhất thống đem sai dán ở ngoài cửa Đại Hưng. Thần dân thiên hạ thấy vậy đều khen "phúc, lộc, thọ khảo"[3] của Hoàng thượng thế là hoàn toàn tốt đẹp

Sau ngày lễ ấy, bệnh của Hoàng thượng càng nguy hơn, đã gần hấp hối. Công chúa mời Bình vào thăm. Bình nói:

- Nay tôi với Hoàng thượng nghĩa như cha con. Tôi thành thật muốn kịp thời vào thăm khi Hoàng thượng còn sống, để chiêm ngưỡng mặt rồng, cho tỏ tấm lòng lưu luyến. Song, tôi mới từ xa tới đây, người trong nước chưa chắc đã tin hết cả. Hôm qua Hoàng thượng ra ngự châu, ai biết thánh thể mang

(1) Tiếng gọi tôn trọng, chỉ Nguyễn Bình.

(2) Thềm sơn đỏ nơi cung điện nhà vua.

(3) Phúc là điều tốt lành, lộc là của cải, thọ khảo là sống lâu.

bệnh? Nếu như tôi vào thăm lại chẳng may đúng lúc Người về chầu giời, há chẳng khiến cho tôi mang tiếng muôn đời với thiên hạ ư? Chi bằng, nàng cứ về thăm Hoàng thượng và nói rõ với các anh chị em như thế, để ai nấy đều hiểu lòng tôi.

Công chúa Ngọc Hân bèn từ biệt Bình về cung thăm vua cha.

Đêm đó, Hoàng thượng tinh thần tỉnh táo, bèn cho đòi hoàng tôn vào, dặn dò các công việc lớn lao của nhà nước, lại cho đòi công chúa Ngọc Hân vào để dạy bảo về đạo làm vợ.

Trối trăng với con cái xong đâu vào đấy, đúng giờ mão ngày 17, Hoàng thượng băng ở điện Chính Tâm. Bấy giờ Hoàng thượng thọ 70 tuổi, ở ngôi vua được 47 năm.

Nhà vua râu rồng, mũi cao, tóc hạc, mắt phượng, đi nhẹ như nước, ngồi vững như non; tính nết hiền từ, giản dị. Khi còn làm hoàng tử, vì việc ông hoàng Lê Duy Mật chống lại họ Trịnh, nên nhà vua bị chúa Trịnh nghi ngờ, đem giam vào nhà viên nội thị Hồng Quận công. Đến năm Canh Thân (1740) Nghị Tô[1] lên làm chúa Quận Hồng ra trấn Sơn Nam, chúa liền chuyển nhà vua đến giam ở nhà cậu mình là Bính Quận công[2]. Khi chưa có lệnh ấy của chúa, một đêm Quận Bính bỗng mơ thấy thiên tử tới nhà, cờ quạt phấp phới, nhã nhạc vang lừng, rõ ra cảnh tượng của đời thái bình. Sớm hôm sau thấy Quận Hồng cho giải hoàng tử đến giam ở nhà mình, Quận Bính hết sức ngạc nhiên, nghĩ rằng giấc mộng ban đêm không phải là chuyện tình cờ, bèn vào kể lại với chúa. Bấy giờ bốn phương đang loạn lạc, thế nước ngả nghiêng, chúa thấy điềm lành ấy, muốn nhờ vào phúc đức của nhà vua để dẹp cho yên thiên hạ, liền cho đón về, lập lên

(1) Tức Trịnh Doanh.

(2) Vũ Tất Thận cậu ruột của Trịnh Doanh, em Thái phi Vũ thị.

ngôi và đặt niên hiệu là Cảnh Hưng.

Sau khi nhà vua lên ngôi, bốn phương dần dần dẹp xong, thiên hạ lại bình yên. Chúa biết phúc của nhà vua rất lớn, nên càng hết sức tôn kính. Nhà vua cũng nhã nhặn, khiêm tốn tin cậy vào chúa. Thỉnh thoảng chúa lại dâng tiến thức nọ thức kia, vì thế sự chi dùng của nhà vua cũng được thừa thãi.

Lúc nhà vua ở ngôi, chẳng qua chỉ rủ áo khoanh tay, tìm trò mua vui chứ không có việc gì phải lo. Nhà vua lại giỏi về các kỹ nghệ lặt vặt. Bao nhiêu cung điệu Nhạc phủ, nhà vua đều chế ra bài mới, âm thanh cực kỳ du dương, trong sáng. Thường khi nhà vua lại còn theo tranh Tam quốc sai các cung nữ mặc áo trận, cầm giáo mác, chia thế trận ba nước Nguỵ, Ngô, Thục, rồi dạy họ các cách ngồi, đứng, đâm, đỡ để mua vui trong lúc thư nhàn.

Những năm tuổi già, nhà vua bị Thánh Tổ Trịnh Sâm đè nén đủ đường, người khác hẳn phải tức giận không thể chịu nổi, nhưng nhà vua thì vẫn vui đùa như thường.

Những người gần gũi nhà vua thấy vậy đều can ngăn.

Nhà vua liền đáp rằng:

- Các ngươi mới chỉ biết một mà chưa biết hai. Nhà vua đối với nhà chúa, hiện nay đang ở vào cái thế bị ngờ vực; nếu trẫm lấy việc mất quyền làm tức giận, thì nhà chúa ắt phải ngấm ngầm tính việc chẳng hay. Vì vậy trẫm phải mượn hứng vui chơi như thường để tránh tai vạ đó thôi!

Có lần, nhà vua lại nói với các cung nữ rằng:

- Trong đời ta, thế nào cũng có phen được trông thấy cuộc nhất thống, nhưng đó chẳng phải là điều mà ta vui mừng.

Các cung nữ hỏi lại:

- Nhà chúa chèn ép như vậy, nếu chúa bại là may cho nhà vua, cớ sao bệ hạ lại không vui mừng?

Nhà vua đáp:

- Trời sai nhà chúa phò ta. Chúa gánh cái lo, ta hưởng cái vui. Mất chúa, tức là cái lo lại về ta, ta còn vui gì?

Khi Đoan Nam Vương Trịnh Tông mới lên làm chúa, bọn kiêu binh có lần đã nghĩ đến mưu toan tôn phò nhất thống và lén đến xin ý kiến nhà vua. Những người xung quanh cũng đã khuyên nhà vua nên nghe theo mưu ấy. Nhưng nhà vua nói:

- Ta vì thành thật nghe theo trời nên mới được như thế này. Những chuyện do ở mưu người sắp đặt, ta quyết không làm, nếu kẻ nào còn dám nói đến chuyện đó, trẫm sẽ lôi sang cho chúa, để theo phép mà làm tội.

Vì thế, mưu ấy mới thôi.

Đến hồi này, thấy Bình làm việc tôn phò, nhà vua bề ngoài tuy mừng nhưng bề trong thì lại lo. Những việc giao thiệp, tiếp đãi đều là bất đắc dĩ.

Kịp đến khi bệnh nặng, nhà vua bảo với hoàng tự tôn rằng:

- Ta chỉ sớm tối là được trút hết gánh nặng, cái lo sẽ dồn cả vào thân mày, mày phải nghĩ tới điều đó!

Lúc sắp băng, nhà vua lại trối thêm:

- Sau khi ta nhắm mắt, việc nối ngôi là việc trọng đại, chuyện gì cũng phải bẩm qua với ông ấy, không được khinh suất.

Nói xong, nhà vua băng. Hoàng tự tôn bèn lên nối ngôi vua.

Trước đó, từ lúc công chúa Ngọc Hân mới về với Bình, Bình đã hỏi công chúa về đức tính của các vị hoàng tử. Người nào thế nào, công chúa cũng đều kể thật với Bình. Khi Bình hỏi đến nhân phẩm của hoàng tự tôn như thế nào, công chúa

chưa thoát khỏi thói thường con người đàn bà, nghĩ bụng anh thân hơn cháu, lại sợ hoàng tự tôn sẽ cướp mất ngôi của Sùng Nhượng công, bèn đáp:

- Nhân phẩm của hoàng tự tôn cũng tầm thường thôi!

Do đó, Bình có ý không thích hoàng tự tôn.

Đến khi bệnh của Hoàng thượng đã tới lúc hấp hối, triều đình bàn nhau lập hoàng tự tôn, và sai người ra nói với Bình. Bình không nghe. Sứ giả quay về nói lại ý Bình, cả triều đình bàn bạc phân vân, chưa biết quyết định ra sao. Thình lình trong bọn có một người lớn tiếng nói rằng:

- Tự tôn không được làm vua, thiên hạ ắt đại loạn. Họ Lê sẽ mất, ấy là lỗi tại công chúa Ngọc Hân. Công chúa thực đã làm hại đến việc lớn của xã tắc, hãy xoá tên trong sổ họ đi, để cho công chúa về nước Tây Sơn mà yên hưởng giàu sang, họ ta chẳng thiết gì một con người ấy?

Triều đình nhìn xem ai, thì té ra là hoàng thân Vượng Quận công.

Công chúa sợ hãi, bèn về phủ xin với Bình. Bấy giờ Bình mới bằng lòng. Sau khi Hoàng thượng băng, trăm quan bèn phò tự tôn lên ngôi.

Hôm ấy, Bình ở trong phủ, nghe tin Hoàng thượng băng, liền sai lính thị vệ sắm sửa các đồ nghi vệ, xe kiệu, để chờ khi hoàng tự tôn được lập rồi, nếu có ai bên họ nhà vua lại trình và mời sang lo việc tang, thì Bình sẽ sẵn sàng đi ngay. Nhưng hoàng tự tôn không hiểu ý đó, nên sợ phiền chẳng dám mời, mãi đến lúc khâm liệm xong xuôi và cho vào quan tài rồi, mới bẩm với Bình, Bình giận vì không được mời trước, cho là hoàng tự tôn coi mình như người ngoài, bèn sai ngay người vào triều bắt phải hoãn lễ đăng cực[1], có ý muốn lập người

(1) Lễ lên ngôi vua.

khác. Sứ giả đến nơi thì lễ đăng cực đã xong, triều đình đem cái việc ấy báo lại với Bình, Bình càng tức liền đòi công chúa về phủ, rồi mắng rằng:

- Tiên đế là vua chung của thiên hạ, không phải là vua riêng của hoàng tộc. Ta thương mến Tiên đế, hôm qua vì tránh sự hiềm nghi không dám vào thăm; hôm nay muốn kịp lúc chưa khâm liệm, tới nơi để được thấy mặt ngọc, cho trọn cái tình bố vợ con rể; song tự dưng ta đến e rằng không phải phép. Sao hoàng tộc lại gạt ta ra ngoài, không thèm mời? Nếu không có ta, thử hỏi: Triều đình sẽ thành cái gì? Chính sự sẽ ra cái gì? Cớ sao lại dám sơ suất như vậy? Ta thử bỏ đây mà đi xem hoàng tộc làm ăn ra sao?

Rồi Bình lập tức truyền lệnh cho các quan quân thuỷ, bộ sửa soạn hành trang để sớm hôm sau rút quân về nước.

Công chúa khóc lóc xin Bình ở lại, một mặt ngầm sai người tỏ bày ý kiến với tự hoàng. Tự hoàng vội cho người ra phủ tạ lỗi và xin Bình ở lại. Bấy giờ, Bình mới thôi việc rút quân.

Đến ngày làm lễ thành phục, tự hoàng sai quan mời Bình vào tế.

Bình mặc đồ tang, đứng ở trên điện tế, coi xét lễ nghi hết sức chu đáo, lúc đang tế có viên Tả phiên lại hơi có vẻ cười, Bình sai lôi ra chém ngay. Đại khái đối với việc tang lễ, Bình hết sức kính cẩn như vậy.

Bấy giờ Bình đã ngấm ngầm muốn về, bèn nói với các quan trong triều rằng:

- Tôi vâng lệnh vua anh đem quân ra bờ cõi, đi hay ở không có kỳ hạn nhất định. Tôi vì nghĩa tôn phù mà tới đây, may mắn là làm xong việc. Nay tôi là chàng rể, muốn ở cho hết hiếu đạo với bố vợ. Làm cho xong sớm việc tang tế kịp

khi tôi chưa rút về, để cho trung hiếu vẹn cả hai bề, đó là ước muốn của tôi vậy.

Các quan đều nói:

- Chúng tôi xin vâng mệnh!

Rồi họ liền chọn ngày để đưa tử cung xuống thuyền. Còn Bình thì suốt ngày đêm sắm sửa cho lễ tang, các đồ tế lễ tuy đơn sơ, giản dị, nhưng lễ nghi thì đều đầy đủ không thiếu sót gì.

Đến ngày đưa đám, Bình tự cưỡi voi, đem ba ngàn quân, hộ tống tử cung đến bến đò, rồi chờ cho lễ rước tử cung xuống thuyền xong xuôi đâu đấy, mới quay trở lại.

Lúc công chúa Ngọc Hân về phủ, Bình nhơn nhơn ra vẻ tự đắc mà rằng:

- Tiên đế có hơn ba mươi người con trai, ngày nay báo hiếu lại chỉ ở một người con gái, nào có ai giúp được mảy may? Người xưa thường bảo "Con gái thường làm rạng rỡ cho nhà cửa", quả cũng đúng thật!

Công chúa cảm tạ và nói:

- Nhờ công đức của Thượng công, thiếp được báo hiếu với hoàng khảo, mở mặt với anh chị em. Tục ngữ vẫn nói: 'Trai không ăn mày vợ, gái phải ăn mày chồng", chính là như thế đó!

Bình nghe nói, thích lắm. Chợt có tin báo vua Tây Sơn sắp ra. Bình vội sai Chỉnh cho dán yết thị khắp Kinh thành, nói là: "Thiên vương tuần du ra Bắc để xem xét phong tục, khoảng mười ngày nữa sẽ tới. Vậy bố cáo cho cả trong ngoài đều biết". Một mặt Bình sai người tâu với tự hoàng, xin cho văn võ trăm quan ra ngoài cửa ô đón tiếp.

Ngày mồng năm tháng Tám, vua Tây Sơn đến Kinh thành[1].

Vua Tây Sơn chẳng quản muôn dặm đường xa tới đây, mà coi bộ lại hết sức hối hả, vội vã: mọi người đều không hiểu duyên cớ tại sao?

Thật là:

Cá kình vượt biển giương vây nhảy.

Cọp dữ lìa rừng mượn cánh bay.

Chưa biết vua Tây Sơn đến về việc gì? Xin xem hồi sau phân giải.

(1) Ở một bản khác, thấy có thêm một đoạn như sau: "Hoàng thượng thân hành ra đón ở cửa Nam giao và sai quan khâm mạng đứng ở bên đường. sau đó ngỏ lời chào mừng rồi đi về. Chúa Tây Sơn sai người đáp lại, rồi truyền đánh xe vào thành".

HỒI THỨ SÁU

Chúa Tây Sơn lẻn rút quân về nước
Quân Đông Giang mưu khởi nghĩa phò vương

Lại nói, khi Thuận Hoá mới vỡ, vua Tây Sơn nhận được thư báo tin thắng trận của Bình. Đại ý bức thư viết như sau: "Lũ thần vâng theo mưu mô của miếu đường, lại kính nhờ về oai trời thiêng liêng, Thuận Hoá đã dẹp yên, thiên hạ đều rung động. Nay ở Bắc Hà quân kiêu tướng lười, thế có thể lấy được. Thần cúi xin mạn phép tuỳ tiện, đã uỷ cho Hữu quân Nguyễn Chỉnh đem tiền bộ thuỷ binh đi trước, thẳng tới Sơn Nam. Riêng thần hiện đang chiêu mộ nhân dân các vùng ven biển, chọn lấy đinh tráng để tăng thêm thế lực cho quân ta. Hiện trong ít ngày sẽ dẹp yên xứ Bắc Hà. Còn quan ải, thành quách xứ Thuận Hoá hiện đã giao cho Đông Định công[1] coi giữ. Vậy xin bề trên ban cho chiếu chỉ để thần tuân theo".

Vua Tây Sơn xem thư, mừng rằng việc đã thành công, nhưng lại ghét cái chỗ tự chuyên của Bình. Vả lại, vua Tây Sơn vốn đã biết Bình là người khôn ngoan, giảo quyệt, sợ Bình lấy được Bắc Hà, lúc trở về ắt sinh ra kiêu căng, khó kiềm chế. Vua Tây Sơn lại còn nghĩ rằng: "Nhà mình đời đời

(1) Tức Nguyễn Lữ. Em thứ ba của Nguyễn Nhạc.

vẫn ở Nam Hà, được xứ Thuận Hoá là nơi bờ cõi cũ, đủ rồi không cần lấy thêm một nước lớn nữa làm gì. Ví dụ có lấy được chưa chắc đã giữ được, vạn nhất vấp ngã một cái thì sự tai hại không phải là nhỏ". Do đó, vua Tây Sơn bèn sai người hoả tốc mang thư ra ngăn Bình. Nhưng khi người đưa thư tới nơi, thì Bình đã thân hành đem đại binh thuận theo gió nồm trẩy ra Bắc rồi. Tiếp được tin này, vua Tây Sơn càng không bằng lòng.

Qua ngày hai mươi sáu tháng sau, khi Kinh sư bị vỡ, Bình lại gửi thư thắng trận về Tây Sơn. Trong thư đại khái nói rằng: "Trước đây thần vâng mệnh cho phép tuỳ tiện đem quân ra dẹp Bắc Hà, trông nhờ vào oai danh của Vương huynh, chỉ đánh một trận là thắng. Nay nhà Trịnh đã diệt, thiên hạ thu về một mối, thần thể theo lòng ước muốn của người trong nước, phò lập nhà Lê, cho họ yên lòng. Bây giờ trong nước mới tạm yên, thần xin để cho quân lính được nghỉ ngơi, tạm đóng tại Kinh đô nước họ, để vỗ yên dân chúng và cắt đặt mọi việc cho đâu vào đấy. Chờ đến dịp thu đông thuận gió, thần lại xin kính cẩn đem quân về nước".

Bức thư đến Tây Sơn vào ngày mười bốn tháng bảy. Vua Tây Sơn tiếp được thư, hết sức lo ngại, nghĩ bụng: "Bình luôn luôn lập được chiến công, đã làm cho hắn thêm kiêu ngạo. Huống hồ trong tay hắn lại nắm giữ đạo quân lớn, chuyên chế ở ngoài muôn dặm. Rồi Võ Văn Nhậm, Nguyễn Hữu Chỉnh, những viên tướng dũng mãnh, mưu trí lại đều thuộc quyền sai khiến của hắn. Nếu cứ buông lỏng cho hắn bay nhảy ở ngoài, lâu dần ắt phải sinh ra những việc không hay. Nhưng khí thế của hắn như thế, không thể dùng một lá thư mà gọi về được. Nếu mình không thân hành ra Bắc, bắt hắn phải về, ấy là thả hùm ra khỏi cũi, không bao giờ còn có thể nuôi dạy được nữa vậy".

Thế rồi, luôn trong bữa đó, vua Tây Sơn tự đem năm trăm quân lính thị vệ ra thẳng Phú Xuân. Tới nơi, lại lấy thêm hơn hai ngàn quân Phú Xuân đi gấp ra Kinh sư. Đoàn quân tất tưởi kéo đi, dáng dấp tiều tuỵ, người ta không còn nhận ra đó là đám quan quân nào nữa.

Lúc vua Tây Sơn tới cửa biển Hội Thống ở trấn Nghệ An, có người dân quê đem ít đồ biển xin ra mắt, nói rằng:

- Chúng tôi thấy quan lớn đi qua, nhân có chút quà mọn, gọi là tỏ tấc lòng thành kính.

Vua Tây Sơn tính vốn thật thà, không quen ăn nói văn hoa, thấy vậy, liền đáp:

- Tôi không phải là quan lớn, tôi là họ ngoại của chúa Nam Hà[1] vẫn quen gọi là Biện Nhạc ấy mà! Các người hậu tình, thấy tôi đi xa, lương khô, ăn nhạt, mà đem cho những món ngon lành thế này, cảm ơn lắm, cảm ơn lắm!

Rồi lại hối hả đi luôn.

Thình lình thấy một bọn chừng vài chục người, kẻ nào cũng lưng đóng khố, tay cầm đòn ống, mình trần trùng trục đứng ở ven đường. Chờ cho vua Tây Sơn đi qua, bọn đó liền kêu lớn lên rằng:

- Chúng tôi về Nam, bị Chưởng Tiến[2] đòi tiền mãi lộ, lấy hết của cải rồi.

Vua Tây Sơn hỏi:

- Nó đâu?

Bọn đó đáp:

- Nó lấy được của xong, vội vàng chạy vào trong dãy núi kia?

---

(1) Chúa Nam Hà chỉ vào họ Nguyễn, vì Nhạc gả con gái cho Thế tử Dương của chúa Nguyễn, nên tự xưng là họ ngoại.

(2) Một lục lâm hảo hán ở Nghệ An hồi ấy.

Vua Tây Sơn liền sai một tốp lính đuổi bắt. Vừa đến một chỗ núi hiểm, mấy chục người đó đều rút dao kiếm trong đòn ống ra và reo lên:

- Chúng bay đã biết bọn tao hay chưa: bọn tao đều là các bậc đàn anh trong đám thủ hạ của Chưởng Tiến. Hôm nay đến để chặt cái đầu của lũ "lông đỏ"[1] chúng bay đây.

Vừa reo họ vừa xông vào đâm chém, dao kiếm vung lên tua tủa, quân Nam bị đánh bất ngờ, thua chạy liểng xiểng.

Vua Tây Sơn cả sợ, từ đó, trên đường hành quân không dám vào ngủ trong nhà dân nữa; tới đâu giăng màn ra giữa đồng ruộng ở đó mà ngủ, còn các quân sĩ thì đều ngủ ngoài trời.

Bởi lẽ đó, khi tới Kinh sư, cả đoàn quân chỉ còn là một lũ nửa người nửa ngợm, mặt mũi hốc hác, coi không ra bộ quân của vua chúa nữa.

Thấy vậy, thiên hạ đều đồn đại lung tung. Kẻ thì bảo nhà Tây Sơn đã bị nhà Nguyễn phá vỡ, vua Tây Sơn thì không giữ được nữa nên phải chuồn ra đây. Người thì nói Bình dùng mưu chước gian dối, mượn một kẻ khác giả làm vua anh để thêm thanh thế cho mình. Hào kiệt thiên hạ và những kẻ coi giữ châu Quận ngầm nuôi binh mã, đều muốn dò xem thực hư thế nào, để tìm cách bắt lấy nhưng rốt cuộc cũng không ai biết rõ tình hình.

Lúc vua Tây Sơn mới đến Kinh, Bình ra tận ngoại ô đón tiếp và tạ cái tội tự chuyên của mình. Vua Tây Sơn nói:

---

(1) Không hiểu sao lại gọi Tây Sơn là "lông đỏ" (hồng mao), chưa tra cứu ra. Trong *Đại Nam quốc sử diễn ca* thấy có câu tả cách ăn mặc của quân Tây Sơn như sau: "Quân dung đầu mới lạ nhường: Mão mao áo đỏ chật đường kéo ra". Có lẽ tác giả đã căn cứ vào cách ăn mặc đó (mũ lông áo đỏ) mà gọi Tây Sơn là "hồng mao" chăng?

- Tướng ở bên ngoài, nếu gặp việc có ích lợi cho nước nhà thì cứ tự ý mà làm cũng được. Bắc Hà có thể lấy, mà ông lấy ngay được, đó là chỗ thần diệu trong phép dùng binh. Vả lại, ông trèo đèo lội suối đi hàng muôn dặm để mở mang bờ cõi cho đất nước rộng thêm, thủ đoạn anh hùng như vậy, anh thực không thể nào sánh kịp. Nhưng mà, mình đi đánh nước khác, kéo quân vào sâu trong xứ sở người ta, một chốc làm thay đổi hết nền nếp cũ của họ như thế, tránh sao khỏi sự thù oán của muôn họ. Anh luôn luôn lo ngại đến những việc bất ngờ có thể xảy ra, vì vậy phải lật đật ra ngay đây để nghĩ kế đỡ ông.

Rồi hai anh em cùng gióng ngựa đi vào thành.

Tới phủ, Bình dắt công chúa Ngọc Hân ra chào, và nói tất cả sự thật với anh. Vua Tây Sơn khen:

- Chà, em vua Tây Sơn làm rể vua nước Nam "môn đăng hộ đối", mối nhân duyên đẹp thật!

Rồi lại bảo công chúa rằng:

- Người quý giá như thế này, thực không hổ là cô em dâu của nhà ta.

Hai người ôn tồn trò chuyện thân mật như anh em nhà thường dân vậy.

Hồi lâu công chúa cáo từ lui ra. Bình sai quây màn ở cung chính tẩm, mời anh vào nghỉ; còn tự mình thì chuyển ra ngủ ở gác Kỳ Lân.

Quân lính của Bình đem đi trước đây, các đội ngũ đều đã thay đổi một lượt. Đến lúc này, Bình đem binh phù nộp cả cho anh. Vua Tây Sơn nắm được binh quyền trong tay rồi, bèn bố trí lại đội ngũ y như cũ còn sự thay đổi mới đây của Bình thì vờ như không hay biết gì cả. Thế là từ đó, bao nhiêu tướng sĩ lại đều chỉ theo mệnh lệnh của " ông vua lớn".

Được ít bữa vua Tây Sơn liền bí mật cùng với Bình bàn chuyện rút về. Bình đành phải vâng theo. Các tướng tá chỉ riêng có Vũ Văn Nhậm được biết việc kín này còn Chỉnh thì không được dự nghe.

Lại nói, lúc mới tới Kinh, Chỉnh và Nhậm đều đóng ở lầu Ngũ Long. Nhậm đóng trước lầu, Chỉnh đóng sau lầu.

Chỉnh vốn là người bản quốc, nhiều kẻ quen thuộc, nên người ta mới chỉ biết có Chỉnh. Quan lại, dân chúng ai đến ra mắt đều vào cửa Chỉnh. Sau lầu thường đông như chợ; mà trước lầu nơi Nhậm ở thì chẳng có lấy một ma nào lui tới. Việc ấy làm cho Nhậm có vẻ không thích. Thấy vậy, Chỉnh phải sai một tên thư lại mới vào làm việc, ngày ngày ngồi trực ở cửa Nhậm để mời khách đến chỗ Nhậm, nhưng khách vẫn không đến. Chỉnh bất đắc dĩ lại phải xoay cách khác. Hễ khách nào với thăm Chỉnh sau khi đã thù tiếp xong, Chỉnh lại sai đưa người khách kèm theo đồ lễ đến cửa Nhậm. Nhưng ruốt cuộc Nhậm vẫn không bằng lòng. Chỉnh bèn dời chỗ ở sang chùa Tiên Tích[1].

Sau chuyện này, Nhậm bèn đem những lời gièm pha Chỉnh mà nói với Bình rằng:

- Hắn là một kẻ bầy tôi đi trốn, chạy về với mình, mượn sức của mình trả thù cho thầy, để hả cái lòng căm tức với nước cũ. Nay mình rong ruổi hàng muôn dặm đưa hắn về nước, vẽ mày vẽ mặt cho hắn. Thế là hắn đã đạt được chí nguyện, những người trong nước vào hùa với hắn, có kẻ lại đem hai câu đối:

Hổ tự Tây Sơn xuất
Long tòng Đông hải lai[2]

(1) Ở xóm Nam Ngư, huyện Thọ Xương. Nay là đường Nam Bộ, Hà Nội.
(2) Hổ tự non Tây ra, Rồng ở biển Đông lại.

ở tháp chùa Thiên Mụ của nhà Nguyễn để bảo ông là hổ hắn là rồng. Ý nói: "Hổ lìa khỏi núi thì thất thế, rồng ra khỏi biển vẫn vẫy vùng". Thế là chẳng những không chịu để mình đùng, mà lại còn có chí ngang tàng nữa. Bây giờ mình giam mấy vạn người ngồi ăn không ở đây để giúp cho hắn gây nên thế lực, nghĩ cũng khờ dại quá! Tôi nghe người trong nước này oán hắn rất sâu sắc, sở dĩ họ chưa nổi dậy là vì sợ mình đó thôi. Nếu mình bỏ hắn mà về thì người nước này hẳn sẽ tranh nhau nhai thịt hắn. Và hắn thường nói: "nhân tài Bắc Hà chỉ có mình hắn". Để cho hắn chết mình lấy Bắc Hà càng yên ổn.

Bình tin lời Nhậm, nên từ đó đối với Chỉnh tuy ngoài mặt vẫn như thường, nhưng trong lòng thì rất ngờ vực.

Quân Nam vì đi rất xa cũng rất oán Chỉnh ngày đêm mong cho Bình giết Chỉnh. Rồi họ biết thế nào Bình cũng đưa Chỉnh đến chỗ chết, nên họ khinh Chỉnh ra miệng. Một hôm bọn người trong nước vào hùa với Chỉnh, có kẻ mang binh phù của Chỉnh cấp băng qua khu đất cấm; khi bị quân Nam gạn hỏi người ấy đáp:

- Tôi có binh phù của quan Hữu quân cấp đây!

Quân Nam bèn hỏi:

- Hữu quân là ai? Có phải Hữu Chỉnh không? Được, cứ đợi đấy nửa tháng nữa mà xem Hữu quân của các anh!

Chỉnh nghe được chuyện đó bèn sinh ra hai lòng với Bình. Và Chỉnh cũng đã tính toán, biết rằng sớm muộn thế nào rồi Bình cũng phải đi, mình sẽ không thể ở lại Kinh sư một mình được. Vì vậy Chỉnh ngầm có ý muốn chiếm cứ Nghệ An, bèn mật tâu với Hoàng thượng rằng:

- Thần đem hắn ra, chỉ vì việc tôn phù. Bây giờ việc đã xong, thần quyết không theo hắn nữa. Chắc thế nào hắn cũng rút về, mà khi hắn đã về rồi, thì trấn Nghệ An tức là một bức

phên giậu ở bên cạnh giống sài lang. Vậy xin bệ hạ cho thần vào đấy trấn thủ, một mặt Nam Hà thần xin đương cả!

Kịp đến nghe tin vua Tây Sơn ra, Chỉnh lại đoán vua Tây Sơn sẽ cướp ngôi Hoàng thượng và chiếm cứ đất nước. Rồi muốn dựa vào vua Tây Sơn để tránh tai vạ, Chỉnh bèn khuyên Hoàng thượng sắp sẵn ngọc tỷ mà ra hàng, lại giục các quan trong triều thảo gấp một tờ biểu xin hàng. Triều đình bàn bạc mấy ngày liền chưa quyết, không ai dám hạ bút trước. Lúc vua Tây Sơn tới nơi Hoàng thượng thân hành ra đón ở cửa ô phía Nam. Ngài đứng ở trong cửa ô, sai hoàng thân là Thanh Nguyên hầu quỳ ở mé bên trái đường đi để chào và nói thay Hoàng thượng. Vua Tây Sơn khi qua cửa ô không đáp lễ, cứ giục ngựa đi thẳng và cho một người quay lại nói rằng.

- Quả nhân thấy nhà vua lễ độ quá, sợ rằng nếu xa giá ở lại chậm trễ, hoặc giả làm phiền cho quý thể, phải quỳ lạy mệt nhọc, rồi quả nhân lại mang tiếng là thất lễ. Bởi thế, quả nhân phải vội vã đi ngay. Xin ngự giá hãy cứ về cung, ngày khác thong thả sẽ cùng gặp nhau.

Hoàng thượng thấy vậy, biết vua Tây Sơn còn ưu đãi mình, nên khi về cung không bàn đến việc đầu hàng nữa.

Hôm sau vua Tây Sơn sai bày ở phủ đường ba chỗ ngồi. Chiếc sập của vua Tây Sơn kê ở chính giữa, bên trái là ghế của Hoàng thượng, bên phải là ghế của Bình. Hai bên có hai hàng giáp sĩ đứng hầu cực kỳ nghiêm chỉnh.

Cuộc hội kiến này dùng lễ " hai vua gặp nhau", không ai phải lạy ai. Khi Hoàng thượng ngự giá đến cửa phủ, vua Tây Sơn sai viên quan hầu ra đón. Hoàng thượng đi bộ vào trước thềm; vua Tây Sơn đang ngồi vội bước xuống đất và đứng sang bên cạnh sập để tỏ ý kính lễ; rồi sai Bình xuống dưới thềm đón tiếp và mời Hoàng thượng vào ghế. Mọi người

đã ngồi yên chỗ, vua Tây Sơn liền hỏi:

- Hoàng thượng năm nay xuân thu độ bao nhiêu?

Viên quan đi theo đáp thay Hoàng thượng rồi nhân đó nói tiếp rằng:

- Quốc quân họ Lê chúng tôi gặp phải họ Trịnh lấn quyền lộng thế, mũ dép đảo lộn đã lâu. May nhờ thánh thượng là bậc chí nhân đại nghĩa sai tướng ra quân, vì quốc quân chúng tôi mà chỉnh đốn lại cơ đồ. Hiện nay đất đai cùng dân chúng nước Nam đều là do thánh thượng gây dựng lại. Nếu như thánh thượng muốn thu nhận một vài Quận ấp của nước tôi để làm quà khao thưởng quân sĩ, thì quốc quân chúng tôi xin nhất nhất vâng mệnh.

Vua Tây Sơn đáp:

- Tôi nghe ngày xưa đức Thái Tổ mở mang ra nước Nam Việt, công đức như trời. Tôi tuy ở xa khuất tại miền biển phương Nam, song cũng là đất của đức Thái Tổ khai thác. Tôi vì giận kẻ cường thần hiếp chế nhà vua, nên phải làm việc tôn phò. Nếu là đất của họ Trịnh, một tấc tôi cũng không để; còn đất của nhà Lê, thì một tấc tôi cũng không dám lấy. Tôi nghĩ rằng nước ta đây mới dẹp yên, còn có bao nhiêu việc cần phải sửa sang, vì vậy ta phải ra để giúp đỡ nhà vua. Sau khi bốn phương đã phẳng lặng, anh em tôi lại xin rút về nước. Bây giờ chỉ mong nhà vua chấn chỉnh giường mối triều đình, giữ yên bờ cõi, cùng nước tôi đời đời kết nghĩa láng giềng, như thế là phúc cho cả hai nước vậy.

Viên quan theo hầu Hoàng thượng lại thay lời mà rằng:

- Thánh thượng nghĩ đến công đức của tiên hoàng đế, ra ơn nối lại dòng dõi, khiến cho cơ đồ của tiên hoàng đế không đến nỗi tuyệt diệt; ơn ấy của thánh thượng thật là vô cùng. Quốc quân chúng tôi và các bề tôi xin đời đời giữ tình láng

giềng hoà hiếu, không dám sai trái.

Vua Tây Sơn sai trà đồng pha trà đệ lên các ghế. Hoàng thượng uống trà xong, ung dung cáo từ ra về.

Vua Tây Sơn đứng dậy từ biệt. Bình tiễn Hoàng thượng xuống thềm vua Tây Sơn đi theo một quãng, rồi né mình bước giật lùi về chỗ, sai viên quan hầu đi hộ vệ Hoàng thượng ra khỏi cửa phủ.

Hoàng thượng lên kiệu về cung, rồi sai các quan trong triều tới ra mắt vua Tây Sơn. Vua Tây Sơn lần lượt hỏi hết quan chức, họ tên từng người. Các quan trả lời xong, vua Tây Sơn liền nói rằng:

- Tôi nghe nói ở nước An Nam, Tiến sĩ là quý nhất. Thế các ông có phải là Tiến sĩ không? Tôi sẽ nói với nhà vua cho xin mang các ông đem về để dạy dỗ người trong nước. Vậy các ông có chịu đi theo tôi không?

Các viên quan trong triều đều thưa:

- Quốc quân chúng tôi bảo sao chúng tôi phải nghe làm vậy. Dẫu rằng sang Đông, sang Tây, sang Nam, sang Bắc, đi đâu chúng tôi cũng không dám chối.

Vua Tây Sơn lại hỏi:

- Các ông lúc mới thấy tôi đột ngột ra đây như thế, có ngờ tôi không.

Các viên quan đáp:

- Thánh thượng đã sai Thượng công ra phò lập nhà Lê, việc ấy rõ ràng lắm rồi, lũ chúng tôi đâu còn dám ngờ.

Vua Tây Sơn nói:

- Ai ngờ tôi, kẻ ấy là người ngu! Chúa Trịnh bắt quân đi hàng muôn dặm, cố chiếm lấy đất Thuận Hoá, lấy nước lớn làm hại nước nhỏ, nên mới dẫn đến cái vạ ngày nay. Gương ấy há có xa đâu? Tôi nếu tham đất nước Nam, như vậy là lấy

nước nhỏ mà hại nước lớn, còn mong lâu bền sao được? Giả sử đời tôi giữ được đi nữa thì đến đời con cháu tôi cũng không thể nào giữ nổi. Tôi có ngu gì mà lại nuôi cái mầm vạ ấy? Chẳng bao lâu nữa anh em tôi sẽ về các ngươi nên giúp rập nhà vua cho yên thiên hạ. Hai nước chúng ta sẽ kết nghĩa láng giềng, giữ vững tình hoà hiếu, để cùng hưởng phúc thái bình.

Các quan đều ca ngợi:

- Sách có nói rằng: "Bậc thánh nhân không chăm lo đến việc lập công ở phương xa". Thánh thượng nghĩ tới chỗ đó, thật là vượt quá người thường đến muôn vạn lần. Nhưng quốc quân chúng tôi hiện còn trẻ tuổi, nhiều việc chưa quen thạo, lũ chúng tôi lại đều là những kẻ tài hèn; thánh thượng nếu đã giúp cho nước tôi được còn, xin hãy tạm lưu lại đây, để vua tôi nước chúng tôi nhờ cậy vào oai linh của thánh thượng. Bao giờ bốn phương đều yên, giường mối đã dựng lại, bấy giờ ngự giá hãy về cũng chưa muộn.

Vua Tây Sơn nói:

- Có về cũng còn hàng năm hàng tháng, há phải đâu là chuyện ngày một ngày hai? Các ông chớ vội lo!

Các quan lạy tạ lui ra, rồi cùng bàn riêng với nhau: kẻ thì cho lời vua Tây Sơn nói là thật, người thì bảo lời vua Tây Sơn nói là giả; đại để cũng chỉ đoán có hai việc là ông ta đi hay ở lại, mà cứ hư hư thực thực chẳng ai biết đích xác như thế nào cả.

Nhưng người trong nước biết rõ hay không biết rõ, vua Tây Sơn cũng chẳng cần. Chỉ riêng có Nguyễn Hữu Chỉnh là người trong bọn, lại là tay quỷ quyệt, nên vua Tây Sơn mới phải tìm đủ mọi cách để kiềm chế mà thôi.

Lúc này, trong bụng vua Tây Sơn rất nôn nóng muốn về, nhưng bề ngoài vẫn tỏ ra vẻ ung dung, thư thái. Sau lễ tiếp

kiến, vua Tây Sơn sai Chỉnh chọn ngày tốt để vào làm lễ ra mắt ở nhà Thái Miếu. Chỉnh xin chờ đến sau tết Trung thu, vua Tây Sơn cũng bằng lòng. Rồi nhân nói đến chuyện hôn nhân của Bình, vua Tây Sơn bảo Chỉnh:

- Chú hai ra đây, được người làm mối cho cô vợ đẹp; riêng ta lại không ư?

Chỉnh thưa:

- Chỉ sợ thánh thượng chê gái Bắc Hà quê mùa mà thôi. Nếu như thánh thượng rộng lượng bao dung, thì sợ đó cũng chẳng phải là khó!

Vua Tây Sơn cười mà rằng:

- Thế thì người còn nợ ta đấy, phải trả mau đi nhé?

Chỉnh thấy lời lẽ của vua Tây Sơn có vẻ ung dung thong thả, do đó cũng yên lòng, bèn xin lui về.

Ngày 17 tháng ấy, vua Tây Sơn bí mật hạ lệnh cho tất cả các quân thuỷ, bộ đều phải sửa soạn hành trang nai nịt gọn gàng. Rồi sợ Chỉnh ở ngoài thấy rõ tình hình sinh nghi, vua Tây Sơn bèn cho đòi Chỉnh vào hầu, giữ chân Chỉnh từ sáng đến tối, người ngoài không được vào, tin ngoài không cho tới. Vì thế nên mọi việc xảy ra ở bên ngoài, Chỉnh đều không biết gì hết. Đến khuya, vua Tây Sơn mới thả cho Chỉnh ra. Kịp đến khi Chỉnh về nhà có kẻ báo tin cho Chỉnh biết việc vua Tây Sơn sắp về, thì Chỉnh còn nửa tin nửa ngờ nói:

- Ta suốt ngày ngồi hầu, chuyện trò rất thư thái, làm sao lại có sự lật đật như vậy được?

Đến canh hai đêm ấy, vua Tây Sơn cho người vào gõ cửa điện, ngỏ lời từ biệt Hoàng thượng, nói là sớm mai rút quân về Nam. Vậy mà Chỉnh cũng vẫn không biết gì cả.

Trước đó hơn mười ngày, đêm nào ở trại quân Nam cũng nổi chiêng trống vang trời, nhưng sang đến đầu canh

hai thì chỉ còn thưa thớt vài tiếng, rồi từ canh ba trở đi thì lặng như tờ, không còn tiếng nào nữa. Vì thế, mỗi hôm cứ vào quãng nửa đêm người trong Kinh lại tưởng là quân Tây Sơn ngầm rút đi rồi; nhưng đến sáng ngày mai thì lại thấy doanh trại vẫn y nguyên. Từ đó về sau ai cũng cho là thường, không hề để ý. Mà tiếng trống canh cũng không còn lấy gì làm chuẩn xác nữa.

Phép quân Tây Sơn, lệnh cấm ban đêm rất ngặt. Thám tử của Chỉnh mọi đêm đều không được ra ngoài. Đêm ấy, khoảng đầu canh năm, bọn thám tử của Chỉnh liều mạng xông ra đường không kể gì lệnh cấm; khi vượt qua mấy điếm canh, vừa đi vừa nghe ngóng thì thấy tất cả đều vắng lặng không có tiếng người. Chúng đi vòng đến cửa phủ, ngó khắp bốn phía cũng không thấy có người nào, mà chỉ thấy gáo mẻ nồi vỡ vứt bừa bãi trên đường. Chúng vội vàng đi ra bến sông, thì ở đó chỉ có trời nước mênh mông, hàng trăm vạn lâu thuyền trước đấy, không biết đi đâu hết cả. Lập tức chúng chạy về báo với Chỉnh.

Chỉnh được tin ấy, trong bụng cực kỳ hoang mang, tự biết mình đã thất thế, ở lại thì không dám, mà bỏ đi thì cũng dở; đường thuỷ không có thuyền, đường bộ không có quân, muốn trốn không có chỗ trốn, không biết nên đi đường nào.

Người nhà Chỉnh khi ấy cũng rất sợ hãi. Nhưng Chỉnh trong lúc sống chết nguy cấp như vậy, vẫn còn giở giọng bông đùa mà rằng:

- Ta đã đi khắp bốn biển chín châu, chẳng lẽ khi trở về xó bếp, lại bị chuột chù gặm chân ư? Không sợ! Không sợ! Ta cứ ở đây xem sao?

Bấy giờ bọn người nhà mới hơi vững dạ. Chỉnh bèn bí mật sai người chạy gấp ra bến Cơ Xá tìm thuyền. Tảng sáng,

kiếm được một chiếc thuyền buôn. Chỉnh cùng bọn tay chân độ vài chục người đi đến cửa ô Tây Long thì bị dân chúng ở Kinh kỳ từ tứ phía kéo ra đuổi bắt. Chỉnh một mình một dao quay lại đón đánh, mọi người phải chạy toán loạn. Thừa cơ, Chỉnh liền cướp đường chạy xuống bến sông, nhổ neo buông thuyền, thuận dòng xuôi thẳng ra cửa biển để theo quân Nam. Còn ngựa xe, khí giới đồ đạc của cải của Chỉnh đều bỏ lại ở chùa Tiên Tích, không biết bao nhiêu mà kể.

Khi trời sáng rõ, có người đem chuyện đó tâu với Hoàng thượng, Hoàng thượng vẫn không tin. Sau cho người đi tra xét, mới biết là thật, Hoàng thượng hết sức kinh ngạc, vội cho đòi các quan vào triều hỏi rằng:

- Anh em hắn cướp hết của nước ta mà đi, để cái nước rỗng không lại đây cho ta, nếu như có việc nguy cấp thì lấy gì mà chống chế.

Các quan ngơ ngác nhìn nhau, chưa biết nên nói thế nào. Chợt viên quan hậu cần tâu rằng:

- Hôm qua vâng chỉ truyền sớm nay thiết triều. Bây giờ ngự giá đã cột ngựa rồi, dám xin tâu lại.

Hoàng thượng bèn hỏi các quan:

- Phiên chầu này hãy thôi chăng?

Các quan đều nói:

- Hoàng thượng ra triều để ban chiếu chỉ đổi niên hiệu, đó là việc lớn, sao lại thôi?

Hoàng thượng bèn ra ngự triều, rồi ban tờ sắc công bố việc đổi niên hiệu, lấy năm sau tức năm Đinh Mùi (1787) làm năm đầu niên hiệu Chiêu Thống. Trong tờ sắc đó, chỗ nào cũng một rằng nhờ đức vua của quý quốc, hai rằng nhờ Thượng công của quý quốc, giọng văn đại để đều là những câu viết trong lúc vua Tây Sơn còn ở Kinh sư; vả lại, những chỗ

kể tội của họ Trịnh cũng hơi nhiều. Vì thế có người bàn rằng: Nay họ đã về rồi nên đổi lại hết cả đi! Song trong khi vội vàng không làm kịp,. nên lại cứ để như cũ không sửa đổi gì.

Tan chầu, Hoàng thượng bảo các quan ở lại triều đường họp thêm để bàn việc.

Nguyên Hoàng thượng là người anh minh, quả quyết, từ lâu vẫn căm tức về việc bị nhà Trịnh chèn ép. Vả Hoàng thượng với Thịnh Vương lại có mối thù không đội trời chung[1], nên khi được Tây Sơn ra diệt Trịnh, Hoàng thượng rất mừng. Lúc Đoan Nam Vương chết, Hoàng thượng đang còn là hoàng tự tôn; Tiên đế sai Hoàng thượng đem các hoàng tử đến chỗ Bình ở tỏ lời chúc mừng, Hoàng thượng đã nói với Bình rằng:

- Tôi có thù cha chưa trả, nay ông trả thù thay cho tôi đời tôi không còn mong gì hơn thế. Nếu thân này có phải chết ở quý quốc, tôi cũng không hề phàn nàn. Huống chi ông lại còn phò dựng họ Lê, khiến cho được thờ phụng tôn xã lâu dài, công đức ấy thật không nói sao cho xiết.

Bình đáp:

- Đạo trời vẫn hay đền bù. Đấng Thái tử xưa bị hại, thì nay hoàng tự tôn cố nhiên là phải được hưởng phúc thái bình, thống nhất.

Kịp đến khi Tiên đế băng, Hoàng thượng lên nối ngôi, liền hăng hái tự gánh lấy việc nhất thống. Lại muốn nhân dịp nhân dân quân Nam tôn phò, tự mình gây lấy uy thế, cho nên trong khi quân Nam chưa về, Hoàng thượng đã nuôi ngầm vây cánh. Ngoài việc sai các hoàng thân ai về quê ngoại của nấy, để chiêu tập binh mã phòng khi dùng đến, Hoàng thượng

(1) Đây chỉ vào việc Trịnh Sâm giết Lê Duy Vỹ; tức là cha Lê Duy Kỳ (xem lại hồi III sách này).

còn cho người tìm kiếm các nho sĩ, mời vào giúp việc cho mình. Về mặt quan văn, lúc ấy đã thu dùng được bọn Ngô Vi Quý, Vũ Trinh, Nguyễn Nễ. Hoàng thượng ngày đêm cùng họ trù tính mọi công việc, ngay cả những mưu kế phải dùng đến trong lúc bối rối bất ngờ, cũng được lo toan chu đáo.

Bấy giờ, danh tướng trong thiên hạ thì có Thạc Quận công Hoàng Phùng Cơ, Liễn Quận công Đinh Tích Nhưỡng. Còn văn thần mà có binh lực mạnh mẽ thì có Dương Trọng Tế[1].

Hoàng Phùng Cơ từ khi thua trận ở Thúy Ái, phải chạy về Sơn Tây, vẫn còn nấp náu chưa dám ra.

Nhưỡng từ khi bị tan đạo quân ở Sơn Nam, liền về Cẩm Giàng, đem hết cả họ hàng ra chiếm luôn lấy trấn Hải Dương. Trấn này lúc trước chưa bị binh đao, trong thành còn có năm vựa thóc công. Nhưỡng bèn đem số thóc ấy ra nuôi quân. Nhờ đó Nhưỡng chiêu mộ được hơn một ngàn dũng sĩ, thanh thế lẫy lừng. Lúc ấy lại có một tên cướp biển là Thiêm Liên, nghe tiếng Nhưỡng cũng đem đồ đảng xin theo, thành ra Nhưỡng có trong tay cả thảy tới vài vạn quân.

Hồi Chỉnh mới về Kinh sư, đã có viết thư gọi Nhưỡng. Nguyên Nhưỡng với Chỉnh đều là môn hạ của Quận Việp, hai người vốn ăn ý với nhau. Nhưng khi viết thư trả lời Chỉnh, thì Nhưỡng lại kiếm cớ từ chối không đến. Chỉnh cũng chưa có thì giờ hỏi đến việc ấy. Do đó, Nhưỡng được chuyên giữ một lộ, ngày đêm ra sức luyện tập quân lính.

Còn viên văn thần Dương Trọng Tế thì vốn không biết việc binh. Nhưng Tế có Dương Vân là con trai người anh ruột, tính rất hung tợn, vẫn thường tụ tập những phường vô

(1) Còn có tên Trọng Khiêm, người xã Lạc Đạo, huyện Gia Lâm đỗ Tiến sĩ.

lại hoành hành ở các làng xóm, ai cũng phải khiếp sợ. Lúc quân Nam ra, Vân ngầm cho gọi thợ rèn đến rèn đúc khí giới. Bình sai người tìm thợ rèn, nhân biết việc đó, bèn cho tróc nã bọn Vân, Vân đóng cổng làng, bắt hết những người của Bình đem giết đi. Trọng Tế cả sợ, bất đắc dĩ mới phải khởi binh, kéo cờ chiếm cứ huyện Gia Lâm. Chỉ trong mười ngày, quân của Tế đã lên đến trên một vạn. Quân tuần tiễu của Tây Sơn sang đánh không hạ nổi.

Lúc quân Tây Sơn còn ở Kinh thành, người trong Kinh đồn rằng: hai đạo đông tây đã hợp quân làm một, chẳng bao lâu sẽ tới dưới thành. Đến lúc quân Nam lén rút đi, trong thành trống rỗng, các quan bàn nên gọi các hào kiệt vào giữ hoàng thành. Bấy giờ ai có người nào quen biết, đều xin nhà vua ban chỉ đi vời. Trong một ngày, chỉ dụ đưa đi đến hơn mười đạo. Nhưỡng và Tế cũng đều ở trong số những người bị gọi.

Hoàng thượng cho rằng Tế là quan văn, nghe mệnh nhà vua tất phải đến ngay; còn Nhưỡng là quan võ, lại có chút tiếng tăm, nếu mời mọc không trịnh trọng, chưa chắc Nhưỡng đã chịu đến. Bởi vậy, Hoàng thượng mới sai thảo một tờ sắc, lời lẽ cực kỳ ôn tồn, và trong sắc lại có các lời hứa như "nguyên huân", "đồng hữu" v. v...[1] Rồi sai người đem sắc đưa cho Nhưỡng.

Nhưỡng đọc tờ sắc vừa khóc vừa nói:

- Nhà tôi mười tám đời Quận công, ơn nước thật cao dày, đội trời đạp đất đâu dám quên ơn? Nay tôi còn có dăm ba người theo, đúng là nhờ vào oai đức của nhà vua. Bây giờ đã có chiếu mệnh ra đòi, đáng lý tôi phải lập tức đến ngay trước cửa khuyết. Nhưng vì tôi còn đang bận kiểm điểm binh mã,

(1) "Nguyên huân" là người có công lao cao cả trên hết. "Đồng hữu" là hưởng chung mọi sự tốt lành.

sắm sửa hành trang chưa thể đi được, vậy xin hãy hoãn cho tôi chừng dăm ba ngày nữa, tôi sẽ vào triều sau.

Đoạn Nhưỡng thảo tờ tâu và sai người theo sứ giả về Kinh dâng vua.

Lúc Nhưỡng chưa đến Kinh, người ở đây đồn rầm lên rằng, Nhưỡng đem thuỷ binh đánh úp quân Nam, bắt được không biết bao nhiêu mà kể. Lại có tin nói rằng Nhưỡng đã tóm được Chỉnh, chặt hết tay chân làm hình "lợn người", chỉ trong sớm tối sẽ đưa tới Kinh. Chợt lại có tin rằng con "lợn người" ấy đã được đưa đến Kinh rồi. Thế là người ta tranh nhau đi xem. Một ngày có đến bốn năm lần náo nức, ồn ào lên, và cứ như vậy luôn trong mấy ngày liền.

Bởi lẽ đó, hễ ai nghe tên Nhưỡng cũng đều khiếp phục và trông ngóng.

Hoàng thượng nhận được tờ tâu của Nhưỡng, thấy lời lẽ chan chứa lòng trung vua yêu nước, thì rất mừng, cho rằng Nhưỡng tất là người có thể tin cậy được nên trong bụng cũng đỡ lo.

Lại nói, sau khi họ Trịnh bị diệt, quân Tây Sơn giết chết Đoan Nam Vương rồi kéo về Nam, những gia đình quan lại cũ và những bầy tôi còn sống sót ai nấy đều tiếc cho vương không khéo ẩn núp để đến nỗi bị nạn. Lòng họ vẫn còn chưa tuyệt vọng đối với họ Trịnh

Bấy giờ con đầu lòng của Đoan Nam Vương hãy còn nhỏ, vương thân Khanh Quận công Trịnh Kiều thì đã già nua; chỉ còn có Côn Quận công Trịnh Bồng và Thuỵ Quận công Trịnh Lệ khi ấy đều khoảng bốn mươi tuổi, là có thể đảm đương được công việc.

Côn Quận công là con trai Dụ Tổ[1], tính nết hiền từ

(1) Tức Trịnh Giang.

khoan hậu, được nhiều người yêu mến. Cuối đời Thịnh Vương, vì việc con trưởng con thứ lôi thôi, chúa đã muốn cho Thị Huệ nuôi Côn Quận công Trịnh Bồng làm con, để nếu bệnh của Vương tử Cán không khỏi, thì - sẽ lập Côn Quận công làm chúa. Nhưng rốt cuộc, ý định ấy vẫn chưa thực hiện được. Đến lúc Thế tử Tông lên ngôi, kiêu binh mấy lần muốn phò dựng Côn Quận công, họ vào tận nhà để thúc ép và đón rước ông ta, khiến ông ta phải lẩn vào phủ chúa kể rõ đầu đuôi với Đoan Nam Vương, rồi mới dám về nhà.

Còn Thuỵ Quận công là con trai Nghị Tổ (Trịnh Doanh) và là em ruột Thánh Tổ (Trịnh Sâm), vốn là người khôn ngoan và thông minh. Lúc Nghị Tổ còn sống, Quận Thuỵ thường vẫn có ý muốn cướp quyền con cả. Đến khi Nghị Tổ mất, Thánh Tổ lên làm chúa, Quận Thuỵ bèn cùng với một người gia thần là Phạm Huy Cơ, Tiến sĩ khoa Đinh Sử (1757) mưu toan việc cướp ngôi. Chẳng may bị Dương Trọng Tế phát giác, Thánh Tổ lấy tình anh em ruột thịt tha tội chết cho Quận Thuỵ, và bắt giam vào một nơi. Kịp khi Đoan Nam Vương lên ngôi, vương nghĩ nể mẹ Quận Thuỵ là bà di mẫu của mình, liền thả Quận Thuỵ ra khỏi ngục. Ít lâu sau, gặp lúc bọn kiêu binh oán giận vương, Quận Thuỵ lại thừa cơ cùng bọn này mưu cướp ngôi của vương. Nhưng việc cũng bị lộ. Mẹ Đoan Nam Vương vì lẽ Quận Thuỵ là con trai của chị ruột mình, nên phải đứng ra cố xin với vương, vương nể lời mẹ lại tha cho Quận Thuỵ.

Lúc quân Tây Sơn kéo ra, Quận Côn chỉ đem theo một con đòi, một tên đầy tớ, lánh vào huyện Chương Đức, lẩn lút trong đám dân gian làm kế ở ẩn lâu dài. Còn Quận Thuỵ thì trốn về huyện Văn Giang, cùng với Thần Trung hầu[1] ngầm

(1) Tức Trương Tuân, người xã Như Quỳnh, huyện Văn Giang.

chiêu tập binh mã, hòng có dịp là sẽ nổi lên.

Thần Trung hầu là con trai của công chúa Quỳnh Anh, đối với Quận Thuỵ là chỗ con cô con cậu. Thần Trung hầu đỗ Tạo sĩ, đã từng coi cấm quân, lại từng làm Trấn thủ Kinh Bắc. Khi nghe tin Tây Sơn đã rút, Thần Trung hầu bèn dựng cờ viết hai chữ "Cần vương", rước Quận Thuỵ qua sông, rồi theo bến Thanh Trì đi thẳng lên cung Tây Long. Lúc này, quân của Dương Trọng Tế vâng chỉ Hoàng thượng từ Gia Lâm vượt sông sang, tình cờ chạm trán với quân của Quận Thuỵ.

Nguyên trước kia, Tế mới đỗ Tiến sĩ và ra làm quan được ít lâu, thì đã phải bãi chức quan hơn mười năm vì tội ăn của đút; mãi sau nhờ công phát giác việc Quận Thuỵ mưu phản, mới được phục chức. Bây giờ gặp Quận Thuỵ, Tế vô cùng sợ hãi, bèn đem quân xin hàng để chuộc lỗi xưa. Quận Thuỵ tức thì sai luôn Tế và Thần Trung hầu đóng quân ở ngoài thành khua chiêng đánh trống, thanh thế rất là lừng lẫy.

Khi ấy Hoàng thượng nghe tin Thần Trung hầu đang lảng vảng ở bên ngoài, bèn sai người ra gọi vào. Thần Trung hầu vào yết kiến, Hoàng thượng liền bảo rằng:

- Ngươi là danh tướng con nhà dòng nay dấy quân gìn giữ Kinh thành, tấm lòng trung nghĩa ấy trẫm rất ngợi khen. Vậy ngươi cứ mang quân vào, trẫm sẽ tuỳ tiện mà dùng.

Thần Trung hầu quỳ tâu:

- Ở trong bốn biển ai chẳng là tôi nhà vua. Bệ hạ khoanh tay rủ áo không làm việc gì, thì còn cần chi binh lính bảo vệ? Duy có nhà chúa chẳng may bị lũ lính mọi làm hại, thì mới cần kíp phải dùng đến binh lính mà thôi

Nói đoạn, Thần Trung hầu lạy tạ đi ra.

Hoàng thượng giận, sai quan trấn điện đem quân đuổi chém. Mọi người phải cố sức can ngăn, Hoàng thượng

mới thôi.

Thần Trung hầu về nói với Trọng Tế rằng:

- Xưa nay nhà chúa truyền ngôi, nối ngôi, có bao giờ phải xin mệnh lệnh nhà vua đâu? Thường thường khi công việc đã làm xong rồi, bấy giờ mới đệ tờ tấu vào triều. Ngay cả những tờ sắc dụ, sách phong, cũng đều do nhà chúa thảo sẵn trước, sau đó đệ lên Hoàng thượng ngự lãm qua rồi đưa trả về phủ chúa để tuyên bố thi hành, thế là thành mệnh[1], cần gì phải xin phép nhà vua cho thêm rắc rối?

Rồi hai người bèn tức tốc chỉnh đốn hàng ngũ binh lính, rước Quận Thuỵ vào thành. Bấy giờ trời đã xẩm tối, chừng đến canh hai mới vào tới phủ. Họ bèn thắp đèn sáng trưng khắp cả phủ, đánh ba hồi chín tiếng trống, rồi phò Quận Thuỵ lên ngôi. Thần Trung hầu và Trọng Tế tự chia làm hai ban đứng ra lạy mừng. Lạy xong, họ lại bảo các quân sĩ cùng hò reo cho thêm rầm rộ.

Sau đó, hai người chia quân đi đóng giữ các cửa thành cùng các điếm canh trong Kinh đúng như lệ cũ. Đến sớm mai, họ mới cho người đi gọi các quan văn võ.

Các quan văn là Hoàng Quận công Tứ Xuyên hầu, Thao Đường hầu, Kiến Xuyên hầu, Luyện Đường hầu, cùng vài ba viên Tiến sĩ, khi ấy đang ở trong triều, thấy có giấy đòi, liền bảo nhau rằng:

- Quận Thuỵ từ trước đến giờ, đã từng ba lần gây việc mà đều không thành. Con người mà tâm địa như vậy hẳn không phải là "của quý". Trung hầu là hạng công tử ăn chơi, bình sinh chỉ biết ban đêm uống rượu say mềm rồi lăn ra ngủ, đến khi mặt trời sắp xuống núi mới dậy. Như thế, trong một ngày

(1) Thành mệnh là mệnh lệnh của vua làm thành từ trước.

còn được mấy giờ để lo việc nước mà còn muốn làm đại thần? Trọng Tế hồi trước đã phản Quận Thuỵ, nay lại theo Quận Thuỵ, há cũng là "đồ vật ở chốn miếu đường" được ư?[1]. Huống chi, một việc lớn lao như vậy, mà trên không xin mệnh lệnh của nhà vua, dưới không thu góp ý kiến của mọi người, chỉ cắm đầu nhắm mắt để tự làm với nhau, lẽ nào lại thành việc được? Hoàng thượng vốn anh minh, quả quyết chắc chắn bọn ấy không thể lấn át được. Chúng ta chớ nên hấp tấp, nhẹ dạ mà đem đến với họ, kẻo sau này có muốn hối lại cũng không kịp.

Thế rồi, mấy người sai viên thư lại trả lời cho bọn Thần Trung hầu và Trọng Tế, đại để như sau: "Các quan trong triều vì chưa vâng mệnh của Hoàng thượng, cho nên không dám tự tiện tới phủ chúa. Xin hai quan lớn trình chúa hãy thảo giấy tâu xin mệnh lệnh của Hoàng thượng, thì các quan sẽ xin vâng mệnh Hoàng thượng sang phủ lạy mừng".

Trọng Tế bèn tự ý làm một tờ tâu rằng: "Thần là Trịnh Lệ kính tâu: Nhà thần đời đời nối nghiệp chúa, tôn phò nhà vua, vừa rồi nhân vì quân mọi vào cướp, tôn miếu nghiêng đổ. May nhờ trung thần nghĩa sĩ một lòng giúp rập, giặc mọi nghe tin, đang đêm phải hốt hoảng chạy trốn. Hôm mồng mười tháng này, thần đã vào ở trong Chính phủ. Vậy cúi xin ban cho sắc dụ, khiến thần được nối ngôi chúa, đời đời tôn phò, để giữ vững lấy cái cơ nghiệp vua, chúa trong ngàn vạn năm".

Hoàng thượng coi tờ tâu cả giận nói:

- Nhà Trịnh là kẻ dưới mà dám lấn người trên, nên mới chuốc lấy cái nạn bại vong. Thế mà nay nó lại vẫn đi theo cái vết xe đổ ấy. Nó định khinh trẫm ít tuổi hay sao?

---

(1) Câu này ý nói Trọng Tế không phải là người xứng đáng làm một vị trí đại thần ở triều đình.

Khi ấy, quân của Hoàng thượng chiêu mộ đã có tới vài ngàn người, hiện đã đến ở trước cửa khuyết. Các quan tả hữu bèn khuyên Hoàng thượng rằng:

- Chẳng qua hắn cũng giương to thanh thế đấy thôi! Ta cứ doạ cho hắn sợ, ắt là có thể nhân đó mà đè bẹp được hắn. Hắn có một vạn tên thủ hạ, quân ta cũng hàng mấy ngàn; nếu như hai bên đánh nhau, hắn muốn nuốt ta cũng chưa dễ đã nuốt trôi. Vả chăng nhân dân trong nước tuy nơi nào theo sự kêu gọi của hào kiệt nơi ấy mà nổi lên, và cố nhiên lại có chia ra đám nọ đám kia khác nhau, nhưng cái lòng tôn vua thì đều như nhau cả. Nếu lấy việc chống lại nhà vua để nổi dậy, thì quyết không một người nào dám theo. Nay Quận Thuỵ không chịu vào triều để bái yết, lại nghênh ngang ngồi trong phủ, chưa được mệnh vua mà đã xin sắc dụ; nếu ta dễ dãi cho hắn ngay, sau này khí thế của hắn mạnh thêm, sẽ có nhiều điều khiến ta không thể chịu nổi. Vậy xin cứ bắt hắn vào lạy trước đã rồi mới được lập, chắc chắn là hắn sẽ không dám tới. Hắn không tới thì việc sách lập sẽ chậm, mà thế lực của hắn tất nhiên sẽ tan vỡ. Thần Trung hầu, Dương Trọng Tế hai người ngồi suông trong phủ mà đóng vai quan võ, quan văn phường chèo, thì rút cuộc cũng chẳng được mấy lúc.

Hoàng thượng theo lời, sai thảo một tờ chỉ, truyền dụ cho Trọng Tế nói rõ lệ cũ mỗi khi lập ngôi chúa, thì chúa mới phải thân hành vào triều vâng mệnh nhà vua, rồi nhà vua mới hậu đãi bằng cái lệ "vào triều không lạy, tờ tấu không xưng tên". Thảo xong, Hoàng thượng sai viên Nội hàn là Lê Hữu Cáo tới phủ đường.

Trọng Tế xem rồi tức thì xé tan tờ phủ dụ ngay trước mặt sứ giả mà nói:

- Lạ thay ta chưa từng thấy triều nào, đời nào lập ngôi

chúa mà vua lại dám ngăn trở như vậy! Chắc là mấy thằng rồ dại đã lạy quân mọi hôm nọ, sợ rằng sau khi lập chúa, chúa sẽ hỏi tội chúng nó, cho nên chúng nó mới xúi bẩy nhà vua đó thôi. Ta cần gì phải xin xỏ, cứ việc đem quân đến bắt hết mấy thằng xúi bẩy ấy đi, cho trơ cái ngai gỗ ra. Xem vua có cho lập hay không cho lập?

Đoạn Trọng Tế lại bảo sứ giả:

- Ông về tâu với Hoàng thượng, chúa vẫn làm chúa, nhà vua có thiệt hại gì đâu? Xin hãy cứ lập đã, rồi sẽ vào lạy sau.

Sứ giả về triều tâu hết đầu đuôi, Hoàng thượng càng tức giận mà rằng:

- Nó khinh ta quá lắm! Như thế nó còn phải xin mệnh của ta làm gì? Thôi mặc cho nó tự làm lấy, ta cũng không khiến nó lạy nữa

Các quan trong triều thấy vậy thảy đều run sợ. Giữa lúc ấy, bỗng có tờ tâu của Quận Côn đệ vào, đại ý nói rằng: "Tổ tiên nhà thần giúp đức Tiên đế gây nghiệp trung hưng, đội ơn thiên tử xét công ban thưởng rất hậu, phong cho ngôi chúa. Đến đời gần đây, vì chuyên quyền lâu ngày, đâm ra kiêu lộng, làm những việc trái với lẽ thường, đến nỗi sụp đổ mất cơ nghiệp của tổ tông. Nay thánh thiên tử thống nhất thiên hạ, đùm bọc che chở, tấm lòng rộng mở bao la như trời đất, chẳng nỡ làm tuyệt diệt tôn miếu nhà thần. Thần nay được là dòng trưởng họ Trịnh, lánh nạn nấp ở dân gian, cái bụng mến nhớ tông miếu, bâng khuâng suốt cả đêm ngày, chỉ vì chưa được chiếu chỉ, cho nên thần vẫn chưa dám tự tiện vào thành. Vậy dám đánh bạo tâu lên Hoàng thượng xem xét.

Hoàng thượng coi hết tờ biểu, rất hài lòng khen:

- Trẫm nghe nói Quận Côn là người hết sức lễ độ, khiêm tốn, quả nhiên không sai?

Rồi ngài giao tờ biểu đó xuống cho triều đình bàn bạc. Các viên quan triều nghe tin Quận Côn ở vùng Chương Đức, hiện có cái thế nổi lên được, ai nấy đều ngầm có bụng noi theo, nên đều khuyên Hoàng thượng xuống chỉ vời vào.

Quận Côn tiếp được chiếu chỉ, lập tức phân chia hàng ngũ người ngựa, luôn trong bữa ấy lên đường về Kinh. Quan, quân, lại, sĩ nghe tin tranh nhau đi đón.

Thần Trung hầu và Trọng Tế thấy vậy đều sợ hết hồn hết vía, đám người đi theo cũng hơi ngã lòng. Cả hai bấy giờ mới chịu lép vế cúi đầu. Sai người vào triều tâu xin cho Quận Thuỵ tới lạy. Hoàng thượng ưng lời.

Khi sứ giả ra khỏi, Hoàng thượng bèn sai lính phục sẵn ở bên cầu Cận Thiềm, chờ Quận Thuỵ và bọn Thần Trung hầu, Trọng Tế tới nơi sẽ bắt lại để hỏi tội.

Nhưng Quận Thuỵ rốt cuộc cũng không dám vào. Trọng Tế biết việc không xong, bèn nói với Quận Thuỵ, xin để mình và Thần Trung hầu chia quân chống chọi với Quận Côn, Quân của Trọng Tế ra đóng ở cửa ô Trường bắn[1], còn quân của Thần Trung hầu thì đóng ở cửa ô Xã Đàn[2].

Rồi thừa cơ Trọng Tế bèn bí mật sai Nguyễn Mậu Nễ đem một cánh quân lẻn đi xin hàng.

Nễ tới làng Nhân Mục, vừa gặp quân của Quận Côn.

Nễ liền sai quân lính cắm ngược gươm giáo xuống đất, hai tay chắp lên trán, đứng quỳ ở bên trái đường. Khi kiệu của Quận Côn đến nơi. Nễ quỳ xuống thuật rõ ý của Trọng Tế. Quận Côn bằng lòng, sai ngay Nễ làm tiền bộ tuyển phong. Đi đến dưới lầu Trương Thị, gặp quân của Thần Trung hầu chĩa súng bắn thẳng vào, quân của Nễ liền ngồi thụp cả

(1) Ở vào khoảng Giảng Võ, Voi Phục trên đường Đại La, Hà Nội bây giờ.
(2) Nay ở vào khoảng làng Xã Đàn và Nam Đồng (Hà Nội).

xuống đất để tránh đạn. Quân của Thần Trung hầu kéo ùa tới. Quân của Nễ bấy giờ mới nhất tề đứng dậy, xông bừa vào đám quân của Thần Trung hầu. Quân Thần Trung hầu thấy quân Trọng Tế đã đầu hàng như thế, liền vứt bỏ cả gươm giáo mà chạy. Quân Nễ và quân của Quận Côn thừa thế đuổi thẳng đến trại Nam Đồng, chém được chừng vài trăm người, quân của Thần Trung hầu thua to phải chạy vào thành. Thế là tất cả đều tan vỡ. Quận Thuy, Thần Trung hầu, Trọng Tế không còn kịp nhìn nhau, nhắm thẳng phía cửa ô Ông Mạc, mạnh ai nấy chạy lấy thân mình.

Quận Côn kéo quân vào thành. Khi ấy đám tàn quân của Trọng Tế ở cửa ô Trường bắn, phía ngoài bị quân của Quận Côn chen ngang, phía trong bị lính của nội điện chặn giữ, thành ra chúng không còn đường nào mà chạy phải liều chết cố đánh.

Chúng đâm một hoàng thân ngã ngựa chết. Hoàng thượng cả giận liền sai quân bổ vây, bắt hết cả bọn đem chém, máu chảy lênh láng ngập đến mắt cá chân. Hôm ấy là ngày 14 tháng chín.

Lại nói, bấy giờ thanh thế của Quận Côn rất là ghê gớm. Nhưng vì thấy y có vẻ cung kính, hoà thuận, nên Hoàng thượng định hãy cứ vỗ về y, rồi sẽ ngấm ngầm uốn nắn dần.

Đến lúc Quận Côn đã vào trong thành, Hoàng thượng liền sai dẫn y tới ra mắt ở điện Vạn Thọ. Quận Côn lạy năm lạy và rập đầu vái ba vái. Lễ xong Hoàng thượng cho ngồi và bảo:

- Nhà chúa trải hai trăm năm tôn phò, công lao đối với nhà vua không phải là nhỏ. Trẫm muốn đền ơn thật hậu. Xét trong họ hàng nhà chúa, không ai được hiền như ông, và ông lại là ngành trưởng, nên việc nối dòng tế tự trẫm

vẫn để dành cho ông.

Quận Côn tâu rằng:

- Thần vốn là kẻ hèn mọn, tính lại ưa sự điềm tĩnh. Gặp những lúc vận nhà suy bĩ thần đành cam phận bỏ đi, những toan khoác áo cà sa mà sống cho trọn quãng đời thừa. May sao, nhờ Hoàng thượng sẵn có mưu mô thần thánh, xoay lại vận hội trời đất, nên nạn nước lại yên, thần lại được trông thấy mặt trời. Bây giờ Hoàng thượng lại nghĩ đến tổ tiên nhà thần, mà không nỡ dứt bỏ thần, thần kính xin được về triều để đợi mệnh. Gây dựng cho thần kiếp này, đều là ơn của Hoàng thượng vậy.

Hoàng thượng khen phải rồi hỏi luôn:

- Thế đã chọn nơi nào để đóng quân hay chưa?

Quận Côn đáp:

- Toà lượng phủ[1] còn có thể che mưa che gió, thần xin ở đấy.

Ý Hoàng không muốn Quận Côn ở trong phủ, bèn nói:

- Nhà cũ của ông không việc gì chứ?

Quận Côn thưa:

- Nhà thần ở chỗ hẻo lánh, lửa binh không lan tới, nhưng cũng bị người kẻ chợ cướp bóc, tàn phá, không còn chỗ nào nguyên lành.

Hoàng thượng lại hỏi:

- Thái phi và các vương tử của Đoan Nam Vương bây giờ ở đâu?

Quận Côn đáp:

- Trong lúc hoảng hốt vội vàng, mỗi người chạy đi mỗi ngả, đến khi tạm yên mới kịp dò hỏi. Nay vừa được biết, họ

(1) Phủ cũ của Thế tử họ Trịnh.

đều ở tại nhà Ngạn Lĩnh hầu trên trấn Sơn Tây. Nghe đâu ba vị vương tử đã chết mất hai, giờ chỉ còn vị con cả mà thôi!

Hoàng thượng nói:

- Đoan Nam Vương xưa cũng có hậu tình với trẫm, trẫm thương xót, thường vẫn cho người thăm viếng phần mộ, sửa lễ cúng vái, để an uỷ hương hồn. Trẫm cũng thường hay hỏi thăm tin tức Thái phi và các vương tử, đến nay mới biết đích xác. Vậy hãy cho người đón về đây đi, trẫm sẽ hậu đãi!

Quận Côn đáp:

- Dạ!

Hồi lâu, Quận Côn lạy tạ xin lui. Khi qua cửa phủ, vào thăm cung miếu, Quận Côn gào khóc một chặp, rồi lại sai xe đưa về lượng phủ. Nhưng bọn tay chân nói:

- Thần dân thiên hạ rước ngài đến đây, chỉ muốn ngài ở phủ làm chúa, để họ lập chút công danh. Nay ngài lại nhường phủ không ở, chắc họ sẽ bảo ngài là "vương tử lại vẫn hoàn vương tử". Rồi đó lòng người chán nản, đại binh sẽ tan, khó mà thu thập lại được. Nếu về ở lượng phủ, thà rằng cứ ở Chương Đức làm một người thanh nhàn, còn phải lôi kéo bao nhiêu người tới đây làm gì cho nhọc.

Quận Côn nghe lời, bèn lưu lại trong phủ, vào ở tại Trạch Các, rồi làm tờ tâu lên Hoàng thượng, đại ý nói rằng: "Thần vào thăm gia miếu, trông thấy lửa hương nguội lạnh, quang cảnh tiêu điều, lòng bồi hồi không nỡ bỏ mà đi. Vậy xin tạm tìm một ngôi nhà ở gần miếu để ở, cho tiện sớm hôm quét dọn thăm nom, để cho linh hồn tiên tổ được yên". Hoàng thượng xem tờ tâu, hiểu ý ngay, nhưng thế chưa ngăn cấm được, liền bảo với các quan tả hữu rằng:

- Nếu muốn ở phủ, tức là lại muốn được làm chúa rồi. Như thế thì cái nạn Quận Thuỵ cũng vẫn như chưa trừ được

vậy. Cái ổ đã vỡ đó, hết kẻ kia đi, lại đến kẻ này lại, ồn ào bụi bặm làm dơ bẩn con người. Trẫm giận mình lúc Tây Sơn mới đi, đã không kịp cho ngay nó một mồi lửa cho rảnh.

Hôm sau, Hoàng thượng sai các quan trong triều bàn việc sách phong cho Quận Côn. Ý Hoàng thượng chỉ muốn phong làm Quốc công rồi cho hưởng lộc hậu hơn mà thôi. Nhưng các quan triều thấy Quận Côn giữ binh ở phủ, chắc y không chịu ngồi suông; vả lại, coi cái thế thiên hạ hùa theo y bây giờ, thì có đè nén cho y khỏi to lớn cũng chẳng được nào. Bởi vậy, không có người nào dám bàn trước. Chợt có kẻ xin với vua rằng:

- Nhà chúa từ khi Văn Tổ[1] bắt đầu được phong là chức Tiết chế thuỷ bộ chư doanh Bình chương quân quốc trọng sự và tước Quốc công. Bây giờ, xin theo như lệ cũ ấy mới là có căn cứ.

Hoàng thượng bèn sai lấy quốc sử xuống để tra xét cho rõ, rồi bắt bớt đi hai chữ "Tiết chế". Các quan triều đều phân vân chưa dám quyết định.

Giữa lúc ấy, chợt có tin báo Liễn Trung hầu Đinh Tích Nhưỡng vâng sắc Hoàng thượng đã tới. Nhưỡng có ba ngàn bộ binh đóng ở Bát Tràng, nói thặng lên là ba vạn, và ba trăm chiến thuyền đóng ở bến Thuý Ái nói thặng lên là ba ngàn; lại lấy hiệu quân là Đông giang.

Người trong nước bấy giờ, nghe thanh thế của Nhưỡng, đua nhau đi theo rất đông.

Nhưỡng đem vài trăm khinh kỵ vào thành, dương dương tự đắc có vẻ coi khinh cả thiên hạ.

Hoàng thượng thấy Nhưỡng đến vừa lúc Quận Côn cũng

(1) Tức Trịnh Tráng.

đến, e cuộc gặp gỡ ấy làm cho Nhưỡng bất bình mới sai người dẫn Nhưỡng vào ra mắt, vỗ về an ủi cực kỳ ôn tồn. Nhưỡng cũng giãi tỏ hết tấm lòng trung ái của mình.

Hoàng thượng bảo Nhưỡng:

- Nhà ngươi nay đã đến đây, nên đem hết quân vào thành để bảo vệ Kinh sư.

Nhưỡng lạy tạ rồi lui ra.

Hoàng thượng lại bảo Nhưỡng ra triều đình để cùng các quan bàn việc.

Các quan đem lệ cũ ở quốc sử ra nói với Nhưỡng, Nhưỡng nói:

- Tôi là kẻ võ biền không biết văn học; chẳng hay Hoàng thượng đãi nhà chúa như thế là hậu hay bạc?

Các quan ngập ngừng chưa dám trả lời ngay. Chợt có Nguyễn Hàn đáp rằng:

- Nhà chúa không thể giữ nổi tôn miếu, Hoàng thượng bảo tồn cho, như thế kể cũng đã là hậu.

Nhưỡng nhìn Hàn chòng chọc và hỏi:

- Ông là Tiến sĩ phải không?

Hàn thưa:

- Phải!

Nhưỡng lại hỏi:

- Đỗ khoa nào?

Hàn trả lời:

- Khoa Kỷ Hợi (1779).

Nhưỡng nín lặng đi ra.

Các quan cũng đều lui về.

Hôm ấy, thủ hạ của Quận Côn vì muốn dựa vào uy thế của Nhưỡng cho chóng thành việc, mới khuyên Quận Côn

mời Nhưỡng đến để phó thác công việc.

Nhưỡng từ chối mà rằng:

- Tôi là bề tôi nhà Lê nhà Trịnh, chỉ biết có nhà Lê nhà Trịnh, há lại có bụng dạ kia khác nào? Nay ông đến đây, việc phong tước còn chưa xong, tôi lại vừa mới đem quân tới, nếu tôi vào ra mắt ông, e khi ông được làm chúa, rồi nay mai hội bàn ở triều đình, tôi có điều gì không đồng ý kiến với họ, người ta sẽ ngờ cho tôi là tư túi với ông. Vậy xin hãy cứ chờ đến khi nào có mệnh lệnh nhất định của Hoàng thượng, bấy giờ tôi sẽ đến lạy chào cũng không muộn gì?

Hôm sau, Hoàng thượng xuống chỉ phong Nhưỡng tước Quận công, rồi sai nội hàn Lê Hữu Cáo khuyên Nhưỡng một lòng giúp rập nhà vua cho thành công cuộc nhất thống.

Nhưỡng nói:

- Tôi vâng chiếu đến đây, chỉ mong thánh thiên tử ở trên cầm quyền, nhất thống bốn biển, ấy là phúc của thiên hạ. Tôi đâu dám chẳng ra sức để làm cho tỏ hết lòng ngu của mình? Nhưng trước kia tôi trót phạm quân luật, làm tan vỡ cả một đạo quân, để cho việc nước đến nông nỗi này; mà nay Hoàng thượng lại tha tội cho, như thế cũng đã là may mắn lắm rồi. Còn bây giờ, trong lúc ngôi chúa vẫn chưa định, mà tôi lại đi nhận phong tước trước, thì dư luận của mọi người sẽ bảo tôi ra sao? Tôi thờ bệ hạ còn về lâu về dài, vậy nay hãy xin trả lại mệnh phong tước.

Tiện thể, Cáo đem việc Hoàng thượng muốn phong cho Quận Côn tước Quốc công để dò ý Nhưỡng, Nhưỡng bèn đáp rằng:

- Thánh thiên tử chẳng thiếu gì trí tuệ, cứ đãi ngộ thế nào cho xứng với công đức của nhà chúa là được.

Cáo về triều, thuật lại ý Nhưỡng, và xin theo đúng như

lệ phong Văn Tổ khi trước. Hoàng thượng lại sai các quan triều bàn bạc rồi phong Quận Côn làm Tiết chế thuỷ bộ chư doanh, Bình Chương quân quốc trọng sự, tước Côn Quốc công, cấp ba ngàn tên lính, năm ngàn mẫu ruộng, hai trăm xã dân để cung phụng về việc tế tự nhà chúa.

Sau đó, các quan lại đem ý của Hoàng thượng nói với Nhưỡng. Nhưỡng chẳng có ý kiến gì khác. Các quan bèn đem lời bàn của triều đình tâu lên Hoàng thượng. Hoàng thượng nghĩ rằng: Văn Tổ ngày xưa lúc mới phong thì thế, mà rồi về sau, lại tiến lên đến ngôi chúa. Bây giờ nếu không nói trước cho rõ ràng, e rằng lâu dần sẽ lại sinh ra những chuyện khác. Bởi vậy khi đã quyết định việc phong tước Quốc công cho Quận Côn, Hoàng thượng bèn bắt các quan triều làm tờ sắc dụ, nói rõ từ nay về sau cứ đời đời nối tiếp tước công mà thôi. Các quan triều vâng mệnh Hoàng thượng làm đúng như vậy. Mấy chữ ấy ghi trong sắc dụ. Nhưỡng không được biết gì hết.

Hôm sau, Hoàng thượng sai quan đem sắc đến phủ ban cho Quận Côn, rồi lại sai đem dán bản sao ra ngoài cửa Đại Hưng cho thiên hạ đều biết.

Nhưỡng xem tờ yết thị, thấy có mấy chữ "đời đời nối tiếp tước công" liền hằm hằm mà rằng:

- Lấy tước công làm cái mệnh lúc đầu còn có lý. Nay lại nhất quyết hạn định ở tước công, bắt con cháu nhà chúa đời đời kiếp kiếp cứ phải noi theo như thế mãi thì còn có lý nào nữa? Vừa rồi giặc đến, nhà vua được tôn phò, các quan văn võ không một người nào mất tước vị, riêng nhà chúa thì có tội tình gì mà lại bị thụt chức? Thử coi những kẻ tai mắt ngồi ở trong triều, ai không chịu ơn sâu của nhà chúa? Thế mà bây giờ người ta lại dùng những câu văn khéo léo để chiều ý nhà vua như vậy, thật là khinh bạc quá lắm! Được! Họ đã nổi

tiếng vì câu văn khéo léo, thì ta cũng lại lấy câu văn khéo léo mà chọi lại, thử xem ai thắng ai?

Rồi Nhưỡng làm luôn một yết thị như sau:

"Hàm Giang, Đinh mỗ kính đạt cáo quan văn võ quý đài:

Nay vâng sắc chỉ lập Quốc công để nối dòng dõi nhà chúa. Nếu như lòng người đều thoả thuận, thì nên đến phủ lạy mừng. Nhược bằng ai còn nghĩ đến công đức nhà chúa, riêng có ý muốn tâu xin thế nào, thì hãy đến cùng họp ở cung Tây Long, bàn với mỗ về việc thảo biểu dâng lên Hoàng thượng, để cúi chờ thánh thượng xét định, cho thoả lòng mong mỏi của thiên hạ".

Khi mệnh phong tước Quốc công mới ban xuống, ai nấy đều nghĩ rằng việc đó hẳn chưa hết miệng tiếng. Đến lúc này Nhưỡng đã đi trước mọi người, lập ra cuộc họp ấy để tranh công đầu. Tuy nhiên, để phòng ngừa vì lỗ mãng thô bạo mà hỏng việc như bọn Thần Trung hầu, Dương Trọng Tế, nên Nhưỡng cũng không dám dùng uy thế mà ăn hiếp các viên triều thần hiện đang theo nhà vua.

Ngược lại, các viên triều thần khi mới gặp Nhưỡng cũng chỉ ngồi im để xem Nhưỡng ngả về bên nào mà cân nhắc nặng nhẹ. Lúc thấy Nhưỡng kêu gọi hội họp, mọi người tuy không dám theo Nhưỡng, nhưng trong bụng lại sợ Nhưỡng, vì thế việc theo phò nhà vua cũng có phần chểnh mảng. Còn nhà vua, tuy vẫn quyết tâm giữ mệnh cũ, không chịu thêm bớt nửa chữ, song cũng chỉ xoay xở một mình, không ai là người giúp đỡ.

Bấy giờ, trong hàng quan văn đến họp với Nhưỡng có Ngô Trọng Khuê, Nguyễn Gia Lịch[1], Nguyễn Tông Điển, Nguyễn Huy Chiểu, Nguyễn Đình Thiều, Phan Huy Ích... cả

(1) Có bản chép Nguyễn Văn Lịch.

thảy sáu bảy người.

Các quan đến dự cuộc họp, được Nhưỡng đặt tiệc rất to để thết đãi. Tiệc xong, Nhưỡng hỏi mọi người rằng:

- Cái mệnh "Quốc công" các ông cho là thế nào?

Ngô Trọng Khuê đáp:

- Hai trăm năm nay có vua có chúa, công đức nhà chúa không thể vì một lần thất bại mà hết sạch. Nhà vua còn ít tuổi, chưa nghĩ ngợi chu đáo. Phụ hoạ với ý nhà vua để làm việc vô lý này, đó là lỗi của bọn chúng tôi. Phen này chỉnh đốn lại, phi ông thì không xong.

Nhưỡng nói:

- Tôi họp các ông cũng chính vì việc đó. Bây giờ tôi muốn làm tờ tâu để xin với nhà vua, vậy các ông có hiệp ý không?

Mọi người đều đáp:

- Không hiệp ý thì đã chẳng đến đây; đã đến đây tức là không ai không hiệp ý.

Nhưỡng nói:

- Nếu các ông đã hiệp ý, thì nên thảo ngay tờ tâu để tôi đem dâng Hoàng thượng. Hoàng thượng dẫu muốn chẳng cho, tôi cũng cứ cố xin, đến bao giờ được mệnh nhất định thì mới thôi.

Một viên quan võ là Nguyễn Gia Quán nói rằng:

- Thần Trung hầu, Dương Trọng Tế cũng có tờ tâu hẳn hoi, vậy mà chỉ đợi xin mệnh, cho nên rốt cuộc mới hỏng việc. Nay có đủ cả quan văn, quan võ hội họp như thế này, cứ kéo tuột vào trong phủ là tự khắc thành triều đình. Triều đình đã thành, thế lớn ắt phải trở về với nhà chúa. Kia hãy thử nhìn hai điếm tả hữu[1] không lại vẫn hoàn không. Đã đến nước ấy,

(1) Trước kia Trịnh Cương đặt tả điếm và hữu điếm ở ngoài cửa phủ đường để làm chỗ trăm quan tra xét kiện tụng.

cần gì phải đợi xin mệnh nữa.

Nhưỡng đáp:

- Tôi muốn làm thế, kể cũng không khó, nhưng thiết nghĩ chúa không chịu mệnh của nhà vua, bảo là thuận thì chưa lấy gì làm thuận. Vả lại tục ngữ đã nói: "Chẳng ai mặc áo quá đầu". Vì vậy, tôi muốn cứ theo con đường ngay thẳng cho phải lẽ. Tôi không phải là quân ô hợp như bọn Thần Trung hầu và Trọng Tế, để đến nỗi bị người ta bỏ rơi. Nếu tôi đã tâu xin, hẳn là mấy ông thầy già ngồi trong triều có muốn làm rầy tôi cũng không thể được.

Sau đó mọi người bèn thảo tờ tâu, đại ý nói rằng: "Nay kính vâng hoàng đế bệ hạ đoái nghĩ đến nhà chúa, muốn cho được bảo tồn dòng dõi, phong làm tước công, đời đời giữ việc cung tế. Thần dân thấy vậy chẳng ai không cảm kích. Nhưng nhà chúa từ đức Thái Vương về sau vẫn được thiên tử ban cho tước vương. Mới rồi gặp cơn quốc biến, tiên chúa Đoan Nam Vương đã phải đem thân chết theo nước. Bây giờ hạn nước đã qua, vâng được thánh thượng bao dung, các bề tôi đều không ai bị mất quan tước, riêng có nhà chúa lại phải giáng phong. Như thế, thần dân nghĩ không đành lòng. Vậy dám cúi xin cho Côn Quốc công được phong lên tước vương, cho thoả lòng mong mỏi của thần dân".

Hoàng thượng xem xong tờ tấu liền nói:

- Cứ nằng nặc đòi phong vương để ăn hiếp ta mới sướng hay sao? Nếu yên phận làm tôi, thì công với vương phỏng có khác gì? Vả lại mệnh vừa mới ban xuống mà đã muốn đổi, mệnh thiên tử đâu phải là trò trẻ con.

Các viên quan triều thấy vậy, tự nghĩ phò chúa đã không dự, phò giúp vua lại không xong, ai nấy đều muốn tháo thân mà đi. Tứ Xuyên hầu vào tâu với vua:

- Lấy chúa hiếp vua, đó là cái gốc sinh loạn. Loạn đã đến thế, họ vẫn còn noi theo vết cũ mà làm. Chẳng qua cũng là lòng trời xui khiến ra như vậy. Nhưỡng là kẻ vũ phu, không thể lấy nghĩa lý mà nói cho hiểu. Thần xin vâng chỉ đến nói thẳng với Quận Côn, khuyên y hãy từ bỏ chuyện xin phong vương, may ra việc nước còn có thể làm được. Nếu không, phen này mà loạn thì lũ thần không sao xoay chuyển nổi. Dám xin Hoàng thượng hãy tha tội cho thần.

Hoàng thượng bằng lòng. Tứ Xuyên hầu bèn đến phủ nói với Côn Quốc công rằng:

- Tôi chịu ơn sâu của nhà chúa, không phải là không muốn hậu với ông. Nhưng mà biến cố của nước nhà lần này, chính là một cơ khép mở rất lớn của trời đất; do đó, mọi việc đều không nên câu nệ vào nếp cũ. Nay nếu theo lệ nối ngôi ngày trước mà lập nếu ép thiên tử phải làm cái việc không muốn làm, thì thật là quá ư vô đạo. Lũ chúng tôi, nghĩ không thể nín, cho nên phải nói với ông. Ông nếu bỏ qua lời nói của tôi, thì loạn lạc sau này, sẽ không thể cứu được nữa. Trong sách đã nói: "Nước có đạo thì làm quan, nước vô đạo thì ở ẩn". Lũ chúng tôi đành xin đi từ nay.

Côn Quốc công đáp:

- Tôi vẫn tự biết là kẻ hèn mọn, đâu dám mong những điều quá đáng? Việc này là do Liễn Trung hầu gây ra, tôi thật không dự, xử trí thế nào tuỳ lượng bề trên. Xin ông hãy vì tôi tâu lên Hoàng thượng, soi xét cho tấm lòng ấy của tôi.

Tứ Xuyên hầu thấy lời lẽ Côn Quốc công có ý thoái thác, bèn về tâu với vua rằng:

- Việc này thần không thể nào xoay chuyển được nữa. Hoàng thượng dùng thần cũng là vô ích?

Rồi Tứ Xuyên hầu từ biệt mà đi.

Nhưỡng nghe tin ấy, nói với mọi người.

- Lão rậm râu sâu mắt bỏ đi rồi, thế là bớt được một tên cáo già!

Lúc ấy, hai điếm tả hữu đều bỏ không. Những kẻ hội họp trước kia nay về ngồi trong triều, đều là bè đảng của Nhưỡng, Hoàng thượng thấy vậy, than thở với bọn gia thần rằng:

- Ta nay không còn ai giúp rập nữa rồi! Tuy vậy, nó cũng không thể cậy đông người mà ăn hiếp ta được. Ta cứ không nghe, thử xem nó làm thế nào?

Thế rồi, sau khi Tứ Xuyên hầu đã đi khỏi, Hoàng thượng vẫn cứ giữ nguyên mệnh cũ, ngay cả số quân dân, cũng đều không cấp thêm cho Côn Quốc công một người nào cả.

Các quan văn trong toà nội hàn ở luôn bên cạnh vua sợ bị Nhưỡng quở trách, nhiều người khuyên vua nên ưng cho lời xin của hắn. Nhưng vua đều không nghe.

Nhưỡng thấy nhà vua cương quyết, cũng có ý chờn, bèn làm một tờ tâu kín, xin vua cứ cho Côn Quốc công mang danh hiệu tước vương, còn các quyền bính thì vẫn thuộc về nhà vua. Trong tờ tâu ấy, lời lẽ của Nhưỡng cực kỳ mềm mỏng. Rồi Nhưỡng lại thân vào chầu để xin với vua. Vì thế nhà vua mới nguôi lòng mà nghe theo, phong cho Côn Quốc công làm Nguyên soái phụ quốc chính tước Án Đô Vương. Rồi vua sai quan trong triều là Nguyễn Du[1] đem sắc chỉ đến ban cho Côn Quốc công.

Côn Quốc công vâng mệnh: thân hành vào triều lạy tạ: đoạn về phủ, sai người đánh ba hồi chín tiếng trống, làm lễ lên ngôi chúa. Hôm ấy là ngày mười chín tháng chín.

---

(1) Nguyễn Du quê ở xã Văn Xá, huyện Thanh Oai, Hà Đông đỗ Tiến sĩ khoa Ất Tỵ (1795) năm Cảnh Hưng.

Sau khi Án Đô Vương được lập rồi, các quan tả hữu khuyên vương nên theo lệ cũ đặt ra các viên Tham tụng, Bồi tụng, Chưởng phủ, Thự phủ, để dựng riêng một triều đình. Rồi họ lại trông mặt mấy viên đến họp ở cung Tây Long hôm nọ mà chỉ định người này làm chức này, người kia làm chức kia, sắp đặt rõ đâu vào đấy. Nhưng Nhưỡng tự nghĩ hôm trước mình tâu với Hoàng thượng như thế, mà nay đã tự ý tráo trở lật lọng, e rằng như vậy là lừa gạt bề trên quá chừng. Vì vậy, Nhưỡng vẫn còn trù trừ, chưa dám xin vương ra mệnh.

Còn Hoàng thượng, thì cứ giữ theo mệnh cũ, đổi chức Tham tụng là Bình chương, Bồi tụng là Tham tri, Thiêm sai làm Thiêm thư. Hai điếm tả hữu làm hai nhà nghị sự. Rồi bắt Nhưỡng phải kíp chọn lựa các quan, xin chỉ Hoàng thượng, rồi định ngày họp ở nhà nghị sự để chia đặt mọi việc. Nhưng ý Nhưỡng chưa quả quyết, thành ra công việc cứ dùng dằng, lẩn quẩn luôn trong mấy hôm.

Đang khi ấy, chợt có tin báo Thạc Quận công ở trấn Sơn Tây đã thu thập các binh lính trong huyện, đông đến vài vạn người, lại đem cả thổ binh của bọn phiên mục đất Phù Sùng ở vùng Hưng Hoá là Đinh Công Hồ và Đinh Công Trịnh đi theo, nay mai sẽ tới Kinh sư.

Thật là:

Đã mạnh lại còn tay mạnh nữa
Bất ngờ phòng chuyện bất ngờ hơn.

Chưa biết Quận Thạc đến Kinh sư làm gì? Hãy xem hồi sau phân giải.

HỒI THỨ BẢY

Phò Lê đế, đạo Vũ Thành lại ra quân
Đốt Trịnh cung, chúa Án Đô phải bỏ nước

Lại nói, Thạc Quận công (Hoàng Phùng Cơ) sau khi thua trận ở cửa Thuý Ái, liền chạy về vùng Hưng Hoá, nương nhờ ở một nhà phiên mục là Đinh Công Hồ. Kịp khi nghe tin quân Tây Sơn đã rút về Nam, Quận Thạc bèn tới trấn Sơn Tây, thu nhặt binh lính để bảo vệ Kinh thành. Khi ấy Hoàng thượng vẫn thường cho người qua lại chỗ Quận Thạc, vua tôi rất là ăn ý với nhau.

Đến lúc này được tin Quận Thạc đã tới, nhà vua liền sai ông ta đem quân vào đóng ở cửa ô Trường bắn để bảo vệ Kinh thành. Lúc vào hoàng thành, Quận Thạc đến lạy chào nhà vua, rồi sau mới ra chào Án Đô Vương.

Bấy giờ, người trong Kinh nhao nhao đồn rằng:

- Thạc vào bè với vua, Nhưỡng vào bè với chúa. Hai người sẽ có ngày dàn quân đánh nhau. Cả hai đều là tướng mạnh, chưa biết ai thua ai được?

Hoặc lại có người nói rằng:

- Vua với chúa thế lực cũng ngang nhau nhưng vua có phần mạnh hơn một chút.

Án Đô Vương thường sai người đến uý lạo Quận Thạc,

khuyên Thạc nên giúp đỡ nhà chúa. Nhưỡng cũng hay cho người đi lại biếu xén để liên kết với Quận Thạc

Thủ hạ của Quận Thạc có người tên là Nguyễn Liên, thấy thế lớn trong thiên hạ đang có chiều ngả về phía chúa, nên cho rằng việc Nhưỡng phò chúa khó mà có thể xoay chuyển được. Rồi nhân đó, muốn cho Quận Thạc hợp vào với Nhưỡng, Liên bèn cố khuyên Quận Thạc bỏ vua mà theo chúa. Quận Thạc trả lời:

- Người ta khó nhọc mới làm được mâm cỗ ngon, mình bỗng xông đến chọc ngay đũa vào mà ăn còn ra cái mặt mũi gì nữa.

Liên nói:

- Hiện nay ngôi chúa tuy đã lập, nhưng quyền chúa chưa định xong. Ông Nhưỡng vì đã trót hứa với Hoàng thượng là quyền bính thuộc về nhà vua, nên bây giờ không dám hé răng nói lại. Chúa ngồi chồm chỗm ở trong phủ, mà hoá ra Chính phủ chẳng có người nào, dân không biết theo ai. Người xưa có câu "Làm việc thì dễ; làm cho nên việc mới khó". Bây giờ nếu ông gánh lấy cái khó ấy, thì công nghiệp chẳng kém gì ông Nhưỡng đâu

Quận Thạc hỏi:

- Thế thì nên làm ra sao?

Liên đáp:

- Người ta có thể họp được các quan, sao ông lại không chịu họp? Nay ông hãy định ngày hội họp các quan để bàn về việc đặt tên các quan chức rồi sau đem những lời ấy mà tâu xin với nhà vua, hẳn là nhà vua phải nghe theo.

Quận Thạc khen phải, rồi sai thảo tờ hiểu thị các quan văn võ, đại ý nói rằng:

"Khi Nguyễn Hữu Chỉnh đưa giặc vào cướp nước, mỗ

vâng mệnh dẹp giặc, chẳng may đã sai phạm quân luật và làm tan vỡ quân đội, đến nỗi Kinh thành không giữ được, thật là đáng chịu tội muôn lần. May nhờ lòng trời hối hoạ[1], quân giặc phải lẻn trốn về. Nay non sông lại y nguyên, vua chúa vẫn như cũ. Nhưng giường mối đã đổ, triều đình lại càng rối bời. Tướng võ, quan văn, há nên một mực im lặng? Vậy xin định đến ngày này tháng này, hội họp ở bộ Lễ, cùng nhau bàn định, rồi sẽ tâu lên Hoàng thượng và trình lên vương thượng biết; sau đó xin giao xuống cho thi hành, để chỉnh đốn lại thể thống của triều đình".

Mọi người thấy tờ hiểu thị đó, đều cho rằng Quận Thạc vì nhà vua mà mở ra cuộc họp ấy, để báo thù lại cuộc họp của Nhưỡng ở cung Tây Long trước đây. Đến ngày đã định, Quận Thạc kéo quân từ hoàng thành ra. Nhưỡng dẫn quân từ phủ chúa lại, người ta chắc là hai tướng sắp sửa đánh nhau, có kẻ sợ vạ lây phải lánh đi nơi khác. Nhưng đến khi thấy hai tướng đã gặp nhau mà không xảy ra chuyện gì, thì người ta lại đồ rằng Quận Thạc lừa cho Nhưỡng ngồi vào họp rồi mới bắt, tướng trẻ tất phải mắc mưu tướng già. Rút lại, chẳng ai hiểu được ý định của Quận Thạc như thế nào?

Kịp đến lúc các quan văn võ đến họp, chào hỏi nhau xong, Quận Thạc nói:

- Chúa lên ngôi đã hơn một tuần, mà chính sự vẫn chưa ra đầu ra mối gì cả, các ông có ý kiến gì xin hãy bày tỏ rồi cùng lựa chọn những điều đáng làm để đem tâu xin với bề trên.

Mọi người còn chưa biết nói thế nào. Trong đám có Ninh Tốn là tay lắm mưu mẹo giảo quyệt, định dùng lối nói lập lờ

(1) Một quan niệm cũ cho rằng, mọi tai hoạ ở trên đời đều là do trời gieo rắc, khi tai hoạ hết, ấy là lúc trời đã hối lại.

nước đôi để dò ý Quận Thạc, bèn lên tiếng mà rằng:

- Từ khi sáng nghiệp về sau, quyền ở nhà vua. Từ ngày trung hưng lại đây, quyền ở phủ chúa...

Tốn vừa mở miệng đến đây, đã bị Nhưỡng hỏi vặn

- Bây giờ là sau đời sáng nghiệp hay là sau đời trung hưng? Làm sao lại còn nói đèo thêm đời sáng nghiệp vào nữa? Xem viên ấy là quan chức gì mà nói dốt đến vậy?

Tốn vốn có tài đối đáp nhanh nhẹn, liền nói luôn:

- Ấy là tôi cũng viện dẫn ra để tỏ rõ rằng, từ sau đời trung hưng thì như thế đó mà thôi!

Nhưỡng nói:

- Nếu vậy thì mời ông ra thảo bản nghị sự.

Tốn bèn thảo một bản nháp, đại ý như sau:

"Nhà vua, nhà chúa, vẫn là một thể. Nay tên gọi các chức quan ở phủ chúa phải theo như ý chỉ của nhà vua vừa mới định, nhưng cũng nên giữ cả tên gọi cũ. Vậy xin để chức Bình chương kiêm chức Tham tụng, Tham tri kiêm Bồi tụng, Thiêm thư kiêm Thiêm sai, Đô cấp sự kiêm Lục phiên tri thiên. Về hàng quan võ thì những chức Chưởng phủ, Thự phủ, sẽ thêm vào những chữ Ngũ quân đô đốc phủ, Tả Hữu đô đốc. Còn nhà nghị sự ở ngoài cửa phủ đã quen tai mắt thiên hạ, xin cứ để nguyên như tên cũ. Các việc chính sự sau khi bàn xong, trước hết phải trình cho chúa biết, rồi sau mới tâu vua để xin nhà vua quyết định".

Nhưỡng coi bản nháp của tờ nghị sự, thấy lời văn chứa đựng những ý tứ khôn khéo, tiếng rằng theo vua mà kỳ thực là xem trọng ở chúa, bèn đổi ra giọng vui mừng mà rằng:

- Người ta khen ông là tay lão luyện về nghề từ hàn, quả thật là không sai! Vừa nãy tôi nói lỡ lời, xin ông đừng giận.

Rồi Nhưỡng bảo Tốn chép thành bản tâu để dâng lên nhà

vua. Lúc bản tâu đã chép xong. Nhưỡng tự thấy rằng việc làm ấy và lời hứa của mình với nhà vua trước đây là trái ngược nhau, nên không dám giáp mặt vua, bèn cáo từ các quan mà về dinh. Các viên quan võ cùng đều theo Nhưỡng ra về hết. Chỉ còn lại Quận Thạc và mấy viên quan văn vào điện để xin mệnh của nhà vua.

Hoàng thượng lúc đầu tưởng Quận Thạc hẳn phải thuận theo ý mình, nên rất mừng, cho người dẫn ông ta vào ra mắt. Đến khi coi hết tờ tâu, Hoàng thượng nổi giận mà rằng:

- Tham tụng, Bồi tụng cứ việc Tham tụng, Bồi tụng, hà tất phải đèo thêm Bình chương, Tham tri? Chưởng thự cứ việc Chưởng thự, can gì phải đèo thêm Ngũ quân đô đốc? Bọn các ngươi lấy hư văn mà đánh lừa ta; bịp bợm, xảo trá như vậy, há phải là lễ thờ vua?

Quận Thạc nghĩ xưa nay mình với nhà vua vốn có ân tình sâu xa, bỗng dưng vô cớ thay đổi thì thật là xấu hổ, vì vậy không dám hé răng, chỉ cúi rập đầu tạ tội mà thôi.

Ninh Tốn quỳ tâu:

- Nay ở ngoài thành đều là bãi chiến trường, thiên hạ đang loạn lớn, mà chính sự trong triều đình thì vẫn còn rối bời. Lũ thần trót phạm oai trời, thật là sợ hãi khôn xiết. Dám xin Hoàng thượng soi xét.

Hoàng thượng nói:

- Ngoài thành đều là bãi chiến trường, vạ ấy hỏi tại nhà ai gây ra? Đâu phải là lỗi ở trẫm? Thôi đừng nói lắm, lũ ngươi tưởng rằng bè đảng đông, có thể ăn hiếp được trẫm, thì cứ việc làm đi. Cần gì phải xin mãi?

Bọn Quận Thạc đều sợ hãi, mồ hôi toát ra khắp lưng, không dám nài xin gì nữa, bèn cùng nhau phủ phục ở sân rồng, mãi đến đầu canh một chưa dậy.

Hoàng thượng thấy họ cứ nằm lỳ ở sân, nghĩ rằng người ta đã có bụng khác với mình, không thể trông cậy được nữa, dẫu có cố giữ ý mình cũng là vô ích, bèn ưng cho lời tâu của họ.

Bọn Quận Thạc được mệnh rồi, liền lạy tạ mà ra.

Hôm sau, họ cùng vào phủ để lựa chọn các quan. Mọi người bàn bạc cho rằng, chúa mới được lên ngôi, những người mà Hoàng thượng đã từng tin dùng như loại Tứ Xuyên hầu, chưa nên gạt bỏ vội. Rồi họ bèn lấy Tứ Xuyên hầu[1] làm chức Bình chương kiêm Tham tụng, Kế Liệt hầu[2] và Khuê Phong hầu[3] cùng làm chức Đồng bình chương sự kiêm Hành Tham tụng: Quận Thạc làm Trung quân đô đốc phủ, Tả đô đốc Chưởng phủ sự, tước Thạc Vũ công; Nhưỡng làm Đông quân đô đốc phủ, Hữu đô đốc thự phủ sự, tước Liễn Quận công; Ngô Trọng Khuê, Ninh Tốn đều làm Tham tri chính sự kiêm Bồi tụng; Nguyễn Huy Chiểu, Phan Huy Ích, cả bọn gồm sáu người đều làm chức Đô cấp sự trung, kiêm Thiêm sai tri phiên trong sáu khoa.

Mệnh đó được ban xuống Tứ Xuyên hầu từ chối không nhận. Kế Liệt hầu thì tự thẹn mình không làm được công trạng gì, nói:

- Ta làm Tể tướng không được tốt lành[4]. Việc trước hãy còn tấm gương sờ sờ ra đấy. Một đời lại định mấy lần làm hại nước người ta nữa?[5].

---

(1) Tức Phan Lê Phiên.

(2) Tức Bùi Huy Bích.

(3) Tức Phan Cận.

(4) Trỏ về Bùi Huy Bích trước kia làm Tham tụng (Tướng quốc) nhưng bất lực để Tây Sơn lấy được Bắc Hà.

(5) Người ta đây chỉ vào nhà vua; quan niệm phong kiến cho nước là của vua.

Rồi Kế Liệt hầu cũng không chịu nhận chức. Chỉ có Khuê Phong hầu một mình gánh vác công việc. Nhưng bấy giờ quyền bính trong nước đều ở tay Nhưỡng. Còn Quận Thạc thì già nua dốt nát, chẳng biết gì đến chính sự, chỉ giữ một chức quan cho đủ số mà thôi.

Quan liêu trong Chính phủ đã đầy đủ, họ bèn ngày ngày bàn mưu tìm kế đè nén nhà vua, muốn cho tất cả các quyền hành về việc binh, việc dân đều thuộc về phủ chúa. Riêng có bổng lộc của nhà vua, thì họ bàn nhau đãi hậu hơn các triều trước một chút. Nhưng Hoàng thượng cũng không chịu lép vế, cứ mỗi việc mỗi giằng giữ co kéo, thành ra các việc binh dân chính đều rối tung chẳng đâu vào đâu. Rồi đó Hoàng thượng lại ra sức mộ thêm binh mã để tự vệ, và ngấm ngầm lập mưu chế ngự nhà chúa.

Lệ cũ, nội điện nhà vua có viên quan phụ tá. Án Đô Vương bèn sai một hoàng thân tin cẩn của mình đến sung vào chức đó. Hoàng thượng bảo với vị hoàng thân ấy rằng:

- Ta vừa cho lên làm chúa, sập ngôi còn rung rinh, thế mà đã vội sai người đến dòm dỏ, làm như nền nếp lúc thái bình ấy. Ông về bảo chúa Án Đô rằng: chúa đã sai ông đến làm phụ tá cho trẫm, thì trẫm cũng khiến ông trở lại làm phụ tá cho chúa.

Vị hoàng thân ấy lui ra, Hoàng thượng bèn dặn mấy người tả hữu:

- Các ngươi hãy nhớ lấy, hễ mà người này còn lại đây nữa, thì cứ chặt chân hắn đi cho ta.

Thế là từ đó, vua chúa đâm ra thù nhau.

Hồi Án Đô Vương mới vào Kinh thành, Trọng Tế trốn về huyện Gia Lâm, Vương vốn mến tư cách của Trọng Tế, lúc này bèn cho sứ giả đi mời. Khi Tế đến nơi, vương nói:

- Trong lúc giặc mọi vào cướp Kinh kỳ, các quan văn võ hoặc chạy trốn hoặc đầu hàng, riêng ngươi là nho thần lại dám lập đồn bên cạnh Kinh thành để chống nhau với giặc: cái tiếng nghĩa khí của ngươi đã làm rung động cả nước, bọn giặc càn rỡ sở dĩ phải trốn đi cũng chính là sợ về oai phong của ngươi. Điều đó, Quận Thạc, Quận Liễn không thể sánh kịp. Vả lại, ngươi mới thoạt vào thành đã lấy ngay việc lập chúa làm điều trước nhất. Tuy việc Quận Thuỵ không thành, nhưng thanh thế nhà chúa lại nhen nhúm lên được cũng là từ đấy. Nay ta mới được lên ngôi, nhà vua với ta lại chưa hoà thuận, mà thiên hạ thì đang còn rối ren, vậy ngươi hãy cố ở lại giúp ta.

Sau đó Án Đô Vương bèn cho Tế trông nom về việc tài phú. Nguyễn Mậu Nễ, học trò của Tế cũng được cất nhắc lên làm chức Tiến triều.

Tế vốn có bụng oán giận nhà vua, liền nói với Án Đô Vương.

- Cái thuyết nhất thống[1] do ở giặc Chỉnh xướng ra, thật không nghĩa lý gì hết. Xưa nay nhà vua vẫn uỷ quyền cho nhà chúa, mà nhà chúa thì phò giúp mối giường của nhà vua: có hề "nhị thống"[2] bao giờ? Nhà vua đã chẳng chịu chung tai nạn với nhà chúa, trái lại còn lấy sự thất bại của nhà chúa để làm lợi cho mình. Bọn Tứ Xuyên hầu đã cúi mình theo giặc, giờ lại hùa theo nhà vua mà không biết chi đến chúa. Đó là những việc mà lẽ trời, tình người đều không thể dung tha. Dạo nọ vì chúa đến chậm, thần bất đắc dĩ mà phải phò Thuỵ Quận công. Nếu chúa đến sớm, thì thần há lại để cho bọn đầu hàng giặc tới nay vẫn còn trốn khỏi hình pháp? Tôn thất nhà vua vẫn còn nhiều, tìm một vị khác làm người khoanh tay rủ

(1) Tập trung quyền chính vào tay nhà vua.
(2) Quyền lực thuộc vào cả vua và chúa.

áo, tưởng cũng không thiếu gì. Chúa mà đến sớm nữa ông vua "lông đỏ" hẳn đã phải đi theo bọn giặc "lông đỏ" rồi.

Đoạn, Tế xui Án Đô Vương cho quân vây điện vua ở, bắt hết gia thần của vua giết đi, rồi bỏ vua này mà lập vua khác

Mưu mô đã định xong, Tế bèn sai Nguyễn Mậu Nễ đem quân chẹn ở phía trước điện, đồng thời ngầm cho Nhuận Trạch hầu (Bùi Nhuận) lẻn vào cửa Đông Hoa để đánh úp mé sau.

Hoàng thượng nghe tin có biến liền sai các hoàng thân, đem hết binh lính đã mộ ra chống giữ. Nễ cưỡi voi đến ngoài cửa Đại Hưng, khí thế rất mạnh, khiến cho trong điện ai nấy đều run sợ, cơ đội muốn tan vỡ. Thình lình thấy Quận Thạc ngồi trên đầu voi từ phía sau điện xông tới cửa Đông Hoa, ngăn Nễ không được vào nữa và quát:

- Mày muốn sống thì mau thu quân về bằng không, tao sẽ chặt đầu mày trước để bêu ra cho thiên hạ coi, rồi sau sẽ bắt nốt những tên trong đảng nghịch.

Nguyên Quận Thạc vốn ghen với danh vọng của Tế, vả lại trong bụng cũng không ưng cái việc đại nghịch ấy; mặt khác, Quận Thạc đang làm chức Đề lãnh chính hiệu, phải gìn giữ hoàng thành, e rằng trong điện có biến thì mình cũng mang tội. Vì vậy Quận Thạc phải kíp ngăn cản.

Nghe Thạc quát, Nễ sợ hãi lùi ngay, Nhuận Trạch Hầu cũng không dám vào nữa. Thế là trong điện được vô sự.

Hoàng thượng giận lắm, bảo các quan tả hữu rằng:

- Đảng ác đã đông, gốc hoạ khó mà nhổ nổi. Nếu không có Hữu quân[1] trở lại, thì việc tất không xong.

Rồi đó, Hoàng thượng bèn bàn tính việc vời Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân ra bảo vệ Kinh sư.

---

(1) Chỉ Nguyễn Hữu Chỉnh.

Lại nói, sau khi quân Nam lén rút về, Chỉnh cướp được chiếc thuyền hối hả đuổi theo, ra đến biển lại bị gió cản lại luôn mấy ngày, chừng hơn một tuần mới vào đến cửa biển Hội Thống. Lúc thuyền của Chỉnh đậu ở bến dưới Đông Hải[1], thì cũng vừa gặp lúc anh em Tây Sơn đi đường bộ đã vào tới Vĩnh Doanh[2]. Bình nghe tin Chỉnh đã trốn thoát và theo về đến đó thì cả kinh mà rằng:

- Thằng chết tiệt này khéo tìm đường sống, thật chẳng khác gì mười lăm giống quỷ dạ xoa luân hồi làm hại, cắt cũng không đứt đi cho.

Tuy vậy, lúc Chỉnh vào ra mắt, Bình vẫn vỗ về yên ủi. Chỉnh xin theo Bình cùng về. Bình nói:

- Nay Quận Thạc, Quận Liễn chưa trừ xong, nước An Nam phi ông không ai trị nổi, ông hãy tạm ở đây đã.

Rồi Bình sai người san sẻ các thứ súng đồng, súng sắt, cùng những khí giới, đồ lề thu được ở Bắc Hà, đem đến Đông Hải cho Chỉnh.

Chỉnh từ chối không nhận.

Bình lại cho Chỉnh hai mươi lạng vàng, hai trăm lạng bạc, và để lại một trăm tên lính để hộ vệ cho Chỉnh. Chỉnh nghĩ để số lính ấy cũng chẳng dùng được bèn nhận vàng bạc, trả lại lính mà nói:

- Tôi xin được tự mộ lấy quân địa phương mà dùng. Nếu như sức tôi không đủ, phải đưa thư cấp báo, thì bấy giờ mong ông hãy chú ý sai tướng sĩ giúp đỡ tôi.

Bình ưng lời, rồi về Phú Xuân, lưu Chiêu Viễn Hầu cứ đóng lỳ ở Kỳ Hoa không hề liên lạc gì với Chỉnh.

---

(1) Tức xã Đông Hải, quê Chỉnh, nay thuộc Nghi Lộc, Nghệ An.

(2) Vĩnh Doanh tức vùng thành phố Vinh, Bến Thuỷ bây giờ.

Chỉnh ở dưới thuyền, thủ hạ chỉ có hơn ba chục người, thành thử không dám bỏ thuyền lên cạn.

Người xứ Nghệ biết Chỉnh đang lúc thân cô thế cùng liền bàn nhau đợi ngày khởi binh bắt Chỉnh.

Chỉnh được tin, vội gọi người anh rể là Nguyễn Kim Khuê xuống thuyền để bàn cách đối phó. Chỉnh bảo khuê:

- Nay trong nước rối loạn, tôi muốn chiếm cứ trấn này để tính việc lấy thiên hạ, ý anh thấy thế nào? Mưu mẹo của anh sắp đặt ra sao?

Kim Khuê người làng Đặng Điền, huyện Chân Phúc, từng làm chức Tri huyện, là bậc túc học và có mưu trí. Thấy Chỉnh hỏi vậy, Khuê liền bày mưu rằng:

- Tên tuổi ông, thiên hạ không ai là không sợ. Sức ông lấy Nghệ An, chẳng qua chỉ như trở bàn tay. Nay người trong trấn này tuy biết ông thân cô thế cùng, song họ vẫn chưa biết rõ hư thực thế nào. Tờ hịch của họ mới truyền đi, chỉ là những lời đưa đẩy lẫn nhau, chưa kẻ nào dám thò đầu ra trước. Nếu ông làm trước để chặn họ, hẳn họ sẽ trở tay không kịp. Hiện nay ông mà có được một ngàn thủ hạ, thì ông có thể dọc ngang khắp thiên hạ vậy?

Chỉnh nói:

- Anh nói rất hợp ý tôi.

Rồi đó, Chỉnh bèn làm tờ hịch lông gà[1] để điều động quân lính. Hịch phát bắt đầu từ làng Chỉnh ở. Ra lệnh hễ chậm một khắc là sẽ chém liền.

Ở làng bên cạnh có hai tên lính già, nguyên là lính ở các đội Nhưng, Kiệu mãn về, thường vẫn hống hách với dân làng,

(1) Dịch chữ " Vũ hịch". Thời xưa, trên tờ Hịch văn mộ quân, người ta thường cắm chiếc lông gà để tỏ ý phải thi hành thật mau, phải làm gấp như bay.

thấy hịch của Chỉnh đến chúng liền ra ngăn dân làng và bảo họ đừng nhận.

Chỉnh được tin, tức thì đến đêm sai bọn thủ hạ cướp phá làng đó, đâm chết hai tên lính già, chém lấy đầu, rồi truyền hai cái đầu ấy đi khắp các thôn ấp, rao cho nhân dân biết.

Thế là cả huyện Chân Phúc, không ai dám trái mệnh của Chỉnh. Chỉ hơn mười ngày Chỉnh đã mộ được hơn một ngàn quân.

Các hào mục ở huyện bên cạnh thấy Chỉnh dấy binh, vội vàng tính việc đánh Chỉnh. Họ tôn viên Trấn thủ cũ là Đương Trung hầu[1] lên làm thủ lĩnh, rồi ai nấy đều kéo quân đi theo.

Chỉnh lúc đó bị vây hãm tứ phía, tình thế hết sức nguy ngập.

Bấy giờ ở Kinh đô có Khuê Phong hầu là người Nghệ An, thường được người làng cho biết là Chỉnh hiện đang ở vào tình thế rất dễ bắt. Khuê Phong hầu liền đem việc đó tâu trình với Án Đô Vương rồi xin cho Đương Trung hầu ra làm Trấn thủ như cũ, lại xin cử con là Phan Huy Ích làm chức Đốc thị, và viên Trấn thủ Thanh Hoa là Mãn Trung hầu[2] sung chức Tham lĩnh, thu nhặt các tàn binh ở Thanh Hoa đem vào Nghệ An, rồi lại triệu tập binh xứ Nghệ An và các hào mục, thổ dân sở tại đánh Chỉnh. Án Đô Vương bằng lòng.

Lúc lĩnh mệnh lên đường, Ích hung hăng nói với mọi người rằng:

- Các ông hãy chờ đó, để tôi vào xứ Nghệ lấy đầu Hữu Chỉnh về cướp ấn Quận công cho mà coi.

Ích lại còn sai thủ hạ làm chiếc trống trận và dặn:

- Phải làm cho rõ lớn, có thể chứa được người vào trong,

(1) Bùi Thế Toại.

(2) Tức Lê Trung Nghĩa, người xã An Hoạch, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

để khi ta thúc đội quân tiến quân xông vào bắt được Chỉnh rồi, thì sẽ chọc thủng mặt trống, nhét hắn vào đó mà khiêng về cửa khuyết.

Ngày Ích xuất quân, ai cũng cho rằng sự thành công có thể đứng mà chờ đợi.

Hồi Chỉnh ở Nghệ An, lúc nghe tin Án Đô Vương mới lên ngôi, bèn đặt câu nói lái mà đùa rằng: "Yến đô là đố yên"[1]. Ý chỉnh muốn bảo: nhà chúa có muốn yên cũng không thể yên được.

Kịp đến lúc nghe tin ở Kinh, các tàn quân đã họp thành cơ ngũ như cũ, lại nghe tin Án Đô Vương đã sai người vào đánh mình; Chỉnh bèn viết thư báo gấp với Phú Xuân, nói là Thạc, Nhưỡng lại lập họ Trịnh định chiếm cứ đất nước để báo thù xưa, xin cho quân cứu viện ra để chống nhau với chúng.

Bình được thư ấy, tức thì sai viên Tả quân đem binh ra ngay.

Cùng lúc ấy, Chỉnh lại viết thư cho Đinh Tích Nhưỡng. Trước hết Chỉnh nhắc lại tình xưa nghĩa cũ; rồi nói rằng mình hiện đã đoạn tuyệt với Tây Sơn, xứ Nghệ An tiếp giáp xứ Thuận Hoá, chưa biết quân Nam sẽ ra đánh lúc nào. Tiếp theo, Chỉnh xin hãy cho ở đó để đương lấy một mặt; sau khi bình yên rồi, nếu Nhưỡng có thể bảo toàn cho Chỉnh, thì chẳng bao lâu, Chỉnh cũng sẽ về triều.

Nhưỡng coi thư xong, liền gọi con rể của Chỉnh là Siêu Vũ vào dinh mà bảo rằng:

- Ông anh với chú trước đây cùng ở trong cửa cụ Huy, cụ lớn đều coi như con đẻ. Chẳng may cụ lớn bị nạn, ông anh đã trả thù được cho ngài; riêng chú chẳng có công trạng gì,

(1) Âm Hán đọc Án Đô hay Yến Đô đều được.

chú thẹn với ông anh nhiều lắm. Song ông anh ta, nói về nghĩa thời đã đủ rồi, mà nói về trung thời hãy còn chưa trọn. Nay chú phò nhà chúa, dựng lại cơ đồ; ông anh đã ngỏ ý muốn đóng giữ trấn Nghệ An lẽ đâu chú dám chẳng chiều ý? Nhưng ông anh chớ có lừa ta, rồi mà bất thình lình nổi dậy kéo quân về. Tuy nhiên, chú cũng nói thế thôi, chứ chú còn ở đây, thì dù ông anh có muốn về chú cũng chẳng nghe đâu. Anh về phải thưa lại ý chú như thế nhé?

Từ đó Nhưỡng không để ý gì đến việc Chỉnh nữa.

Bấy giờ, Án Đô Vương đang ngày ngày mưu sự chuyên quyền, không nghĩ gì đến các việc khác.

Có người thấy vậy, nói với Nhưỡng rằng:

- Hiện nay giặc dữ mới đi, bờ cõi còn chưa yên ổn, mà giặc Chỉnh ở Nghệ An thế lực càng ngày càng lớn mạnh. Nhân trong lúc này lòng người đang phấn chấn, hãy xin chúa ngự giá thân chinh để diệt Hữu quân, đuổi Chiêu Viễn, lấy lại bờ cõi cũ của đất Nghệ An, thì như vậy cũng chẳng kém gì cái công dựng nghiệp trung hưng của các bậc tiên vương. Khi đã lập công mà về, quyền lớn tự nhiên sẽ vào tay, cần gì chúa cứ phải quẩn quanh tranh giành những chuyện cũ rích, mà bỏ quân giặc không lo nghĩ đến? Vạn nhất Chỉnh lại đem binh ra, thì lúc ấy lấy gì mà chống chọi?

Nhưng Nhưỡng chỉ làm thinh.

Giữa khi ấy Chỉnh lại sai anh ruột là Giám sinh Nguyễn Ban lẻn ra Kinh đô yết kiến Hoàng thượng, để xin mệnh làm Trấn thủ Nghệ An. Hoàng thượng liền hỏi kín Ban về tình hình quân lính của Chỉnh. Ban được thể, nói thêm lên để phô trương thanh thế cho Chỉnh. Hoàng thượng mừng lắm, bèn nói rằng:

- Việc ấy, trước mặt trẫm Hữu quân đã từng tâu xin, mà

trẫm cũng đã hứa cho rồi. Nay lại xin nữa thì sẽ cho làm tờ sắc ban xuống. Vậy ngươi hãy ở đó mà đợi mệnh.

Các quan tả hữu thấy thế, khuyên nhà vua rằng:

- Hữu quân ở xa mà chúa thì gần. Chưa biết sau này hai bên thua, được ra sao? Nếu như mệnh này ban ra, mà việc của Hữu quân không thành, thì chúa sẽ có cớ mà nói.

Hoàng thượng nghe theo, bèn thôi không dám hạ mệnh cho Chỉnh.

Ban lật đật ra về, nói dối là đã có sắc của vua cho Chỉnh làm Trấn thủ Nghệ An, được mở dinh quân Trung hùng, thăng tước Bằng Lĩnh Hầu, đồng thời khiến Chỉnh đem quân về bảo vệ Kinh sư.

Chỉnh cũng vờ làm lễ bái mệnh, rồi truyền hịch đi kêu gọi các hào mục và thu thập các quân lính tản mát trong vùng.

Do đó các tay hào mục đều bảo nhau:

- Hắn dẫu đáng ghét thật, nhưng nay đã chịu mệnh vua, nếu chống lại hắn tức là chống mệnh triều đình, hắn sẽ vin vào cớ đó mà nói, thì mình khó tránh khỏi tội.

Rồi họ bỏ Đương Trung hầu mà theo Chỉnh. Chỉ trong khoảng mười ngày Chỉnh đã thu nhặt được hàng vạn quân. Chỉnh bèn cho người bà con là Nguyễn Kim Khuê làm chức Thị sư, đặt ra những hiệu quân Tứ đột, Tứ thánh, lấy danh nghĩa là vâng sắc tôn phò nhà vua mà hẹn ngày xuất quân. Quân của Chỉnh tuy mới mộ, song đội ngũ chỉnh tề, hiệu lệnh nghiêm túc.

Bấy giờ ở Kinh sư Hoàng thượng đang tức vì bị bọn Nhưỡng ăn hiếp, nên ngày đêm chỉ mong Chỉnh kéo quân ra, Hoàng thượng bèn ngầm ban xuống một tờ chiếu giục Chỉnh tức khắc lên đường.

Chỉnh nhận được mệnh, vội hội họp đông đủ quân sĩ, rồi

tuyên cáo với mọi người rằng:

- Bọn Đinh Tích Nhưỡng và Dương Trọng Tế cầm quân ở Kinh sư, ngầm mưu làm việc phản nghịch. Ta nay vâng mật chỉ đem quân về triều, để quét cho sạch lũ giặc bên cạnh nhà vua. Vậy các ngươi phải nên chung lòng để cùng giúp nhà vua trong khó khăn.

Khi quân Chỉnh qua bến Hoàng Mai ở huyện Quỳnh Lưu, thì gặp Tham lĩnh Mãn Trung hầu và Đốc thị Phan Huy Ích hai người vâng mệnh chúa Án Đô vào mộ lính Thanh Hoa đánh Chỉnh. Chỉnh lập tức sai đội thiết kỵ bất thình lình đón đánh. Hai bên giao chiến ở địa phận Ngọc Sơn[1]. Kết quả, Mãn Trung hầu bị thua, chết tại trận, còn Phan Huy Ích thì bị bắt sống.

Chỉnh mắng Ích về những tội vào bè với Nhưỡng, làm phản nhà vua, rồi nói:

- Nghe nói nhà ngươi làm cái trống lớn lắm, chọc thủng mặt trống có thể chứa được người phải không?

Ích run sợ mà xin lỗi.

Nguyễn Kim Khuê vì chỗ quen biết nên hết sức cứu gỡ cho Ích. Chỉnh cười khẩy mà rằng:

- Hừ! Cái bộ thầy đồ nói khoác, giết cũng vô ích.

Đoạn Chỉnh tha cho Ích và bắt phải đi theo mình.

Sau khi Chỉnh thắng được trận ấy, thanh thế càng lẫy lừng. Tin báo đến tai Án Đô vương, vương liền cho đòi Nhưỡng vào phủ để bàn cách chống cự.

Lúc này, Hoàng thượng đã hạ mật chỉ sai các hào kiệt vùng Hải Dương đánh phá đất Hàm Giang để diệt trừ họ Đinh. Nhưỡng bất đắc dĩ phải cố xin được giữ chức Trấn thủ

(1) Ngọc Sơn, là một huyện giáp liền với Quỳnh Lưu. Nay là huyện Tĩnh Gia, Thanh Hoá.

hai trấn Hải Dương và Yên Quảng. Rồi Nhưỡng tự đem bộ hạ kéo về miền đông.

Dân chúng các hạt Thượng Hồng, Hạ Hồng, Kinh Môn, Nam Sách vốn ghét Nhưỡng là kẻ tàn bạo, nên khi được mật chỉ của nhà vua, họ rất mừng. Lập tức họ họp nhau thành từng đoàn, đưa hịch kể tội ác của Nhưỡng, rồi bốn mặt ào ào kéo đến, vây kín thành trấn.

Nhưỡng liệu sức mình không ngăn nổi, bèn lừa lúc ban đêm, phá vỡ vòng vây chạy về giữ Hàm Giang.

Khi ấy, ở Kinh kỳ người ta đồn rằng Nhưỡng đã bị dân xứ Đông giết chết, chỉ trong sớm tối Hữu quân Nguyễn Hữu Chỉnh sẽ đến nơi. Kinh sư ắt thành bãi chiến trường. Trong một ngày, người ta nhốn nháo bỏ chạy đến ba bốn lần. Lòng người nơm nớp lo sợ. Dân chúng trong thành khuân chuyển đồ đạc, dắt già bế trẻ, tranh nhau chạy trốn về các vùng thôn quê, quan quân ngăn cấm cũng không được.

Quận Thạc biết sự thế không thể làm gì nữa, liền bàn riêng với bộ hạ rằng:

- Vua chúa thù ghét nhau, việc nước không có chủ. Quận Liễn đã đi mất rồi mà giặc Chỉnh lại sắp đến, ta đóng mãi ở đây, thật là thất sách. Chi bằng rút về Sơn Tây, chiếm cứ miền thượng du, giữ vững thế căn bản, bảo tồn lấy lực lượng, ung dung xem việc thiên hạ, chờ cơ hội mà nổi dậy, sau này ắt phải lập kỳ công. Các ngươi đều ở dưới cờ của ta, roi cung rong ruổi, phải nên gắng sức. Trong lúc trẩy quân, cần phải đánh dẹp trộm cướp, làm cho dân chúng ăn ở yên ổn, chớ đừng có bắt chước Quận Liễn, đi đâu làm việc tàn bạo ở đó, khiến cho dân chúng xứ Đông đều phản lại mình.

Bọn thủ hạ đều nói:

- Chúng tôi đâu dám chẳng nghe theo tướng lệnh?

Quận Thạc bèn thu quân trở về xứ Đoài[1].

Thế là Quận Liễn đi, Quận Thạc lại đi nốt. Kinh sư ấy thành ra một nơi trống rỗng. Hoàng thượng truyền cho các hoàng thân đốc thúc những lính đã mộ được đêm ngày tuần phòng, canh giữ cung điện. Còn ở bên phủ chúa thì chỉ có viên Quyền phủ sử Bùi Nhuận, viên Hành Tham tụng Mai Thế Uông và viên Bồi tụng Dương Trọng Tế, hàng ngày ngồi trong phủ đường thảo giấy bắt lính, thu lương. Nhưng các phủ huyện không một ai chịu làm theo. Người của phủ chúa sai đi, qua các thôn ấp đều bị dân quê đánh đập, lột quần áo, chỉ còn cái mình trần chạy về.

Chúa Án Đô thấy vậy rất lo, nói với Trọng Tế:

- Việc lớn hỏng mất rồi! Nếu không phải người có tài như Thiếu Khang, Thần My[2] thì không thể cứu vãn được tình thế. Ta không tự lượng sức mình, trót đã làm chúa. Nhà ngươi quá đỗi trung thành, trót giúp ta. Nay giặc Chỉnh sắp kéo ra, thế lực cực kỳ mạnh mẽ. Tục ngữ có nói "Ở vào thế cưỡi hổ không thể nào xuống được". Muốn cho xong việc này, phi nhà ngươi không còn ai.

Rồi chúa bèn sai Tế làm chức Trấn thủ Thanh Hoa, đem quân chống nhau với Chỉnh.

Tế bất đắc dĩ phải xin vâng mệnh. Nhưng khi nghe người ta nói đến Chỉnh thì Tế đã mất cả hồn vía. Kéo quân ra đến ô Cầu Dền, Tế còn trùng trình đóng ở đó hai ngày, chưa chịu lên đường. Sau chúa phải cho người đến giục, Tế mới chịu đi. Quân Tế vừa mới đến làng Bình Vọng[3], thì có tin báo

---

(1) Tức Sơn Tây.

(2) Thiếu Khang là chắt vua Hạ Vũ; Thần My là bề tôi của Thiếu Khang. Lúc nhà Hạ bị bọn Hậu Nghệ Hàn Sác cướp mất nước, Thiếu Khang và Thần My đã khôi phục được.

(3) Tức làng Bằng, Thường Tín, nay thuộc Hà Tây.

Chỉnh đã vượt sông Thanh Quyết, Tế giật mình mà rằng:

- Trừ phi có Phù Đổng Thiên Vương sống lại, còn ai có thể địch nổi với hắn? Quận Liễn, Quận Thạc thật là biết thời cơ. Tiếc thay ta là kẻ đọc sách biết chữ mà lại không bằng mưu trí của bọn võ biền? Bây giờ nghĩ lại thì đã muộn mất rồi!

Liền đó, Tế thu quân bến Thanh Trì, không kịp vào gặp Án Đô Vương nữa. Chạy một mạch thẳng sang vùng Kinh Bắc, rồi Tế mới sai người về dâng tờ khải. Xin Án Đô Vương cho lĩnh chức Trấn thủ Kinh Bắc, để chiêu mộ hào mục ở đó mà mưu đồ cuộc nổi dậy khác.

Chúa Án Đô thấy tờ khải của Tế, sợ hãi luống cuống như mất cả hai cánh tay, lập tức cho gọi Bùi Nhuận. Nhưng Bùi Nhuận đã đem cả gia quyến trốn đi từ ban đêm rồi. Chúa lại cho đòi Sĩ Uông, Uông cũng thác bệnh xin về nhà riêng. Chúa khóc mếu nói:

- Ta chẳng may đẻ ra ở nhà chúa, lại bị một lũ tiểu nhân làm cho lầm lỡ. Nếu sớm biết thế này cứ ở Chương Đức làm ông sư già, chống cây thiền trượng[1] ở dưới cửa chiền mà lại hoá hay.

Rồi chúa ngoảnh lại hỏi bọn tả hữu:

- Bây giờ nên đi đâu?

Có người trong họ quê ở huyện Quế Dương tâu rằng:

- Xin chúa cứ trấn tĩnh, hãy vào nhà Thái miếu làm lễ cáo biến, thu xếp thân chủ của Tiên vương, để tôi ra sông tìm thuyền, chờ đến đêm khuya, tôi xin phò chúa qua sông sang bắc, đi về làng tôi. Nhà tôi đã trải mấy đời làm tướng cầm quân, hào mục vùng Từ Sơn đều ở trong cửa mà ra, nếu tôi lấy điều trung nghĩa mà kêu gọi, chắc hẳn không ai là không theo. Đinh Tích Nhưỡng ở làng Cẩm Giàng làm cánh tay trái;

(1) Gậy của nhà sư.

Quận Thạc bèn thu quân trở về xứ Đoài[1].

Thế là Quận Liễn đi, Quận Thạc lại đi nốt. Kinh sư ấy thành ra một nơi trống rỗng. Hoàng thượng truyền cho các hoàng thân đốc thúc những lính đã mộ được đêm ngày tuần phòng, canh giữ cung điện. Còn ở bên phủ chúa thì chỉ có viên Quyền phủ sử Bùi Nhuận, viên Hành Tham tụng Mai Thế Uông và viên Bồi tụng Dương Trọng Tế, hàng ngày ngồi trong phủ đường thảo giấy bắt lính, thu lương. Nhưng các phủ huyện không một ai chịu làm theo. Người của phủ chúa sai đi, qua các thôn ấp đều bị dân quê đánh đập, lột quần áo, chỉ còn cái mình trần chạy về.

Chúa Án Đô thấy vậy rất lo, nói với Trọng Tế:

- Việc lớn hỏng mất rồi! Nếu không phải người có tài như Thiếu Khang, Thần My[2] thì không thể cứu vãn được tình thế. Ta không tự lượng sức mình, trót đã làm chúa. Nhà ngươi quá đỗi trung thành, trót giúp ta. Nay giặc Chỉnh sắp kéo ra, thế lực cực kỳ mạnh mẽ. Tục ngữ có nói "Ở vào thế cưỡi hổ không thể nào xuống được". Muốn cho xong việc này, phi nhà ngươi không còn ai.

Rồi chúa bèn sai Tế làm chức Trấn thủ Thanh Hoa, đem quân chống nhau với Chỉnh.

Tế bất đắc dĩ phải xin vâng mệnh. Nhưng khi nghe người ta nói đến Chỉnh thì Tế đã mất cả hồn vía. Kéo quân ra đến ô Cầu Dền, Tế còn trùng trình đóng ở đó hai ngày, chưa chịu lên đường. Sau chúa phải cho người đến giục, Tế mới chịu đi. Quân Tế vừa mới đến làng Bình Vọng[3], thì có tin báo

---

(1) Tức Sơn Tây.

(2) Thiếu Khang là chắt vua Hạ Vũ; Thần My là bề tôi của Thiếu Khang. Lúc nhà Hạ bị bọn Hậu Nghệ Hàn Sác cướp mất nước, Thiếu Khang và Thần My đã khôi phục được.

(3) Tức làng Bằng, Thường Tín, nay thuộc Hà Tây.

Chỉnh đã vượt sông Thanh Quyết, Tế giật mình mà rằng:

- Trừ phi có Phù Đổng Thiên Vương sống lại, còn ai có thể địch nổi với hắn? Quận Liễn, Quận Thạc thật là biết thời cơ. Tiếc thay ta là kẻ đọc sách biết chữ mà lại không bằng mưu trí của bọn võ biền? Bây giờ nghĩ lại thì đã muộn mất rồi!

Liền đó, Tế thu quân bến Thanh Trì, không kịp vào gặp Án Đô Vương nữa. Chạy một mạch thẳng sang vùng Kinh Bắc, rồi Tế mới sai người về dâng tờ khải. Xin Án Đô Vương cho lĩnh chức Trấn thủ Kinh Bắc, để chiêu mộ hào mục ở đó mà mưu đồ cuộc nổi dậy khác.

Chúa Án Đô thấy tờ khải của Tế, sợ hãi luống cuống như mất cả hai cánh tay, lập tức cho gọi Bùi Nhuận. Nhưng Bùi Nhuận đã đem cả gia quyến trốn đi từ ban đêm rồi. Chúa lại cho đòi Sĩ Uông, Uông cũng thác bệnh xin về nhà riêng. Chúa khóc mếu nói:

- Ta chẳng may đẻ ra ở nhà chúa, lại bị một lũ tiểu nhân làm cho lầm lỡ. Nếu sớm biết thế này cứ ở Chương Đức làm ông sư già, chống cây thiền trượng[1] ở dưới cửa chiền mà lại hoá hay.

Rồi chúa ngoảnh lại hỏi bọn tả hữu:

- Bây giờ nên đi đâu?

Có người trong họ quê ở huyện Quế Dương tâu rằng:

- Xin chúa cứ trấn tĩnh, hãy vào nhà Thái miếu làm lễ cáo biến, thu xếp thân chủ của Tiên vương, để tôi ra sông tìm thuyền, chờ đến đêm khuya, tôi xin phò chúa qua sông sang bắc, đi về làng tôi. Nhà tôi đã trải mấy đời làm tướng cầm quân, hào mục vùng Từ Sơn đều ở trong cửa mà ra, nếu tôi lấy điều trung nghĩa mà kêu gọi, chắc hẳn không ai là không theo. Đinh Tích Nhưỡng ở làng Cẩm Giàng làm cánh tay trái;

(1) Gậy của nhà sư.

Dương Trọng Tế ở Gia Lâm làm cánh tay phải; Hoàng Phùng Cơ ở Sơn Tây làm ngoại ứng; còn chúa cứ việc đóng tại huyện Quế Dương mà hiệu triệu quân cần vương, đồng thời dựa vào thế hiểm của sông Nhị Hà để cố thủ. Chỉnh tuy hung tợn, há dám sang sông đánh nhau cùng ta? Xin chúa đừng lo!

Chúa mừng rỡ mà rằng:

- Có lẽ trời chưa nỡ làm mất họ Trịnh, nên mới đem ngươi mà ban cho ta. Nếu quả như lời ngươi nói, thật là phúc lớn cho xã tắc vậy!

Đồng hồ[1] nhỏ giọt xuống đến trống canh ba. Án Đô Vương bèn lẻn sang bắc, quan quân theo hầu chỉ chừng vài chục người. Tàn binh Thanh - Nghệ ở trong bốn đội quân thị vệ không một tên nào đi theo.

Sớm hôm sau, Hoàng thượng mới biết là Án Đô Vương đã trốn đi lúc ban đêm, tức thì ngầm sai người phóng hoả đốt hết phủ chúa. Khi phủ cháy, khói lửa bốc lên ngút trời, hơn mười ngày chưa tắt.

Thế là hai trăm lâu đài cung khuyết huy hoàng bỗng chốc đã thành bãi đất cháy đen. Xa gần nghe thấy tin đó, ai cũng thương chúa và trách vua làm quá đáng. Hôm ấy nhằm ngày mồng 8 tháng chạp năm Bính Ngọ (1786).

Lại nói, khi qua khỏi sông Thanh Quyết, Chỉnh trước hết cho ngay bộ hạ là Lê Giốc đem biểu tới dâng nhà vua.

Trong biểu đại ý nói rằng: "Thần vâng chỉ kéo quân vào bảo vệ Kinh sư, đã kính cẩn xuất quân từ tháng trước. Khi tới huyện Ngọc Sơn, Lê Trung Nghĩa[2] và Phan Huy Ích dám ra chống cự, thần vẫy đám thiết kỵ tiến đánh, chém chết Trung

(1) Đây là đồng hồ ngày xưa: Người ta dùng một cái bình đựng nước có khắc từng độ, và có lỗ cho nước nhỏ giọt dần dần, rồi cứ xem mực nước mà biết giờ giấc.

(2) Tức Mãn Trung hầu.

Nghĩa, bắt sống Huy Ích. Nhờ về oai trời, lòng hăng hái của quân sĩ tăng lên gấp trăm lần. Từ Thanh Hoa trở ra Bắc, thần đi tới đâu dân chúng vui mừng đón rước tới đó. Đến chỗ nào thần cũng đều kính cẩn tuyên bố oai đức của nhà vua, khiến cho đâu đấy đều yên nghiệp làm ăn, thần nay thân mang giáp trụ, hồn mơ tưởng quân thiều[1], tấc lòng khôn xiết nhớ mong cửa khuyết".

Hoàng thượng xem xong tờ biểu, mừng lắm. Liền hỏi thăm về tình trạng khi ở trấn Nghệ An, Giốc cứ thực mà tâu Hoàng thượng khen Chỉnh đã khéo quyền biến; rồi phong cho Giốc làm chức Nội hàn viện cung phụng sứ thiêm thư khu mật viện sự, trông coi cơ Tả oai.

Khi Chỉnh tới làng Thịnh Liệt, Hoàng thượng sai các quan triều ra ngoài cửa ô đón tiếp. Lúc Chỉnh vào triều, Hoàng thượng cho ra mắt ở điện Trung Hoà và ân cần an ủi Chỉnh tâu rằng:

- Gần đây, kiêu binh làm loạn, đại thần[2] gặp nạn, thần bấy giờ đang cầm quân ở ngoài, vì chúa Trịnh không dong, nên phải bỏ nước trốn đi. Thần đã nghĩ kỹ, nguồn gốc của sự rối loạn ấy, là do cương thường sai trái, mũ dép đảo lộn mà ra. Khoảng năm Canh Thân (1740), Tân Dậu (1741), những kẻ trung nghĩa trong nước đều căm tức về chuyện ấy, người thì phò hoàng thân mà nổi dậy, người thì giữ quận ấp mà mộ binh. Công việc của họ tuy không thành, nhưng cái tiếng nghĩa khí cũng đã lan rộng. Coi đó đủ biết, người ta ai cũng chung một bụng ấy, không phải thần vì mưu riêng của thân mình mà gây ra hiềm khích. Vả chăng thần lấy điều nghĩa khí mà cảm động lòng người, là cốt để chỉnh đốn lại cơ đồ nhà

(1) "Quân thiều" là khúc nhạc của vua Thuấn. Ở đây mượn để chỉ vào nhà vua.
(2) Chỉ Quận Huy.

vua, làm sáng tỏ đạo quân thần cho hợp với lẽ trời đất. Chớ còn đối với chúa Trịnh, thần có thù oán gì đâu? Nay nếu lòng trời đã hối việc gieo hoạ, mọi người đều biết sửa chữa lỗi lầm; đó há chẳng phải là phúc lớn của nước nhà sao? Tiên đế thương tấm lòng ấy của thần, đã dùng những lời lẽ ôn tồn để dụ thần, thần thật cảm kích khôn xiết. Vậy mà người trong nước, những kẻ không hiểu thần, lại cho thần là có tội. Họ muốn mưu đồ bước theo vết xe đã đổ, rắp tâm giết chết thần để quấy rối chính sự buổi đầu của bệ hạ. Cúi xin bệ hạ xét kỹ lo xa, không có điều gì là không soi đến. Thần chẳng dám đổ vạ cho người để che lỗi của mình. Người xưa đã nói: "Biết tôi là vua". Mong ở lượng trên soi xét.

Hoàng thượng nói:.

- Trẫm đã biết rồi! Ngày nay giúp trẫm dẹp yên loạn lạc làm cho nước được thái bình, chỉ nhờ nhà ngươi mà thôi!

Rồi đó, Hoàng thượng thăng cho Chỉnh làm chức Bình chương quân quốc trọng sự, tước Bằng Trung công, Một người thân cận với Chỉnh là Nguyễn Kim Khuê và con trai Chỉnh là Nguyễn Hữu Du đều được phong tước hầu, được cầm quân và cùng thuộc vào trong tướng phủ. Ngoài ra, bao nhiêu bộ hạ, tướng sĩ của Chỉnh, cũng đều được theo thứ bậc mà thăng chức tất cả.

Khi Chỉnh mới chạy về Nghệ An, trong triều có viên quan văn là Nguyễn Đình Giản, thường vẫn nói mãi về tội Chỉnh dắt quân nước ngoài về phá nước nhà; lại xin gánh vác việc đánh Chỉnh để giết tên giặc của nước, và thề không cùng sống với Chỉnh. Bấy giờ triều đình cũng cho là người hăng hái, nhưng không dám chuẩn y lời xin của Giản.

Viên quan Nguyễn Đình Giản ấy, người làng Vĩnh Trị. huyện Hoằng Hoá, đỗ Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1769), là người

chất phác, cương trực, hay công kích lỗi lầm của người khác. Kẻ có lỗi dẫu là bậc quyền quý, là bạn bè gần gũi hay là bà con thân thuộc, Giản cũng đều vạch lỗi ngay trước mặt, không hề kiêng nể. Bởi vậy mọi người đều khen Giản là thẳng thắn.

Đến lúc Chỉnh vào Kinh, thì Giản đang vâng mệnh đi chiêu dụ ở trấn Sơn Tây chưa về. Các quan bàn riêng với nhau: Giản chắc không về, mà có về chắc cũng không chịu khuất phục, nhất định Giản sẽ lập mưu với Hoàng Phùng Cơ để diệt Chỉnh. Nếu Giản về triều chắc Chỉnh sẽ không dung, thế nào Chỉnh cũng ngầm kiếm cớ để giết Giản. Hai sự việc ấy không biết rồi ra sao?

Kim Khuê nghe được những lời bàn ấy, bèn hỏi Chỉnh:

- Ông cho Nguyễn Đình Giản là hạng người như thế nào?

Chỉnh đáp:

- Cuồng trực![1]

Khuê lại hỏi:

- Có thể dùng được không

Chỉnh trả lời:

- Chẳng những dùng được mà thôi, con người ấy còn đáng trọng nữa là khác?

Khuê lại hỏi tiếp:

- Ông không giận Giản, có phải là thật tình chăng?

Chỉnh nói:

- Ông chẳng thấy Quận Hoàn là bố vợ hắn, vậy mà hắn còn ngồi tại giữa triều kể tội ông ta rằng quỳ gối theo giặc, huống chi là người khác? Nếu mình có lỗi, hắn nói là đúng. Còn như mình không có lỗi mà hắn nói, thì cũng không hại

(1) Thẳng thắn đến mức cuồng dại.

gì cho mình. Con người như hắn thực không nên giận. Mà có giận cũng không làm gì hắn tốt. Chẳng qua chỉ tổ để cho người ta nhòm thấy chỗ nông sâu của mình thôi!

Khuê nhân đó bèn khuyên Chỉnh nên vời Giản về dùng, để thu phục lòng người trong nước. Chỉnh nghe theo, liền sai người đưa thư cho Giản, trong thư lời lẽ hết sức ôn tồn, mềm mỏng.

Giản trở về, vừa gặp lúc triều đình đang bàn việc sắp đặt quan chức. Phan Lê Phiên được cử làm Bình chương sự; Trương Đăng Quỹ, Trần Công Xán làm Đồng bình chương sự; Nguyễn Huy Trạc, Phạm Đình Dư làm Tham tri chính sự; Nguyễn Đình Giản làm Phó đô ngự sử.

Khi mọi việc đã tạm yên, Chỉnh liền sửa sang dinh thự ở toà Lượng phủ để ở.

Năm ngày, Chỉnh mới vào chầu một lần, tan buổi chầu, lại ra ngồi ở chính sự đường để bàn công việc. Còn những ngày khác, bất kỳ việc quan, việc dân, các quan đều phải tới dinh thự riêng của Chỉnh, để xin Chỉnh quyết định.

Từ đó quyền Chỉnh thật ngang với nhà vua, thế của Chỉnh có thể lật nghiêng cả nước.

Bấy giờ, tiền tệ trong nước phần nhiều bị các nhà giàu cất giấu, nhân dân đều khốn khổ về nạn khan tiền, hàng hoá không lưu thông, vật giá cao vọt. Chỉnh bèn xin với triều đình, ra lệnh thu vét hết tượng đồng, chuông đồng ở các chùa, miếu đem về Kinh sư, mở lò đúc tiền. Rồi Chỉnh thả cho thủ hạ đi về khắp nơi, cướp bóc chuông tượng của các thôn ấp. Người nào mà dám giấu giếm, tức thì bị chúng tra khảo, trừng trị. Chỉ riêng có pho tượng thần bằng đồng đen ở quán Trấn Vũ phía bắc Kinh thành, là chúng không dám lấy mà thôi.

Thấy Chỉnh làm như vậy, trăm họ ai cũng ta thán. Một

đêm có người dán ở cửa Đại Hưng hai câu đối như sau:

Thiên hạ nhất tự chung, chung thất nhi đỉnh an tại?

Hoàng thượng phần vương phủ, phủ phần tức điện diệc không![1]

Chỉnh nghe hai câu đó, lấy làm căm ghét lắm. Vả chăng, Chỉnh cũng tự đoán biết rằng, những việc mình làm đều không được dư luận đồng tình. Bởi vậy, Chỉnh càng mượn thế ra oai, để hòng khoá miệng mọi người.

Hồi Chỉnh trốn theo quân Nam, có viên quan võ là Hoàng Đình Xước vâng chỉ đốc lính coi giữ Kinh thành. Khi đó, Xước gặp người nhà Chỉnh đeo gươm chạy ở trên đường, liền bắt lại hỏi. Người ấy xin nộp thanh gươm, Xước thu lấy rồi thả cho đi. Đến khi Chỉnh tới Kinh sư, Xước đang đóng quân ở trấn Kinh Bắc, liền về ra mắt Chỉnh để trả lại thanh gươm. Chỉnh lập tức sai bắt Xước bỏ ngục. Nghe nói nhà Xước có nhiều đồ quý lạ, Chỉnh bèn đòi lấy kỳ hết, rồi mới tha.

Những việc làm của Chỉnh đại loại đều như thế thực là tàn bạo và không còn kiêng sợ gì cả.

Muốn thêm oai thế, Chỉnh lại tự đặt tên quân đội của mình là đạo Vũ Thành. Trong đạo chia ra năm doanh; nội quân gồm có hai vệ gọi là Thiết kỵ, Thiết đột; mỗi vệ chia làm năm đội, khí giới, màu sắc quần sáo đều trang bị theo hình thức của triều nhà Thanh, để cho phân biệt với các toán quân khác. Tại Lượng phủ, nơi ở của Chỉnh, nhà cửa, lâu đài, kiệu xe, quần áo hết thảy đều chế theo kiểu mới, có ý muốn

---

(1) Thiên hạ mất chuông chùa, chuông mất, vạc còn đâu nữa? Hoàng thượng thiêu phủ chúa, phủ thiêu, điện cũng trơ thôi! Chữ "đỉnh" (vạc) ở vế trên là tượng trưng cho cơ nghiệp của nhà vua.

sánh ngang với nhà vua. Trong thì nắm giữ quân cơ ngoài thì chiếm quyền Trấn thủ các trấn, phàm những chỗ cơ mật, trọng yếu, đều do vây cánh của Chỉnh chia nhau lĩnh chức. Tất cả mọi việc, Chỉnh đều chuyên quyền, làm trước rồi mới tâu vua. Thậm chí có việc đã bàn định tại triều mà vua cũng không được biết.

Uy quyền của Chỉnh ngày càng to lớn như vậy, nên hình tích của hắn cũng lộ ra hết. Người ta bàn tán sôi nổi, ai cũng bảo rằng Chỉnh sẽ làm chúa, và rồi đây Chỉnh hiếp chế nhà vua sẽ còn tệ hơn chúa Trịnh ngày xưa.

Hoàng thượng thấy thế cũng hơi ngờ Chỉnh. Một hôm, Hoàng thượng đuổi hết tả hữu, rồi nói kín với hai viên Nội hàn Ngô Vi Quý và Lê Xuân Hợp rằng:

- Chỉnh tuy có công bảo vệ, nhưng dần dà đã thấy hắn có vẻ muốn lấn bức. Giá có thể ngăn chặn ngay lúc đầu, khiến hắn không thể càn rỡ được nữa, thì mới đúng với thuật nuôi chim ưng[1]. Nếu để khi thế lực của hắn đã thành, thì hắn sẽ khó trị, e cũng giống như nuôi cọp để lo về sau. Vậy các ngươi hãy nên tính kỹ hộ trẫm!

Bọn Quý, Hợp tâu:

- Như lũ thần đã xem xét, thì Chỉnh là hạng người ý nghĩ cực kỳ hiểm độc, bụng dạ quá ư tàn nhẫn, mưu mô hết sức sâu sắc, giả trá rất đỗi khôn ngoan, mà ứng biến thì mau lẹ tuyệt vời. Con người ấy thực là một kẻ gian hùng ở đời loạn, chưa chắc là một kẻ bầy tôi hiền tài ở đời trị. Cũng ví như loài chồn sói, không phải là vật có thể dạy dỗ; giống yêu ma không phải là vật có thể kiềm chế. Chỉ còn có một cách là

(1) Đời Tam quốc, Trần Đăng nói với Lã Bố rằng: "Tào công nói nuôi Lã Bố như nuôi chim ưng, cáo thỏ chưa hết thì không dám cho ăn no, ưng sẽ bay mất v. v...". Ở đây dùng ý ấy.

giết đi mà thôi. Nhưng giết hắn cũng phải có mẹo. Bệ hạ hãy nên coi hắn như người tâm phúc, đãi hắn với vẻ lễ mạo, cho hắn ra vào nơi cung cấm, không tỏ vẻ gì nghi kỵ này khác. Rồi đó, thỉnh thoảng lại mời hắn vào điện bàn việc, luôn thể đặt tiệc cho hắn uống rượu thật say. Vài lần như thế, để cho hắn quen đi mà coi là thường, bấy giờ mới dùng thuốc độc mà giết. Như vậy, việc làm mới khỏi bị lộ, biến loạn cũng không thể do đâu mà xảy ra được. Theo ý của lũ thần, chỉ có mẹo ấy là hay hơn cả!

Hoàng thượng nói:

- Chuyện này ra ở miệng các ngươi, vào trong tai trẫm, đừng để cho người nào biết. *Kinh Dịch* có câu rằng: "Làm vua không kín chuyện thời mất bề tôi, làm bề tôi không kín chuyện thời mất thân mình". Các ngươi phải lấy đó làm răn. Bao giờ gặp cơ hội có thể làm được, trẫm sẽ bảo với các ngươi.

Thực là:

Âu quen trên biển chừng không lạ[1].
Thỏ mắc trong vòng hẳn khó ra[2]

Chưa biết việc này như thế nào? Hãy xem hồi sau phân giải.

---

(1) Theo sách *Liệt tử*: xưa trên biển có người chơi với chim âu đã quen thuộc. Một hôm anh ta theo ý người cha, định bắt chim âu về cho cha chơi, chim âu bèn không chịu đậu xuống nữa. Câu này ý nói việc vua Lê định lừa Hữu Chỉnh uống rượu cho quen để đánh thuốc độc cũng giống như thế.

(2) *Kinh Thi* có bài thơ *Thỏ ta* ý nói đời Văn Vương, đến những người làm nghề bẫy thỏ cũng có thể dùng làm quan. Thỏ ta là cái bẫy đánh thỏ. Ở đây tác giả chỉ mượn hai chữ ấy để nói một khi Nguyễn Hữu Chỉnh đã mắc vào cạm bẫy thì khó mà trốn khỏi.

HỒI THỨ TÁM

Dương Trọng Tế bị dâng tù trước nhà Thái học
Hoàng Phùng Cơ phải tự tử ở ngoài Tây thành

Lại nói, sau khi vua đã lập mưu giết Chỉnh, một hôm viên Nội hàn là Vũ Trinh có việc riêng vào yết kiến, vua bèn đem việc ấy bảo kín với Trinh. Trinh giật mình nói:

- Người nào bày cho bệ hạ cái mưu ấy, thần trộm lấy làm nguy hiểm. Hiện nay ở ngoài có giặc mạnh, tin tức ngoài biên ải đang báo về rất khẩn cấp, ở trong triều đình thì mọi người còn nghi ngờ nhau. Bệ hạ đã dựa vào Chỉnh làm nanh vuốt, thì nên đối đãi bằng cách thành thực, để cho y được vui lòng thần phục. Hễ mà biết cách giá ngự, thì kẻ loạn thần có thể thành kẻ lương thần. Sao lại đón trước sự dối trá của người ta để đoán chừng một việc chưa chắc đã có? Hình tích chưa lộ mà nghi kỵ đã sinh. Họ hàng bè đảng của Chỉnh đều cầm nhiều quân và ở nơi trọng yếu, la liệt trong ngoài, một khi xảy ra biến cố, bọn ở Kinh thành sẽ làm việc có hại cho xã tắc, bọn ở các ngoại trấn sẽ chạy theo quân giặc. Ấy là mình tự cắt vây cánh của mình để giúp cho kẻ thù vậy.

Vua liền đổi sắc mặt mà rằng:

- Nếu nhà ngươi không nói, thì có lẽ trẫm bị lầm rồi.

Tức thì vua đòi Vi Quý, Xuân Hợp vào quở trách và bảo

mau mau thôi ngay việc ấy đi.

Về sau Chỉnh biết việc ấy. Rất oán vua bạc bẽo và muốn hại ngầm những người bày ra mưu đó.

Chỉnh bảo với viên tướng bộ hạ là Nguyễn Như Thái rằng:

- Ta đi khắp bốn biển, chưa kẻ nào dám ngó thẳng vào mặt ta. Mấy thằng học trò chưa thông hiểu việc đời ấy là cái thá gì mà dám cả gan như vậy? Chờ khi nào ta xuất quân đánh giặc, sẽ đem chúng để thử gươm xem có sắc không, rồi tống cổ chúng xuống Âm Ty cho chúng gây chuyện với Diêm Vương.

Thái hỏi người nào, Chỉnh trả lời:

- Chính là Ngô Vi Quý và Lê Xuân Hợp, bọn bề tôi thân cận của nhà vua đấy

Từ đó, Chỉnh cứ luôn ở trong dinh thự riêng, không vào triều yết. Mọi việc quân, việc nước, đều sai người vào tâu. Vua có ý kiến nên chăng thì lại sai các đại thần như bọn Phan Lê Phiên, Trần Công Xán, Vũ Trinh đến dinh của Chỉnh để biện bạch cho rõ.

Một hôm, trời rất rét, bọn Phiên ở trong triều, cử Trinh tới nhà Chỉnh.

Trinh người làng Xuân Liên, huyện Lang Tài, nổi tiếng là người có tài và nhanh nhẹn. Chỉnh cũng có ý kính mến. Vua thường dặn Trinh nếu có dịp thuận tiện thì nên biện bạch với Chỉnh về chuyện hiềm nghi trước đó.

Hôm ấy, Trinh đến nhà Chỉnh là để phúc tư về việc quân, ngồi chờ trên linh các mãi không được vào. Một viên công sai nói với Trinh:

- Thượng công đang ở nhà trong uống rượu không phải là giờ tiếp khách, quan lớn hãy về đã.

Trinh nói to lên rằng:

- Việc quân khẩn cấp, không thể báo chậm. Thượng công ngồi chơi, chỉ cách hai tấm cánh cửa, mà tắc tịt không thông; trên nhà dưới nhà mà xa nhau hơn nghìn dặm, thế là cớ làm sao? Tôi có việc công đến đây không phải là đến gặp riêng, về cũng không được!

Chỉnh nghe tiếng, vội sai người dẫn Trinh vào.

Sau khi nói xong. Trinh xin lui. Chỉnh nói:

- Việc ấy đã có bọn tỳ tướng của Quận Thái trông nom, sẽ phát binh phù ngay, không phải phiền đến sứ thần nhà vua phục mệnh. Ông hãy ở đây cùng uống chén rượu đã.

Rồi Chỉnh rót một chén rượu lớn đưa cho Trinh.

Trinh cố từ không nhận. Chỉnh nói:

- Quan Nội hàn nghi tôi chăng?

Trinh đứng dậy tạ lỗi, xin uống và nói:

- Tôi là kẻ bất tài được thu dùng đã là quá lắm. Việc gây dựng cho tôi đều là nhờ ở nhà vua và quan Tể tướng, dám đâu có bụng nghi ngờ như chuyện "cung treo rơi bóng" đời xưa[1].

Chỉnh im lặng không nói gì. Tan tiệc, Trinh ra bảo với viên Thị sư của Chỉnh là Nguyễn Khuê rằng:

- Gần đây lắm kẻ bịa đặt tin nhảm, trăm điều không có một điều thật. Bọn gian đó thêu dệt ra những việc không có căn cứ, để gây sự nghi hoặc cho cả trong và ngoài. Óc suy xét của người tầm thường có khi không khám phá nổi. Nhưng người cao minh như ông lớn nhà ta, chắc là không để những câu nói ấy vào tai. Tuy vậy, về phần hình tích, có lẽ ngài cũng

(1) Theo *Tân thư*: xưa Nhạc Quảng mời bạn uống rượu, cái cung treo ở trên tường soi bóng vào trong chén, người bạn tưởng là con rắn, uống xong về nhà thành bệnh. Sau Quảng mời bạn đến uống rượu một lần nữa ở chỗ ngồi trước kia và chỉ cho bạn biết rõ là bóng cái cung đi vào trong chén rượu, bấy giờ người bạn mới khỏi bệnh. Đây mượn ý để chỉ sự nghi ngờ.

chưa khỏi lầm lẫn; tôi sợ rằng vì thế mà họ lại bịa ra nhiều chuyện. "Cọp ở chợ"[1] là việc không thể có, nhưng đến ba người nói thì người nghe cũng không rõ là có hay không. Huống chi những kẻ bịa chuyện, lại không phải chỉ có ba người mà thôi. Vì thế, tôi muốn nói rõ sự tình ấy, để dứt mối hiềm nghi từ lúc còn nhỏ bé, khiến cho giữa vua và tôi, tình ý thông suốt, trên dưới yên ổn với nhau, há chẳng hơn hay sao?

Khuê trả lời:

- Vâng! Ông hãy cứ về.

Sáng mai, nhân lúc rảnh, Khuê đem lời Trinh thuật lại với Chỉnh. Chỉnh nói:

- Lời người ta nói cố nhiên không thể tin cả, nhưng cũng không thể hoàn toàn không tin. Ta hãy xem kỹ, nhà vua là người nhẫn tâm và đa nghi, việc ấy chắc có. Tuy vậy, dù có dù không, cũng chẳng làm gì được ta. Vả chăng, trong lúc bốn cõi còn nhiều giặc giã, hãy gác chuyện đó lại, khoan nói đến.

Lại nói, Dương Trọng Tế từ khi ở làng Bình Vọng rút quân chạy sang Kinh Bắc, liền cùng cháu là Dương Vân, học trò là Nguyễn Mậu Nễ, đắp đồn luỹ ở huyện Gia Lâm để chống giữ và lo tính việc khởi binh. Vừa lúc đó, chúa Trịnh chạy đến làng Quế Ổ[2], cho người đến gọi Tế. Tế nói:

- Vừa rồi, việc đi Thanh Hoa, trong phủ có Bùi Nhuận là võ tướng, Mai Thế Uông là thổ quan, chúa không sai hai người ấy mà lại dùng ta trước để thử quân giặc. Đó là chúa muốn đem ta mà cho giặc vậy. Bởi chúa đãi người không thật

---

(1) Theo *Chiến quốc sách*: Bàng Thống nói với vua nhà Ngụy rằng: một người nói ở chợ có cọp thì vua không tin, nhưng hai ba người nói ở chợ có cọp thì vua sẽ phải tin, - ý nói tuy lời gièm pha không thật, nhưng nhiều người nói thì người nghe cũng phải tin.

(2) Nay thuộc huyện Quế Võ, Bắc Ninh.

cho nên mới đến thế này. Bây giờ cùng chúa mưu tính việc lớn, đã có một lũ võ biền ở làng Quế Ổ, vời ta làm gì?

Rồi Tế chối là việc quân khẩn cấp, không thể đến được. Tế tự mộ lấy vài ngàn người tráng đinh, đắp luỹ từ làng Như Kinh đến làng Phú Thị[1] dựng lên ba đồn, chia quân đóng giữ. Tế cho Vân làm chức Bình định tướng quân, Nễ làm chức Tham tán quân vụ. Lại đưa hịch đến các Quận bên cạnh, kể cái tội nhà vua dựa vào Chỉnh mà đuổi chúa. Lời hịch đại lược như sau:

" Trong hồi nguỵ Mạc, nhà Lê đã không còn nước. Nhờ có Thái Vương họ Trịnh giúp cuộc trung hưng, công nghiệp thấu đến trời đất, phúc khánh để cho con cháu. Hai trăm năm nay, vua Lê chỉ việc khoanh tay rủ áo, chúa Trịnh coi hết mọi việc chính sự; thần dân trong ngoài cùng tôn phò và kính mến, không ai có lòng nào khác. Tên Nguyễn Hữu Chỉnh vốn là một kẻ vong mạng, thoát chết, mưu đồ làm việc càn rỡ, đem giặc ngoài vào phá phách nước nhà, giết chủ cũ mà làm hại nhân dân, xướng ra câu "diệt Trịnh", mượn cái tiếng "phò Lê". Vua Lê Chiêu Thống là người do quân Nam và Chỉnh lập nên.

Nể giặc lập mình, quên ân nghĩa tám đời chủ suý; đốt phủ đuổi chúa, tựa vào sức một lũ loạn thần. Đã không xứng đáng làm vua, lấy gì tiêu biểu cho nước. Tôi là viên đài thần[2] của tiên triều, nghĩa không thể nín. Nay sắp dấy quân giết Chỉnh, tìm lấy người hiền trong họ vua cháu chúa mà lập lên để nối cơ nghiệp vua, chúa thuở trước. Hẹn đến ngày mồng một tháng nọ sẽ kéo quân qua sông Nhĩ Hà. Các vị hào kiệt bốn phương người nào đồng chí với tôi, đều nên đúng hẹn

(1) Như Kinh nay thuộc Văn Giang, Hưng Yên. Phú Thị thuộc Gia Lâm, Hà Nội.
(2) Đài thần tức là chức Ngự sử.

họp quân, hợp sức tiến đánh, công khôi phục kíp sớm hoàn thành, nghĩa đồng hưu cùng ghi vĩnh viễn..."

Các thổ hào ở vùng Từ Sơn, Thuận Thành thấy lời hịch chỉ trích nhà vua, giọng nói ngược ngạo, họ bèn nói với nhau rằng:

- Danh đã không chính thì lời nói cũng không thuận, mà việc sẽ không thành. Chúng mình đều là bề tôi của nhà vua, không nên theo y để chuốc lấy vạ.

Bởi vậy, chẳng một người nào hưởng ứng với Tế: mà những người đã nhóm họp với Tế rồi cũng rút về dần dần, thành ra người giúp Tế càng ngày càng ít đi.

Vả chăng bọn Tế, Vân sẵn có tính tàn bạo, hay cướp bóc của nhân dân. Nễ lại là tên ty bỉ dung tục, không hiểu biết gì, nên ai cũng chán ghét.

Lúc bấy giờ có người Giám sinh ở huyện Văn Giang, bắt được tờ hịch của Tế, chạy lên báo với vua. Vua xem hịch giận lắm, vội vàng cho gọi Chỉnh mà bảo rằng:

- Trọng Tế xuất thân ở hàng Tiến sĩ, sao lại được khinh vua. Trước đây y đã gọi trẫm là vua "lông đỏ"[1] và xé tờ chỉ dụ của trẫm trước mặt sứ giả. Nay y lại viết ra tờ hịch, không kiêng sợ gì cả. Thằng giặc ấy mà không giết thì lấy gì để răn kẻ khác. Vậy phải cho quân đi đánh ngay.

Chỉnh lạy hai lạy, vâng mệnh lui ra, rồi sai Nguyễn Như Thái và Hoàng Viết Tuyển đem quân đi đánh Tế.

Lúc sắp đi, Chỉnh dặn họ rằng:

- Trọng Tế chiếm giữ vụng trộm mấy thôn ấp ở quê mình, chẳng khác con cáo nương nơi gò cũ. Thứ quân nhà quê của y cũng như bầy dê chăn ở ngoài đồng, cầm roi mà

(1) Ý nói Chiêu Thống theo Tây Sơn.

đuổi là chạy, có cần gì phải đánh! Các ông cứ gióng trống mở cờ, đến thẳng dưới luỹ. Chắc hắn chỉ có hai cách: không hàng thì chạy. Hắn hàng thì điệu ngay về, không được cướp bóc làng xóm. Hắn chạy thì không cần đuổi đến cùng, sợ sinh ra việc rắc rối khác. Ta nghe nói người vùng Kinh Bắc oán hắn đến tận xương, hắn chạy đến đâu chắc không có ai chứa chấp, sớm muộn thế nào họ cũng bắt hắn đến cửa quân cho hắn nộp đầu mà thôi.

Thái, Tuyển vâng mệnh dẫn quân qua sông.

Tế nghe tin báo, liền gọi bọn Vân và Nễ bàn việc chống cự, Vân nói:

- Giả sử Chỉnh tự đến đây, cũng không phải là kẻ đối thủ của cháu. huống chi mấy thằng thiên tỳ[1] kia thì làm được trò trống gì? Cứ cho chúng nó đến để chịu chết. Chém đầu hai đứa ấy trước, rồi kéo tràn sang sông, bắt Chỉnh và dựng nước đều ở cả một chuyến này. Quan chú không phải lo lắng làm gì!

Tế mừng lắm, cho là phải, rồi cười nói:

- Cửa chùa đã có thiên thần hộ pháp, khắp ba ngàn thế giới, mười lăm loài quỷ tự nhiên đều phải lui bước nghe theo. Đức Phật Thế tôn chỉ việc chắp tay ngồi trên toà sen nhận lễ dâng cúng mà thôi.

Mậu Nễ nói:

- Tôi xin sắp sẵn trâu rượu, chờ khi tới Kinh mở tiệc uống cho thật say. Lần này quan thầy sẽ là đức Phật sống của nước Nam Việt, trăm nghìn Phật La Hán chắc đều phải hiện chân thân để nghe ta chỉ vẽ.

Chú cháu, thầy trò tâng bốc, khoe khoang lẫn nhau không còn để ý gì đến việc binh nữa. Chợt có tin báo quân

(1) Thiên tỳ là những quan võ giúp việc cho chủ tướng.

của Thái, Tuyển đã đến. Tế bèn lấy thanh gươm trao cho Vân và nói:

- Kinh thư nói rằng: "Nãi ngôn để khả tích"[1]. Phải nhớ lấy nhé!

Vân lạy hai lạy, nhận gươm lui ra, rồi dẫn quân lên mặt luỹ, phấp phỏng dòm ngó. Thấy thế quân của Thái, Tuyển rất mạnh, Vân bắt đầu tỏ vẻ lo sợ. Vả chăng, quân của Vân mới mộ đều là hạng người ô hợp chưa qua trận mạc bao giờ, tai mắt chưa quen thuộc với chiêng trống cờ xí, họ tưởng đó cũng như những đám rước thần, cúng Phật ở thôn quê mà thôi.

Vân dựa vào luỹ mà dàn trận. Thái, Tuyển chia quân làm hai đường cùng đánh ập lại. Súng và hoả hổ cùng nổ ran một lúc, xa gần rung động, khói lửa ngút trời. Quân của Vân kinh hãi, tan vỡ, không sao ngăn được. Vân hoảng hốt, cuống quít không biết làm thế nào, bèn cởi bỏ áo trận, rồi chạy trốn.

Trọng Tế ở trong đồn Lạc Đạo[2] cho người đến dò, thì Vân đã bỏ đi đâu mất chỉ thấy hai đạo quân của Thái, Tuyển đang trèo lên luỹ, chém giết tứ tung.

Người do thám sợ hãi chạy về báo tin. Tế nghe nói, vội vàng đứng dậy, ruột gan rối bời, chưa biết tính liệu ra sao? Lại thấy quân lính tan tác, mỗi người chạy mỗi ngả. Tế trông trước, nhìn sau, chẳng biết làm thế nào, bèn ngửa mặt lên trời mà kêu rằng:

- Trời ơi, chỉ tại trời không phù hộ nhà chúa cho nên mới đến thế này đây!

Rồi Tế dẫn vài tên tay chân vượt luỹ chạy trốn. Chập tối, Tế chạy đến làng Ngọc Xá[3] thì Vân theo kịp. Đêm ấy chú

(1) Nghĩa là lời người đưa đến thành công.
(2) Tên xã thuộc Gia Lâm, Hà Nội.
(3) Sau đổi là Yên Xá, thuộc huyện Cẩm Giàng, Hải Dương.

cháu bàn với nhau vào ngủ nhờ ở nhà một người dân trong làng. Vân nói với Tế.

- Xin chú trước hết hãy vào Quế Ổ ra mắt chúa, chúa vốn tin và trọng chú, thấy chú chắc là mừng. Hơn nữa, ở đó đều là những người võ biền, được chú là văn thần bày mưu tính kế, chỉ huy mọi việc cho, thế nào chúa cũng nghe theo. Nhân cơ hội ấy, mình sẽ thu thập tàn quân để tính việc về sau. Chẳng qua chỉ trong mươi ngày, thanh thế nổi lên là lại có thể làm nên việc.

Tế nói:

- Không được! Trước đây chúa cho gọi ta, ta chối không đến. Bây giờ thua trận mà đến, thì lấy cớ gì mà nói. Vả chăng như thế thì còn mặt mũi nào? Mà rồi những người ở Quế Ổ còn coi ta ra gì? Trước đây ta đã cộng sự với Quận Nhưỡng, rất là tương đắc. Nay nghe ông ta chiếm giữ vùng Hàm Giang, và hiệu triệu nhân dân vùng Hải An, thủ hạ có tới vài vạn, thuyền bè đầy sông. Ông ta là tay tướng giỏi, ta nên đến ngay Hàm Giang, mưu tính với ông ta, rồi xin với chúa dời xa giá về đó, bọn người ở Quế Ổ không thể không theo chúa tới họp. Nhân đó ta bảo họ nổi lên ở xứ Bắc, cháu đem một cánh quân đi cùng họ; Quận Nhưỡng thì nổi lên ở xứ Đông; ta thì phò chúa, đốc chiến. Các đạo hẹn nhau cùng cất quân trong một ngày, việc lớn chắc có thể thành. Không như trước đây, chỉ một toán quân chơ vơ, đến nỗi bị giặc uy hiếp.

Vân nói:

- Phải lắm! Nhưng từ Ngọc Xá đến Hàm Giang đường sá xa xôi, mà mình chỉ có năm sáu người lủi thủi đi đường, bộ dạng tiều tuỵ, trông chẳng ra sao. Vả lại, vạn nhất xảy ra biến cố gì, giữa đường tay không, lấy chi mà chống đỡ. Vậy cháu xin mộ lấy dăm sáu chục tên lính, khí giới sắc bén, mở cờ gióng trống mà đi; sớm lên đường chiều tới nơi, Quận

Nhưỡng thấy thế cũng không đến nỗi khinh mình.

Tế nói:

- Ý kiến của cháu cũng đúng. Cháu nên gấp rút đi mộ quân lính, hẹn chiều tối hôm nay phải đến đây ngay.

Không ngờ chú cháu y bàn luận cả đêm như thế, đều bị người trong nhà nghe thấy hết và biết rõ chuyện. Nửa đêm, họ liền đi báo với viên ấp trưởng. Sáng dậy khi Vân đã đi rồi, viên ấp trưởng liền đem vài chục bộ hạ cầm khí giới và khiêng một cái cũi đến, bảo với Tế rằng:

- Mời quan lớn vào trong này. Đã có quân của Quận Tuyển chờ ở gần đây, xin sẵn sàng hộ tống ngài về Kinh yết kiến cụ Bằng Trung công.

Tế vờ thất kinh mà rằng:

- Các ông lầm rồi? Tôi là học trò xứ Hải Dương, tới Như Kinh kiếm nơi dạy học, thình lình gặp việc binh đao, nên lại trở về xứ Đông, có việc gì mà phải yết kiến bậc quý nhân trong triều.

Người ấp trưởng cười mà nói:

- Quan lớn đừng có dùng miệng lưỡi nói dối người ta! Trước đây ngài đã bay lượn ở vùng Thăng Long, gầm hét ở hạt Kinh Bắc, tự cho là người tài giỏi độc nhất trong nước Nam. Học trò Hải Dương đâu có khí thế ấy? Bây giờ xin mau mau vào cũi để họ khiêng đi cho sớm. Đừng nhiều lời làm gì, mệt sức vô ích!

Rồi họ đẩy Tế vào cũi, giải đến dinh quân của Tuyển. Những nơi cũi Tế đi qua, nhân dân đều đổ xô ra hai bên vệ đường để xem. Có người gọi Tế mà bảo:

- Ông nghè sao lại đến thế, tức thay thằng kẻ cướp vô lại kia sao lại lọt lưới?[1]

(1) Chỉ Dương Vân.

Trước đó, khi bọn Tuyển cầm quân ra đi, Chỉnh đã có lời răn bảo. Đến lúc bắt sống được Tế rồi, Tuyển liền đem quân thắng trận trở về, hết thảy đúng như lời Chỉnh đã dặn.

Các quan trong triều đến dinh Chỉnh, mừng việc thắng trận, ai cũng tấm tắc khen ngợi và khâm phục.

Riêng Trần Công Xán lại nói:

- Không phải ông có tài tính liệu tình hình địch mà chỉ vì Tế vô mưu "Giống vật thương tình đồng loại"[1] thật là đáng buồn!

Chữ "vô mưu" ở đây là Trần Công Xán ám chỉ việc Trọng Tế viết tờ hịch chỉ trích vua Lê trước kia.

Vua nghe tin đã bắt được Tế, liền sai thảo bản kể tội của Tế, để làm cho nghiêm chỉnh pháp điển. Chỉnh tâu:

- Xin kéo hắn ra cửa Bắc mà chém đi là xong, chẳng cần phải làm bẩn bút mực?

Phan Lê Phiên nói:

- Với tên giặc khác cố nhiên là như vậy. Nhưng Tế là người học hành thi đỗ, xuất thân trong hàng Tiến sĩ mà dám làm việc phản nghịch như thế, thật là kẻ tội nhân trong danh giáo. Sao được chết một cách yên lặng như vậy? Bởi thế, cần vâng theo chỉ ý của Hoàng thượng, nêu rõ tội ác của y, để cho người khác thấy y mà biết răn mình, thì bọn ngang ngược kia mới dẹp đi được.

Rồi Phiên cầm bút thảo lời "Luận tội" dâng lên rằng:

"Làm tôi phản vua, trời đất không còn chỗ chứa; mang tên là giặc, người nước cùng được giết đi. Vậy phải đục bỏ

---

(1) Dịch câu: "vật thương kỳ loại", câu này do ở thành ngữ Thố tử hồ bi, vật thương kỳ loại. nguyên nghĩa là: "Con thỏ chết con cáo buồn, giống vật thương tình đồng loại" ý nói người ta thấy kẻ đồng loại gặp hoạn nạn thì cũng buồn thương. Đây là Xán mượn câu này để ngầm tỏ ý nói Tế cũng là kẻ đáng thương.

tên trong bia Tiến sĩ, dâng tù trước nhà Thái học, để tỏ rõ rằng y đã bị đuổi ra ngoài hàng kẻ sĩ, khiến cho không làm nhơ danh của nhà nho".

Vua truyền " Được", rồi lập tức sai bọn Tuyển mặc quần áo trận, bắt Tế đưa đến nhà Thái học phủ phục chịu tội, rồi điệu đến Trường thi võ mà chém.

Sau đó, vua lại thăng thưởng quân công cho bọn Tuyển, Thái, và theo thứ bậc mà ban cấp tiền bạc cho các tướng sĩ.

Nhân việc này, triều đình lại kiến nghị tâu với vua thăng cho Chỉnh lên tước công một chữ[1], và cho phép mở ra phủ quân Vũ thành, đúc con dấu Vũ thành và để Viện Cơ mật thống thuộc vào đấy. Chỉnh nhân dịp, liền tâu xin cho con trai là Hữu Du làm chức Doanh tướng coi lĩnh toán quân ấy.

Vua ưng cho.

Từ đó, những việc thuộc về quân sự, Chỉnh đều để cho Du điều khiển lấy. Chỉnh lại xây dựng một toà phủ ở phía đông chỗ ở của mình, nhà cửa rất mực lộng lẫy để cho Du ở, theo như lệ. "Thế tử ra ở phủ riêng" của chúa Trịnh. ngày xưa. Bộ hạ của Chỉnh nhân đó cậy thế làm nhiều điều phi pháp. Bất cứ là nha môn nào hay việc gì, hễ đã thấy những giấy tờ đưa đến, có đóng dấu quân Vũ thành, là không ai dám trái lệnh. Vì thế, triều đình không còn kỷ cương gì cả, mà lòng người cũng sinh ra chia lìa.

Người hiểu biết đều cho là thế nào cũng có loạn. Có người cáo bệnh bỏ quan, tìm chốn nhà tĩnh ở nơi xó rừng, góc biển để tránh tai vạ.

Chỉnh cũng biết dư luận không ưa gì mình muốn mượn con đường khoa mục, thu nhặt nhân tài, để mua chuộc lòng

(1) Theo quan chế đời xưa, tước "một chữ " (nhất tự) là cao quý hơn tước có nhiều chữ. Ví dụ: Bằng công to hơn Bằng Trung công.

người, làm chước yên lành về sau. Chỉnh bèn bàn với Lê Phiên tâu xin theo phép "kén học trò theo mười khoa" của Tư Mã Quang nhà Tống, đặc cách mở một Chế khoa[1]. Các quan văn từ tam phẩm trở lên đều phải tiến cử những người mình biết, rồi cho phép họ vào trong sân điện, đối đáp những câu văn sách của nhà vua hỏi, khi ấy các danh sĩ trong nước ai cũng trau dồi chữ nghĩa và đức hạnh để chờ đợi ơn trên. Cả những người làm quan rồi cũng đều hăng hái ứng cử. Bấy giờ là tháng giêng mùa xuân, năm đầu niên hiệu Chiêu Thống (1787). Lúc đó có viên Hiến phó là Ngô Tưởng Đào được cử vào khoa "hiền lương phương chính", dâng biểu cố từ như sau:

"Hiện nay, nhân sau khi sụp đổ, những việc đáng cảm đáng than trong nước, kể không xiết. Không phải chỉ có một đau, hai khóc, ba thở dài[2] mà thôi. Nếu không có tài hơn đời thì sao có thể xoay chuyển được thời thế. Nhưng những bậc kỳ tài, kỳ ngộ, phải đâu hết thảy đều do khoa cử mà ra. Đời nếu có người tài, bệ hạ nên dùng lễ mà mời ra như vua Thang mời Y Doãn ở đất Sằn, vua Văn Vương thăm Lã Thượng ở sông Vị[3], ngõ hầu mới mời được họ đến. Còn như thần đây lạm giữ một chức còn sợ chưa nổi dám đâu làm nhơ đến việc long trọng này, để thương tổn đến sự sáng suốt trong việc cất nhắc nhân tài của thánh triều".

---

(1) Chế khoa là khoa thi do nhà vua tự ra đầu bài và tự chấm lấy văn. Nhưng đời sau, những khoa thi mở bất thường cũng đều gọi là chế khoa. - Đời Tống Triết Tông, Tư Mã Quang xin vua cho đặt mười khoa (10 điều) để làm tiêu chuẩn kén nho sĩ. Mười khoa đó đại để như sau: Có nết; có tiết tháo; có mưu trí và sức khoẻ; thông minh; ngay thẳng; thông kinh sử; học rộng biết nhiều, vv...

(2) Nói theo lời của Giả Nghị trong bài nói về tình hình trị an đời Hán Văn Đế.

(3) Y Doãn là công thần đời nhà Thương, từng cày ruộng ở đất Sằn, vua Thang ba lần đến mời ông mới chịu ra giúp. - Lã Thượng tức Lã Vọng, công thần đời nhà Chu, từng câu cá ở bờ sông Vị, vua Văn Vương đi săn bắt gặp, hết sức kính trọng, đón lên xe mời về triều làm quân sư.

Lê Phiên nghe bài biểu ấy nói với Công Xán rằng:

- Ông ta bảo cần phải có người tài lạ, là muốn nói nước giặc đang nhòm ngó ở bên ngoài, chẳng bao lâu sẽ có nạn binh đao. Mình bỏ việc ấy không lo, mà lại đi mở khoa thi kén học trò, để vờ làm ra vẻ thái bình. Sợ khi quân Nam trở lại, không biết dùng chước gì mà chống đỡ? Đó thật là cái lo trước mắt!

Năm ấy, những kẻ vào điện thi để đối đáp văn sách, có đến hai trăm người. Chỉnh muốn kén chọn cả loạt để thu nhặt danh sĩ trong nước. Nhưng đến khi xướng tên, thì hạng đúng tư cách mà đỗ chỉ có hai người là Trần Bá Lãm và Nguyễn Gia Cát mà thôi. Chỉnh có ý không bằng lòng, cho nên mùa đông năm ấy, Chỉnh lại xin thi Hội ở lầu Ngũ phượng, lấy bọn Bùi Dương Lịch vào hạng Tiến sĩ, tất cả mười lăm người. Nguyễn Khuê là người bà con của Chỉnh đỗ vào thứ tư, dư luận trong ngoài có ý chê là tư vị.

Nhắc lại, khi Chỉnh ở Nghệ An về triều, được vua trọng dụng, các thân thần, cựu thần của nhà vua chẳng ai được ở bên Chỉnh. Vì vậy, Chỉnh làm việc gì cũng trôi chảy, không còn lúc nào nghĩ đến tình hình nước địch và công việc ở ngoài biên cương nữa.

Lúc ấy, những người ở ngoài đối địch với Chỉnh, thì phía tây có Quận Thạc, phía đông có Quận Nhưỡng, Chỉnh đều xem khinh. Mỗi khi chuyện trò với ai, Chỉnh vẫn thường nói:

- Nhưỡng tuy là dòng nhà tướng nhưng là người thô lỗ, không thạo mưu cơ làm tướng. Xưa kia ở dưới cửa tiên công[1], y vẫn coi ta là bậc anh. Về sau vì sự gặp gỡ khác nhau, thành ra mỗi người một ngả. Chắc Nhưỡng không dám

(1) Chỉ Quận Huy.

tranh giành với ta, mà ta cũng không nỡ đánh nhau với Nhưỡng, hãy để y ra ngoài đã. Đến như Quận Thạc thì chỉ là người dũng mãnh mà lúc gặp việc cần ứng biến thì không phải là giỏi. Vả nay y đã tuổi già sức yếu, nên cũng không đáng sợ nữa.

Vừa lúc đó, có người thân của Chỉnh là Lệ Vũ ở Sơn tây về, nói với Chỉnh rằng:

- Quận Thạc trước đi Hưng Hoá, chiêu dụ mấy viên quan Mường, mở lò đúc khí giới. Hiện nay đồ đảng ở bốn trấn có đến vài vạn, ông ta đang truyền hịch cho các thổ hào trấn Sơn Tây hẹn ngày đem thủ hạ vào kinh. Nghe đâu ông ta có sai người đem tờ biểu bí mật dâng lên nhà vua, ông có biết không?

Chỉnh nói:

- Ta biết rồi. Trong tờ biểu, Quận Thạc trình bày rằng: "Trước đã trái luật làm tan mất quân đội, sau về bảo vệ Kinh thành lại không nên công trạng gì, nhờ hoàng thượng có lòng bao dong, lại cho làm chức Trấn thủ để bù lại tội xưa. Ngày nay có lòng luyến nhớ cửa khuyết, lại sợ ý ấy chưa được rõ ràng, kẻ không ưa sẽ được thể chỉ trích, đổ cho tiếng xấu, nên còn dùng dằng chưa dám tới ngay...". Hoàng thượng có đưa tờ biểu cho ta xem. Ta đã đoán ngầm được ý của Thạc, chắc y không dám dùng quân sự chống cự lại ta, mà chỉ muốn giảng hoà. Y ở ngoài lâu ngày, tình thế cách trở, đâm ra nghi hoặc, sợ Hoàng thượng không tin dùng. Mà đột ngột về Kinh, thì lại sợ có ta ở trong triều, chưa biết hoạ phúc thế nào, nên mới dâng trước tờ biểu ấy để dò xem ý tứ của triều đình đó thôi. Ta cũng muốn tâu xin Hoàng thượng giáng chỉ triệu y, nhân tiện ta gửi cho y một lá thư, nhưng khó kiếm được người xứng đáng để sai đi. Ngươi đã biết rõ tình hình thì nên theo

sứ giả của nhà vua mang thư đi cùng.

Lệ Vũ xin vâng lời. Chỉnh bèn viết thư gửi cho Quận Thạc, đại lược như sau:

"Trước đây tướng quân lên miền thượng du, xếp đặt công việc ngoài bờ cõi, trèo đèo vượt suối, thật là vất vả. Nếu tướng quân có ý muốn chuyên giữ một phương để che chở cho miền tây, thì tôi xin đề đạt ý ấy lên nhà vua, cho phép tướng quân tuỳ ý mà làm. Nếu tướng quân cho rằng ở trong quân ngũ đã lâu, sức lực suy yếu, muốn nghỉ việc quân cơ, thì tôi dám đâu không giúp đỡ tướng quân chọn một địa vị tốt đẹp để cho tướng quân giữ trọn công danh, làm bậc túc tướng[1] của tiên triều? Kẻ đại trượng phu ở đời chỉ có hai con đường là "hành" và "chỉ", cần phải sơm sớm chọn lấy một. Mong tướng quân tính liệu lấy".

Lúc mới nghe có mệnh nhà vua đòi, Quận Thạc liền ra ngoài sân để bái nhận và hạ lệnh cho tướng tá kiểm điểm binh mã chờ ngày lên đường. Đến khi mở thư Chỉnh ra, Quận Thạc bỗng nổi giận bảo Lệ Vũ:

- Mày là người riêng của Chỉnh phải không?

Sứ giả đỡ lời:

- Thư này Bằng công đã trình lên Hoàng thượng xem; như vậy người đưa thư chắc là do Hoàng thượng sai đi, không là người riêng.

Thạc nói:

- Tục ngữ có câu: "Bò con mới đẻ không biết sợ cọp". Chính là bảo hạng người như Nguyễn Hữu Chỉnh đây? Ta là con nhà võ biền, không biết văn hoa che đậy, việc gì cũng cứ thẳng băng mà làm. Điều gì không bằng lòng, chỉ biết có lưỡi

(1) Túc tướng là vị tướng cũ đời trước còn lại.

gươm mà thôi. Này ta nói cho các ngươi nghe: Nguyễn Hữu Chỉnh trước thì phản bội nước nhà mà giúp Tây Sơn, sau lại ở hai lòng mà chiếm giữ đất Nghệ An. Đến khi Tây Sơn không nhìn nhận, người Nghệ An không dong, mới quay về với Hoàng thượng. Các vị quan văn lại bị hắn lừa dối, để cho hắn có thể mượn mệnh lệnh nhà vua, sai khiến người trong nước. Riêng có Dương Trọng Tế chống cự với hắn, nhưng vì không có nghĩa lớn, cho nên hắn có cớ mà nói. Quận Nhưỡng lại là bạn quen của hắn, thành ra chỉ bay lượn ở vùng Hàm Giang, không dám vượt lên một bước, tiến về Kinh đô mà hỏi tội hắn. Hiện nay riêng ta thề lấy việc đánh Chỉnh làm trách nhiệm của mình. Các ông hãy về bảo với Chỉnh rằng: hắn quen dùng ngón gian trá, giảo quyệt để lừa dối người trong nước, nhưng lừa dối thế nào được ta đây. Ta nay vâng chỉ về triều để hỏi tội hắn. Nếu hắn có thể đánh với ta, thì nên ra ngoài thành vài dặm để chọi nhau cho tiện, đừng để kinh động đến cung khuyết. Bằng không thì hắn nên ra chịu tội ở ngoài cửa Đại Hưng, đã có triều đình xử trí.

Rồi đó, Quận Thạc tiễn sứ giả về Kinh, lại viết tờ biểu "xuất sư" dâng lên nhà vua, đại lược nói:

"Trước đây, thần vâng mệnh ra trấn Sơn Tây, vừa lúc ấy Nguyễn Hữu Chỉnh từ Nghệ An vào chầu. Bệ hạ cho rằng Chỉnh có công tôn phò, nên giao việc chính trị trong nước cho hắn. Đứa tiểu nhân đắc chí, dần dà mưu đồ làm việc không hay. Cứ như ngu ý của thần, thì Chỉnh không phải là người bề tôi thuần phục, mà là đứa tự mưu lợi riêng. Xem việc hắn làm, giống như ma quỷ; xét bụng hắn nghĩ, độc hơn hùm beo. Cúi xin bệ hạ xét rõ, cho phép thần được trị hắn ngay từ lúc đầu, để hắn không thể rông rỡ làm ác về sau, thì thật là phúc cho xã tắc...".

Tiếp đó, Quận Thạc đưa tờ hịch đến các lộ Quốc Oai, Quảng Oai, kể rõ tội ác của Chỉnh, gọi Chỉnh là tên giặc ở cạnh nhà vua, nguyền thế nào cũng giết Chỉnh để triều đình được trong sạch.

Chỉnh nghe tin Quận Thạc đem quân đến, nổi giận nói:

- Tên giặc già này thật đáng giết! Không muốn làm người công danh ở thế gian, lại muốn theo gót thằng Trọng Tế làm con ma phản nghịch ư?

Rồi Chỉnh vào tâu với vua, xin sai bộ tướng là Lê Duật đem quân đi đánh Quận Thạc; còn tự mình đốc xuất đội quân lớn theo sau tiếp ứng.

Duật đến làng Đại Phùng[1] thì Quận Thạc cũng vừa tới đó. Hai bên mới giao chiến được một trận thì quân Duật không chống nổi đã vứt bỏ khí giới mà chạy. Con trai Quận Thạc là Gia Vũ xin thừa thắng đuổi tràn, khiến hậu quân của Chỉnh kinh sợ. Để có thể giữ được toàn thắng.

Quận Thạc không nghe mà nói:

- Quân lệnh sớm nay đã truyền là đúng trưa họp ăn ở làng Đại Phùng. Các quân lính đang đói mệt chờ đợi nghỉ ngơi ăn uống, thì quân giặc thình lình kéo đến; ta mới vẫy quân một cái mà đã đánh lui được chúng, bây giờ nên nhân đấy mà truyền cho quân lính ăn cơm là phải, nếu lại khua cho họ tiến lên, chiều tối đến Kinh thành, giặc tất nhiên dốc hết quân ra liều chết mà đánh, lúc đó quân ta vừa mệt vừa đói, quân ta lấy sức đâu mà chống? Binh pháp có nói: "Quân đi hàng trăm dặm để kiếm lợi, sẽ què thượng tướng"; đó là con đường nguy hiểm. Hãy cứ nghỉ quân mà ăn uống, ăn rồi thúc trống tiến lên, gặp giặc là đánh, ăn no khí mạnh lo gì không

(1) Nay thuộc huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây.

thắng địch? Vả lại, ta bắt Chỉnh như bắt trẻ con, có cần gì mà phải gấp vội để cho thất tín với quân lệnh.

Quận Thạc bèn truyền lệnh khua chiêng cho quân tạm nghỉ. Duật chạy đến nửa đường, ngoảnh lại trông biết là quân Thạc không đuổi; lại sợ Chỉnh đến sẽ bị quở phạt, liền thu quân, dàn thành trận, quay trở lại đánh Quận Thạc. Quân của Quận Thạc đang ngồi lên khí giới mà ăn, hàng ngũ lộn xộn chẳng đâu vào đâu. Thấy quân Duật ào đến, quân Quận Thạc không kịp đánh lại, sợ hãi, tan vỡ, chạy tứ tung. Lúc ấy Quận Thạc đang ngồi trên đình Đại Phùng, vội vàng trèo lên mình voi, thủ hạ chỉ còn vài chục người, xúm quanh thân voi, ra sức mà đánh. Quận Thạc ngồi trên bành voi, ném lao giết chết quân Duật chừng vài trăm người. Duật không dám lại gần. Chốc lát thấy Chỉnh đem đại quân kéo đến tiếp ứng. Duật liền vẫy quân vây quanh voi của Quận Thạc, lấy giáo dài mà đâm. Quận Thạc co voi vào bãi cát, rồi xuống voi nhẩy phốc lên ngựa, múa đao chém vung tàn tán, người ngựa qua lại như bay. Gia Vũ ở phía sau trận phi ngựa hô lớn, xông lên phía trước, lăn xả vào đánh giết, làm bị thương quân địch rất nhiều. Một viên tỳ tướng của Quận Thạc là Hoàng Đăng tập hợp được vài trăm tên lính tản mát cũng quay trở lại hợp sức mà đánh. Chỉnh trông thấy thế, sợ Quận Thạc thoát thân được thì sẽ phi ngựa trốn mất, bèn vẫy quân Thiết đột vây kín bốn mặt, nhằm vào ngựa Quận Thạc mà bắn.

Ngựa què, Quận Thạc bị Duật bắt sống. Gia Vũ, Hoàng Đăng liệu chừng không thể chống nổi, đều theo lối Thượng Hiệp[1] mà tháo lui.

Trận này, Quận Thạc tự mình đốc suất các phiên thần Hưng Hoá, thổ mục Sơn Tây, lại hợp với quân của cả hai trấn,

(1) Tên xã, thuộc Sơn Tây (cũng ở gần vùng Đan Phượng).

khí giới rất là sắc bén. Sau khi thua một trận hết thảy đều bị thu bắt, không còn sót một thứ gì. Do đó, oai danh của Chỉnh rung động khắp cả thiên hạ.

Tin thắng trận về đến Kinh thành, các quan vào mừng. Vua Lê miễn cưỡng ra ngự triều, rồi nói riêng với Ngô Vị Quý rằng:

- Quận Thạc không phải là bề tôi bạo nghịch của trẫm. Quận Thạc còn sống thì tên gian hùng kia[1] còn e sợ, nay chẳng may mà chết, trẫm rất thương xót, còn mừng nỗi gì?

Tiếp đó, Chỉnh rút quân về và giải Quận Thạc vào Kinh thành tâu xin đem chém.

Vua khuyên Chỉnh rằng:

- Quận Thạc trọng về phần nghĩa nhiều mà ít hiểu về phần lý, cho nên danh với thực không xứng với nhau, hình tích khó mà rõ rệt. Nay thua trận bị bắt, phép vẫn nên chém. Nhưng nghĩ lại lúc Trọng Tế thả quân vây bức Kinh thành, trẫm đứng chơ vơ một mình trong điện suýt nữa mắc phải tai biến bất trắc; nếu không có Quận Thạc, làm gì có ngày nay? Theo như phép "Bát nghị"[2] đời xưa, cũng đều là tội chết, nhưng phải có phân biệt. Lòng trẫm thật không nỡ, nên bàn lại để cho tỏ rõ cái ơn nghĩ đến công trạng ngày xưa.

Chỉnh đối với Quận Thạc từ trước không có hiềm thù gì, nay đánh một trận mà thắng, khí tức cũng đã hả, lại nghe lời vua khuyến dụ, bèn xin giao cho triều đình bàn lại.

Ngự sử là Ngô Trọng Khuê thảo lời nghị tội khác, trong có câu:

---

(1) Chỉ Nguyễn Hữu Chỉnh.

(2) Theo sách *Chu lễ*, hình phạt có "Bát nghị" (tám phép bàn) chia ra tám loại: người thân của vua, người có công, người có tài, người quý hiền vv.., để xét xử phân biệt khác nhau mà định cách giảm tội..

"Làm quan chống lại mệnh của triều đình, tội vẫn đáng chém: nhưng đem công mà bù với tội, thì sự chết cũng nên có lẽ...".

Vua bèn sai đem Quận Thạc ra ngoài cửa Tây, cho uống thuốc độc.

Quận Thạc lạy hai lạy, rồi uống thuốc độc mà chết.

Lúc Quận Thạc mới bị giải vào thành, nhân dân Kinh đô xúm lại xem. Quận Thạc nói:

- Ta là tên tướng già Hoàng Phùng Cơ đây. Cha con một nhà đã có sáu người chết về việc nước. Phải, trái đã có công luận. Thành, bại là ở lòng trời. Ta không giết được Nguyễn Hữu Chỉnh, thế nào Tây Sơn cũng sẽ giết hắn. Đạo trời báo ứng không bao giờ sai; chỉ tiếc rằng ta không kịp trông thấy mà thôi.

Khi Quận Thạc chết thi hài được đem về chôn ở Sơn Tây, quân và dân ai cũng chảy nước mắt.

Lại nói, Nguyễn Hữu Chỉnh nắm hết quyền bính trong nước, việc gì cũng tự tay của y mà ra. Càng ngày y càng lộng hành, lòng người lìa tan, quan văn quan võ, ai cũng chán nản. Người nào theo lẽ công, giữ phép nước, đều bị bọn tướng sĩ cơ Vũ thành của Chỉnh quấy nhiễu.

Người nào khảng khái dám nói thì nhiều khi bị chúng làm hại, tai hoạ xảy ra bất ngờ không sao mà lường được. Bởi thế, thường thường ai cũng kiêng nói. Cũng có người đã cáo bệnh, trả lại ấn tín, bỏ về nơi làng xóm.

Bọn hào mục gian ác ở đâu thì tụ họp ở đấy, rồi đi cướp bóc lẫn nhau. Ngoài thành vạn dặm, đều là hang ổ của bọn trộm cướp.

Vua lấy thế làm lo, bèn vời viên Tham tụng cũ là Bùi Huy Bích vào triều để hỏi về việc thiên hạ. Bích sợ Chỉnh không dám nói gì, chỉ từ tạ mà rằng:

- Thần may được thi đỗ, nhưng không có tài giúp đời trị nước. Chúa Trịnh xưa cất nhắc thần làm việc trong Chính phủ; lính kiêu dân oan, quân giặc lấn cướp, thần không có một chước gì để cứu vãn. Kinh thành bị hãm, chúa soái mắc nạn, cái tội làm lầm lỡ việc nước ấy, thần thật khó lòng mà trốn tránh. Nay việc nước nhà đã thống nhất, chính sự ban đầu đang sáng suốt, bệ hạ nên tìm lấy những người tài giỏi khác. Còn như thần đây, thì dám dâu làm nhơ đến triều đình, để lỡ việc thiên hạ? Cúi xin bệ hạ cho thần lui về nơi ruộng đồng, làng xóm.

Lúc lui ra, Bích bảo riêng với người thân tín rằng:

- Thiên hạ sắp loạn mất rồi! Từ đây ta cũng bỏ mà đi thôi.

Rồi đó, ông ta đem cả gia quyến dời sang phía Đông.

Viên Đốc đồng trấn Nghệ An là Phạm Huy Khiêm cũng bỏ quan đi lên vùng thượng du huyện Thanh Chương mưu đồ việc khởi quân cần vương. Khiêm có đưa tờ hịch kể tội của Chỉnh, nhưng việc chưa thành thì đã chết[1].

Bấy giờ, trong bọn sĩ phu tại chức, lại có hạng người khác, nặng lòng công danh, lấy việc dẹp loạn, phò nguy làm trách nhiệm của mình. Họ tụ tập các người đồng chí, chiêu mộ quân lính nghĩa dũng. Hào kiệt bốn phương khi nhận được chỉ thư, cũng theo lời hiệu triệu mà đến với họ. Những đám như vậy khắp nơi đều có.

Viên Đốc trấn Cao Bằng là Lưu Tiệp[2] nhận tờ mật chỉ của chúa Trịnh. Còn viên đốc đồng là Nguyễn Hàn[3] lại nhận tờ mật chỉ của vua Lê. Cả hai đều khuyên dỗ bọn phiên mục ở trấn ấy giúp sức, rồi lại cấp phát phù tín, sắm sửa khí giới

(1) Huy Khiêm (có người đọc là Vĩ Khiêm) tức Phạm Nguyễn Du.

(2) Có bản chép là Lưu Côn. Lưu Tiệp quê ở làng Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội

(3) Nguyễn Hàn quê ở xã Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội. Tiệp và Hàn đều đỗ Tiến sĩ.

cho họ, và dặn họ sẵn sàng chờ lệnh đòi gọi. Lúc bấy giờ một trấn Cao Bằng, chia làm hai đảng. Kẻ theo tiết chế của viên Đốc trấn, thì không biết có viên Đốc đồng. Người theo ước thúc của viên Đốc đồng, thì lại không biết có viên Đốc trấn. Hai người ai ở dinh nấy, không chịu họp chung với nhau. Tiếng là đồng liêu với nhau, thật ra chỉ là thù địch.

Tiệp ngầm sai viên phiên thuộc của mình đem thuộc hạ về trá hàng Nguyễn Hàn, rồi lại cho người tới cầu hoà để đòi lại viên phiên thuộc cùng bọn đầu hàng ấy. Hàn không biết là mẹo lừa, cứ nhận bọn đầu hàng mà cự lời xin của Tiệp. Tiệp liền đem quân vây đánh Hàn. Bọn trá hàng bấy giờ mới nổi lên làm nội ứng cho Tiệp, quân của Hàn tức thì rối loạn tan vỡ. Hàn hoảng sợ vội vàng bỏ chạy, bị giết liền. Vợ con của Hàn ở trong dinh cũng đều bị giết tất cả. Do đó, trấn Cao Bằng rối loạn lung tung. Bọn hào mục kẻ nào giữ ấp trại của kẻ nấy, rồi đem quân đánh giết lẫn nhau. Tiệp cũng không thể ngăn nổi.

Cùng lúc đó, Hà Quốc Ký ở Lạng Sơn, Triệu Văn Chương ở Thái Nguyên, Hoàng Văn Đồng ở Tuyên Quang, Đinh Văn Hồ ở Hưng Hoá và các tù trưởng ở vùng Phù Sũng, Lĩnh Tây cũng đua theo, đâu đó đều chống lại mệnh lệnh của triều đình, quan lại ở trấn có người cũng bị chúng đuổi. Khắp trong bốn cõi không còn chỗ nào yên tĩnh.

Thật là:

Quạ cáo tranh nhau, không đáng ngại.
Cọp rồng đánh lộn, mới ghê thay!

Chưa biết đại thể ra sao? Hãy chờ hồi sau phân giải.

HỒI THỨ CHÍN

Tướng Tây Sơn Võ Văn Nhậm đem quân lấn ngoài bờ cõi
Quan Bình chương Trần Công Xán vâng mệnh
bàn việc biên cương

Lại nói, khi ở Cao Bằng bắt đầu nhóm lên việc binh đao, Lưu Tiệp, Nguyễn Hàn đều có sai trạm đưa thư về Kinh cáo biến. Tiệp bảo Hàn là phản nghịch. Hàn bảo Tiệp là phản nghịch, và cả hai đều nói "hiện nay đã điều quân vây đánh, chỉ khoảng mươi ngày sẽ bắt được kẻ có tội".

Quan Bình chương là Phan Lê Phiên thấy thư ấy, rất kinh hãi mà rằng:

- Hai người đều là bậc thanh cao trong hàng triều sĩ, ra ngoài gánh việc phiên trấn, đáng lẽ phải vì việc công mà quên việc riêng. Sao họ không chịu nén lòng theo nhau, lại đi cầm đầu cho cuộc quấy rối? Đồng loại làm hại nhau, đó cũng là một biến cố lớn! Đáng ghê! Đáng sợ!

Vừa lúc ấy, các viên Trấn thủ ở bốn lộ Lạng, Thái, Tuyên, Hưng cùng đều lần lượt gửi thư hoả tốc về cáo biến.

Vua Lê bèn bàn với Bằng công Nguyễn Hữu Chỉnh. Chỉnh thưa:

- Các trấn đem quân đánh nhau, cũng là thói thường của

bọn tù trưởng ở ngoài bờ cõi, chỉ cần hạ một bức thư, báo cho họ biết đường hoạ phúc, chắc họ sẽ nghe theo; dẹp yên việc ấy, không có gì khó. Riêng việc biến cố ở Cao Bằng thì lại do các viên quan trấn gây ra, bọn tù trưởng trên ấy đều không đáng trách. Cái tội tự tiện đánh nhau, giết nhau, triều đình sẽ phải có phán xử, vậy xin giao xuống cho các quan họp bàn.

Quan Đồng bình chương Trương Đăng Quỹ và quan Tham tri Nguyễn Diệu đều xin gấp rút chọn hai viên Đốc trấn, Đốc đồng khác có tài cán lên coi thay việc trấn và luôn thể hạ chiếu chỉ triệu bọn Tiệp, Hàn về triều, may ra mới dẹp được cuộc rối loạn.

Phan Lê Phiên nói:

- Phải đấy! Rễ chùm, mấu cứng, phải dùng đồ sắc! Viên quan cử lên coi trấn ấy, không thể dễ dàng muốn sai ai cũng được.

Quan Đồng bình chương Trần Công Xán nói tiếp:

- Việc loạn ở Cao Bằng hồi xưa, viên đại thần đã qua đời là Nghĩa Thành Vương[1] vâng mệnh lên vỗ về, ở luôn dưới trấn ấy bảy năm, nhân dân các bản đều mến phục. Sau ông mất tại đó, dân địa phương vì thương tiếc mà nghỉ mấy phiên chợ liền, lại dựng đền mà thờ. Quan Khu mật hiện nay là Nguyễn Đình Tố[2], chính là con của Nghĩa Thành Vương. Ông ta là người rộng rãi có độ lượng, tài xử sự cũng nhanh, vậy xin gấp rút sai đi ngay.

Vua Lê bèn dùng Nguyễn Đình Tố làm Đốc trấn Cao Bằng, lại sai Nguyễn Huy Túc làm phó Đốc trấn. Rồi hạ lệnh giục hai người lên đường đi nhậm chức. Tố nói:

---

(1) Tức Nguyễn Đình Bá.

(2) Người ở Khoái Châu, Hưng Yên.

- Cha thần sinh ở Cao Bằng, mất ở Cao Bằng, thần cũng sinh ở Cao Bằng, nay lại lên đó, việc sau này có thể biết rồi. Vậy xin cho phép mười ngày để thần xếp đặt việc nhà.

Khi hai người lên đến giáp giới tỉnh Lạng Sơn thì nghe tin Hàn đã bị hại. Tố giật mình nói:

- Thương thay! Chết cũng bởi số, nhưng cũng lỗi tại ta đi quá chậm.

Rồi Tố lập tức giục trạm đi dấn lên. Khi trạm đầu báo tin quan Đốc trấn mới là Nguyễn Đình Tố đến, thì tù trưởng các nơi đều vui mừng chờ đón. Lúc Tố đến Cao Bằng thì Lưu Tiệp còn đang đóng cửa thành, đánh nhau với dư đảng của Hàn. Tố vâng lệnh tuyên bố uy lực của nhà vua, bảo hai bên phải giải tán quân lính, rồi thong dong xếp đặt mọi việc, trong cõi lại yên ổn như thường.

Một hôm, vừa gặp lúc đến yết kiến đền thờ Nghĩa Thành Vương. Tố bảo Nguyễn Huy Túc:

- Tôi nay có lẽ sắp đi với tiền nhân, trách nhiệm ở bờ cõi rất nặng, rồi đây sẽ có những việc khó khăn lớn lao. Trấn này thông với đất Trung Quốc, trước đây tôi đã đi sứ, cũng hơi thuộc đường lối, chỉ giận rằng không ở đây nữa. Ông còn ở đây, hãy nên cố gắng mà đương lấy mọi việc.

Tố ngoảnh sang các phiên trưởng mà dặn rằng:

- Sau khi tôi đi rồi, các ông chỉ nên nghe lệnh Phó đốc trấn, chớ như vừa rồi, gây ra nhiều việc, thì thế nào cũng có vạ lớn.

Mọi người đều lấy làm lạ mà hỏi, thì Tố nói:

- Điều đó rất khó nói.

Chiều hôm ấy, Tố về doanh rồi chết.

Huy Túc một mặt lo liệu việc ma chay, một mặt viết thư báo tin cho triều đình, rồi vâng chỉ của vua giữ chức Đốc trấn

Cao Bằng.

Lại nói vua Tây Sơn từ lúc rút quân về Nam, đến Nghệ An ở lại mười ngày, giao cho phó tướng Nguyễn Duệ giữ đất này, cùng Đô đốc là Chiêu Viễn đóng quân ở doanh Hà Trung[1].

Sau đó, vua Tây Sơn lại đổi Chiêu Viễn vào đóng ở châu Bố Chánh. Nguyễn Duệ coi doanh Kỳ Hoa; Tả quân Võ Văn Nhậm đóng một đạo binh quan trọng ở Động Hải[2] để làm thanh viện và nương tựa lẫn nhau.

Lúc Nguyễn Hữu Chỉnh theo kịp, Thượng công ngỏ lời yên uỷ dỗ dành, và bảo ở lại Nghệ An làm việc với Duệ. Bề ngoài tuy Thượng công hứa hẹn với Chỉnh bằng những lời ngon ngọt, nhưng lại dặn riêng Duệ rằng:

- Chỉnh vốn người Bắc, trốn về với ta. Xem bộ hắn ta là kẻ phản phúc gian dối, không thể tin cậy. Vả chăng người Bắc oán hắn rất sâu. Ta định bỏ hắn, để cho hắn chết. Không ngờ hắn lại trốn chết cố theo. Nghệ An là quê hương của hắn. Nay để nhà ngươi ở lại đây, ngươi nên xét kỹ lòng người xứ này, xem theo ai chống ai và tình hình động tĩnh của hắn ra sao. Chiêu Viễn ở gần đấy, gọi một tiếng là đến. Tả quân cũng không xa đây lắm, có việc nên chăng, ngươi phải viết thư báo tin cho mau, và cùng bàn định với ông ta. Sống ở nước ngoài đất khách, ngươi phải để ý đề phòng cẩn thận, chớ có dễ dàng tin theo Chỉnh mà mắc mưu của hắn. Ngươi phải cẩn thận lắm mới được!

Sau khi Thượng công về Nam, Chỉnh liền được chiếu chỉ nhà vua vời đưa quân ra Bắc. Lúc đi, Chỉnh để đồ đảng của

---

(1) Thuộc Hà Tĩnh.

(2) Bố Chánh thuộc Quảng Bình. Kỳ Hoa thuộc Hà Tĩnh. Động Hải tức Đồng Hới, Quảng Bình.

mình là Nguyễn Duật ở lại làm việc với Duệ. Ngày chia tay lên đường, Chỉnh hai ba lần dặn dò và mong mỏi Duệ đối xử tử tế với mình; Duệ cũng tiễn đưa Chỉnh rất ân cần, tử tế.

Sau khi Chỉnh nắm được chính quyền, thường thường gửi thư qua lại với Duệ và biếu tặng rất hậu. Rồi Chỉnh lại ngầm sai người gọi Duật về Kinh thành, để hỏi tình hình Tây Sơn và dò ý tứ của Duệ. Khi đã biết vua Tây Sơn và Thượng công đang gây việc binh đao, anh em đánh lẫn nhau, tiếp đó lại được thư của Duệ hẹn cùng chung sức đánh vào phương Nam, thì Chỉnh rất mừng, cho là có thể mưu đồ lấy lại Nghệ An. Chỉnh bèn thu xếp mười lạng vàng và mười tấm đoạn, sai Duật đem vào biếu Duệ, nhân tiện lấy việc lợi hại hoạ phúc mà doạ hắn ta, lại dỗ dành hắn giữ lấy Nghệ An, ngăn chặn Chiêu Viễn, đắp lại luỹ cũ Hoành Sơn, và vạch sông Gianh làm nơi biên giới như việc cũ trước đây[1].

Lúc đó, người do thám của Võ Văn Nhậm ở Nghệ An biết rõ việc ấy, vội vàng về báo với Nhậm. Nhậm lập tức đưa binh phù triệu Duệ về. Duệ chống lại và nói:

- Tướng ở ngoài, mệnh lệnh của vua có khi cũng không cần phải theo. Lúc Thượng công về, giao cho tôi đóng giữ đất này, nay tôi không dám tự tiện rời khỏi trấn này.

Nhậm được thư ấy liền nói:

- Quả nhiên Duệ làm phản rồi!

Tiếp đó, Nhậm lập tức gửi thư cáo biến với Thượng công; trong thư có đoạn viết: "Ngày trước dùng Chỉnh tức là nhốt hổ gầm giường; ngày nay để Duệ, ấy là nuôi ong tay áo. Xin kíp phát quân ra Bắc, trước hết giết Duệ ở Nghệ An, rồi sau bắt Chỉnh ở Thăng Long. Dẹp loạn và bình định đất

(1) Chỉ vào cuộc chiến tranh Trịnh-Nguyễn (1627-1672) sau lấy sông Gianh làm giới hạn để phân chia Đàng trong (Nam) và Đàng ngoài (Bắc).

nước ở một chuyến này, cơ hội không nên bỏ lỡ..."

Trong lúc ấy, Thượng công và vua Tây Sơn đang có việc xích mích, cuộc binh đao giữa hai anh em vẫn chưa dàn xếp xong, việc nội biến ở miền Nam so với mối lo ở miền Bắc còn cần kíp hơn nhiều. Bởi vậy Thượng công không quả quyết thi hành, bèn sai người báo cho Nhậm biết, và giục Nhậm tiến quân ra Nghệ An bắt Duệ; rồi sau đó sẽ kiểm điểm quân lính, thu góp lương thực, chia đi đóng đồn ở các nơi hiểm yếu và viết thư hỏi Chỉnh về tội thông mưu với Duệ, xem Chỉnh trả lời ra sao. Nếu Chỉnh còn biết sợ hãi, cố tình chối cãi, thì nên để đó sau này sẽ liệu, chưa nên đánh vội. Bằng Chỉnh ra mặt chống lại, thì như thế là đã có cớ, lúc ấy cứ việc tiến quân ra đánh cũng không muộn gì.

Nhậm vâng lệnh, tự mình đem đại quân đi đánh gấp. Chỉ trong một ngày một đêm, người đưa tin đến cho Nhậm đã đến doanh Kỳ Hoa, nhưng Nhậm đã không còn ở đó nữa.

Số là mùa đông năm trước, Thượng công nghe tin Chỉnh đem quân ra bảo vệ vua Lê, sợ có biến cố gì khác xảy ra, liền sai Nguyễn Văn Đức đem quân giữ phủ Diễn Châu cùng làm chức Trấn thủ với Duệ, để nương tựa với nhau. Kịp đến khi nghe miền Nam đánh nhau, Duệ và Đức bèn gửi thư cho Chỉnh, mưu đồ hợp lực kéo quân về Nam, thừa cơ làm loạn. Hai người hẹn rằng, sau khi đắc thắng, sẽ trả các đất từ Hoành Sơn ra Bắc, nhưng Chỉnh còn chần chừ chưa quyết định. Đến khi bị Nhậm phát giác, hai người bèn bỏ xứ Nghệ đem quân theo mạn ngược trở về Nam. Duệ về với vua Tây Sơn. Còn Đức vốn là một đại thần của chúa Nguyễn, bị quân Tây Sơn bắt, phải miễn cưỡng theo, chứ thực ra cũng không thích làm việc cho họ. Lúc đó, Đức bèn theo đường núi tây nam trốn thẳng sang nước Xiêm La. Đức đi đã lâu, Thượng

công mới nhận được thư hoả tốc của Nhậm, vội sai quân đón bắt, nhưng cũng không kịp.

Nhậm đến Nghệ An, kiểm điểm binh lính, trưng thu lương thực, sửa soạn khí giới, rồi đưa thư ra Thăng Long, trách móc Chỉnh gay gắt.

Chỉnh được thư, giấu giếm không cho vua Lê biết, đoạn viết thư tạ tội, đại ý nói:

- "Trước kia tôi bỏ nước cũ về với chúa công, nhờ ơn cho vào nơi mạc phủ, hầu hạ túi cung roi ngựa đến bốn năm năm. Mùa thu năm ngoái, đại quân về Nam không cho tôi biết, tôi cũng hiểu là Thượng công muốn dùng cách đó thử tôi để xem tôi lui tới ra sao. Lúc bấy giờ người Bắc cố lưu lại, nhưng tôi quả quyết bỏ họ mà đi. Nghĩ rằng lòng này không có đổi thay như thế, bậc cao minh hẳn đã soi xét đến. Lúc vào yết kiến Thượng công ở Vĩnh Dinh, tôi xin đi theo quân đội về Nam, ngài bảo tôi rằng: "Quận Thạc, Quận Nhưỡng còn làm ngáng trở không thể không trừ khử, nhà ngươi hãy ở lại đây, lo liệu một phen". Tôi dám đâu không theo mệnh lệnh? Tôi đã đem thân mình mà xin ruổi rong theo chúa[1] thì còn dám tiếc gì? Vì thế, tôi tự mình xông pha tên đạn, quyết chiến với bọn Thạc, Nhưỡng. Chỉ mong trừ được hai tên ngang ngược ấy, thì sẽ lập tức quay ngựa về Nam. Nhưng, tháng trước đây đánh ở Sơn Tây, mới bắt được có Quận Thạc. Riêng Nhưỡng thì vẫn đang vùng vẫy ở miền Hải Dương, còn cần phải đánh dẹp vất vả. Bởi vậy cho nên tôi chưa về triều được. Những kẻ ghét tôi, thấy tôi ở lại đất Bắc, liền đặt lời gièm pha. Sao họ không xét rằng, sau khi Thượng công về Nam, tôi chỉ ở lại Nghệ An hơn mười ngày, rồi lại ra Bắc ngay, thì còn thì giờ đâu mà mưu toan với Duệ? Từ đó kẻ Nam người Bắc, ai làm

(1) Chỉ vua Tây Sơn.

việc nấy, tôi có hề đi lại gì với Duệ đâu? Nếu xét rõ tình cảnh ấy, hẳn không cần phải chờ tôi biện bạch gì thêm. Vả chăng, cái ngày mà tôi làm việc chung với tướng quân, không phải không lâu. Nếu quả là tôi có lòng gì khác, hồ dễ đã giấu được cho khỏi lộ? Tướng quân nên chuyển đạt lời tôi đến trước chúa công, thì tôi đội ơn nhiều lắm!".

Nhận được thư ấy, biết Chỉnh còn có ý sợ, Nhậm bèn viết thư khác, dùng lời nói khéo, vỗ về khuyên giải làm cho Chỉnh yên lòng để mình có thì giờ sắp đặt công việc ở trấn Nghệ An. Tiện thể Nhậm cũng không quên buộc Chỉnh phải mau chóng dẹp yên Quận Nhưỡng, rồi rút quân về Nam, để khỏi trái với ý định.

Chỉnh tiếp thư, không hiểu rõ ý định của Nhậm, cho rằng Nhậm có thể dễ lừa phỉnh, chắc không phải lo gì về mặt Nam.

Lúc bấy giờ, trong ngoài đều đồn đại rằng tướng của Tây Sơn là Tả quân Nhậm, kéo quân ra Nghệ An, kén chọn lính tráng, định kỳ xuất phát, chẳng bao lâu quân Tây Sơn lại tới, Thăng Long sẽ thành nơi chiến trường. Vì thế, trong khi nhốn nháo, người chuyển vận đồ đạc, người bồng bế con cái, tranh nhau đi lánh nạn, lính Kim Ngô[1] ngăn cấm không nổi. Nhiều viên đình thần đem việc đó tâu với vua Lê. Vua Lê liền triệu Chỉnh vào hỏi. Chỉnh tâu:

- Người ta đồn nhảm, không cần phải tin. Thần đã cho người đi xem xét biết hết sự thật rồi. Vua Tây Sơn từ khi ở đất Bắc về Nam, liền vào thẳng chỗ quốc thành[2]. Còn Thượng công thì đóng ở Phú Xuân, nghỉ quân để vui chơi, ban bố hiệu lệnh, sửa sang thành luỹ. Bao nhiêu vật liệu, khí giới và

(1) Tên một đội lính bảo vệ trật tự ở Kinh đô.
(2) Tức Quy Nhơn.

các báu vật lấy được ở Bắc về, Thượng công đều thu chứa lấy. Vua Tây Sơn sai sứ thần tuyên triệu, Thượng công không chịu về triều. Mọi việc phong quan, ban tước, và xử trí này khác, Thượng công đều tự tiện quyết định. Vua Tây Sơn sai người đưa ấn phong Thượng công làm Bắc Bình Vương và hỏi những thứ của báu lấy được ở phủ chúa Trịnh. Thượng công cũng chống lại không chịu dâng lên. Vua Tây Sơn giận lắm. Vì thế, anh em mới gây ra cuộc binh đao, ở trong một nhà mà đối với nhau còn dữ dội hơn là đối với nước thù địch. Ngay trong bọn họ với nhau cũng không đủ thời giờ để cứu vãn được tình thế cấp bách, đâu còn dám ra khỏi Hoành Sơn một bước để tranh giành quyền với ta? Ta cần làm sao cho việc nội trị có quy mô yên ổn, thế là sẽ được thái bình. Đến như trấn Nghệ An, thì chỉ cần sai một sứ giả đem bức quốc thư sang, bàn bạc với họ, một lời nói là xong. Ta cùng họ đã thành thông gia, ta cũng không cần lo xa làm gì.

Quan Ngự sử là Nguyễn Đình Giản nói:

- Xưa nay tình hoà hảo thông gia, nói chung đều không thể tin cậy. Chỉ có bằng vào chước tự cường của mình, làm sao cho bờ cõi được vững chắc, ngăn chặn sự dòm dỏ của kẻ địch, thì như vậy mới có thể tin cậy được. Bắc Bình Vương cũng là một bậc anh hùng, xem thường ông ta không được đâu!

Chỉnh nói:

- Tôi đã từng cộng sự với ông ta, há lại không biết? Ông ta quả thật là bậc anh hùng, nhưng nhân tài xứ Bắc ta đây cũng không thua lắm. Vạn nhất xảy ra việc binh đao, tôi xin chọi với ông ta, còn như bọn Võ Văn Nhậm thì không đáng kể. Nay nghe nói Nhậm đã chiếm giữ đất Nghệ An, nhưng cứ mặc y. Quân nước ngoài ở trọ, chẳng qua cũng như bọn Chiêu

Võ, Thuận Nghĩa hồi xưa chiếm đóng bảy huyện phía Nam Nghệ An, không bao lâu rồi cũng lại về ta[1].

Vua Lê nói:

- Nhân tình lo sợ, nghi ngờ, họ đang coi việc động tĩnh ở phương Nam để định sự thể khinh trọng của nước nhà. Ngươi nên tính liệu kỹ trước cho lòng trẫm được thư thái.

Chỉnh tâu:

- Đó là việc trong chức phận của thần, dám đâu không hết lòng hết sức?

Ngoài mặt,Chỉnh tuy nói năng khuếch khoác để trấn áp mọi người, nhưng kỳ thực, từ khi được thư của Nhậm, trong lòng Chỉnh rất đỗi lo sợ.

Một hôm vào chầu, Chỉnh đuổi người chung quanh ra mà nói kín với nhà vua rằng:

- Võ Văn Nhậm tuy là Tả tướng trong soái phủ của Bắc Bình Vương, nhưng vốn là rể vua Tây Sơn. Lâu nay chỉ huy việc quân, y vẫn đóng vai con rể của nước. Nay thấy anh em Tây Sơn xích mích nhau, Nhậm là kẻ đứng giữa, cố nhiên là phải tuân theo tướng mệnh, nhưng trong lòng lẽ nào lại hoàn toàn không nghĩ gì đến bố vợ? Vừa rồi có tên do thám nói rằng: "Nhậm ở Động Hải nghe việc biến cố ấy, bèn xin về hầu, nhưng Bắc Bình Vương không cho mà bảo ra thẳng Nghệ An". Nay Nhậm đang ở vào địa vị nguy ngập và bị ngờ vực, nên không thể không có ý trông về bên trong. Thần xin nhân cơ hội này để thương lượng về việc bờ cõi Nghệ An. Hết

(1) Chỉ việc các tướng của họ Nguyễn là Thuận Nghĩa Hầu Nguyễn Hữu Tiến và Chiêu Võ Hầu Nguyễn Hữu Dật, đánh chiếm được bảy huyện ở nam sông Lam hồi xưa (1655- 1660), trong cuộc chiến tranh Trịnh-Nguyễn. Về sau, các miền ấy lại bị họ Trịnh giành lại.

sức nhắm nhe vào ân tình của họ, lại lễ nhiều, lời ngọt, ngoài có Văn Nhậm tâng bốc, trong có công chúa đỡ lời: Bắc Bình Vương dù có lòng nào chăng nữa cũng không thể không gượng theo mình.

Vua Lê khen phải.

Sáng hôm sau, nhân buổi chầu sớm, vua nói với các quan rằng:

- Nghệ An liền kề với Thanh Hoa, là một Quận phụ vào đất "thang mộc". Con em đất ấy vẫn được lựa chọn vào quân túc vệ, làm nanh vuốt cho nước nhà. Đất ấy không thể để cho người khác chiếm giữ mãi. Trẫm sắp sai người đi Phú Xuân để bàn với Bắc Bình Vương một phen. Vậy các ngươi hãy chọn xem người nào có thể sung vào sứ bộ?

Trương Đăng Quý thưa:

- Nguyễn Đình Giản và Phạm Đình Dư là người ngay thẳng có thể làm được việc ấy.

Phan Lê Phiên nói:

- Giản cương trực có thừa mà mềm mỏng ôn hoà thì không đủ. Dư tuy nghị luận vững vàng, nhưng xét việc hơi chậm. Bắc Bình Vương là người rất quỷ quyệt, hay dùng mưu khôn lung lạc người ta. Trong lúc bàn bạc, khi nén xuống, khi nâng lên, không biết đường nào mà dò. Thần sợ rằng hai người ấy tranh biện với ông ta, thế nào rồi cũng làm hỏng việc nước.

Đình thần bàn mãi việc cử người, luôn mấy ngày vẫn chưa ngã ngũ. Chỉnh bèn tâu xin để Trần Công Xán đi.

Vua Lê nói:

- Được đấy!

Vua bèn cho đòi Công Xán vào triều mà bảo rằng:

- Ngươi là người trung trinh vì nước, lòng trẫm đã biết. Ngày xưa Phú Bật sang sứ Khiết Đan làm cho nước địch phải kính trọng, công việc xong xuôi[1]. Chuyến đi này cũng giống như thế. Ngươi cố vì trẫm vâng mệnh ra đi, cũng là Phú Bật của nước Nam đó. Một vị hoàng thân cùng đi, trẫm đã sai Duy Án[2], còn viên Phó sứ nữa thì tuỳ ngươi chọn lấy.

Xán hăng hái xin đi và nói:

- Vua phải lo thì bề tôi mang nhục; thần đâu dám sợ khó khăn? Trong những người cùng làm việc với chung thần mà thần đã biết, thì có Ngô Nho là có thể dùng được.

Vua ưng lời, rồi ban mệnh lệnh xuống. Cả triều đình đều khen là chọn được người xứng đáng.

Duy Án là con thứ sáu của vua Ý Tông, và là ông chú họ nhà vua. Án tính người cẩn thận nho nhã và trung thực. Công chúa Ngọc Hân khi chưa lấy chồng, vẫn thường tôn kính Án, mọi việc nên chăng đều hỏi ý kiến của Án. Kịp đến khi công chúa về với Bắc Bình Vương, Án thường nhân có việc tới gặp, Bắc Bình Vương cũng khen Án nói năng lui tới có lễ độ. Lúc đó vì muốn tiện hỏi thăm công chúa, cần chọn người hoàng thân xứng đáng nên mới sai Án đi.

Trần Công Xán, người làng Yên Vỹ, huyện Đông An, đỗ Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1772) đời Cảnh Hưng. Hồi Đoan Nam Vương còn coi giữ việc nước, Xán đang ở chức Tả thị lang bộ Công, được sung chức Hành Tham tụng. Trong cuộc binh loạn năm Bính Ngọ (1786), quân Tây Sơn tiến sát Kinh

---

(1) Khiết Đan là một nước ở phía đông bắc Trung Quốc, thường hay xâm phạm bờ cõi. Đời vua Tống Nhân Tông, quân Khiết Đan đóng sát biên giới và bắt nhà Tống phải cắt đất. Phú Bật được đi sứ, đã hết sức biện bạch, kết quả làm cho quân Khiết Đan phải lui và từ đó hai nước hoà bình được đến vài chục năm.

(2) *Cương mục* chép là Duy Hiên.

kỳ, quân Quận Thạc tan vỡ, các quan văn võ đang đêm đua nhau bỏ trốn, riêng có mình Xán xin với chúa quyết liều một trận sống chết. Xán bận quần áo trận, tay cầm gươm, hộ vệ chúa Trịnh ở lầu Ngũ Long.

Lúc Bắc Bình Vương vào kinh đô, vua Lê trước sai các quan lần lượt tới yết kiến. Thấy thần sắc của Bắc Bình Vương rực rỡ, nghiêm nghị ai cũng run sợ, hãi hùng, riêng có Xán là tiến thoái như thường, không mất phong thể của bậc đại thần. Bắc Bình Vương lấy làm lạ, đã mấy lần mời Xán đến, hỏi việc Bắc Hà. Hỏi đâu Xán đáp luôn đấy; nói như suối chảy, không có chỗ nào ngập ngừng ấp úng.

Có lúc Bắc Bình Vương cố ý hỏi vặn, nhưng Xán vẫn lật qua lật lại, tranh cãi nhiều lần, không mảy may chịu khuất phục.

Bắc Bình Vương bảo với tả hữu rằng:

- Ta nghe Bắc Hà rất nhiều nhân tài, nay đến tận nơi thì chỉ thấy Trần Công Xán là có khí sắc con người mà thôi!

Công Xán vốn được Bắc Bình Vương kính trọng là như vậy.

Xán đã từng làm Thượng thư bộ Hình, được vào chầu ở toà Kính Diên, rồi lĩnh chức Đồng bình chương quân quốc trọng sự. Trong triều đình, Xán là người cương trực, gặp việc có tài ứng biến, lại thêm có học thuật, vì vậy ai cũng tôn trọng. Xán lại là thầy học của Chỉnh. Mỗi khi Chỉnh có tâm sự gì không thể nói với người ngoài thì không khi nào không hỏi Xán để quyết định. Vì thế chuyến này Chỉnh mới xin với vua để sai Xán đi.

Ngô Nho người làng Tri Chỉ, huyện Phú Xuyên. Trước kia Xán làm Đài quan[1] coi việc chấm thi đã lấy Nho đậu.

(1) Tức là chức Ngự sử.

Tiến sĩ khoa Ất Tỵ (1785), nên Nho vẫn theo lễ thầy học mà đối đãi với Xán, thường tới nhà Xán luôn. Nho thấy Xán là người khảng khái, có khí tiết lớn lao, không thèm xu phụ quyền thế, nên hai bên thanh khí hợp nhau. Xán cũng yêu và trọng Nho, vì thế bảo Nho đi với mình.

Khi Nho mới nghe lệnh ấy, liền vào gặp Xán, Xán bảo Nho rằng:

- Nước địch đè lấn, tin báo ngoài bờ cõi đang gấp. Nay chỉ biết ra đi chưa biết ngày về. Tôi là đại thần của nước nhà, nghĩa phải ra đi, sống thác không cần tính đến. Ông mới làm quan, ngôi thứ còn thấp, ở nhà lại có mẹ già. Trung hiếu không thể vẹn cả đôi đường, hãy thử nghĩ cho kỹ, tôi không dám ép ông đâu.

Nho trả lời:

- Tướng công chịu ơn dày của nước, tôi thì đội ơn tri ngộ cao cả của tướng công. Đại thần gánh việc cho nước nhà, kẻ sĩ chết vì người tri kỷ, đều là nghĩa phải như thế, ngoài ra không biết đến việc gì khác.

Xán mừng mà rằng:

- Mạnh mẽ thay? Kẻ sĩ như thế đáng gọi là "đạt" vậy.

Rồi đem Nho vào yết kiến nhà vua. Vua cho Nho lạy ở nội điện và hỏi:

- Nhà ngươi đã ôm ấp kinh luân, từng trải việc đời, thử liệu xem chuyến đi này ra sao?

Nho tâu:

- Ngửa trông phúc lớn của nhà nước và mưu sâu của miếu đường, công việc xong xuôi tưởng cũng không khó. Vả lại lúc ấy đã có vị lương thần chuyên việc ứng đối, chắc sẽ không để nhục đến mệnh vua. Thần làm người giúp việc chỉ biết làm hết chức phận mà thôi.

Nhà vua gật đầu, rồi sai quan Bình chương Phan Lê Phiên cùng với Bằng công Nguyễn Hữu Chỉnh họp nhau bàn việc thảo quốc thư. Trong thư đại lược nói rằng:

"Nghệ An là đất nền móng trong cuộc trung hưng của bản triều, cùng với Thanh Hoa, đều là Quận chân tay của nhà nước, quan văn tướng võ phần nhiều ở đó mà ra. Quân lính túc vệ cũng đều kén chọn ở xứ ấy mà sung vào. Nếu như dùng người mà bỏ đất, để họ cách trở quê hương, xa lìa thân thích, xét về nhân tình, rất là trái ngược. Đức vua quý quốc trọng điều tín nghĩa, hoà với láng giềng, "suy bụng ta ra bụng người", chắc rằng không việc nhỏ mọn nào mà không soi thấu, huống chi là những việc rõ ràng như thế. Nghĩ lại đức vua quý quốc lúc mới ra Bắc, vốn lấy việc tôn phò làm nghĩa thứ nhất. Tiên đế lúc sinh thời, từng mời ngồi lên giường, cầm tay cùng trò chuyện. Tiếng ngọc còn văng vẳng bên tai, vội quên sao được? Kịp đến khi Tiên đế tựa ghế trối trăng mọi việc, ân cần lo cho kẻ tiểu tử này tuổi còn trẻ nhỏ, muốn nhờ vào phúc ấm của quý quốc, để làm nơi nương tựa. Gần đây nghe tin quý quốc sai quân ra đóng ở Nghệ An, lòng người ngờ vực, có kẻ cho rằng đó là bọn bề tôi ở biên giới gây việc, không phải bản ý của quý quốc vương. Trong thư vin vào cớ mùa thu năm ngoái bản quốc đã hứa cắt đất khao quân. Kẻ tiểu tử này mới lên ngôi, chưa được rõ nguyên nhân việc trước, đã sai đình thần tra cứu lại cái ước cắt đất, thì hai châu Bố Chánh, Minh Linh[1], chứ không liên can gì tới bờ cõi xứ Nghệ An. Vả lại, hồi đó đã vâng lời quý quốc vương dụ rằng: "Quả là đất đai của nhà Lê, một tấc cũng không lấy". Nay nếu khao quân bằng đất thì không

(1) Bố Chánh nay gồm các huyện Bố Trạch, Quảng Trạch, Tuyên Hoá thuộc Quảng Bình, Minh Linh nay là Vĩnh Linh, Do Linh thuộc Quảng Trị.

bằng khao quân bằng của. Vậy xin tính số thu nhập hàng năm của đất ấy, dùng làm chi phí khao quân; rồi cứ hàng năm đưa đến biên giới, làm thành định lệ lâu dài. Xa trông quý quốc vương xét cho, để trọn tình hoà hảo của hai nước. Cả nước chúng tôi đều lấy làm may mắn lắm!"

Thư thảo xong, đệ lên vua xem. Vua sai lấy ở kho nội phủ một số vàng, đoạn màu, và lụa vải, thổ sản làm đồ biếu tặng. Rồi vời Trần Công Xán vào trước mặt để dặn dò và giao cho mang đi. Ngay hôm đó, bọn Xán lên đường. Trăm quan đều tiễn chân đến ngoài Kinh thành. Riêng Nguyễn Hữu Chỉnh thì cùng Xán ngủ đêm ở chùa Thịnh Liệt, Xán bảo Chỉnh rằng:

- Bắc Bình Vương là người hiểm sâu khó lường, chuyến đi này vị tất ông ta đã nghe theo. Nhưng tôi đã vâng mệnh nhà vua thì cứ liệu chiều biện luận, liều chết mà cãi. Còn công việc phòng bị thì sau khi tôi đi, ông phải chú ý thêm, chớ có sơ suất. Dọc theo địa phận miền núi Thanh Hoa phải gấp rút chia đồn đóng giữ các nơi hiểm yếu để phòng quân bộ. Cửa biển trong trấn Sơn Nam cũng nên đóng cọc ngang dòng sông, để chặn quân thuỷ. Nếu họ trái lời hẹn, mà tới đánh, thì ta đã có phòng bị trước, không đến nỗi để việc tới nơi mới hấp tấp.

Chỉnh nói:

- Xin thầy cứ đi, không cần phải quá lo. Lời nói của thầy ai chẳng nghe theo? Nếu không thì việc điều khiển quân lính của trò đây cũng chẳng kém ai. Vạn nhất có biến, há lại không làm nổi một trận sấm vang chớp giật, nghiêng biển, lật núi cho sướng bụng hay sao? Họ dù kiệt hiệt, cũng chẳng làm được gì.

Xán không cho lời nói của Chỉnh là phải.

Khi sứ thần đến đầu huyện Quỳnh Lưu thì có viên tướng của Võ Văn Nhậm sai ra đóng đồn ở đấy đón vào trong đồn. Xem xét đồ vật xong rồi, y chỉ cho ba viên sứ thần và mười tám người tôi tớ cùng đi, còn bao nhiêu đều bảo về.

Đến doanh trấn Nghệ An, Nhậm sai thết tiệc khoản đãi, rồi thong thả hỏi Xán rằng:

- Quan văn võ ở Bắc Hà như cụ phỏng được mấy người? Vua Lê giao nước cho tên giặc Chỉnh, ý ngài tự nghĩ ra sao? Tôi nay đã lĩnh binh phù, sớm tối sẽ kéo thẳng ra Thăng Long, trước chém đầu giặc Chỉnh sau hỏi tội vua Lê sao lại bội ơn dong nạp đứa làm phản? Rồi báo cáo rõ ràng với sĩ dân Bắc Hà, cho họ biết tại sao chúng tôi phải dùng quân? Vua Lê đã không giữ nổi nước nhà thì các trấn từ Thanh Hoa trở ra, chúng tôi không lấy, người khác cũng sẽ lấy. Nghệ An là một mảnh đất cỏn con, cắt hay không cắt có quan hệ gì đến việc mất còn của nước nhà mà phải đi xa xin xỏ cho mất công trèo non lội suối. Tôi chỉ e rằng con chim đã lìa tổ, đến lúc bay về lại không có cành để đậu nữa mà thôi!

Xán im lặng, mọi người nghe nói đều sợ hãi. Đến lúc trở ra, Xán bảo Nho rằng:

- Người Tây Sơn hành binh như bay, tiến quân rất gấp Xem họ đi lại vùn vụt mau chóng như thần, chống không thể được, xưa nay chưa hề nghe có giặc nào như thế. Ý tôi đã lo xa, phải đề phòng trước, lúc đi đã dặn ông Bằng phải như thế, không biết ông ấy có nhớ không? Nếu hơi chậm trễ, việc sẽ không kịp.

Nói xong, than thở hồi lâu rồi đi. Nho bèn nói với Xán rằng:

- Xem mưu kín của chủ tướng họ, thì việc thôn tính nước mình họ đã sắp sẵn sàng. Việc tôn phù hôm trước chẳng qua

chỉ là mượn cớ mà thôi. Bọn lang sói vốn sẵn bụng ác, quyết không thể nói bằng nhân nghĩa. Bây giờ xe sứ thần đã ra khỏi bờ cõi, Kinh thành sắp bị nạn binh đao, sự thể quá gấp, phải tính đường quyền biến để làm cho được việc, không nên câu nệ. Vả xem ông Bằng từ khi đắc chí đến nay, đai vàng ngang lưng, bộ dạng nhơn nhơn tự đắc, không còn như hồi trước: "nhá rễ cây mà làm nên việc". Tôi e rằng ông ta lính quýnh ra trận, thế nào cũng bị Võ Văn Nhậm bắt mất. Lúc đó vua ta đi hay ở lại, cũng chưa dám chắc. Chúng ta phải trù tính thế nào để ngấm ngầm xoay lại then máy, may ra mới có thể cứu vãn được. Chỉ cần cho nước được yên, dầu có tự tiện cũng không hề gì. Nếu cứ vâng theo chỉ cũ, cố tranh cãi về việc Nghệ An, thì đúng như người ta vẫn nói: "Cướp đã vào nhà còn sửa phên giậu". Như thế thật là thất sách. Vậy xin chữa lại quốc thư để mang đi.

Xán nói:

- Chữa! Chữa như thế nào?

Nho nói:

- Chữa rằng: "Họ Trịnh chuyên quyền, vua Lê đã không còn nước. May nhờ quý quốc vương tôn phò. Nếu trời còn phù hộ nhà Lê, Tiên đế đâu đến nỗi qua đời. Tôi là cháu kế tự còn nhỏ tuổi, nghĩ rằng gánh vác không nổi, để nhục cho xã tắc. *Kinh thư* có chữ "làm khách", *Kinh thi* nói rằng "có khách"[1], đều là việc cũ đời xưa. Kính xin cắt cho một phần đất để được nối đời thờ phụng tổ tiên. Thật là thuận mệnh trời để mà sống còn, cầu lòng thương của trời về dài lâu vậy". Nếu họ chỉ muốn giữ nước, không có bụng làm hại mình,

(1) Hai câu này đều có nghĩa là muốn nhường nước cho người khác. Ở đây có ý nhường cả nước cho Tây Sơn, và chỉ xin cắt lại cho một mảnh để vua Lê lấy chỗ thờ cúng tổ tiên mà thôi.

thấy nói như thế chắc hẳn phải mừng rỡ, thế nào họ cũng thả sứ thần về nước và chia đất cho ta. Nhân thể ta có thể khuyên nhà vua hãy tạm ở đất ấy. Họ không có lòng ngờ ta, thì sẽ không đến dòm dỏ nữa. Bấy giờ ta sẽ lo tính dần dần như vua Thiếu Khang ở Luân ấp, vua Câu Tiễn ở Cối Kê, tự nhiên sẽ có ngày trung hưng. Nếu không thể, họ đã tức giận mà ra tay hung tàn, thì bọn mình chỉ làm ma biển khơi. Điều đó tuy chẳng đáng kể nhưng vua ta sau khi phiêu bạt, long đong, không còn tấc đất để nương tựa, thì dẫu đến tài như Khổng Minh cũng khó lòng mà trở tay.

Xán nói:

- Không được! Ông Bằng theo việc quân từ lúc đầu còn để chỏm, là tay lão luyện trong chốn trận mạc, nếu như Đô thành mắc nạn binh đao, tưởng cũng không đến nỗi khốn đốn lắm. Hai nước đánh nhau, chưa biết ai thua được. Chúng ta vâng mệnh đi sứ, mới ra khỏi cõi mà đã chữa quốc thư, mạo lời chúa, chẳng những bị tội với nước mình, mà nếu bên địch khám phá ra chỗ lừa dối đó, họ cũng không dong mình; tai vạ càng lớn, tiếng cười không bao giờ mới hết. Chi bằng cứ minh bạch mà làm, việc thành hay bại là tại ông trời, ta có lo gì.

Từ đó Nho không dám nói nữa.

Khi đến Phú Xuân, các sứ thần bày lễ vật vào yết kiến Bắc Bình Vương, Xán trình quốc thư lên, Bình Vương xem qua một lượt rồi vứt thư xuống đất mà nói to:

- Thư này ai làm? Nói ra toàn điều vô nghĩa lý. Người Bắc quen dùng lời lẽ để dử người. Ta không phải trẻ con mà lừa dối được đâu!

Xán vẫn không đổi nét mặt ung dung trả lời:

- Xin đại vương hãy bớt giận, để tôi nói rõ. Nếu muốn giết tôi, tôi cũng xin nói một lời rồi chết.

Bắc Bình Vương vốn trọng Xán, liền đổi nét mặt mà rằng:

- Ngày xưa ta vượt biển ra Bắc, phá Thăng Long, diệt họ Trịnh, cả nước khiếp sợ, trong triều ngoài nội đều chịu bó tay, không ai dám làm gì. Lúc bấy giờ nếu ta chiếm giữ đất nước, xưng đế, xưng vương gì mà không được. Nhưng vì ta xưa mến đức của Tiên đế, nên đem cả cõi đất nguyên vẹn trả lại ngài. Cơ đồ thống nhất đều do tay ta gây dựng lại. Bắc triều lại dùng chế sách "Thượng công" để đền đáp ta. Chẳng biết "Thượng công" là danh hiệu gì? Đối với ta có thêm được cái gì không? Kịp đến khi Tiên đế chầu trời, lễ cả sơn lăng, ta giúp đỡ cho, tự vương nối ngôi, lễ lớn sách lập, ta chủ trương cho. Nay không cảm ơn những việc của ta làm, lại chứa chấp kẻ phản ta, chống cự với ta, mưu đồ giành lại đất Nghệ An. Xử sự như thế nhân tình có ai nín nhịn được không? Ta đã phái ra hai vạn binh mã, sai tả quân Võ Văn Nhậm thống lĩnh, thẳng tới Thăng Long, chặt đầu cha con Chỉnh về dâng. Chắc rằng khi Chỉnh nghe tin quân ta kéo ra, thế nào cũng kèm tự tôn bỏ chạy. Bấy giờ ở dưới gươm đao, ngọc đá lẫn lộn, không biết tự tôn có giữ được yên lành hay không? Nếu có làm sao, người trong nước lại quy oán về ta thì thật phiền.

Xán thưa:

- Xưa đức Lê Thái Tổ dẹp yên quân Ngô, mở mang nước nhà, công đức như trời. Vua Thánh Tông tự mình làm nên thái bình, rạng danh đời trước, mở rộng về sau. Từ núi Thạch Bi ra Bắc, từ dãy Đại Lĩnh[1] vào Nam, đều làm tôi làm dân, ai ai cũng phải tôn kính, trải hàng trăm năm. Họ Mạc tiếm ngôi, cả nước đều giận. Đấng Tiên vương hội họp những người đồng chí, dựng lại họ Lê. Họ Trịnh nối theo cũng vì có công

(1) Thạch Bi ở Quảng Nam, Đại Lĩnh ở Khánh Hoà.

phò Lê, cho nên mới sai bảo được bốn phương, và được mọi người hưởng ứng. Từ mấy đời nay chúa Trịnh tuy là hiếp chế vua Lê, nhưng chính sóc không thay đổi, chuông khánh vẫn ở đấy[1], thiên hạ vẫn là thiên hạ của nhà Lê. Đại vương ruổi xe một mạch, thẳng đến Kinh thành, tuy rằng oai danh đã vang dậy khắp nơi, nhưng cũng lấy nghĩa cả tôn phò, khiến người ta tôn phục mới được như vậy. Nếu không, việc vào nước người ta đâu có dễ dàng như thế. Tiên đế thoạt thấy đại vương tiếp đãi rất là long trọng. Trước ban sắc mệnh làm tước công, rồi sau sẽ phong vương đó là điển cũ của bản triều, không phải trả ơn không hậu, chớ nên thấy như thế mà cho là bạc. Một nước đã trải hơn ba trăm năm, trời cao chứng giám, lòng người tôn sùng. Đại vương đem cả cõi đất trả lại nguyên vẹn, là để thuận ý trời, chiều lòng dân, chưa có thể lấy đấy làm ơn. Tiên đế mất đi, Hoàng thượng nối ngôi, mọi việc đều bẩm trước với đại vương. Đại vương không làm chủ thì ai làm chủ nữa. Lý đã đến thế, đừng cũng không được. Tôi không dám khen ngợi để dâng lời ton hót. Đại quân về Nam, Nguyễn Hữu Chỉnh đuổi theo, đại vương để hắn ở lại Nghệ An sao lại bảo hắn làm phản? Nghệ An vốn là đất cũ của bản triều, bản triều phải giữ lấy bờ cõi, sao lại nói là tranh giành? Đại vương phái binh mã ra, nếu là để thăm hỏi, bản triều đã có lễ nghênh tiếp. Bằng không, thì người xưa đã nói: "Nước lớn có quân đánh dẹp, nước nhỏ có cách chống giữ". Tôi nay đã ra khỏi cõi, việc ấy không còn dám biết đến. Tự hoàng của nước tôi, trời đã sai làm vua, đế vương có chân mệnh, gươm đao cũng phải lựa chọn, đại vương chớ có lo. Nếu như đại

(1) Chính sóc là ngày mùng 1 tháng giêng xưa các vua sáng nghiệp khi lên ngôi thường đổi chính sóc, đây mượn ý đó để nói đến quyền vua. Chuông Khánh nguyên văn là chuông và gia khánh) là những đồ thờ của nhà vua ; đây ý nói miếu đường của nhà vua vẫn tồn tại.

vương cứ thuận lẽ trời mà làm, gây lại nước đã suy, nối lại họ đã dứt, để cho nước của nhà họ Lê được yên ổn, thì những người làm tôi làm dân trong cả nước ai chẳng cảm đội công đức, còn có oán gì? Nhược bằng làm trái lại, thì sự thế thay đổi khác thường, tôi đây ngu dại, không thể nào mà thấy trước được.

Xán cứ cãi đi cãi lại mãi, không chịu khuất phục một lời nào. Đến lúc trời sắp tối, Bắc Bình Vương bảo:

- Hãy ra nhà trọ mà nghĩ đi nghĩ lại cho kỹ!

Xán nói:

- Nghĩ lắm luẩn quẩn lại dễ lầm lẫn, một chết là xong?

Bắc Bình Vương nổi giận, sai đem giam Xán vào ngục. Bọn Án và Nho cũng đều bị chia ra giam ở các nơi khác.

Xán vào ngục, cười nói như thường, Bắc Bình Vương sai người đến dò, thấy Xán viết ở chỗ giam đôi câu đối như sau:

Đạt đức hữu tam, túng vị năng chi, nguyện học.

Tiểu tâm vô nhị, hành kỳ tố dã, hà vưu?(1)

Tư mã Ngô Văn Sở xin giết chết bọn Xán. Bắc Bình Vương còn tiếc tài của Xán bèn bảo Trung thư Lê Văn Kỷ và viên quan bộ lễ là Vũ Văn Trụ rằng:

- Nhân vật Bắc Hà, Xán cũng vào bậc giỏi đấy! Ta muốn thu phục hắn để dùng, nhưng mà chắc hắn không chịu. Các ngươi thử hiểu dụ hắn một phen nữa xem sao?

Hai người bèn đến chỗ giam Xán, thấy Xán mang gông nằm sấp, liền nói:

- Ông già sao lại tự làm khổ mình như vậy?

Xán trả lời:

---

(1) Nghĩa là: Đạt đức có ba, dù chẳng làm nên xin học.
Giữ lòng như một, noi theo chủ cũ, oán gì?

- Cũng là số mệnh đấy thôi!

Kỷ nói:

- Quân tử có khi không cần số mệnh, chế ngự được số mệnh là cốt ở mình. Ví như đánh bạc, đồng tiền một sấp một ngửa; ta theo kẻ mạnh mà đánh, thiên hạ sẽ khen ta là người đánh bạc giỏi.

Xán nói:

- Bởi thế cho nên đó chỉ là phường cờ bạc, chứ không phải đạo của người quân tử. Tôi nghe nói: "Kẻ làm bề tôi phải chết vì chữ trung". Đấy là lời dạy của người xưa.

Hai người biết là không thể làm lung lay được ý chí của Xán, liền đi ra và nói với nhau:

- Nhà Hán có Tô Tử Khanh[1] nhà Lê có Trần Công Xán. Đáng thương nhưng cũng đáng ghét thay!

Vừa gặp lúc đó, vua Tây Sơn gửi thư ra kể tội lỗi của Bắc Bình Vương và sắp phái quân tới đánh. Tướng sĩ dưới cờ của Bắc Bình Vương có kẻ trốn đi. Bắc Bình Vương liền bảo Trần Văn Kỷ rằng:

- Nay nước ta có việc lôi thôi, lòng người còn phân vân. Việc biến trong nhà không nên để nước láng giềng biết. Sứ Bắc ở đây, tai vách mạch rừng. Họ ở xa đến để dò xét ta, giữ họ ở lại thì họ biết rõ tình hình trong nước, hoặc giả nhân đó họ xúi giục gây ra việc không hay. Thả họ về thì lại bị họ rêu rao làm lộ việc, người Bắc Hà mà biết, thì lại sinh lòng khinh rẻ ta. Bởi thế ta định ném bọn họ xuống biển, để cho hết tiếng tăm dấu vết, vậy cứ theo chước đó mà làm.

Rồi Bắc Bình Vương sai đô đốc là Võ Văn Nguyệt sắp

---

(1) Tức Tô Vũ đời Hán Võ Đế. Khi đi sứ Hung Nô, Tô Vũ bị Hung Nô giữ lại, bắt nuôi dê ở Bắc Hải 19 năm ròng, mà Tô Vũ vẫn khí tiết không chịu khuất phục.

sẵn vài chiếc thuyền biển, nói phao là đưa sứ thần về Bắc.

Lúc bọn Xán vào từ giã Bắc Bình Vương nói:

- Các ông hãy về trước, chờ lúc tôi ra ngoài ấy vời vào gặp mặt, sẽ có cách xử trí việc Nghệ An.

Rồi Bắc Bình Vương đem tặng họ một trăm nén bạc và bảo:

- Đây là của công chúa gửi tặng, các ông đừng chối từ.

Tiếng gọi là đưa họ về, nhưng thật ra Bắc Bình Vương đã ngầm bầy mưu cho Nguyệt, người ngoài không ai được biết.

Tháng ba, mùa xuân năm Đinh Mùi (1787) thuyền từ cửa Tư Dung[1] giương buồm ra đi, không mấy ngày đã đến cửa biển Đan Nhai thuộc nội trấn Nghệ An. Nguyệt cùng bọn sứ thần ghé thuyền vào bờ, rồi cùng lên bộ.

Lúc ấy có người học trò cũ của Xán là Giám sinh Nguyễn Hiên, người huyện Chân Lộc, nghe tin thầy học được về, vội mừng rỡ đến chào. Chợt thấy nét mặt Nguyệt có vẻ khác thường, Hiên ngầm đoán được ý của hắn, bèn nói kín với Xán hãy xin đổi đi đường bộ.

Nhưng Nguyệt nói:

- Tôi vâng mệnh đưa sứ giả đi đường biển, thuận tiện mà ổn thoả, không nên đi đường bộ trèo non vượt suối vất vả.

Rồi đó, cả bọn lại lên thuyền ra biển.

Vừa ra đến ngoài khơi, Nguyệt lại bảo bọn lái thuyền đục thuyền cho nước vào, dìm cả bọn sứ thần xuống biển. Hiên đứng trong bờ trông ra xa gào khóc hồi lâu mà về. Hôm ấy nhằm ngày 11 tháng 4, mùa hè năm Đinh Mùi (1787).

Xong việc, Nguyệt lại ghé thuyền vào bờ, nói phao cho trong ngoài biết rằng thuyền gặp sóng gió bị đắm, để tránh

(1) Thuộc Thuận Hoá, nay là cửa Tư Hiền.

cái tiếng giết hại sứ giả. Lúc bấy giờ có người làm hai câu thơ rằng:

Tên lưu vũ trụ bia ngàn thủa
Nghĩa nặng cương thường biển vạn năm

Từ lúc bọn Xán đi Nam, Chỉnh cho rằng việc thế nào cũng xong nên đã nói toạc ra ở trong triều rằng:

- Tình hình Tây Sơn như ở trong tầm con mắt của ta. Họ sẽ mừng là ta không gây sự, để họ có thể chuyên tâm vào việc nước họ. Hiện nay cuộc nội biến của họ đang rối ren, thì giờ đâu mà lo đến việc bên ngoài. Còn Võ Văn Nhậm thì chơ vơ ở Nghệ An, ngoảnh về bên trong không có quân cứu viện, có làm được gì? Bắc Bình Vương thấy thư của ta đưa đến, thế nào cũng mừng mà nghe theo, xin đừng lo gì việc miền Nam!

Vì thế, những lời Xán dặn lúc ra đi, Chỉnh đều không để ý tới, chỉ tâu xin cho Nguyễn Duật làm Trấn thủ Thanh Hoá mà thôi.

Lúc Duật sắp đi, Chỉnh dặn rằng:

- Chỉ nên giữ gìn bờ cõi cẩn thận, chớ có sinh sự để bên địch nghi ngờ. Đợi khi Trần Bình Chương trở về, sẽ dời vào làm Trấn thủ Nghệ An, sửa lại luỹ cũ ở Hoành Sơn, giữ vững bờ cõi để làm chước lâu dài.

Quan Bình chương Phan Lê Phiên nghe được chuyện ấy, liền đến nhà Chỉnh mà nói:

- Ông Trần đã già dặn việc đời, xét đoán công việc rất nhanh. Ngày thường ông ấy bàn bạc tính liệu như thần, đến lúc sự việc xảy ra, không việc gì là không đúng. Ông chớ xem thường!

Chỉnh cũng không cho là phải. Phiên ra ngoài nói với bạn đồng liêu là Trương Đăng Quỹ rằng:

- Ông Bằng vốn có tiếng là biết việc binh, thế mà không

nghe lời can, coi thường quân giặc, sợ rằng quốc đô mới qua một cuộc tàn phá không thể chịu nổi một cuộc dày đạp nữa. Chúng ta gánh chức vụ phù bật đã lâu, nếu " đổ mà không giữ, nguy mà không phò" thì còn dùng hạng Tướng quốc như chúng ta làm gì?

Hai người than thở với nhau hồi lâu rồi Phiên nói:

- Nghĩ lại công đức của Tiên đế rất lớn, mà nay ngài chưa có miếu hiệu, không bàn định cho kịp lúc này, rốt cuộc điển lễ vẫn thiếu.

Hai người bèn cùng bàn với các quan, dùng sách vàng tôn xưng Tiên đế làm Vĩnh Hoàng Đế, miếu hiệu Hiển Tông, rồi tâu với vua xin làm lễ cáo miếu. Chỉnh nói:

- Theo lễ, việc tôn xưng miếu hiệu phải chờ sau ngày đại tường, khi đã rước linh vị vào miếu rồi mới cử hành, làm gì mà gấp thế

Phiên nói:

- Việc đời chưa biết thế nào, bây giờ chính là lúc cần phải tôn mỹ hiệu của Tiên đế cho xong ngay đi!

Chỉnh nghe nói cũng im lặng.

Lại nói lúc Nguyễn Hữu Chỉnh từ Nghệ An vào kinh, Án Đô Vương Trịnh Bồng chạy qua sông, sang trấn Kinh Bắc, vào tạm lánh ở làng Quế Ổ. Ở đấy có viên Võ Biền tên là Nguyễn Đình Toại[1] vâng mật chỉ của chúa kêu gọi các thổ hào vùng Thuận Thành, Từ Sơn mộ quân nghĩa dũng, mưu đồ đánh Chỉnh để dẹp yên nạn nước và khôi phục nghiệp cũ. Rồi đó, Toại lại đưa hịch cho các phiên thần ở vùng Lạng Sơn, Cao Bằng, bảo họ họp quân lại, làm việc cần vương.

Chỉnh thấy vậy, luôn luôn tỏ ý muốn đánh, nhưng vì có

(1) *Cương mục* chép là Nguyễn Trọng Mại.

Dương Trọng Tế chiếm giữ huyện Gia Lâm, đắp luỹ chống nhau với Chỉnh, đường đi còn bị ngáng trở một lối, nên Chỉnh đành phải tạm gác việc ấy lại chưa làm vội. Kịp đến khi Trọng Tế bị giết, Chỉnh bèn hối hả cho việc đánh chúa Trịnh là điều cần thứ nhất, liền tâu xin tự mình đem quân bản bộ tiến đánh.

Vua Lê nghĩ chúa Trịnh vốn có lòng kính thuận không nỡ đánh, vả trong bụng đang hết sức ghét Chỉnh, không muốn cho hắn đắc chí, sợ sẽ thành cái thế lấn át vua, nên muốn ngăn việc ấy lại. Nhưng khó nói ra lời, nhà vua bèn sai viên Nội hàn là Vũ Trinh tuyên rõ ý chỉ của vua và truyền cho Chỉnh biết rằng:

- Gia đình họ Trịnh trải qua nhiều đời, thực có công lớn, nếu để người như Tử Văn mà phải tuyệt tự thì lấy gì mà khuyến khích điều thiện?[1] Chi bằng trước hãy làm bài cáo văn hiểu dụ rõ đường hoạ phúc cho y, nếu y cứ u mê không tỉnh, sau đó ta hãy đem quân đánh. Ta cứ giữ niềm trinh hậu, để cho người ngoài không nói vào đâu được há không hay hơn sao.

Chỉnh không nghe, nói:

- Nếu tôi không đem quân ra, để cho việc Trọng Tế giúp chúa được thành, xem y có xử hậu với Hoàng thượng không? Anh hùng làm việc, há lại theo lòng nhân đức của đàn bà?

Rồi Chỉnh cố xin ra quân, vua Lê bất đắc dĩ phải cho Chỉnh đốc suất các quân ra sông, thuyền bè chật cả mặt nước, khí thế rất là đáng sợ.

---

(1) Tử Văn tên thực là Đấu Cốc Ô Đô, người đời Xuân Thu, làm quan nước Sở có công lớn trong việc trị nước. Sau người em họ Đấu Việt Thục làm loạn, đáng lẽ phải chu di cả họ, nhưng Sở Trang Vương tha tội cho người cháu của Tử Văn và nói: "người như Tử Văn mà bị tuyệt tự thì lấy gì mà khuyến khích điều thiện".

Chúa Trịnh nghe tin, vội vàng sai Toại đốc suất người trong họ ở Quế ổ làm quân tiên phong, thổ hào Yên Dũng là Nguyễn Trọng Linh làm tướng chống bên tả, thổ hào Gia Bình là Trần Quan Châu làm tướng chống bên hữu, bày trận chờ sẵn.

Quân Chỉnh tới nơi, hai bên đánh nhau từ sáng đến trưa, chưa phân được thua; sau đều rút quân để nghỉ ngơi.

Chỉnh sai người đưa tờ chiếu của vua tới dụ chúa, khuyên nên quy thuận, không nên chống cự. Chúa cười mà nói:

- Hữu Chỉnh đến đây lần này, ý muốn bắt sống ta, nếu nuốt trôi được, hắn không chịu nhả ra. Nay lại lấy lời ngon ngọt dỗ ta, thằng nghịch tặc này quỷ quyệt đáng ghét thật. Tuy vậy, hắn đã mượn mệnh lệnh Hoàng thượng đưa lại, ta không thể im lặng không trả lời.

Chúa bèn thảo một tờ biểu trần tình, kể tội ác của Chỉnh và nói nhân dân ai cũng nghiến răng tức giận, xin hãy giết Chỉnh đã, rồi sẽ về triều, lời lẽ có nhiều câu gay gắt.

Thật là:

Sống mái ngoài đồng còn chửa quyết,
Trai cò trong ruộng vẫn giằng co.

Chưa biết được thua ra sao? Hãy xem hồi sau phân giải.

HỒI THỨ MƯỜI

Lân Dương hầu phò chúa vượt biển đến Yên Quảng
Bằng công Chỉnh mời vua qua sông đi Lạng Sơn

Lại nói Chỉnh thấy lời lẽ trong tờ biểu, gọi mình là giặc, thì nổi giận đùng đùng vung gươm quát to:

- Cái quân mất nước chưa biết sợ, còn dám múa bút khoa lưỡi để lừa người trong nước! Hôm nay ta thề với hắn một sống một thác. Tướng sĩ các ngươi đều phải trông cờ nghe trống, ra sức xông vào trận mạc, chỉ có tiến không có lùi. Kẻ nào không nghe mệnh lệnh đã có thanh gươm này!

Rồi Chỉnh vận đồ trận lên mình voi, cầm lá cờ đỏ vẫy các quân sĩ tiến về phía trước.

Nguyễn Như Thái tế ngựa vào trận hò reo "giết giặc". Súng nổ, cung bắn tên đạn bay tới tấp như mưa rào.

Quân bên tả của chúa chống không nổi cơ hồ sắp vỡ. Chúa bèn sai đội tiền phong hợp với hai đội tả hữu vừa đánh vừa lui vào trong luỹ, rồi chia quân để cố thủ.

Chỉnh dàn quân giáp liền với luỹ, bốn mặt đánh vào suốt nửa ngày không lấy được luỹ. Đến tối, mưa dầm rả rích, gió thổi ào ào, trời đất đen ngòm, cách gang tấc không trông thấy gì. Chỉnh hạ lệnh vây sát luỹ của chúa. Chúa bèn chia quân làm ba toán. Những người dũng cảm thì làm hai cánh quân trước và sau, do Toại và Châu đốc xuất. Những người già yếu

thì cho làm cánh giữa, chúa tự dẫn đi.

Đêm đã yên lặng, chiêng trống im bặt, đèn lửa tắt hết. Ngoài luỹ súng bắn liên thanh không ngớt, mà trong luỹ im lặng như tờ. Chỉnh sai quân do thám ngầm đến dưới luỹ nghe ngóng, hình như trong luỹ không có người. Nhưng cũng không lường được hư thực ra sao.

Đến canh tư, mưa và sấm sét lại nổi lên dữ dội.

Chúa sai mở rộng cửa luỹ, bảo Toại, Châu ra trước, mỗi người đem năm mươi quân dũng sĩ, đánh thẳng vào doanh của Chỉnh: Toại đánh mặt tả, Châu đánh mặt hữu, mở một đường ở giữa. Tiếp đó chúa dồn quân ra, nhằm phía đông mà chạy để Toại và Châu làm đội quân chặn hậu.

Đêm ấy, quân của Chỉnh không phân biệt ai với ai, bắn nhau đâm nhau lộn bậy. Sáng ra mới biết rõ sự thật, thì đuổi theo không kịp nữa rồi. Chỉnh dồn quân vào luỹ, chỉ thấy nhà cửa rỗng không, sai quân tìm kiếm khí giới lương thực, chẳng được gì hết. Chỉnh rầu rầu không vui, liền rút quân về kinh.

Chúa Trịnh chạy đến Hàm Giang, nương tựa vào Đinh Tích Nhưỡng. Bao nhiêu quân lính già yếu chúa đều cho về, chỉ để hai tướng Châu, Toại và hơn một trăm thủ hạ ở lại với mình. Nhưỡng sai dọn riêng một trại để cho chúa ở.

Tính Nhưỡng nóng nảy, lại không thông thạo nghề làm tướng, và cũng không phải thật thà có lòng trung nghĩa. Lời nói, việc làm thường ngày cũng đều giả dối, cốt lấy tiếng mà thôi. Từ khi xuất thân tới nay, Nhưỡng chỉ quen thuỷ chiến, chứ chưa từng đốc xuất lính bộ. Sau trận thua ở huyện Kim Động. Nhưỡng bỏ hết thuyền bè, thất thểu chạy về miền đông, giữ trấn thành Hải Dương. May nhờ ở đấy sẵn có quân lương, nhưng Nhưỡng không khéo vỗ về trăm họ, lại thả lỏng cho bộ hạ cướp bóc xóm làng, nên dân chúng hai phủ Thượng

Hồng, Hạ Hồng đều căm giận. Hào mục các nơi hùa nhau nổi lên đánh lại, Nhưỡng phải bỏ thành chạy về Hàm Giang. Khi nghe tin Tây Sơn đã về Nam. Nhưỡng lại kéo quân vào Kinh, định mưu lập Quận Thuỵ để chống vua Lê. Đến khi Quận Thuỵ thua chạy. Nhưỡng bất đắc dĩ lại phải bám vào chúa Trịnh Bồng. Lúc nghe tin Chỉnh lại ra bắc, sợ Chỉnh không dong mình, Nhưỡng bèn dẫn quân về Đông, xin lĩnh hai trấn Hải Dương, Yên Quảng để tránh tai vạ. Khi chúa chạy về Quế Ổ, Nhưỡng vẫn vẫy vùng ở phía đông chưa hề lần nào đến thăm chúa. Đến lúc này, chúa đến Hàm Giang, Nhưỡng luôn luôn tỏ vẻ nhạt nhẽo, lễ ý xem chừng cũng đơn bạc. Toại và Châu ngày đêm ở bên cạnh chúa. Đối với Toại thì Nhưỡng ghen ghét là con nhà tướng; đối với Châu thì Nhưỡng khinh rẻ là kẻ bạch đinh. Hai người dò biết ý Nhưỡng, sợ có điều gì bất trắc, nên đều từ giã chúa và ra đi cùng một ngày.

Chúa khóc tiễn đưa hai người và nói:

- Tục ngữ có câu "chết đuối vớ phải bọt" bám cũng không được, chẳng bao lâu nữa ta cũng đi thôi, giữ các người ở lại làm gì cho nhục!

Chúa ở lại hơn mười ngày, Nhưỡng không hề nói đến việc quân, việc nước. Chợt một đêm, Nhưỡng tới chỗ chúa ở mà nói:

- Trời thanh trăng sáng, vẻ thu rất đẹp, thần đã đem rượu lên thuyền chờ đợi, xin chúa hãy đi một lúc, ngắm xem phong cảnh cho khuây nỗi buồn.

Chúa tỏ vẻ sầu não mà rằng:

- Phong cảnh vẫn như thường mà trước mắt thấy non sông khác lạ. Ta chưa giết được quân thù, không nên quên ngồi trên áo giáp. Bơi thuyền uống rượu không phải là việc của ta ngày nay. Tướng quân hãy đi mà chơi?

Sau khi Nhưỡng đi, chúa rầu rầu tựa ghế, bảo bọn người hầu:

- Quan võ đều không thể trông cậy, hoặc giả bọn quan văn có khá hơn chăng!

Chúa bèn viết bức thư sai người ngấm ngầm đưa cho quan Bình chương là Trương Đăng Quỹ. Thư nói rằng:

"Kiếp này sinh ra lỗi thời, gặp lúc nhà nước lâm nạn; lạm dự vào dòng đích nhà chúa, rất lo cho việc tôn miếu xã tắc. Dâng biểu trần tình, may được Hoàng thượng cho về triều kiến. Lúc mới về, chỉ muốn giữ lấy việc thờ phụng tổ tiên cho tròn đạo hiếu, thực không có bụng chuyên quyền giữ nước. Sự thể đổi thay, lại bị chư tướng ép buộc, thành ra trái ý Hoàng thượng. Lúc Chỉnh vào Kinh, cung khuyết liền bị tiêu huỷ. Con chim bị cháy tổ, bay quanh không biết nương nhờ vào đâu. Vì thế phải phiêu bạt giang hồ, không dám về nơi Kinh khuyết. Nay Quế Ổ, mai Hàm Giang, chỉ vì lo tìm nơi trú ngụ, bèn vướng lấy hình tích chống chế triều đình, khiến kẻ ghét mình có cớ mà nói. Mảnh lòng kính thuận, không có cách nào thấu đến bề trên. Ông dùng lời lẽ khéo léo, tâu bày giúp cho. Lần này dù tiến dù lui, tuỳ theo mệnh lệnh của Hoàng thượng".

Quỹ tiếp thư ấy, liền đem tâu vua. Vua ngậm ngùi mà rằng:

- Tấm lòng thật thà của chúa, trẫm đã lường biết. Chỉ vì không khéo xử sự trong lúc gặp biến cố nên mới đến nỗi như thế. Nếu đã nghĩ lại và đã hối lỗi, trẫm sẽ có cách đối đãi, chẳng những giữ được dòng dõi, mà cũng không mất địa vị giàu sang.

Luôn dịp, vua Lê liền sai Quỹ làm sứ thần đi nghênh tiếp, đón chúa về triều.

Lúc đó, chúa ở Hàm Giang, nghe nói Nhưỡng và Chỉnh ngấm ngầm thông tin tức với nhau, ngỡ rằng bọn chúng có mưu đồ gì khác bèn than rằng:

- Đây không phải là chỗ yên lành có thể ở được. Ta thà vượt biển vào núi còn hơn là ngồi đây chịu nhục.

Rồi chúa sai người hầu bí mật mượn mấy chiếc thuyền buôn, đang đêm đem cả đồ đảng, thuận gió xuôi buồm chạy thẳng tới Sơn Nam. Sáng ngày Nhưỡng mới biết, rất lấy làm kinh sợ mà nói:

- Chúa đi sang Nam mà không bảo cho ta biết trước, phải chăng là có ý ngờ ta? Nếu không theo chúa, lòng này không sao bộc bạch được, thiên hạ sẽ cho ta là người thế nào?

Tức thì, Nhưỡng cũng cưỡi chiếc thuyền binh chạy theo chúa.

Chúa đến huyện Chân Định thì có Phạm Tôn Lân[1] lên thuyền yết kiến.

Lân quê ở làng Bác Trạch, huyện Chân Định[2] vốn dòng dõi thế phiệt; ông tổ đời trước là Phạm Tôn Nhậm, một danh tướng của Trịnh Doanh, khoảng đầu niên hiệu Cảnh Hưng từng lập được nhiều chiến công, trong quận ấp ai cũng kính phục. Tính Lân hào hiệp, khách ăn trong nhà thường có hàng trăm, khí giới cất giấu đầy đủ. Trong đám thổ hào của trấn Sơn Nam Hạ, Lân là bậc nhất.

Lúc ấy gặp chúa, Lân bàn việc binh cùng chúa và vạch chước tiến thủ. Chúa rất mừng và nói:

- Tiếc rằng ta gặp ngươi muộn quá! Ngươi hãy cố gắng giúp ta để nối công đức của tổ tiên ngày xưa.

---

(1) *Cương mục* chép là Phạm Đình Thiện.

(2) Nay là huyện Kiến Xương, thuộc Thái Bình

Lân nói:

- Thần vốn không có tài gì. May được nhờ oai linh của chúa dám đâu không hết lòng hết sức.

Rồi đó, Lân mời chúa về nhà, nhóm họp đồ đảng, hộ vệ cho chúa.

Hôm sau, Nhưỡng cũng đã theo đến nơi. Trước hết, Nhưỡng sai người đưa một tờ khải cho chúa, trong nói:

"Nhà thần bao đời được đội ơn dày, một lòng với nhà chúa. Nay thần với Chỉnh, nói về tình tuy có quen thuộc, nhưng nói về thế thì không thể nào đứng đôi. Cả nước ai cũng biết điều đó, thần dám có lòng nào để nhục đến tổ tiên đời trước, xin chúa xét cho, khiến thần có thể lập được chút công, bù lại lỗi trước...".

Chúa xem khải rồi hỏi ý Lân. Lân vốn nghe tiếng tăm của Nhưỡng, thường coi là tay cự phách xứ Đông, nay may được chung sức làm việc thì rất lấy làm mừng nên cố khuyên chúa đem lòng thành thực mà dùng Nhưỡng để thêm thế lực. Chúa nghe lời. Lân lập tức tự mình ra đón Nhưỡng cùng vào gặp chúa. Do đó hai người rất là tương đắc. Họ liền đưa hịch đi các phủ Thái Bình, Kiến Xương, Thiên Trường[1] hẹn cùng dấy quân đánh Chỉnh. Trong khoảng mười ngày, người theo về có đến vài vạn. Họ định ngày cùng tiến quân, thuyền bè đầy sông, thanh thế lừng lẫy, xa gần đều hưởng ứng. Nhiều người cho rằng nghiệp chúa có thể tính ngày mà khôi phục. Con em nhà quan lúc trước, như bọn Đoàn Nguyễn Tuấn, Phạm Giáp, Nhữ Công Liêu, Đào Nhữ Toản cũng đều chiêu mộ người làng đến họp. Các xứ đông tây cùng nổi dậy trong một lúc.

---

(1) Thái Bình, Kiến Xương sau đều thuộc tỉnh Thái Bình; Thiên Trường sau là Xuân Trường thuộc Nam Định.

Bấy giờ Trương Đăng Quỹ vâng mệnh đi đón chúa, đến huyện Tiên Hưng, đường bị nghẽn, phải trở lại.

Vừa lúc ấy có người từ Kinh thành đến yết kiến chúa, nói rõ việc Chỉnh chuyên quyền kiêu ngạo, lòng người không phục, vua cũng nghi kỵ, và khuyên chúa nên kíp tiến binh đánh Chỉnh. Chúa nói:

- Ta có viên tướng cũ là Bùi Nhuận, hiện ở Kinh thành coi quân Kim Ngô, lĩnh chức Tứ thành đề lĩnh, có thể bảo y làm nội ứng. Chức trách của Nhuận là việc tuần phòng, chắc không ai nghi ngờ.

Rồi chúa bèn sai người đưa tờ chỉ bí mật cho Nhuận, nói về việc ấy.

Tiếp chỉ, Nhuận liền bàn với người thân tín đổi hết các quân canh giữ cửa ô. Con Hữu Chỉnh là Bái Xuyên hầu dò biết việc đó, lập tức sai quân bắt Nhuận: rồi sai tướng của Chỉnh là Nguyễn Viết Tuyển hiện làm chức trấn thủ Sơn Nam đem quân đánh chúa.

Lúc lính thuỷ của Tuyển tới sông Ngô Đồng[1] mà lính bộ chưa đến cửa Đại Hoàng[2] có người dò biết về báo với chúa. Nhưỡng đem hai chục thuyền biển lớn nhất, dàn ngang sông thành trận chữ "nhất" trên đầu thuyền bày đặt các thứ súng, trông như bức thành. Quân Tuyển đến đánh, vì thuyền nhỏ không thể chống cự nhiều chiếc bị súng Bảo long bắn chìm xuống sông, Tuyển sợ, định lui giữ Hoàng Giang[3] để cùng bộ binh nương tựa lẫn nhau.

Thình lình có gió đông nam nổi lên. Nhưỡng liền sai các hải thuyền tản ra, ghé sát vào hai bờ, rồi buộc thuyền lại mà

(1) Thuộc huyện Giao Thuỷ, Nam Định
(2) Thuộc huyện Yên Mô Ninh Bình.
(3) Tên sông thuộc phủ Lý Nhân, Hà Nam.

lên bộ. Tiếp đó Nhưỡng chỉ huy quân lính từ trên bờ theo chiều gió bắn xuống thuyền quân của Tuyển. Nhưng quân Nhưỡng toàn là quân ô hợp, đứng, ngồi, tiến, lui chưa quen hiệu lệnh, lại hờ hững không có chí chiến đấu: nên sau khi lên bộ, hàng ngũ lộn xộn, chẳng ra sao.

Tuyển ở dưới sông trông thấy vậy liền hô to:

- Quân Nhưỡng thua rồi!

Thế là quân lính của Nhưỡng đâm nghi hoặc, rồi hoảng sợ, tan vỡ, đua nhau cướp đường mà chạy, giày xéo lẫn nhau, không sao ngăn cấm được nữa. Thuyền bè bỏ bừa ven sông, đều bị quân Tuyển bắt được.

Quân Lân ở sau, trông thấy quân của Nhưỡng thua chạy tan tác, lại nghe nói Nhưỡng đã bị giặc giết rồi, nên đều kinh ngạc run sợ. Riêng Lân cũng không thể kiềm thúc được nữa, thế là cùng lúc ấy, đám quân tan vỡ luôn. Lân bèn hộ vệ chúa, cưỡi một chiếc thuyền, xuôi dòng chạy sang phủ Thái Bình. Chừng nửa đêm đến huyện Đông Quan, chợt nghe tiếng súng đùng đùng, giống như hiệu lệnh hành quân. Có người bảo quân Tuyển đuổi theo. Có người ngờ là bọn cướp. Sau Lân sai người đi dò, mới biết đó là quân của Trần Mạnh Khuông.

Trần Mạnh Khuông là một người hào mục ở huyện Đông Quan, gia tư giàu có, lại có nghĩa khí. Khi mới tiếp được tờ hịch, lập tức tụ tập quân lính trong huyện để hưởng ứng việc nghĩa, hẹn ngày hôm ấy xuất quân ra đi. Lúc này quân Khuông đóng ở Bái Hạ cách đấy không xa.

Nghe nói, chúa bèn vội vàng sai người đến gọi Khuông. Khuông theo sứ giả tới yết kiến, chúa nói:

- Quả nhân tài hèn, đức kém, không biết tự lượng sức mình, hễ hành động gì liền bị vấp ngã. Bây giờ nên làm thế nào?

Khuông nói:

- Thua được là sự thường của nhà binh, dù là đạo quân thắng trận luôn, cũng phải có một lúc thua trận. Cho nên tướng giỏi đời xưa trước hết phải xem hình thế, đắp doanh luỹ, chứa lương thực, phòng bị sẵn những khi xảy ra việc cần kíp, làm cho khi tiến có thể đánh, khi lui có thể giữ. Đó chính là cái chước vạn toàn, không làm gì đến nỗi thua một trận mà phải bẹp hẳn. Ở huyện tôi có làng Bái Hạ, bốn mặt đều là đồng lầy, phía trước có sông lớn chặn ngang, chỉ có một lối ra vào, lại có khe nhỏ quanh co thông với con sông, có thể dùng để chuyển vận quân lương. Cuộc loạn lạc năm trước, địa phương đây ở vào chỗ xung yếu của hai vùng đông và nam, nên tôi đã cho sửa sang lại, nay hào rãnh đều đã bền vững, chỉ hiềm luôn mấy năm mất mùa, thóc lúa tích trữ chưa được đầy đủ mà thôi. Xin chúa hãy tạm rời xa giá về đó, rồi thong thả hãy tính chuyện sau.

Chúa Trịnh nghe theo, bèn phong cho Lân làm Quân phủ trưởng sứ, Khuông làm chức Hành doanh sứ, dẫn quân vào đóng ở ấp Bái Hạ.

Ở đó mới được vài đêm. Khuông sai người đi trưng thu lương thực chưa về, thì Chỉnh đã lại sai Nguyễn Như Thái đem lính bộ đến hợp với quân của Tuyển, hai đường bộ thuỷ tiếp nhau, hai mặt trước sau đánh dồn lại. Trong đồn tựa vào hình thế hiểm yếu mà giữ, quân Chỉnh đánh luôn mười ngày không hạ được. Tuyển bèn đắp lấy luỹ dài để tuyệt đường lương thực của quân chúa. Quân chúa hết lương đến nỗi phải đào cả củ chuối mà ăn, tình thế rất là khốn quẫn.

Lân và Khuông vội gọi các thủ hạ mà bảo rằng:

- Ngồi đây để làm con ma chết đói của làng Bái Hạ, sao bằng quyết một trận tử chiến giết lấy vài trăm tên giặc cho

sướng tay. Các ngươi ai là người có thể chung lòng góp sức với ta, để ta khỏi mang tiếng phụ chúa, mà các ngươi cũng không mang tiếng phụ ta. Dẫu có chết còn được là con ma trung nghĩa. May mà không chết, rồi đây công lao sự nghiệp sẽ không biết đến đâu mà lường!

Mọi người nghe nói đều cảm động, có hơn trăm người xin đi theo. Đêm đến, bốn bề đã vắng lặng, họ bèn cưỡi thuyền nan, theo đường khe mà đi ra. Nhân lúc Tuyển và Thái sơ ý, họ liền phóng hoả đốt doanh trại. Hai người hoang mang không kịp chống cự. Lân và Khuông tức thì phá vỡ vòng vây, đem chúa ra, cướp mấy chiếc thuyền rồi theo cửa biển chạy thẳng về phía đông. Tuyển đem quân đuổi theo, nhưng không kịp. Thái thả quân vào làng Bái Hạ, chém giết lung tung, trai, gái, già, trẻ không còn sót một người. Từ khi dấy cuộc binh đao đến tới lúc này, không chỗ nào không có nạn chém giết, nhưng chưa có đâu bị chém giết thảm hại như ở đây.

Lại nói sau trận thua ở sông Ngô Đồng, Nhưỡng một mình chạy về phía Đông, thuyền bè và đồ quân dụng bỏ mất gần hết.

Đến khi đồn Bái Hạ bị vỡ, chúa chạy về Hải Dương, lại cùng bọn Lân vượt biển tới đất Yên Quảng, giả làm khách buôn, chia nhau ở trọ trong các nhà dân ở châu Vạn Ninh[1]. Chẳng bao lâu, Lân vì có việc nhà cáo từ xin về người theo hầu chúa chỉ còn lại Mạnh Khuông mà thôi. Sau đó hơn một tháng Khuông lại mắc bệnh rồi chết. Lúc bấy giờ bên cạnh chúa không có ai, chúa một mình sống lén lút ở vùng ven biển, tình cảnh rất là điêu đứng.

(1) Nay là đất Móng Cái (Quảng Ninh).

Chúa nghĩ bụng: "Giàu sang ở kiếp phù sinh, đều là cảnh mộng. Bởi vậy, ngày xưa đã có người thề xin đời rằng đừng sinh vào nhà đế vương... Phật thương hết thảy chúng sinh bị chìm đắm trong biển khổ. Óc Người thông suốt, ý kiến Người thông suốt, thật như gương sáng muôn đời. Từ lúc ta ở trọ đất Chương Đức đã có ý nghĩ như thế. Bây giờ nên quay đầu lại là hơn".

Thế rồi chúa Trịnh gột sạch ma chướng ở đời, tự xưng là Hải Đạt thiền sư, dạo khắp các chùa ở vùng Lạng Sơn, Cao Bằng.

Bấy giờ có người học trò ở đất Kinh Bắc tên là Vũ Kiền, chạy loạn lên Lạng Sơn gặp Hải Đạt thiền sư ở chùa Tam Giáo, nhân trong lúc đàm kinh thuyết pháp, Kiền ngầm biết đó là chúa, bèn báo với bọn phiên thần ở đó là Hà Quốc Ký và Nguyễn Khắc Trần[1].

Hai người bèn vờ nói là có việc làm chay, đón Hải Đạt thiền sư về nhà, rồi đuổi hết người nhà ra mà bảo với nhà sư rằng:

- Chúng tôi nối đời làm bề tôi ở chốn biên cương. Ở xa vẫn mến oai đức của triều đình, thường thì chỉ nghe người ta nói vua Lê chúa Trịnh như ở trên trời. Nếu như thiên hạ vô sự, bọn chúng tôi làm gì được trông thấy chúa. Chẳng may nhà nước có nạn, xe chúa phải tới biên ải, thần dân ai chẳng đau lòng. Lúc này chính là dịp cho kẻ trung thần nghĩa sĩ ra tài kinh luân. Vậy chúng tôi xin rước chúa về ở Đoàn Thành[2], xướng nghĩa cả, để lo việc hưng phục. Trông nhờ vào phúc hồng của chúa, thành được công lớn thì may chăng lũ tù trưởng nhỏ mọn ở xứ mọi rợ này được dự vào hàng ở

(1) Có bản chép là Nguyễn Khắc Lâm.

(2) Tức thành trấn Lạng Sơn.

cuối vân đài[1] ấy là ý nguyện của chúng tôi.

Nhà sư nhắm mắt chắp tay khoan thai trả lời:

- Sư già này xuất gia theo Phật, không can dự đến việc đời. Các ông chớ có nhận lầm, khiến cho đương lúc yên lặng lại sinh ra bao nỗi phiền não. Trong thiên hạ ai là vua, ai là chúa đã có mệnh trời; sư già này chỉ biết một lọ một bát tu hành ở cửa thiền, làm môn đồ đức Phật Như Lai mà thôi.

Vũ Kiền lúc ấy cũng thưa rằng:

- Thần tuy chưa được vào chầu phủ chúa, nhưng khi du học ở Kinh sư cũng đã từng trông trộm dung nhan của chúa. Người trong nước còn có lòng ấy, chúa cũng không nên từ chối. Thần nghe nói, nghiệp vương phải khó nhọc, không thể ngồi yên mà làm nên được. Bởi vậy, Quang Võ đã phải bạc cả tóc đầu. Tiên chúa[2] thì phải mòn hết thịt vế. Những cơn nguy hiểm ở Quế Ổ và Bái Hạ gần đây cũng giống như việc Tuy Thuỷ, Hô Đà đời Hán[3], chỉ vì không nản chí, không ngã lòng, rốt cuộc họ đã làm nên nghiệp lớn. Thần chưa từng bao

---

(1) Vân đài: đài cao chạm mây, nơi vua Minh Đế nhà Hán sai vẽ hình 28 người công thần.

(2) Quang Võ là vua đầu nhà Đông Hán. Tiên chúa tức Lưu Bị là vua nhà Thục đời Tam quốc.

(3) Theo *Hán thư*, sau khi Hán vương là Lưu Bang vào chiếm Bành Thành, Sở vương là Hạng Võ đem quân trở về, phá tan quân Hán trên sông Tuỵ Thuỷ và vây Hán vương ba vòng, may gặp có gió lớn nổi lên, thổi tan quân Sở, Hán vương mới chạy thoát.

Cũng theo *Hán thư*: Khi vua Quang Võ đi đến trạm Khúc Dương, phía sau có quân Vương Lãng đuổi theo, mọi người đều kinh sợ. Quang Võ cho người đi dò đường thì họ nói, trước mặt có sông Hô Đà nước chảy mạnh lắm, không thể qua được. Quang Võ lại bảo Vương Bá đi xem lại. Vương Bá e quân lính hoảng sợ, bèn nói là ở sông băng giá đóng rất chắc, có thể đi qua được. Quang Võ bèn bảo Bá hộ vệ mình qua sông, nhưng mới qua được mấy người thì băng đã tan.

Ở đây mượn hai điển này để nói: làm nên nghiệp lớn thế nào cũng phải trải qua nhiều gian nan, nguy hiểm thì mới đi tới thành công.

giờ thấy ai đường đường là một vị vương giả mà lại lui về làm nhà sư nhàn hạ. Xin chúa hãy nghĩ lại.

Nhà sư khóc và nói:

- Cái cảnh "Thử ly", "Mạch Tú"[1] ở đâu cũng đều cảm động. Ta không phải là loài gỗ đá, sao không căm hờn. Nhưng đã hết sức của ta, mà vẫn không thể giành được với trời, nên đành phải nín nhịn để giữ lấy mình, đâu còn dám làm càn để lại lầm lẫn lần nữa?

Chúa đã nói lộ bản tướng, liền bị mọi người vin lấy mà bắt buộc phải truyền sắc lệnh ra điểm quân thu lương.

Bọn Ký và Trần đều là kẻ tầm thường, không nghiêm cấm nổi thủ hạ, để chúng làm bừa những việc phi pháp. Nhân dân không thể chịu đựng được, họ bèn nổi lên làm loạn, giết bọn Ký và Trần, rồi đuổi chúa đi. Chúa chạy về đất Hữu Lũng[2] rồi từ đó nấp náu trong chốn núi rừng, cả nước không còn thấy mặt chúa ở đâu nữa.

Họ Trịnh từ Thái Vương là Trịnh Kiểm thụ phong, truyền đến Thịnh Vương là Trịnh Sâm, vừa được 8 đời thì xảy ra biến loạn. Rồi đến Đoan Nam Vương là Trịnh Khải, Án Đô Vương là Trịnh Bồng thì nghiệp chúa hết. Tất cả trước sau gồm 243 năm[3].

Xét trong địa ký chép về đất phát tích của tổ tiên họ Trịnh có lời đoán rằng: "Chẳng đế chẳng bá, quyền nghiêng thiên hạ, truyền được tám đời, trong nhà dấy vạ".

---

(1) "Thử ly" là một bài thơ trong *Kinh Thi* nói về cảnh cung điện nhà Chu bị tan hoang thành ra ruộng lúa. "Mạch tú" là bài hát của Cơ Tử nói về việc nhà Thương mất nước cung điện thành ruộng cấy lúa mạch. Ở đây chỉ cảnh tang thương của họ Trịnh.

(2) Nay thuộc Lạng Sơn.

(3) Theo *Lịch triều hiến chương loại chí* thì tất cả là 248 năm, gồm 11 đời chúa, kể từ Trịnh Kiểm năm Kỷ Hợi (1539) đến Trịnh Bồng năm Bính Ngọ (1786).

Xem thế đủ biết, cái lý hưng vong tuy là việc của người, mà cũng tự có số mệnh vậy.

Lại nói sau khi Chỉnh đưa Tây Sơn vào nước, dân chúng oán Chỉnh thấu đến xương tuỷ. Lúc Chỉnh tất tả chạy về Nghệ An, người cả một xứ ai cũng muốn giết Chỉnh cho hả dạ. May được vua Lê có chỉ vời, Chỉnh bèn lấy việc dấy quân ra bảo vệ nhà vua mà thoát khỏi tai nạn. Rồi Chỉnh lại được nhà vua mở lòng tin dùng, cho nên mọi người trong ngoài chỉ dám oán mà không dám nói. Các quan văn võ trước kia, đều dấy quân và lên tiếng giết Chỉnh. Chỉnh mượn nhà vua để sai khiến nhà nước, tự tiện làm oai làm phúc, luôn luôn đem quân đi trừ khử những người muốn hại mình. Thế rồi bắt Trọng Tế, giết Phùng Cơ, đem quân đánh mãi Án Đô Vương, làm cho vương phải chạy trốn lang thang không dám về kinh.

Việc Chỉnh làm phần nhiều là càn bậy, nhưng đụng đâu là thắng đấy, nên chẳng ai biết làm thế nào. Vì thế, Chỉnh càng ngày càng làm lắm điều bạo ngược. Thậm chí Chỉnh coi nhà vua như đứa trẻ con, khi bảo làm thế này khi bảo làm thế kia, không còn kiêng sợ gì cả. Bụng Chỉnh còn e dè, chỉ một Bắc Bình Vương mà thôi. Chỉnh thường nói riêng với người thân tín rằng:

- Bắc Bình Vương là người anh hùng hào kiệt ở miền Nam ta cũng không thua. Hắn quỷ quyệt hơn ta, nhưng ta khôn ngoan hơn hắn. Năm trước ta cùng cộng sự với hắn, nên ngày nay ta hãy nhường hắn một nước cờ, đợi khi trong nước tạm yên ta sẽ chuyên tâm lo việc phương Nam. Lúc đó ta có thể tập hợp binh mã, cùng hắn giao phong trong một trận lớn lao. Đã trừ khử được vật ngăn trở rồi thì từ đèo Ngang trở về Nam, lại là bờ cõi của nước nhà. Nay Trần Bình Chương vào Nam bàn việc bờ cõi, dù bất đắc dĩ mà phải nhường đất Nghệ

An cho họ, thì cũng như cái mưu khôn xưa kia nước Tấn đem ngọc bích và ngựa tốt đút cho nước Ngu. Hán Cao Tổ đem đất Quan Trung nhường cho Hạng Vũ đấy thôi[1]. Đúng như lời sách xưa đã nói: "Định lấy của nó hãy tạm cho nó"[2]. Điều đó người thường không thể biết được!

Vì thế, đối với việc Nghệ An, Chỉnh mới dùng lễ vật nhiều, lời nói ngọt, mong sao cho được vô sự; lại đem hết những điều uỷ khúc trong lòng mà dặn dò Trần Công Xán. Chỉnh cho rằng chuyến đi ấy thế nào cũng dẹp yên được việc binh đao, nên không còn để ý đến việc quán lữ và việc bờ cõi nữa. Không ngờ rằng Bắc Bình Vương lập tâm bắt Chỉnh đã lâu, nhưng cơ mưu giấu kín quá nên Chỉnh không biết. Hoặc có người nhắc đến việc biên cương thì Chỉnh cũng xem thường, cho là kẻ hiếu sự đoán mò, hay cho là tin đồn nhảm ngoài đường sá mà thôi. Tới lúc sứ bộ chết đắm ở biển, nhiều người trong triều bảo đó là do Bắc Bình Vương sợ lộ việc tranh chấp mà giết ngầm đi, khi nội biến đã yên, thế nào họ cũng sẽ mưu đồ đánh ta; Chỉnh cũng vẫn không cho là phải.

Sau khi Bắc Bình Vương đã hoà với quân Tây Sơn[3] liền trở về Phú Xuân mở đại hội các tướng mà bảo họ rằng:

- Nguyễn Chỉnh là người đã chết, ta lại vẽ mặt vẽ mày cho. Nay hắn bay nhảy ở Bắc Hà, phò vua Lê để sai khiến cả

---

(1) Thời Xuân thu, nước Tấn lấy ngựa và ngọc quý đút lót cho nước Ngu để mượn đường đánh nước Quắc; đến khi diệt được nước Quắc rồi, Tấn liền quay lại diệt luôn nước Ngu, thu lại ngọc quý và ngựa đã biếu - việc Hán Cao Tổ cũng tương tự tạm nhường đất Quan Trung cho Hạng Vũ rồi sau lại lấy lại.

(2) Câu này nguyên văn chữ Hán là "Tương dục thủ chi tất cố dữ chi". Trong *Đạo đức kinh* của Lão Tử cũng có câu tương tự là: "Tương dục đoạt chi tất cố dữ chi" (muốn chiếm đoạt của nó, hãy tạm cho nó). Có thể tác giả dẫn câu này là thoát thai từ câu của Lão Tử.

(3) Theo các tài liệu lịch sử thì hai anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ giảng hoà với nhau ở thành Quy Nhơn, Bình Định.

nước. Đã không lo đền đáp ơn ta mà còn định cắn lại, mưu đồ giành đất Nghệ An, đặt làm một trấn quan trọng, để bắt chước việc chúa Trịnh xâm lấn phương Nam ngày xưa. Thằng giặc ấy đáng giết. Không biết hắn đã sắp sẵn được bao nhiêu binh mã, có thể đánh nhau với ta được một trận hay không?

Tức thì, Bắc Bình Vương sai bọn Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân, kéo quân ra Nghệ An, họp cùng Võ Văn Nhậm tính việc đánh dẹp phương Bắc. Tiếp đó lại cho Võ Văn Nhậm lĩnh ấn Tiết chế, các tướng đều phải ở dưới quyền. Khi sắp đặt đã xong, Bắc Bình Vương hạ lệnh giục họ tiến quân. Bấy giờ đúng vào mùa đông năm Đinh Mùi (1787).

Khi Văn Nhậm kéo quân qua Thổ Sơn, Trấn thủ Thanh Hoa là Lê Duật không dám chống cự, rút quân lui giữ Trinh Giang[1] rồi cho người phi ngựa về Kinh cáo cấp. Tin cáo cấp một ngày đến chín lần, làm cho Kinh thành nhao lên, nhân tình tan rã, vội vàng mang xách, bồng bế nhau ra ngoài thành để trốn tránh, phố phường đều đóng cửa thôi buôn bán, đường sá cũng ít người đi lại, trong chốn đài sảnh chỉ còn người có chức vụ đi lại mà thôi.

Vua Lê sai các quan cùng họp ở dinh của Chỉnh để bàn cách đánh giữ. Chỉnh nói:

- Đời nhà Tấn khi quân nhà Tần ập đến bờ cõi, Tạ An vẫn cười nói như thường; đời Tống, khi quân Khiết Đan vào sâu trong nước, Khấu Chuẩn vẫn điềm nhiên như không. Các vị đại thần cần phải trấn tĩnh, không nên tự mình bối rối trước, chỉ tổ làm lung lay mọi người. Chức trách của Lê Duật là trông giữ đất đai, thấy giặc đến không thể không báo cáo, nhưng y cũng là một tay tướng giỏi, Võ Văn Nhậm vị tất đã dễ dàng nuốt sống được y. Vả chăng, sông Trinh Giang, sông

(1) Sông Trinh Giang thuộc xã Trinh Sơn, huyện Hoằng Hoá, Thanh Hoá.

Thanh Quyết[1], sông sâu nước lạnh, dù có thiên binh vạn mã chưa dễ vượt nổi qua một cách yên ổn. Công việc đánh hay giữ đã có định cục, làm gì phải luống cuống.

Quan Phó Đô ngự sử là Nguyễn Đình Giản nói:

- Thanh Hoa là đất " thang mộc", lăng tẩm mấy triều đều ở đấy. Nay người Tây Sơn tới đánh, cả vùng Tĩnh Gia đã bị chiếm mất, còn các vùng Thiệu Thiên, Hà Trung đều thành chiến trường, xã tắc nguy như treo trên sợi tóc. Ông làm vị quan đầu triều, binh quyền ở trong tay, định cục như thế nào, thử nói ra cho rõ ràng, để chúng tôi đều đem hết ý kiến nông cạn, cùng ông lo liệu. Việc thiên hạ không phải là chuyện riêng một nhà, sao không nói cho mọi người đều biết? Ngày xưa người Nguyên cười người Tống rằng: "Đợi khi chúng bay bàn bạc ổn thoả thì ta đã qua sông rồi". Nay không lo liệu cho sớm, chờ khi quân giặc đã đến ô Cầu Dền thì giả sử Tạ An, Khấu Chuẩn[2] có sống lại họ cũng không thể trấn tĩnh được!

Ninh Tốn và Nguyễn Bá Lan[3] cũng đều nói:

- Quan ngự sử nói rất đúng.

Ngày thường Chỉnh quen dùng miệng lưỡi để lấn át người ta, người ta cũng sợ khí thế của y, nên không dám tranh cãi lại. Nhưng lúc ấy, tin tức về quân địch gấp rút đưa đến, trong bụng rối beng, lại bị Giản bẻ, nên Chỉnh chưa biết trả lời ra sao. Quan Bình chương Phan Lê Phiên nói:

- Không cần nói nhiều, quân giặc đến chỉ có đánh mà thôi. Bộ hạ của ông, người nào có thể làm tướng, xin tâu với

(1) Sông Thanh Quyết tức khúc sông Đáy thuộc huyện Gia Viễn, Ninh Bình.

(2) Tạ An người đời Tấn, làm đại đô đốc, có tài chỉ huy, đã cứu nguy cho kinh đô đang lúc bị hàng trăm vạn quân Bồ Kiến uy hiếp. - Khấu Chuẩn, người đời Tống, khi quân Khiết Đan xâm phạm bờ cõi, được vua Châu Tông giao cho chỉ huy quân sự, ông đã dùng kế buộc địch phải rút về nước.

(3) Có bản chép Nguyễn Nhuận

Hoàng thượng cho làm tướng; toà Xu mật sẽ cấp binh bài, toà Độ chi sẽ cấp lương thực; ngày nay vào bái mạng, ngày mai tức tốc lên đường; không thể chậm trễ!

Chỉnh nói:

- Ý tôi cũng vậy, nói trấn tĩnh là nghĩa như thế!

Chỉnh liền tâu vua cho Nguyễn Như Thái làm Thống lĩnh, Ninh Tốn làm Tham tán quân vụ, đem quân cùng họp với Duật, chống địch ở chốn Thanh Hoa.

Lại nói Duật đóng quân ở Trinh Giang, Nhậm bèn sai người đến nói rằng:

- Ngày mai đại quân qua sông, ngươi dám đánh nhau thì bày trận chờ đợi. Nếu không có thể đánh nhau thì mau mau tới đầu hàng.

Lúc đó Nhậm đóng quân ở phía nam Trinh Giang, trước tiên sai Ngô Văn Sở đem quân men theo chân núi đi về phía tây, cất lẻn qua sông Tất Mã, đánh úp phía sau quân Duật. Duật không hề biết, tối hôm ấy rút quân chạy cả đêm; hôm sau tới Cao Lũng, đã thấy quân Sở ở đấy, quân Duật sợ hãi, chạy tan tác ra tứ phía. Duật bị quân Sở giết chết. Khí giới, lương thực hết thảy đều bị quân địch thu lượm.

Nguyễn Như Thái đi đến Châu Cầu[1], nghe tin Duật đã thua và chết, vội gọi Ninh Tốn cùng bàn. Tốn nói:

- Binh pháp dạy rằng: "Tranh được núi thì thắng, giữ chỗ hiểm thì vững". Giữa Thanh Hoa Nội và Thanh Hoa Ngoại có núi Tam Điệp[2] ngăn cách, ấy là chỗ trời đất xây dựng, rất là hiểm yếu. Ta nên tiến quân gấp để giữ lấy, chớ để quân giặc chiếm trước. Được như vậy thì từ Trường Yên[3] về bắc còn là

(1) Nay là thị xã Phủ Lý, Hà Nam.

(2) Tục gọi núi Ba Dội, ở chỗ giáp giới giữa Thanh Hoá và Ninh Bình ngày nay.

(3) Tên phủ, sau đổi là Yên Khánh, thuộc tỉnh Ninh Bình.

của mình. Nếu núi Tam Điệp mà mất thì lộ Sơn Nam thênh thang với những cánh đồng bằng phẳng rộng rãi, e khó tranh nhau với giặc, việc nước sẽ không thể nào làm được nữa.

Thái cho là phải, lập tức chỉnh đốn đội ngũ, đang đêm gấp rút tiến quân. Mờ sáng, quân Thái qua sông Gián Khẩu[1] thì nghe tin quân Nhậm đã vượt qua núi Tam Điệp, Phan Văn Lân đã đem quân tuyển phong đóng ở Hàm Mai[2], cách đấy chỉ có vài dặm. Thái vỗ ngực kêu to mấy tiếng, rồi đem quân bày trận trên bờ sông Gián để chờ địch.

Quân Tây Sơn đến, chia hai ngả đánh kẹp vào. Quân Thái lẻ loi không có quân cứu viện, cố sức đánh nhau từ sáng đến trưa, tên đạn đều hết sạch. Bọn lính đằng trước trở giáo hàng địch. Thái biết thế không thể chống nổi, bèn cùng vài chục người bộ thuộc, phi ngựa chạy về phía bắc. Quân địch đuổi theo, bắn chết hết. Ninh Tốn chạy trốn vào nhà dân được thoát nạn.

Văn Nhậm đã thắng trận, tức thì dẫn quân tiến lên.

Chỉnh đang ăn thì tin báo đến nơi, luống cuống vứt đũa, chạy vội vào nhà, gọi Hữu Du và bảo:

- Chiến tướng của ta chỉ có bốn người. Thái và Duật chẳng may chết rồi. Tuyển ở Sơn Nam, Thước ở Kinh Bắc, gọi về không kịp. Tình thế gấp rút ta phải tự ra cầm quân. Con nên sắp đủ binh lính, lương thực cùng đi với ta. Quân cha, con cùng dốc một lòng mới có thể nên việc được.

Du nói:

- Sách có câu: "Thờ cha phải hết sức, thờ vua phải liều mình". Con xin đi trước đánh với giặc một trận lớn, không dám để vua và cha phải lo vì giặc. Cha cứ đi thong thả mà

(1) Tức sông Gián cũng thuộc Ninh Bình.

(2) Có sách chép là Đa Mai

đốc thúc việc chiến trận, con sẽ lấy đầu thằng Võ Văn Nhậm đem về cho cha xem.

Lúc Chỉnh sắp ra đi, người hầu yêu nắm vạt áo của y mà nói:

- Thiếp nghe đâu các quan trong triều đều đã đem vợ con đi trốn trước rồi, đài sảnh hiện bỏ không tất cả. Bây giờ quan lớn lại ra đánh giặc, Tướng sĩ cũng đều theo đi hết, riêng thiếp ở lại đây một mình, chịu làm sao được? Vậy xin cho thiếp một chiếc kiệu nhỏ để thiếp đi theo quan lớn.

Chỉnh nói:

- Trong vòng tên đạn, không phải nơi đàn bà nên đi, đừng làm cho người ta thêm rối ruột nữa!

Rồi Chỉnh tự mình vào cung điện tâu xin xuất quân.

Vua bèn ngự ra điện Cần chánh, truyền chỉ ban tiết việt[1] cho Chỉnh và dụ rằng:

- Trẫm dựa vào ông như dựa bức trường thành. Chuyến đi này quan hệ đến sự an nguy của nhà nước. Nhất thiết chớ có khinh giặc đánh tràn, phải tuỳ cơ mà làm, mau đưa tin thắng trận về để yên lòng trẫm!

Chỉnh tâu:

- Thần đã biết rõ tình hình của giặc, Võ Văn Nhậm mạnh mà không có mưu khôn, làm tỳ tướng thì dư sức, mà làm chủ tướng thì không đủ tài. Ngày thường hắn vẫn sợ thần, nay thấy thần đến, chắc là không dám chống chọi. Chuyến đi này, không quá năm ngày, sẽ có thư trạm tâu tin thắng trận, xin bệ hạ chớ lo!

---

(1) Tức "phù tiết" và "phủ việt". Phù tiết: vật làm tin, thường làm bằng thanh tre viết chữ vào đó, rồi chẻ đôi mỗi người giữ một nửa, sau khớp lại để làm tin. Cũng có khi làm bằng vàng, ngọc hoặc gỗ...

Phủ việt: lưỡi búa. Đời xưa khi đại tướng ra trận được vua ban tiết để trao quyền hạn và làm tin.

Tâu xong, Chỉnh bái từ mà ra. Vua Lê thân hành tiễn đến ngoài cửa Đoan môn, rồi sai các hoàng thân và trăm quan tiễn đưa ra ngoài Kinh thành.

Chỉnh đem quân đến trạm Hoàng Mai[1] sai Hữu Du lĩnh các đội quân của cơ Ngũ nhuệ đi trước.

Du đi đến sông Thanh Quyết, liền đắp luỹ đất chạy theo bờ sông, chia đồn mà cố thủ.

Lúc bấy giờ khí trời rét buốt, quân lính của Du đêm ngủ giữa trời túm năm tụm ba đốt củi để sưởi, quân đi tuần của địch trông vào ánh lửa, thấy rõ tất cả bèn về báo với Võ Văn Nhậm.

Nhậm cho quân cưỡi bè, sang thẳng bãi sông, ngầm bắn xuyên qua các khe hở trên bờ luỹ, nhắm chỗ có lửa làm đích, bắn phát nào trúng phát ấy. Quân ở trong luỹ hoảng sợ, bối rối tự nhiên tan vỡ. Du rút quân về giữ Châu Cầu. Quân sĩ mười phần chỉ còn hai ba, không dám đón đánh, cũng không dám chạy về, phải vừa lui vừa dừng để đợi hậu quân[2].

Lại nói, Chỉnh đem quân đến trạm Bình Vọng[3], tạm dừng lại nghỉ. Chợt thấy gió nam thổi vù vù vù, có đám mây đen chạy suốt từ tây nam đến. Chỉnh ngồi trong kiệu, giở sách bói ra xem, vừa gặp một quẻ, có lời đoán rằng: "Nước có giặc lớn, nguyên nhung thua trận". Chỉnh tỏ ý buồn rầu, đang lúc trầm ngâm nghĩ ngợi, thình lình có đàn ong vo vo bay đến, đua nhau đốt vào cổ Chỉnh. Chỉnh giật mình ngã xuống, sực nghĩ toàn là điềm gở, chần chừ không muốn tiến quân.

---

(1) Nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

(2) Sự kiện này, *Cương mục* chép hơi khác: thuyền súng đạn của Du đậu ở bờ bắc sông, không phòng bị gì cả; nửa đêm quân Tây Sơn ngầm bơi sang buộc thừng vào các thuyền của Du, rồi kéo về phía bờ Nam, tước hết súng đạn, do đó Du thua...

(3) Tục gọi làng Bằng, thuộc Thường Tín, Hà Tây.

Chốc lát, thấy quân bại trận của Du tan tác chạy về nói:

- Quân ta đã vỡ, quân giặc đuổi theo sắp sửa tới nơi!

Chỉnh nghe nói, mặt mày thất sắc, tiến lui hai đường đều khó khăn. Tướng sĩ bộ hạ cũng đều mất vía đua nhau nói:

- Thế giặc rất mạnh, chưa thể giao tranh với chúng được Kinh thành ít quân khó mà giữ nổi. Chi bằng dẫn quân về, lui giữ đất Kinh Bắc, chặn ngang sông Nhĩ Hà cho vững; rồi sau sẽ từ từ tính chước công thủ, thế là tiện hơn.

Chỉnh nghe theo.

Sau một lúc Hữu Du đến, Chỉnh kéo quân tức tốc về Kinh. Xẩm tối, vừa về tới thành, Chỉnh liền bảo quan Tham tri chính sự là Nguyễn Khuê vào tâu với vua, xin đến ngày mai, xa giá đi sang Kinh Bắc[1]. Rồi Chỉnh vào thẳng Lượng phủ là chỗ ở của mình, sắp xếp hành trang, sai người hộ vệ vợ con gia thuộc sang sông trước.

Lính Kim Ngô biết chuyện, vội vàng vào tâu với vua rằng:

- Gia quyến ông Bằng đi rồi!

Vua Lê lật đật chạy đến dinh của Chỉnh. Lúc bấy giờ Chỉnh đang chạy đi chạy lại trước sân, dặn dò những người ra đi. Vua cầm lấy tay Chỉnh mà hỏi:

- Sự thể đã đến thế này thì làm thế nào?

Chỉnh thấy vua, thẹn thùng, run sợ bèn lạy mà thưa rằng:

- Bệ hạ giao nước cho thần, thần không xứng đáng với chức vị, làm lầm lỡ việc nước, tội ấy không dám chối cãi; hai mặt tây nam Kinh sư, không còn có gì để nương tựa, thành trì cũng chưa đào đắp, chỉ có cửa ô mà thôi. Quân giặc thừa thắng ruổi dài, không có thành luỹ nào ngăn cản; đánh thì

(1) Theo *Cương mục* thì vua Lê cho gọi mấy lần nhưng Chỉnh không đến, cuối cùng mới cho Nguyễn Khuê đến thay...

không được, giữ cũng không xong, lấy gì để đảm bảo cho được toàn vẹn? Nay bệ hạ hãy nên đi sang phương bắc, để lo tính công việc sau này. Quân giặc từ xa đến đã mệt nhọc, lại bị sông lớn ngăn trở, thế nào cũng không dám đuổi ta. Trong khoảng mười ngày ta được thư thả, rồi sẽ lo sâu tính xa, há lại không có cơ hội tốt để khôi phục? Bệ hạ hãy về cung, tâu với hoàng Thái hậu, xin đưa từ giá[1] đi trước, thần sẽ thân đem lính và voi đợi ở bến sông.

Dứt lời, Chỉnh nhớn nhác đảo mắt ngó quanh một lượt, rồi đi. Vua cũng lập tức đi bộ về cung. Trên đường đã thấy dân chúng dắt díu nhau cùng chạy. Bọn vô lại thừa cơ cướp giật, tiếng kêu khóc oai oái. Có kẻ giữ lấy vua, sờ nắn trong lưng không có gì mới tha cho đi. Vua vội vàng đi về phía cửa Chu Tước, rồi vào cửa Tả Khúc. Vừa tới nơi đã nghe Thái hậu và các phi tần tìm nhà vua không thấy, đang gọi luôn miệng:

- Thừa dư[2] ở đâu?

Vua vội trả lời:

- Ở đây! Ở đây!

Rồi nhà vua lập tức gọi lính thị vệ, nhưng chỉ được mười bảy, mười tám người, còn thì đều lẩn trốn không đến.

Vua vội vàng sai lấy võng, đòn tre cõng hoàng hậu và nguyên tử[3] đi. Các tôn thất và phi tần đều phải đi bộ. Những đồ ngự dụng chỉ khênh đi được bốn hòm, còn bao nhiêu đều bỏ lại trong điện. Những đồ riêng tây cùng quần áo quý báu của bọn thị vệ, cũng đều bỏ rơi dần ở dọc đường.

Đến bờ sông, phải giành giật lấy đò mà qua, bất cứ kẻ sang người hèn, ai mạnh thì được sang sông trước. Ở trong

(1) Xe của mẹ vua.

(2) Chỉ nhà vua.

(3) Con đầu của vua mà chưa lập thái tử thì gọi là nguyên tử.

bãi cát mọi người giẫm đạp lẫn nhau, có người bị ngã rồi bị xéo đến chết. Các tay lái đò chèo không kịp, hoặc có thuyền vì chở nặng quá mà bị đắm. Tiếng kêu khóc vang động trời đất. Kinh thành rối loạn lung tung. Bọn vô lại ùa vào trong cung, phủ, cướp bóc bừa phứa. Nhưng những vật lấy được chúng không dám chuyên chở ra ngoài thành, mà phải giấu ở các phố.

Gần tối, Võ Văn Nhậm đến nơi, đem quân vào thành thì thấy cung điện, kho tàng chỉ còn trơ lại xác nhà không mà thôi. Nhậm nói:

- Vào chợ còn được cái kim, huống chi là vào một nước. Ta nghe đất Bắc Hà giàu có sao lại sạch trơn thế này? Ta ở xa đến mà lại không kiếm được một đồng tiền nào đưa về thì con nít cũng không nghe được.

Ngày hôm sau Nhậm bèn thả lính lùng khắp các nhà dân ở phường phố, lấy được của báu rất nhiều, đến cả của tư cũng đều lấy hết.

Có người dân tới cửa quan kêu rằng:

- Đời xưa hành quân không hề phạm đến một mảy may của dân. Có người lấy cái nón của dân để che áo giáp của quan, cũng không dung thứ. Sao nay dân gian lại bị hại đến như thế?

Nhậm quát to:

- Những vật quân ta lùng được đều là tài sản trong cung phủ nhà Lê, phải đâu là của nhà dân? Chẳng qua chúng bay nhân lúc rối loạn, tranh nhau ăn trộm, đại quân ập đến, không kịp cất giấu đấy thôi. Thằng này chính là bè đảng của bọn côn đồ, không thể tha thứ được!

Lập tức, Nhậm sai điệu người ấy ra chém. Do đó dân chúng rất sợ, không còn ai dám kêu ca gì nữa.

Lại nói, cha con Chỉnh cùng các quan theo vua sang phương bắc. Vì sợ quân địch đuổi kịp, ai nấy chạy sấp chạy ngửa, người nọ níu áo người kia, chẳng còn ra thể thống gì cả. Chập tối thì vua tôi nhà Lê đến trấn Kinh Bắc. Gặp Trấn thủ là Nguyễn Cảnh Thước mưu đồ làm phản, mượn cớ ốm không chầu vua. Chỉnh tới quở trách gắt gao, Thước mới miễn cưỡng ra yết kiến.

Lúc ấy, dọc đường quân lính đã bỏ trốn quá nửa. Chỉnh rất lo, liền kiểm điểm số lính còn lại, ưu binh và nhất binh[1] chỉ còn hơn bốn trăm ba mươi người, ngựa hơn sáu chục con. Chỉnh đem quân đi trước, qua sông Như Nguyệt[2], đóng đồn ở núi Tam Tằng, tự mình đốc suất quân lính đắp luỹ, cắm rào, rồi sai Thước hộ vệ nhà vua đến sau.

Chỉnh đi rồi, vua và Thái hậu chờ đợi bên sông, lâu mãi chẳng thấy thuyền, liền cho gọi Thước đến hỏi. Thước tâu:

- Các thuyền đều không ở đây, bệ hạ muốn sang sông gấp thì xin cho thần ít nhiều vàng lụa thì mới có thể thuê được. Nếu không, dẫu đến sáng mai cũng vẫn ở đây. Giả sử quân giặc đuổi đến thần xin dùng thùng gỗ để đưa bệ hạ qua sông. Nhưng chỉ e những đồ ngự dụng không thể giữ được mà thôi.

Vua nói:

- Trẫm có cả thiên hạ còn không giữ được, bây giờ còn tiếc cái gì nữa.

- Tức thì vua sai mở hòm cho Thước xem. Trong hòm chỉ có con dấu truyền quốc và bốn mươi lạng vàng mà thôi.

Vua nói:

- Tuỳ nhà ngươi muốn lấy gì thì lấy.

---

(1) Nhất binh là lính tuyển ở bốn trấn.

(2) Tức sông Cầu.

Thước nói:

- Đội ơn bệ hạ ban cho, thần xin một nửa.

Vua cho Thước tất cả, Thước liền gọi lái đò đưa thuyền đến bến, chở nhà vua cùng đám người cùng đi qua sông. Khi vua đã lên bờ. Thước lại cho người đuổi theo lột chiếc áo ngự bào vua đang mặc. Vua ứa nước mắt cởi áo ngự bào trao cho chúng, rồi chạy về núi Như Thiết.

Vua xin với Thái hậu rằng:

- Con tài đức kém cỏi, không đủ làm chủ thần khí[1], lại không sành sỏi trong việc xét người, bị Nguyễn Hữu Chỉnh làm lầm lỡ, đến nỗi Kinh thành thất thủ, phiêu bạt ra ngoài, để gây mối lo cho Thánh mẫu. Bây giờ trèo leo ở chốn núi rừng, nay đây mai đó, tình thế này không chắc đã sum họp một nhà được. Đã thế lại còn dắt díu nhiều người đi theo, sợ giặc dò biết sẽ sinh ra tai biến bất ngờ. Con đã nghĩ đi nghĩ lại, chỉ có viên Đốc đồng trấn Cao Bằng Nguyễn Huy Túc là người trung hậu, có thể nương nhờ được. Vậy xin Thánh mẫu hãy tạm lên Cao Bằng, nơi đó đường đất xa xôi, quân giặc không thể phút chốc đi tới được ở đó, công việc nên chăng thế nào, con xin viết bức thủ thư giao cho Túc. Đến như việc sớm khuya hầu hạ, em con có thể thay con. Dám xin Thánh mẫu tạm yên lòng, để con ở đây ngầm lo việc khôi phục, ngõ hầu có thể chuộc lại được tội lỗi

Thái hậu nói:

- Trời đã không giúp xã tắc, già này sống chẳng bằng chết, nguyện lấy mảnh đất ở núi này làm nơi chôn cất hài cốt chớ còn phải trèo non vượt suối làm chi nữa cho khổ?

Vua rập đầu chảy máu, mãi không dậy. Các quan cũng có nhiều người khuyên giải. Thái hậu mới ưng ý.

---

(1) Trỏ ngôi vua.

Rồi đó, em vua là Quang, thị thần là Lê Quýnh cùng bọn tôn thất hơn ba chục người đều theo Thái hậu đi lên Cao Bằng.

Hôm sau, vua sang huyện Yên Dũng[1], văn thần đi theo chỉ có năm sáu người là bọn Nguyễn Đình Giản, Phạm Đình Dư, Chu Doãn Lệ, Vũ Trinh, Trương Đăng Quỹ mà thôi.

Vừa lúc ấy, Võ Văn Nhậm sai bộ tướng là Nguyễn Văn Hoà đuổi kịp Nguyễn Hữu Chỉnh. Hai bên đánh nhau ở núi Tam Tằng, Hữu Du múa đao đánh mạnh giết vài chục quân địch. Hoà chia một đội kỳ binh vòng ra sau núi đánh úp. Quân Chỉnh rối loạn, tự nhiên tan vỡ. Hữu Du chống cự không nổi, chết ở trước trận. Tham tri chính sự là Nguyễn Khuê cũng bị địch giết. Chỉnh lên ngựa nhằm hướng bắc mà chạy, ngựa ngã bị quân địch đuổi kịp, chúng tranh nhau chĩa giáo chực đâm, Chỉnh vội kêu to:

- Xin cứ bắt sống mà đem dâng!

Quân địch bèn trói Chỉnh lại, bỏ cũi đưa về kinh.

Chỉnh xin gặp Văn Nhậm để nói một lời. Nhậm không cho, sai người kể tội Chỉnh rằng:

- Mày vốn là tôi chúa Trịnh, phản chủ mà về với chúng tao để mưu đồ diệt họ Trịnh; rồi lại phản chúng tao về Bắc, lừa dối vua Lê, chiếm lấy ngôi cả, tự tiện làm oai làm phúc, ngấm ngầm lo mưu lấn cướp để tranh giành với chủ tao. Xét cuộc đời của mày, toàn học thói cũ của quân giặc loạn, phải phanh gan ruột mày ra, bỏ hết những cái dơ bẩn, để người Bắc lấy mày làm răn!

Rồi Nhậm bảo phanh thây Chỉnh, thả cho chó ăn thịt.

Trong trận ấy, Hoà tuy bắt được Chỉnh, nhưng chưa bắt

(1) Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

được vua Lê, Hoà thả quân lùng mãi không được, bèn ngấm ngầm sai người dò tìm tung tích. Vua Lê nghe tin sợ quá, liền chạy trốn vào vùng núi Bảo Lộc[1].

Lại nói, trước kia Lân Dương hầu là Phạm Tôn Lân theo Án Đô Vương chạy ra Yên Quảng, rồi vì có việc phải cáo từ về nhà; nhân đó Lân mưu đồ chiêu dụ quân lính để giúp chúa Trịnh, nhưng về sau không biết chúa ở đâu, bèn nương nhờ vào người hào mục huyện Yên Dũng là Nguyễn Trọng Linh[2].

Lúc ấy, nghe tin vua ở vùng Bảo Lộc, Lân bèn nói với Linh cùng nhau đi đón vua về. Rồi họ đốc suất nhân dân bảy tổng thuộc huyện Yên Dũng, đắp luỹ ở phía bắc sông Nguyệt Đức[3], chống nhau với Hoà. Hoà đánh không được Nhậm phải tự mình dẫn đại quân đến, đêm ngày đánh rất dữ. Quân Linh thua trận, Linh dắt vua Lê chạy trốn. Em Linh là Lung bị Nhậm bắt sống. Nhậm không giết mà sai đem thư dụ Linh bảo phải nộp vua Lê, đại lược nói rằng:

"Tôi vâng mệnh ra Bắc, chỉ giết giặc Chỉnh, không can gì đến Tự hoàng nhà Lê, Tự hoàng là người của chúa thượng lập nên, bị giặc kèm đi, cùng chạy với chúng. Loài cáo vốn hay ngờ vực, vẫn mê không chịu quay về, bọ ngựa dám chống bánh xe, nên phải đem quân tới đánh. Nay nếu biết hối mà về ngay, còn có thể chuộc được lỗi trước. Nếu không, thì sẽ tìm người khác để coi việc nước. Ngôi chủ tể đã có người, thì Tự hoàng không còn ngày trở về nữa, mà lũ các ngươi rồi cũng vạ lây".

Linh nhận được thư, dùng dằng chưa quyết, lại sai Lung về báo với Nhậm rằng: "Sau khi bị thua, mỗi người bỏ chạy

(1) Nay thuộc Lạng Giang, Bắc Giang.
(2) *Cương mục* chép là Dương Đình Tuấn, người huyện Yên Thế, Bắc Giang.
(3) Tức sông Cầu.

một ngả, thật không rõ vua Lê ở đâu. Xin cho phép mười ngày để tìm kiếm, rồi sẽ tự đến".

Đình Giản biết chuyện ấy, bèn tâu riêng với vua Lê rằng:

- Anh em Linh không thể tin cậy được. Các ông Đình Dư, Doãn Lệ, Vũ Trinh đều là người Kinh Bắc, nên kíp sai đi chiêu dụ lấy quân để tự vệ, rồi dời xa giá đến phủ Thuận An[1]. Còn các ông Đăng Quỹ, Vân Lân đều là người Sơn Nam, cũng nên sai về bản quán mộ quân, chờ lệnh trưng phát.

Vua Lê nghe lời, sai mọi người chia ngả mà đi làm việc, chỉ để Đình Giản ở lại hộ giá.

Vua Lê ngấm ngầm tới huyện Gia Bình[2], vời Tiến sĩ là Trần Danh Án, đến để hỏi về tình hình vùng đó, Án tâu:

- Thổ hào phương bắc đây có Trần Quang Châu, nguyên là xã trưởng xã Kênh Than, là người dũng cảm mà lại có sức mạnh. Trước đây nhân khi loạn, Châu tụ tập đinh tráng, để giữ xóm làng. Trong huyện nơi nào có kẻ cướp thì Châu liền đem quân đến cứu. Trộm cướp không dám đụng chạm đến, cả huyện yên ổn, họ bèn bầu Châu làm chức huyện trưởng. Có lúc, Châu vác cày bừa, giả dạng làm người nông phu, hễ gặp lính Tây Sơn là đánh chết liền. Quân Tây Sơn luôn luôn bị Châu giết hại, răn nhau không dám xâm phạm đến bờ cõi huyện này. Văn Nhậm nghe tin giận lắm, định đem quân đến bắt Châu. Châu bèn trốn vào vùng Chí Linh, Phượng Nhãn[3] chiêu mộ dũng sĩ, chống nhau với địch. Người ở hai vùng đông bắc, theo về với Châu mỗi ngày một nhiều, Châu thường cho người dò la nơi ở của quân Tây Sơn, rồi đêm đến

(1) Nay là huyện Thuận Thành, Bắc Ninh.

(2) Nay là huyện Gia Lương, Bắc Ninh.

(3) Chí Linh thuộc Hải Dương, Phượng Nhãn nay sáp nhập vào huyện Yên Dũng, Bắc Giang.

đem quân đi gấp tới nơi, đánh úp giết chết. Quân của Châu, khi ẩn khi hiện như thần, đánh đâu là thắng đấy. Quân Tây Sơn chẳng làm gì được. Châu vẫn muốn khởi nghĩa, nhưng chưa có ai làm chủ, vậy xin đưa lá thư của bệ hạ đi chiêu dụ Châu. Chắc là Châu sẽ đến ngay.

Vua nói:

- Vậy nhà ngươi hãy sai người đi đi!

Châu nghe tin, mừng lắm, nói với mọi người:

- Quân ta nay đã có danh nghĩa rồi!

Châu bèn đem quân đến đón vua Lê, vua tôi gặp nhau rất là vui mừng.

Vua nói:

- Nghe đồn nhà ngươi dùng binh rất hùng dũng, nay quân giặc tụ tập ở vùng Bảo Khảm chừng hai trăm tên, nếu ngươi có thể đánh phá được chúng, ta sẽ cho ngươi làm Trấn thủ xứ Kinh Bắc.

Châu nói:

- Việc đó rất dễ, song chỉ e khi chúng kéo hết quân đến, thần ít quân, lại không có quân cứu viện, thì không đủ sức đánh nhau với chúng, mà rồi lại không thể tránh đi nơi khác để giấu kín tung tích. Lâu nay, những việc thần đã làm, chỉ có thể hả bớt tức giận mà chưa thể tự lập được cũng là vì cớ ấy. May nhờ oai linh của bệ hạ, lại được các tướng góp sức, thần xin tự mình chống đỡ, gặp giặc là đánh, có chết thì thôi chứ không chạy.

Vua nói:

- Mạnh mẽ thay! Thật đáng là bậc đại tướng.

Rồi đó vua bèn phong cho Châu làm Quyền Trấn thủ, tước Dao Quận công. Châu liền mở cuộc diễu võ ở núi Vạn

Kiếp[1], dựng cờ và trống ở trên núi, rồi sai người tâu mời nhà vua tới xem.

Thật là:

Thành lũ long đong lo việc nước,
Trạch bào hăng hái giết quân thù[2]

Chưa biết việc này ra sao? Hãy xem hồi sau phân giải.

(1) Thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

(2) *Thành lũ* mượn ở câu: Hữu điền nhất thành, hữu chúng nhất lữ (Đất đai có mười dặm, quân lính có năm trăm người) trong *Bắc sử*, trỏ vào việc vua Thiếu Khang nhà Hạ bị mất nước, chỉ còn có một thành một lữ mà lại khôi phục được cơ nghiệp. *Trạch bào* mượn chữ ở bài "Vô y" trong *Kinh Thi*, bài thơ nói về tinh thần hữu ái khảng khái của quân lính. "Trạch" là áo lót, "bào" là áo khoác, nguyên văn là *Khởi viết vô y, Dữ tử đồng bào... Khởi viết vô y, Dữ tử đồng trạch* (Há rằng không có áo? Ta sẽ chung áo khoác cùng anh...) cả hai câu thơ trên đều nói về việc Chiêu Thống cùng đám quân cần vương đang hăng hái mưu khôi phục lại cơ nghiệp.

HỒI THỨ MƯỜI MỘT

Tây Sơn lại kéo vào thành chiếm giữ đất nước
Chiêu Thống ba phen tính chước khôi phục Kinh đô

Lại nói, vua Lê thân hành tới xem diễu võ ở núi Yạn Kiếp. Nhà vua ngự ở đền Trần Hưng Đạo, gọi Châu đến và hỏi:

- Có được mấy trăm quân?

Châu đáp:

- Trừ số người mới theo về, thủ hạ tinh luyện của thần chỉ có trăm người mà thôi!

Vua nói:

- Tiếc rằng ít quá!

Châu đáp:

- Quân cần tinh nhuệ không cần nhiều. Có trăm quân cảm tử, cũng đã đủ để hoành hành trong thiên hạ. Thần đã từng thử, quân giặc có lúc kéo tới đây cả đồng, thần chỉ sai vài chục người xông đến trước trận, múa dao chém bừa, không lần nào giặc không tan vỡ.

Vua bảo:

- Đúng như lời ngươi nói, nhưng đánh bất thình lình thì được, chứ đối trận mà đánh thì không được. Nay đang khi trốn chạy tan tác, nhân tình dễ loạn, làm gì cũng phải cho chu

đáo mới có thể đứng vững để lo việc khôi phục. Vạn nhất bị vấp ngã thì không thể nào nhóm họp lại được nữa. Vì thế, thời xưa có người chịu nương náu ở núi Cối Kê, có người chịu nép mình ở đất Ba Thục[1], người ta vẫn phải ẩn nhẫn mà giữ lấy lực lượng, không dám làm liều để rước lấy sự thất bại. Ngày nay, việc nước nhà cũng giống như vậy, nên trước tiên phải kêu gọi quân cần vương để thêm thanh thế, không nên lộ mặt ra vội. Trẫm đã sai các quan chia đường đi chiêu mộ binh lính, ở Kinh Bắc có Phạm Đình Dư, Chu Doãn Lệ, ở Sơn Nam có Trương Đăng Quỹ, Phạm Văn Lân, ít lâu nữa họ sẽ trở về phục mệnh. Nhà ngươi nên đợi họ, bây giờ hãy đóng quân ở trong núi, luyện tập số người mới theo, cho tất cả đều tinh nhuệ để chờ sai khiến.

Vua lại sai Đình Giản qua miền thượng du trấn Sơn Tây, kêu gọi nghĩa binh các trấn Tuyên Quang. Hưng Hoá, hẹn ngày cùng đến. Còn tự mình thì đi tới vùng Hải Dương, truyền hịch hiểu dụ.

Lúc vua đến huyện Chí Linh, quan văn đi theo chỉ có ba người là Trần Danh Án, Vũ Trinh và Ngô Thì Chí mà thôi.

Ngô Thì Chí có dâng vua bài "Sách lược trung hưng" như sau:

"Thần trộm nghĩ, dẹp loạn phải xem cơ, dùng võ phải có đất. Vua Thiếu Khang giữ Luân Ấp mà sau mới dấy được nghiệp trung hưng; vua Chiêu Liệt chiếm Ích Châu mà sau mới chống được kẻ ngoại địch. Địa thế nước ta, Cao Bằng,

(1) Ở đây Chiêu Thống muốn nói đến chí phục thù của các vua đời xưa ở Trung Quốc, như Việt Vương Câu Tiễn thời Xuân thu và Hán Cao Tổ cuối đời Tần, Câu Tiễn bị Ngô Phù Sai đánh bại và cho ở đất Cối Kê, nhưng vẫn nhẫn nhục chịu đựng mọi cay đắng, ngầm nuôi chí lớn, sau quả nhiên trở lại diệt được nước Ngô. Hán Cao Tổ bị Sở Bá Vương biếm phong vào đất Ba Thục. Cao Tổ cũng tạm chịu lép vế, rồi về sau đã thắng Sở.

Lạng Sơn nằm ở phía đông bắc, giáp với đất Trung Hoa, núi sông hiểm trở, đủ để giữ vững, binh mã hùng cường, đủ để tiến đánh. Nay bệ hạ hãy ngự giá đến đó, sai một sứ thần sang báo với nhà Thanh, xin họ đem quân đóng áp bờ cõi, để làm thanh viện cho ta; đồng thời đưa mật chỉ cho hào kiệt bốn trấn, bảo họ hưởng ứng. Lòng người đã được khích lệ, ai dám không theo? Trăm quan kẻ nào chưa theo kịp, ai dám không tới? Ngoài dựa vào thế thượng quốc, trong nhóm họp quân cần vương, khiến cho thế giặc mỗi ngày mỗi trơ trọi, thế ta mỗi ngày mỗi lớn mạnh. Rồi đó, ta sắp đặt phương lược, tiến tới khôi phục Kinh thành, công nghiệp trung hưng vẫn có thể hẹn ngày mà làm nên được".

Vua vời Chí tới và bảo:

- Ngươi nói rất hợp ý ta. Mùa đông năm ngoái, ta sai hoàng đệ và các hoàng thân hầu Thái hậu lên Cao Bằng, có đưa mật chỉ cho viên Đốc đồng Nguyễn Huy Túc, dặn y dùng lời nghĩa khí khích động lòng người liên kết với bọn phiên tướng, tụ tập quân biên cương, cũng là sắp sẵn cho việc ấy Nhưng còn Lạng Sơn thì ta chưa sai ai đi.

Chí tâu:

- Trước kia, khoảng năm Đinh Dậu (1777), niên hiệu Cảnh Hưng, cha thần đã vâng chiếu lên làm Trấn thủ Lạng Sơn, để tuyên bố uy đức của triều đình và chiêu tập những kẻ lưu vong. Nhân dân bảy châu, đến nay vẫn còn mến yêu. Thần xin lên đó, vâng chỉ dụ, nhân dịp báo tin cho Túc, tâu với Thái hậu, hẹn ngày ra quân để đón xa giá. Thế là một chuyến đi mà được cả hai việc.

Vua Lê khen là phải rồi cho Chí đi. Chí mới đến huyện Phượng Nhãn thì phát bệnh, không thể đi tiếp, liền gửi tờ biểu về xin nghỉ ít hôm để điều trị. Vua bèn cho mười nén bạc để

chi về việc thuốc thang.

Trong lời biểu của Chí gửi về tạ ơn vua, có đoạn viết:

"Gặp cơn nguy biến, chí hợp tâm đồng: Nghĩa vua tôi ngàn năm mới gặp, trong đạo luân thường, phận ưu mà tình nặng; tình cha con một nhà khác chi? Nay gặp buổi quốc gia còn lắm nạn, chính là khi thần tử phải quên mình. Dám đâu vì việc riêng mà tiếc thân; nguyện sẽ đeo bệnh tật để dấn bước".

Vua xem tờ biểu ấy lấy làm cảm động.

Vừa lúc đó, bọn Đình Dư, Doãn Lệ sai người đưa tờ mật biểu tới nói rằng: "Các vùng Đông Ngàn, Kim Hoa, Võ Giàng, Quế Dương[1], lòng người đâu đâu cũng căm tức. Bọn thần đã tuyên lời chiếu dụ, các hào mục đều xin dấy quân cần vương. Cúi xin xa giá trở về Kinh Bắc, để cho bọn họ được vào yết kiến. Rồi nhân đó, bệ hạ ban lời dụ trước mặt họ cho họ về nói lại với nhau, như vậy ai mà không theo? Khi đã phò giá về đóng ở đấy, thì người trong thiên hạ đều được trông thấy mặt trời. Đình Giản trước đây đi Sơn Tây, Tôn Lân trước đây đi Sơn Nam, cũng được xa nhờ tiếng tăm, uy linh của nhà vua mà đem quân về họp. Hà tất phải lên Lạng Sơn là nơi bờ cõi xa xôi cách trở? Bọn thần e rằng cứ nấn ná ngày tháng sẽ làm lỡ mất cơ hội, rồi lại bỏ chỗ gần mà lo chỗ xa, thì thật là thất sách".

Vua Lê cho lời ấy là phải. Vũ Trinh mời nhà vua về làng Xuân Liên huyện Lang Tài[2]. Cha Vũ Trinh là Vũ Chiêu làm tờ biểu xin dâng hai trăm lạng bạc để tiêu vào việc quân. Vua nhận số bạc ấy, bèn dùng nhà Chiêu để làm nơi hành tại.

---

(1) Nay đều thuộc Bắc Ninh, riêng Kim Hoa sau đổi là Kim Anh một phần thuộc Hà Nội.

(2) Nay sáp nhập với huyện Gia Bình thành huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

Lại nói, khi Bắc Bình Vương sai Võ Văn Nhậm ra đánh đất Bắc, vốn do mệnh lệnh đã định từ trước, nhưng trong bụng cũng hơi nghi ngờ Nhậm, bèn sai bọn Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân làm Tham tán quân vụ để chia bớt quyền của Nhậm, Bắc Bình Vương lại bảo riêng với Sở rằng:

- Nhậm là con rể của vua anh. Nay ta với vua anh có sự xích mích, lòng y chắc cũng không yên. Chuyến này y cầm trọng binh vào nước người, sự biến không thể lường trước được. Nay ta không lo Bắc Hà mà chỉ lo về Nhậm mà thôi. Ngươi nên xem xét từng ly từng tý, nếu có gì thì hãy gấp rút báo cho ta biết. Ví như lửa cháy, dập tắt từ khi mới bén thì dễ dàng hơn.

Lúc Nhậm thừa thắng kéo xe ra Bắc, như vào làng bỏ không, không một người nào dám chống cự. Nhậm có vẻ dương dương tự đắc. Kịp khi bắt sống được Nguyễn Hữu Chỉnh, Nhậm tự cho là uy vũ của mình đủ khiến người ta phải phục, khu xử việc Bắc Hà không có gì khó. Khi nghe vua Lê chạy sang phía Bắc, nương tự vào Nguyễn Trọng Linh, Nhậm liền tức tối gửi thư bắt buộc Linh phải đem vua Lê ra nộp. Nhậm lại cho đòi các người trong tôn thất và các quan văn võ phải đến cửa quân chờ hầu; thường dùng cách hất hàm, đưa mắt, dùng bộ điệu khí sắc để sai khiến mọi người mà chẳng ai dám làm gì.

Thế nhưng, rốt cuộc Nguyễn Trọng Linh vẫn không đến, các viên quan có thế lực cũng chẳng ai tới. Trần Quang Châu ở Kinh Bắc, Nguyễn Viết Tuyển ở Sơn Nam, Đinh Tích Nhưỡng ở Hải Dương, ai nấy cầm quân giữ đất và nói phao lên rằng: Chẳng bao lâu bốn phía sẽ nhóm về Kinh đô, cùng Nhậm quyết chiến. Rồi đó hễ quân Tây Sơn có tên nào ra khỏi thành là bị bọn thổ hào giết chết. Giặc cướp cũng nhân

dịp nổi lên khắp nơi, khói lửa liên tiếp. Lúc bấy giờ Nhậm mới có ý sợ, liền bắt hết nhân dân quanh vùng Kinh kỳ đắp lại thành Đại La. Ngày đêm đốc thúc, không cho nghỉ ngơi chút nào, đến nỗi có người đang đội đất mà ngã sụp xuống. Làm lụng mệt nhọc, đói khát, ai cũng ta oán. Khi ấy có người đồn rằng: Trần Quang Châu đã lẻn vào trong thành làm nội ứng, hẹn Nguyễn Viết Tuyển đem binh thuyền ngược dòng sông Nhĩ Hà đi để làm ngoại ứng. Nhậm liền hạ lệnh lùng khắp Kinh sư, những người ở trọ trong các phố phường đều đem chém hết.

Ngô Văn Sở nói:

- Mình cứ vững dạ, có lo gì họ? Nếu mình tự bối rối trước, thì còn trấn áp được ai? Chi bằng tha họ cho yên lòng dân.

Nhưng Nhậm không nghe. Vừa lúc ấy có người ở làng Cơ Xá, huyện Gia Lâm, tự xưng là Trần Đình Khôi làm chức Thiêm sự của nhà Lê, xin vào cầu kiến. Nhậm cho mời vào và hỏi:

- Nguyễn Hữu Chỉnh là kẻ vong mạng, lấy trộm ngôi cao, tán hại nhân dân, thiên hạ ai cũng căm giận. Người Bắc Hà mưu đồ đánh hắn mà không được, trở lại bị hắn làm hại. Nay ta trừ hắn đi cho, đáng lẽ ơn ta mới đúng, sao ta vời mà không ai đến?

Khôi đáp:

- Ông có tài quyết thắng ở ngoài ngàn dặm, lẽ nào lại không xét rõ tình người? Người Bắc Hà dù oán Chỉnh rất sâu, mà lòng nhớ nhà Lê chưa nguôi. Họ thấy ông giết Chỉnh, xa gần cũng đã mừng rỡ, nhưng vì ông chưa bàn gì đến việc phò Lê, nên người ta bàng hoàng trông ngóng chưa dám đến vội. Nay tự quân đã bỏ nước mà đi không có lẽ còn quay trở lại. Có Sùng Nhượng công Lê Duy Cận, lúc Tiên đế còn sống, đã

chính vị làm Đông cung, sau gặp việc biến cố năm Nhâm Dần (1782), mới bị kiêu binh truất bỏ. Nếu ông khôi phục ngôi đó cho Sùng Nhượng công để tạm coi việc nước, rồi đem việc ấy bá cáo khắp trong ngoài, yết một mảnh giấy ở cửa Đại Hưng, thì chẳng bao lâu các quan văn võ đến họp cả. Lúc bấy giờ việc thiên hạ ai cũng phải nghe ông, ông xoay vần dễ như trở bàn tay, lo gì mà không xong xuôi?

Nhậm gật đầu nói:

- Ông nói rất có lý. Ví như mổ trâu, cắt đúng đường gân khớp xương thì các thớ thịt sẽ đứt cả, không khó nhọc gì.

Rồi đó, Nhậm bèn sai mời Sùng Nhượng công vào phủ, lấy lễ thượng khách mà tiếp đãi và bảo rằng:

- Thiên hạ là thiên hạ của nhà Lê, Tự hoàng bỏ nước mà đi, trong nước không có ai làm chủ. Ông là Thái tử cũ, đã có mệnh vua từ trước. Bây giờ ở ngôi ấy, ngoài ông ra thì còn ai nữa?

Sùng Nhượng công nói:

- Nước mọn này mất cả giường mối, nhờ ơn Thượng công[1] đã gây dựng lại cho. Nhưng trời chưa thôi vạ, Tự hoàng thơ ấu, bị tên loạn thần làm lầm lỡ, phải chuốc lấy sự bại vong. Nay chúa công[2] không nỡ bỏ, lại lo nối lại dòng đã đứt, đó là điều may lớn cho nước mọn này. Chỉ hiềm tôi là người không có đức, nếu được tạm giữ ngôi ấy, thì công việc chỉnh đốn phen này, cũng xin nhờ chúa công giúp đỡ cho, may ra mới có thể tự lập được.

Nhậm cười mà rằng:

- Ông hãy cứ làm, không cần lo xa. Có tôi ở đây, bọn gian hùng dù muốn hại ông, cũng quyết phải sợ mà không

(1) Chỉ Nguyễn Huệ.
(2) Chỉ Võ Văn Nhậm.

dám hành động. Đợi khi Thượng công ra đây, tôi xin nói giúp, ông sẽ được lên ngôi vua thật sự.

Sùng Nhượng công nghe nói, mừng lắm, bèn sắm sửa lễ vật tới yết nhà Thái miếu, rồi vào ở trong gian nhà phía tả điện Cần chính, và cho Khôi đi tìm tất cả các quan đến để bàn việc.

Trước hết, Khôi tới nhà Lê Phiên, Phiên mắng rằng:

- Vua phải chạy đã không đi theo, lại theo người ta mà lập vua khác. Lời nói ấy sao còn đến tai ta làm gì?

Rồi Phiên bỏ trốn lập tức.

Khôi lại tới nhà viên quan Tham tụng là Huy Bích. Bích từ chối không chịu gặp. Sùng Nhượng công bèn thảo tờ dụ các quan đại ý nói rằng:

"Năm xưa đã nhường ngôi, quả không có lòng tham thiên hạ. Ngày nay tạm nắm quyền, chỉ mong giữ việc tế tự Những ai hiểu cho ý đó, thì nên tới họp tại triều".

Nhưng các quan văn, rốt cuộc chẳng một ai tới. Khôi liệu công việc chắc là không thành, bèn bàn tính với một người bạn. Người ấy trả lời:

- Anh nộp tiền để mua chút bằng sắc, triều không ngồi, tiệc không dự, mất nước không phải tội lỗi của anh, được nước không phải trách nhiệm của anh, chẳng qua anh muốn nhân lúc loạn lạc mưu đồ phú quý mà thôi. Nhưng Sùng Nhượng công không phải món hàng lạ có thể buôn bán được. Văn Nhậm lại là kẻ dã tâm khó lòng tin cậy Một mai Bắc Bình Vương đến, tai vạ thật là khó lường, mà sau này vua Chiêu Thống trở về, anh cũng không có chỗ nào để dung thân nữa. Tục ngữ có câu "Ở yên chẳng muốn, muốn chui đầu vào chum để mua vạ". Chính là nói hạng người như anh đó!

Khôi sợ, bèn bỏ trốn.

Sùng Nhượng công ngồi trơ trong điện, chỉ có một vài hoàng thân và ba bốn tên võ biền, sớm tối ở chung với nhau: Còn mọi công việc đều không đến tay. Hàng ngày hắn ta đi bộ đến phủ đường, chầu chực Văn Nhậm và hỏi cách xử trí, song Nhậm chẳng biết xử trí ra sao. Người Kinh thành thấy vậy, đều gọi hắn ta là "giám quốc lại mục"[1].

Lại nói, Ngô Văn Sở từ khi nhận mật chỉ của Bắc Bình Vương và cùng Nhậm ra Bắc, lúc ở trong quân thường vẫn dùng lời nói ngọt nhử Nhậm, để ngầm dò ý. Đến lúc này, Sở bèn bảo Nhậm rằng:

- Chúng tôi vâng mệnh theo ông đánh dẹp, giặc Chỉnh đã bị giết nhưng dư đảng của y ở vùng Đông Nam vẫn chưa dẹp yên. Vua Lê vẫn còn chạy trốn ở ngoài, mà các quan cũng đều lẩn tránh. Nay ông cho Sùng Nhượng công làm Giám quốc, nhưng tôi xem lão ấy chỉ là phường a dua không được tích sự gì, rốt cục chỉ là một cục thịt trong cái túi da, làm sao mà sai khiến được kẻ khác? Từ khi có nước Nam tới nay, triều đại thay đổi không biết là mấy lần rồi. Thiên hạ nào phải là của riêng nhà ai. Liệu có thể lấy được thì cứ lấy đi, rồi đặt quan, chia chức để xây dựng phên giậu, làm cho tai mắt của mọi người đều được một phen đổi mới. Nếu có kẻ nào lấy trộm danh nghĩa[2] thì cứ bảo là giặc, rồi đem quân tới đánh, ai dám chống lại? Việc gì mà phải mượn đứa tôi đòi ngoài chợ trông coi việc nước, để hắn sắm vai ông chủ "tượng đất" trong vườn, còn mình thì cứ đóng mãi trong thành, làm tụi lính khách ở trọ nước ngoài?

Nhậm nói:

- Bọn Nhưỡng, Tuyển chẳng qua hơi tàn thoi thóp, nắm

(1) Viên thơ lại coi việc nước.

(2) Ý nói những kẻ mượn tiếng phò Lê.

lấy cánh tay, tự nhiên phải đến. Vả ta xem bọn bề tôi nhà Lê chẳng có mặt nào như Điền Đan nước Tề, Vân Trường nhà Hán[1]; chẳng qua họ sợ binh oai của ta, nên sớm chiều dùng dằng đó thôi. Nếu ta hạ một cái bảng hẹn ngày phải tới cửa quân, không tới thì chém, chắc là chúng sẽ cởi áo mang roi đến chịu tội. Điều đó không phải là việc đáng lo. Chỉ vì lòng người đất Bắc còn nhớ họ Lê, không thể không chiều theo lòng mong mỏi của mọi người. Mượn hắn ra làm pho tượng gỗ, là cốt để chia rẽ đồ đảng của Chiêu Thống, và ràng buộc lòng dân Bắc Hà đó mà thôi. Chỗ đó không phải chỗ lũ các ông có thể biết được! Các ông khoẻ sức đánh trận, ta sẽ giao cho các ông chia đường tiến đánh, rồi giữ lấy đất làm bức trường thành cho ta, há chẳng tốt ư? Đến lúc đó, cuộc thế xoay vần, tự nhiên có nhiều việc hay, đường đường làm chủ không phải ta thì còn ai? Cần gì mà phải làm khách?

Sở im lặng ra về, rồi bảo với Lân rằng:

- Lão Tiết chế thật khinh người quá. Hắn có tài đức, trí lược gì mà dám coi bọn ta là tụi lính tráng? Xem hắn từ khi vào thành đến nay, đã làm được việc gì? Thúc ép dân phải gấp rút đắp luỹ và phò Lê Duy Cận làm Giám quốc, đều là sắp sẵn cái mưu làm phản, để hòng tranh giành với chủ ta. Đã không biết lấy giặc Chỉnh làm răn, trở lại muốn bắt chước nó. Không muốn sống lại muốn chết, thì cứ cho hắn đi theo Chỉnh, để răn kẻ khác!

Sở bèn lượm lặt các việc làm của Nhậm, cho là tội trạng làm phản, lấy Lân làm chứng, rồi ngầm sai người về Nam báo

(1) Điền Đan là người họ vua Tề đời Chiến quốc. Vân Trường tức tên tự của Quan Vũ. Là bạn kết nghĩa của Lưu Bị thời Tam quốc. Hai người đều có tài trong việc đánh đẹp và giúp nhà vua khôi phục đất nước.

với Bắc Bình Vương[1]. Bắc Bình Vương nói:

- Thằng Võ Văn Nhậm đáng chết thật! Ta vẫn biết hắn thế nào rồi cũng làm phản, quả nhiên không sai.

Tức thì Bắc Bình Vương hạ lệnh ra Bắc, đốc thúc các quân bộ và quân kỵ mã ngày đêm đi gấp. Chừng hơn mười ngày đến thành Thăng Long. Bấy giờ đồng hồ vừa nhỏ giọt xuống đến trống canh tư, Nhậm đang ngủ say trong phủ. Sở được tin, liền dặn người do Bắc Bình Vương sai đến phải giấu kín việc ấy, không được báo cho Nhậm biết; rồi sai người ngấm ngầm ra ngoài thành đón Bắc Bình Vương. Người nhà và người xung quanh Nhậm cũng đều không ai biết gì. Chốc lát, Bắc Bình Vương vào thành, đến thẳng chỗ Nhậm nằm, Nhậm cũng vẫn chưa biết, Bắc Bình Vương liền sai võ sĩ là Hoàng Văn Lợi đâm chết Nhậm rồi khênh xác ra sau phủ đường[2].

Mờ sáng, Bắc Bình Vương truyền lệnh cho Sở làm chức Đại tư mã, thống lĩnh quân đội thay Nhậm, lúc đó quân lính mới biết.

Hôm ấy, Bắc Bình Vương cất đặt lại quan chức; Đô đốc Nghĩa Hoà hầu làm Trấn thủ trấn Sơn Nam; Lỗi Quang hầu[3] làm Trấn thủ trấn Sơn Tây; Nguyệt Quang hầu làm Trấn thủ trấn Kinh Bắc, Hám Hổ hầu[4] làm Trấn thủ Hải Dương. Còn

---

(1) Theo *Cương mục* thì Nhậm có làm những việc trái phép, như tự đúc ấn chương, chuyên quyền trong việc cân nhắc, xếp đặt quan chức v. v. Nhưng bên cạnh đó. Sở vốn có hiềm khích với Nhậm, nên đã dâng mật thư vu oan cho Nhậm làm phản.

(2) Cũng theo *Cương mục*, lúc Nguyễn Huệ đến, Nhậm ra ngoài thành lớn Nguyễn Huệ liền nhường ngựa đang cưỡi và lọng che cho Nhậm vào thành, lại an ủi vỗ về ôn tồn. Sau đó mới bắt Nhậm đem tra khảo và giết chết.

(3) Có bản chép Tuyết Quang hầu.

(4) Có Sách chép Hô Hổ hầu.

Giác Hoà hầu coi giữ bộ Hình, Chánh Ngôn hầu coi bộ Hộ, Ước Thiện hầu coi bộ Lễ, Lộc Tài hầu coi bộ Lại và đều kiêm nhiệm chức Hiệp trấn, Bắc Bình Vương lại bảo họ tiến cử những người mà họ hiểu biết, chia ra cho làm quan ở các huyện. Võ thì chia ra chức suất, chức nội; văn thì chia ra chức tri, chức ngoại. Cả sáu trấn[1] đều do Sở tuỳ theo tài năng mà cắt đặt người, sau đó bẩm lên xin cấp văn bằng, rồi cho ai nấy lĩnh quân bản bộ về trấn của mình. Bắc Bình Vương lại hạ chỉ vẫn để con thứ tư của tiên hoàng nhà Lê là Lê Duy Cận làm Giám quốc, coi việc tế tự, và cho đòi hết thảy các quan văn võ phải tới cửa khuyết, chực sẵn ở nhà bộ Lễ, rồi theo viên lễ quan là Võ Văn Ước vào yết kiến.

Bấy giờ viên quan văn là Ngô Thì Nhậm vào yết kiến trước, Ước tưởng lầm là hoàng tử nhà Lê, liền mời cùng ngồi với mình. Tiếp đó, bọn Lê Phiên đến, đều lạy ở dưới chân. Ngô Thì Nhậm trong bụng rất áy náy, vội đứng dậy đi ra. Ước lấy làm lạ không biết là ai, bèn hỏi:

- Người vừa ngồi đây là ai thế?

Có người trả lời:

- Văn ban Ngô Thì Nhậm đấy?

Ước giận mà rằng:

- Ta vâng mệnh cai quản tất cả, sao lại được vô lễ như vậy?

Rồi Ước tức tốc sai người theo bắt.

Ngô Thì Nhậm đã biết trước chuyện đó, nên lúc ra, vội vàng trốn tránh ngay. Đến tối, Nhậm vào yết kiến viên Trung thư lệnh Kỷ Lễ hầu là Trần Văn Kỷ.

---

(1) Theo *Dụ am văn tập*, dưới triều Tây Sơn, các trấn ở Bắc Hà được chia làm thành 7 nội trấn và 6 ngoại trấn. Đây là 6 ngoại trấn: Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hoá, Thái Nguyên, Yên Quảng.

Kỷ người Thuận Hoá, vốn có văn học, là bậc danh sĩ ở Nam Hà. Năm Đinh Dậu (1777) niên hiệu Cảnh Hưng, Kỷ thi ở trấn đậu Giải nguyên. Năm Mậu Tuất (1778), Kỷ tới Kinh thi Hội, sĩ phu ở Bắc Hà, Kỷ có giao thiệp quen biết ít nhiều. Năm Bính Ngọ (1786), Bắc Bình Vương đánh lấy thành Phú Xuân, sai người tìm Kỷ hỏi việc Nam, Bắc, Kỷ đối đáp rất nhanh và rất hợp ý, nên Bắc Bình Vương rất trọng, cho ở vào chỗ "màn trướng"[1], việc gì cũng bàn với Kỷ, lúc nào cũng gắn bên Kỷ, không mấy khi xa rời.

Lúc ấy Ngô Thì Nhậm tới gặp Kỷ, nói rõ tình trạng mình xúc phạm tới Ước, sợ bị hãm hại nên không dám đến, chứ không phải dám trốn tránh, rồi nhờ Kỷ giải cứu cho. Kỷ nói:

- Nghe ông là bậc kỳ tài, không may bị tiếng gièm pha, trốn tránh hơn năm sáu năm, sự tích luỹ càng thêm tinh tuý. Nay ra ứng dụng với đời, chính là hợp thời. Tôi đã đem tên ông trình với chúa thượng, khen tài ông có thể dùng làm việc lớn. May mắn nay được Chúa thượng rủ lòng yêu mến, đã sai tôi tìm ông, vậy không phải cần gì đến ông Ước!

Tức thì Kỷ đưa Nhậm vào yết kiến Bắc Bình Vương.

Bắc Bình Vương nói:

- Ngày trước, ngươi vì chúa Trịnh không dung, một mình bỏ nước mà đi. Nếu ta không đến đây, ngươi làm sao được thấy bóng mặt trời? Có lẽ đó là ý trời muốn để dành người tài cho ta dùng. Vậy ngươi hãy cố gắng mà lo việc báo đáp, thế là được.

Ngô Thì Nhậm rập đầu tạ ơn. Bắc Bình Vương ngoảnh lại bảo Kỷ:

- Đây là người do ta gây dựng lại, nên thảo ngay tờ chế

(1) Nơi ở của bậc tướng soái.

phong làm chức Tả thị lang bộ Lại, tước Tình Phái hầu cùng với Văn Ước coi tất cả các quan văn võ của nhà Lê.

Hôm sau, các quan lục tục kéo đến, lễ quan đưa vào lạy ở điện Chính cung, Bắc Bình Vương đòi hết lên sảnh đường mà bảo:

- Vua Lê do ta lập nên, nhưng là người tối tăm nhu nhược, không thể gánh nổi công việc. Sau khi ta về Nam, liền bị Nguyễn Hữu Chỉnh sai khiến, tự rước lấy bại vong, đất nước này dù ta không lấy thì cũng bị người khác lấy mất. Nay ta để Sùng Nhượng công làm Giám quốc, các ngươi hãy cố gắng ở lại giúp đỡ ông ta. Ta thật không muốn lấy Bắc Hà để kiếm lợi, nay mai lại sắp về Nam. Nhưng vì sợ Tự hoàng tranh giành cùng Giám quốc, thành ra ta làm ơn mà lại hoá ra gây loạn cho họ, nên ta phải để viên Đại tư mã là Ngô Văn Sở ở lại trông nom việc binh, chờ khi bốn cõi tạm yên, ta sẽ gọi về.

Trăm quan từ giã lui ra, rồi nói riêng với nhau:

- Bắc Bình Vương tạm dùng lời nói ngọt để giá ngự chúng ta, chứ không phải thật bụng. Văn Sở cầm quân ở đây, thì Sùng Nhượng công làm gì mà có nước? Hễ cử động gì liền bị họ nắm lấy cánh tay, ông ấy còn làm được chi? Ví như cây tầm gửi, bám vào cành cây khác, rễ không bén đất, sống lâu dài làm sao được? Chúng ta, người nào có thể đi theo vua lo việc khôi phục thì đi đi, nếu không thì nên ẩn xa cho sạch mình, chớ để cho người ta lừa phỉnh mà rước lấy vạ.

Sùng Nhượng công cũng biết như thế, nên đã phải than rằng:

- Ta nay tiếng là làm Giám quốc, thật ra chỉ là một ông từ giữ đền. Nhưng vì miếu xã ở cả đây, bỏ đi thì đi đâu? Thôi thì cũng đành cam lòng như thế, không hối hận gì nữa vậy?

Qua vài ngày, Bắc Bình Vương dẫn quân về Nam. Trước khi lên đường, Vương chọn năm sáu viên văn thần là bọn Phan Huy Ích, Nguyễn Thế Lịch, Ninh Tốn, Nguyễn Bá Lan... phong cho quan tước. Ích làm chức Tả thị lang bộ Hộ, tước Thuỵ Nham hầu, được đưa về Nam[1] còn bọn Lịch, Tốn, Lan... thì đều được phong chức Hàn lâm trực học sĩ, theo Đại tư mã Sở ở lại đất Bắc. Nguyễn Hoàn và Phan Lê Phiên đều xin về dưỡng nhàn, nhưng vẫn được Bắc Bình Vương cho giữ nguyên chức tước, và sai bộ Lễ cấp phát giấy tờ cho họ trở về làng xóm. Tham tụng là Bùi Huy Bích, Thiêm đô là Nguyễn Huy Trạc đều có đến Kinh, nhưng không chịu cho dẫn vào lạy chào. Rồi đang đêm Bích trốn còn Trạc thì tự tử ở đài Ngự sử.

Những người trốn tránh không chịu ra thì có Phó đô ngự sử Nguyễn Đình Giản, Tham tri chính sự Lê Duy Đản, Phạm Đình Dư, Đồng xu mật viện Nguyễn Duy Hạp, Phạm Trọng Huyện, Thiêm sai công phiên Phạm Quý Thích, Đô cấp sự trung Nguyễn Đình Tứ, tất cả chỉ có bảy người mà thôi[2].

Lại nói, bấy giờ vua Lê đang ở huyện Lang Tài, lại dời đến huyện Chí Linh. Các quan biết chỗ vua ở, nhiều người đến theo. Lê Ban ở Giáp Sơn[3] đem một trăm người nghĩa dũng đến yết kiến. Vua mừng lắm, phong cho làm chức Ngự doanh sứ, tước Trung Nhạc hầu.

Ban nói kín với vua rằng:

- Trước đây, thần về Nghệ An, thấy nhân tình rất là căm phẫn, ghét Tây Sơn như cừu thù, nhiều người đã nhóm họp ở

---

(1) Bản chữ Hán chép là cả Ngô Thì Nhậm cũng được đưa về Nam, đó là chép nhầm.

(2) Theo *Cương mục*, thì số người này gồm tám viên, mà có một số tên khác hẳn đây.

(3) Cũng gọi Hiệp Sơn, nay là đất huyện Kinh Môn, Hải Dương.

rừng núi để cùng lo việc khởi nghĩa. Các bậc phụ lão nghe tin thần ở Bắc vào, đều lần lượt đến hỏi nhà vua ở đâu, muốn cho con em đi theo. Nhân thể, thần mới cùng đi với họ. Dọc đường qua cửa biển, thần lấy điều nghĩa khuyên dụ, nhiều người xin đem thuyền qua biển, hẹn nhau họp ở ngoài khơi phủ Kinh Môn[1]. Gần đây, thần được tin báo rằng hiện có chừng hơn bảy chục chiếc thuyền và hơn ba trăm thuỷ thủ, khí giới lương thực đầy đủ ít hôm nữa sẽ đến. Vậy xin xa giá ngự ra Giáp Sơn, hạ chiếu cho Trần Quang Châu đem quân bản bộ hộ vệ. Quân bộ do Châu thống lĩnh, mặt thuỷ thần xin đảm đương. Hai cánh quân nương tựa lẫn nhau. Trước hãy khôi phục trấn Hải Dương để làm nơi xa giá tạm nghỉ. Trấn ấy phía bắc có thể khống chế các huyện Từ Sơn, Thuận Thành; phía nam thông với phủ Thái Bình, Kiến Xương, theo đường Yên Quảng có thể đến thẳng Cao Bằng, và kéo luôn sang vùng Lạng Sơn. Cơ trung hưng không còn cách nào khác nữa.

Vua Lê nghe theo, bèn hạ chiếu cho Châu làm chức Đốc chiến ở đạo Kinh Bắc.

Quân chưa kịp tiến, thì vừa gặp lúc Đinh Tích Nhưỡng ở Hải Dương dâng tờ biểu xin theo đi đánh trận. Mọi người nghe tin, nói nhao lên rằng:

- Nhưỡng là một thằng chẳng ra làm sao. Bảo là có nghĩa ư? Trước đây hắn đã toan giúp nhà chúa để chống lại mệnh lệnh nhà vua, lúc đầu phò Quận Thuỵ, sau lại theo chúa Án Đô. Đến khi Quận Thuỵ làm không nên việc và Án Đô bị thất bại, hắn đều bỏ đi không nhìn. Bất nghĩa đến thế là cùng! Bảo là có tài ư? Chính hắn đã hai lần cầm quân chống giặc, thì một lần thua ở Kim Động, một lần thua ở Ngô Đồng, chỉ

(1) Địa bàn phủ Kinh Môn (Hải Dương) đời Lê rất rộng, gồm cả một số huyện của Quảng Yên và Kiến An hiện nay.

chạy thoát được cái thân, không chết là may đấy thôi! Xem một đời hắn, toàn không có nghĩa khí, lại không có tài chiến đấu, chỉ mới về Hải Dương, thả bộ hạ cướp bóc trong xứ. Người ta coi hắn là giống diều quạ gian giảo và gọi là giặc Nhưỡng. Hào mục các huyện đã viết thư cho nhau kể tội ác của hắn. Họ đã họp nhau trong làng Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, hẹn nhau đến đánh phá Hàm Giang. Nhưỡng phải lui quân về huyện Bình Giang. Rồi nhân lúc ban đêm, kéo đến làng Lai Cách, giết hại không biết bao nhiêu người mà kể, đến nỗi thây nằm ngổn ngang đầy đồng. Sự tàn nhẫn của hắn như vậy, nên người Hải Dương ai cũng coi hắn là kẻ thù. Nay dung nạp hắn, chẳng những vô ích mà còn mất lòng nhân dân Hải Dương, thật là thất sách!

Vua Lê cũng từng nghe tin: Nhưỡng bị mọi người không dùng đã ngấm ngầm xin hàng Tây Sơn, nên lúc này cũng nghi ngờ không cho Nhưỡng theo đi đánh.

Các hào mục ở trấn Hải Dương nghe tin vua sang xứ Đông, đều dâng tờ biểu, quyết xin đánh Nhưỡng.

Vì thế, Nhưỡng bối rối quá, tính không còn chỗ nào để dung thân, liền phát cáu mà nói rằng:

- Vua đã không thương ta, ta còn cần gì vị nể vua?

Rồi Nhưỡng sai tên đồ đảng của y là Trần Liên đến Thăng Long ngấm ngầm tố cáo chỗ vua ở, và xin Văn Sở sai quân đi bắt. Ban đầu, Liên nghe tin vua lén lút ở trong nhà dân, chỉ có sáu bảy người theo, bèn báo cho Sở biết.

Sở hỏi cặn kẽ, Liên vẽ rõ đường đi cùng chỗ ở của vua, rồi nói:

- Ví như vào chùa trói một lão trọc lôi đi mà thôi!

Sở cười mà rằng:

- Nếu quả như lời người nói, sao ngươi không lôi cổ đến

đây cho ta. Còn xin quân làm gì?

Liên đáp.

- Lôi ông ta đi chẳng qua chỉ một tên lính cũng đủ, nhưng chúng tôi còn sợ danh nghĩa nên không dám làm. Việc ấy cố nhiên là việc dễ, nhưng lại khó đối với người trong nước, xin ngài xét cho chỗ đó!

Sở tin là thật, liền sai một trăm tên lính cùng đi với Liên. Không ngờ lúc ấy, Trần Quang Châu và Lê Ban đã đến chỗ vua ở, và quân lính bảo vệ cũng không ít. Đêm ấy nghe báo quân Tây Sơn vượt núi mà đến, hai người bèn chia hai đường đánh dồn lại, và giết chết sạch. Liên chạy trốn vào hang núi được thoát, rồi chạy về Thăng Long báo tin. Văn Sở lập tức cho một đạo quân lớn đi đuổi vua Lê[1].

Vua mới đến Giáp Sơn, các đạo quân cần vương còn chưa nhóm họp được hết. Chợt nghe tin quân địch sắp đến, Nhưỡng làm hướng đạo. Mọi người đều run sợ nói nhao nhao lên rằng:

- Nhưỡng mà thông đồng với giặc thì Hải Dương không thể ở được.

Châu xin vua lại về huyện Chí Linh. Ban thì xin vua đi Yên Quảng. Mọi người đang bàn bạc phân vân chưa quyết, thì vừa lúc Trương Đăng Quỹ và người con là Trương Đăng Thụ cưỡi chiếc thuyền biển từ biển Kiến Xương đến yết kiến vua. Thấy thế, Quỹ bèn nói:

- Chí Linh là nơi đồi núi gập ghềnh, tắt ngang sang Gia Bình thì lại là đồng ruộng mênh mông. Ta quân ít sức hèn, đánh hay giữ đều không tiện. Còn Yên Quảng thì lại giáp với

(1) Theo *Cương mục* thì Đinh Tích Nhưỡng đã đến vây đánh vua Lê hơn một tháng. Sau đó hai người ở Hải Dương là Trần Tĩnh và Hoàng Xuân Tú đến cứu vua, chém chết hai người em của Nhưỡng, Nhưỡng mới phải bỏ chạy.

Hải Dương, đường sông, vũng biển đều là cửa ngõ ra vào của Nhưỡng. Hắn đã ăn ở hai lòng, thì đó cũng không phải chỗ yên lành có thể trú ngự. Trấn Sơn Nam đất tốt dân đông, đinh tráng có thể luyện làm quân lính, thóc gạo có thể trưng làm lương thực, sông ngòi chằng chịt như mạng nhện, cưỡi một chiếc thuyền, bỏ chỗ nọ đến chỗ kia, chẳng ai còn biết lối vào nào mà tìm. Bệ hạ đang lúc như con rồng ẩn bóng, không đâu yên ổn bằng đấy.

Vua theo lời Quỹ, bèn quyết ý dời về phía nam. Còn lời bàn của Châu và Ban thì vua đều không nghe. Rồi đó, vua yên ủi hai người, sai Châu dẫn quân về Bắc, Ban thì đem thuyền biển lui về Biện Sơn[1], chờ lệnh trưng phát.

Thế là, quân cần vương tan tác đi ra bốn phía, còn vua thì đi về phía nam.

Lúc tới nơi, vua đóng ở huyện Chân Định, dùng nhà Đăng Quỹ làm nơi hành tại. Quỹ đưa con em và người trong họ tới lạy chào, vua đều ban cho quan tước, sai họ chia nhau đi các làng, các huyện chiêu mộ quân nghĩa dũng. Xa gần nô nức hưởng ứng, đều xin họp quân cần vương, hẹn ngày cùng đến, thuyền bè kể có hàng nghìn, quân lính có tới vài vạn. Các tay hào mục đều đến, vua tự mình ra yên ủi họ. Rồi sai Đăng Quỹ chia quân làm năm đạo, trong từng đạo lại đặt ra các chức Thống lệnh, Đốc chiến, Tham quân. Đốc hướng mỗi chức một viên, lập thành cơ đội, chờ ngày xuất phát.

Viên Nội hàn là Lê Xuân Hạp bảo Đăng Thụ rằng:

- Quân lữ là việc lớn, không thể khinh suất. Trước hết nên điểm số quân, kén lấy người cường tráng sung làm chiến sĩ, cứ năm chục người làm một đội, năm đội làm một cơ, năm cơ làm một đạo, do viên Thống đạo đốc suất. Những người

(1) Núi Biện Sơn ở vùng biển huyện Tĩnh Gia, Thanh Hoá.

còn lại thì để dùng vào việc chuyên chở và sai khiến, chớ để quân lính không tinh nhuệ lẫn lộn vào, tiếng là có số mà vô dụng. Nay nên kê rõ danh sách, dẫn vào bái mạng, để nhà vua ban cho binh phù, trao cho quân luật. Viên Thống đạo vâng mệnh lệnh triều đình: các cơ đội thì chịu sự tiết chế của viên Thống đạo. Người nào tuân theo mệnh lệnh thì có trọng thưởng; người nào không nghe theo mệnh lệnh thì bị tội chém. Sao cho quân lính đều hăng hái và biết khuôn phép, sau đó mới có thể đưa ra trận mạc. Binh là việc dữ, chiến là việc nguy, không phải là trò trẻ con.

Thụ nói:

- Ngày nay chính là lúc đang cần gấp rút thu phục lòng người, mọi việc hãy tạm giản dị, chưa thể buộc ngay họ vào khuôn phép được!

Hạp nói:

- Thu nạp được nhiều người mà dùng không được chỉ sợ họ thấy giặc là chạy, rồi lại còn giày xéo lẫn nhau nữa, thì dù nhiều cũng chẳng làm gì. Sao không nghĩ đến việc cụ lớn đại thần nhà ta đã cố sức khuyên nhà vua qua xứ Sơn Nam, ông là con ngài, vâng mệnh cầm quân, vạn nhất mà bị vấp ngã, tội ấy tại ai?

Thụ không nghe, chỉ gọi các hào mục đến mà phân phái bằng miệng; tuyệt nhiên không có sổ sách gì để có thể tra cứu. Bởi vậy, đến khi có việc cần sai khiến Thụ đều lờ mờ không biết đâu mà lần, đến nỗi phải chạy đi lăng xăng khắp nơi, trong quân ngũ chẳng còn có kỷ luật gì nữa. Quỹ cũng không biết, gọi Thụ hỏi về việc quân thì Thụ thưa:

- Các đạo nay đã tề tựu, quân số rất nhiều, ai cũng hăng hái đánh giặc. Xin đánh một trận để lập công!

Quỹ cho là phải, tâu xin chọn ngày xuất quân. Vua có ý

ngần ngại mà rằng:

- Ta nghe những người giỏi về chiến trận, trước hết phải lo đến việc thua, rồi sau mới thắng được người. Nay ta xem thuyền bè thì đều là thuyền câu, thuyền chài, quân lính thì đều là những kẻ chợ búa ô hợp, dùng quân ấy mà đánh, có chắc là không bị thua chăng? Nghĩ đến cơ nghiệp, thì trẫm dù không thể khôi phục được xã tắc cũng quyết chết với xã tắc, thề đánh nhau với giặc đến cùng, chớ có sợ gì xuất quân? Nhưng trẫm muốn làm việc gì cũng phải tính kế vạn toàn, ngõ hầu khỏi mang tiếng là vì khinh suất, vội vàng mà chuốc lấy vạ bại vong.

Quỹ ngoảnh lại bảo Thụ:

- Thánh thượng bảo như vậy, con nghĩ thế nào?

Thụ nói:

- Ngày nay, điều mà mình trông cậy, ấy là lòng người. Mọi người ai cũng kính mến ơn đức của thánh thượng, căm thù với giặc, nguyện xin đánh một trận lớn, giết cho hết giặc. Lòng người như thế, đánh đâu không tan? Đẽo cây gậy có thể quật ngã nước Sở, dựng ngọn tre có thể làm mất nhà Tần[1]; huống chi số quân này và số thuyền này, há không đủ giết chết quân giặc hay sao? Nếu cứ muốn quân lính thạo trận mạc, thuyền bè phải đủ lầu gác, thì trước đây Quận Thạc, Quận Nhưỡng đều là những viên tướng trải qua trăm trận, lính thuỷ lính bộ các doanh mà họ thống lĩnh đều là quân tinh nhuệ, hùng dũng, sao cũng không thể thành công mà lại phải

(1) Trong sách *Mạnh Tử*, lời Mạnh Tử nói với Lương Huệ Vương có câu: Chế đình khả dĩ thát Tần, Sở chi kiên giáp lợi binh, nghĩa là đẽo cây gậy có thể đánh bạt giáp bền gươm sắc của quân Tần, Sở, Theo *Bắc sử*, cuối đời Tần. Trần Thắng và Ngô Quảng khởi binh, chỉ dùng cây cối làm gươm giáo, dựng ngọn tre lên làm cờ mà đánh bại quân Tần.

tan vỡ? Vậy thần xin thả thuyền ngược dòng mà tiến lên, quyết chiến với giặc. Xe nhà vua tới sông, quân sĩ hăng lên gấp trăm, chẳng qua năm ngày, có thể lấy lại Kinh thành. Cơ hội này không nên bỏ lỡ.

Vừa lúc ấy Nguyễn Viết Tuyển đưa binh thuyền đến đón vua. Nhân thế, Đăng Quỹ xin vua cho xuất quân.

Nguyên trước, Tuyển là người cùng huyện với Hữu Chỉnh, làm bộ tướng của Chỉnh, cùng với Chỉnh vượt biển vào với Tây Sơn, xông pha những nơi nguy hiểm, không hề rời bên cạnh Chỉnh. Đến lúc Chỉnh về nước và đắc chí, liền tiến Tuyển với vua, nói là tài Tuyển có thể đương nổi một mặt. Vua bèn hạ chiếu cho Tuyển làm Trấn thủ Sơn Nam, thống lĩnh năm ngàn lính bộ và bảy chục chiến thuyền.

Tuyển giỏi về thuỷ chiến, nên khi Chỉnh có hiềm khích với Tây Sơn, sợ Văn Nhậm lợi dụng lúc sơ hở mà đi đường biển đến, Chỉnh bèn sai Tuyển đóng đồn ở cửa biển Đại Hoàng, đem quân đi tuần ngoài biển để dò la tin địch. Đến lúc Kinh sư tan vỡ, Chỉnh đưa vua chạy sang Kinh Bắc, Tuyển không được biết. Sau đó tin báo đến nơi, Tuyển mới ở biển lật đật rút về trấn, mưu đóng giữ đất ấy để chống với địch. Văn Nhậm đã có lần đánh Tuyển, nhưng không hạ được. Đến khi Văn Sở lên thay Nhậm, muốn dỗ Tuyển về hàng, bèn sai người vào Nghệ An, bắt cha và vợ Tuyển ra Thăng Long. Rồi sai vợ Tuyển cầm thư của cha Tuyển viết để dụ Tuyển, đồng thời lại đưa tin rằng: "Nếu Tuyển không mau mau đầu hàng, thì sẽ giết cha!".

Tuyển thấy thư của cha, khóc và nói:

- Đời người có ba đấng bề trên thì Hoàng thượng là vua ta. Bằng công là thầy ta, mệnh cha không dám không theo, nhưng thù của vua và thầy không thể không trả. Giả sử đầu

hàng mà được trọn đạo nuôi cha, trở về quê hương họ hàng làm người nông dân huyện Chân Phúc cho hết đời, thì dù được đằng nọ mất đằng kia, ta cũng cam lòng. Song chỉ sợ bị lừa dối, rơi vào tay quân độc ác, cả mình ta cũng bị nó giết hại, thì trung hiếu đều hỏng, để tiếng cười cho ngàn đời, làm kẻ ngu dại trong thiên hạ, như thế rất là không nên.

Rồi đó, Tuyển dặn vợ về từ tạ với cha. Cha Tuyển được tin, biết Tuyển không có ý cứu mình, bèn ngửa mặt lên trời mà than rằng:

- Đã không có thể cầu sống với con thì còn xin sống với người khác làm gì? Giả sử nó làm được như Vương Lăng[1], thì dù có chết như bà mẹ Lăng, ta cũng không hối tiếc. Nhưng ta xem nó chỉ như con lợn, con chó, khó lòng mà làm được như thế. Chết vì chính mắt trông thấy nó thất bại, thà rằng chết trước còn hơn!

Sở biết ý ông ta, liền sai người canh giữ rất nghiêm ngặt, và nói:

- Tuyển đã không có ý hàng, thì ta cũng không thể nuôi giặc.

Rồi Sở tự đem quân đi đánh Tuyển, đưa cả cha và vợ Tuyển đi theo. Sở sai Đại Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết thống lĩnh thuỷ quân, còn mình thì thân hành đem bộ binh cùng Phan Văn Lân chia làm hai cánh tả hữu, men theo hai bờ sông Cái, cùng tiến lên.

Đến bến Thanh Trì, Sở bắt được một tên do thám của Tuyển, tra hỏi thì y nói:

---

(1) Đời Hán, Vương Lăng là một tướng giỏi của Hán Cao Tổ: khi Sở Hạng Võ đánh nhau với Hán, bắt mẹ Vương Lăng, rồi buộc phải viết thư dụ con về hàng, nhưng bà không chịu, tự ấn cổ vào mũi gươm mà chết để cho con một lòng phò Hán.

- Tuyển chỉ có tám chục chiếc chiến thuyền, đóng ở cửa ải Hàm Tử, mà không có quân bộ. Lương thực toàn lấy của dân, năm ngày một kỳ, nhưng cũng không được đều đặn. Quân của Tuyển có khi buộc thuyền ở ven bờ sông, rồi vào nhà dân cướp bóc, mọi người ai cũng chán ghét, thế không thể nào đóng lâu ở đấy được. Gần đây, Tuyển lại sai đắp luỹ đất ở sông Hoàng Giang, đốc thúc công dịch rất gấp. Nghe đâu ông ta sắp lui về đấy để làm chức cố thủ.

Nhờ vậy, Sở biết rõ tình hình hư thực của Tuyển, liền bảo với Lân rằng:

- Quân ta chuyến này bắt Tuyển như bắt đứa trẻ con, không khó gì cả?

Sở bèn họp quân bộ, chia làm hai đạo, nhân đêm tối tiến về phía nam, vòng ra sau quân Tuyển, phục kích ở hai bên bờ sông, đợi khi thuỷ quân giao chiến với quân Tuyển và nghe thấy tiếng súng nổ, thì lập tức giục trống, hò reo xông lên, hai cánh cùng nhằm thuyền quân của Tuyển mà bắn.

Rồi đó, hai bên giao chiến ở vùng huyện Kim Động, quân Tuyển bất lợi, phải theo nước xuôi chèo gấp về nam. Sở thừa thế vẫy quân đuổi theo. Đến sông Hoàng Giang, quân Tuyển dựa vào luỹ đất để giữ thế thủ, hai mặt thuỷ bộ nương tựa lẫn nhau để chống với quân Sở.

Lúc Tuyển thua ở Kim Động, sĩ dân mạn xuôi đều chưa ai biết. Trông thấy thuyền bè đầy sông, cờ quạt rợp trời, họ cho là quân Tuyển thế nào cũng thắng trận. Lại nghe vua Lê ở Chân Định, Tuyển đã cho thuyền đi đón, xe vua sắp đến, nên ai cũng nô nức mừng rỡ, tranh nhau đem đinh tráng, mở cờ giống trống để đón quân vua. Tuyển thấy nhân tình như thế, nên mới dâng biểu tâu xin nhà vua ngự ra coi quân. Đăng Quỹ cũng hết sức chủ trương việc nhà vua thân chinh. Vua Lê

bất đắc dĩ phải gắng gỏi nghe theo. Nhân dân vùng ven sông trông thấy tán lọng nhà vua, đều xúm xít trên bờ, chen chúc đứng xem chật như nêm cối. Ai nấy đều nói:

- Vua ta đến đấy!

Rồi bảo nhau vái lia lịa và tung hô "vạn tuế".

Xe vua đi sang hướng bắc, đến sông Ngô Đồng, chợt thấy một người hớt hải chạy về phía nam. Quân lính liền bắt lại, hỏi cớ sao mà chạy. Người ấy miệng run cầm cập, không thể nói được, chỉ giơ ngón tay trỏ về một làng ở đằng xa, hồi lâu mới đáp.

- Giặc... đến... nơi... rồi!

Mọi người cùng lên trên cao mà nhìn thấy thấp thoáng ở trong đám cây cối um tùm, có một toán quân đang từ phía tây đi tới, cờ quạt khi mờ khi tỏ. Ai nấy đều nói:

- Đúng là bộ dạng quân Tây Sơn.

Họ vội vàng xuống thuyền, tâu rõ với vua, vua nói:

- Quân Tuyển đóng ở phía trước, quân giặc sao lại vượt qua mà đến đây được?

Rồi nhà vua sai Xuân Hạp lên bờ, dùng ống viễn kính để xem. Hạp xem đúng là quân Tây Sơn, nhưng sợ quân sĩ kinh sợ, bèn trở lại tâu rằng:

- Bộ dạng toán quân ấy chưa được rõ ràng, nhưng quân Tây Sơn xuất quỷ nhập thần, rất là khó lường. Đề phòng việc bất trắc, đó là phép đời xưa. Vậy xin tạm dời thuyền ngự sang bờ bên đông xem sao?

Vua cho là phải.

Thì ra lúc bắt đầu đi đánh Tuyển, Sở dã dùng thuỷ quân thẳng theo dòng sông xuôi xuống làm chính binh; lại ngầm sai Đô đốc Nguyễn Văn Hoà lĩnh đạo khinh binh do đường Bình Lục, Thiên Thuỷ vòng lại làm kỳ binh, để đánh úp phía

sau. Nhưng Tuyển không hề biết. Hai bên đánh nhau mới được vài hiệp, Tuyển sai tướng sĩ đặt súng Bảo long ở trên bờ sông, để bắn quân địch. Chợt thấy quân địch trói cha và vợ Tuyển ở đầu thuyền, rồi chèo thuyền vun vút xông lên phía trước. Tuyển trông thấy khóc và nói:

- Con bắn cha là trái với đạo trời!

Đoạn Tuyển vội vã thét quân sĩ thôi bắn, và lui vào trong luỹ để cố thủ.

Bỗng nghe tiếng súng ầm ầm như sấm, khói lửa ngút trời, quân lính hoảng sợ, đều nói nhao lên rằng:

- Giặc đã chặn mất đường về rồi.

Họ bèn bỏ chạy tan tác. Tuyển ngăn không nổi, liền cùng bộ hạ hơn trăm người nhắm phía nam sông Hoàng Giang mà chạy.

Thuyền vua Lê đóng ở bờ phía đông hồi lâu, sau nghe tin quân Tuyển thua trận, quân Tây Sơn xông ra bốn phía, chém giết rất dữ dội, thì mọi người đều mất hết hồn vía, bỏ cả thuyền bước vội lên bờ, cướp đường mà chạy.

Nhà vua thấy vậy, liền thuận theo dòng sông, buông thuyền chạy về phía nam. Khi tới một ngã ba sông, không biết đi về ngả nào, vua bèn sai gọi gấp Đăng Quỹ để hỏi, nhưng đã không thấy Quỹ ở trên thuyền nữa.

Lúc ấy gió bắc đang mạnh, vua sai giương buồm thẳng ra biển mà đi. Bốn bề mênh mang, mù mịt trời nước một màu, theo gió cưỡi sóng, lênh đênh trong biển khơi, việc sống chết lúc ấy thật không biết đâu mà lường. Vua Lê ngước mắt lên trời mà khấn rằng:

- Nếu trời không muốn bảo tồn dòng dõi họ Lê, thì xin nguyện đi theo hải mã đến chỗ Quảng Lợi Vương ở biển Nam Hải, không cần sống làm gì nữa.

Nói chưa dứt lời, chợt thấy có một chòm núi, đột ngột hiện ra giữa những lớp sóng, sau núi có chừng vài chục chiếc thuyền. Vua vội vàng hỏi người cầm lái, thì ra đã đến hải phận Biện Sơn. Dần dần lại gần, thấy một người bận quần áo trận đứng ở đầu thuyền, nhìn kỹ chính là Lê Ban.

Vua vừa mừng vừa thẹn, chưa biết nói sao. Ban biết là thuyền vua, vội vàng đến bái yết. Vua ứa nước mắt mà nói:

- Ta hối không dùng kế của ngươi, bị Trương Đăng Quỹ làm lỡ. Biết trước thế này, thà ở Giáp Sơn mà thua, còn hơn là đến Chân Định mà thua, thêm một phen lặn lội, chỉ tổ cho người ta chê cười. Nhưng thôi, cũng là việc đã rồi. Còn bây giờ thì nên làm như thế nào?

Ban tâu:

- Thần nghe nói: "Có lắm nạn mới dấy được nước, sự lo phiền mở rộng thành đức". Xin bệ hạ chớ vì thế mà nhụt chí. Thua được là việc thường của nhà binh. Ví như đánh cờ, thua ván này bầy ván khác, cố làm sao cho có nước cờ lạ hơn người, quy mô sắp sẵn rồi, mới có thể ra mặt. Hiện nay thế giặc quá mạnh, ta chưa chiếm được một mảnh đất nào, không thể đánh nhau với chúng. Thần xin bệ hạ lên đường vào Lam Sơn là đất hưng vương của Thái Tổ ngày xưa, lấy đó làm nơi bảo vệ xa giá, rồi sai người truyền dụ các tù trưởng của dân Mường Mán. Họ đều là dòng dõi phiên thần, ai mà chẳng hăng hái? Thêm vào đó, lại thu nhặt quân hai xứ Thanh, Nghệ, họ đều là lính túc vệ thân cận xưa kia, ai mà chẳng vui lòng đi theo? Thế rồi theo đường ven núi, qua lại liên lạc với nhau. Quân ở ba trấn Sơn Nam, Sơn Tây, Hưng Hoá xuôi dòng sông mà xuống, đột ngột từ trong núi kéo ra. Một ngày kia cả ba đạo đồng thời nổi dậy, tiến thẳng đến đô thành. Cuộc trung hưng của triều ta xưa kia, chính là dùng cách ấy.

Vua nghe lời, liền theo đường bộ đi về vùng Lam Sơn, trấn Thanh Hoa. Rồi sai Ban qua đất Thiên Quan[1] dụ quân Thái; sai tôn thất Duy Lan tới đất Phù Sùng dụ hai viên tù trưởng ở Tây Lĩnh.

Hai viên tù trưởng này vừa mới qua lại hoà hảo với Tây Sơn, không dám trở mặt ngay, họ đều nói:

- Chúng tôi mấy đời nhờ ơn nặng nhà nước, há dám không hết lòng? Nhưng mà kinh doanh nghiệp lớn, ắt phải tích luỹ lâu năm mới thành, không thể làm xong ngay trong khoảng mươi hôm. Đời xưa Hán Cao Tổ, Đường Thái Tông còn phải khó nhọc đến năm sáu năm. Vậy xin lượng thánh xét kỹ, hãy cứ lấy Lam Sơn làm nơi ẩn náu, thư thả để cho chúng tôi luyện tập quân mã, sắm sửa khí giới, thu góp lương thực, sửa sang đường sá, rồi mới có thể vâng mệnh nhà vua được. Nếu muốn làm gấp, e không phải sức của chúng tôi có thể làm nổi.

Lan về nói với vua rằng:

- Chúng thật không có lòng mộ nghĩa, nên tạm dùng lời thoái thác để cự tuyệt ta. Chỗ này sơn lam chướng khí không thể ở lâu. Vậy xin bệ hạ sơm sớm lo liệu, đừng để mất thì giờ vô ích.

Vua cho là phải, bèn lập mưu thay quần áo như người thường, trở về Kinh Bắc, tạm trọ ở phủ Lạng Giang, sau lại dời ra phủ Từ Sơn, ở nhà viên Tham tri là Đình Dự. Do đó bọn Lê Đản, Doãn Lệ, Danh Án, Vũ Chiêu, Vũ Trinh, Xuân Hạp lại lần lượt lui tới chỗ vua ở. Vua cùng họ bàn mưu tính kế. Đình Dư nói:

---

(1) Tên phủ, gồm đất các huyện Nho Quan, một phần huyện Gia Viễn (Ninh Bình) và một phần huyện Lạc Sơn (Hoà Bình) ngày nay.

- Nay bề tôi nanh vuốt của nhà vua chỉ có ba người là Ban, Tuyển và Châu; Tuyển từ sau khi thua ở Hoàng Giang, chạy về Nghệ An, nay không biết ở đâu?[1] Châu bị Tây Sơn lùng bắt, lẩn trốn vào hang núi, không còn thì giờ lo toan công việc. Ban vâng chỉ đi chiêu dụ, còn ở Thanh Hoa, cũng chưa có tin tức gì... Hiện nay bệ hạ nương náu ở nơi thôn ổ, lũ thần đi lại luôn luôn, sợ lâu dần có người biết, sẽ xảy ra tai biến bất trắc. Chi bằng bệ hạ hãy đi lên Cao Bằng, Huy Túc hiện còn hầu Thái hậu ở đó. Trong thì dùng các phiên thần hộ vệ, ngoài thì dựa vào sự cứu viện của thiên triều, ngõ hầu mới có thể làm được việc.

Vua nói:

- Trước kia, ta đã sai Ngô Thì Chí lên Cao Bằng[2] để sắp sẵn mọi việc. Nghe đâu Chí bị ốm giữa đường, nay không biết ra sao?

Danh Án thưa:

- Chí bị bệnh nặng, không đi được, phải cáng về huyện Gia Bình, rồi mất. Chúng thần nghe tin, nhưng chưa kịp tâu.

Vua ứa nước mắt, nói:

- Một người bề tôi giỏi đấy! Tiếc thay!

Rồi vua bèn tự tay viết tờ chiếu, truy tặng Chí làm chức Hàn lâm thị chế, tước Dụ Trạch bá, trao cho Án và nói:

- Nhà ngươi cầm tờ chiếu này đưa cho vợ con của ông ta, cho họ biết ý của trẫm.

Đản tiến lên nói:

---

(1) Theo *Cương mục*, thì sau đó Tuyển ra Thăng Long xin hàng Ngô Văn Sở, bị Sở giết chết.

(2) Ở trên nói đi Lạng Sơn, đây lại nói đi Cao Bằng, có lẽ là chép nhầm.

- Hiện nay những kẻ thần dân theo giặc, đem hết tình hình nước nhà nói với chúng, cho nên mình sắp mưu toan việc gì, thế nào chúng cũng biết trước. Thậm chí có kẻ còn đưa giặc đến để bức bách nhà vua. Biến tự trong sinh ra, không chỉ có giặc ngoài mà thôi. Vì thế mà việc ở Chí Linh và Giáp Sơn, cả hai lần đều không làm nên chuyện, liền đó, việc ở Sơn Nam cũng vậy. Ngày nay chỉ còn có cách là sai sứ sang cáo cấp với nhà Thanh, xin họ dàn quân sát biên giới nước ta, để hỏi cái tội của quân Tây Sơn gây việc binh đao và bọn người trong nước theo giặc, làm cho bọn giặc không thể ở yên, mà lũ phản nghịch cũng có phần sợ. Như vậy, thì lòng mộ nghĩa của người ta mới được bền vững mà mưu cơ khôi phục mới khỏi bị tiết lộ và khỏi bị phá rối.

Vua cho là phải, bèn sai thảo bức thư, đưa trước cho viên Tổng đốc Lưỡng Quảng[1], đại lược nói rằng:

"Ba trăm năm nay, nước chúng tôi đội ơn oai đức của thiên triều, đời đời giữ chức phiên phong, trong nước yên lặng. Chẳng may vận nước giữa chừng gặp buổi suy vi, vua trước qua đời. Nguyễn Huệ Tây Sơn là rể nước tôi, quên ơn bội nghĩa, nhân khi nguy biến, đánh người trong lúc có tang, lại chiếm cứ đất nước, để đến nỗi người cháu nhà vua phải trốn chạy ra ngoài, chưa kịp sai sứ báo tang và xin phong, thể lệ nhiều điều thiếu thốn. Nếu không tới cửa ải mà bày tỏ, e lại vì thế mà mang tội. Vì vậy, nay xin bẩm rõ nguyên do, mong rằng quan lớn thương tình kẻ ở xa, đề đạt giúp cho. Tôi đã có biểu trần tình, xin giao cho một người đem đi, lại có chép một bản phụ, xin trình lên ngài xem. Vời trông thiên triều, ví như trời che đất chở, xa gần không sót chỗ nào. Xét đến tấm lòng kính thuận của các đời trước nhà tôi, và thương

(1) Tức hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây (Trung Quốc).

đến nỗi khổ yếu ớt, lang thang của tôi, xin hãy truyền cho đem quân tới sát bờ cõi, đánh kẻ có tội, dẹp yên loạn lạc để gây dựng lại nước tôi. Muôn vàn lần nhớ ơn thiên triều, ơn đức của đại Hoàng đế không sao kể xiết, mà công giúp đỡ của quan lớn cũng sẽ cùng bền vững với núi sông của nước tôi vậy".

Thư thảo xong, vua sai Đản và Án sung chức chánh, phó sứ. Hai người đem vài kẻ thân tín cùng đi, chỉ đội nón cũ, bận áo rách như người thường dân đi đường. Vua Lê tiễn hai người đến vùng núi Bảo Lộc và dặn rằng:

- Đối đáp ở đất nước người là chức tránh của sứ thần. Chuyến đi này quan hệ đến sự mất, còn của nước nhà và sự thành, bại của công việc. Các người nên tuỳ cơ ứng biến, đem cái tài học chất chứa lúc bình sinh mà thi thố ra việc làm. Tài kinh luân ở ba tấc lưỡi, việc từ lệnh ấy không thể thiếu được. Các ngươi nên cố gắng, cho xứng đáng với tấm lòng trông chờ của trẫm.

Hai người lạy tạ rồi đi. Đản nói riêng với Án rằng:

- Bọn ta tiếng là bồi thần, thật ra chẳng khác gì kẻ vong mạng, đi ra lúi xùi chẳng có ai đưa đón, trên đường đi thì nhiều sự cách trở, lại phải trèo leo vất vả trong chốn núi rừng. Nếu chưa đến đất Trung Hoa mà đã bị quân giặc đuổi bắt, thì đó chính là sự dở dang rất đáng lo ngại. Còn như đã tới được gần doanh của Đốc bộ Lưỡng Quảng thì ta không lo gì nữa.

Án nói:

- Nếu như lòng trời còn giúp xã tắc, chắc sẽ không có việc ấy, cần gì mà phải lo xa? Có điều, từ khi nước ta có nước đến nay, trong việc đi lại với Trung Hoa, tuy rằng các đời sáng nghiệp và trung hưng cũng đã từng gặp cảnh gieo neo không biết là bao nhiêu phen, nhưng mà kẻ bồi thần đi sứ,

chưa có ai lại như chúng ta ngày nay.

Nhân thế, Án làm thơ, trong có hai câu rằng:

Ngàn thuở còn truyền câu chuyện lạ:
Sứ thần áo rách, nón mê tàn[1]*!*

Rồi hai người theo con đường tắt trong núi qua cửa ải Lạng Sơn mà đi.

Thật là:

Rời nước một thân qua ải Hán.
Đau lòng hai mắt khóc sân Tần[2]*!*

Chưa biết hai người đi chuyến này ra sao? Hãy xem hồi sau phân giải.

---

(1) Dịch ở câu chữ Hán như sau:

Thiên cổ đó truyền kỳ tuyệt sự
Tệ soa tàn lạp sứ thần trang.

(2) Đời Xuân thu, nước Sở bị nước Ngô chiếm đóng, quan đại phu nước Sở là Thân Bao Tư sang cầu cứu, Bao Tư cứ đứng khóc ở sân luôn bảy ngày đêm; sau đó vua Tần phải cho quân sang cứu Sở. Đây mượn ý đó để nói việc bọn Án sang cầu cứu nhà Thanh cũng khó khăn như vậy.

HỒI THỨ MƯỜI HAI

Lê sứ thần qua đất Bắc xin quân
Tôn Đốc bộ tới ải Nam truyền hịch.

Lại nói, viên Tham tri chính sự Lê Duy Đản và viên Phó đô ngự sử Trần Danh Án theo đường tắt trong núi đi đến vùng Hoà Lạc[1], gặp lúc quân do thám của viên Đô đốc Tây Sơn Nguyễn Văn Diệm đi tuần, xét hỏi rất ngặt, người nào không có giấy tờ đều bị ngăn trở. Hai người bèn cải trang làm người lái buôn, nhập theo bọn khách trú[2], men núi đi tắt sang Trung Hoa, rồi nhờ quân của viên quan giữ cửa ải đưa đến doanh phủ Thái Bình[3].

Bọn Đản lạy rập dưới sân mà nói:

- Kinh thành của nước chúng tôi từ năm Bính Ngọ (1786) bị giặc Tây Sơn là Nguyễn Huệ đánh phá, quốc vương qua đời, cháu nối nghiệp do dòng chính thống lên làm việc chủ tế tự. Mùa đông năm Đinh Mùi (1787), Huệ lại sai tướng ra đánh. Tự quân phải chạy trốn ra ngoài, các bề tôi lớn nhỏ đều phiêu bạt nơi sườn non góc biển. Người ở lại bị chúng bắt bớ, người ra đi bị chúng ngăn chặn. Hễ chúng bắt được là giết

(1) Thuộc huyện Hữu Lũng, Lạng Sơn.
(2) Tiếng đương thời, dùng để chỉ những người Hoa kiều ngụ cư ở Việt Nam.
(3) Thuộc Quảng Tây.

chết liền. Trước đây, tự quân của chúng tôi chạy vào Sơn Nam cùng một vài bề tôi tập hợp quân dân, tính việc khôi phục, lại bị chúng đánh phá, phải chạy vào trấn Thanh Hoa. Nay nhân khi dân mộ nghĩa còn mến chủ cũ, đều muốn tự quân của chúng tôi lên về phía bắc sông Nhĩ Hà, đem tình hình báo với thiên triều, ngước mong thương đến nước chúng tôi, đem quân cứu viện để cho tự quân của chúng tôi có thể khởi sự ngay ở trong nước, rồi dựa vào uy thế của thiên triều mà sai khiến các nghĩa sĩ. Như vậy thì việc khôi phục đất nước mới mong có cơ hội. Hiện nay tự quân của chúng tôi đóng quân ở Phượng Nhãn, sai chúng tôi lẩn lút sang đây. Đường đi đến cửa ải, tính ra chỉ có bốn ngày nhưng vì chúng tôi sợ giặc bắt, phải vượt suối trèo non, đi vòng theo đường quanh co, nên hơn một tháng mới tới nơi. Cúi xin nghĩ lại. Nước nhỏ mọn chúng tôi làm bề tôi của thiên triều đã hơn ba trăm năm, lo giữ chức phận và việc tiến cống không bao giờ ngớt. Nay bỗng chốc bị giặc chiếm đoạt, xã tắc tan hoang. "Người ta đến lúc cùng thì quay về gốc" không thể không gọi ông trời mà kêu. Đức Đại Hoàng đế cũng tức là vua nước nhỏ mọn chúng tôi, mà các vị quan lớn lại là bậc quan lại giúp việc nhà trời. Muôn trông thương đến kẻ ở nơi biên ải xa xôi, dựng lại nước đã mất, nối lại dòng đã dứt, để cho họ Lê là người bề tôi tiến cống, được đội phúc lớn của trời.

Bọn Đản nói rất thảm thiết và đem các tờ biểu, tờ bẩm trình lên. Viên Phân phủ họ Vương ngờ rằng quân Tây Sơn giảo quyệt, giả làm sứ thần của họ Lê để dò la tình hình Trung Quốc, bèn vờ hỏi vặn rằng:

- Vua của nước Nam mất đi đã hai năm nay. Nếu như trong nước có biến, tự tôn đáng lập mà không được lập, sao không tới cửa ải bày tỏ sự tình ngay từ năm ấy? Vả chăng, trước đây có tiếp được công văn đệ sang, chẳng qua chỉ nói

về việc làm mất quốc ấn, xin cấp cho chiếc khác mà thôi. Còn như duyên cớ tại sao không được lập, nguyên do tại sao bị đuổi đi thì không hề nói tới một lời. Nay việc đã trải qua hai năm, tự tôn nương náu ở đâu, quân giặc động tĩnh ra sao, người trong nước theo ai phản ai như thế nào, tình hình đều chưa rõ rệt. Lại nữa, trong tờ biểu này đứng tên tự tôn họ Lê, mà chưa có tờ biểu báo tang và cầu phong, chưa được cấp lại quốc ấn thì sao được khinh suất dâng tờ biểu lên, và vội vã sai sứ thần đến? Xét ra, những việc ấy đều là việc chưa hợp thể lệ. Cần phải có mặt tự tôn họ Lê tự mình đến đây khai báo, để ta giáp mặt mà hỏi rõ tình do. Nếu chỉ bằng vào lời nói của người khác thì không được. Ta là bề tôi giữ đất, việc ở ngoài bờ cõi là việc lớn, quyết không thể nhẹ dạ mà tin các ngươi. Nhưng thôi được, các ngươi đã vì việc cáo cấp mà đến đây, nghĩ tình ta cũng không nỡ đuổi đi. Hãy ở lại đây để ta bẩm rõ với quan Đốc bộ, phái người ra ngoài bờ cõi, dò xét một phen cho đích xác, rồi mới có thể làm tờ biểu tâu lên nhà vua mà chờ chỉ ý quyết định.

Đản và Án nghe vậy, không biết nói sao, đành phủ phục dưới sân mà gào khóc. Viên Phân phủ họ Vương xét thấy thật tình, bèn dỗ dành rằng:

- Xem ra lũ các ngươi trung thực đáng khen, mà tình cảnh thật đáng thương? Thiên triều sẽ có cách phân xử, không nên kêu mãi cho nhàm, cứ ra nhà trọ để chờ mệnh lệnh.

Hai người mừng rỡ, bái từ lui ra. Bấy giờ là năm 53 niên hiệu Càn Long, tức là tháng chín mùa thu năm Mậu Thân (1788).

Đản và Án ở đó được ít lâu, viên Phân phủ họ Vương gọi vào mà bảo rằng:

- Việc bên ấy xin cứu viện, đã được thấu đến triều đình.

Hoàng đế thương đến các vua đời trước của nhà Lê làm bề tôi cống hiến nhiều đời, đã hạ chỉ cho quan Tổng đốc Lưỡng Quảng là Tôn đại nhân, hiệp đồng cùng quan Tổng đốc Vân, Quý[1] là Phú đại nhân, điều động năm chục vạn lính dõng ở Điền Châu ra ngoài biên thuỳ tìm kiếm tự tôn họ Lê, hộ tống về nơi Kinh thành nước An Nam. Những tình hình đó, từ cuối mùa đông năm Đinh Mùi (1787), quốc mẫu bên ấy và viên trấn mục ở Cao Bằng là Nguyễn Huy Túc đã qua cửa ải Đầu Áo sang bày tỏ rồi. Nhưng chưa rõ hai anh em tự tôn thất lạc ở đâu. Còn tự tôn thì sau khi chạy trốn, mẹ con cách trở, cũng không rõ tình trạng bên này, nên lại sai các người trèo đèo vượt suối sang đây[2]. Các ngươi đã là người do tự tôn sai đi, mà tự tôn đang ở đất Phượng Nhãn, thế thì tình hình ra sao, các ngươi hãy làm tờ cung khai, bẩm lên quan Đốc bộ, chờ khi đại quân xuất phát, ta sẽ dẫn các ngươi tới lạy chào và cung khai.

Bọn Đản, Án được tin ấy, mừng lắm, bèn xin để một người ở lại chầu hầu, một người về trước phi báo cho tự tôn rõ, để nhóm họp những kẻ đồng chí, kêu gọi người trong nước, khiến cho xa gần đều biết, và các nơi đều nổi dậy, chờ thời cơ hưởng ứng thiên binh. Lại dựa vào oai linh của thiên triều, các nơi sẽ nhắm những chỗ hiểm yếu mà đóng đồn trại để ngăn chặn quân địch. Đó thật là một cơ hội rất tốt.

Viên Phân phủ họ Vương bằng lòng cho. Thế là Án ở lại phủ Thái Bình, còn Đản thì theo đường cũ về nước.

Lại nói, từ khi Kinh thành thất thủ, vua Lê chạy sang

---

(1) Vân Nam, Quý Châu (Trung Quốc).

(2) Theo *Cương mục*, thì việc mẹ Chiêu Thống sang cầu cứu nhà Thanh như thế nào, Chiêu Thống đã được Lê Quýnh về báo cáo rõ cả rồi, lúc này cử Đản và Án sang chỉ là để đón quân Thanh mà thôi...

phương bắc. Còn Thái hậu cùng mấy người tôn thất chạy trước lên Cao Bằng; viên Đốc đồng Cao Bằng là Nguyễn Huy Túc đem phiên binh đón rước mới về ở tạm tại một nhà dân bên cửa ải Đầu Áo, để mưu đồ sang cầu cứu nhà Thanh.

Nguyên lúc Huy Túc mới đến Cao Bằng, có người khách trú tự hiệu là Ngô Sơn Tiều Ẩn, vốn quen với Nguyễn Đình Tố, thường vẫn hay đi lại nơi dinh trấn. Túc lần đầu được gặp và nói chuyện với hắn ta, lấy làm lạ lắm. Đến lúc Tố mất, người khách đến viếng. Túc lấy lễ thượng khách mà đối đãi, mời ở lại hơn mười ngày. Việc tang của Đình Tố xong xuôi, người khách mới cáo từ ra về. Lúc sắp chia tay, người khách bảo riêng với Túc rằng:

- Quý quốc từ nay sẽ có nhiều việc, quan Đốc thần trước cũng đã biết, không hiểu lúc gần mất ngài có nói lại với các vị đồng liêu không?

Túc nói:

- Nước tôi, bên ngoài có giặc mạnh, sau này chắc là không thể yên ổn. Đó là việc mà người trong nước ai cũng biết. Nhưng kết cục ra sao, không phải là điều Túc này có thể biết trước. Quan Đốc thần trước với Túc này đều lấy làm lo. Nay tôi làm quan ở ngoài, đã không được dự vào nơi trọng yếu, thì dù có ý kiến nông cạn cũng không làm được gì!

Người khách nói:

- Chính vì làm quan ở ngoài nên mới không thể không đương lấy việc nước. Cứ như tài của ông, há chẳng có thể làm được một phen kinh trời động đất, khiến người cả nước vội vàng chạy vạy ư? Nhưng chẳng qua chỉ là một giấc chiêm bao mà thôi. Đó thật là khí số với nhân sự có quan hệ với nhau: đáng cười mà cũng đáng tiếc vậy!

Túc nằn nì hỏi mãi, nhưng cuối cùng người khách vẫn

không chịu nói rõ, cáo từ mà đi.

Đến lúc Túc đưa Thái hậu qua đất Trung Hoa, tới Long Châu lại gặp người khách ấy giữa đường, Túc đem tình hình trong nước nói với hắn ta không hề giấu giếm, và nói thêm:

- Việc gấp lắm rồi ông có cách gì dạy cho tôi không?

Người khách nói:

- Khi ông ở trấn Cao Bằng, bắt đầu nghe có tai biến nếu có thể cùng viên Đốc đồng trấn Lạng Sơn đồng lòng hợp sức giữ lấy đất hai trấn ấy, tụ tập phiên tướng phiên binh, chống nhau với giặc, làm hùng bá ở một phương, rồi đưa thư sang các phủ Long Châu, Bằng Tường[1] hẹn khi có việc nguy cấp thì họ cứu giúp, để nhờ cái tiếng viện trợ của họ. Ngày xưa họ Mạc đã dùng kế ấy mà duy trì được 56 năm[2]. Nếu quả ông mà làm được như thế, há chẳng giữ được trọn đời của ông hay sao? Sao lại bỏ chỗ ấy cho người ta? Đã bỏ lỡ mất cơ hội đó không làm, thì nay chỉ có cách liên lạc với các xứ Long Châu, Bằng Tường, thiết tha xin quan Tổng đốc, đem việc tâu lên nhà vua, trông vào điều may trời cho, để cầu xin cứu viện mà thôi. Sau khi lấy được nước nhà, ông nên cố gắng "đào giếng đắp núi" tự mình phải hết sức, đừng để làm cái trò cười cho đời sau.

Túc nói:

- Đó là cái ý quan trọng xa xôi, tôi xin kính vâng lời dạy, không dám lãng quên. Nay Túc tôi đưa quốc mẫu chạy sang đây, cũng chính là ý như thế, song chỉ sợ tình của kẻ dưới không thể thấu lên đấng bề trên. Nếu được nhờ ơn ngài chỉ

(1) Đều thuộc Quảng Tây, giáp liền với Cao Bằng, Lạng Sơn.

(2) Theo *Lịch triều hiến chương loại chí* thì sau khi vương triều nhà Mạc đổ, dư đảng họ Mạc chiếm giữ Cao Bằng còn kéo dài được 96 năm nữa, kể từ Mạc Kính Cung (1592) đến Mạc Kính Vũ (1638).

đường vạch lối, đem việc này thưa trước lên trên cho chúng tôi, thì xin đội ơn vạn lần, vạn lần!

Người khách nói:

- Đất lạ quen nhau, tôi dám đâu không hết sức?

Người khách bèn cùng đi với Túc. Viên Đô ty Long, Bằng[1] tên gọi Trần Hồng Thuận là bạn quen của người khách. Khách bèn dẫn Túc đến đấy nói là mẹ vợ và thân thuộc của tự tôn nước An Nam bị quân giặc Quảng Nam[2] đuổi giết, trốn đến cửa ải, cúi đầu đợi mệnh...

Hồng Thuận lập tức hội đồng với viên Phó quan ở Long Châu là Trần Thốt đi tới nơi tra xét. Tất cả đàn ông đàn bà gồm 64 người, Hồng Thuận tuỳ tiện cho ở bên cửa ải, rồi đem việc ấy nói rõ với viên Quản đạo Giang Tả thuộc tỉnh Quảng Tây là Thang Hùng Nghiệp, để bẩm lên quan Tổng đốc Lưỡng Quảng là Tôn Sĩ Nghị. Tiếp đó Hồng Thuận lại cho sao đơn khiếu nại của nước Nam đại ý nói rằng: "Quốc thành bị giặc đánh phá, cướp bóc, không biết kêu xin với ai? Ai cũng căm thù giặc, thề không cùng sống với chúng, nhiều người lẻn lút nấp ở trong núi, kết thành đồ đảng, chỉ vì chưa có người đứng ra làm chủ, cho nên họ còn rời rạc khó bề hợp nhất. Nếu được thiên binh sang cứu thì các nơi sẽ cùng hưởng ứng ngay, và có thể hẹn ngày mà lấy lại quốc thành".

Sĩ Nghị thấy giấy báo tin ấy, liền bảo bọn liêu thuộc rằng:

- Nước An Nam từ đời Hán, Đường, là đất phụ thuộc vào nước ta; đến đời nhà Tống, họ Đinh quật cường, mới trở thành nước tiến cống. Trải mấy đời nối theo nhau cho đến ngày nay, lại không thể giữ được nước. Hoặc giả trời khiến nước ấy lại làm Quận Huyện của Trung Quốc chăng?

---

(1) Long Châu, Bằng Tường.

(2) Chỉ quân Tây Sơn.

Lập tức, Sĩ Nghị ruổi ngựa tới vùng Long, Bằng, dò xét tình hình biên giới, rồi họp bàn với viên Tuần phủ là Vĩnh Thanh.

Vĩnh Thanh nói:

- Mở mang bờ cõi là một việc lớn, lợi hại không phải nhỏ. Quả như lời họ nói, thì nước ấy kể cũng đáng thương. Nhưng thế lực của giặc, đoán chắc là không phải như vậy. Chúng ở ven biển nổi lên, theo việc binh nhung từ khi đầu còn để chỏm, một lần khởi quân mà lấy được cái nước đã ba trăm năm, nhất định không phải là yếu, và cũng nhất định không đời nào chịu để cho người ta doạ dẫm, mới nghe tiếng đã phải đêm hôm lẻn trốn đi. Trừ phi chúng có bị đánh giập gẫy một vài phen thì chúng mới chịu rút lui và nghe theo. Trung Quốc ta thái bình đã hai trăm năm nay, dân chúng không biết đến việc binh. Nay bỗng dồn họ tới chỗ nóng nực lam chướng, dù thắng được cũng không phải là mạnh. Huống chi chưa chắc đã thắng, mà vạn nhất vấp ngã thì tổn thất thật không nhỏ. Cụ lớn là vị đại thần của nước, nắm quyền ở chốn biên thuỳ, cần phải giữ vững bờ cõi, há nên vừa mới nghe kêu nài một tý đã vội gây hấn ở nơi biên ải? Cái gương của bọn Hoàng Phúc, Trương Phụ ở đời Vĩnh Lạc, Tuyên Đức[1] cũng chưa phải xa xôi, xin nghĩ kỹ cho!

Nghị nói:

- Nước An Nam được phong, đời đời lo giữ chức phận tiến cống. Tây Sơn là bọn giặc nhỏ, dám diệt nước họ. Nạn của cống thần không thể không cứu, tội của cuồng tặc không thể không trị. Vì nghĩa mà hành quân ai dám không theo?

---

(1) Hoàng Phúc và Trương Phụ là tên các tướng nhà Minh, Vĩnh Lạc là niên hiệu Minh Thành Tổ. Tuyên Đức là niên hiệu Minh Tuyên Tông. Đây chỉ việc quân Minh sang xâm lược Việt Nam hồi đầu thế kỷ XV, sau bị Lê Lợi đánh bại.

Nếu lấy cớ là mọi rợ mà bỏ ra ngoài, ngồi nhìn bọn họ giết hại nhau mà không cứu thì tám xứ "man" chín xứ "di" làm bề tôi Trung Quốc, còn trông thấy gì nữa?

Rồi Nghị gọi sáu người là bọn Nguyễn Huy Túc, Lê Quýnh, Hoàng Ích Hiểu, Nguyễn Đình Quán, Nguyễn Quốc Đống và Nguyễn Đình Mai đến cửa quan, để hỏi tình trạng.

Trước hết, Nghị hỏi tự tôn có mấy anh em, sau khi chạy trốn, hiện nay ở đâu?

Bọn Túc khai là: Tự tôn có ba anh em, rất yêu mến nhau. Anh trưởng là Lê Duy Kỳ, tức là người đang được nối ngôi, thứ hai là Tụ Quận công Duy Tụ, thứ ba là Lân Quận công Duy Chi. Hiện nay, Duy Kỳ chạy xuống lộ Sơn Nam Hạ[1] để chiêu tập nghĩa binh. Duy Tụ ở vùng Tuyên Quang, Hưng Hoá cũng đang nhóm họp các người đồng chí, xa xa làm thanh viện cho nhau. Nghe nói họ nương tựa lẫn nhau, thần dân thuận theo, quyết không đến nỗi tan tác. Nhưng không biết từ đấy về sau có thể hăng hái làm nên việc hay không? Tới đây đã hơn bảy tám tháng, sự thế đổi thay, họ có còn giữ được chỗ ấy nữa không, điều đó chúng tôi không được biết.

Nghị lại hỏi tin tức của mẹ con tự tôn nay ra sao?

Túc nói:

- Chúng tôi trước ở Cao Bằng, rồi rước quốc mẫu sang nội địa[2]. Tự tôn thì vẫn ở trong nước. Quan san cách trở, tin tức không thông. Nay nếu được phép thì xin lẻn về báo cho tự tôn biết tin của mẹ và gia quyến. Xin cho ba người chia đi hai ngả. Đình Mai xin đi đường cửa ải núi Mông Tự, Quýnh và

(1) Năm Lê Cảnh Hưng thứ 2 (1711), chia xứ Sơn Nam làm 2 lộ: lộ Sơn Nam Thượng (Vùng Hà Nam, Hưng Yên, Hà Đông sau này) và lộ Sơn Nam Hạ (Vùng Nam Định, Thái Bình sau này).

(2) Chỉ đất Trung Hoa.

Đống xin theo đường Long Môn mà vượt biển. Ngựa trông cụ lớn cho người dẫn đến biên giới, chúng tôi gấp đường trở về, chừng trong một tháng, dò xem tin tức ra sao, sẽ xin bẩm rõ.

Nghị lại hỏi lâu nay ở bên ấy mùa màng ra sao?

Túc thưa:

- Nước chúng tôi luôn mấy năm bị mất mùa, giá gạo rất đắt, một thưng gạo giá đến sáu trăm đồng tiền. Lộ Sơn Nam Hạ vốn được gọi là nơi giàu có, bây giờ dân gian cũng không có thóc lúa để dành, các nhà đều trống rỗng như chiếc chuông treo. Tự tôn trước kia đóng ở xứ ấy, vì lương thực không đủ, cho nên hễ làm việc gì cũng bị thất bại. Chúng tôi khi ở nước nhà, chỉ nghe như thế, đó là việc thực.

Nghị quay sang hỏi Lê Quýnh, Quýnh liền đáp:

- Họ Lê giữ nước hơn ba trăm năm, dùng ân huệ buộc chặt lòng người, dùng lễ nghĩa vun trồng sĩ khí. Cho nên, dù bọn phản nghịch tiếm quyền mà lòng người mến chúa cũ vẫn như xưa. Chỉ vì họ Trịnh hiếp chế, lòng dân căm giận, Tây Sơn nhân lúc sơ hở ấy, mượn tiếng phò Lê diệt Trịnh, nên người trong nước không ai chống cự. Chúng nhân thế đắc chí, lại càng hung hăng, tự đặt niên hiệu, chiếm giữ Kinh thành, đến nỗi tự tôn họ Lê phải phiêu bạt ra ngoài. Do đó, dân cày và những kẻ lục lâm nổi lên khắp nơi, không ai hẹn ai mà người nào cũng xưng là quân họ Lê. Nếu như thượng quốc rủ lòng bao dung kẻ nhỏ mọn, giúp đỡ kẻ khốn cùng, sai một đạo quân tới sát bờ cõi để làm thanh viện, thì người trong nước nghe tin, ai không trỗi dậy, thề cùng phục thù? Mà như vậy, chắc cũng không hao tổn đến binh lực của thiên triều nhiều lắm.

Nghị nghe được lời khai rõ ràng, bèn đem một bức địa đồ nước Nam bảo bọn Quýnh duyệt lại, và hỏi:

- Có đúng không? Không sai chứ?

Quýnh bẩm:

- Vị trí và phương hướng nhiều chỗ sai lầm, ước chừng mười phần sai đến bốn năm.

Nghị nói:

- Cho phép các ngươi cứ thật mà sửa lại.

Rồi Nghị sai gọi một người thợ vẽ đến, theo chỗ Quýnh sửa đổi mà vẽ lại. Lại bảo Quýnh lưu ý xem những vùng nào đã theo giặc, vùng nào chưa theo giặc, anh em vua Lê hiện đóng ở đâu, nhất nhất đều ghi chú thật rõ ràng vào địa đồ.

Rồi nhân đó, Nghị gọi nói Túc và bảo:

- Chờ ta tâu lên triều đình, khi nào được chỉ của nhà vua, tức khắc sẽ chiểu theo những điều kêu xin của bọn ngươi mà làm cho thật tốt tất cả mọi việc. Chuyến này các ngươi về nước, phải tìm cho được đích xác chỗ ở của tự tôn. Lại phải dò xem quân giặc động tĩnh ra sao? Người trong nước có thể trỗi dậy được không? Hễ có dịp thuận tiện lập tức phải phi báo cho ta biết, ta sẽ phúc tấu về triều, xin cho kéo quân ra ải, thì công việc mới có thể mau xong.

Bọn Túc mừng lắm, cùng nhau ngoảnh mặt về hướng bắc, trông vời cửa khuyết mà lạy và hô vạn tuế luôn mấy lần.

Sau đó Nghị sai viên Quản đạo Tả Giang, tỉnh Quảng Tây là Thang Hùng Nghiệp hộ vệ quốc mẫu An Nam và các quyến thuộc đến đất Nam Đôn, tuỳ nghi cấp cho các thứ lương thực, chăn áo, để ai nấy đều được yên ổn.

Luôn thể, Nghị thảo tờ biểu tâu rằng: "Cứ lời người trấn mục của nước An Nam là Nguyễn Huy Túc, chạy sang nội địa cung khai; tháng sáu mùa hè năm thứ năm mươi mốt, niên hiệu Càn Long, em giặc Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc là Nguyễn Văn Huệ đem quân xâm phạm Kinh thành nước ấy.

Tiếp đến tháng tám, Văn Nhạc theo ra, vừa gặp lúc các trấn đều chỉnh đốn binh lính, voi ngựa đến cứu. Anh em Văn Nhạc sợ không dám ở ngay trong tháng ấy, đang đêm phải đem quân lẻn trốn. Quốc vương là Lê Duy Đoan[1] làm mất quốc ấn, liền đó bị bệnh mà mất. Vì con trưởng chết sớm, cháu đích tôn là Duy Kỳ, theo lệ được nối ngôi, có thảo văn thư đệ sang, xin cấp cho quả ấn khác. Kế đó, tiếp được hịch của quan Đốc bộ đưa sang, nói rằng như thế không hợp thể lệ, mà phải sai bồi thần dâng biểu báo tang rồi xin phong mới đúng. Không ngờ mùa đông năm sau, Văn Huệ lại sai bộ tướng là Võ Văn Nhậm nhân khi nguy biến, đánh người giữa lúc có tang, đến nỗi tự quân phải chạy trốn, chưa kịp sai sứ thần qua xin. Bọn Túc đưa quốc mẫu của nước Nam chạy ra vùng Bắc Sơn thuộc huyện Võ Nhai, vua Lê thì chạy trốn sang phủ Thiên Trường. Tướng giặc chiếm cứ quốc thành, sai người đi khắp nơi lùng bắt. Lại có tên thổ dân trấn Lạng Sơn là Quyển Trâm, tên phiên mục Cao Bằng là Bế Nguyễn Trù đầu hàng giặc, đem quân định cướp quốc mẫu để làm con tin. Bọn Túc liền đưa quốc mẫu lên Cao Bằng. Tháng năm năm nay, đi tới đầu xứ Bác Nậm[2], bị quân giặc theo kịp, không còn kế gì để thoát thân, bọn Túc phải đứng cách sông kêu xin thiên triều cứu giúp. Rồi họ liều mạng đưa được quốc mẫu và bọn quyến thuộc lội nước sang bờ bên này, người nào không kịp sang sông đều bị giặc giết chết. Nay bọn Túc rập đầu kêu van, xin được ở lại chịu tội với thiên triều, không chịu mắc vào tay nhơ nhớp của giặc... lại cứ lời bọn Túc nói thì hiện nay quốc thành bị giặc chiếm đóng, các nơi khác cũng đều nghe tiếng mà tan rã tơi bời. Các địa phương tiếp liền với nội địa như

(1) Tức Lê Hiển Tông.

(2) Thuộc huyện Quảng Uyên và Phú Hoà, tỉnh Cao Bằng. Thuộc Cao Bằng.

Mục Mã[1], Lạng Sơn, đều đã theo giặc. Riêng có vùng Diễn Châu ở Nghệ An, các hạt Kinh Môn, Nam Sách ở Hải Dương... là còn có bọn thổ hào ứng nghĩa, ra vào các nơi hang núi, lừa dịp đánh giết quân giặc, nên giặc cũng chưa thể đánh chiếm được hết cả. Vả chăng tuy quân giặc từ khi chiếm được đất Tây Sơn, một mực hung tợn, chỉ biết có việc tàn sát, nhưng cũng vẫn có những nơi không chịu hàng giặc. Tự tôn lẩn trốn, chắc cũng ở nơi ấy. Mẹ và vợ của tự tôn đã chạy sang đất thiên triều, muôn lần trông được sự bao dung. Còn trong bọn bề tôi chạy trốn cũng có được một vài kẻ có chút tài cán, họ tự xin về nước, tìm kiếm tự tôn để lại gắng sức lo toan một phen nữa. Nếu như sức chẳng chiều lòng thì họ xin làm cái chước bảo tồn lấy người con côi, tha thiết xin được thiên triều thương xót... Các khoản tình do trên này, đều do tay Tri phủ Nguyễn Hữu Nhân[2] viết thành câu hỏi, đầu mục nước ấy lần lượt trả lời. Xét ra, họ cũng thật tình, lại có phần hăng hái, biết được nghĩa lớn. Thần trộm nghĩ, cống thần họ Lê, theo lệ thì tự tôn của họ được nối ngôi, chẳng may nước ấy bị diệt, mẹ và vợ đã tới cửa ải kêu van, thực cũng nên thể tình mà chu cấp, để họ được yên chỗ, rồi chờ xét rõ tin tức của nước họ, sẽ định việc cho đi hay cho ở lại. Chỉ nghĩ bọn họ khi chạy đến ven sông, tức là đã thuộc về địa đầu bờ cõi của thiên triều; vậy mà tụi giặc trông thấy quân lính thiên triều đóng đồn ở đấy, lại vẫn còn dám hung hãn giết người, lòng giặc hiểm độc, không phải là không có ý dòm dỏ. Thần đã mật thư cho viên Đề đốc là Tam Đức sắp đủ chiến binh, chia đi đóng giữ ở các cửa ải trong sáu xứ chung quanh Long Châu. Nếu chúng qua sông, tức thì bốn mặt chặn đánh, không

(1) Thuộc Cao Bằng.

(2) Có bản chép Đào Hữu Nhân.

để cho chúng chạy thoát; luôn dịp cũng tỏ cho chúng được biết binh uy của thiên triều, cho chúng hoảng sợ. Thần lại xin viết thư mật cho các viên quan coi giữ miền Triều Châu và Long Châu, bảo phải gấp rút đi tuần tra và dò xét kỹ càng ở các miền biên giới. Nếu có tình hình gì khác, thần xin tiếp tục viết biểu tâu lên, chờ vâng chỉ cho thi hành".

Vua Thanh xem tờ tâu ấy, liền bảo viên Đại học sĩ là Bá Hoà rằng:

- Lê Duy Kỳ ở An Nam, tuy chưa được phong, nhưng y là người đáng được nối ngôi, cũng không khác gì quốc vương. Nay mẹ và vợ cùng các quyến thuộc của y đều chạy sang đây, thế là toàn cõi nước ấy đều đã mất cả. Việc dựng lại nước đã bị diệt, nối lại dòng đã bị tuyệt, cần phải trù liệu sắp đặt, mà rốt cuộc cũng phải hao phí rất nhiều binh lực. Nay xét ra Duy Kỳ còn ở lại trong nước để tự lo lấy việc tự khôi phục, dân nước ấy theo giặc chẳng qua mới chỉ mấy xứ Mục Mã, Lạng Sơn, còn ở các vùng đông bắc, tây nam thì lòng người mến chủ cũ vẫn có thể tin cậy. Nếu dựa vào đó để lo nối lại ngôi vua ắt là có thể xong việc. Vậy truyền dụ cho Tôn Sĩ Nghị biết rằng: "Họ Lê thờ phụng thiên triều rất là kính thuận. Duy Kỳ theo lệ đáng được nối ngôi. Việc mất quốc ấn, ngày trước đã có dâng thư xin cấp ấn khác, song vì chưa cho sứ sang báo tang, không hợp thể chế, cho nên việc cấp ấn phải hoãn, đã có hịch dụ. Nay họ lại sai sứ thần tha thiết sang kêu xin, vậy chuẩn y việc sắc phong và cấp ấn cho họ. Xét cho kỹ, Duy Kỳ sở dĩ bị giặc đánh đuổi cũng chỉ là vì y không lo gắng sức trỗi dậy mà ra. Hiện giờ đất nước của y còn nhiều chỗ chưa bị giặc chiếm, thần dân cũng còn biết kính; Duy Kỳ nên nhân dịp ấy nhóm họp nghĩa quân, thu phục quốc thành, để cho nghiệp cũ không đến nỗi bị sụp đổ. Mẹ và vợ y chạy sang nội địa, đã được sắp đặt chỗ ở yên ổn, ăn mặc không

thiếu, đất nước đã quen, y cũng không cần phải lo nghĩ, có thể chuyên ý lo việc trong nước, chờ khi khôi phục được kinh thành thì sẽ cho quân đưa mẹ và vợ y trở về. Lúc y sai sứ thần, thì lại nên sai người đã thông tin lần này sang, để làm chứng cứ, ngõ hầu mới khỏi bị kẻ gian lừa dối mưu hại. Đến như Nguyễn Huệ cậy mạnh cướp nước, phép không thể tha, đã giáng chỉ điều động đại quân ở Quảng Tây, để chờ khi gọi đến. Nếu giặc cứ hung hăng như trước, mà tự tôn họ Lê không thể phấn chấn để làm nên việc, thần dân nước họ lại cam lòng theo giặc thì sẽ cho đem đại quân bốn mặt họp lại mà đánh, cho sáng tỏ tội trạng của chúng. Như thế trước tiên phải đưa hịch phi báo cho thần dân nước ấy khiến họ đều biết, để làm mạnh thêm thế của họ Lê và làm cho bọn Tây Sơn mất vía kinh hồn, mà đối với việc giúp đỡ cho sự thanh viện cũng là có ích. Những người đi theo thư bọn Nguyễn Huy Túc, tình nguyện về nước, tìm kiếm chỗ ở của tự tôn, để cùng giúp việc khôi phục, chí ấy rất đáng khen, lẽ nên cho bọn họ về sớm: sớm một ngày là tự tôn của họ đỡ lo một ngày, và sau này trẫm cũng được nghe tin nước ấy mau hơn một ngày. Tôn Sĩ Nghị vốn có tiếng nhanh nhẹn, sáng suốt sao không liệu trước điều đó, mà còn lo trẫm không ưng cho làm, để phải tâu đi tâu lại, không khỏi phạm sai lầm về sự câu nệ. Nay Nghị cần phải sớm tới Long Châu, giáp mặt mà hiểu dụ bọn sứ thần, giục họ lập tức lên đường; đem ý của trẫm truyền bảo cho họ biết, để họ về nước báo tin với anh em Duy Kỳ; đồng thời phải sao các tờ hịch thành nhiều bản, bảo họ đem về trong nước, ngõ hầu có thể truyền bá rộng rãi. Ngoài ra bọn họ lặn lội khó nhọc, hành lý sơ sài, vậy ở đường thuỷ và đường bộ đều phải cấp phu trạm, hộ tống cho họ gấp đường mà đi; lại cấp cho mỗi người mười lạng bạc để tiêu pha về việc ăn uống. Nói tóm lại việc này, nếu như cả nước An Nam

bị mất, Duy Kỳ lại bị giết hại, thì nghĩ tình cố thần, không thể bỏ qua mà không hỏi tới. Vả chăng bờ cõi nước Nam chưa đến nỗi hoàn toàn mất hết, tự tôn tuy phải chạy trốn, nhưng thần dân vẫn còn mến phục. Như vậy, ta chỉ cần làm thanh viện cho họ, để họ tự lo lấy công việc, bất tất phải dấy quân làm to chuyện, đem binh lực trong nước hao phí ở ngoài cõi nóng nực, xa xôi. Đó mới là kế tuyệt hay. Tôn Sĩ Nghị phải theo chỉ dụ trước, tới nơi biên thuỳ, trù tính cho kỹ. Đốc thần[1] là người thạo việc, chắc có thể hiểu được ý của trẫm. Việc kinh lý biên thuỳ ở đấy, cho phép Đốc thần được cùng viên Phủ thần là Tôn Vĩnh Thanh họp bàn thoả đáng, tuỳ tiện thi hành. Hãy kính theo chỉ dụ này!".

Lại nói, quan lại hai hạt Triều Châu, Long Châu từ khi tiếp được thư mật của Nghị, lập tức đi tuần tra dò xét miền biên giới và cho người đưa hịch sang bá cáo ở trấn Thái Nguyên.

Bấy giờ có hai họ Trương và Cát quê ở hạt Triều Châu, chuyên sống về nghề khai mỏ lấy bạc, sang cư trú tại làng Tống Tình trong trấn Thái Nguyên. Họ vỗ về mọi người, làm kẻ tù trưởng địa phương, đồ đảng có đến hơn vạn người, đều là các gia đình người Trung Hoa. Hai họ ấy nghe được tờ hịch, liền tìm đến chỗ trọ của người đưa hịch mà trình rằng:

- Chúng tôi chuyên sống về nghề mở xưởng khai mỏ, đời đời ở nước Nam. Trước đây nghe tin Kinh thành của nước An Nam bị mất, trong nước loạn to, sợ rằng cháy thành vạ lây, nên đã cùng người địa phương luyện tập súng, nỏ, làm chước giữ mình. Có lần, mấy trăm quân giặc đến cướp, chúng tôi mới thử đánh một trận mà đã giết hết được tất cả. Nghĩ rằng chúng tức giận, ắt lại đến nữa, chúng tôi bèn chia ra làm mười

(1) Chỉ Tôn Sĩ Nghị.

đoàn, mỗi đoàn một nghìn người thề cùng liều chết chống giặc. Nay tiếp được hịch văn, ai cũng nô nức nhảy nhót, xin làm tiên phong. Vả lại chúng tôi vốn là nhân dân Triều Châu, nay cũng muốn xin được cùng ra sức một phen với quân nghĩa dũng ở Điền Châu.

Người đưa hịch, nghe họ nói như vậy, liền lấy tờ khai và đem tình hình duyên do về bẩm.

Lại nói, vua Lê trước kia đã sai bọn bồi thần sang trần tình và cầu cứu với nhà Thanh. Đến bây giờ, Lê Duy Đản ở Thái Bình về, báo tin viên Đốc bộ tỉnh Quảng Tây đem việc tâu lên, đã được vua Thanh chuẩn y chẳng bao lâu đại binh sẽ sang.

Rồi tiếp đó, Lê Quýnh lại từ Long Châu về báo, nói là Thái hậu và quyến thuộc hiện ở thành Nam Ninh, ăn ở yên ổn. Vua mừng lắm bèn chắp tay lên trán mà rằng:

- Kẻ tiểu tử này, gặp lúc vận nhà lắm nạn, nhờ được chín miếu thiêng liêng, đức Đại hoàng đế rủ lòng thương, bao bọc cho kẻ nhỏ mọn, trong nước lại được thấy bóng mặt trời, cơ hội trung hưng phải chăng là ở lúc này?

Rồi nhà vua sai thảo tờ biểu tạ ơn và các thư từ trình bẩm, để cùng đưa sang một thể. Trong đó nói rõ "Giặc Tây Sơn tàn ngược, dân không chịu nổi. Hiện nay tuy thần chạy trốn ở ngoài, nhưng may nhờ lòng người vẫn còn nhớ đến chủ cũ. Nhân đó thần cũng đã cử sự được một vài phen, song đều bị thất bại. Gần đây tiếp được văn thư, thần đã ngấm ngầm khuyến dụ hào kiệt trong nước, ai cũng hăng hái, thề giết quân giặc, hằng ngày trông mong ở sự viện trợ của thượng quốc. Nhờ cậy oai trời, việc chắc phải thành. Khi tiếp được hịch văn do viên sĩ quan mang về, thần đã đem tuyên báo với mọi người trong nước, ai nấy đều mừng rỡ, hớn hở hơn là

chết đi được sống lại; quân giặc cũng vì thế mà mất hết nhuệ khí. Hiện nay, các nơi đều đã nhóm họp quân nghĩa dũng, chờ thiên binh qua cửa ải, thì sẽ đến cửa quân lạy chào, và xin chịu kỷ luật làm quân đi tiên phong. Đảng giặc chắc sẽ bị bắt và quốc đô chắc sẽ được khôi phục. Ơn tái tạo của đức Đại Hoàng đế cùng với đức gây dựng của cụ lớn, thật đáng ghi tạc dài lâu mãi mãi như sông Lô non Tản vậy".

Tôn Sĩ Nghị vừa tiếp được tờ bẩm của Triều Châu lại được luôn tin ấy, liền hội đồng với viên Tuần phủ, tâu xin xuất quân. Trong tờ biểu đại khái nói rằng: "Vâng lời thượng dụ: *Chỉ nên làm thanh viện cho họ, để họ tự lo lấy không cần phải dấy quân làm to chuyện*. Kính tuân theo thánh chỉ ấy, thần đã tra xét kỹ càng các nơi đường sá qua lại. Từ đài Chiêu Đức đến đô thành nước họ, quân đi chẳng qua chỉ mất sáu ngày. Ở Lạng Sơn hơi có lam chướng. Qua khỏi đó, thuỷ thổ đều tốt lành. Đại quân tiến lên đóng ở La Thành[1] vừa không nóng nực lại không có lam chướng. Vả lại cũng cần diễu võ giương oai, phô trương thanh thế quân ta ở đấy, để cho giặc biết là không thể địch nổi. Rồi sau mới sai phái các quân ứng nghĩa của nước họ tự đi đánh dẹp lấy. Quân ta sẽ không đến nỗi phải vấy máu mũi gươm, mà quân giặc đều bị bắt giết. Như vậy công trạng hẳn chóng thành. Trộm nghĩ lần đi này thật đúng như lời thánh thượng đã dạy. Lần trước cứ tâu đi tâu lại, thần tự biết là đã phạm cái sai lầm câu nệ, chậm trễ. Viện binh cần mau chóng, nếu gặp được cơ hội, thần dám đâu không hết sức tính việc biên thuỳ, để xứng đáng với sự giao phó của bề trên? Đến như sau khi dẹp yên

(1) Người Trung Quốc bấy giờ cũng thường gọi Thăng Long là La Thành (một thành do Cao Biền đắp ở vùng Hà Nội từ thời thuộc Đường)

các công việc cần phải xử trí ra sao, thần sẽ xin kính cẩn viết tờ biểu tiếp tục tâu lên".

Rồi đó, Nghị hoả tốc tư cho bọn Đốc thần từ các tỉnh Vân Nam, Quý Châu, tuân theo như chỉ vua đã gửi trước, từ hai tỉnh ấy kéo quân theo đường Tuyên Quang mà đi, còn đại binh thì qua ải Nam Quan, do đường Lạng Sơn tiến sang.

Thật là:

Vâng lệnh, Nguyên nhung[1] *coi hống hách*
Ra quân, Đại tướng vẻ vênh vang.

Chưa rõ lần này thua được ra sao? Hãy xem hồi sau phân giải.

(1) Cũng như Nguyên soái.

HỒI THỨ MƯỜI BA

Khiếp thanh thế, giặc mạnh rút lui
Nhờ viện binh, vua xưa trở lại

Lại nói, lúc sắp xuất quân, Tôn Sĩ Nghị lại dâng tiếp một tờ sớ, đại ý nói: "Thần nghe họ Lê ở nước An Nam hèn yếu, sau này không chắc đã giữ được nước. Nay họ sang cầu cứu, bản triều theo nghĩa phải cứu giúp. Vả chăng, An Nam vốn là đất cũ của Trung Quốc[1], nếu sau khi khôi phục họ Lê rồi, nhân đó lại cho quân đóng giữ, thì như thế là bảo tồn họ Lê mà đồng thời lại chiếm được nước An Nam, một công mà hai việc vậy".

Tuần phủ là Tôn Vĩnh Thanh dâng sớ chống lại lời bàn ấy của Nghị, đại để nói: "Triều đình mượn tiếng khôi phục họ Lê, khi thấy họ Lê không thể giữ được nước, lại định sai quan chiếm nước họ, ban đầu thì làm việc nghĩa, cuối cùng lại theo việc lợi, thần trộm cho là không nên. Hiện nay họ Lê họ Nguyễn[2] đang đánh nhau, họ Lê thế nào cũng bị họ Nguyễn thôn tính. Chi bằng cứ đóng quân yên lặng, rồi sau đó, nhân lúc cả hai đều kiệt quệ, bấy giờ ta sẽ đánh lấy cũng chưa muộn gì".

---

(1) Chỉ nước ta thời kỳ Bắc thuộc.
(2) Họ Nguyễn ở đây chỉ Tây Sơn.

Rốt cuộc, vua Thanh nghe theo lời Nghị. Vì không hợp ý với Nghị, Vĩnh Thanh bèn cáo ốm không đi.

Nghị một mình vâng chiếu đem quân bốn lộ Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu, ra khỏi cửa ải rồi chia làm hai đạo, một đạo đi đường Lạng Sơn, do Nghị đốc suất, một đạo đi đường Tuyên Quang do viên Tổng binh đốc suất. Cả hai đạo đều chịu dưới quyền tiết chế của Nghị[1].

Nghị họp các tướng sĩ, ban bố quân luật gồm 8 điều như sau:

Điều thứ 1 *- Đại binh ra ải, vốn để dẹp giặc an dân. Hễ qua các nơi đều phải nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi, không được quấy nhiễu nhân dân, cướp bóc chợ búa.*

Điều thứ 2 *- Ngoài ải, non cao rừng hiểm, miền ấy rất dễ mai phục, trước hết phải san bằng đá tảng, phát hết bụi rậm, để cho trước mắt quang đãng, có thể vững lòng mà tiến lên. Nếu gặp chỗ nào đất mới xốp bở, càng nên để ý xem xét, để đề phòng mưu gian của giặc.*

Điều thứ 3 *- Hễ nơi nào đại binh định đóng thì trước hết phải xem xét địa phương, chọn lấy hình thế, tìm nơi dễ lấy nước, lấy củi, chớ có đóng gần rừng rậm, bốn mặt phải đào hào đắp luỹ và đốc suất binh lính đêm ngày tuần phòng, ngày đêm phải chia quân đi dò xét ở ngoài mười dặm, không được ồn ào, dễ gây ra kinh sợ rối loạn.*

Điều thứ 4 *- Người Nam đánh trận, hay dùng sức voi. Voi không phải là vật nội địa từng tập quen, nên hễ gặp phải,*

---

(1) Theo *Cương mục* thì quân Thanh kéo sang gồm ba đạo: một do Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị và Đề đốc Hứa Thế Hanh chỉ huy theo đường ải Nam Quan qua Lạng Sơn kéo xuống, một do Đề đốc Vân Quý là Ô Đại Kinh chỉ huy, đi đường Mông Tự qua Tuyên Quang tràn sang; một do Tri phủ Điền Châu Sầm Nghi Đống điều khiển, từ Khâm Châu qua Cao Bằng đổ xuống.

trước tiên quân ta thế nào cũng tránh chạy. Không biết rằng, sức voi tuy khoẻ, chung quy cũng là thân máu thịt, không đương được với súng ống của ta. Nếu thấy voi ra trận, xa thì bắn súng, gần thì dùng cung và dao, làm cho nó bị đau mà chạy trở lại, giày xéo lẫn nhau, quân ta nhằm cơ hội ấy mà tiến lên chém giết thế nào cũng thắng trận, không còn nghi ngờ gì nữa. Cần phải chỉ bảo cho nhau cùng được biết.

***Điều thứ 5** - Quân Nam không có sở trường gì khác, toàn dùng thứ ống phun lửa làm lợi khí, gọi là "hoả hổ". Khi hai quân giáp nhau, trước hết họ dùng thứ đó đốt cháy quần áo người ta, buộc người ta phải lui. Nhưng tài nghệ của họ cũng chỉ có thế mà thôi, so với súng ống của ta thì còn kém xa. Hiện ta đã chế sẵn vài trăm lá chắn bằng da trâu sống. Nếu gặp "hoả hổ" của người Nam phun lửa, thì quân ta một tay cầm lá chắn đỡ lửa, một tay cầm dao chém bừa, chắc rằng chúng sẽ phải bỏ chạy tan tác.*

***Điều thứ 6** - Đại binh đi đường, nếu gặp khe suối dòng sông, chỗ nào nước sâu thì phải chặt lấy tre gỗ bắc làm cầu phao, để binh mã vượt qua cho tiện, chỗ nào sông hẹp nước nông, thì viên quan coi quân phải dò thử đích xác, rồi cho quân lính nối tiếp nhau như xâu cá mà kéo đi. Lúc xuống nước, không được đem bùi nhùi, thuốc súng bạ đâu vứt đấy để bị ẩm ướt.*

***Điều thứ 7** - Rau củ của đại binh dùng hàng ngày, đã có tiền công cấp phát, chỉ được đổi chác với người Nam bằng cách thuận tình, không được tự tiện chặt cây cối ở các làng xóm, để sinh ra tranh giành. Nếu ở chỗ nào cách rừng núi độ hai dặm, cần sai quân lính bảo vệ cho kẻ đi kiếm củi, không được tự ý đi xa, để xảy ra biến cố khác. Đến như việc lấy nước nấu cơm, cũng phải do viên quan coi xét nghiệm rõ*

ràng, quả thật trong sạch không có độc mới cho múc uống.

***Điều thứ 8** - Những quân lính bị thương hoặc bị ốm, viên quan coi quân phải tra xét tường tận, làm giấy bẩm rõ, rồi cho đưa về doanh điều trị, để tỏ sự giúp đỡ, thương xót. Nếu có bọn quân lính không tốt, giả làm bị thương hay đau ốm, hòng được về nhà một khi tra ra sẽ bị trị ngay tức khắc. Vả lại, lần này hành quân xa xôi qua biên ải, triều đình thương đến binh lính, đã chu cấp rộng ra ngoài thể lệ, mỗi người lính được cấp một tên phu. Các viên coi quân cần hiểu dụ trước cho mọi người biết. Lính và phu cũng cần phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, không được tuỳ tiện sai khiến một cách tàn ngược. Đến như lúc hành quân, lính đều phải mang lấy khí giới, không được tự mình buông tay đi không, vật gì cũng giao cho phu mang đội, để đến nỗi họ không thể chịu nổi, phải giữa đường bỏ trốn. Ngoài ra, số phu quá nhiều, tra cứu rất khó, thậm chí có người ở doanh trước lẫn vào doanh sau, người này người kia không quen biết nhau, dễ sinh ra lộn xộn. Do đó phải cấp cho mỗi tên phu một mảnh thẻ bài đeo ở lưng, kê rõ tên họ, doanh hiệu, để tiện nhận xét phân biệt.*

Các điều quân luật trên đây, quân lính đều phải tuân theo một cách nghiêm túc. Kẻ nào làm sai, nhất thiết xử theo quân pháp, không tha.

Rồi đó, trước tiên Nghị sai truyền hịch sang dụ nước Nam, đại lược nói:

"Dấy nước đã diệt, nối dòng đã tuyệt, việc đáng làm nào kể nơi man rợ, xa xôi, vớt người bị chìm, cứu kẻ bị thiêu, dùng chẳng được phải dùng đến thiên triều, binh lính. Nghĩ lại họ Lê ở An Nam vốn là cống thần của thiên triều. Ba trăm năm vật sản hiến dâng, kính theo chức phận; mười lăm lộ đất

phong chia cắt, gồm có nước nhà. Thế mà khoảng năm Càn Long, tù trưởng trong nước là bọn Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, dấy quân làm loạn, đánh phá La Thành; vua Lê trước vì lo sợ mà phải qua đời, tự tôn là Duy Kỳ phiêu bạt ra ngoài. Bề tôi cũ là Nguyễn Huy Túc đem mẹ và vợ tự tôn chạy sang nội địa, tha thiết xin quân cứu viện. Sau khi hỏi rõ bọn Túc, thì tự tôn hiện nương náu ở vùng Kinh Bắc, Lạng Sơn, thần dân còn nhớ chủ cũ, Nguyễn Nhạc là quân mọi rợ như giống trâu dê, quen thói hung tợn của loài lang sói, đến đâu cướp bóc đó, trăm họ oán đến xương tuỷ. Từ một tên dân ở nơi biên thuỳ nổi dậy, can phạm luân thường, làm trái nghĩa lý, đạo trời không thể dung tha, lại dám hoành hành ở nơi nội địa, bạo ngược quần chúng, tàn hại nhân dân, phép vua cũng cần phải đánh. Hiện đã đem việc này tâu lên, vâng được đức Đại Hoàng đế thương xót đến cho Lê tan nát, không nỡ để Giao Châu lầm than; đặc cách sai quan Đốc phủ đeo ấn Chinh Man[1] Đại tướng quân, điều động năm mươi vạn quân, thẳng tới La Thành, trị tội bọn Nguyễn Văn Nhạc, không để chúng trốn thoát hình phạt của trời. Dân nước Nam đời đời tôn đội vua Lê, nhờ ơn nuôi dưỡng đã lâu, tri năng chưa mất tình cảm đang còn, không thể để mất lương tâm trời cho, bỏ vua theo giặc. Kẻ nào có thể xướng trước tiếng nghĩa, dựa theo thiên triều làm nơi cứu viện, nhóm họp các người đồng chí, ra sức trừ diệt quân thù, cửa ải hát khúc khải ca, mạc phủ[2] dâng lên công trạng, sẽ được cắt đất chia phong, hưởng chung phúc lộc với họ Lê, như ông tổ họ Trịnh ngày trước. Hịch văn đưa tới, quân sĩ đều nên hăng hái, mài giũa giáo mác của các ngươi

(1) Xưa bọn thống trị Trung Quốc gọi các dân tộc ở phương nam là Man (man rợ chưa khai hoá). Chinh Man, đây nghĩa là: đi đánh Việt Nam.

(2) Chỗ làm việc ở nơi đóng quân của các tướng soái đời xưa.

mà chống lại quân thù của nhà vua. Đồng lòng chung sức, ắt có công lao. Rồi sẽ ngửa trông ban thưởng ở cửa quân, giữ mãi phúc chung ở trong nước. Hãy cố gắng lên!".

Lúc đó, tướng Tây Sơn là Nguyễn Văn Diệm và Phan Khải Đức đang đóng giữ Lạng Sơn, thấy tờ hịch đến đều run sợ. Trong khoảng một ngày thổ binh do họ chiêu tập được, bỏ trốn mất quá nửa. Khải Đức trước hết bí mật sai lính đem thư sắp đến cửa ải xin hàng. Văn Diệm tự liệu quân mình lẻ loi, thế không chống nổi; vả mình lại là người Quảng Nam, nếu có hàng, chưa chắc đã được bao dung, bèn đang đêm rút quân bỏ trốn về Kinh Bắc, cùng với viên lưu thủ ở đó là Nguyễn Văn Hoà hợp sức giữ lấy trấn thành, rồi sai lính cưỡi ngựa đưa thư về Thăng Long cáo cấp.

Lại nói, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ từ mùa hè năm ngoái ra Thăng Long giết viên Chủ tướng tiết chế là Võ Văn Nhậm, rồi thay đổi quan quân, chỉnh đốn công việc, chuyển giao cho các viên Đại Tư mã Ngô Văn Sở, Nội hầu Phan Văn Lân, Chưởng phủ Nguyễn Văn Dụng, Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết, Thị lang bộ Hộ Trần Thuận Ngôn. Thị lang bộ Lại Ngô Thì Nhậm cùng giữ thành Thăng Long. Lúc sắp lên đường về Nam, Huệ mở tiệc họp đông đủ mọi người rồi nói:

- Sở và Lân là nanh vuốt của ta; Dụng và Ngôn là tâm phúc của ta; Tuyết là cháu của ta; còn Nhậm vừa là bề tôi vừa là khách của ta, lại là dòng văn học Bắc Hà, thông thạo việc đời. Nay ta giao cho các ngươi cả mười một trấn trong toàn hạt[1]. Những việc quan trọng trong nước, đều cho tuỳ tiện mà làm. Mọi việc cùng nhau họp bàn ổn thoả, chớ vì kẻ cũ người mới mà xa cách nhau. Ai nấy phải đồng lòng hiệp sức lo chung công việc để xứng đáng với sự trông mong của ta. Các

(1) Thời Lê, Bắc Hà gồm 11 trấn. Về sau, Quang Trung có chia lại.

ngươi hãy cố gắng nữa lên!

Mọi người đều đứng dậy lạy tạ và xin vâng mệnh.

Sau đó, Bắc Bình Vương chọn ngày lên đường về Nam.

Từ khi ấy, trên rừng dưới biển hễ có ai dám ngang ngạnh, Sở chỉ cần sai một viên tỳ tướng đi đánh dẹp tan được ngay. Các phủ huyện có đệ án kiện, giấy tờ lên thì Sở cứ theo việc mà xử, không để ứ đọng. Trong những ngày rỗi, Sở thường cưỡi ngựa qua các đường phố để mua vui, tự cho rằng ở Bắc Hà không còn việc gì khó.

Một hôm, mọi người cùng họp nhau ăn uống ở nhà Hiệp nghị, Sở bảo Lân và Tuyết rằng:

- Chúa công đem cả thành lớn giao phó cho ta, cũng ví như sai người cắt áo gấm mà chưa thể tin là có biết cách cầm kéo hay không. Các ông thấy việc đó ra sao? Giả sử có Tề Thiên Đại Thánh từ trên trời rơi xuống hay Diêm Vương từ dưới đất lên, ta cũng chỉ quét một lưới là hết. Huống chi cái lũ tẹp nhẹp, chẳng qua chỉ để người ta thử xem gươm có sắc hay không, chứ làm được trò trống gì?

Rồi Sở ngoảnh lại bảo Ngô Thì Nhậm rằng:

- Quan Thị lang thật giỏi về nghề văn học, còn việc cung kiếm có thông thạo gì không?

Nhậm nói:

- Có văn tất phải có võ, văn võ không phải chia làm hai đường. Nhưng người xưa dùng binh gặp việc thì lo, sao ngài lại lấy việc binh làm trò chơi mà coi thường như thế. Tôi trộm nghe bọn người nước ta chạy sang bên Trung Hoa, trong đó có nhiều người định xúi họ, mở mang bờ cõi, gây ra binh biến. Ngài chịu sự ký thác ở cõi ngoài, e rằng không khỏi một phen bạc đầu vì lo lắng, đến lúc ấy ngài nên nhớ đến lời nói của tôi.

Sở cười và nói:

- Lúc ấy sẽ phiền ông làm một bài thơ để lui quân giặc Nếu không làm được như thế, thì túi dao bao kiếm chính là phận sự của kẻ võ thần, can gì phải quá lo?

Chẳng bao lâu, nghe tin báo ở ngoài biên ải đưa về, Sở rất kinh sợ, tức thì hội họp các quan văn võ cũ của nhà Lê, mượn tiếng Sùng Nhượng công Duy Cận coi việc nước, làm một bức thư đứng tên Duy Cận; lại giả danh các hào mục lập một tờ trạng sùng tôn Duy Cận làm Giám quốc, rồi sai bọn quan văn là Nguyễn Quý Nha, Trần Bá Lãm, Võ Huy Tấn, bọn quan võ là Nguyễn Đình Khoan, Lê Duy Chử, Nguyễn Đăng Đàn đem bức thư và tờ bẩm tới cửa ải để xin hoãn binh. Một mặt, Sở họp với bọn Văn Lân bàn việc đánh giữ. Chưởng phủ là Nguyễn Văn Dụng nói:

- Tôi trộm nghe hồi cuối đời Trần, người Minh sang lấn nước ta, có bọn Hoàng Phúc, Trương Phụ, Mộc Thạnh, Liễu Thăng đều là những tướng kiệt hiệt của Trung Quốc. Bấy giờ vua Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở vùng Lam Sơn, thế lực không địch nổi họ. Nhưng hành binh theo cách quỷ quyệt, lại hay dùng mưu mẹo khôn ngoan; rồi nhờ khéo dùng cách mai phục, nhân lúc quân giặc không phòng bị mà đánh úp; cho nên có thể lấy ít quân mà đánh được kẻ nhiều quân, vây Vương Thông ở bến Đông Bộ, giết Liễu Thăng ở núi Mã Yên[1] võ công tuyệt lạ, ngàn thuở ngợi khen. Nay người Thanh ở xa đến đây, phải trèo đèo vượt suối, ta lấy quân nghỉ ngơi mà đón đánh quân nhọc mệt, nhằm trước các nơi xung yếu, cho quân nấp sẵn để chờ, cứ làm theo kế ấy, lo gì mà không thắng?

---

(1) Bến Đông Bộ tức bến Đông Tân ở khúc sông Nhị Hà, Hà Nội, Núi Mã yên ở xã Mai Sao thuỷ huyện Ôn Châu, Lạng Sơn.

Thì Nhậm nói:

- Không phải thế! Ông chỉ biết một mà không biết hai. Việc thiên hạ, tình tuy giống nhau mà thế có khác nhau, sự đắc thất do đó cũng khác hẳn. Xưa kia, nước ta bị phụ thuộc vào Trung Quốc, quân Minh buông tuồng làm điều tàn bạo. Người cả nước ai cũng muốn đuổi chúng đi. Cho nên vua Lê Thái Tổ chỉ gọi một tiếng là xa gần hưởng ứng, hào kiệt trong nước kéo đến như mây tụ. Mỗi lúc đánh nhau với giặc, người trong nước chỉ lo quân mình bất lợi. Mỗi khi có tin thắng trận, ai nấy đều hết sức vui mừng. Lòng người như thế, nên hễ chỗ nào có quân mình mai phục, thì người ta đều giấu kín cho, khiến giặc không hề biết. Sở dĩ thắng được giặc đều bởi kế ấy. Ngày nay, những người bề tôi trốn tránh của nhà Lê, đâu đâu cũng có, nghe tin quân Thanh sang cứu, họ đều nghển cổ mà trông. Sĩ dân cả nước, giành nhau mà đón chúng. Quân ta mai phục ở đâu, địa thế hiểm hay không, số quân nhiều hay ít, quân giặc chưa biết thì họ đã báo trước với chúng. Chúng sẽ nhân kế của ta mà lập kế của chúng, rồi bốn mặt kéo đến vây bắt. Quân cơ đã bị tiết lộ, tự nhiên mất hết mọi điều tiện lợi, ấy là mình tự hãm mình vào chỗ chết. Còn hòng đánh úp được ai? Binh pháp có nói: "Khéo che đậy không khi nào không thắng, vụng che đậy không khi nào không thua". Được thua khác nhau là do ở chỗ xưa với nay khác nhau vậy?

Sở hỏi:

- Vậy thì nên làm thế nào?

Nhậm trả lời:

- Phép dùng binh chỉ có một đánh một giữ mà thôi. Nay quân Thanh sang đây, tiếng tăm rất lớn. Những kẻ trong nước làm nội ứng cho chúng, phần nhiều là phao tin đồn nhảm,

làm cho thanh thế của chúng to thêm, để cho lòng người sợ hãi lay động. Quân ta có ai được sai phái đi đâu, vừa ra khỏi thành là đã bị bắt giết. Số người Bắc Hà thuộc vào số quân của ta, hễ gặp dịp sơ hở là bỏ trốn liền. Đem đội quân ấy mà đánh, không khác gì xua bầy dê đi chọi cọp dữ, không thua sao được? Đến như việc đóng cửa thành mà cố thủ, thì lòng người đã không vững, ắt thế nào cũng sinh ra mối lo ở bên trong. Dầu cho Tôn, Ngô[1] sống lại, cũng phải bó tay, không thể làm được gì. Thật chẳng khác gì đem một con chạch bỏ vào giỏ cua. Xin nghĩ kỹ mà xem! Đánh đã chẳng được, giữ cũng không vững. Vậy thì cả hai chước đánh và giữ đều không phải là kế. Nghĩ cho cùng thì chỉ còn một cách này: sớm sớm truyền cho thuỷ quân chở đầy các thuyền lương, thuận gió giương buồm ra thẳng cửa biển, đến vùng Biện Sơn mà đóng. Quân bộ thì sửa soạn khí giới, gióng trống lên đường, lui về giữ Tam Điệp. Hai mặt thuỷ bộ liên lạc với nhau, giữ lấy chỗ hiểm yếu, rồi cho người chạy giấy về bẩm với chúa công. Thử xem quân Thanh đến thành, khu xử việc nhà Lê ra sao? Vua Chiêu Thống sau khi phục quốc, xếp đặt việc quân việc nước thế nào? Chờ chúa công ra, bấy giờ sẽ quyết chiến một phen cũng chưa muộn gì.

Sở nói:

- Chúa công về Nam, đem thành này giao phó cho ta. Giặc đến thì phải sống chết với giặc, còn mất với thành, trên không thẹn là kẻ bề tôi giữ đất, dưới không phụ chức trách cầm quân. Nếu mới thấy bóng giặc đã trốn, bỏ thành cho giặc, chẳng những mang tội với chúa công mà người Bắc còn coi ta ra cái gì?

---

(1) Tức Tôn Võ, người nước Tề đời Xuân Thu, và Ngô Khởi người nước Vệ đời Chiến quốc: hai nhà quân sự nổi tiếng của Trung Quốc thời xưa.

Nhậm nói:

- Tướng giỏi thời xưa, lường thế giặc rồi mới đánh, năm phần thắng rồi mới hành động tuỳ theo tình thế thay đổi mà bày ra chước lạ. Giống như đánh cờ, trước thì chịu thua người một nước, sau mới được người ta một nước, đừng có đem nước sau làm nước trước, đó mới là tay cao cờ, nay ta hãy bảo toàn lấy quân lực mà rút lui, không bỏ mất một mũi tên. Cho chúng ngủ trọ một đêm rồi lại đuổi đi cũng như ngọc bích của nước Tần đời xưa, vẫn nguyên lành chứ có mất gì. Nếu có vì thế mà mắc lỗi tôi sẽ xin bộc bạch với chúa công, thế nào cũng được chúa công lượng xét, xin ông chớ nghi ngại.

Sở bèn nghe theo, rồi mật truyền cho các viên Trấn thủ ở Kinh Bắc, Thái Nguyên, Lạng Sơn một mặt nói phao là đem quân đắp luỹ ở sông Như Nguyệt, một mặt lẻn rút quân về. Lại tư cho các viên Trấn thủ ở Hải Dương, Sơn Tây, hẹn ngày họp quân ở thành Thăng Long. Còn trấn Sơn Nam thì sắp sửa thuyền bè, chờ thuỷ quân đến sẽ cùng xuất phát.

Qua năm ngày, các đại quân đều kéo đến đầy đủ, cùng dự cuộc duyệt lớn ở bãi sông. Rồi đó, Sở hạ lệnh cho quân bộ sắp sẵn lương khô để chờ sai phái. Trước hết, Sở cùng thuộc tướng là Đặng Văn Chân đốc suất lính thuỷ đi xuống phía đông. Cắt đặt vừa xong, thì trời sập tối. Chợt thấy bọn Nguyễn Quý Nha, Nguyễn Đình Khoan từ trên ải Nam Quan chạy về nói rằng: khi họ đến Nam Quan, bị bọn lính canh cửa ải nhà Thanh ngăn chặn, không cho sang; hiện nay quân Thanh đã qua Nam Quan, quân bộ và quân kỵ của đội tiền phong đã tiến đến địa phận huyện Phượng Nhãn và đóng tại đó.

Sở liền họp các tướng, định rút lui. Phan Văn Lân nói:

- Quân không cứ nhiều, nước không cứ lớn. Nay ta làm tướng cầm quân ở ngoài, giặc đến chưa từng đón đánh, chỉ

mới nghe tiếng doạ hão đã vội rút lui, thì còn làm tướng để làm gì nữa? Tôi xin đem một ngàn quân tinh nhuệ, đến thẳng sông Như Nguyệt, đánh nhau với chúng một trận xem khí thế của chúng ra làm sao và người Nam với người Thanh ai khoẻ hơn ai để cho chúng biết rằng bọn ta cũng không phải là hèn nhát. Đó cũng là sự tính toán tất thắng, trước dùng thanh thế của mình để đè bẹp quân địch vậy!

Sở cũng cho là phải.

Lân bèn đem quân qua sông đi sang phía Bắc, canh ba tới bờ phía nam sông Như Nguyệt, nghe tin quân của Tôn Sĩ Nghị đã đóng ở núi Tam Tằng. Lúc ấy tiết trời giá rét, Lân kéo quân qua sông thách đánh. Tướng sĩ vốn sợ oai của Lân, phải liều với khí lạnh mà lội bừa xuống nước. Ra đến giữa sông những kẻ cóng quá không thể qua được, đều bị chết đuối. Còn những kẻ vào tới được bờ cũng đều bị quân Thanh giết chết. Lân liệu chừng không thể giao chiến được nữa liền vẫy quân chạy lui. Đám quân tan vỡ chạy trốn vào các làng, đều bị dân chúng bắt nộp cho quân Thanh. Lân chỉ trơ một mình một ngựa mà quay về.

Sở sợ quá, giấu kín việc bại trận không cho ai biết, rồi truyền lệnh cho các đạo quân nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi. Đúng giữa lúc trưa đi qua Phú Xuyên[1] người ta mới biết là Sở rút quân. Hôm sau tới huyện Yên Mô[2], Sở sai chia quân đó đồn dọc theo ven núi Tam Điệp, thẳng đến bờ biển, hai mặt thuỷ bộ liên lạc với nhau để cố thủ.

Trước đó, vua Lê đang lẩn lút ở vùng Kinh Bắc, Lạng Sơn, nghe tin Tôn Sĩ Nghị đưa hịch sang nước Nam và hẹn ngày đến cửa ải, nhà vua bèn bí mật sai người đi gọi nghĩa sĩ

(1) Thuộc Hà Tây.
(2) Thuộc Ninh Bình.

bốn phương. Các quan văn võ nghe tin, cũng đều khuyên bảo hào mục địa phương, nhóm họp hương binh để chờ đợi.

Rồi đó, vua sai Lê Duy Đản đem thư lên cửa ải để yết kiến Tôn Sĩ Nghị, bẩm rõ tình hình trong nước với Nghị và nói rằng:

- Tự quân vừa bị cảm hàn, không thể đi đường, xin chờ đón ở trấn thành Lạng Sơn.

Đến khi nghe tin quân Tây Sơn rút lui, vua mới truyền cho các đạo quân cần vương đều tới nơi hành tại; rồi kén lấy hạng khoẻ mạnh một ngàn người sung làm quân túc vệ ở doanh vua, còn bao nhiêu thì giao cho các tướng lập thành đội ngũ, ai đem bộ thuộc của người nấy chia giữ các trấn. Trần Quang Châu lĩnh trấn Kinh Bắc, Nguyễn Đạo lĩnh trấn Hải Dương, Hoàng Tố Nghĩa lĩnh trấn Sơn Nam, Hoàng Phùng Tứ lĩnh trấn Sơn Tây. Mọi người đều vâng mệnh đi tới lỵ sở. Riêng Trần Quang Châu thì ở lại thành doanh bảo vệ xa giá.

Châu xin dời xe vua về trấn Kinh Bắc, sửa sang thành luỹ, xây dựng nhà cửa để chờ quân Thanh. Vua nghe lời.

Đoạn nhà vua lại sai bọn Bình chương Phạm Đình Dữ, Tham tri Vũ Trinh đem thiếp thỉnh an lên đất Hoà Lạc gặp Sĩ Nghị, nói rõ:

- Hiện đã phái quân chia đi kinh lược bốn trấn ở ngoài đô thành, lùng bắt bọn giặc lẻn trốn ở các nơi. Xin đưa một số thổ sản nhỏ mọn là mười con trâu, một trăm vò rượu, làm lễ khao quân, ngước trông thu nhận cho.

Vua lại truyền phải sức cho các kỳ lão và các xã dân mấy huyện ven đường sửa soạn đón rước quân Thanh.

Đại quân của Sĩ Nghị đi sang phương Nam, dọc đường đều thuận lợi thông suốt. Kịp khi tới núi Tam Tằng đóng quân

lại, đến đêm, tuy Phan Văn Lân định quấy rối, nhưng bị giá rét làm cho tổn thương, nên Nghị chưa đánh mà quân Lân đã tan. Ngô Văn Sở nghe tin cũng thu quân bỏ chạy cả đêm từ lâu rồi. Thế là trên đường tiến quân không còn ai dám ngăn trở đánh Nghị. Do đó, Nghị không hề lo sợ mà lại có vẻ kiêu căng. Mới thấy Vũ Trinh, y liền nói:

- Lúc đại binh qua cửa ải, trước hết đã có đưa hịch sang bá cáo, quân giặc sợ hãi đã ôm đầu chạy trốn. Nghĩ rằng thần dân bên ấy, ai lại không phấn chấn nổi dậy? Dựa vào oai trời mà lo giết giặc nước, chẳng mấy chốc sẽ có thể thành công, sao cứ một mực nhu nhược để chúng được chạy trốn một cách rảnh rang? Bây giờ đại binh đã đến địa giới nước mình mà các ngươi vẫn tuyệt nhiên không làm nên công trạng gì. Như thế, còn gọi là nước có người được không?

Trinh nói:

- Nước nhỏ này tự mình không thể làm được việc, mới đến nỗi phải gõ cửa ải cầu cứu. Nếu sức của chúng tôi có thể chế ngự được chúng thì đâu dám phiền đến đại binh? Nay cụ lớn lấy điều đó quở trách, tôi còn biết nói làm sao? Xin thưa về tình hình của giặc. Nguyễn Nhạc sinh trưởng ở vùng Tây Sơn, có sào huyệt hiểm yếu để nương tựa. Nguyễn Huệ là tay lão luyện về trận mạc, lại nắm giữ đội quân hùng mạnh. Từ khi kéo quân về Nam, anh em chúng đánh lẫn nhau. Nhạc ở Tây Sơn, Huệ chiếm Thuận Hoá, ai nấy tự xưng hùng, kẻ đế, người vương. Còn ở quốc thành của nước tôi, chỉ có đồ đảng của chúng là bọn Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân mà thôi. Được tin Thiên binh đến, bọn chúng chưa biết hư thực thế nào, nên hãy thu quân tạm lánh. Nhưng nghe đâu bọn chúng đóng quân chặn ở núi Tam Điệp, ngăn hẳn từ đất Trường Yên[1] về

(1) Tên phủ, thuộc Ninh Bình, giáp liền với Thanh Hoá.

Nam, mưu đồ lại tiến ra đất Bắc lần nữa. Một tên tỳ tướng còn kiệt hiệt như thế, huống chi tên đại tù trưởng của chúng. Nếu không dùng đạo binh thật lớn mà đánh làm sao có thể bắt sống được chúng. Nước tôi sau khi loạn lạc tan tác, tướng ít quân hèn, sợ rằng khó lòng làm xong việc. Nhờ oai linh lừng lẫy của cụ lớn, tên tù trưởng mọi rợ sợ oai phải đến hàng, đó là điều mong mỏi của đất nhỏ này.

Nghị cười mà rằng:

- Nước ngươi vì bị tàn ngược đã lâu, mất cả tinh thần khí khái, nên động một tý là đem hùm sói doạ nhau. Theo ta xem xét thì chúng chỉ như hạng trâu dê, sai một người đem thừng buộc lấy cổ mà lôi về, hẳn cũng không khó gì. Để khi quân ta đến La Thành, nhổ bãi nước bọt xoa tay là làm xong việc. Ngươi hãy chờ mà xem!

Lúc Nghị tới trấn Kinh Bắc, vua Lê tự đem các quan đến chào. Nghị yên ủi rằng:

- Quý tự[1] mắc phải nạn lớn đã nhiều năm, nhờ đức Đại Hoàng đế thương xót, sai bản chức đem quân hộ tống mẹ và vợ ngài về nước. Chuyến này sang đây, giúp việc kinh lý, trước hết cần bắt cho hết đảng giặc, rồi sau chỉnh đốn quy mô, làm kế lâu dài. Bao người mọi việc đều muốn ngàn lần ổn thoả rồi, bấy giờ mới rút quân, xin chớ lo gì về việc nước nữa.

Vua Lê nói:

- Đội ơn Đại Hoàng đế đức cả như trời, không sao hình dung được cho hết. Lại nhờ cụ lớn hạ mình tới đây, khiến cho nước chúng tôi được thấy ánh sáng của áo cừu, đai ngọc, được thoả lòng ngửa trông sao Bắc Đẩu, núi Thái Sơn. Mối tình vui mừng, kính mến, không sao kể xiết!

---

(1) "Quý tự" là người nối nghiệp tôn quý, đây trỏ Chiêu Thống.

Rồi nhà vua mời Nghị vào dinh nghỉ tạm. Nghị nói:

- Đây cách quốc thành không xa, cần đi ngay, không nên dùng dằng, Nghị liền sai bắn chín phát súng và nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi.

Chập tối, đến bờ bắc sông Nhĩ Hà, vua Lê xin qua sông vào Kinh thành trước, rồi sai sắm sửa giường màn ở điện Kính Thiên, mời Nghị vào ở. Nghị không ưng nói:

- Chỗ ấy không phải là hành doanh của Đại tướng, đối với việc quân có nhiều điều bất tiện.

Đoạn Nghị truyền lệnh chia quân đóng ở nơi quang đãng trong hai bãi cát phía bờ nam và bờ bắc sông Nhĩ Hà; lại sai bắc cầu phao trên mặt sông để tiện đi lại. Hôm ấy nhằm ngày 11 tháng 12 năm Mậu Thân (1788).

Hôm sau, vua thân hành đến chờ đón ở doanh của Nghị.

Nghị sai người bày biện nghi trượng rất long trọng ở điện Kính Thiên, rồi truyền cho trăm quân tới hầu. Vua Lê đội mũ miện, mặc áo cổn quỳ ở giữa sân. Nghị dẫn bọn liêu thuộc đến, rồi tuyên đọc tờ sắc của Hoàng đế nhà Thanh phong cho vua Lê làm An Nam quốc vương. Trong tờ chế phong vương, đại lược nói rằng:

"Chia ra cõi bờ mười ba đạo, không phải tham gì đất đai này; đã lo chức cống bà trăm năm, há chẳng nghĩ đến tổ tông trước?"...

Xong lễ thụ phong, vua bèn theo lệ thảo tờ biểu tạ ơn, xa trông cửa khuyết mà lạy tạ, rồi nhờ Nghị cho đệ tờ biểu đi. Nghị nhận lời.

Tuy vua Lê đã được phong Vương, nhưng giấy tờ đưa đi các nơi, đều dùng niên hiệu Càn Long. Vì có Nghị ở đây nên không dám dùng niên hiệu Chiêu Thống. Ngày ngày sau các buổi chầu, vua lại tới chờ ở doanh của Nghị để nghe truyền

việc quân, việc nước. Vua cưỡi ngựa đi trước, Lê Quýnh cưỡi ngựa đi sau, quân lính hộ vệ chỉ vài chục người. Người trong Kinh có kẻ không biết là vua, hoặc có người biết, thì họ nói riêng với nhau rằng:

- Nước Nam ta từ khi có đế, có vương tới nay, chưa thấy bao giờ có ông vua luồn cúi đê hèn như thế. Tiếng là làm vua, nhưng niên hiệu thì viết là Càn Long, việc gì cũng do viên Tổng đốc, có khác gì phụ thuộc vào Trung Quốc?

Nghị cũng ngông nghênh tự cho mình là tôn quý; có lúc vua tới yết kiến; y không buồn tiếp, chỉ cho người đứng ở dưới Linh cát truyền bảo:

- Hôm nay không có việc quân, việc nước gì. Hãy về cung yên nghỉ!

Lễ ý và sự thù tiếp của y đối với vua hết sức sơ sài như vậy. Còn đối với quân lính, thì y lại hay dung túng cho chúng mặc sức làm điều phi pháp.

Trước kia, người Trung Hoa ngụ cư ở các nơi như phường Hạ Khẩu[1] ở đô thành, phố Cơ Xá ở trấn Kinh Bắc và phố Hiến Doanh[2] ở trấn Sơn Nam có tới hơn vạn người. Đến lúc ấy, bọn họ đều đến bám theo các đồn quân của Nghị, hoặc lập riêng ra điếm Liễu để. Bọn họ thông thạo tiếng nước Nam, am hiểu phong tục tập quán nước Nam; do đó, họ liền nhân cơ hội kiếm mọi cách vu hãm những người lương thiện, áp bức cướp bóc những nhà giàu có, thậm chí giữa chợ, giữa đường cũng cướp giật của cải hãm hiếp đàn bà, không còn kiêng sợ gì cả. Nhân dân ở quanh Kinh kỳ luôn luôn bị khổ sở với bọn họ.

---

(1) Khu vực phố Hàng Buồm, Hà Nội bây giờ.

(2) Nay là Hưng Yên.

Vua Lê tuy biết sự tệ hại ấy, nhưng đã trót mời quân Thanh sang, chỉ sợ vì việc đó mà làm mếch lòng chúng, nên cũng khó ăn khó nói.

Nghị cũng không phải không biết tình trạng như vậy, song cũng mặc cho bọn ấy tha hồ làm bậy, không hề ngăn cấm gì hết.

Lại nói, từ khi vua Lê trở về Kinh thành, các quan văn võ trước kia phiêu bạt đều lục tục kéo đến lạy mừng. Vua bèn ban thưởng cho những người đã từng theo đi trốn, hoặc những người có công giúp đỡ. Phong cho Phạm Đình Dữ làm Thượng thư bộ Lại, kiêm Bình chương sự. Nguyễn Huy Túc làm Đồng bình Chương sự, Lê Duy Đản, Vũ Trinh đều làm Tham tri chính sự, Nguyễn Đình Giản làm Thượng thư bộ Binh, kiêm tri Xu mật viện sự, Nguyễn Duy Hiệp, Chu Doãn Lệ làm Đồng tri Xu mật viện sự, Trần Danh Án làm Phó đô ngự sử, Lê Huy Tần, Phạm Quý Thích làm Độ chi bộ Hộ, Lê Xuân Hạp, Ngô Vi Quý làm Đồng tri binh chính. Lê Quýnh làm Quân trung uý đốc, tước Quận công, lệnh quân cần vương theo Tôn Sĩ Nghị lo liệu và xử trí việc quân.

Ngoài ra các quan liêu trong ngoài đều về các dinh thự làm việc như cũ.

Viên Phó hiến ở trấn Kinh Bắc là Ngô Tưởng Đào lấy cớ già ốm, từ chối không nhận chức, và dâng sớ nói rằng:

"Vận trời đang lúc gian truân, không ngờ lại được thấy bóng mặt trời, thật là cái phúc vô cùng của xã tắc. Thần trộm nghĩ rằng: Việc binh cốt phải mau chóng. Nếu cơ hội có thể làm được, hà tất việc gì cũng cứ giao phó cho quân nước ngoài để đến nỗi dềnh dàng ngày tháng. Hiện nay quân cần vương các lộ, ai không muốn hết lòng hết sức lập công ít nhiều? Nhân khi quân giặc vừa rút lui, ta nên lập tức đem đại

binh đuổi sát gót như tiếng sét chớp nhoáng không kịp bịt tai, bọn ngông cuồng giảo quyệt kia ắt không còn thì giờ để mưu tính. Hai xứ Thanh-Nghệ nghe tin chắc cũng sẽ hưởng ứng. Nguyễn Huệ bị ngăn cách ở phía Nam Hoành Sơn, Sở và - Lân chơ vơ ở đấy, hình thế cách trở, nên không liên lạc được với nhau; không ngoài mười ngày ta có thể bắt được bọn chúng. Vây cánh của chúng đã bị cắt đứt thì sào huyệt của chúng cũng có thể lần lượt bị san bằng. Thần ngu dại cho rằng cái cơ trung hưng chính là ở lúc này, không thể bỏ qua".

Tờ sớ ấy vừa đưa tới, vua trao cho bọn Nguyễn Đình Giản xem ai cũng cho là phải. Riêng Lê Quýnh chống lại mà rằng:

- Sức mình không địch nổi, mới phải cầu cứu. Hành doanh quan Đốc bộ còn ở đây, việc quân mình không bẩm trước, lại tự tiện mà làm, việc xong thì thôi, vạn nhất bị vấp ngã, họ sẽ đổ cho ta làm lỡ quân cơ, rồi rút quân về cửa ải, ngồi xem mình làm, như vậy việc lớn sẽ hỏng mất. Chi bằng để thần đến trình bày trước, xin họ chỉ bảo phương lược và hợp sức với mình, như thế là được cả hai việc.

Vua cho là phải. Quýnh bèn đến dinh Nghị, nói về việc đó.

Nghị trả lời:

- Việc gì mà phải vội vã như vậy? Ví như thò tay lấy đồ vật trong túi đến sớm thì lấy sớm, đến muộn lấy muộn đó mà thôi. Bây giờ đã sắp hết năm, đại quân xa xôi tới đây, cần phải nghỉ ngơi, không nên đánh vội. Giặc gầy mà ta đang béo, hãy để chúng tự đến nộp thịt. Nhưng nếu nước ngươi đã có lời xin như thế, thì hãy nên tính từ đô thành về nam chừng sáu chục dặm, chia làm ba nơi mà đóng quân; đó chính cũng là cách canh gác từ xa để đề phòng bất trắc vậy. Còn đối với bọn giặc, thì các ngươi cứ chờ đến đầu năm mới ta sẽ cho trẩy

quân tiến đánh cũng chưa muộn!

Sau đó, Nghị sai đắp luỹ đất, một ở bờ bắc sông Nguyệt Quyết, huyện Thanh Liêm, một ở làng Nhật Tảo, huyện Duy Tiên, một ở làng Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì rồi chia quân ra mà đóng giữ.

Từ bấy giờ trở đi, vua Lê chỉ lấy Nghị làm chỗ dựa vững chắc nhất. Còn các quan thì cũng không ai nói năng gì đến chuyện xuất quân phục thù nữa.

Lê Quýnh suốt ngày say mê tửu sắc; ân oán riêng dù bằng cái tơ, sợi tóc cũng đều đền báo không để sót. Quýnh lại còn xui vua rằng:

- Trước đây lúc nhà vua gặp nạn, hoàng thân và bọn quan trong triều, nhiều kẻ lấy tai hoạ làm điều may mắn, vui mừng, khai hết tình hình với giặc, cam tâm làm chó săn, chim mồi cho chúng để mưu đồ giàu sang. Ngược đạo lý, trái nhân nghĩa, không gì hơn thế. Thần xin được trị tội bọn đó, để thiên hạ biết rằng danh phận cương thường không thể rối loạn. Đó cũng là việc cần kíp không nên dung túng bỏ qua, khiến cho kẻ ác, người thiện không có gì phân biệt.

Vua cho là phải, bèn giao cho các quan đình thần họp bàn.

Mọi người đều tâu, năm ngoái Thượng thư bộ hình kiêm Bình chương Trần Công Xán đi sứ Tây Sơn, vì không chịu khuất phục, bị địch giết hại thật là đáng thương; xin cho quan về tế tại nhà và thăm viếng các người con. Vua nghe lời bèn tự tay thảo bài văn tế, trong có câu "tiết lớn nghiêng non lật biển, cùng sương thu nắng lửa tranh hơn, lòng son yêu nước trung vua, gặp đốt rắn rễ chùm càng tỏ".

Lại bàn sang đến tội của bọn phản nước theo Tây Sơn, lúc vua đi trốn, Trấn thủ Tuyên Quang là Phạm Như Toại bắt em vua là Duy Tự đem nộp cho địch, phò mã uý Nguyễn

Bình dẫn quân địch đuổi tìm chỗ vua ở; theo luật phải tội chém ngang lưng; Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích đem thân theo địch, lại nhận chức tước của chúng, đều truất làm dân, về làng gánh vác sai dịch; Nguyễn Hoàn, Phan Lê Phiên quỳ gối ở sân địch; Trương Đăng Quỹ đi theo xe vua, giữa đường bỏ dở, đều bị giáng làm chức Tư huấn; Nguyễn Quý Nha. Trần Bá Lãm, Vũ Huy Tấn, viết thư mạo xưng là Giám quốc Sùng Nhượng công để mong xin hoãn binh cho địch, đều bị hạ ngục. Nguyễn Bá Khoan vì là kẻ võ biền, lại già nua dốt nát không biết gì, nên được miễn tội.

Bấy giờ Quýnh nghe nói Nha mới ở Cao Bằng về, vàng bạc đầy xe bèn sai người đổi lấy hai chục lạng vàng, rồi nói rõ cho vua biết. Vua cười mà rằng:

- Bớt chỗ nhiều để bù chỗ ít, mặc ngươi làm chi thì làm, không hề gì!

Ngoài ra, có ba người chú vua liên lạc với Tây Sơn, lại gả con gái cho họ, đều bị vua ngầm sai người bắt đem chặt chân, rồi vứt xuống cái giếng ở trong cung[1].

Kịp khi ấy, Thái hậu ở Cao Bằng về, vừa tới Kinh, thấy vua chỉ thích làm những việc báo ân báo oán trái với phép thường như vậy, bèn nổi giận nói:

- Ta phải trèo đèo lội suối khó nhọc vất vả, mới xin được quân sang đây... Phỏng chừng nhà nước chịu được mấy phen ơn, thù phá hoại như thế. Nếu cứ cách ấy mà làm thì trị sao được thiên hạ? Gái già này lại đến làm đứa lưu vong mất thôi!

Rồi Thái hậu gào khóc, không chịu vào cung.

Vua bèn ngầm sai Nguyễn Huy Túc khuyên giải Thái

(1) Theo *Cương mục* thì Chiêu Thống còn sai mổ bụng cả một tôn nữ đang có mang vì người con gái này đã lấy viên tướng quân Tây Sơn. Do đó lòng người dần dần ngờ vực, không nhất trí.

hậu. Túc vào thưa với Thái hậu rằng:

- Ngước trông đức hiếu sinh của Thái hậu như là trời đất cố nhiên phải lấy thế làm lạ. Nhưng hình phạt là phép lớn của nước. Cho nên Chu Công phải giết Quản, Thái, nước Lỗ phải đánh thuốc độc giết chết Thúc Nha[1]. Người xưa cũng không phải vì chỗ họ hàng hay quen biết mà bỏ pháp luật. Mong rằng lượng trên khoan hồng, để cho Hoàng thượng được làm việc nước thì thật là vạn phúc

Thái hậu nể Túc có công theo hầu khi mình đi trốn không nỡ trái lời Túc, đành gắng gượng nghe theo, song thật ra trong bụng vẫn không cho là phải. Thái hậu bèn vào cung.

Lúc bấy giờ là tháng mười hai, sắp đến ngày tết Nguyên đán. Quan coi lễ tâu xin đến ngày 25 thì phong ấn cất đi[2] Các lễ trong miếu xã, triều đình đều chiếu theo lệ thường mà làm. Riêng quan Đại soái của thiên triều ở xa xôi tới, thì về phần vật phẩm cung đốn, xin theo như lệ thết đãi sứ thần sang phong vương mà thêm gấp lên một lần nữa. Các quan và quân lính cũng đều cho phép nghỉ mười ngày, để cùng vui đón tiết xuân.

Thật là:

Én sẻ trên nhà còn hớn hở,
Đà đồng trong bụi chẳng lo âu[3]

Chưa biết việc tới ra sao? Chờ xem hồi sau phân giải.

---

(1) Quản Thúc, Thái Thúc là em Chu Công, định giúp Vô Canh là con vua Trụ nổi loạn. Chu Công liền đem giết Quản Thúc và đầy Thái Thúc.

(2) Cuối năm làm lễ cất ấn (hạp ấn) để nghỉ việc mà ăn tết.

(3) Sách *Khổng Tử* chép: chim én chim sẻ ở trên nóc nhà, mẹ mớm cho con ăn mà không biết là nhà sắp cháy. Đời Tấn, có Sách Tĩnh thấy con lạc đà bằng đồng để ở cửa cung điện, liền đe rằng: mày sắp phải vứt vào bụi gai". Ý nói đời sắp loạn lạc. Đây ám chỉ bọn Sĩ Nghị, Chiêu Thống như đang ngồi trên đống lửa, tai hoạ sắp đến mà vẫn nhởn nhơ không biết gì cả.

HỒI THỨ MƯỜI BỐN

Đánh Ngọc Hồi, quân Thanh bị thua trận
Bỏ Thăng Long Chiêu Thống trốn ra ngoài.

Lại nói, Tôn Sĩ Nghị sau khi đem quân ra cửa ải, xuyên rừng vượt núi như giẫm đất bằng; ngày đi đêm nghỉ, không phải lo lắng gì, kéo thẳng một mạch đến thành Thăng Long, không mất một mũi tên, như vào chỗ không người. Từ xưa, các nhà cầm quân chưa có khi nào được dễ dàng như thế. Cho nên y xem thường, cho là vô sự không cần phải đề phòng. Rồi đó y lại càng thêm kiêu căng, buông tuồng, mặc cho quân lính các đồn tự tiện bỏ cả đội ngũ, đi lại lang thang, không còn có kỷ luật gì cả. Có kẻ đi ra khỏi thành đến hơn mười dặm để kiếm củi đun, có kẻ đi tới các chợ búa dân gian để buôn bán, hằng ngày tối đi sớm về xem như việc bình thường. Bọn tướng tá cũng ngày ngày chơi bời tiệc tùng, không hề để ý gì đến việc quân. Hễ ai nhắc đến tình hình giặc giã thì bọn họ đáp rằng:

- Chúng nó như cá chậu chim lồng, còn chút hơi thừa thoi thóp, không đáng nói đến. Vâng lệnh của quan lớn Đốc bộ, định đến ngày mồng 6 tháng giêng, nhân dịp đầu xuân sẽ xuất quân kéo thẳng đến sào huyệt của quân Tây Sơn. Bọn giặc ấy nhất định sẽ lần lượt bị bắt sống không một tên nào lọt lưới. Người Nam Hà sẽ đến mà xem!

Thế là người trong nước, kể cả các viên quan đã từng trốn tránh hồi xưa mà bấy giờ đã thấy lại bóng mặt trời, ai nấy mới đều yên tâm vui mừng về cuộc sum họp trước mắt. Rồi họ dựa vào Tổng đốc họ Tôn làm bức tường thành, không còn nghĩ gì đến việc cung khuyết bị tàn hoang, không còn lo gì đến việc kẻ địch đang ở nơi cửa ngõ, võ lặng, văn im, thảy đều bê trễ.

Vừa lúc ấy, có người cung nhân cũ từ phủ Trường Yên tới, nói với Thái hậu rằng:

- Xe vua trở về kinh thành, đã gần một tháng. Hiệu lệnh ban ra, chẳng qua mới đến các vùng Ứng Hoà, Thường Tín, Từ Sơn, Hà Tây, Thuận Thành, Quảng Oai, năm lộ mà thôi. Còn như từ Trường Yên về nam, Thanh Hoa là đất căn bản, lăng tẩm tiền triều ở đó, Nghệ An cũng là quận chân tay và quân túc trực đều lấy người ở đấy, thì nay vẫn bị mất về tay giặc, tin tức không thông, đó thật là điều đáng lo rất lớn. Hiện nay, việc nước hư thực thế nào, thế giặc mạnh yếu ra sao, những người đứng ngoài mà xem, không ai không biết. Trước đây Hoàng thượng gặp nạn phải chạy, các quan trèo đèo vượt suối khó nhọc vất vả đã hơn một năm, bao nhiêu nhân tình chắc đã từng trải qua hết rồi, sao vẫn điềm nhiên không lo nghĩ gì cả? Tổng đốc họ Tôn từ Thượng quốc tới đây, thế nước và tình hình của giặc chỉ biết đại khái. Đến như các miền cũng có nơi xung yếu, nơi bình thường chia đồn và mai phục, cần phải trù tính kỹ càng. Việc binh có lúc nên đánh, lúc nên giữ, phải tuỳ cơ ứng biến trong chốc lát. Tất cả những điều ấy, họ làm sao mà hiểu được rõ ràng, đích xác? Vả chăng, khi trước Lê Quýnh khai báo ở bên ấy nói rằng: "Nhiều nơi trong nước ta không chịu theo giặc, người chuộng nghĩa còn nhiều, lòng người cũng có thể trông cậy, nếu được đại binh sang làm thanh viện thì công việc khôi phục có thể

thành...". Đó chỉ là một cách nói để Tổng đốc họ Tôn không cho việc ấy là khó. Quýnh vì muốn chóng được quân sang cứu cho nên mới bịa ra lời nói hão để lừa dối họ. Họ cũng tưởng là thật, hăng hái tiến lên, không còn lo nghĩ gì về sau. Cứ xem lời lẽ trong bài hịch, thì những điều họ bắt buộc mình phải đương lấy, rất là nặng nề. Còn họ thì chỉ lảng vảng ở bên bờ sông, lấy thanh thế suông để doạ dẫm mà thôi. Không biết rằng, Nguyễn Huệ là một tay anh hùng lão luyện, dũng mãnh và có tài cầm quân. Xem hắn ra Bắc vào Nam, ẩn hiện như quỷ thần không ai có thể lường biết. Hắn bắt Hữu Chỉnh như bắt trẻ con, giết Văn Nhậm như giết con lợn, không một người nào dám nhìn thẳng vào mặt hắn. Thấy hắn trở tay, đưa mắt là ai nấy đã phách lạc hồn xiêu, sợ hơn sợ sấm sét. E rằng chẳng mấy lâu nữa, hắn lại trở ra. Tổng đốc họ Tôn đem thứ quân nhớ nhà kia mà chống chọi, thì địch sao cho nổi? Họ chẳng qua chỉ là người khách, chuyến này sang cũng cốt xem sự thế khó hay dễ để liệu bề tiến lui mà thôi. Nhưng còn nhà nước của ta thì sao? Thái hậu có thể chạy sang đất Trung Hoa một chuyến nữa chăng?

Thái hậu giật mình nói:

- Đó chính là tâm sự của gái già này, vẫn ngày đêm lo lắng mà chưa biết làm thế nào?

Rồi nhân tiện Thái hậu đem việc đó nói lại với vua. Bấy giờ nhà vua mới hoảng sợ, liền cùng bọn Quýnh đến doanh quân của Nghị tha thiết xin xuất quân. Nghị gọi Quýnh đến mà căn vặn rằng:

- Người nước mày nay quả thật không thể trông cậy được thế thì lời cung khai của mày trước đây ra sao? Dám lừa dối ta chăng?

Rồi Nghị ngoảnh sang bảo vua:

- Tự vương trẻ tuổi, chưa từng trải công việc, trước đây tới đón chào ta ở Lạng Sơn, sao không nói cho rõ? Bấy giờ, nhân khi ta thắng, đè bẹp ngay lúc hắn đang khốn đốn, há chẳng dễ dàng hơn hay sao? Nay đã bỏ lỡ cơ hội ấy, để không có thì giờ thong thả mà bày mưu đặt chước, cách trị chúng cần phải tính toán cho chu đáo, không thể hấp tấp. Vả lại, đã định đến sang xuân, vào ngày mồng 6 thì sẽ xuất quân, như vậy cũng không còn xa gì nữa. Nếu muốn đi gấp thì cho phép vua tôi nhà ngươi đem một đạo quân đi trước cũng được.

Vua lui ra bảo với Quýnh rằng:

- Ngươi từng dốc lòng với ta, việc nước cũng đã được quá nửa rồi. Vậy nay hãy cố gắng làm cho tròn công trạng trước, đừng để người trong nước có thể bàn tán về ta, và thiên triều có chỗ quở trách được ta.

Lại nói, Lê Quýnh là người làng Đại Mão, huyện Siêu Loại[1] vốn là một tay phong lưu công tử, con trai của Tiến sĩ triều Lê là Lê Doãn Giản. Khi tuổi trẻ, Quýnh chỉ biết uống rượu, đánh bạc, việc văn việc võ đều chưa hề luyện tập qua. Trước kia vì là con nhà quý tộc thân cận, nên được vào làm gia thần nhà vua. Đến khi quân Tây Sơn tới xâm lấn, Kinh thành thất thủ, Quýnh vâng mệnh vua theo hầu Thái hậu lên Cao Bằng, rồi bị quân giặc đuổi bắt, phải chạy sang Trung Quốc. Vì Quýnh hơi biết chữ nghĩa, cho nên khi chuyện trò với người Thanh, thường bịa ra nhiều câu khoác lác. Tôn Sĩ Nghị cũng không biết xét đến chỗ đó, đem lời tâu lên, vua Thanh ưng thuận. Thế rồi may được khôi phục lại nước nhà, Quýnh tự cho là công lao của mình. Sau khi về thành Thăng Long, Quýnh chỉ lo đền ơn trả oán và công nhiên ăn của đút lót. Những tay hào kiệt trong nước đều không ưa Quýnh. Vua

(1) Nay là huyện Thuận Thành, Bắc Ninh.

cho là Quýnh có công, giao cho cầm quân. Nhưng Quýnh mắt còn choáng lộn bóng tinh kỳ, tai chưa nghe quen tiếng chiêng trống, nói gì đến chuyện sắp đặt việc binh bị? Quýnh bèn mượn cớ không muốn xa rời cạnh vua, xin vua truyền cho viên Trấn thủ Sơn Tây đem quân bản bộ đóng trước ở Gián Khẩu, để chặn đường của quân Tây Sơn. Đó là Quýnh cốt cho mình khỏi phải ra trận; còn việc chinh chiến được hay thua, nước nhà còn hay mất, Quýnh chẳng cần biết đến làm gì.

Nhắc lại, Ngô Văn Sở khi đem các đạo quân rút lui, tức tốc sai Nguyễn Văn Tuyết chạy trạm vào Nam cáo cấp. Một mặt chặn ngang đất Trường Yên làm giới hạn, đóng thuỷ quân ở hải phận Biện Sơn, quân bộ thì chia giữ vùng núi Tam Điệp, hai mặt thuỷ bộ liên lạc với nhau, ngăn hẳn miền Nam với miền Bắc. Vì thế, việc ở bốn trấn Đường ngoài không hề thấu đến hai xứ Thanh, Nghệ. Vì vậy việc quân Thanh đến Thăng Long và việc vua Lê thụ phong ngày 22 tháng 11, từ Thanh Hoa trở vào không một người nào được biết. Ngày 20 tháng ấy, Sở lui về Tam Điệp, thì ngày 24, Tuyết đã vào đến thành Phú Xuân, Bắc Bình Vương tiếp được tin báo, giận lắm, liền họp các tướng sĩ, định thân chinh cầm quân đi ngay. Nhưng các người đến họp đều nói:

- Chúa công với vua Tây Sơn có sự hiềm khích, đối với ngôi chí tôn, lòng tôn phò của mọi người chưa thật vững bền, nay nghe quân Thanh sang đánh càng dễ sinh ra ngờ vực hai lòng. Vậy xin trước hết hãy chính vị hiệu, ban lệnh ân xá khắp trong ngoài, để yên kẻ phản trắc và giữ lấy lòng người, rồi sau sẽ cất quân ra đánh dẹp cõi Bắc cũng chưa là muộn.

Bắc Bình Vương lấy làm phải, bèn cho đắp đàn ở trên núi Bân[1], tế cáo trời đất cùng các thần sông, thần núi; chế ra

(1) Núi Bân ở địa phận xã An Cựu, huyện Hương Trà, Thừa Thiên - Huế

áo cổn mũ miện, lên ngôi Hoàng đế, đổi năm thứ 11 niên hiệu Thái Đức của vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc làm năm đầu niên hiệu Quang Trung. Lễ xong, hạ lệnh xuất quân. Hôm ấy nhằm vào ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân (1788).

Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh, cả thuỷ lẫn bộ cùng ra đi. Ngày 29 đến Nghệ An, vua Quang Trung cho vời người cống sĩ ở huyện La Sơn là Nguyễn Thiếp vào dinh và hỏi:

- Quân Thanh sang đánh, tôi sắp đem binh ra chống cự. Mưu đánh và giữ, cơ được hay thua tiên sinh nghĩ thế nào?

Thiếp nói:

- Bây giờ trong nước trống không, lòng người tan rã. Quân Thanh ở xa tới đây, không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh, không hiểu rõ thế nên đánh nên giữ ra sao. Chúa công đi ra chuyến này, không quá mười ngày giặc Thanh sẽ bị dẹp tan.

Vua Quang Trung mừng lắm, liền sai Đại tướng là Hám Hổ hầu kén lính ở Nghệ An, cứ ba suất đinh thì lấy một người, chưa mấy lúc, đã được hơn một vạn quân tinh nhuệ. Rồi nhà vua cho mở cuộc duyệt binh lớn ở doanh trấn, đem số thân quân ở Thuận Hoá, Quảng Nam chia làm bốn doanh tiền, hậu, tả, hữu, còn số lính mới tuyển ở Nghệ An thì làm trung quân.

Vua Quang Trung cưỡi voi ra doanh an uỷ quân lính, truyền cho tất cả đều ngồi mà nghe lệnh, rồi dụ họ rằng:

- Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện ở Thăng Long, các ngươi đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam phương Bắc[1] chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống

(1) Chỉ đất nước Trung Quốc.

nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ; các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc. Ở các thời ấy Bắc, Nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ đời nhà Đinh tới đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy, đều là chuyện cũ rành rành của các triều đại trước. Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các ngươi đều là những kẻ có lương tri lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra, sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai, chớ bảo là ta không nói trước?

Các quân lính đều nói:

- Xin vâng lệnh, không dám hai lòng.

Hôm sau, vua Quang Trung hạ lệnh tiến quân. Các quân đều nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi. Khi đến núi Tam Điệp, Sở và Lân ra đón, đều mang gươm trên lưng mà xin chịu tội.

Vua Quang Trung nói:

- Các ngươi đem thân thờ ta, đã làm đến chức tướng soái. Ta giao cho toàn hạt cả 11 thừa tuyên[1], lại cho tuỳ tiện làm việc. Vậy mà giặc đến không đánh nổi một trận, mới nghe

(1) Từ thời Lê Hồng Đức, các trấn ở Bắc Hà đều gọi là "thừa tuyên"

tiếng đã chạy trước. Binh pháp dạy rằng: "Quân thua chém tướng". Tội của các ngươi đều đáng chết một vạn lần. Song ta nghĩ các ngươi đều là hạng võ dũng, chỉ biết gặp giặc là đánh, đến như việc tuỳ cơ ứng biến thì không có tài. Cho nên ta để Ngô Thì Nhậm ở lại đấy làm việc với các ngươi, chính là lo về điều đó. Bắc Hà mới yên, lòng người chưa phục, Thăng Long lại là nơi bị đánh cả bốn mặt không có sông núi để nương tựa. Năm trước ta ra đánh đất ấy, chúa Trịnh quả nhiên không thể chống nổi, đó là chứng cớ rõ ràng. Các ngươi đóng quân trơ trọi ở đấy, quân Thanh kéo sang, người trong Kinh kỳ làm nội ứng cho chúng, thì các ngươi làm sao mà cử động được? Các ngươi đã biết nín nhịn để tránh mũi nhọn của chúng, chia ra chặn giữ các nơi hiểm yếu, bên trong thì kích thích lòng quân, bên ngoài thì làm cho giặc kiêu căng, kế ấy là rất đúng. Khi mới nghe nói, ta đã đoán là do Ngô Thì Nhậm chủ mưu, sau hỏi Văn Tuyết thì quả đúng như vậy.

Thì Nhậm bèn lạy hai lạy để tạ ơn. Vua Quang Trung lại nói:

- Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn. Chẳng qua mươi ngày, có thể đuổi được người Thanh. Nhưng nghĩ chúng là nước gấp mười nước mình, sau khi bị thua một trận, ắt lấy làm thẹn mà lo mưu báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, không phải là phúc cho dân, nỡ nào mà làm như vậy. Đến lúc ấy, chỉ có người khéo lời lẽ mới dẹp nổi việc binh đao, không phải Ngô Thì Nhậm thì không ai làm được. Chờ mười năm nữa, cho ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh, thì ta có sợ gì chúng?

Bọn Sở, Lân đều lạy tạ mà nói:

- Chúa thượng thật là lo xa, chúng tôi ngu dại không thể

nghĩ tới chỗ đó. Hiện nay phương lược tiến đánh ra sao, xin chúa thượng nhất nhất chỉ rõ để chúng tôi tuân theo mà làm.

Vua Quang Trung bèn sai mở tiệc khao quân, chia quân sĩ ra làm năm đạo, hôm ấy là ngày 30 tháng chạp.

Rồi nhà vua bảo kín với các tướng rằng:

- Ta với các ngươi hãy tạm sửa lễ cúng Tết trước đã. Đến tối 30 Tết lập tức lên đường, hẹn đến ngày mồng 7 năm mới thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng. Các ngươi nhớ lấy, đừng cho ta là nói khoác.

Sau đó nhà vua truyền lệnh: Các viên tướng ở Trung quân thuộc về doanh vua sai phái là Đại tư mã Sở. Nội hầu Lân đốc suất Tiền quân làm tiên phong. Hám Hổ hầu đốc suất hậu quân làm đốc chiến; Đại đô đốc Lộc, Đô đốc Tuyết đốc suất Tả quân, trong đó gồm có thuỷ quân vượt biển vào sông Lục Đầu; rồi Tuyết vẫn kinh lý vùng Hải Dương để tiếp ứng với mặt Đông. Còn Lộc thì đi gấp lên các hạt Lạng Sơn, Phượng Nhãn, Yên Thế để chặn đường về của quân Thanh; Đại đô đốc Bảo; Đô đốc Long đốc suất Hữu quân, trong đó gồm quân voi và quân kỵ mã, Long xuyên qua huyện Chương Đức, theo đường thẳng đến làng Nhân Mục huyện Thanh Trì để đánh ngang vào đồn quân Điền Châu; Bảo thì thống đốc quân voi ngựa do đường Sơn Minh ra làng Đại Áng, huyện Thanh Trì để tiếp ứng cho cánh hữu.

Cả năm đạo quân đều lạy vâng mệnh lệnh, đúng ngày, gióng trống lên đường ra Bắc[1].

---

(1) Theo *Cương mục* thì trước khi tiến quân ra Bắc, vua Quang Trung có viết thư cho Sĩ Nghị vờ xin đầu hàng để khêu gợi lòng kiêu căng, khinh địch của Nghị. Theo *Lê triều dã sử*, khi tiến quân ra Thăng Long, vua Quang Trung bày cho quân lính cứ ba người một tốp thay phiên võng nhau đi thành ra quân trẩy đi liên miên không phải dừng mà ai nấy đều được nghỉ. Do đó, quân Tây Sơn đã hành binh cực kỳ thần tốc.

Khi quân ra đến sông Gián, nghĩa binh Trấn thủ ở đó tan vỡ chạy trước. Lúc đến sông Thanh Quyết, toán quân Thanh đi do thám từ đằng xa trông thấy bóng cũng chạy nốt. Vua Quang Trung liền thúc quân đuổi theo, tới huyện Phú Xuyên thì bắt sống được hết, không để tên nào trốn thoát. Bởi vậy không hề có ai chạy về báo tin, nên những đạo quân Thanh đóng ở Hà Hồi và Ngọc Hồi[1] đều không biết gì cả.

Nửa đêm ngày mồng 3 tháng giêng, năm Kỷ Dậu (1789), vua Quang Trung tới làng Hà Hồi, huyện Thượng Phúc, lặng lẽ vây kín làng ấy, rồi bắc loa truyền gọi: tiếng quân sĩ luân phiên nhau dạ ran để hưởng ứng nghe như có hơn vài vạn người. Trong đồn lúc ấy mới biết, ai nấy rụng rời sợ hãi, liền xin ra hàng, lương thực khí giới đều bị quân Nam lấy hết.

Vua Quang Trung lại truyền lấy sáu chục tấm ván, cứ ghép liền ba tấm thành một bức, bên ngoài lấy rơm dấp nước phủ kín, tất cả là hai mươi bức. Đoạn kén hạng lính khoẻ mạnh, cứ mười người khênh một bức, lưng dắt con dao ngắn, hai mươi người khác đều cầm binh khí theo sau, dàn thành trận chữ "nhất". Vua Quang Trung cưỡi voi đi đốc thúc, mờ sáng ngày mồng 5 tiến sát đồn Ngọc Hồi[2]. Quân Thanh nổ súng bắn ra chẳng trúng người nào cả. Nhân có gió bắc, quân Thanh liền dùng ống phun khói lửa ra, khói toả mù trời, cách gang tấc không thấy gì, hòng làm cho quân Nam rối loạn. Không ngờ trong chốc trời bỗng trở gió nam, thành ra quân Thanh lại tự làm hại mình.

Vua Quang Trung liền gấp rút sai đội khiêng ván vừa che vừa xông thẳng lên trước. Khi gươm giáo của hai bên đã

(1) Thuộc Thường Tín (Hà Tây) và Thanh Trì (nay thuộc thành phố Hà Nội).

(2) Theo *Dã sử* lúc này vua Quang Trung sai đốt hết lương thực và tự mình quấn khăn vào cổ để tỏ ý quyết chiến quyết thắng, không chịu lùi.

chạm nhau thì quăng ván xuống đất, ai nấy cầm dao ngắn chém bừa; những người cầm binh khí theo sau cũng nhất tề xông tới mà đánh.

Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết. Tên Thái thú Điền Châu là Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết. Quân Tây Sơn thừa cơ chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại.

Trước đó, vua Quang Trung đã sai một toán quân theo bờ đê Yên Duyên kéo lên, mở cờ gióng trống để làm nghi binh ở phía đông. Đến lúc ấy, quân Thanh chạy về trông thấy, càng thêm hoảng sợ, bèn tìm lối tắt theo đường Vịnh Kiều mà trốn. Chợt lại thấy quân voi từ Đại Áng tới, quân Thanh đều hết hồn hết vía, vội trốn xuống đầm Mực, làng Quỳnh Đô[1], quân Tây Sơn lùa voi giày đạp chết đến hàng vạn người.

Giữa trưa hôm ấy vua Quang Trung tiến binh đến Thăng Long, rồi kéo vào thành[2].

Nguyên trước đó, Đô đốc Long đốc suất Hữu quân đã đem binh đến đóng ở làng Nhân Mục huyện Thanh Trì. Lúc vua Quang Trung đang đánh với quân Thanh ở Ngọc Hồi, thì sáng hôm ấy Long đã đánh tên Thái thú Điền Châu ở trại Khương Thượng thuộc huyện Quảng Đức[3]. Quân Thanh tan vỡ bỏ chạy, Long liền tiến trước vào thành.

Lại nói, Tôn Sĩ Nghị và Vua Lê ở thành Thăng Long, tuyệt nhiên không nghe tin cấp báo gì cả cho nên trong ngày

---

(1) *Cương mục* ghi Sầm Nghi Đống thắt cổ chết ở Loa Sơn (tục gọi gò Đống Đa). Theo *Bang giao lục*, trong chiến dịch mùa xuân Kỷ Dậu, số quân Thanh bị chết là 27 vạn.

(2) Có sách chép khi Quang Trung vào Thăng Long, chiếc chiến bào màu đỏ đã bị nhuộm đen vì khói thuốc súng.

(3) Trại Khương Thượng tức làng Khương Thượng, nay thuộc thành phố Hà Nội.

Tết mọi người chỉ chăm chú vào việc yến tiệc vui mừng, không hề lo chi đến việc bất trắc. Nào hay cuộc vui chưa tàn, cơ trời đã đổi. Ngày mồng 4 bỗng thấy quân ở đồn Ngọc Hồi chạy về cáo cấp. Thật là " tướng ở trên trời xuống, quân chui dưới đất lên". Bọn ấy lại nói:

- Quan quân ở đồn Hà Hồi đều bị quân Tây Sơn đánh úp bắt hết cả. Ở đây cách đồn Ngọc Hồi không xa, sớm chiều thế nào cũng bị đánh tới.

Tôn Sĩ Nghị hoảng hốt sợ hãi, lập tức sai lãnh binh Quảng Tây là Thang Hùng Nghiệp dẫn viên hàng tướng Tây Sơn là Phan Khải Đức đem nghĩa binh tới cứu, lại sai hai mươi lính kỵ mã ở dưới trướng của mình cùng đi với Nghiệp, và dặn họ rằng:

- Trong khoảng chốc lát, phải tiếp tục báo tin về ngay.

Ý của Nghị chỉ lo có một mặt đó, không ngờ lại có mặt khác ập tới. Canh tư đêm ấy, chợt nghe ở phía tây bắc thành tiếng súng nổ đùng đùng không ngớt. Nghị vội sai người cưỡi ngựa ra xem, thì nghe báo tin đồn quân Điền Châu tan vỡ, quân Tây Sơn đã vào cửa ô, đốt giết lung tung khói lửa bốc lên đầy trời rồi.

Tôn Sĩ Nghị sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc giáp, dẫn bọn lính kỵ mã của mình chuồn trước qua cầu phao, rồi nhằm hướng bắc mà chạy. Quân sĩ các doanh nghe tin, đều hoảng hồn, tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau rơi xuống mà chết rất nhiều. Lát sau cầu lại bị đứt, quân lính đều rơi xuống nước, đến nỗi nước sông Nhĩ Hà vì thế mà tắc nghẽn không chảy được nữa[1].

---

(1) Có sách chép, đạo quân Vân - Quý lúc này mới kéo sang đến Sơn Tây, nghe tin Nghị bị thua, nên cũng vội vàng tìm đường tháo lui về.

Vua Lê ở trong điện, nghe tin có việc biến ấy, vội vã cùng bọn Lê Quýnh, Trịnh Hiến đưa Thái hậu ra ngoài. Cả bọn chạy đến bến sông thì thấy cầu phao đã đứt, thuyền bè cũng không, bèn gấp rút chạy đến Nghi Tàm, thình lình gặp được chiếc thuyền đánh cá, vội cướp lấy rồi chèo sang bờ bắc. Trưa ngày mồng 6 vua Lê và những người tuỳ tòng chạy đến núi Tam Tằng, nghe nói Tôn Sĩ Nghị đã đi khỏi đó. Bấy giờ quân Thanh chạy về nước, trên đường đông nghịt như chợ, đêm ngày đi gấp, không dám nghỉ ngơi. Vua đưa Thái hậu cùng đi với họ đến đồn Hoà Lạc thì gặp một người thổ hào. Hồi trước vua Lê chạy ra ngoài, người ấy đã được biết mặt; lúc đó thấy vua, người ấy bất giác rơi lệ, nhân tiện mời vua vào trại trong núi tạm nghỉ. Bấy giờ, vua Lê và những người tuỳ tòng luôn mấy ngày không ăn, ai nấy đều đã mệt lử. Người thổ hào kia liền giết gà làm cơm thết đãi. Vua sai bưng một mâm lên mời Thái hậu; còn mình thì cùng ăn với bọn Quýnh, Hiến ở mâm dưới.

Ăn vừa xong, chợt nghe tin quân Tây Sơn đã đuổi theo đến nơi. Vua cuống quít bảo người thổ hào rằng:

- Muôn đội hậu tình, không có gì để báo đáp, chỉ có trời cao đất dày chứng giám tấc lòng thành của ông mà ban phúc cho thôi. Bây giờ quân giặc gần tới, trước mắt đây có con đường sống nào có thể chạy gấp lên cửa ải, xin tính kế ngay cho.

Người thổ hào vội vã sai con đưa đường, theo lối tắt trong núi mà đi. Trời nhá nhem tối thì nhà vua đến cửa ải, theo kịp chỗ nghỉ của Tôn Sĩ Nghị. Một lát các viên quan khác cũng lục tục theo đến cùng nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt, Tôn Sĩ Nghị cũng lấy làm xấu hổ.

Nhân tiện, vua từ giã Sĩ Nghị và nói:

- Cô[1] không có tài, chẳng giữ nổi xã tắc. Đội ơn Tướng quân vâng chỉ của Hoàng đế sang cứu viện; nào ngờ lòng trời chẳng giúp nước nhỏ, nay ngài lại bỏ mà đi. Kính chúc Tướng quân về triều được hai chữ "Vạn phúc". Cô xin ở lại đất nước, thu nhặt dân binh, để tính việc nổi lên chuyến khác. Xa nhờ oai linh, may được nên việc, đều là ơn của Tướng quân ban cho. Nếu như sự thể không xong, lại xin sang hầu Tướng quân, như thế cho tiện.

Nghị nói:

- Nguyễn Quang Trung chưa diệt. việc này còn chưa thôi. Nay hãy dâng biểu tâu lên xin quân, không đầy một tháng, đại binh sẽ lại tới. Chỗ này gần kề đảng giặc, ở lại không tiện, hãy tạm vào Nam Ninh nghỉ ngơi để chờ thánh chỉ cũng được.

Vua Lê nghe lời. Nghị bèn cùng bọn tướng tá thu nhặt tàn quân kéo về.

Vua lại sai bọn Quýnh, Hiến ở lại để ngầm chiêu dụ những người trung nghĩa ở trong nước. Còn vua thì cùng viên Phụ đạo[2] Cao Bằng là Địch Quận công Hoàng Ích Hiển, viên Trấn thủ Kinh Bắc người làng Nộn Liễu, huyện Nam Đường là Lê Hân, viên Đề lĩnh bốn thành người huyện Thi Trì, trấn Sơn Nam là Phạm Như Tùng, viên Phó đề lĩnh người làng Thanh Tuyền, huyện Nam Đường là Nguyễn Viết Triệu, viên Thư tri công tượng chính người làng Nghĩa Động, huyện Nam Đường là Lê Văn Trương, viên Hiệp lý quân vụ, người làng Quỳnh Côi, huyện Nam Đường là Phạm Trần Thiệu, người bà con bên vợ ở làng Tỳ Bà, huyện Lang Tài là Nguyễn Quốc Đống, viên Chưởng tứ bảo người làng Đồng Bảng trấn

(1) Lối xưng nhún mình của các vua chúa đời xưa.

(2) Tên gọi chức tù trưởng ở ngoại phiên.

Thanh Hoa là Lê Quý Thích, cùng đưa Thái hậu theo Nghị sang Trung Quốc.

Thực là:

Bờ cõi chưa xong bề tính liệu.
Nước non buồn nỗi lúc chia ly.

Chưa biết việc ấy ra sao! Hãy chờ hồi sau phân giải.

HỒI THỨ MƯỜI LĂM

Dẹp yên cõi Bắc, Nguyễn Huệ được phong
Đánh phá Cao Bằng, Duy Chi bị hại.

Lại nói, khi Tôn Sĩ Nghị chạy trốn về nước, trong lúc vội vàng, không kịp thu nhặt đồ đạc. Đến khi tới huyện Phượng Nhãn lại nghe nói tướng Tây Sơn là Đắc Lộc hầu đem quân từ mặt Đông kéo lên chặn đường, đã gần tới nơi. Nghị lại bị một phen khủng khiếp, các vật cần thiết mang theo, đều phải vứt bừa ra giữa đường để mong chạy thoát lấy thân mình. Cho nên những vật của vua Thanh ban cho như sắc thư, kỳ bài, quân ấn đều bị quân Tây Sơn bắt được đem về.

Nguyên mùa đông năm ngoái, theo lời xin của Nghị, vua Thanh đã truyền cho Nghị đem quân ra ngoài cửa ải Nam Quan. Sau đó, vua Thanh lại có chỉ dụ bảo Nghị đi từ từ, chớ có vội; hãy làm tờ hịch đưa sang trước làm thanh viện cho nhà Lê, rồi thả bọn bầy tôi nhà Lê về nước, tập hợp nghĩa binh, tìm tự tôn họ Lê, để cho ra mặt đối địch với Nguyễn Quang Trung, thử xem sự thể ra sao? Nếu như lòng người An Nam còn mến nhà Lê, lại được thiên binh kéo sang, thì ai chẳng hăng hái nổi lên, và như vậy Quang Trung ắt phải lui tránh. Bấy giờ sẽ bảo tự tôn họ Lê đi tiên phong đuổi đánh, còn Nghị thì đem đại binh tiếp theo, chắc là không khó nhọc

gì mà sẽ thành công. Đó là chước hay thứ nhất. Nếu như người trong nước, nửa theo đằng nọ, nửa theo đằng kia, thì Quang Trung nhất định sẽ không chịu lui. Khi ấy, cần phải viết thư nói rõ hoạ phúc, xem hắn đối phó ra sao? Rồi chờ cho thuỷ quân các tỉnh Mân, Quảng[1] của ta vượt biển đánh trước vào Thuận, Quảng[2] bấy giờ sẽ thúc quân tiến lên. Quang Trung mặt trước mặt sau đều bị đánh, tất phải hàng phục. Ta nhân đó mà bảo tồn cho cả hai. Thuận, Quảng về nam cho Quang Trung; ở Hoan, Ái[3] về Bắc, phong cho tự tôn họ Lê. Rồi đó đóng đại binh ở nước ấy, xa xa kiềm chế họ, sau này sẽ có cách xử trí khác.

Đến khi đại quân của Nghị ra khỏi cửa ải Nam Quan nghe tin quân Tây Sơn đã lui chạy, tức thì Nghị sai chỉnh đốn đội ngũ, kéo thẳng đến đóng ở thành Thăng Long, không còn lo lắng gì cả, vì thế mới thua một trận tan tành.

Bấy giờ dân Thanh thái bình đã lâu, không biết gì đến việc binh, thấy Nghị tất tả chạy về, nhân tình đều nhốn nháo sợ hãi. Tiếp đó lại nghe tin quân Tây Sơn đuổi đến Lạng Sơn, nói phao lên rằng:

- Sẽ giết hết rợ Hung Nô.

Do đó, ở đất Trung Quốc, dân chúng lại càng nhốn nháo. Từ cửa ải Nam Quan trở về bắc, trai gái già trẻ bồng bế dắt díu nhau chạy trốn, suốt vài trăm dặm, lặng ngắt không còn bóng người.

Vua Thanh được tin, giận lắm, lập tức hạ chỉ, sai viên quan ở Nội các là Phúc Khang An làm Tổng đốc Lưỡng Quảng, đem binh mã chín tỉnh sang kinh lý việc An Nam và đòi Sĩ Nghị về Kinh chịu tội.

---

(1) Phúc Kiến và Quảng Đông, Quảng Tây.

(2) Thuận Hoá và Quảng Nam.

(3) Nghệ An, Thanh Hoá.

Lại nói, Nghị ở Thăng Long chạy đi, nhằm đêm mồng 5 tháng giêng. Đến trưa hôm ấy, vua Quang Trung tiến quân vào thành.

Sau khi đã hoàn toàn quét sạch quân Thanh, vua Quang Trung bèn đóng quân tại thành Thăng Long, rồi hạ lệnh chiêu an. Phàm những người Thanh trốn ở các nơi, đều phải tới đầu thú, dân gian không được chứa chấp. Trong khoảng mười ngày, quân Thanh ra thú có đến hơn vài vạn, đều được cấp phát lương ăn áo mặc.

Nhân bắt được chiếu thư và quân ấn do Sĩ Nghị bỏ rơi, vua Quang Trung bèn đưa cho Ngô Thì Nhậm xem và bảo:

- Ta xem tờ chiếu của vua Thanh, thì chẳng qua họ cũng chỉ cốt xem tình hình ta mạnh yếu ra sao để mà định bề tiến lui, chớ còn việc nghĩa cử để dựng lại nhà Lê, không phải là bản tâm của họ. Họ chỉ mượn tiếng để mưu đồ lợi riêng mà thôi. Nay họ bị ta đánh thua, nhịn thì thẹn, báo thù thì khó. Vậy những tàn quân ta bắt được, đều nên cấp lương và đưa hết lên cửa ải. Ngươi vốn giỏi về nghề văn từ đối đáp, nên thảo ngay bức thư đưa sang cho họ, đại khái nói:

"Ta là nước nhỏ, một lòng kính thuận, sợ mệnh trời, thờ nước lớn, sao dám có ý gì khác. Trước đã có biểu văn đệ sang, bị ngài Tổng đốc họ Tôn dìm đi, không thấu đến bề trên được. Gần đây, ta từ miền nam tới, vốn là muốn biện bạch lòng thật thà với ngài Tổng đốc họ Tôn. Không ngờ đường sá đồn nhảm, làm to thanh thế của ta, khiến cho mọi người nghi ngờ sợ hãi bỏ đội ngũ mà chạy trước, để đến nỗi cầu phao bị đứt, quân lính thiên triều phải chết đuối, những kẻ tranh đường chạy trốn lại giày xéo lẫn nhau nhiều người bị chết. Đó thật là do ngài Tổng đốc họ Tôn gây nên, không phải là tội của nước nhỏ dám giao chiến. Hiện nay đã thu góp được số tàn

quân hơn một vạn người, lại đã tra rõ họ tên, quê quán, cấp lương đầy đủ và đưa lên cửa ải; vậy xin kê sổ dâng nộp...".

Thì Nhậm vâng lệnh, lập tức theo ý đó thảo một bức thư, rồi sai người phi ngựa giao cho viên đầu mục ở Lạng Sơn đưa tới ải Nam Quan nhờ chuyển đệ sang Trung Quốc.

Lại nói, viên Tổng đốc Lưỡng Quảng mới là Phúc Khang An vốn là người Mãn, thuộc đội Cờ viền vàng[1] do chân ấm sinh làm đến chức quan trong Nội các, vua Thanh vốn rất tin dùng, nên mới giao cho kinh lý việc nước Nam.

Vừa mới thay Nghị làm chức Tổng đốc, Khang An đi trạm đến mạc phủ Quảng Tây, đã chính mắt thấy Nghị trơ trọi một thân chạy về, rồi đó, tai lại được nghe thanh thế của vua Quang Trung, nên trong bụng không khỏi rụt rè lo sợ. Đến khi tiếp được bức thư từ biên cương đưa tới, Khang An quyết liều tự mình gánh vác lấy việc phương Nam, bèn nói kín với viên Phân phủ họ Vương ở phủ Thái Bình rằng:

- Nam Bắc thôi việc binh đao, đó là phúc của sinh dân,mà thực là điều may lớn cho các quan ở ngoài bờ cõi. Ta nghe nói có viên quan coi giấy tờ của nước Nam tên là Ngô Thì Nhậm, bao nhiêu thư từ từ trước đến giờ đều do tay y mà ra. Vậy ông nên viết thư trả lời, bảo y chuyên tâm chủ trương việc giảng hoà, gấp rút viết tờ biểu tạ tội đưa sang, ta sẽ ở trong giúp đỡ cho, việc ấy thế nào cũng xong.

Phân phủ họ Vương lui ra, tức thì viết thư cho Ngô Thì Nhậm, Nhậm đem việc ấy tâu với vua Quang Trung.

---

(1) Hộ khẩu của dân Mãn chia theo binh chế, gồm có tám đội Cờ (bát kỳ): Cờ vàng, Cờ trắng, Cờ đỏ, Cờ xanh, Cờ viền vàng, Cờ viền trắng, Cờ viền đỏ, Cờ viền xanh. Các đội Cờ này lúc thường thì làm dân, lúc động thì làm lính. Về sau, khi người Mông, người Hán quy phục nhà Thanh, vua Thanh Thái Tông cũng tổ chức ra bát kỳ người Mông hoặc bát kỳ người Hán như vậy, để làm lực lượng nòng cốt trong việc thống nhất Trung Quốc.

Bấy giờ, vua Quang Trung tuy đã dẹp yên Bắc Hà, nhưng ở miền Nam, vẫn có cái lo bên trong, nên muốn gấp rút về Nam, bèn họp các tướng sĩ lại mà bảo:

- Việc binh ở Bắc Hà, ta giao cho Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân. Việc giao thiệp với Trung Quốc ta giao cho Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích. Mọi việc đều cho phép các ngươi tuỳ tiện xử trí. Ta hãy về Nam, nếu việc gì không quan hệ lắm thì bất tất phải qua lại bẩm báo cho thêm phiền phức.

Rồi đó, vua Quang Trung dẫn quân về Nam, để Văn Sở lại, coi giữ hết thảy việc quân, việc nước. Còn Ngô Thì Nhậm thì làm chủ về việc giao thiệp với Trung Quốc, cùng với viên quan giữ biên ải của nhà Thanh là Phân phủ họ Vương hai bên liên lạc với nhau, ngoài thì có Phúc Khang An để đạt ý kiến, trong thì có đại thần Hoà Khôn chủ trương mọi việc.

Hoà Khôn người Mãn Châu, thuộc đội Cờ Vàng, cũng do chân ấm sinh vào làm ở Nội các, cùng với Khang An quản lý việc hộ.

Khang An gửi thư cho Thì Nhậm, bảo Nhậm đưa vàng bạc đút lót Khôn. Khôn liền tâu với vua Thanh xin bãi việc binh, phong vương cho Quang Trung, và không nên gây hấn với nước ngoài, làm hao phí cho Trung Quốc,

Khôn lại nói:

- Từ xưa đến nay, chưa có đời nào làm nên công trạng ở cõi Nam. Nhà Tống rồi nhà Nguyên, nhà Minh, rốt cuộc đều bị thua trận, gương ấy hãy còn rành rành.

Vua Thanh cho là phải, bèn quyết ý giảng hoà. Bọn Hoà Khôn đón ý vua Thanh làm cho mọi việc đều ăn khớp, nên không việc gì là không vừa lòng nhà vua. Bởi vậy, vua Thanh rất thích, thường viết thư khen ngợi họ.

Khi ấy Khang An liền báo tin cho Thì Nhậm biết, giục

Nhậm viết tờ biểu tạ ơn. Nhậm thảo một tờ biểu, trong đó nói kèm thêm rằng: "Nước chúng tôi đã đến kỳ tiến cống, theo lệ phải kính sai bồi thần đệ dâng lễ vật. Nhưng tiểu phiên[1] còn là tạm quyền việc nước, không dám tự ý làm việc ấy, vì sợ chưa hợp lệ. Mà nếu điềm nhiên bỏ đi lòng cũng không yên. Nay các vật phẩm tiến cống và các người bồi thần đều đã kính cẩn đợi sẵn trên cửa ải. Vậy xin cúi mong bề trên quyết định, chúng tôi khôn xiết run sợ chờ lệnh".

Khang An tiếp được tờ biểu tạ ơn ấy, lập tức sai ngựa trạm đệ về Yên Kinh, Hoà Khôn liền đem biểu dâng lên. Vua Thanh xem xong, thích lắm, bèn truyền cho các bồi thần nước Nam là bọn Võ Huy Tấn, Ngô Vi Quý, Nguyễn Đình Cử được phép qua cửa ải, vào chờ ở thành Quế Lâm, lại sai sứ thần sang phong cho vua Quang Trung làm An Nam quốc vương và ban thưởng cho rất hậu. Còn các phẩm vật tiến cống đều chiếu lệ cũ mà thu nhận. Liền đó, vua Thanh lại giáng chỉ vời vua An Nam sang chầu.

Ngô Thì Nhậm bèn kén viên quan võ người làng Mạc Điền, huyện Nam Đường ở trấn Nghệ An, tên là Nguyễn Quang Thực[2], dung mạo đoan trang, giả làm quốc vương; lấy Văn Sở làm trọng thần hàng võ, Huy Ích làm trọng thần hàng văn, Đô đốc Nguyễn Duật làm hộ vệ, Võ Huy Tấn làm bề tôi coi giấy tờ, cùng hầu "quốc vương" sang yết kiến vua Thanh. Ngoài lễ dâng thường của địa phương lại dâng thêm hai thớt voi đực. Dọc đường người Thanh phải phục dịch chuyển vận rất khó nhọc. Trong ngoài ai cũng biết là giả dối, mà không ai dám nói.

---

(1) Tiểu phiên: nước phiên thuộc nhỏ mọn, ở đây là một cách nói nhún để chỉ vua Quang Trung.

(2) *Đại Nam chính biên liệt truyện* sơ tập lại chép là Phạm Công Trị, cháu gọi Nguyễn Huệ bằng cậu.

Khi "quốc vương" tới Yên Kinh, vua Thanh mừng lắm, không hề biết đó là vua Quang Trung giả. Lúc "quốc vương" vào yết kiến, vua Thanh cho cùng ăn yến với các vị thân vương, lại ban ơn đặc biệt cho làm lễ ôm gối hệt như tình cha con trong nhà. Lúc "quốc vương" lạy tạ về nước, vua Thanh sai thợ vẽ truyền thần bức chân dung mà ban cho, ân lễ rất trọng hậu, thực là một cách đối đãi khác thường từ ngàn xưa hiếm có.

Lại nói, vua Lê khi ở cửa ải Nam Quan theo Sĩ Nghị vào đất Trung Quốc, trú ngự ở thành Nam Ninh, thì vừa gặp lúc Phúc Khang An đến thay Sĩ Nghị, và mưu đồ giảng hoà với Tây Sơn, Khang An bèn đón vua Lê vào nghỉ ở thành phủ Quế Lâm. Hồi ấy những người nước Nam lần lượt sang Trung Quốc theo vua Lê gồm có: Chú vua là Trung Quận công Duy Án, đi đường Du Quan[1]: Đinh Nhạ Hành và Đinh Lệnh Dận quê ở Hàm Giang, đi đường Long Môn, Nội hàn Trần Duy Lâm, quê ở Nam Chân, Xuất nạp Lê Doãn, Quản cơ Hậu Kính Lê Dĩnh người ở Đồng Trạch và bọn Phan Khải Đức người Nghệ An đều đi đường ải Nam Quan, bọn Bế Nguyễn Cung, Bế Nguyễn Doãn là Phụ đạo ở Cao Bằng đi đường Cao Bằng. Lúc họ vừa ra mắt, Khang An tuỳ tiện sắp đặt chỗ ở và cấp cho lương ăn áo mặc, rồi dùng Phan Khải Đức làm chức Đô ty ở Liễu Châu, Đinh Nhạ Hành làm chức Thủ vị ở Toàn Châu, Bế Nguyễn Doãn làm chức Bả tổng. Còn Trung Quận công cùng các người khác thì đều đưa vào ở chỗ vua Lê trong phủ Quế Lâm.

Sau hơn một tháng, Khang An cũng từ Nam Ninh về

(1) Ở hồi 9 chép Duy Án đi cùng với phái bộ Trần Công Xán vào Tây Sơn đòi đất Nghệ An, sau phái bộ bị đìm chết ở ngoài biển. Đây lại thấy Duy Án xuất hiện, không hiểu là chép lầm hay Án còn sống sót mà người chép không ghi rõ chăng?

Quế Lâm, liền hạ lệnh bãi hết binh mã các tỉnh, rồi bày ra yến tiệc và âm nhạc linh đình, rộn rã. Vua Lê lấy làm lạ mà hỏi, thì Khang An nói:

- Mùa hè nóng nực, không lợi cho việc sang đánh miền Nam, cần chờ đến mùa thu mát mẻ, sẽ điều động một thể.

Tiếp đó, Khang An lại mời vua Lê yến tiệc say sưa, rồi ung dung nói:

- Ngày xuất quân không còn xa, vương nên tự mình đem tả hữu liêu thuộc làm quân dẫn đường đi trước. Nhưng bây giờ nên gọt đầu gióc tóc[1], thay đổi quần áo giống như người Trung Quốc, để khi về Nam quân giặc không thể phân biệt được, thì công lớn mới có thể thành. Sau khi khôi phục nước nhà, bấy giờ sẽ lại theo tục cũ. " Việc binh không ngại dùng cách xảo trá" vương nên nghĩ tới chỗ đó.

Vua Lê cho là phải và đáp:

- Chúng tôi giữ được nước nhà, may nhờ thiên triều cứu viện dù cả nước phải ăn mặc như người Trung Quốc, cũng xin vâng lệnh. Việc ấy còn có tiếc gì?

Rồi vua Lê cùng các bề tôi đều gióc tóc, thay đổi đồ mặc Khang An thấy vậy, mừng lắm liền cho một số tiền bạc và tiếp đãi tử tế. Vua tôi nhà Lê đều không biết sự lừa dối của Khang An. Nhân đó, Khang An bèn làm một tờ biểu kín tâu với vua Thanh, trong đó đại ý nói: "Vua An Nam là Lê Duy Kỳ, không còn có ý cầu viện, vua tôi đều đã gióc tóc đổi đồ mặc, xin ở lại yên ổn trong đất Trung Quốc. Vậy xin bãi bỏ các đạo quân định đưa sang đánh dẹp Phương Nam". Còn Hoà Khôn cũng luôn dịp tâu xin phong vương cho vua Quang Trung. Thế là các lời ấy đều được vua Thanh chuẩn y.

---

(1) Kiểu đầu của người Mãn Thanh: gọt tròn chung quanh như cái nồi đất, rồi tết đuôi sam ở đằng sau.

Một hôm, Khang An lại mời vua Lê vào dinh. Giáo mác trang hoàng la liệt, quân hầu đứng khắp chung quanh, cung mã nghi trượng rất là nghiêm chỉnh, chính giữa dựng cây cờ lớn, có thêu sáu chữ "Đề Đốc cửu tỉnh binh mã"[1].

Sau khi uống trà ăn hoa quả xong. An im lặng không nói câu gì vua Lê cũng không hiểu ý của An ra sao. Lúc từ giã đi ra, thì thấy sứ giả Tây Sơn đã ở ngoài cửa. Vua tức tối hồi lâu, rồi đành phải về quán trọ yên nghỉ.

Trước kia Trường Phái hầu là Lê Quýnh vâng mệnh ở lại trong nước, chiêu dụ hào kiệt các địa phương để lo việc khôi phục. Lúc này, Quýnh và bọn Trịnh Hiến, Lý Tạo, Lê Hợp[2] tất cả gồm vài chục người đều kéo sang đất Trung Quốc, Khang An cho trát đòi bọn Quýnh đến bàn việc nước. Lúc họ tới nơi, An chẳng hỏi han gì, chỉ bàn về việc gọt đầu gióc tóc và đổi đồ mặc mà thôi.

Quýnh biết An dối trá, giận lắm nói:

- Đòi ta đến ngỡ là để giáp mặt mà bàn bạc, nay té ra lại chẳng bàn bạc gì, mà chỉ toàn bảo gọt đầu gióc tóc và đổi đồ mặc. Chúng ta đây, đầu có thể chặt, tóc không thể cắt da có thể lột, đồ mặc không thể đổi!

Khang An biết là không thể ép buộc được, bèn sai đem bọn họ an trí ở tỉnh Quảng Tây.

Hồi cuối mùa đông năm ấy là năm Kỷ Dậu (1789), vua Thanh sau khi đã sai sứ phong cho vua Quang Trung làm An Nam quốc vương và nhận các vật phẩm tiến cống, liền giáng chỉ đòi vua cũ của nước An Nam phải đến Yên Kinh.

Nguyên lúc Kinh thành Thăng Long tan vỡ, vua Lê chạy sang Bắc, em thứ ba của vua Lê là Lan Quận công Duy Chi

---

(1) Đề đốc binh mã chín tỉnh.

(2) Có bản chép là Lý Nhu Đạo, Lê Doãn Thực.

đưa hoàng phi chạy ra đến bến sông Nhĩ Hà thì gặp lúc cầu phao đã đứt, liền theo bờ sông chạy về phía tây. Đến Tuyên Quang, Duy Chi bèn lén lút ở đây, rồi nhân dịp chiêu dụ các tay hào mục địa phương, để cùng nhau gắng sức lo việc khôi phục. Về sau, Duy Chi dấy quân ở đất Bảo Lạc[1], đắp đồn luỹ, trưng thu lương thực, chống nhau với quân Tây Sơn. Được vài tháng, quân và lương không đủ, bị quân Tây Sơn đánh thua, Duy Chi và các tướng tá đều bị bắt đóng cũi đưa về Nam, rồi đều bị hại[2]. Quân dân cả nước, ai cũng thương xót. Có người viếng bài thơ, trong có câu rằng:

Phú Xuân có đất chôn hờn mới.
Bảo Lạc không trời báo oán xưa.

Duy Chi đã chết, hoàng phi bèn trốn về vùng Kinh Bắc lén lút trong dân gian, quân Tây Sơn tìm bắt nhưng không được.

Lúc bấy giờ vua Lê ở Yên Kinh, tin tức không thông, các hoàng thân đều bị quân Tây Sơn giết hại. Các bề tôi trung nghĩa ngày xưa như Bình phương Nguyễn Huy Túc, Tham tri Phạm Đình Dữ, Thượng thư bộ Binh Nguyễn Đình Giản, Thiêm thư Xu mật viện sự Lê Ban, Phó đô ngự sử Trần Danh Án, Trấn thủ Kinh Bắc Trần Quang Châu đều phải trốn nấp ở các nơi thôn ổ, quân Tây Sơn lùng bắt không được. Còn con cháu dòng dõi của các nhà quyền quý phần nhiều vẫn có cảm tình với chủ nhà. Nên chi, trong chốn làng quê, tiếng trống thường nổi lên luôn luôn.

---

(1) Nay thuộc Cao Bằng.

(2) Theo *Đại Nam chính biên liệt truyện* và *Bang giao lục* thì Duy Chi đánh phá cả các vùng Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên; sau lại liên kết với Lào để định đánh úp Nghệ An. Vì thế, quân Tây Sơn phải đánh dẹp rất gay go, kéo dài hàng năm (1789-1790) mới bắt được Chi.

Nguyễn Đình Giản, từ khi vua Lê chạy sang Trung Quốc, không kịp chạy theo, bèn ẩn ở huyện Lập Thạch thuộc trấn Sơn Tây[1].

Vua Quang Trung cho người đến trấn Thanh Hoa, bắt con gái yêu của Giản đưa vào hậu cung muốn để vời Giản ra làm quan. Nhưng Giản nói:

- Con bé ấy không chết, làm nhục nhà ta, ta không vì tình nhi nữ mà bỏ nghĩa vua tôi.

Quân Tây Sơn biết không thể đoạt nổi chí hướng của Giản, bèn lập mưu bắt sống Giản về. Giản không chịu khuất rồi chết. Giản có làm bài thơ tự thuật như sau:

Vị thân hay vị nước nhà,
Thân còn nước mất biết là làm sao
Đội non khôn hoá thân ngao[2]
Dễ đem mình cuốc khóc gào núi sông[3]
Giận không Vương Xúc gươm chung[4]
Đọc ca chính khí dãi lòng sắt đanh[5]
Ngoảnh nhìn cung khuyết Long thành,
Thân này với nước nhục vinh nỡ rời!

Lê Ban khôi ngô, hùng dũng, sức khoẻ hơn người, mỗi bữa ăn gấp mấy chục người. Sau khi vua Lê bị nạn, Ban thường quanh quẩn bên cạnh không từ hiểm nghèo. Đến khi

---

(1) Nay thuộc Vĩnh Phú.

(2) *Sách Liệt tử chép*: ở biển Đông có năm hòn núi nổi lênh đênh trên mặt nước trời sai 15 con ngao đỡ cho núi đứng vững. Đây mượn ý để nói việc chống đỡ quốc gia.

(3) Xưa vua Thục là Đỗ Vũ mất nước, sau khi chết hoá thành con cuốc tiếng kêu ai oán.

(4) Vương Xúc làm quan nước Tề thời Chiến quốc, sau Tề bị nước Yên chiếm, Vương Xúc dùng gươm tự tử.

(5) *Chính khí ca* của Văn Thiên Tường, một trung thần đời Tống, làm khi bị giam ở Yên Kinh.

vua Lê chạy sang Trung Quốc, Ban theo không kịp, bèn đi đường tắt về quê ở Nghệ An, cùng các hào mục địa phương họp quân đánh nhau với Tây Sơn, bị thua mấy trận rồi bị bắt. Ban giữ vững chí cũ, không chịu khuất phục. Quân Tây Sơn bèn thả cho về. Sau Ban chết ở Thăng Long.

Trần Danh Án lưu lạc ở miền rừng núi, thôn quê trong xứ Bắc Giang. Vua Quang Trung sai Ngô Thì Nhậm viết thư vời Án, Án cố từ, thề chết không chịu ra, lời lẽ phần nhiều gay gắt. Nhân dịp, Án lại làm bài thơ trả lời Nhậm như sau:

Gặp bác đời này dễ mấy lần.
Dung nhan phảng phất mộng luôn gần,
Về ai nước ấy thôi đành kệ,
Nương trọ, đời này chỉ biết thân,
Song bắc giấu mình còn nhớ Tấn[1]
Biển đông thà chết chẳng theo Tần[2]
Người sau bên mộ giơ tay trỏ:
Tiến sĩ đời Lê cũ, họ Trần.

Nhậm biết không thể khuất phục được Án, bèn ngầm sai người đem quân đến hăm doạ. Nhưng Án vẫn ngồi làm thơ, thần sắc như thường, trong thơ có câu rằng:

---

(1) Điển *Song bắc* trỏ Đào Tiềm người đời Tấn, vì khi Đào Tiềm cáo quan về nhà, trong một lá thư gửi cho bạn, ông có viết câu "Bắc song cao ngoạ..." (nằm hóng mát dưới cửa sổ phía bắc) để nói về cái thú ở ẩn, Đào Tiềm là tôi cũ của nhà Tấn, khi Tống cướp nước Tấn, Đào Tiềm viết lách gì cũng vẫn đề niên hiệu của nhà Tấn để tỏ lòng trung nghĩa.

(2) Điển *Biển Đông* trỏ Lỗ Trọng Liên người nước Tề đời Chiến quốc: Khi Lỗ Trọng Liên sang chơi nước Triệu, gặp lúc nước Tần vây Triệu rất gấp; bấy giờ có sứ nước Ngụy sang Triệu bàn nên tôn Tần làm Hoàng đế thì sẽ khỏi bị vây. Trọng Liên nghe nói, không bằng lòng, gặp sứ Ngụy bàn lẽ phải trái và nói: Nếu Tần xưng đế thì Liên này thà nhảy xuống biển Đông mà chết chứ không chịu làm tôi tớ cho Tần.. Lời nói khẳng khái ấy của Trọng Liên, quả nhiên đã làm cho quân Tần phải rút lui, không vây Triệu nữa.

Kiếp này dẫu béo mồm hùm sói.
Thà chết không làm bụng chó heo!

Quân Tây Sơn lại dỗ cho làm quan to, cuối cùng Án vẫn không theo họ, bèn thôi.

Trần Quang Châu cùng bọn bộ tướng, nhóm quân đánh lại Tây Sơn ngang dọc trong hai trấn Đông, Bắc[1]. Khoảng bốn năm năm liền, luôn luôn phá vỡ đồn luỹ và giết được rất nhiều tướng tá của Tây Sơn, khiến cho quân Tây Sơn cũng phải khiếp sợ Châu. Sau mắc mưu gian, Châu bị quân Tây Sơn bắt sống. Châu cũng không chịu khuất phục, rồi chết[2].

Từ đó trở đi, các trấn yên đặng, không phải lo sợ về nạn binh hoả nữa.

Sau khi nhận sắc phong của vua Thanh, vua Quang Trung bèn tự coi mình như Hoàng đế, lập con cả là Quang Toản làm Thái tử, con thứ hai là Quang Thuỳ làm Khang công, lĩnh chức Tiết chế các quân thuỷ bộ miền Bắc, con thứ ba là Quang Bàn làm Tuyên công lĩnh chức Đốc trấn Thanh Hoa, tổng lý mọi việc quân, dân. Các trấn đều đặt một viên Trấn thủ, một viên Hiệp trấn. Mỗi huyện đặt một viên Phân tri và hai viên Tả hữu quản lý để trưng thu binh lương và xử lý việc kiện cáo. Lại lập ra binh chế, chia ra các cấp quan võ; lấy đạo thống lĩnh các cơ, lấy cơ thống lĩnh các đội, để quản thúc và luyện tập cho quân lính.

Các trấn từ sông Gianh ra Bắc đều phải kê khai sổ đinh, chiếu theo lệ cũ kén lính và thu các thứ thuế dung[3], thuế cước. Lập sổ ruộng, định lệ thóc thuế. Chia ruộng công,

---

(1) Hải Dương và Kinh Bắc.

(2) Theo các tài liệu lịch sử. thì những cuộc chống đối của đám cựu thần nhà Lê bấy giờ còn có: Dương Đình Tuấn (Bắc Giang), Nguyễn Phủ (Bắc Ninh). Phạm Đình Đạt (Bắc Ninh). Nhưng cuối cùng cũng đều bị Tây Sơn dẹp tan.

(3) Thuế dung tức thuế thân, do Trịnh Cương đặt ra.

ruộng tư ra làm ba bậc để thu thuế. Vua Quang Trung cho rằng Nghệ An ở vào chính giữa nước, đường sá từ Nam ra Bắc đều vừa bằng nhau, quê tổ tiên mình cũng ở đấy, bèn sai trưng dụng rất nhiều thợ thuyền, chuyên chở gỗ, đá, gạch ngói, để xây dựng cung phủ, lâu dài. Đắp thành đất chung quanh và sai các quân lính đào đá ong ở địa phương để xây thành trong, dựng toà lầu Rồng ba tầng cùng điện Thái hoà hai dãy hành lang, để phòng dùng đến trong những khi có lễ triều hạ[1]. Thành này được gọi là Phượng Hoàng trung đô Trung kinh Phượng Hoàng thành[2].

Năm Canh Tuất (1790), nước Ai Lao chưa chịu tiến cống. Vua Quang Trung bèn sai viên Đốc trấn Nghệ An là Nguyễn Quang Diệu[3] làm chức Đại tổng quản, viên Đô đốc lính tượng chính là Lê Văn Trung làm chức Đại tư lệnh xuất quân tiến đánh.

Quân Tây Sơn đến đô thành nước Ai Lao, vua Ai Lao chống cự không nổi, đem quân chạy trốn. Bọn Diệu vào thành, thu hết vàng bạc, châu báu voi ngựa đem về.

Sau khi được vua Thanh phong vương, vua Quang Trung càng thêm kiêu căng, có ý xem khinh Trung Quốc. Vừa lúc

---

(1) Các quan vào chầu và chúc mừng nhà vua.

(2) Thành này Quang Trung định lập làm nơi đóng đô nên mới gọi là "Trung đô" hoặc "Trung kinh", còn tên "Phượng Hoàng" là gọi theo tên ngọn núi ở chỗ xây dựng thành, tức rú Quyết cạnh đường Bến Thuỷ bây giờ. Khi xây dựng "Phượng Hoàng trung đô", Quang Trung có viết chiếu mời Nguyễn Thiếp ra xem đất. Trong tờ chiếu có đoạn viết như sau: "Nay kinh Phú Xuân thì hình thế cách trở, ở xa trị Bắc Hà, sự thể rất khó khăn. Theo đình thần nghị rằng, chỉ đóng đô ở Nghệ An là độ đường vừa cân, vừa có thể khống chế được trong Nam, ngoài Bắc, và sẽ làm cho người tứ phương đến kêu kiện, tiện việc đi về". Xem thêm chi tiết trong *La Sơn phu tử* của Hoàng Xuân Hãn.

(3) Có sách chép Trần Quang Diệu. Việc Quang Trung đánh Lào, thực ra không phải nhằm âm mưu chiếm đất, mà chỉ cốt phá tan âm mưu cấu kết giữa Duy Chi và vua Lào.

ấy, có giặc Tàu ô ở Lưỡng Quảng cướp bóc miền ven biển, quân Thanh đuổi đánh, bọn giặc liền chạy xuống vùng Nam Hải và quy phục nước Nam. Vua Quang Trung bèn cho bọn đầu mục của chúng đều làm chức Thống binh, đồng thời lại sai chúng trở lại cướp bóc quấy nhiễu miền duyên hải của Trung Quốc. Từ đấy các thuyền buôn bán không thể qua lại, giá cả hàng hoá cao vòn vọt. Vua Quang Trung lại dung nạp cả bọn giặc Tàu ô[1] ở Tứ Xuyên gọi là "Thiên địa hội"[2]. Tổng đốc nhà Thanh bấy giờ sợ sức mạnh của Nam nên cũng không dám hỏi chi đến.

Qua những việc đó, vua Quang Trung càng cho người Thanh là dễ đánh, nên tính việc kén chọn quân lính, dành dụm lương thực, đóng tàu biển thật lớn, có thể chở nổi voi, rồi cùng các quan văn võ ngấm ngầm để ý dòm ngó Trung Quốc.

Thật là:

Cõi Bắc vừa xong trường chiến đấu,
Ải Nam lại nảy dạ anh hùng.

Chưa biết việc ấy ra sao? Chờ xem hồi sau phân giải.

---

(1) Tàu ô là tên gọi chung bọn giặc biển người Trung Hoa bấy giờ, thường đi tàu thuyền ven biển Việt Nam để ăn cướp.

(2) "Thiên địa hội" không phải là giặc Tàu ô, mà là một tổ chức bí mật của nhân dân Trung Quốc, nhằm lật đổ triều đình Mãn Thanh, thành lập năm 1764, lúc đầu trung tâm ở vùng Phúc Kiến, sau phát triển khắp nơi trong nước, thâm nhập cả vào các tầng lớp Hoa kiều ở ngoài nước.

HỒI THỨ MƯỜI SÁU

Tế Linh đường, sứ Thanh bị lừa,
Chết Yên Kinh, vua Lê nuốt hận.

Lại nói, vua Quang Trung toan lập mưu đánh Trung Quốc, đêm ngày bàn bạc với các tướng tá, họ đều nói:

- Nên kể số dân cho đúng để kén quân lính, đó là việc cần kíp ngày nay.

Vua Quang Trung lấy làm phải, bèn hạ lệnh cho các trấn phải đốc thúc các xã sửa lại sổ đinh, phát, "tín bài"[1] để thống kê dân chúng vào sổ, rồi cử người coi sóc xét hỏi. Tổng trưởng các huyện nhiều người vì cố tình giấu giếm mà bị chém. Việc đi lại trên đường, nhân dân đều lấy làm khổ. Viên Phân tri ở các huyện nhóm họp số dân đã ghi trong sổ lại, chiếu sổ cấp cho mỗi người một cái thẻ; giữa thẻ in bốn chữ triện "Thiên hạ đại tín"[2], bốn mép xung quanh thì viết họ tên quê quán của người có thẻ và in dấu ngón tay trỏ bên trái để làm bằng cứ. Mọi người đều phải đeo thẻ ấy, gặp khi xét hỏi thì đưa ra trình, đó gọi là " tín bài". Ai không có thẻ tức là dân lậu, sẽ bị bắt đem sung quân[3] và bắt tội các người tổng

(1) Thẻ làm tin.
(2) Niềm tin lớn của Thiên hạ.
(3) Bị đày đi các nơi biên giới xa xôi để làm lính thú.

trưởng, xã trưởng của họ.

Sổ đinh thành rồi, vẫn theo lệ ba đinh bắt một người lính. Lại sai các viên phân quản đem quân đến các xã vây bắt, tra xét. Vì thế, dân gian nhốn nháo, nhiều người lẩn trốn vào các khe núi.

Có người ở làng Ngọ Điền, huyện Thạch Hà, trấn Nghệ An tên là Trần Phương Bính[1] nguyên là con viên Tiến sĩ đời Lê xưa là Trần Danh Tố, không chịu đeo thẻ, Trấn thủ Nguyễn Diệu khen và tha cho không trị tội.

Bính là một người bản tính thông minh nhanh nhẹn, lại sẵn có khí tiết, thường làm thơ để tỏ chí của mình, có hai câu rằng:

Tìm gan chất chứa hờn trời đất,
Mặt mũi đành trơ với tháng ngày.

Về sau, các cống sĩ và các hào mục địa phương họp quân ở làng Nga Khê, huyện Thiên Lộc, định đánh úp thành Nghệ An. Họ bèn suy tôn Bính làm quân sư. Bọn lính kéo quân đến xã Bình Lãng, ven núi Hồng Lĩnh để đánh nhau cùng quân Tây Sơn. Bị thua trận, Bính liền trèo lên đỉnh núi cao nhất Hồng Lĩnh, tự tay đề một bài thơ vào vách chùa ở đó như sau:

Đền nước không còn chước,
Bên mình có mũi dao.
Ngoái cổ nhìn Hồng Lĩnh.
Chín mươi chín đỉnh cao.

Rồi Bính lấy dao đâm chọc vào bụng mà chết; quân dân nghe tin, ai cũng thương xót.

Lại nói, vua Quang Trung, sau khi quyết định việc đánh quân Trung Quốc, bèn sai bề tôi là Chiêu Viễn Võ Văn Dũng

(1) Nhiều sách chép là Trần Danh Bính.

sang nhà Thanh, dâng biểu cầu hôn và đòi lại đất hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây. Điều đó không phải là bản tâm của vua Quang Trung, chẳng qua chỉ muốn thử xem ý nhà Thanh ra sao mà thôi. Nhưng vừa lúc ấy thì vua Quang Trung bị bệnh rồi mất. Hôm đó nhằm ngay mùa thu, tháng tám năm Nhâm Tý[1], sau khi lên ngôi hoàng đế được 5 năm. Trước đó khi sứ nhà Thanh sang phong, vua Thanh có ban cho vua Quang Trung chiếc áo màu, trong thêu bảy chữ bằng kim tuyến: "xa tâm chiết trục đa điền thử"[2]. Bấy giờ không ai hiểu ra sao, thì ra đến lúc này mới nghiệm.

Sau khi vua Quang Trung mất, việc cầu hôn và việc đòi đất không thấu đến triều đình Trung Quốc, nên vua Thanh cũng không biết[3].

Tháng ấy con trưởng vua Quang Trung là Quang Toản theo di mệnh của vua cha, lên nối ngôi, đổi năm sau tức là năm Quý Sửu (1793) làm năm đầu niên hiệu Cảnh Thịnh, và truy tôn Vua Quang Trung làm Thái Tổ Vũ Hoàng Đế. Rồi đó,

---

(1) Về tháng vua Quang Trung mất, có một vài tài liệu viết là tháng 9. Nhưng theo sự chứng minh rất xác đáng của ông Hoàng Xuân Hãn (*La Sơn Phu tử*, tr.158-160), dựa vào sách *Đại Nam thực lục* và tài liệu của các giáo sĩ phương Tây đã chép lúc đương thời, thì vua Quang Trung đã mất vào ngày 29 tháng 7 năm Nhâm Tý (1792). Cũng theo ông Hoàng Xuân Hãn, thì việc *Hoàng Lê nhất thống chí* chép mất vào tháng 8 như ở đây cũng không hẳn là sai; vì theo sách lịch Tây đương thời, tháng 7 năm Nhâm Tý là tháng thiếu; ngày 29 lại là ngày cuối tháng, mà vua Quang Trung lại mất vào khoảng nửa đêm, như thế thì chép tháng 7 hay tháng 8 cũng chỉ chênh nhau chừng nửa giờ mà thôi.

(2) Câu này nghĩa đen là: "Bụng xe gẫy trục, nhiều chuột đồng". Theo Hán văn, chữ xa với chữ tâm hợp lại thành chữ *Huệ* tên vua Quang Trung. Chuột tức là *tý*, ý nói năm Tý vua Quang Trung chết.

(3) Theo gia phả họ Vũ (Vũ Văn Dũng) thì tờ biểu đã đệ lên vua Thanh, và đã được vua Thanh nhận lời gả công chúa cùng trả lại đất Quảng Đông. Sau nghe tin vua Quang Trung chết nên việc đó mới đình chỉ.

Quang Toản sai sứ thần sang Trung Quốc báo tang, đem dâng các sản vật địa phương và hai thớt voi đực, lại sắp xếp lễ cống hàng năm và làm tờ biểu xin phong vương, để hai sứ bộ cùng đi một lúc. Trong tờ biểu có nói: "Vâng lời dặn lại của vua cha, sau khi chết không đưa di hài về quê hương, mà chôn cất ở làng Linh Đường[1] phía ngoài kinh thành để tỏ lòng mến nhớ cửa khuyết".

Vua Thanh khen ngợi, tức thì sai sứ thần sang làm lễ tế Quang Toản bèn làm ngôi mộ giả ở làng Linh Đường để nhận lễ thăm viếng của nhà Thanh. Trong bài văn tế của nhà Thanh có câu: "Chức ngôi Nam cực, lòng trung đà tỏ trước sân triều, yên giấc Tây Hồ, trọn đời vẫn không quên cửa khuyết".

Vua Thanh lại ban cho Thuỵ hiệu là "Trung Thuần" và ban tặng một bài thơ, bảo khắc vào đá, dựng bên trái mồ vua Quang Trung để làm cho rõ sự vinh hiển.

Rồi đó, vua Thanh ban cho Quang Toản làm An Nam quốc vương.

Sau khi được phong, Quang Toản bãi lệnh đeo tín bài, triệu hồi các đạo quân đi bắt dân lậu, nghiêm cấm việc quấy nhiễu nhân dân, dùng cậu ruột là Bùi Đắc Tuyên làm chức Thái sư, coi tất cả mọi việc chính sự của triều đình.

Vì thấy Quang Toản còn nhỏ, Đắc Tuyên ra mặt chuyên quyền, tha hồ làm oai làm phúc, các quan văn võ đều nơm nớp kiêng sợ, mầm mống tai hoạ bắt đầu từ đấy.

Lại nói, vua Lê từ mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789) chạy sang đất Trung Hoa, trọ ở thành Quế Lâm.

Mùa đông năm ấy, vua Thanh nghe lời bàn của bọn Khang An, Hoà Khôn, phong vương cho Nguyễn Huệ, lại

(1) Thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.

giáng chỉ đòi vua Lê vào Yên Kinh. Mùa xuân Năm Canh Tuất (1790), vua Lê bắt đầu lên đường, tháng năm mùa hè năm ấy thì đến Yên Kinh. Các quan văn võ của nước ta trước sau sang đất Trung Quốc đều được lần lượt đi theo.

Vừa khi ấy vua Thanh đi tuần du, gặp bọn Lê Quýnh ở tỉnh Sơn Đông, bèn sai người gọi vào ra mắt và dụ rằng:

- Chủ các ngươi đã xin yên ổn ở lại Trung Quốc, lũ các ngươi dốc lòng theo thì nên lập tức gọt đầu gióc tóc, đổi đồ mặc để chờ mệnh lệnh.

Bọn Quýnh tâu rằng:

- Lũ tiểu thần từ xa xôi muôn dặm theo trốn sang đây xin cho được dùng phong tục bản xứ để ra mắt quốc vương rồi sau sẽ xin vâng chỉ.

Vua Thanh khen ngợi hồi lâu, rồi bảo họ đi thong thả lên Yên Kinh.

Lúc bấy giờ, vua Lê cùng Thái hậu và con đầu của vua trọ ở cửa Tây Định trong thành Yên Kinh, cạnh nhà Quốc tử Giám, trước cửa có biển đề: "Tây An Nam Doanh"[1]. Còn các bề tôi thì ở trong cửa Đông Trực, cạnh nhà Dương phố, ngoài cửa có biển đề "Đông An Nam Doanh" [2]. Tất cả bọn họ đều được nhà Thanh chiểu theo số người mà cấp phát cho lương ăn và cho phép tự do qua lại.

Một hôm, nghe tin vua Thanh sắp ra Nhiệt Hà tránh nắng, mờ sáng ngày mai thì lên đường. Nhân dịp đó vua Lê liền cùng các bề tôi thảo ra tờ biểu xin quân cứu viện, rồi nhờ vào viên Đô thống đội Cờ viền vàng tên là Kim Giản, để xin yết kiến vua Thanh.

---

(1) Dinh An Nam phía Tây.

(2) Dinh An Nam phía Đông.

Đến khi xe vua Thanh đi ra, vua Lê cùng các bề tôi đều quỳ xuống yết kiến ở mép đường bên trái. Xe vua Thanh dừng lại một chút, có viên thông ngôn bảo rằng:

- Hoàng đế có chỉ khen thưởng.

Rồi viên đó giục họ lạy tạ và trở về doanh. Lát sau, đã thấy Kim Giản vâng chỉ vua Thanh phong cho vua Lê chức Tá lãnh, đời đời nối chức và được lĩnh áo mũ tam phẩm.

Vua Lê bất đắc dĩ phải nhận vậy. Cách mấy hôm sau, lại thấy có viên quan ở nội phủ vâng chỉ vua Thanh đòi vua Lê vào sân điện, ban cho bốn trăm lạng bạc và sai người sắp sẵn cho các thứ đồ vật. Còn những bề tôi đi theo, đều được cấp mỗi người năm trăm đồng tiền. Các lễ mừng, lễ điếu ở trong nước, đều chiếu theo như thể lệ đã định cho những người thuộc tám hiệu cờ.

Năm ấy, vua Lê thấy người Thanh không thể tin cậy được bèn cùng bọn Phạm Như Tùng, Hoàng Ích Hiếu, Lê Hân, Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Viết Triệu, Lê Văn Trưởng, Lê Quý Thích và Nguyễn Đình Cẩm, người làng Hương Ngạnh, huyện Từ Liêm, Lê Tùng người làng Tây Đàm, Lê Thức người làng Đáp Cầu, huyện Hoằng Hoá cùng nhau uống máu ăn thề, rồi cùng thảo tờ biểu, xin quân cứu viện. Lại bàn nếu xin quân không được, thì sẽ xin đất cũ là hai châu Tuyên Quang, Hưng Hoá để thờ tổ tiên, hoặc là lẻn vào Gia Định để mưu đồ việc khôi phục, nhỡ có gặp sự bất trắc thì sống chết cũng liều.

Thảo xong tờ biểu, bọn họ đến báo trước cho Kim Giản biết, Kim Giản không tiếp. Vua tôi nhà Lê cùng rập đầu xuống đất và kêu thật to, Kim Giản bất đắc dĩ phải mời vào, pha trà thết đãi rồi bảo:

- Vương hãy cứ về quán trọ mà chờ, sẽ bàn bạc sau.

Được hơn một tháng, thấy có viên quan nhà Thanh tên là Khoa Lan tới báo với vua Lê rằng:

- Đã có chỉ truyền tạm cho vương vùng đất Khâm Châu[1]. Chờ đến năm sau vào dịp xuân hoa nở sẽ trở về nước cũng không muộn gì.

Vua tôi nhà Lê đều không tin.

Tháng ba, mùa xuân năm Tân Hợi (1791), Hoà Khôn lập mưu chia đám vua tôi nhà Lê ra mỗi người một nơi để họ khỏi kêu ca, bèn sai Khoa Lan cưỡi ngựa tới nói dối rằng:

- Đã có chỉ truyền cho vương về ở đất Tuyên Quang, vậy các bề tôi cần phải chỉnh đốn mũ áo để theo vương vào triều tạ ơn.

Các bề tôi nhà Lê ở doanh Đông đều tin là thật, bèn theo đến ấn phòng. Khôn sai người lấy khoá sắt khoá luôn lại, rồi dùng xe trâu đưa họ đi ra ngoài ba trăm dặm, an trí Hoàng Ích Hiểu ở Y Lê; Lê Hân ở Phụng Thiên. Như Tùng ở Hắc Long Giang, Quốc Đống ở Cát Lâm, Viết Triệu ở Trương Gia Khẩu thuộc Nhiệt Hà, chỉ để một mình Trần Thiện ở lại hầu hạ quốc vương.

Vua Lê nghe tin ấy, lo giận bồn chồn, đến sáng sớm cưỡi ngựa vào nhà Kim Giản, định kêu cho các bề tôi. Vừa lúc ấy, Kim Giản đã vào chầu vua Thanh ở vườn Viên Minh. Vua Lê lập tức ruổi ngựa đi thẳng tới cửa vườn, nhưng đến nơi thì bị lính canh cửa ngăn lại. Người dắt ngựa của vua Lê là Nguyễn Văn Quyên, quê ở Bố Vệ, phục xuống đất kêu ầm lên. Bọn người Thanh sợ tiếng kêu gào vang đến chỗ vua Thanh, bèn giật lấy con ngựa của vua Lê rồi vực luôn cả nhà vua lên xe bắt đến toà Thuận Hình giữ lại.

---

(1) Thuộc Quảng Đông.

Văn Quyên bèn cất tiếng mắng to:

- Bọn chó Ngô vô lễ, dám làm nhục vua ta.

Sau đó, Văn Quyên lập tức lấy gạch ở sân ném bừa vào bọn chúng. Đám quân lính giữ vườn nổi giận, xúm lại đánh Văn Quyên gần chết, đoạn cũng bắt đến giam ở toà Thuận Hình đúng một tháng mới tha cho về, Văn Quyên nhân thế bị bệnh mà chết.

Lúc bấy giờ. Nguyễn Huy Túc đang lánh ở vùng Tản Viên[1] nghe thấy việc ấy, cho Văn Quyên là có nghĩa bèn làm bài Tán như sau:

Trung thay Mã đồng! Giỏi thay Mã đồng[2]
Mến chúa lòng trung nghĩa, theo đuổi việc binh nhung
Tấc dạ như voi, khỉ[3]*; một đức như kiến, ong.*
Mạnh mẽ như loài gấu; thẳng thắn như chim hồng.
Cắt đâm chẳng lánh, hổ hoạ cũng xông.
Ngựa trời vung cẳng, hùm sói tranh phong.
Phỉ nguyền da ngựa[4]*; để tiếng vô cùng.*
Kìa ai đó?
Xiêm bào ngoài mặt; sâu mọt trong lòng,
Ruồi xanh xu nịnh; hươu ngựa gian hùng[5]
Sao chẳng bảo chúng:
Sung làm hầu ngựa; bắt muỗi giết trùng.
Vậy dám đặt tên cho anh là Trung Tráng công!

---

(1) Tức núi Ba Vì ở Hà Tây.

(2) Người hầu ngựa.

(3) Đường Huyền Tông thường tập cho voi quỳ lạy, An Lộc Sơn cướp ngôi, cũng bắt voi quỳ nhưng voi không nghe. Đường Chiêu Tông có con khỉ biết quỳ lạy. Lúc Chu Toàn Trung cướp ngôi, cũng bắt khỉ lạy, khỉ không chịu.

(4) Theo ý câu nói của Mã Viện nhà Hán: "Làm trai nên lấy da ngựa bọc thây" chỉ việc hăng hái hy sinh nơi chiến trận.

(5) *Thơ Thương dãng, Kinh Thi* ví bọn tiểu nhân như đàn ruồi xanh. Triệu Cao, gian thần nhà Tần, chỉ con hươu mà nói với vua là con ngựa.

Trong lúc vua Lê ở toà Thuận Hình, một hôm Hoà Khôn sai người đến doanh Tây, ép Thái hậu bảo phải thảo tờ biểu nói rằng: quốc vương tình nguyện ở lại đất Trung Quốc, việc xông vào cửa khuyết làm huyên náo là tại các người bề tôi gây ra.

Biểu đang thảo thì viên Giám thần là Nguyễn Trọng Đắc trông thấy, liền lấy ngay bản nháp xé đi và nói:

- Bị người ta lừa dối mà đưa các bề tôi đến chỗ chết thì làm thế nào?

Người Thanh lại bắt Trọng Đắc về ở doanh Tây, rồi cấm hai doanh không được tự tiện đi lại với nhau.

Một hôm, con vua Thanh, tước vương thứ sáu, nhân lúc lui triều thư thả, tới nhà Hoà Khôn nói chuyện, có bàn đến việc nước An Nam, Vương nói:

- Vua tôi họ Lê gặp nạn chạy sang nước ta, mà cầu cứu không được, cũng nên thương xót, giúp đỡ họ. Chắc các bề tôi của họ cũng đều là người trung nghĩa. Nay họ không có tội gì mà bắt giam ở đất xa, nước ngoài nghe thấy họ sẽ bảo Trung Quốc ra sao?

Khôn nói:

- Hoàng thượng đã có chỉ truyền như vậy, việc ấy đức vương không cần phải biết đến!

Vương nói:

- Hoàng thượng tuổi đã già, việc nước đều do quốc lão đây xử trí, mọi việc đúng hay sai, quan hệ không phải nhỏ. Ta đây sao lại không cần biết?

Khôn vốn cậy thế vua Thanh yêu mến, lại ăn nói vô lễ khiến cho vương giận lắm, lập tức cầm chiếc bàn cờ đánh Khôn. Cả bọn người ngồi đấy đều đứng dậy khuyên giải, can ngăn, Khôn mới thoát nạn.

Hôm sau, Khôn hậm hực vào kêu với vua Thanh. Vua Thanh tức thì nổi giận lôi đình, sai người đòi vương vào, định tự tay đánh đòn. Viên quan Nội các là A Lâm rập đầu xuống đất cố sức can, vua Thanh mới chịu thôi, liền sai người đánh vương ở trước sân điện mười gậy.

Vương lui ra, tức quá mà thành bệnh. Cách vài ngày, bệnh thêm nặng, vương liền gọi các vương thứ tám, thứ mười một và thứ mười bảy tới dặn rằng:

- Trong ba anh em, chưa biết sau này Hoàng thượng lập ai? Hễ ai nối ngôi thì phải trừ khử tên gian tướng ấy đi, đừng có để mối lo ngại cho xã tắc!

Ba người nghe lời, đều lạy hai lạy xin vâng mà lui ra. Sau đó, vương mất.

Từ đấy, vua Lê không còn dám nói đến việc xin quân cứu viện nữa, nhưng trong lòng uất ức không bao giờ nguôi.

Tới mùa hè, năm Nhâm Tý (1792) con đầu của vua Lê lên đậu rồi mất. Nhân thế, vua Lê lo buồn sinh bệnh, thoi thóp nằm liệt không dậy được. Năm sau, bệnh nhà vua càng nguy kịch, các bề tôi bị an trí ở những nơi khác đều dâng biểu về hỏi thăm.

Lúc đó có người gia đồng của Lê Như Tùng tên là Lê Huy Vượng, vì có công hầu hạ khó nhọc, vua Lê cho làm con nuôi, đặt tên là Duy Khang, bảo giữ việc thờ tự hoàng khảo và hầu hạ Thái hậu.

Lúc hấp hối, vua Lê gọi cáo thị thần tới nhận lời trăng trối, nhà vua nói:

- Trẫm gặp lúc vận nhà suy kém, không thể giữ được xã tắc; phiêu bạt ở đất nước người để hòng tính việc khôi phục, lại bị đứa quyền gian lường gạt, uất ức đến mãi bây giờ, phải ôm hận mà chết, thật do lòng trời gây nên. Sau này nếu các

ngươi được về nước, thì nên đèo nắm xương tàn của trẫm cùng về, chôn ở cạnh lăng tẩm của các vị thánh hoàng đời trước, để tỏ rõ chí hướng của trẫm. Các ngươi nên ghi nhớ lấy và nói cho mọi người đều biết.

Các bề tôi đều khóc lạy, xin vâng lời.

Rồi đó vua Lê tắt thở, thọ 28 tuổi. Bấy giờ là ngày 16 tháng mười, mùa đông năm thứ 58 niên hiệu là Càn Long nhà Thanh (1792).

Vua Thanh sai dùng lễ Quốc công an táng vua Lê ở khu Quảng Lăng, ngoài cửa Tây Trực, đất rộng chừng ba mẫu, xung quanh có giậu ngăn; lại bảo các bề tôi đi theo đều theo lễ mà chế đồ tang trở. Sau đấy, vua Thanh bèn cho Duy Khang nối chức Tá lãnh.

Nguyễn Viết Triệu ở Nhiệt Hà, tiếp được tin buồn, liền đặt linh vị làm lễ thành phục, khóc lóc thảm thương, hôn mê luôn mấy ngày, rồi phát bệnh mà chết.

Đến năm đầu niên hiệu Gia Khánh nhà Thanh, tức là năm Bính Thìn (1796), hết trở vua Lê, Thái hậu thấy các bề tôi đi theo, ở nơi đất khách cô đơn khổ sở, mà chưa biết ngày nào mới trở về, bèn dâng tờ biểu xin cho các người theo trốn sang Trung Quốc đều được lấy vợ.

Vua Thanh cho phép và ban cho mỗi người tám lạng bạc, 35 đồng tiền lớn để làm lễ cưới, bảo họ ai ở chỗ nào, cứ tuỳ tiện yên phận mà sinh cơ lập nghiệp ở chỗ ấy.

Lại nói, vua Tây Sơn[1] là Quang Toản, tuổi trẻ nối ngôi. Đắc Tuyên chuyên chính đã lâu, hình ngục phiền hà, trong ngoài chia lìa, Bắc, Nam nhốn nháo, lòng người lung lay. Mặt

(1) Từ đây, trong bản chữ Hán đều theo quan điểm của triều Nguyễn dùng chữ "Tây Nguỵ" để trỏ nhà Tây Sơn.

khác quân của triều Nguyễn[1] từ năm Mậu Thân (1788) đã lấy lại thành Gia Định, năm Canh Tuất (1790) lấy lại được hai phủ Bình Thuận và Duyên Khánh. Từ đó trở đi, quân triều Nguyễn ở Bắc Hà cũng đều nghển cổ để chờ sự trung hưng của triều nhà Nguyễn. Sự bại vong của nhà Tây Sơn, những kẻ am hiểu tình thế đều nhìn thấy rõ ràng, nhưng riêng vua tôi nhà Tây Sơn thì vẫn không biết.

Thật là:

Gặp nước thuồng luồng đà hoạt bát
Ở nhà én, sẻ vẫn im lìm[2]

Chưa biết sự thể ra sao? Hãy xem hồi sau phân giải.

(1) Trong bản chữ Hán, từ đây về sau đều dùng hai chữ "hoàng triều" để chỉ triều Nguyễn (Gia Long).

(2) Theo điển trong sách *Khổng Tử*, én, sẻ ở trên mái hiên, không biết rằng dưới nhà đã có lửa cháy. Ở đây ý nói nhà Nguyễn đã gặp thời cơ như thuồng luồng gặp nước; Quang Toản sắp bị diệt mà vẫn không biết gì cả.

HỒI THỨ MƯỜI BẢY

Mất thành Thăng long, vua Cảnh Thịnh bị bắt
Táng lăng Bàn Thạch, Nguyễn hoàng phi chết theo.

Lại nói, vào năm đầu khi vua Tây Sơn Quang Toản mới lên nối ngôi tức là năm Quý Sửu (1793), đại quân của nhà Nguyễn[1] cả thuỷ lẫn bộ, từ Gia Định kéo ra đánh vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc ở thành Quy Nhơn. Tướng sĩ của Nhạc đánh mãi đã mệt nhọc, thế lực dần dần cùng quẫn, Nhạc bèn sai người đến chỗ Quang Toản xin quân cứu viện. Quang Toản họp các tướng mà bảo rằng:

- Ta nghe nói "Môi hở răng lạnh, môi còn răng ấm" nay vua bác có nạn mà sức chống giữ kém cỏi, không thể không cứu.

Rồi Toản cho Đô đốc Nguyễn Diệu làm chức Đại tổng quản, dẫn quân vào Nam cứu Nhạc. Quân chúa Nguyễn lại rút về.

Tháng 8 năm ấy, Nhạc mất, con là Quang Thiệu lên nối ngôi. Nhân thế, Diệu chia quân giữ lấy thành, tiếng là cứu viện, nhưng thật ra là thôn tính ngấm ngầm.

Năm sau, tức là năm Giáp Dần (1794), Quang Toản lại sai Đắc Trụ[2] làm chức Tán nghị, đi vào Quy Nhơn cùng với

(1) Nguyễn Ánh.
(2) Có sách chép Đắc Thân, là con Đắc Tuyên.

Quang Thiệu trấn giữ thành ấy và lấy Nguyễn Diệu làm Thống suất, lĩnh đại quân tiến đánh thành Nha Trang. Từ Lê Văn Trung trở xuống, tất cả bảy tướng đều được gia phong làm tước Quận công quản binh và nghe theo lệnh chỉ huy của Diệu, Diệu tiến sát thành Nha Trang, mà quân tuần tiễu thì đã đến tận địa phận tỉnh Bình Thuận. Quân nhà Nguyễn hết sức chống giữ khiến Diệu không thể thắng nổi. Hồi đó, quân Tây Sơn luôn luôn đến xâm lấn miền Nam, hai bên chống chọi với nhau đến hàng năm.

Thình lình Diệu nghe tin cha con Bùi Đắc Tuyên và Ngô Văn Sở đều bị bọn Tư đồ Dũng và Thái bảo Hoá giết chết, bèn vội vàng kéo quân về, họp bàn cùng với tướng tá, định dùng quân lực bắt hiếp bọn Dũng.

Nguyên từ năm Quang Toản mới lên ngôi tới khi ấy, Đắc Tuyên thì chuyên quyền, còn Văn Sở thì trấn giữ thành Thăng Long, coi hết mọi việc quân, dân, rồi được thăng chức Đại đồng lý, tước Quận công. Năm ấy Quang Toản lại sai Đại tư đồ Dũng ra coi binh mã bốn trấn ở miền Bắc. Dũng đến nhà trạm Hoàng Giang, gặp Trung thư lệnh là Trần Văn Kỷ phạm tội bị đày ở đấy, Dũng cùng ngủ đêm với Kỷ, Kỷ bèn nói với Dũng rằng:

- Quan Thái sư[1] chức vụ đã cao tột bực, trong tay nắm quyền làm oai làm phúc, lại đẩy ông ra ngoài, nếu có sự chẳng lợi cho nhà nước, các ông phỏng còn giữ được đầu chăng? Bây giờ chẳng sớm liệu đi, sau này ăn năn sao kịp.

Dũng vốn tin và trọng Văn Kỷ, bèn cho lời Kỷ là phải. Hôm sau, Dũng đem quân bản bộ gấp đường quay về, hợp mưu với Thái bảo Hoá, bắt phe đảng Đắc Tuyên bỏ ngục; lại sai người vào Quy Nhơn bắt Đắc Trụ và sai Đô đốc Hài

(1) Chỉ Đắc Tuyên.

ra thành Thăng Long lập mẹo bắt Ngô Văn Sở đưa về, rồi thêu dệt thành tội trạng làm phản mà đem dìm xuống nước cho chết hết.

Quang Toản không thể ngăn chặn nổi, đành chỉ khóc lóc mà thôi. Sau đó, Dũng lại sai Hoá vào giữ thành Quy Nhơn

Chẳng mấy chốc, Diệu ở Nha Trang nghe tin, đêm ngày lo nghĩ, chỉ sợ vạ lây đến mình, bèn bảo các tướng rằng:

- Chúa thượng không cương quyết, đại thần giết lẫn nhau, tai biến không gì lớn hơn thế nữa. Nay hãy kéo về để dẹp yên cuộc biến loạn ở bên trong, rồi sau lại vào đánh giặc cũng được.

Các tướng đều nói:

- Xin theo mệnh lệnh!

Ngay hôm ấy Diệu giải vây cho thành Nha Trang rồi kéo quân về thành Quy Nhơn, Hoá nghe tin, đến tạ tội trước. Diệu lờ đi không hỏi. Về với làng Yên Cựu[1], Diệu đóng quân ở bờ nam sông. Dũng cùng bọn Nội hầu Tứ thì đem quân bản bộ đóng ở bờ bắc sông, mượn mệnh lệnh của nhà vua để chống lại với Diệu.

Quang Toản sợ lắm, phải sai bọn trung sứ qua lại vỗ về, hoà giải, Diệu mới chịu đem bọn tả hữu vào yết kiến Quang Toản và giảng hoà với bọn Dũng; kế đó Diệu lại xin gọi Hoá về và xin cho Lê Văn Trung thay chân Hoá trấn giữ thành Quy Nhơn.

Lúc đó, bọn người ở bên cạnh Quang Toản ngày đêm gièm pha rằng: oai quyền của Diệu lớn quá, đang toan có mưu khác. Toản tin là thật, liền rút hết binh quyền của Diệu, chỉ cho giữ một chức quan vào hàng thị thần vào mà thôi.

(1) Ở phía nam thành phố Huế, trên bờ sông Hương.

Bình sinh Diệu vốn tương đắc với Lê Văn Trung, bèn gửi thư mật vào Quy Nhơn, hẹn Trung cất quân lập Quang Thiệu làm vua mà bỏ Quang Toản. Trung theo lời, bèn kéo quân về, đồng thời xin Quang Thiệu thân đem quân tiếp ứng phía sau.

Quân Trung về đến Quảng Nam, trong ngoài nhốn nháo sợ hãi.Quang Toản họp các quan lại bàn bạc, mọi người đều nói:

- Bảo Văn Trung lui quân, phi Diệu không ai làm được!

Quang Toản liền sai Diệu đi. Văn Trung không báo trước với Quang Thiệu mà một mình một ngựa theo Diệu về yết kiến Quang Toản. Quang Thiệu nghi ngờ, sợ hãi, lập tức rút quân và voi về thành Quy Nhơn, đóng chặt cửa thành để cố thủ.

Quang Toản sai tướng đến đánh liên tiếp mấy tuần không hạ được, bèn tự mình làm tướng đem quân đi. Đến Lê Giang, có viên Thái phủ tên là Mân nói với Toản rằng:

- Cuộc biến loạn Quang Thiệu thực do Văn Trung gây nên, tội không thể tha, xin giết ngay để răn kẻ khác.

Quang Toản cũng cho là phải bèn sai vời Trung vào dinh, bảo võ sĩ trói lại đem chém. Sau đó Toản vỗ về tướng sĩ, hạ lệnh tiến đánh Quy Nhơn, mười ngày hạ được thành, bắt sống được Quang Thiệu. Toản bèn để Mân ở lại giữ thành Quy Nhơn, rồi cùm Quang Thiệu đưa về, dùng thuốc độc giết chết.

Nhà Tây Sơn kể từ khi Văn Nhạc chiếm giữ Quy Nhơn vào năm Mậu Tuất (1778), tức là năm thứ 39 niên hiệu Cảnh Hưng, thì tự xưng là Thiên Vương, đặt niên hiệu là Thái Đức; năm Canh Tý (1780) lại xưng Hoàng đế, lập Quang Thiệu làm Thái tử. Năm Quý Sửu (1793), Nhạc mất. Thiệu lên nối ngôi, được năm năm, đến năm Mậu Ngọ (1798) thì mất nước, tất

cả là 21 năm.

Lại nói, sau khi Văn Trung bị Quang Toản giết, con rể Trung là Chất nghi ngờ, sợ hãi, bèn phản Tây Sơn, vào Nam đầu hàng chúa Nguyễn ở Gia Định. Chúa Nguyễn cho coi quân ngự lâm.

Nguyên lúc đầu, Chất thờ Quang Toản, giỏi về tài đánh dẹp, làm đến chức Đại đô đốc. Đến khi Văn Trung chết, Chất bỏ quân lính chạy trốn. Thái phủ Mân sợ Chất làm loạn, liền lùng bắt rất gấp. Chất có người đầy tớ nghĩa hiệp, hoá trang như hình dáng của Chất, rồi tự tử ở khe núi, để cho Mân thôi, không lùng bắt Chất nữa. Chẳng bao lâu Mân biết là giả dối bèn treo giải thưởng truy lùng Chất hết sức ráo riết. Chất bất đắc dĩ phải ra thú ở cửa quan của Mân. Mân liền sai Chất coi toán quân tiền phong, để chờ sai phái, và định bụng dùng quân luật mà giết chết. Chất biết ý ấy, bèn dỗ bọn tướng tá của y, gồm sáu mươi người, đem quân và voi vào Nam, dâng biểu xin hàng. Sau Chất vâng mệnh vua Nguyễn đem quân đánh nhau với Mân. Quân Mân thua to. Mân phải chạy vào núi rừng mà trốn, quân, voi, khí giới đều bị Chất thu sạch.

Quang Toản nghe tin, lại sai Tư đồ Vũ dẫn binh tới trấn, chiêu tập tàn quân để đóng giữ.

Đến năm Canh Thân (1800), quân chúa Nguyễn vượt biển ra đánh, sức Tuấn chống không nổi, dâng thành xin hàng. Chúa Nguyễn bèn đổi thành Quy Nhơn làm trấn Bình Định, sai quan coi hậu quân là Tính Quận công Võ Đình Tánh[1] đem quân đóng giữ, còn Thượng thư bộ Lễ là Ngô Tòng Chu thì làm chức Hiệp trấn.

Được vài tháng, Quang Toản sai Thống suất Diệu và Tư

(1) Cũng thường gọi là Võ Tánh.

đồ Dũng đốc suất các đội quân thuỷ bộ vào đánh Quy Nhơn. Diệu coi quân bộ, Dũng coi quân thuỷ, hai đạo hợp sức mà đánh. Quân Nguyễn hết sức chống giữ, bọn Diệu không thể đánh thắng. Dũng bèn dùng ba chiếc tàu chiến lớn, chặn ngang cửa biển Quy Nhơn, trên tàu lập chòi gác, đặt súng lớn, phía trong lại dàn quanh vài trăm chiếc chiến thuyền, đốc thúc quân thuỷ canh giữ đề phòng quân cứu viện ở ngoài đến.

Năm sau, bị quân Nguyễn đánh tan, tàu lớn và chiến thuyền đều bị thiêu huỷ. Dũng lên bộ, dẫn tàn quân mà chạy, rồi hợp quân với Diệu.

Quân Tây Sơn đã mất đường thuỷ, bèn đắp luỹ đất, ụ đất ở xung quanh thành Quy Nhơn, để đứng trên đó mà bắn vào thành, lại lập nhiều đồn trại kiên cố, chứa chất quân lương, làm kế ở lâu. Nhưng quân Nguyễn canh giữ rất cẩn thận, bọn Diệu không sao hạ được thành. Quang Toản rất lấy làm lo.

Lúc ấy lại có bọn cha cố của đạo quân Gia Tô Tây dương[1] ở trong nước Nam, đi khắp các nơi dụ các đạo đồ làm loạn. Các nơi nổi lên nhiều, Quang Toản liền sai bắt bọn trùm trưởng của họ đem giết hết, rồi triệt hạ các nhà giảng, phá huỷ các ảnh tượng và đốt các sách Tây của họ. Hễ bắt được đồ đảng của họ, lại bắt phải giẫm chân lên ảnh thì mới tha, ai không chịu thì bắt sung quân nuôi voi, cắt cỏ cho voi ăn. Bởi thế giáo dân tức giận, càng xúi giục lẫn nhau, đâu đâu cũng đều náo động.

Còn quân nhà Nguyễn thì hàng năm ra đánh, thanh thế lừng lẫy. Mỗi khi gió nam nổi lên, thì nhân dân các trấn lại nói với nhau:

---

(1) Tiếng dùng để gọi các nước phương Tây nói chung.

- Chúa cũ ra đấy[1].

Lúc đó, nhà Nguyễn cho rằng tướng mạnh và quân tinh nhuệ của Tây Sơn đều tụ họp cả ở Quy Nhơn mà Quang Toản ở thành Phú Xuân thì quân lính phòng ngự rất yếu ớt, bèn đốc suất hết thuỷ quân và trên một ngàn chiến thuyền, hẹn ngày thuận theo gió nam vượt biển ra phía bắc. Cờ quạt chói nắng, chiêng trống vang trời, xông thẳng vào đánh cửa Thuận An. Tướng Tây Sơn là Phò mã Trị đem hết quân lính chống giữ, địch không nổi, phải tan vỡ. Quang Toản nghe tin lại dốc hết tướng sĩ, tự mình cầm quân tới đánh nhau với quân Nguyễn. Gần trưa, quân Toản đại bại vỡ chạy tan tác. Quân chúa Nguyễn bèn tiến lên, chiếm lại đô thành. Hôm đó nhằm vào ngày mồng 3 tháng năm, mùa hè năm Tân Dậu (1801), tức là năm thứ hai mươi tư, kể từ khi chúa Nguyễn Ánh quyền giữ việc nước.

Sau khi thua trận, Quang Toản rụng rời hoảng hốt, liền thay đổi đồ mặc, cùng vài người quân hầu, cưỡi ngựa trạm, chạy ra miền bắc. Đến Nghệ An ở lại vài ngày, rồi lại ra Thăng Long hội họp tướng sĩ, lo việc chống giữ. Tháng sáu mùa hè năm ấy, thình lình viên Trấn thủ Nghệ An là Nguyễn Thận sai người báo tin lầu Rồng ba tầng ở đấy tự dưng đổ sụp, những người nghe tin đều cho là điềm chẳng lành.

Sang đầu mùa thu, quan quân nhà Nguyễn là Tường Quang hầu cùng Thoại Ngọc hầu vâng chỉ đem quân theo hai

---

(1) Bấy giờ hàng năm cứ đến khoảng tháng 4, hoặc tháng 5 khi gió nam thổi mạnh thì Nguyễn Ánh đốc quân thuỷ bộ ra đánh, đến lúc có gió mùa đông bắc thổi thì lại rút quân về. Người đương thời thường gọi những đợt tấn công như vậy là những trận "giặc mùa". Bọn sĩ phu phản động chống Tây Sơn và ngả theo Nguyễn Ánh, mới nhân lúc đó đặt ra câu ca dao:

Lạy trời cho chóng gió nồm
Cho thuyền chúa Nguyễn thuận buồm trẩy ra.

đường Hương Sơn và Trấn Ninh ra đánh, để quấy rối trấn Nghệ An. Nguyễn Thận sai tướng đón đánh, quân của Thận luôn luôn bị thua. Sau vài ngày, Tường Quang hầu vì mùa lụt không thể ở lâu, bèn đem thuyền cũ cắm ở cửa sông vùng Hương Sơn, đầu và đuôi thuyền bện cỏ làm hình quân lính, cho mặc áo giáp, cầm kiếm, trong thuyền thắp vài đĩa đèn để cho quân Tây Sơn nghi ngờ, rồi nhân lúc đêm tối đem quân bản bộ cưỡi thuyền nhẹ xuôi dòng xuống phía đông, ra cửa Nam Giới, vượt biển mà về Nam. Khi quân Tây Sơn biết thì quân của Tường Quang hầu đã đi về được hai ngày rồi. Thoại Ngọc hầu cũng từ Trấn Ninh rút quân theo đường mạn ngược mà về Kinh sư.

Ngày tháng tám năm ấy (1801), Quang Toản ở Thăng Long, xuống tờ dụ vỗ về quân dân các trấn, đổi niên hiệu Cảnh Thịnh làm năm đầu niên hiệu Bảo Hưng. Tháng mười một mùa đông năm ấy, Quang Toản thân hành đem quân và voi của bốn trấn Hải Dương, Sơn Tây, Sơn Nam, Kinh Bắc và hai trấn Thanh Hoa, Nghệ An vào đánh, nhưng bị quân nhà Nguyễn đánh thua, lại phải rút về.

Mùa xuân năm Nhâm Tuất (1802), quân nhà Nguyễn qua sông Gianh tiến đánh hạ được đồn Tâm Hiệu thuộc châu Bố Chánh. Quân Tây Sơn tan vỡ, chạy về doanh Hà Trung trong hạt Kỳ Anh. Tháng năm mùa hè năm ấy (1802), chúa Nguyễn hạ chiếu đổi niên hiệu làm năm đầu niên hiệu Gia Long, ban tờ dụ ra cho quân Nam Hà, Bắc Hà đều biết.

Nguyên từ năm 49 niên hiệu Cảnh Hưng, tức là từ năm Bính Ngọ (1786) trở về sau, nhà Nguyễn vẫn dùng niên hiệu cũ của nhà Lê.

Năm Nhâm Tuất (1802) này, lúc đầu cũng vẫn còn gọi là năm Cảnh Hưng, đến bây giờ mới đổi thành niên hiệu mới.

Bấy giờ, trong thành Quy Nhơn hết lương ăn, quan quân đều đói mệt. Viên Tham tán là Ngô Tòng Chu uống thuốc độc chết trước, Tính Quận công cũng tự đốt mà chết. Tướng sĩ hơn vài vạn người ra thành xin đầu hàng. Diệu bằng lòng nhận cho hàng.

Sau khi vào thành, Diệu lập tức bàn với bọn tướng tá đem quân về đánh Kinh thành[1]. Qua vài ngày, Diệu đem quân ra khỏi địa giới trấn Quy Nhơn thì bị viên phó tướng của nhà Nguyễn là Đắc Lộc hầu chặn lại. Nguyên từ năm ngoái, sau khi nhà Nguyễn lấy lại Kinh thành, liền sai Đắc Lộc hầu tới đó lập đồn cắm trại để ngăn chặn sự tiến công của quân Tây Sơn. Lúc ấy, Diệu đem quân về qua đó, đánh phá hàng nửa ngày mà không thể hạ được. Quân Diệu bị quân nhà Nguyễn bắn sang, người chết và người bị thương gối nhau mà nằm. Diệu chẳng biết làm thế nào, bèn đem quân và voi dọn núi mở đường đi vào địa giới nước Ai Lao, định ra Nghệ An. Chúa Nguyễn nghe tin, lập tức cắt đặt các tướng, thống lĩnh các đạo quân thuỷ bộ, hẹn ngày kéo ra Bắc.

Ngày 28 tháng năm, quân thuỷ của nhà Nguyễn đi tới cửa biển Đan Nhai thuộc trấn Nghệ An, tiến đánh và phá được đồn Quần Mộc. Quân bộ cũng tiến đến phía nam sông Thanh Long, nổ ba tiếng súng rồi vượt sang bờ phía Bắc. Hai mặt thuỷ bộ đều tiến công, quân Tây Sơn kinh sợ bỏ chạy tán loạn. Quân nhà Nguyễn bèn xông lên cướp kho thóc Kỳ Lân, rồi kéo cờ phấp phới. Viên Trấn thủ của Tây Sơn là Nguyễn Thận cùng với Hiệp trấn Nguyễn Triêm, Thống lĩnh Đại, Thiếu uý Đằng bỏ thành chạy ra miền bắc. Đến đồn Tiên Lý, Tiêm tự thắt cổ, còn Thận chạy ra trấn Thanh Hoa. Thế là quân nhà Nguyễn lấy được thành Nghệ An.

Diệu ở Quy Hợp xuống đến địa phận Hương Sơn thì

(1) Phú Xuân.

nghe tin Nghệ An đã tan vỡ, bèn đến Thanh Chương, qua sông Thanh Long, theo đường phía trên huyện Nam Đường chạy ra trấn Thanh Hoa. Tướng sĩ đi theo Diệu dần dần tan mất mỗi người một nơi. Quân nhà Nguyễn đuổi theo, bắt sống được Diệu.

Ngày tháng sáu, quân nhà Nguyễn tiến đánh thành Thanh Hoa. Em Quang Toản là Đốc trấn Bàn cùng bọn Thận, Đằng đều đầu hàng.

Ngày 18 vua Gia Long tiến ra Thăng Long, truyền lệnh cho các quân đánh thành, quân Tây Sơn hoàn toàn tan vỡ. Quang Toản bỏ thành cùng với em là Quang Thuỳ và bọn Đô đốc Tú qua sông Nhĩ Hà chạy về hướng bắc. Sau, Thuỳ và vợ chồng Tú đều tự thắt cổ. Còn Quang Toản cùng các bề tôi thì đều bị thổ hào Kinh Bắc bắt đóng cũi đến trước cửa quan. Bọn quan lại ở các trấn hoặc trốn, hoặc hàng không một ai dám chống lại. Quân Tây Sơn đến đấy là hoàn toàn bị dẹp tan.

Vua Gia Long ở lại thành Thăng Long, hạ chiếu kêu gọi nhân dân yên ổn làm ăn, chia đặt quan văn, quan võ ở các trấn, lại vời các quan võ nhà Lê và các bậc kỳ lão, hỏi về công việc ở Bắc Hà, tha bớt thuế khoá phu phen, bãi bỏ mọi sự phiền hà, chiếu theo sổ đinh cũ của nhà Tây Sơn cứ bảy suất đinh kén một người lính, rồi lập ra các hiệu quân năm doanh và mười cơ.

Vài tháng sau, vua Gia Long về Kinh đô Phú Xuân, sửa lễ cáo miếu dâng tù, đem bọn vua tôi Quang Toản ra dùng cực hình giết chết, rồi bố cáo cho khắp cả nước đều biết[1]. Từ

(1) Theo *Đại nam thực lục chính biên* thì Quang Toản cùng những người con khác của anh em Nhạc, Huệ đều bị Gia Long dùng cực hình sai 5 voi xé xác để giết chết. Còn Huệ, Nhạc cũng đều bị trả thù rất dã man; mồ mả khai quật, hài cốt bị giã nát vứt đi; đầu lâu của Nhạc, Huệ, Toản và mộc chủ của vợ chồng Nguyễn Huệ đều bị giam ở nhà Đồ ngoại, sau lại đưa vào cấm cố vĩnh viễn trong ngục thất.

đấy, Nam Bắc yên vui, cõi bờ chung hiệp, cơ đồ sẽ thống nhất muôn đời vậy.

Lại nói từ khi Thái hậu nhà Lê chạy sang Yên Kinh, ở tại Tây An Nam doanh được bốn năm thì cháu đầu[1] mất, năm năm thì vua Lê mất. Những người đi theo đều bị Hoà Khôn đưa đi các nơi khác, chỉ còn Thái hậu và Duy Khang ở lại Yên Kinh mà thôi. Tấc lòng cố quốc tha hương, tơ sầu muôn mối, mưa xuân sương thu, mấy độ thở than. Thái hậu với các thị thần muốn dâng biểu xin được về nước, nhưng vì đất nước đang còn bị Tây Sơn chiếm cứ, lại đành phải ngậm sầu mà thôi.

Ngày 11 tháng mười, mùa đông năm thứ tư, niên hiệu Gia Khánh nhà Thanh, tức là năm Kỷ Vị (1799), Thái hậu lo buồn thành bệnh, mất ở Tây An Nam doanh. Vua Thanh giáng chỉ sai quan bộ Lễ trông coi việc tang, và đem di hài quàn tạm ở cạnh lăng vua Chiêu Thống.

Trước đó, từ năm Ất Mão (1795), tức năm thứ 60 niên hiệu Càn Long vua Thanh đã truyền ngôi cho con thứ 11, tức là vua Gia Khánh, bèn tôn vua Càn Long là Thái Thượng hoàng. Bấy giờ vua Gia Khánh nghĩ lại lời dặn của anh, tức là vương thứ sáu, định giết Hoà Khôn, nhưng vì Hoà Khôn là người được Thượng hoàng yêu mến nên vẫn chưa dám ra lệnh giết.

Đến mùa xuân năm ấy Thượng hoàng mất, vua Gia Khánh liền sai bắt Hoà Khôn ép buộc hắn phải tự tử, đồng thời tịch thu hết thảy gia tài của hắn.

Sau khi giết Hoà Khôn, nhân tiện bàn đến việc vua cũ của nước Nam, vua Thanh cũng tỏ vẻ thương hại, bèn vời các bề tôi nhà Lê bị an trí trước kia, cho vào ở trong xưởng Lam

(1) Tức con trai của cả Chiêu Thống

thần, ban ơn rất hậu, đầu tóc, quần áo đều cho được tuỳ tiện.

Năm Quý Hợi (1803), năm thứ 8 niên hiệu Gia Khánh nhà Thanh tức là năm thứ hai niên hiệu Gia Long ở nước ta, lúc đó đã dẹp xong quân Tây Sơn. Nhà Nguyễn bèn sai sứ thần sang nhà Thanh, dâng biểu trần tình và xin phong vương. Các bề tôi cũ của nhà Lê nghe tin liền làm tờ bẩm trình với quan Nội các, xin đem linh cữu của vua cũ và thái mẫu về nước an táng. Viên quan Nội các đem việc ấy tâu lên.

Năm Giáp Tý (1804), vua Thanh giáng chỉ cho đưa di hài của vua Chiêu Thống về táng ở quê nhà và cho các người bề tôi trốn theo đều được về nước; lại truyền xuất tiền công cấp cho viên Tá lãnh mười lạng bạc, viên Kiêu kỵ tám lạng, còn từ Lãnh viên trở xuống thì kể cả đàn ông đàn bà, mỗi người được năm lạng, người nhỏ được ba lạng; đồng thời bảo các tỉnh dọc đường phải giúp đỡ và đưa họ ra cửa ải.

Tháng giêng năm ấy, các bề tôi mở quan tài vua Lê Chiêu Thống thì thấy da thịt đã nát hết, chỉ có trái tim không nát, mà màu sắc hầu như vẫn còn tươi. Tính từ khi quàn đến bây giờ đã hai năm. Ai trông thấy cùng đều thấy làm lạ và than thở. Rồi họ lại lượm đi di hài của Thái hậu và con đầu của nhà vua. Cả di hài của Viết Triệu và Văn Quyên cũng được đưa về theo.

Ngày 13 tháng 8 mùa thu năm đó, di hài vua Lê đưa về đến cửa ải. Hoàng phi là Nguyễn Thị Kim nghe tin, liền từ Kinh Bắc lên cửa ải để đón linh cữu. Ngay từ hôm ấy hoàng phi tuyệt thực, mỗi ngày chỉ uống một chén hồ, vật vã bên linh cữu mà khóc lóc. Ngày 23 tháng 8 di hài đưa về đến Thăng Long, các quan dựng rạp tế ở nhà Diên Tự công. Hàng ngày hoàng phi chỉ nhấm vài đốt mía mà thôi.

Ngày 12 tháng 10, các quan thay hài cốt vua Lê sang một chiếc tiểu khác. Thấy trái tim vẫn còn y nguyên.

Tế xong, hoàng phi đến trước hương án khóc lóc thảm thiết và nói với Diên Tự công rằng:

- Ta nhẫn nhục vất vả đã mười lăm mười sáu năm trời nay, trong những ngày ấy không phải là không dám chết chỉ vì Thái hậu, vua ta, con ta vẫn ở bên Trung Quốc, âm tín không thông, còn mất không rõ nên ta còn chờ đợi một chút. Nay Thái hậu cùng vua ta đều mất, con ta cũng chết, linh cữu đã về đến nước nhà, thế là việc của ta xong rồi, ta phải chết theo để hầu bên lăng mới phải.

Rồi đó, hoàng phi liền uống thuốc độc tự tử. Ai nghe tin ấy cũng đều thương xót. Sứ thần Trung Hoa bấy giờ đang ở đấy cũng than thở, ngợi khen mãi.

Ngày 13, các quan lại sắm quan quách khâm liệm cho hoàng phi, rồi ngày 28 cùng rước xuống thuyền đưa về trấn Thanh Hoa.

Ngày 24 tháng 11, các quan làm lễ an táng vua Lê, Thái hậu, hoàng hậu, hoàng phi, con vua ở cạnh lăng vua Hiển Tông, trên núi Bàn Thạch[1]. Hai quan tài của Nguyễn Viết Triệu và Nguyễn Văn Quyên cũng táng theo gần đó.

Trước đây, khi di hài vua Lê đưa về đến ải Nam Quan, Duy Khang bái biệt trước linh cữu rồi đi về nẻo Lạng Sơn. Còn viên Trấn thủ cũ của xứ Kinh Bắc là Lê Hân về đến Thanh Hoa thì bị bệnh chết. Vợ Hân là người Trung Quốc, đưa quan tài chồng về tại quê chồng ở làng Nộn Hồ[2] huyện Nam Đường, trấn Nghệ An, tìm họ hàng nhà chồng để làm lễ an táng. Rồi nàng ở lại, không về Trung Quốc; lấy người cháu trong họ chồng làm con kế tự, giữ tiết trọn đời, đến 80 tuổi mới mất.

---

(1) Thuộc huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá.

(2) Tục gọi là làng Non Hồ.

Các bề tôi theo vua Lê lúc đó đều về quê quán. Chỉ có Trịnh Hiến lại ra làm quan với nhà Nguyễn; rồi sau về làng vì việc tài sắc bị kẻ thù giết chết.

Sau khi hoàng phi đã chết theo vua Lê, người khắp cả nước ta và người Trung Quốc đều khen là bậc tiết nghĩa.

Có người làm bài "Tiêu cung tuẫn tiết hành"[1] để lưu truyền đời sau, lời rằng:

Đất Thuận An cạnh sông Thiên Đức[2]
Người đời xưa gọi ấp Tỳ Bà,
Khúc tỳ mượn ý đặt ra,
Trời sinh người đẹp sánh hoa Đại đề[3]
Khí tươi tốt nhóm về khuê tú,
Năm Cảnh Hưng Ất Dậu mừng sao,
Nhà sang sinh bậc nữ hào,
Công, dung, ngôn, hạnh vẻ nào kém đâu.
Tuổi mười bảy kén vào cung khuyết,
Bính Ngọ liền sớm biết điềm hùng[4]
Ơn trên cao cả muôn trùng,
Đượm nhuần mưa móc phúc hồng chứa chan
Năm Đinh Vị Tây Sơn khởi biến,
Cảnh phong trần chợt đến khôn lường.
Ngoài thành rong ruổi xe hương.
Quân Hầu tan tác, bàng hoàng bên sông,
Vó ngựa lạc văn phong mấy độ,
Theo Từ vi[5] *đến Võ Nhai sơn,*

---

(1) Bài trường ca về người cung phi chết theo vua.

(2) Tức sông Đuống.

(3) *Đại đề* là tên một khúc ca trong *Cổ nhạc phủ*, ca ngợi người con gái đẹp như hoa. Ở đây chỉ người con gái đẹp.

(4) Điềm hùng: điềm con gấu, thơ *Tư can, Kinh Thi* nói nằm mộng thấy con bi con hùng (gấu) là điềm sinh con trai.

(5) Trỏ mẹ vua.

Quần hồng lận đận núi ngàn,
Liễu bồ phải chịu muôn vàn long đong,
Xa trông đợi tin rồng vắng bặt,
Chốn nhàn đình nước mắt chứa chan,
Bỗng đâu tiếng trống nổi ran,
Tướng Cao Bằng rước xe loan lên đường,
Tới Mục Mã vội vàng nghỉ lại,
Thuyền vua giong lên ải Phất Mê.
Địch nghe tin, kíp đuổi kề,
Tên bay đạn lạc bộn bề rối ren.
Bè một mảng qua phen kinh hãi.
Bao hiểm nghèo rồi lại bình yên,
Vịn cây dẫm đá trèo lên,
Mưa mù lam chướng đầy trên một trời,
Dân sở tại chào mời, đưa dắt,
Gập ghềnh theo lối tắt đường ngang.
Hết đường, tới núi, vào hang.
Giếng thơm trong suốt, nước đang dạt dào.
Biết động ấy thuở nào đào đục?
Mà hôm nay hưởng phúc thần tiên!
Nước ngàn, rau núi cũng yên,
Chim kêu, hoa rụng nỗi buồn tạm khuây.
Trong nội địa[1] *tin đâu bay đến,*
Quan trên liên sai khiến người sang.
Trước sau căn vặn tỏ tường.
Long Châu tạm đón dọc đường nghỉ chân.
Cấp phẩm vật mọi phần tươm tất,
Lính đưa đường cẩn mật, tận tình.

(1) Chỉ Trung Quốc.

Rồi cho đến ở Nam Ninh.
Cửa nhà rộng rãi quán đình nghiêm trang.
Dù Nam, Bắc, đôi đường chua xót,
Lễ nghi thường chưa chút đơn sai,
Một niềm từ huấn vâng lời,
Tiêu phòng[1] *giữ lễ trong ngoài phân minh.*
Nhờ thượng quốc đề binh cứu viện,
Muôn dặm xa đưa đến tin vui,
Về Nam cờ quạt rợp trời
Vườn xưa điện cũ sáng ngời vẻ xuân,
Tiếng đàn, trống muôn phần rộn rã,
Cảnh cỏ hoa thoả dạ lâu nay,
Nào ngờ vạ gió tai bay,
Buồn vui chốc lát đổi thay khôn lường.
Trên ngự giá vội vàng ra ải,
Từ vi và cháu dại cùng đi,
Não lòng thay lúc biệt ly,
Bỗng dưng kẻ ở người đi rã rời.
Sang phía tây tìm nơi lẩn tránh,
Cảnh chơ vơ, cô quạnh, đau thương.
My, Ngu xưa cũng một phường,[2]
Ai làm nên nỗi dặm đường gian truân.
Xưa nhà Hạ có lần suy bại,
Một lữ, thành dấy lại cơ đồ[3]
Giáo gươm thượng quốc giùm cho,

---

(1) Phòng ở của cung phi có trát hồ tiêu vào vách cho ấm; đây chỉ vợ vua.

(2) Mỵ Châu, vợ Trọng Thuỷ; Ngu Cơ, vợ Hạng Võ: cả hai người con gái đều chết trong cảnh loạn lạc, rồi Mỵ Châu hoá thành viên ngọc, Ngu Cơ hoá thành cỏ thơm.

(3) Lữ thành: xem chú thích ở cuối hồi thứ mười.

Nằm gai nếm mật vua lo đủ điều,
Ví xã tắc có nhiều người giỏi,
Phận thuyền quyên đâu phải gian nan.
Khoảng năm Quý Sửu đồn sang,
"Chầu trời" tin ấy bàng hoàng một phen[1].
Nghĩ vì lẽ dân đen mong mỏi,
Nên Tây Sơn kia nói sai ngoa,
Đến khi vận mở nước nhà,
Sứ thần sang, mới biết là không sai.
Ví ngọc nát, về nơi chín suối,
Hương hồn khôn bạn với tiên quân[2].
Mười sáu năm, biết mấy lần,
Rắp theo Tôn Muội làm thân chết chìm[3]
Khiến gia thuộc dò tìm mấy độ,
Lên ải quan hỏi rõ nguyên nhân.
Thề sang tới mộ cố quân,
Quyết liều tính mệnh với khăn lụa là,
Sống là khó, xưa đà có biết
Nào hay đâu muốn chết cũng gay,
Cơ trời sao khéo vần xoay,
Quan trên đã lấy việc này tâu lên.
Cho về nước, vua liền có chỉ.
Tiết trung thu, Giáp Tý vừa qua.
Vội vàng lên đón linh xa,
Cháo cơm biếng nuốt, mặt hoa võ vàng.

---

(1) Chỉ vào tin Chiêu Thống chết.

(2) Ý nói nếu hoàng phi chết trước đi thì hương hồn không được làm bạn với vua Lê, lúc đó thi hài còn ở Trung Quốc.

(3) Tôn Muội là em gái Tôn Quyền, vợ Lưu Bị đời Tam Quốc, bị anh bắt về nước Ngô; lúc nghe tin Lưu Bị chết, Tôn Muội nhảy xuống sông tự tử. Ở đây ý nói hoàn cảnh chưa cho phép Lê hoàng phi chết được như Tôn Muội.

Thuyền đủng đỉnh Lô Giang qua bên,
Kiệu toàn che, rước đến từ đường,
Thần liêu dâng chén quỳnh tương,
Trông lên, trăm họ đôi hàng lệ sa.
Tình khuê phụ thật là khó vẽ
Rửa nước thơm làm lễ gọi là,
Mở quan, cuối mặt nhìn qua,
Chắp tay vái lạy lệ nhoà hai mi,
Cầm thuốc độc thầm thì từ tạ,
Lui vào màn uống cả một hơi..
Trẻ già ai nấy rụng rời,
Triều đình nghe tiếng bồi hồi tiếc thương.
Ban gấm vóc bạc vàng phúng viếng,
Bao vần thơ lên tiếng ngợi khen,
Khen thay! Một chết phỉ nguyền,
Thơm tho muôn thuở con thuyền thanh danh
Kìa khuê các ngọc lành hiếm có,
Sá chi tuồng mộ vũ triêu vân[1]
Đai vàng nọ đứa nịnh thần,
Một đời ton hót làm thân gian tà.
Kịp đến lúc sơn hà biến đổi,
Trước quân thù quỳ gối, chắp tay,
Lạnh lòng khi đọc thơ này,
Khác nào roi quất, mặt dày mày ê,
Thân khuê các giúp bề Tiết giáo,

---

(1) *Mộ vũ triêu vân*: Chiều mưa sớm mây. Nguyên ở tích Sở Tương Vương đi chơi Vân Mộng, nằm mơ thấy một thần nữ chung chăn gối với mình, khi từ biệt có nói rằng: Nhà thiếp ở phía nam non Vu, sớm làm mây chiều làm mưa... Sau người ta thường dùng chữ "mây mưa" để chỉ việc trai gái giao hoan. Ở đây ý nói không thiết gì đến chuyện ân ái nữa.

Mặt phấn son phụ đạo Cao hình [1]
So thơ Cù, Cát đã đành[2]
Trúc Tương vẫn đẹp lưu danh muôn đời[3]
Người xưa làm việc dễ rồi,
Nay làm việc khó không người đó sao?[4]

Bài này do bề tôi cũ nhà Lê là Đồng bình chương sự Tô Phái hầu Nguyễn Huy Túc làm.

Tổng trấn Bắc Thành là Thành Quận công[5] đem việc ấy đề đạt lên. Vua Gia Long bèn hạ chỉ ban khen, sai lập đền ở quê hoàng phi, là xã Tỳ Bà thuộc huyện Lang Tài để thờ; cấp ruộng tế và tha thuế khoá cho dân làng ấy để dùng vào việc đèn nhang thờ cúng, lại sai dựng bia khắc chữ để nêu gương tiết hạnh.

Còn các bề tôi đi trốn theo vua Lê thì đến mùa hè, năm Tự Đức thứ 14 (1860), các quan ở Bộ theo lời bàn kê rõ lý lịch, vâng chỉ dụ của nhà vua cho lập đền thờ ở phía tây thành Thăng Long, tại phường Thuỵ Chương, thuộc huyện Vĩnh Thuận. Thứ tự các bài vị đều sắp đặt theo như lời bàn của Bộ. Chính giữa là linh vị của Trường Phái hầu Lê Quýnh đặt thuỵ hiệu là "Trung Nghị". Bên tả bày linh vị của mười một người gồm có Đề lĩnh Nguyễn Viết Triệu, Thượng thư Bút phong Đình Giản, Đình Võ hầu Trần Quang Châu, Trần Danh Kệ,

---

(1)(2) Thơ *Cù mộc* và thơ *Cát đàm* trong *Kinh Thi*, nội dung đều ca ngợi các bà hậu phi nhà Chu.

(3) Tương truyền vua Thuấn chết ở núi Thương Ngô, hai vợ là Nga Hoàng và Nữ Anh đến viếng, khóc lóc thê thảm. Nước mắt thấm vào các khóm trúc ở xung quanh, thành ra các cây trúc có vằn rất đẹp. Tục gọi là "trúc Tương phi" hoặc "Trúc Tương". Sau hai bà nhảy xuống sông Tương để chết theo chồng.

(4) Hai câu này ý nói, chết ngay theo chồng như hai bà vợ vua Thuấn xưa đã làm, là một việc dễ, còn chịu đựng đau khổ trong một thời gian dài rồi mới chết theo chồng như bà Lê hoàng phi là việc khó.

(5) Tức Nguyễn Văn Thành.

Hữu thị lang Nguyễn Huy Diệu, Trấn thủ Lê Hân, Chỉ huy Lê Doãn Trị, Chưởng tứ bảo Lê Quý Thích, Nguyễn Hùng Trung, Lê Tùng, Tả tham chính Kinh Bắc, Bình vọng Lê Trọng Thương. Bên hữu bày linh vị của mười một người, gồm có: Tĩnh nạn công thần Trần Danh Án, Thanh hình hiến phó sứ Tuyên Quang Nguyễn Đình Viện, Nội thị Nguyễn Quyên, Trần Đĩnh, Đốc đồng Nguyên Quốc Đống, Địch Quận công Hoàng Ích Hiểu, Nguyễn Đình Miên, Đoàn Thận Xưởng, Võ uý Nguyễn Trọng Du, Lê Thức, Cận Quang hầu Phạm Như Tùng. Tất cả hai mươi hai người ấy đều được đặt thuỵ hiệu là Trung Mẫn".

Ngoài ra, ở phía đông thờ năm người là Nguyễn Ngọc Liễn, Vương Triệu, Vương Chấn Thiều, Tôn Hạp, Lê Diên Định. Ở nhà phía tây thờ năm người là Trần Lương, Trần Đăng, Võ Trọng Dật, Trần Dần, Trần Hạt.

Từ Lê Quýnh trở xuống cộng ba mươi ba người, trên đầu đều đề là "Cố Lê tiết nghĩa thần"[1] và ngôi đền cũng đề là "Cố Lê tiết nghĩa từ"[2]. Việc ấy nêu lên ý nghĩa giáo huấn của triều đình, là muốn gạn đục khơi trong và bồi đắp phong tục, khiến cho người sau xem đấy cũng biết rằng: vì nước, người ta dù có phải chịu khốn khổ trong một lúc mà vinh quang sẽ lưu truyền muôn thuở vậy.

HẾT

(1) Các bầy tôi tiết nghĩa đời Lê.
(2) Đền thờ các bậc tiết nghĩa đời Lê.

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU VĂN BẢN 5

HỒI THỨ NHẤT 7

Đặng Tuyên phi được yêu dấu, đứng đầu hậu cung
Vương Thế tử bị truất ngôi, ra ở nhà kín.

HỒI THỨ HAI 23

Lập Điện Đô, bảy quan nhận di chúc
Giết Huy Quận, ba quân phò Trịnh Vương

HỒI THỨ BA 51

Dương Nguyên cữu bàn chém kiêu binh,
Nguyễn Quốc sư mưu trừ nội loạn

HỒI THỨ TƯ 79

Nhờ ngoại viện, Hữu Chỉnh rửa thù thầy
Tỏ lòng trung, Trần Quán chết theo chúa

HỒI THỨ NĂM 110

Phò chính thống, Thượng công vào điện
Kết duyên lành, Công chúa lên xe

HỒI THỨ SÁU 130
Chúa Tây Sơn lẻn rút quân về nước
Quân Đông Giang mưu khởi nghĩa phò vương

HỒI THỨ BẢY 168
Phò Lê đế, đạo Vũ Thành lại ra quân
Đốt Trịnh cung, chúa Án Đô phải bỏ nước

HỒI THỨ TÁM 195
Dương Trọng Tế bị dâng tù trước nhà Thái học
Hoàng Phùng Cơ phải tự tử ở ngoài Tây thành

HỒI THỨ CHÍN 218
Tướng Tây Sơn Võ Văn Nhậm đem quân lấn ngoài bờ cõi
Quan Bình chương Trần Công Xán vâng mệnh bàn việc biên cương

HỒI THỨ MƯỜI 246
Lân Dương hầu phò chúa vượt biển đến Yên Quảng
Bằng công Chỉnh mời vua qua sông đi Lạng Sơn.

HỒI THỨ MƯỜI MỘT 277
Tây Sơn lại kéo vào thành chiếm giữ đất nước
Chiêu Thống ba phen tính chước khôi phục Kinh đô

HỒI THỨ MƯỜI HAI 309
Lê sứ thần qua đất Bắc xin quân
Tôn Đốc bộ tới ải Nam truyền hịch.

HỒI THỨ MƯỜI BA 328
Khiếp thanh thế, giặc mạnh rút lui
Nhờ viện binh, vua xưa trở lại.

HỒI THỨ MƯỜI BỐN 350
Đánh Ngọc Hồi, quân Thanh bị thua trận
Bỏ Thăng Long Chiêu Thống trốn ra ngoài.

HỒI THỨ MƯỜI LĂM 365
Dẹp yên cõi Bắc, Nguyễn Huệ được phong.
Đánh phá Cao Bằng, Duy Chi bị hại.

HỒI THỨ MƯỜI SÁU 380
Tế Linh đường, sứ Thanh bị lừa
Chết Yên Kinh, vua Lê nuốt hận.

HỒI THỨ MƯỜI BẢY 392
Mất thành Thăng Long, vua Cảnh Thịnh bị bắt
Táng lăng Bàn Thạch, Nguyễn hoàng phi chết theo.

HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ
NGÔ GIA VĂN PHÁI

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại: 8 294684 - 8 294685
Fax: (04) 8 294781
E-mail: nxbvanhoc@hn.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản: **Nguyễn Văn Lưu**
Biên tập: **Phòng tổng hợp**
Trình bày: **Đắc Huy**
Vẽ bìa: **Lưu Chí Cương**
Chế bản: **Đông Tây**

Thực hiện liên kết xuất bản: NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY
62 Nguyễn Chí Thanh
Tel & Fax: (04) 7733041
Email: sach32bt@hn.vnn.vn
Website: www.nhasachdongtay.com.vn

In 1000 cuốn, khổ 13 x 19 cm tại Xưởng in Tin học & đời sống.
Giấy đăng ký KHXB số 838/19 CXB ngày 15/7/2003. Số 204/VHGP
ngày 13/8/2004. In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2005.

NGÔ GIA VĂN PHÁI

HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

àng lê nhất thống
005041 200227
44.000 VND

DT0338
Giá: 44.000VNĐ
Phát hành: Nhà sách Đông Tây - 62 Nguyễn Chí Thanh - Website: www.nhasachdongtay.com.vn